

# MẬT MÃ

THANH MINH THƯỢNG HÀ

Dịch giả: TRẦN HỮU NÙNG

## VẤN CỜ CHƯA ĐƯỢC TIẾT LỘ

VÔ SỐ ÂM MƯU VÀ NHỮNG CUỘC TÀN SÁT  
ẨN CHỨA TRONG HOA PHẨM KIẾT TÁC NGÀN NĂM

epub@vctvegroup  
17-03-2018

*Dịp Thanh minh<sup>[1]</sup> năm thứ ba Tuyên Hòa thời Bắc  
Tống<sup>[2]</sup>.*

*Có một con thuyền, như một quân cờ đầy sức nặng, rơi  
vào bàn cờ của nhà Đại Tống.*

*Kể từ đó làm chao đảo cả thiên hạ...*

## Phần Dẫn

### Con Thuyền Khách Biện Mất...

**M**uốn biết rõ nhà Đại Tổng thịnh suy ra sao, nên tìm hiểu bắt đầu từ những con thuyền buồm trên sông Biện Hà<sup>[3]</sup>.

Thời Tống, việc vận chuyển hàng hóa chủ yếu dựa vào đường thủy, nếu nói Biện Kinh<sup>[4]</sup> là đầu não của cả nước thì Biện Hà là yết hầu. Sông này chạy chéch qua kinh thành, phía tây giáp Hoàng Hà, phía đông cận kề vùng Hoài - Tứ, phía nam chảy xuôi đến Trường Giang. Năm sáu chục phần trăm hàng hóa của cả nước thông qua Biện Hà chuyển đến Biện Kinh. Vì thế mà Đại Tổng lấy Biện Lương làm kinh đô. Thuyền chở hàng trên sông Biện Hà quanh năm không ngớt, vô số buồm trắng đang vươn lên tựa những cánh chim đang khiêu vũ cùng những mái chèo nhịp nhàng sinh động, cùng vận chuyển lượng khách và hàng hóa vô cùng lớn. Nhất là khi vừa sang xuân, nước sông bắt đầu dâng lên, lại được gió đông trợ lực thì tàu thuyền ngược xuôi chật kín mặt sông không dễ gì mà lách qua được. Tuy nhiên kể từ năm ngoái khi Phương Lạp<sup>[5]</sup> nổi loạn ở miền đông nam thì tàu thuyền đi Biện Kinh thưa thớt hẳn, mặt sông hôm nay khá vắng vẻ.

Tuy kém nhộn nhịp, tuy đông nam có bạo loạn, thì người Biện Kinh vẫn hào hứng thưởng xuân, hướng chi hôm nay là tiết thanh minh, già nửa dân chúng đều ra ngoại thành tảo mộ, du xuân, đôi bờ Biện Hà vẫn hết sức đông đúc, ồn ã lao xao. Dòng nước đang êm ả chảy về đông, sương khói bảng lảng quanh



những cành liễu xanh mới nhú, cảnh sắc vẫn tươi mới sinh động như xưa.

Trong quán rượu của Chương Thất Lang ở bờ bắc Biện Hà, ngồi trước lan can nhìn ra bờ sông là một nam trung niên đang lim dim mắt, ngón tay gõ nhịp trên lan can. Đó là Cổ Đức Tín - quan lệnh sứ của Viện Khu Mật<sup>[6]</sup>, phụ trách miền nam. Ông ta đang chờ người, cũng bởi thế mà ông chẳng thiết ngắm cảnh sông.

Lúc này mặt trời đã lên giữa đỉnh đầu, tức chính Ngọ. Cổ Đức Tín ngoảnh nhìn, thấy gã tùy tùng thân tín của mình là Cam Lượng đang tán chuyện với chủ quán, bèn hỏi: “Thế nào rồi?”

Cam Lượng tuổi trạc hai mươi, mặc áo dài lụa trơn xanh, mắt nhỏ mày thanh, sáng sủa nhanh nhẹn. Tuy đang nói chuyện nhưng hắn vẫn không quên nhìn về phía cây cầu vòm ở mé tây. Nghe thấy cấp trên hỏi, hắn vội thưa: “Vẫn chưa thấy ạ. Hay là bí chức ra đó xem sao?” Nhưng Cổ Đức Tín nói: “Không cần thiết.”

Cam Lượng tiếp tục ngóng nhìn, thấy trong toán người đang ở bờ bên kia có một bóng người đậm thấp, tay xách hành lý sắp bước lên cầu. Nhìn kỹ, thì ra đó là gã Vạn Phúc - tùy tùng của Cổ Chấn - bạn cũ của Cổ Đức Tín. Cam Lượng vội nói: “Vạn Phúc đã đến.”

Cổ Đức Tín định trả lời “được”, thì bỗng nghe thấy tiếng kêu thét từ đầu cầu bên kia, rất gấp gáp, vội đứng lên vươn người ra nhòm về phía đó: trên cầu có rất nhiều người đang tì sát lan can cầu nhìn xuống dưới sông hò reo vẫy gọi một con thuyền chở khách đang sắp chui qua gầm cầu. Chỉ hiềm cột buồm của thuyền quá cao so với gầm cầu, e sẽ va phải và gây hậu quả. Cổ Đức Tín thấy thế kinh ngạc kêu lên: “Gay rồi!”

Mặt sông bên đó luôn đậu một thuyền mui nhỏ của một đôi vợ chồng vạn chài, chồng là Lỗ Bảng Tử, vợ là A Thông. A

Thông đang vo gạo, sợ bỏ sót sạn, nên dù nghe thấy tiếng kêu cũng chẳng để ý, cô tiếp tục vo gạo, chao nước. Lỗ Bẳng Tử tính vốn hiếu sự, ngẩng nhìn, thấy cột buồm con thuyền kia vẫn không hạ xuống bèn nhanh nhẩu chạy về phía cây cầu vòm. Sẵn thấy một con thuyền nhỏ đậu bên bờ sông, anh nhẩy ào lên khua hai tay ra hiệu cho họ: “Cột buồm! Hạ cột buồm xuống!”

Lúc này người trên thuyền mới nhận ra người ta đang hò reo, vài phu thuyền vội nhẩy lên mũi thuyền. Chân cột buồm của thuyền có bộ trục quay có tên là “miên nguy” để nâng hạ cột buồm, dùng chốt để cố định cột. Một anh vội rút chốt hãm, mấy anh kia thả rút dây chèo cùng hạ cột buồm xuống. Nhưng nước sông mùa xuân dâng cao, lại chảy xiết, họ thao tác hơi chậm một bước, rột cuộc mũi thuyền bị dòng nước đẩy chệch hướng, rồi cả con thuyền quay ngang.

Lỗ Bẳng Tử lại tiếp tục hô lên: “Giữ cho vững, chèo cho mau!”

Thực ra rất nhiều người đang hò hét nhắc nhở, chỉ Lỗ Bẳng Tử mới nghe rõ mình đang nói gì. Nhưng không sao, anh vốn quen nhẹ nhõm phục dịch khách đi thuyền, hiếm khi được thể hiện nhiệt tình thì anh hò hét cho đã.

Anh nhìn thấy trên thuyền ấy có một người mặc áo bông màu nâu cũng bò lên mũi thuyền, chắc là chủ thuyền, ông ta không ngớt khua tay bắt nhịp ra hiệu lệnh; các phu thuyền đều nỗ lực chèo theo nhịp “Dô ta, dô ta! Dô ta, dô ta...” Con thuyền dần ổn định nhưng mũi thuyền vẫn chưa thể quay đúng hướng. Lỗ Bẳng Tử lại kêu lên: “Kéo thuyền, kéo thuyền!”

Hình như họ đã nghe thấy tiếng anh gọi, vài phu thuyền vội nhẩy lên bờ, chạy lên cầu rồi thả dây thùng xuống; người trên thuyền bắt lấy dây thùng. Người trên cầu và người dưới thuyền cùng phối hợp, khách trên cầu cũng giúp một tay. Rột cuộc mũi thuyền đã quay ra đúng hướng.

Trên cầu vòm, Vạn Phúc tay xách bầu rượu, vừa đi đến chỗ lưng cầu cong nhất thì nghe thấy tiếng hò reo bèn ghé nhìn xuống thành cầu bên phải, thấy con thuyền chở khách sắp gặp tai nạn, Vạn Phúc cũng rất lo lắng cho họ; hai ba chục người đang dốc sức chèo thuyền theo nhịp. Hắn nhìn thấy một phụ nữ dắt một thằng bé trạc 5-6 tuổi cũng trèo lên mũi thuyền. Chị ta quá sợ hãi, chỉ biết nhìn quanh kêu khóc và lắc tay thằng bé, rồi lại ôm chặt lấy nó. Chị ta chỉ vào đứa con mình đồng thời nhìn lên đám đông trên cầu, ngụ ý cầu cứu. Tuy nhiên, mũi thuyền cách mặt cầu ít ra là ba sải tay, không ai có thể thò tay xuống nhắc nó lên được. Vạn Phúc nghĩ bụng, cô ta thực chẳng ra sao, lúc này đưa con lên mũi thuyền, lỡ trượt chân ngã xuống sông thì sẽ thế nào đây? Thuyền bị quay ngang, cũng chưa có gì là nguy hại, hai mẹ con cứ ngồi trong khoang thuyền thì vẫn an toàn...

Con thuyền đã đi đúng hướng, từ từ chui vào vòm cầu, lúc này Vạn Phúc mới thở phào rồi tiếp tục đi sang đầu cầu bên này. Vừa đi được mấy bước thì nghe thấy phía bờ sông có người kêu to: “Muối! Muối!” Hắn bèn nhìn sang, thấy họ đang hò hét và chỉ vào gầm cầu.

Vạn Phúc đang băn khoăn, thì lại ngửi thấy một mùi thơm như mùi mộc tê - quế hoa. Lại nghe thấy có người kêu lên “chạy”, hắn nhìn về phía đông của cây cầu thì thấy một cột khói đang bốc lên. Thì ra hắn nghe nhầm, họ vừa nói là “cháy”. Thấy người trên cầu đều chạy đến một bên thành cầu nhìn xuống, hắn cũng chen vào ngó nhìn, thấy nửa con thuyền chở khách đã chui ra khỏi vòm cầu nhưng có một đám khói đang bốc lên, khói dần trùm kín con thuyền, và vẫn lơ mờ nhìn thấy bóng người đang khua tay loạn xạ trên mũi. Không thấy ánh lửa. Nhìn kĩ, thì hình như không phải khói do lửa cháy bốc lên, nó giống như

hơi nước thì phải? Và không chỉ có một chỗ “bốc khói”, dường như cả con thuyền từ mũi đến đuôi, bên mạn thuyền, trên mũi thuyền... đều như có nước sôi đang bốc hơi nghi ngút<sup>[7]</sup>.

Đám hơi nước ấy dâng lên trên cầu, mùi thơm cũng càng thêm nồng, xộc vào mũi, thấm lên tận óc. Vạn Phúc cảm thấy hơi choáng váng lơ mơ, hai người đứng bên cạnh thì lắc lư như say rượu, nhắm mắt nhe răng cười như thằng hề, một người còn đưa tay lên múa may...

Đám khói ấy phủ vào mặt, Vạn Phúc thấy hơi cay cay, rồi trào nước mắt; lơ mơ nhìn thấy con thuyền bên dưới đã đi qua hết gầm cầu, khói phun càng thêm dày đặc, người và vật trên thuyền đã biến mất, trên sông chỉ còn lại đám khói trắng đang cuộn cuộn dâng lên cao.

Không xa phía thượng du của cầu vòm, phía bờ bắc, có hai con thuyền đang đậu. Một con thuyền mới, được sơn màu đỏ thắm, cửa khoang thuyền treo rèm lụa màu, thuyền này thả neo cách bờ một quãng. Con thuyền thứ hai cũ kỹ, là thuyền chở khách kiêm chở hàng, đậu sát bờ sông, ba phu thuyền đang nằm trên mũi nghỉ trưa tán gẫu, nghe thấy tiếng la ó thì ngoảnh nhìn về phía cầu vòm, thấy một con thuyền “bốc khói” mù mịt đang chui qua vòm cầu bơi lại phía mình, cả ba sững sốt vội ngồi bật dậy.

Cả con thuyền ấy ngập trong mù mịt khói, không nhìn thấy bóng người trên thuyền, họ ngửi thấy một mùi thơm rất nồng rất đậm. Nó lao đi khá nhanh, chỉ lát sau đã đến ngay trước mặt ba người nhưng vẫn không giảm tốc, nó tiếp tục nhắm vào con thuyền mới!

Cả ba vội nhóm hẩn dậy gọi to cho đối phương nghe: “Ê! sắp đâm vào thuyền!”

Con thuyền mới thì cửa sổ vẫn đóng kín, lúc này còn nghe



thấy tiếng nam nữ cười nói đàn hát vọng ra, nhưng bây giờ không thấy ai lộ mặt ra, mọi âm thanh cũng im bật. Ba người lại tiếp tục gọi nhưng người trên thuyền đó vẫn không phản ứng gì. Lúc này con thuyền “bốc khói” đã đi ngang qua chỗ họ, khá gần, chỉ cách chừng hơn sải tay. Một làn khói trắng phả vào mặt mũi thấm vào tận óc họ, nước mắt trào ra, họng tắc muốn ho cũng không ho được, ngực nặng như bị đá đè, chóng mặt lao đao. Không nhìn thấy gì hết, họ chỉ nghe thấy tiếng nước rào rào vỗ mạn thuyền.

...

Trên bờ sông có quán trà Lão Nhạc, hai người đang ngồi bên bàn kê sát bờ sông, một người là chủ quán trẻ tuổi Nhạc Chí Hòa, người kia là một nho sĩ trung niên tên là Giản Trang. Nghe thấy tiếng ồn ào, họ cùng ngoảnh sang nhìn, thấy một đám khói trắng đang trôi lại, thấp thoáng bóng một con thuyền giữa đám khói mù mịt ấy. Thấy nó sắp đâm vào con thuyền mới, cả hai cùng khẽ kêu lên.

Khi nó đâm sầm vào thì con thuyền mới rung lên dữ dội. Con thuyền “gây sự” lập tức dừng lại nhưng khói vẫn bốc lên nghi ngút, rồi phủ kín con thuyền “nạn nhân”. Lạ quá: con thuyền “bị nạn” lại từ từ “hút” khói trắng của con thuyền kia, lúc này vẫn chưa nhìn rõ mặt mũi con thuyền khách “gây sự” ấy.

Đám khói dần bị “thu lại” gần hết, chỉ còn lại một ít ở phía đuôi con thuyền mới.

Nhưng, con thuyền chở khách kỳ quái kia lại biến mất!

Trên mặt sông chỉ còn lại con thuyền mới đang đung đưa, đuôi thuyền vẫn còn một làn khói trắng đang bám...

Nhạc Chí Hòa và Giản Trang mắt tròn tròn ngớ ra. Họ đang kinh ngạc thì lại nhìn thấy một bóng người bay ra từ làn khói

đó!

Rất nhanh, cái bóng ấy ra khỏi làn khói rồi lướt trên mặt sông chảy xuôi dòng, lướt về phía cầu vòm. Lúc này cả hai mới nhìn rõ, hình như đó là một đạo sĩ mặc đạo bào trắng, đội mũ trắng, áo choàng trắng bay phấp phất trước gió. Sau lưng ông ta có hai tiểu đồng đứng sát bên nhau, cũng mặc áo dài trắng đội mũ trắng.

...

Vạn Phúc đứng trên cầu, rất ngạc nhiên khi thấy con thuyền chở khách biến mất, cứ như vừa nãy là cảnh trong mơ, hẳn không dám tin ở mắt mình nữa. Khi thấy bóng người bay ra trong làn khói trắng kia, hẳn càng kinh ngạc há hốc miệng.

Người đứng trên cầu và hai bờ sông đều xôn xao kêu lên: “Thần tiên! Thần tiên giáng trần!”

Một lúc sau Vạn Phúc mới nhận ra “thần tiên” ấy không lướt trên mặt nước: dưới chân người ấy là một tấm thảm trắng khá to, hình như nó được phủ trên một cái bè gỗ. Vị “thần tiên” ấy nhanh chóng trôi đến dưới cầu vòm. Vạn Phúc mở to mắt nhìn kỹ: người ấy thân hình đầy đặn, mái tóc trắng như cước, da mặt nhuận hồng, đầu đội mũ liên hoa trắng bạc, mặc đạo bào gấm bạc, lưng thắt đai ngọc nạm bạc, vai choàng áo trắng muốt, chân đi vân hài thêu sợi bạc. Người ấy đứng thẳng, hai ống tay áo thụng và áo choàng trắng đang lật phất tung bay, tiên phong hạc cốt, thanh cao trong sáng khác hẳn người trần!

Hai tiểu đồng đứng sau ông ta đều mặc đồ trắng bạc, xinh đẹp lung linh như được đúc bằng ngọc bằng ngà. Mỗi người đều xách làn hoa đan bằng sợi bạc, làn đựng đầy hoa đỏ thắm như son, vô cùng bắt mắt. Cả hai tiểu đồng đều vừa đi vừa luôn tay bốc những đóa hoa trong làn tung lên không trung, những cánh

hoa lá tả rơi xuống mặt nước.

Vạn Phúc ngây ngất như đang trong giấc mơ lạc vào tiên cảnh, hẳn không ngớt nuốt nước bọt, thèm khát, trầm trồ...

Rồi tấm thảm trắng nhanh chóng trôi qua gầm cầu, xuôi dòng về đông. Dân chúng xô nhau chạy theo hò reo, lúc này Vạn Phúc mới tỉnh táo trở lại, quệt nước bọt trên mép, xoay người bước theo họ. Nhưng vóc người hẳn thấp nhỏ, lại phải giữ chặt cái bầu rượu nên khó bề chen nổi giữa đám đông, cố lách người nhón chân mới nhìn thấy bóng cái thảm lơ mờ trôi đi. Lát sau, nghe thấy trong đám đông có người hô lên “Thiên thư! Thiên thư!” nhưng hẳn không nhìn thấy gì cả nên lại càng sốt ruột.

...

Cam Lượng lúc này vừa chạy đến bên cầu vòm thì cầu đã chật ních người, hẳn đành đứng dưới chân cầu kiểng chân nhìn ngó. Sau khi bóng người kia bay ra từ đám khói trắng, mọi người hò reo ầm ĩ, có người quỳ mọp xuống vái lạy, cầu khẩn. Cam Lượng tuy không tin có thần tiên nhưng cũng phải nhướng mày kinh ngạc.

Thấy đạo sĩ áo trắng qua gầm cầu đi xuôi dòng, Cam Lượng liền co cẳng chạy đuổi theo. Rồi nhìn thấy ông ta dang rộng hai cánh tay đưa lên đưa xuống giống như con hạc trắng đang bay liệng trong gió. Sau tấm thảm trắng bỗng bung ra một mảnh ngân gấm, mảnh gấm tiếp tục trải ra trên mặt sông, rộng hơn hai thước, dài hơn một trượng<sup>[8]</sup>, hình như bề mặt có vài chữ triện<sup>[9]</sup> ánh thiếp vàng. Cam Lượng đứng quá xa, mảnh gấm lại bông bênh nên không thể nhìn rõ, chỉ đọc được chữ đầu tiên là chữ “Thiên”.

Đạo sĩ áo trắng trôi đi xa dần, chỉ để lại mảnh ngân gấm dập dờn trên mặt nước...

**Phần Mọc**  
**BÁT TỬ ÁN**



## Vũ Khách, Thiên Thư

*Tử bất ngữ quái, lực, loạn, thân<sup>[10]</sup>*

*Luận ngữ*

Sông Biện Hà đi chệch qua phía nam thành Biện Kinh rồi chảy xuôi, con đường dài bên bờ sông gọi là phố lớn Biện Hà, xuyên suốt toàn thành. Đi qua cửa Đông Thủy môn một đoạn, là con phố nhỏ chạy dọc theo hướng bắc nam, đó là phố Hương Nhiễm. Ở một ngã tư đường cắt ngang nó, góc tây bắc, có một hiệu ăn nhỏ, đó là Tạp Úc điểm của ông già Tra; đang ngồi ngay bàn đầu là một người “thuyết thư<sup>[11]</sup>” có bộ râu rậm, mắt lồi, ông ta đang kể chuyện lịch sử, hơn chục thính giả đang xúm xít ngoài cửa lắng nghe.

Trong số thính giả có một thanh niên tên là Triệu Mặc Nhi, tuổi vừa tròn hai mươi, đôi mắt sáng trong, tính tình hiền hậu, thậm chí hơi bẽn lễn. Cậu lặng lẽ đứng trong đám đông, như một cuộn giấy sẵn sàng chờ được ghi chép.

Triệu Mặc Nhi vừa đưa người chị dâu đến hiệu thuốc Triệu Thái Thừa bên cạnh, chị bế con đến khám bệnh. Cậu quay về trước, nhận ra người thuyết thư tên là Bành Chủy Nhi, thì cũng bước lại nghe một lát. Bành Chủy Nhi vốn rất có khoa nói, một tắc đến trời, ông ta đang bao la bát ngát kể chuyện quân Khăn vàng Trương Giốc nổi loạn cuối thời Hán, bịa thêm vô số tình tiết yêu ma quỷ quái. “Hôm nài tướng quân Trương Giốc chào đời, cuồng phong rú rít, sấm rền khắp trời, đỉnh đầu Trương Giốc mọc ra một khối thịt dài ba thốn. Lúc đó có một dị nhân đi



qua nhà, nhận ra đó là long giác<sup>[12]</sup>...”

Một người bỗng chêm vào một câu: “Phương Lạp đang nổi dậy ở miền đông nam, cũng hơi giống Trương Giốc đấy!”

Một người khác nói: “Đúng là hơi hơi giống! Năm xưa Trương Giốc nổi dậy khiến thiên hạ đại loạn, rồi nhà Hán sụp đổ, nay Phương Lạp mới tung hoành vài tháng đã chiếm được hơn hai mươi châu quận ở Giang - Chiết, Đồng Quán<sup>[13]</sup> dẫn đại quân đi càn quét đến giờ vẫn chưa làm gì nổi ông ta. À, Trương Giốc về sau ra sao?”

Bành Chủy Nhi mỉm cười: “Bị Tào Tháo tiêu diệt. Các vị cứ từ từ nghe tôi kể...”

Người thứ nhất lại chêm vào: “Đồng Quán cũng giống Tào Tháo.”

Lại có một người khác nói: “Không giống! Tào Tháo có thể sinh ra Tào Phi, Tào Thục, còn Đồng Quán thì tịt cả đời!”

Đám đông cười ồ lên, rồi họ đưa nhau bàn tán các chuyện xấu xa bỉ ổi của một số đại thần trong triều, về tình hình giằng co ở miền đông nam, chiến sự với quân Liêu Kim<sup>[14]</sup>, quên bém cả nghe Bành Chủy Nhi kể chuyện. Triệu Mặc Nhi bật cười khi thấy nghệ nhân ngồi nghệt ra đó. Kinh thành là thế đấy, dường như ai cũng là thám tử của hoàng thành, họ biết tường tận đủ chuyện lớn nhỏ trong ngoài triều đình, và hình như ai cũng là nghệ nhân thuyết thư, hễ mở miệng là tuôn ra đủ chuyện cổ kim, chuyện khắp thiên hạ, có thể kể đến vô cùng vô tận, khiến nghệ nhân thuyết thư hết đất dụng võ.

Triệu Mặc Nhi ngoảnh nhìn về sạp viết thuê đơn kiện của nhà cậu đặt bên hàng rào ở góc phố đối diện, anh trai cậu là Triệu Bát Vưu đã ngồi đó, đã có một hai người khách tìm đến. Cậu vội ném mấy đồng tiền lẻ vào cái bát sứ của Bành Chủy Nhi rồi xoay người cất bước đi về.

Triệu Bất Vưu tuổi vừa ba chục, cao lớn khôi ngô, mày rậm sắc sảo, giống như hai nét “phẩy, móc” khỏe khoắn của chữ Hán mà Hoàng Đình Kiên viết trong bài thơ “Tùng các tụng”, vết sẹo từ góc trái trán chạy chéo xuống má phải khiến anh rất có vẻ dũng mãnh.

Lúc này Triệu Bất Vưu đã ngồi ngay ngắn trước bàn nghe một thanh niên ngồi đối diện nói. Triệu Mặc Nhi nhận ra anh ta họ Lương, là một “tay kéo” chuyên cắt tóc tỉa lông mày cho khách; vì mũi hơi bị lệch nên người ta đều gọi anh ta là “Lương oai thất”. Ngồi bên cạnh Lương, là anh chàng họ Hồ, mặt ngắn phị, chuyên làm chân sai vặt chạy việc cho mọi nhà, giúp họ thỏa thuận các giao dịch mua bán; thời đó nghề này gọi là “Thiếp nhi”. Hai anh này hay đi với nhau.

Thường là, hễ Triệu Bất Vưu tiếp nhận vụ việc thì người ta hay xúm lại nghe ngóng, đôi khi anh còn được ưa chuộng hơn cả chỗ Bành Chủy Nhi. Lúc này đã có dăm bảy người đứng quanh.

Lương Oai Thất tay phải áp cánh tay trái, mặt rầu rầu, đang kể lại đầu đuôi sự việc: “Tôi đến nhà hấn cắt tóc cạo mặt cho hấn xong, hấn quýt tiền, lời qua tiếng lại mấy câu, hấn cầm luôn dao cạo của tôi kề vào cổ tôi định cửa, tôi tránh được, nhưng lưỡi dao đã xẹt vào vai tôi...”

Hồ thiệp nhi ngồi bên gật đầu: “Đúng thế! May mà tôi chạy vào, tôi đã nhìn rõ cả, hoàn toàn chính xác! Thằng cha ấy rất hung ác, quýt tiền rồi lại đánh chửi người ta, định giết người ta! Nay nhân chứng vật chứng đã đủ cả, Triệu phán quan<sup>[15]</sup> hãy viết cho A Thất lá đơn kiện để nha môn trừng trị thằng ấy đến nơi đến chốn!”

Cũng như mọi ngày, Triệu Bất Vưu chỉ im lặng và chăm chú nhìn, nghe hai vị khách nói. Đôi mắt đen trầm lắng của anh thường khiến người ta sợ không dám nhìn thẳng. Lúc này Triệu

Mặc Nhi hơi bần khoản vì nhận ra nét lạnh giá trong ánh mắt của anh trai. Còn Lương Oai Thất và Hồ thiệp nhi thì né tránh ánh mắt của Triệu Bất Vưu rồi nhìn ra góc cái bàn, bốn con mắt đảo tròn.

Triệu Bất Vưu nghe xong, trầm mặc một lúc rồi nhìn lên vai trái của Lương Oai Thất, nói: “Cho tôi xem vết thương.”

Lương Oai Thất cố gắng cởi dải khuy áo ra, Hồ thiệp nhi đứng dậy giúp anh ta cởi hai lần áo khoác. Bên trong, vai trái được băng bó vải trắng, máu thấm ra mảnh vải. Triệu Bất Vưu đứng lên bước lại rồi hé mảnh vải lên nhìn. Đúng là có vết thương chéo đã được đắp thuốc, vết thương chạy từ bờ vai vào phía trong bắp tay, khá sâu rồi nông dần, chiếc khăn vắt vai cũng bị rách đứt.

Triệu Mặc Nhi cũng nhìn vết thương, rồi cậu nhìn anh trai mình. Triệu Bất Vưu cũng nhìn cậu. Bốn mắt gặp nhau, cùng hiểu ý và tủm tủm cười.

Hồ thiệp nhi đồng dục bổ sung: “Ông lang Mai ở chéch cửa nhà đã điều trị cho anh ấy. Tôi đã đi cùng. Ông lang Mai cũng là nhân chứng.”

Triệu Bất Vưu hỏi: “Bị cửa rồi, chạy đến điều trị ngay à?”

Lương Oai Thất gật đầu, Hồ thiệp nhi tranh nói luôn: “Sắp đứt cả cái vai, đâu dám chậm trễ chữa thuốc?”

Triệu Bất Vưu mặt biến sắc, nhìn thẳng Lương Oai Thất, nghiêm nghị, giọng chắc nịch: “Về đi! Đừng sinh sự nữa!”

“Sao?” Lương Oai Thất và Hồ thiệp nhi đều ngạc nhiên.

Hồ thiệp nhi lớn tiếng hỏi: “Triệu phán quan nói thế là ý gì?”

Triệu Bất Vưu không đáp, anh ngoảnh sang cậu em trai: “Em nói cho họ biết đi!”

“Em nói?” Triệu Mặc Nhi biết anh trai muốn tham khảo ý kiến mình; cậu đã căn bản hiểu rõ vấn đề nhưng vẫn ngượng

nghe khi đứng trước mặt mọi người.

“Đừng sợ, cứ nói đi!” Triệu Bất Vưu động viên cậu.

Triệu Mặc Nhi khẽ hắng giọng, rồi nói với Lương Oai Thất: “Vết thương này do anh tự cửa vào tay mình.”

“Cậu nói bừa gì vậy?” Lương Oai Thất chưa bảo sao thì Hồ thiệp nhi đã nháy dưng dậy hét lên.

Triệu Mặc Nhi giật mình, nhìn anh trai. Triệu Bất Vưu trầm giọng, gắt: “Ngồi xuống! Nghe chú ấy nói.”

Hồ thiệp nhi đảo mắt, hậm hực ngồi xuống.

Triệu Mặc Nhi thầm nhẩm các câu chữ, rồi lại hắng giọng, nói với Lương Oai Thất: “Ba điều này có thể chứng minh anh đã bịa chuyện: một là, anh định kiện người ta nhưng anh rất rón rén, không dám ngẩng đầu nhìn anh tôi, chắc chắn anh thấp thỏm...”

Hồ thiệp nhi lại kêu lên: “Tính hẩn từ nhỏ vẫn nhút nhát, không thể như thế hay sao?”

Triệu Mặc Nhi nói tiếp: “Hai là, nếu ai đó cầm dao cạo lở xẹt vào anh thì chỉ là một vết xước nông, nhưng vết thương của anh thoát đầu rất sâu, sau đó nông dần, chứng tỏ anh cố ý cửa chính mình; lúc đầu anh nghiêng răng cửa mạnh nên vết đứt sẽ sâu, sau đó rạch tiếp, đau quá không chịu nổi, anh bèn nhấc dao lên...”

“Một vết cắt, đâu có rắc rối đến thế?” Hồ thiệp nhi lâu bầu, giọng đuối hẩn đi. Lương Oai Thất mặt mũi xám xịt. Triệu Bất Vưu thì cười và gật đầu.

Triệu Mặc Nhi tiếp tục: “Ba là, các vị mặc một sơ suất lớn: tay áo. Anh đi cạo mặt, hẩn phải mặc áo như bình thường, đâu có thể cởi trần, hở vai? Nếu người kia rạch anh, thì phải rạch đứt cả áo; anh nói sau khi bị thương thì đến thầy thuốc ngay, tất nhiên anh không có thì giờ thay áo, nhưng ống tay áo của anh thì...”

Lương Oai Thất vừa xỏ tay vào ống tay áo, tuy có máu thấm ra thật nhưng áo vẫn lành lặn. Hồ thiệp nhi lại đứng bật dậy rồi đá cho Lương Oai Thất một phát ngã phệt xuống đất, mắng mỗ: “Đồ dê tiện! Mày bỗng dưng khiến ta bị xui xẻo thế này à?” Nói rồi anh ta quay người bước đi. Lương Oai Thất bò dậy, mặt cúi gằm và co cẳng chuồn luôn.

Những người đứng xem đều cười ồ. Một người cười sặc sụa cười mãi không thôi. “Ha ha... Triệu phán quan đã gỡ giúp tôi một chuyện phiền hà.”

Triệu Mặc Nhi ngoảnh nhìn, thì ra đó là Cố Chấn, bạn của anh trai cậu. Cố Chấn đang giữ chức Tuần sứ Tả quân của phủ Khai Phong, chuyên xử lý các vụ tranh chấp ở kinh thành. Cố Chấn năm nay 40 tuổi, mắt mũi kiêu chim ưng, lông mày xé, trông hơi dữ tợn, tác phong làm việc cũng hết sức mạnh mẽ dứt khoát. Chắc hôm nay ông đi chơi ngoại thành nên chỉ mặc thường phục.

Triệu Mặc Nhi vội vái chào, Cố Chấn mỉm cười vỗ vai cậu, khen ngợi: “Kinh thành lại có thêm một vị tụng sư<sup>[16]</sup> như cậu, tốt quá!”

Triệu Mặc Nhi cười, khiêm tốn nói: “Đại huynh quá khen.”

Triệu Bất Vưu cũng đứng lên, mỉm cười chấp tay: “Chào Cố huynh!”

Cố Chấn tươi cười: “Cổ Đức Tín đang ngồi ở quán rượu Chương Thất Lang mở tiệc, hôm nay thanh minh, chúng ta cùng đến nhấp vài chén cho vui! Cổ huynh chờ chúng ta đã lâu!”

“Nhưng, Giản Trang tiên sinh đã hẹn gặp tôi...”

“Trúc Can phu tử<sup>[17]</sup> à? Ha ha... thế thì huynh cứ đi gặp ông ấy mà đàm đạo, tôi và Cổ Đức Tín đánh chén với nhau vậy.”

Cố Chấn vừa dứt lời thì thấy gã thấp béo tùy tùng của Cổ Đức Tín chạy từ phía đông đến, thở hồng hộc, bước lại thưa với Cố



Chấn: “Bẩm đại nhân, có chuyện lớn xảy ra ở cầu vòm.”

“Chuyện lớn gì?”

“Một con thuyền chở khách bỗng dung biến mất, rồi có một vị tiên giáng trần, lại có một bức Thiên thư rất to...”

“Những tiếng gì ồn ào thế?” Cố Chấn cau mày nhìn về phía đông, có những tiếng hò reo vang vẳng truyền lại. “Chà chà! Xem ra hôm nay tôi lại không thể nghỉ ngơi. Có lẽ lại phải phiền Bất Ưu huynh giúp đỡ cũng nên.”

“Nếu cần đến tôi, huynh cứ cho biết.”

“Tôi phải đến đó xem sao đã.” Cố Chấn chấp tay, rồi cùng Vạn Phúc đi về phía ngoại thành.

...

“Cha!”

Triệu Mặc Nhi và Triệu Bất Vưu đang nghỉ hoặc nhìn về phía ngoại thành, thì nghe tiếng đứa bé gọi.

Người chị dâu cậu là Ôn Duyệt bế thằng bé Hồ Nhi, cùng cô em Biện Nhi đang từ từ đi về. Cậu bước đến đón bế đứa cháu Hồ Nhi năm nay mới ba tuổi, mắt nó he hé, lơ đãng một mỏi.

Ôn Duyệt mặc áo dài màu sáng trắng, hai vạt cân đối, ống tay hẹp, váy liền áo chèn xanh nhạt; hết như tên gọi, chị là con người hiền hậu vui vẻ, như vàng trắng giữa áng mây mỏng gió nhẹ của đêm hè. Triệu Mặc Nhi chưa bao giờ thấy chị dâu thoáng đắm chiêu buồn bã. Khi vợ chồng anh chị đứng bên nhau, người ta nhận ra họ vừa rất khác biệt lại vừa rất ăn ý, giống như một bức tranh vẽ mặc thạch và u lan<sup>[18]</sup>.

Mặc Nhi và Biện Nhi là anh trai - em gái song sinh. Biện Nhi vóc người nhỏ nhắn với đôi mắt sáng long lanh, mũi dọc dừa xinh xắn. Cô mặc áo dài không tay áo màu lục nhạt, áo chèn trắng, váy buông chùng màu xanh nõn chuối, trông cô xinh tươi

như đóa hoa nhài trên nền lá xanh.

Triệu Bất Vưu đưa tay sờ trán Hồ Nhi: “Vẫn hơi sốt. Tại tôi, lẽ ra tôi không nên vội ra về mới phải.”

Tiết Hàn thực<sup>[19]</sup> và tiết Thanh minh, các cháu con của hoàng tộc đều đi tế lăng mộ tổ tiên, Triệu Bất Vưu là cháu đời thứ 6 của hoàng đế Thái Tông, hôm trước đã đem Hồ Nhi đi viếng lăng Thái Tông Vĩnh Hy, xong xuôi, anh không muốn ngồi cùng xe ngựa với mọi người, bèn cưỡi ngựa bế con về trước cho nhanh. Hồ Nhi lần đầu đi ngựa, bị cảm gió, về nhà rồi nó cứ kêu nhức đầu...

Ôn Duyệt nói: “Triệu Thái Thừa nói không sao cả, chỉ hơi bị phong hàn, uống mấy viên thuốc sẽ khỏi.”

Hồ Nhi thở thở: “Con không uống thuốc đâu!”

Biện Nhi trêu nó: “Thế thì cháu muốn thế nào?”

Hồ Nhi xì mặt ra: “Vì là thuốc ăn trộm.”

Mọi người đều ngẩn tò te. Biện Nhi cười nói: “Lúc này cô đã trả tiền thuốc rồi mà?”

Thằng bé liền ỏn ẻn nói: “Cháu thấy cô hay đọc câu này: Hằng Nga hối vì trộm tiên dược, Đêm đêm vò võ giữa trời xanh.”<sup>[20]</sup>

Mọi người đều bật cười.

Sau một hồi vui vẻ, Triệu Bất Vưu bảo Triệu Mặc Nhi đến cửa hàng nhà họ Lương ở phố đối diện thuê cỗ kiệu đưa Ôn Duyệt, Biện Nhi và cháu Hồ Nhi về nhà.

Kiệu đi rồi, hai anh em lại ngồi bên sạp thư tụng, gần một canh giờ sau đó họ lại tiếp nhận ba vụ án.

Hai trong số đó không thể khởi kiện, họ nói thẳng và khuyên đương sự ra về; vụ thứ ba liên quan đến tranh chấp nhà đất, cần quan phủ đứng ra phán xử, thì phải viết đơn tố tụng. Triệu Mặc Nhi không nói nhiều, nhưng viết rất thành thạo, cậu soạn tờ đơn. Theo quy tắc, trước hết dùng bút chấm mực son mài từ chu

sa ra, viết hàng chữ trên cùng cho bắt mắt; sau đó viết bằng mực đen, viết rõ nguyên do thưa kiện. Chỉ sau một thời gian bằng uống hết chén trà, cậu đã viết xong.

Triệu Bất Vưu nhìn lại một lượt, thấy súc tích rành mạch, lý lẽ rõ ràng. Quan phủ đã quy định đơn kiện không được dài quá 200 chữ, cậu chỉ viết gọn trong 160 chữ, nếu Triệu Bất Vưu viết có lẽ cũng ngắn gọn đến thế này là cùng. Anh khen ngợi chú em, rồi lấy ra con dấu do nha môn cấp, triện dưới dòng chữ ghi ngày tháng: “Triệu Bất Vưu ở phường Văn Trang soạn đơn này trình quan”.

Khách hàng nhận, và cảm tạ, tuy chẳng giàu có gì nhưng ông ta cũng đưa ra một xâu tiền. Triệu Mặc Nhi nói với khách “Quan phủ đang nghỉ phép, hai hôm nữa bác đến trình quan là được”. Nếu thắng kiện, họ sẽ chi tiền; huống chi, đây chỉ là vụ án nhỏ, không thể đòi nhiều phí tổn. Khách cất tiền vào bọc, luôn miệng cảm ơn rồi cáo từ bước đi.

Cũng đã hơi muộn rồi, Triệu Bất Vưu bảo em trai thu dọn giấy bút rồi cùng ra khỏi thành đi gặp Giản Trang.

...

Hôm nay đã giải quyết xong liền bốn vụ thưa kiện, Triệu Mặc Nhi có vẻ rất dễ chịu, chân bước đi cũng nhẹ lâng lâng. Phía trước có mấy cậu Thái học sinh mặc đồ trắng đang bước lại, Triệu Bất Vưu nhớ ra: mai là ngày điện thí<sup>[21]</sup>, bèn hỏi Triệu Mặc Nhi: “Chú vẫn chưa định tham gia thi cử à?”

Triệu Mặc Nhi gật đầu, mỉm cười. “Đệ sẽ theo bước huynh, giúp người ta viết đơn kiện, vẫn rất ổn.”

Triệu Bất Vưu nghĩ ngợi, rồi nói: “Sống trên đời không thể tối mắt vì lợi nhưng cũng không cần thiết giữ thanh cao quá đáng. Hôm nọ ta đọc ‘Hàn Phi Tử’, thấy ông ấy bàn về chữ ‘Thế’, nói

mấy câu rất có lý: dầu là hiền nhân có tài mà không có thể, thì ông ta cũng không thể khống chế được kẻ hư hỏng. Nước Đại Tống chúng ta dù chưa hoàn mỹ, nhưng riêng về tổ chức khoa cử chọn kẻ sĩ thì vẫn hơn hẳn các triều đại trước. Phải thật sự lựa dùng kẻ sĩ mà không câu nệ gia thế tầm cỡ hay nghèo hèn hoặc con cháu nhà nông, miễn là họ chuyên tâm hiếu học để vươn lên, thực hiện hoài bão, là được. Ta nghĩ, nếu Khổng Tử đang sống ở thời nay thì ngài cũng sẽ dốc sức tham gia thi cử...”<sup>[22]</sup>

Không đi thi, đỗ đạt, không thể phục vụ đất nước, là điều tiếc nuối rất lớn trong lòng Triệu Bất Vưu.

Nhà Tống từ ngày khai quốc đến nay, bởi nhiều phen hoàng thân quốc thích nội loạn hoán ngôi tiếm quyền, nên không cho phép con em trong hoàng tộc dự thi khoa cử rồi bổ nhiệm chức quan; họ chỉ có thể học hành trong trường hoàng cung, thành tài rồi trao học hàm chiếu lệ chứ không có chức sắc thực sự. Triệu Bất Vưu từ nhỏ ham luyện võ, đã từng giành ngôi thủ khoa Võ học trong tôn thất nhưng cũng chỉ được trao hàm “Võ công lang” tựa như một thứ hư danh. Những năm gần đây, tôn thất đã rơi lỏng chút ít, một số con cháu trong hoàng tộc có văn tài nổi trội cũng được trao chức quan. Triệu Bất Vưu cũng chuyển sang học văn nhưng ngày trước luyện võ anh đã bị thương để lại vết sẹo dài, thậm chí không đạt để tham gia khoa cử, tức cảm “người phế tật” dự thi. Vài năm nay tâm trạng Triệu Bất Vưu mới dần nguôi ngoai, còn Triệu Mặc Nhi không phải em ruột, mà chỉ là chú em nuôi, thì không bị hạn chế dự thi.

Triệu Mặc Nhi tủm tỉm, nói: “Không phải đệ cố tỏ ra thanh cao. Huynh cũng từng nói rằng thời nay chính tà lẫn lộn, bọn Sái Kinh, Đồng Quán, Vương Phủ, Lương Sư nắm quyền hành, cửa quan biến thành tư dinh, người trung trinh ngay thẳng không có chỗ đứng trong triều đình. Huynh tuy không làm

quan nhưng bao năm qua đã dàn xếp vô số tranh chấp, gỡ mọi oán thù cho dân chúng, huynh vẫn đang hành thiện giúp đời đấy thôi?”

Triệu Bất Vưu mỉm cười, thầm nghĩ: Triệu Mặc Nhi là anh chàng không thạo cạnh tranh, nếu ở vào thời Nhân tông<sup>[23]</sup> thì chắc cậu ta cũng làm nên chuyện, nhưng thôi, cậu ta không chen chân vào chốn công danh cũng tốt. Huống chi, hiện thời triều đình đang dư thừa quan chức, già nửa số tiến sĩ đỗ cách đây ba năm vẫn đang ngồi chờ bổ nhiệm; cũng tức là dù thi đỗ cao cũng chưa chắc đã được trao chức vụ thực.

Hai anh em vừa đi ra khỏi Đông thủy môn thì nhìn thấy Vạn Phúc béo ục ịch chạy đến, thở hồng hộc, nói: “Bẩm Triệu tướng quân, đại nhân nhà chúng tôi mời ông đến xem xét giúp cho.”

Năm xưa Triệu Bất Vưu tham dự kỳ thi Võ của tôn thất tổ chức, yêu cầu thí sinh phải cưỡi ngựa giương cung nặng tám đấu, tức hạng nhất, nhưng Triệu Bất Vưu có thể giương cung nặng một thạch; tám bia da dê thì treo trên một cành liễu. Anh đã bắn trúng bia, mũi tên còn xuyên qua bia rồi xuyên qua thân cây liễu, mũi tên nhô ra ở sau lưng thân cây. Hôm đó Thiên tử đến thị sát, thấy thế ngài rất mừng và khen ngợi: “Ngày xưa nhà Hán có Phi tướng quân Lý Quảng có thể bắn tên cắm vào đá, nay thiện xạ Bất Vưu cũng chẳng kém gì Lý Quảng, khanh chính là Phi tướng quân của họ Triệu nhà Tống chúng ta!” Ngay lúc đó nhà vua phong cho anh là Ninh Viễn Tướng quân; tuy chỉ là chức danh hờ nhưng hoàng tộc và các nhân sĩ trong triều vẫn tôn xưng Triệu Bất Vưu là “Triệu tướng quân”.

“Cố huynh đang ở đâu?” Triệu Bất Vưu hỏi.

“Bên bờ bắc Biện Hà, quán trà Lão Nhạc ở phía tây cầu vòm.”

“Tôi cũng đang định đến đó. Xảy ra chuyện gì vậy?”

“Nói ra chắc đại nhân không tin: một chiếc thuyền chở trên



hai trăm hành khách bỗng dựng biển mất!”

“Cố huynh đã sơ bộ điều tra xem xét chưa?”

“Xem xét rồi, Cố đại nhân nói một con thuyền lớn như thế đâu có thể biến mất, trừ phi bị đốt cháy rồi chìm nghỉm. Trước đó tôi đang đứng trên cầu và nhìn thấy thuyền bị khói trắng bao phủ, là hơi sương chứ không phải khói do lửa cháy, có mùi thơm tỏa ra ngào ngạt. Sau khi nó biến mất thì mặt sông cũng không có tàn tích ván gỗ lênh bênh, cho nên không phải nó bị cháy; Cố đại nhân lại tìm mấy tay thủy thủ lặn xuống tìm, cũng không thấy thuyền đâu...”

Triệu Bất Vưu nghe xong chỉ im lặng, Triệu Mặc Nhi thì hơi kinh ngạc.

Vạn Phúc tiếp tục nói: “Thuyền biến mất rồi, xuất hiện một bạch y đạo sĩ lướt trên mặt sông, người ta gọi là thần tiên. Lại có một bức gấm viết tám chữ...”

“Chữ gì?”

“Thiên địa thanh minh, đạo quân thần thánh.”

“Thế ư?” Triệu Bất Vưu vẫn im lặng ngẫm nghĩ.

“Mời Triệu tướng quân cứ sang đó trước. Đại nhân nhà tôi sai tôi vào thành tìm thêm người...”

...

Triệu Bất Vưu và cậu em đi về phía cầu vòm, dọc đường, dân chúng đang rất xôn xao hỗn loạn. Hoặc kêu thét gọi nhau, hoặc chụm đầu bàn tán, đủ thứ âm thanh: “Tôi mở to mắt nhìn thì con thuyền đã biến mất”, “Thần tiên giáng trần, trời ban điềm lành”, “Thiên địa thanh minh đạo quân thần thánh, tức là nói về nhà họ Triệu<sup>[24]</sup> thời nay phải không?”, “Thời buổi này thì thanh minh trong sáng cái nỗi gì? Nói ngược rồi!”, “Đã sang tháng ba, đâu còn hoa mai chứ?”

Hai anh em vừa nghe vừa bước lên cầu. Triệu Bất Vưu vô tình ngoảnh nhìn, thấy đầu cầu phía đông có người đang ngồi bên bàn trà, người ấy mặt tròn, mắt to, môi dày, đó là Sử Lý Nghiễm - quan Lệnh sứ miền bắc của Khu Mật viện. Ông ta đang chớp mắt, cúi lưng, tươi cười bàn bạc gì đó với người đang ngồi đối diện: một nam trung niên râu rậm, mặc thường phục, Triệu Bất Vưu không biết là ai. Nghe Sử Lý Nghiễm nói xong, ông ta cười, gật đầu, rồi lớn tiếng nói: “Như thế chẳng phải rất vui hay sao?” Tuy đứng xa nhưng Triệu Bất Vưu vẫn nghe thấy rõ, giọng nói hơi kỳ lạ, không trầm trồ như người Hán, mà giống như cách nói của người Cao Ly<sup>[25]</sup> mới học tiếng Hán. Anh đã nhớ ra: Khu Mật viện hiện đang tiếp đãi sứ giả Cao Ly, chắc người râu rậm kia là sứ giả Cao Ly, và Sử Lý Nghiễm đang đưa ông ta đi ngắm cảnh sông dịp thanh minh.

Anh bước lên cầu. Trên cầu vẫn khá đông người, họ túm năm tụm ba bàn tán gì đó có vẻ rất hào hứng, ánh mắt sáng ngời. Chỉ có một người đứng một mình tựa thành cầu, mặc áo dài xám, vai đeo cái hòm gỗ, đang cúi đầu bấm đốt ngón tay. Triệu Bất Vưu nhận ra đó là người bạn tên là Trương Trạch Đoan, họa sĩ, đang chờ Hàn Lâm viện triệu tập.

Lúc này, Trương Trạch Đoan mắt đang lim dim, miệng lẩm bẩm, rồi lại mở mắt ra nhìn sang hai bên, rồi anh ta bỗng quay người chạy về phía bên trái, chỉ cách Triệu Bất Vưu mấy bước nhưng không nhìn thấy anh. Anh ta chạy sang thành cầu bên trái rồi tiếp tục mấp máy môi, chỉ ngón tay lẩm bẩm: “Năm thuyền hàng, một lớn, bốn nhỏ, ba thuyền khách... À không, còn một thuyền hàng nữa vừa nãy ở bên này cầu đã chui qua gầm cầu xuôi dòng...” Triệu Bất Vưu bỗng hiểu ra: anh bạn họa sĩ đang thầm phác họa bố cục để vẽ, có lẽ anh ta đã vẽ xong cảnh rối loạn lúc nãy cũng nên.

Anh biết, người bạn họa sĩ này hề “lên cơn” đam mê thì dù sấm vang bên tai cũng không biết, nên không gọi bạn nữa, anh bước đi thẳng.

Bước đến chỗ mặt cầu cong nhất, Triệu Bất Vưu nhìn về phía tây, có hai thuyền khách đang đậu cách bờ bắc không xa, bên con thuyền mới có vài người lính đang đứng gác, chắc là ở chỗ đó. Quán trà Lão Nhạc mà Giản Trang hẹn gặp, nằm trên bờ, đối diện với con thuyền mới này.

Hai người đi hết cầu, bước về phía tây, đến gần con thuyền. Triệu Bất Vưu nhìn quán trà Lão Nhạc, thấy dưới mái hiên có hai người đang đứng, người dong dỏng cao gầy chính là Giản Trang, người thứ hai trang nhã trẻ trung, chính là Nhạc Chí Hòa chủ quán trà. Giản Trang là một danh nho ở Biện Kinh, nhóm 8 người tâm đầu ý hợp của họ gồm cả Chí Hòa thường tập trung gặp mặt ở vịnh sông Biện Hà mé đông thành để nâng chén đàm đạo thơ văn, xướng họa, mọi người gọi họ là “Đông thủy bát tử<sup>[26]</sup>”.

Vậy là sáu người nữa vẫn chưa đến, Triệu Bất Vưu bước lại chấp tay: “Chào Giản huynh, Nhạc đệ. Hôm nay gặp mặt, e thiếu người, vì xảy ra chuyện lớn nên tôi phải đi thu xếp đã, hai vị thứ lỗi cho!”

Cả hai cũng chấp tay, Giản Trang nói: “Vâng, công việc là quan trọng, chúng ta lại gặp nhau sau.”

“Bất Vưu!” Cố Chấn thò đầu ra từ cửa sổ con thuyền khách mới đang đậu gần bờ, lớn tiếng gọi.

Triệu Bất Vưu lại chấp tay cáo biệt, rồi quay người bước đi. Cố Chấn chỉ tay về phía sau mình, Triệu Bất Vưu bước lại nhìn vào ô cửa sổ, thấy bên trong thuyền có hai người đang nằm bất động, không rõ là bị ngất hay đã chết rồi.



## 25 Tử Thi

*Chúc thiên lý như hướng minh, vạn tượng vô sở ẩn<sup>[27]</sup>*

*- Trương Tải*

Đó là con thuyền mới đóng không lâu, nước sơn vẫn sáng bóng, đường nét rất tinh xảo kỹ lưỡng.

Ván ốp mặt thuyền phía đầu và đuôi đều được gá qua mạn thuyền vươn ra hai đầu một đoạn, gọi là “hư tiêu”. Ở đầu thuyền lợp mái bằng cói đan mau, che nắng hóng mát để ngồi ngắm cảnh; phía đuôi thuyền được cất làm hai tầng, tầng dưới chứa hàng, tầng trên lợp mái che. Nửa trước con thuyền là khoang hành khách, phần giữa chia làm hai khoang nhỏ. Toàn bộ thân thuyền tuy rất dài nhưng nhìn vẫn rất thanh thoát đẹp mắt.

Bốn người lính đứng canh bên khoang thuyền, tay cầm đinh ba cứu hỏa, áo quần xộc xệch, đều đang ngáp dài. Họ là lính tuần ngoại thành, phụ trách tuần tra ban đêm cứu hỏa, ban ngày rồi việc nên mới uể oải như thế.

Triệu Bất Vưu và Triệu Mặc Nhi bước lên thuyền từ phía đầu thuyền, trong khoang vẫn thoảng mùi hương hình như là hương mộc tê.

Cổ Chấn đang đứng chờ họ ở mái cói, có vẻ hơi bức xúc. Cổ Đức Tín đứng bên cũng cau mày chứ không tươi cười như mọi ngày. Triệu Bất Vưu chào họ, Cổ Đức Tín chưa kịp nói gì thì Cổ Chấn đã chỉ vào khoang thuyền, lên tiếng: “Con thuyền khách ấy trước khi biến mất đã đâm vào con thuyền này. Những người quanh đây đều nói, trước đó trong thuyền này có tiếng nam nữ

đàn hát, sau cú va chạm thì lại im bật, cũng không thấy ai xuống thuyền. Cho nên tôi phải đến xem xét...”

Triệu Bất Vưu nhìn vào khoang thuyền, thấy mấy người đang nằm bất động. Họ đều mặc quần cộc vải thô, có vẻ như phu thuyền, chỉ có một người mặc đồ lụa nâu, râu đen xén ngắn; có một phụ nữ trung niên mặc áo váy đen.

Triệu Bất Vưu ngoảnh lại hỏi: “Đã mời người khám nghiệm tử thi chưa?”

Cố Chấn lắc đầu, rồi nhìn mấy người lính đang đứng trên bờ, cau mày nói: “Họ đang kỳ nghỉ nên rất thiếu nhân lực, chỉ gọi được mấy gã trói gà không chặt.”

“Để tôi thử xem sao.” Triệu Bất Vưu bước vào khoang, cúi xuống quan sát một anh phu thuyền nằm gần mé ngoài. Anh ta nằm ngửa, người đã cứng đờ, mặt tím tái, trợn mắt, môi thâm sì nứt nẻ, có thể nhìn thấy răng cũng bị thâm. Triệu Bất Vưu đặt ngón tay trước lỗ mũi người này, đã ngừng thở, thử bắt mạch cũng không thấy gì. Anh ta đã chết. Lại nhìn móng tay, thì móng tay cũng tím đen.

Anh lại xem những người khác, trong này có cả thầy bầy cái xác, tình trạng thi thể đều giống nhau.

Cố Chấn cũng bước vào: “Chắc chắn đều là bị trúng độc. Trong kia vẫn còn nữa.”

Triệu Bất Vưu thận trọng bước qua bên các xác chết rồi đi vào cửa dẫn vào khoang nhỏ. Mái lợp rất thấp, lối đi rất hẹp, nếu hai người đi ngược chiều thì khó mà tránh nhau. Các ô cửa khoang đều đang mở nên cũng tạm đủ ánh sáng. Triệu Bất Vưu vóc người cao lớn, đành lom khom mà bước đi. Anh xem một gian bên trái: có hai người nằm trên ván sạp, tình trạng thi thể cũng giống bảy người ngoài kia. Hai bên có cả thầy sáu gian, gian nào cũng có hai xác chết, cả thảy 12 người, trong đó có một phụ nữ.



Đi qua khoang nhỏ này rồi, tiếp đó là lối đi hẹp để khách lên xuống. Sau lối đi là một khoang hành khách khá rộng. Triệu Bất Vưu bước vào, trong này có năm xác chết, họ đều có vẻ là phu thuyền. Anh kiểm tra một lượt, tình trạng cũng thế, tức là tử vong do trúng độc.

“Thế nào?” Cổ Chấn đứng phía sau, hỏi.

Triệu Bất Vưu ngoảnh lại, thấy sau Cổ Chấn là Triệu Mặc Nhi cũng đã bước vào. Cổ Chấn cau mày băn khoăn, Triệu Mặc Nhi thì ngó ra, cả hai đều chờ nghe Triệu Bất Vưu trả lời.

Triệu Bất Vưu lắc đầu: “Với tình hình hiện giờ, chưa thể đưa ra kết luận gì. À, về vị bạch y đạo sĩ ấy, huynh có sai người đi tìm không?”

Cổ Chấn đáp: “Điều này thì phải hỏi Cổ huynh. Lúc xảy ra chuyện, Cổ huynh đang ở bên cầu.”

Cổ Đức Tín đứng bên nói: “Lúc đạo sĩ ấy lướt đi, thì mặt sông toàn là thuyền lớn nên không thể điều động. Bờ bên kia có con thuyền nhỏ, tôi đã bảo Cam Lượng đuổi theo ngay, nhưng hắn vẫn chưa trở về.”

Triệu Bất Vưu gật đầu: “Huynh tận mắt nhìn thấy con thuyền ấy biến mất à?”

Cổ Đức Tín lắc đầu: “Lúc đó tôi đang ngồi ở quán rượu Chương Thất Lang chờ hai vị, tức là ở phía đông cây cầu, ở bờ bắc, nên tôi chỉ nhìn thấy con thuyền ấy vừa đi qua vòm cầu vừa phun khói trắng. Khi đạo sĩ bay ra thì tôi có nhìn thấy, ông ta khoảng 60 tuổi, phía sau còn có hai tiểu đồng; dù cách hơi xa nhưng vẫn có thể nhận ra họ là người trần chứ không phải thần tiên gì hết.”

Triệu Bất Vưu: “Đương nhiên rồi.”

“Còn cái này nữa.” Cổ Đức Tín bước lại chiếc bàn kê bên cửa sổ, cầm chiếc bát lên. “Hai tiểu đồng theo sau đạo sĩ đã tung cái

bát này ra. Họ đi rồi, tôi bèn sai thuyền chài ở sông lặn xuống mò, vớt lên.”

Triệu Bất Vưu cúi nhìn: cái bát đang đựng ít nước, lại có hai bông hoa đang bông bênh, là hoa mai, đỏ thắm. Anh cầm một bông lên, thấy nhụy hoa dựng thẳng đứng, cánh hoa mịn màng xòe ra, hương thơm tỏa ra nhẹ nhẹ. Rõ ràng là hoa mai mới hái cách đây không lâu.

Cố Chấn cũng bước đến: “Đã sang tháng ba thanh minh, đâu ra hoa mai?”

Triệu Bất Vưu trầm tư, không đáp, anh hỏi: “Còn bức ngân gấm viết tám chữ thì sao?”

Cố Chấn vội nói: “Ừ, tôi quên chưa đưa cho huynh xem. Vẫn đang cuốn lại để ở đầu thuyền. Cái thứ ấy thì càng oái oăm...”

...

Mọi người bước ra đầu thuyền, trên sàn có một cuộn gấm trắng viền ngân tuyến.

Cố Chấn cúi xuống từ từ mở nó ra. Chữ thiếp vàng viết theo lối chữ triện, mở đầu là chữ “thiên”, tiếp đó là chữ “địa”. Cố Chấn ngừng tay, ngẩng nhìn Triệu Bất Vưu bằng ánh mắt hơi khác thường: “Phía sau, huynh nhìn đi...” Cố Chấn tiếp tục mở ra. Sau chữ “địa” thì thấy chữ “bất” màu đen, kích cỡ hơi nhỏ hơn hai chữ “thiên địa”, nếu đứng xa thì khó nhận ra. Nét bút thô cứng, giống như chữ của người mới tập viết.

Cố Chấn tiếp tục mở tấm gấm ra. Bốn chữ triện thiếp vàng “thanh, minh, đạo, quân”; sau bốn chữ này lại có chữ “khi” màu đen. Cuối cùng là hai chữ “thần, thánh”.

Đọc liền tám chữ triện thiếp vàng, là “thiên địa thanh minh đạo quân thần thánh”.

Nhưng tại sao lại chèn thêm hai chữ kia vào, nếu thế thì biến

thành “thiên địa bất thanh minh, đạo quân khi thần thánh<sup>[28]</sup>”?

Triệu Bất Vưu bỗng thấy lòng nặng trĩu. Thời nay bề trên tự xưng là “đạo quân”, người viết chữ thiếp vàng này đương nhiên muốn thể hiện điềm tốt lành, lấy lòng thiên tử. Còn người thêm vào hai chữ đen kia, rõ ràng là công khai nhạo báng thiên tử, sỉ nhục triều đình.

Cổ Đức Tín khẽ nói: “Đây là tội ác tày trời không thể dung tha. Kẻ nào dám to gan thế này?”

Cổ Chấn nhanh tay cuộn tấm gấm lại, rầu rĩ nói: “Bảo tôi nên xử lý của nợ này ra sao đây? Một chuyện cực kỳ khó nhằn...”

“Đại nhân!” Có tiếng gọi từ ngoài thuyền.

Mọi người đều nhìn ra, thấy một con thuyền nhỏ đậu kề sát thuyền khách này, một cậu thanh niên tinh nhanh đứng trên thuyền, đó là Cam Lượng - tùy tùng của Cổ Đức Tín.

Cổ Đức Tín bước đến bên cửa sổ, hỏi: “Thế nào rồi?”

Cam Lượng ngượng ngịu lắc đầu.

Cổ Đức Tín lại nói: “Lên đây nói tỉ mỉ xem.”

Đôi vợ chồng nhà thuyền đang đứng ở đuôi thuyền, tay cầm sào, Cam Lượng đưa cho họ mấy chục đồng xu tiền đồ. Triệu Bất Vưu nhìn họ thấy quen quen nhưng không nhớ ra. Triệu Mặc Nhi đứng bên nói: “Đó là Lỗ Bảng Tử, dịp giữa tháng giêng chúng ta đã thuê thuyền của họ để xem hoa đăng, uống rượu, hẳn đã trộm của chúng ta nửa vò rượu...”

Hình như Lỗ Bảng Tử đã nhận ra anh em Triệu Bất Vưu, nên vội cúi gằm chèo thuyền lui đi cho nhanh.

Cam Lượng lên thuyền, chào Cổ Chấn và Triệu Bất Vưu, sau đó kể lại chuyện truy kích đạo sĩ: “Lúc bả chức chạy đến thì không thấy chủ thuyền, chỉ có cô vợ; khi cô ta gọi chồng về thì đạo sĩ đã lướt đến vịnh sông, bả chức giục nhà thuyền chèo thật nhanh, truy đến vịnh thì không thấy bóng đạo sĩ đâu nữa.”

Triệu Bất Vưu hỏi: “Người bị chậm mất bao lâu?”

Cam Lượng nhắm tít, rồi thưa: “Khoảng thời gian uống hết một chén trà.”

Triệu Bất Vưu: “Sau khi qua vịnh sông, thì lòng sông chạy thẳng, không bị cản. Hôm nay trời nắng, có thể nhìn xa vài ba dặm, đạo sĩ đứng trên bè gỗ, dù người hơi bị chậm trễ thì ông ta cũng không thể đi nhanh đến thế. Lúc đó trên sông có thuyền bè gì không?”

“Không. Mặt sông rất vắng. Bỉ chúc đuổi theo liền một mạch đến tận chốt thu thuế Hạ Biện Hà, hỏi nhân viên thuế quan, họ nói không nhìn thấy ai đi qua cả.”

“Hai bờ sông thì sao?”

“Tất cả đều là đồng ruộng thoáng đãng, xa xa có vài người đang canh tác.”

Cố Chấn bản khoản: “Thế là mất hút?”

Cả mấy người đều im lặng, chìm trong suy nghĩ.

Lúc này mặt trời đã ngả về tây, sắp hoàng hôn, những áng mây màu bông bênh khắp trời, bị ánh dương thiêu đốt, dần trở nên sẫm màu. Hai bên bờ sông người dần thưa vắng, dần chúng hối hả đi qua cầu vòm để về nhà, con thuyền này cũng dần âm u. Triệu Bất Vưu ngoảnh nhìn quán trà Lão Nhạc trên bờ sông, ô cửa sổ vắng lặng, hình như Giản Trang và Nhạc Chí Hòa cũng không còn ngồi ở đó.

Trong không gian tĩnh mịch bỗng vang lên những tiếng động, hình như phát ra từ khoang nhỏ chở khách.

Rồi nghe thấy tiếng người đang kêu, giọng âm âm, vang lên từ đáy khoang...

...

Triệu Mặc Nhi chạy về phía phát ra âm thanh, Triệu Bất Vưu,

Cố Chấn, Cổ Đức Tín và Cam Lượng cũng chạy vào thông đạo chật hẹp.

“Ở đây!” Triệu Mặc Nhi đứng bên một khoang hành khách bên trái, gọi to.

Lối đi vốn đã hẹp, lúc này lại gần tối nên rất âm u. Triệu Bất Vưu lom khom lách đến, bên phải gian này kê chiếc giường gỗ choán mất non nửa, có thể tạm cho hai người nằm; bên trái bỏ trống nhưng sát cửa sổ kê cái bàn nhỏ và hai cái ghế đầu; mặt sàn có hai phu thuyền nằm vật ra. Triệu Mặc Nhi bước vào, coi như chật ních hết chỗ đứng.

Cậu bước qua hai người phu thuyền rồi đứng bên cái bàn, dành chỗ cho Triệu Bất Vưu đứng.

Lúc này lại có tiếng kêu ư ử, tiếng gõ vào ván gỗ, phát ra từ dưới chân Triệu Mặc Nhi.

Triệu Bất Vưu bước vào. Cố Chấn cũng đã đến, thò đầu vào hỏi: “Có người dưới đó à?”

Triệu Mặc Nhi nhấc bàn và ghế ra, rồi ngồi thụp xuống nghe ngóng. Đúng là có tiếng kêu và đập ván. Cậu sờ tìm khe rãnh hy vọng có thể luồn tay vào nhấc mảnh ván sàn lên, nhưng không thấy.

Triệu Bất Vưu cúi nhìn gầm giường, thấy có tia sáng lách qua khe ván, bèn nói: “Thử đẩy ngang xem sao.”

Triệu Mặc Nhi áp hai tay vào mảnh ván sàn, cố hết sức đẩy đi, quả nhiên ván hơi động dậy, cậu cố đẩy mạnh, thì mảnh ván trượt đi dưới gầm giường, lộ ra một cái hốc hình vuông. Hốc nằm dưới chân cửa sổ, tối om. Nó là một cái khoang bí mật.

Triệu Mặc Nhi cúi xuống xem xét, thì một bóng đen bất ngờ chồm dậy kèm theo tiếng rít chói tai. Cậu hoảng hốt lùi ngay lại, ngồi phịch trên cái xác của phu thuyền. Bóng đen há mồm thở hồng hộc và tiếp tục phát ra âm thanh quái dị.

Có ánh sáng phát ra từ thông đạo, Cam Lượng tìm được ngọn đèn dầu, châm lửa cầm đến. Triệu Bất Vưu đón lấy ngọn đèn rồi soi vào bên trong. Là một nam thanh niên cũng mặc quần cộc vải gai của phu thuyền, nhìn thấy mọi người, anh ta trợn mắt kinh ngạc kêu lên: “Các người là ai? Định làm gì hả?”

Cố Chấn đứng bên cửa, nghiêm giọng: “Ta là Tuần sứ Tả quân của phủ Khai Phong, ngươi là ai, tại sao lại ở dưới hầm này?”

Gã phu thuyền càng thêm sợ hãi, vừa thở vừa nói: “Tiểu nhân là Cốc Nhị Thập Thất... tiểu nhân là phu thuyền trên thuyền này, tiểu nhân cũng không biết tại sao mình lại ở dưới này...”

“Đại nhân!” Có tiếng gọi từ phía sau, là Vạn Phúc đang đứng trên bờ nhìn vào ô cửa sổ của khoang hành khách lúc trời đang chạng vạng. “Bẩm đại nhân, chỉ tìm được 7 tay cung thủ.”

“Tốt!” Cố Chấn bước vào khoang hành khách đối diện. “Bảo họ lên đây canh gác trấn giữ các vị trí, không cho bất cứ ai lên thuyền.”

...

Trời dần tối, mặt sông càng sẫm màu, những làn gió đem theo hơi lạnh tràn đến.

Cam Lượng lần lượt thắp sáng hơn chục ngọn đèn dầu rồi treo lên các nơi trên thuyền, con thuyền sáng sủa ấm áp hẳn lên như mây trời được vầng trăng soi tỏ. Chỉ hiềm, trông những cái xác phu thuyền càng thêm quái dị, nếu trên này không có những bóng người đi đi lại lại thì đây chẳng khác gì con thuyền ma.

Triệu Bất Vưu vẫn ngằm quan sát Cốc Nhị Thập Thất, từ lúc bò dậy từ khoang ngầm, hắn toàn mím môi, cúi gằm và nhìn trộm khắp xung quanh, như đang thăm dò gì đó. Thấy hai cái xác phu thuyền, hắn kinh hãi ngờ ngợ nhưng không nói gì, hai

tay xoắn lại như đang do dự... Khi dẫn hần ra đến khoang chính, nhìn thấy đám xác chết ở đó thì hần dừng bước liếc nhìn xung quanh, như đang đắn đo...

Hồi lâu sau hần mới khẽ lẩm bẩm: “Không... không phải...”

Cổ Đức Tín đứng bên, hỏi: “Sao?”

Cốc Nhị Thập Thất ngẩng đầu, ánh mắt sợ sệt, cất giọng cao hơn: “Đây không phải con thuyền đó.”

Cổ Đức Tín lại hỏi: “Sao?”

Cốc Nhị Thập Thất lại nhìn xung quanh: “Đây không phải con thuyền đó.”

Cổ Đức Tín cảm thấy khó hiểu: “Người nói gì?”

Cốc Nhị Thập Thất dường như đã tỉnh táo hơn, ánh mắt ổn định, giọng nói cũng rõ ràng hơn: “Thuyền của chúng tôi đi từ phủ Ứng Thiên, chủ thuyền họ Mai, cánh buồm thêu một bông hoa mai rất to, thuyền có tên là ‘Mai thuyền’. Kia là ông chủ thuyền của chúng tôi.” Hần chỉ vào một nam giới mặc đồ lụa nâu đang nằm trên sàn.

Mọi người đều ngẩn tò te không hiểu ra sao. Triệu Bất Vưu hỏi: “Có phải thuyền các người sáng nay đậu bên cầu vòm?”

“Vâng, đúng ạ!” Cốc Nhị Thập Thất gật đầu.

Cổ Chấn hỏi: “Tức là người vốn ở trên Mai thuyền, bây giờ lại ở trên thuyền này?”

Hần lại gật đầu và chưa kịp nói gì thì trong khoang nhỏ thứ nhất có tiếng gọi: “Cố huynh và các vị mau đến mà xem!”, là Triệu Mặc Nhi gọi.

Triệu Bất Vưu và Cổ Chấn cùng khom người lách qua thông đạo, bước đến trước cửa khoang, thấy Triệu Mặc Nhi đang cầm đèn dầu ngồi xổm trên sàn, ánh đèn soi rõ một cái hốc vuông bên dưới.

Triệu Mặc Nhi chỉ vào cái hốc: “Đệ thấy cái khe ván có vết là



lạ, bèn thử đẩy sang bên, thì ra bên dưới có một khoang bí mật, trong này cũng có một người.” Cậu đưa cái đèn lại gần, lộ ra một đôi chân đi giày cao cổ nỉ đen, và vạt áo dài hoa văn hoa mai màu xám, ánh lên xanh lét dưới ngọn đèn. Tấm ván chưa hé ra hết nên chưa nhìn rõ toàn thân và mặt người ấy.

Cố Chấn vội gọi hai cung thủ khiêng cả hai cái xác trong khoang nhỏ sang khoang đối diện để có khoảng trống trên sàn, cũng nhắc cả hai tấm ván đem ra luôn thể. Triệu Mặc Nhi soi đèn vào mặt người này, cậu giật mình kêu lên. Triệu Bất Vưu chờ hai cung thủ bước ra rồi, mới bước lại. Triệu Mặc Nhi nhìn Triệu Bất Vưu, thấy anh cũng hết sức kinh ngạc và buồn rầu nữa.

Triệu Bất Vưu cúi xuống nhìn cái xác, tuy đã chứng kiến không ít cảnh tượng kỳ dị nhưng khi nhìn khuôn mặt này anh vẫn giật mình và kêu lên kinh ngạc - vì người này chính là “Kiếm tử” Lang Phồn - một trong “Đông thủy bát tử”!

Lang Phồn hai mắt nhắm nghiền, mặt cứng đanh, xương trán, xương hàm và sống mũi vốn khá cao, lúc này trông hốc hác vì ánh đèn soi nghiêng, lay lắt. Ánh đèn cũng khiến cái bóng ở mép anh ta hình như hơi động đậy; khuôn mặt vô cảm hình như đang thay đổi lúc buồn lúc vui hoặc sợ hãi...

Triệu Bất Vưu thử bắt mạch ở Cổ tay phải Lang Phồn, nhưng chỉ thấy giá lạnh trơ trơ, anh ta đã chết thật sự. Triệu Bất Vưu nhìn thấy trên mu bàn tay Lang Phồn có vết thương hình tròn bèn nâng lên nhìn kỹ: đó là vết răng cắn, cắn rất sâu, là vết cắn của người đã trưởng thành. Anh lại nhìn ngực trái Lang Phồn: nửa vạt áo đen sẫm, sờ ngón tay vào thấy ẩm và dính. Triệu Mặc Nhi soi đèn lại gần, thì ra đó là vết máu. Triệu Bất Vưu lật vạt áo Lang Phồn, bên trong là áo lót lụa, có một vết đâm ở ngực, do vật sắc nhọn gây nên.

Lang Phồn được gọi là “Kiếm tử” vì anh không những yêu thơ văn mà còn ham tập võ, anh đã từng học kiếm pháp Thanh Phong của một vị đạo sĩ. Triệu Bất Vưu từng có dịp “giao lưu” với Lang Phồn, kiếm pháp của anh chàng chỉ đẹp mắt, dùng để rèn luyện thân thể chứ khó mà chống lại kẻ địch. Đại Tổng kể từ ngày khai quốc, Tống thái tổ Triệu Khuông Dận muốn trừ diệt bọn võ biên cuối thời Đường gây rối nên đã ra lệnh bớt tập võ, cổ vũ học văn và trọng dụng nho sĩ. Suốt trăm năm qua Văn phát triển rực rỡ, giới văn bút át hẳn giới kiếm cung, khiến Đại Tống trở thành một đất nước của những người hiếu học. Trong ngàn vạn sĩ tử, thì Lang Phồn dù võ nghệ không cao nhưng cũng là nhân vật hiếm hoi.

Tại sao anh ta lại ở đây, tại sao phải bỏ mạng?

Cam Lượng xách hai chiếc đèn lồng bước vào, treo lên hai góc, cả khoang sáng sủa hẳn lên.

Chiếc đèn dầu đặt trên ván bên rìa khoang bí mật, khuôn mặt trắng bệch của Lang Phồn mờ tỏ dưới ánh lửa chập chờn.

Cổ Chấn và Cổ Đức Tín cũng bước vào, Cổ Chấn cúi xuống nhìn và lập tức kêu lên: “Chẳng phải Kiếm tử Lang Phồn hay sao?”

Cổ Đức Tín nghe thấy thế vội gạt Cổ Chấn sang bên để nhìn, không sai. Cổ Đức Tín giật mình, đau xót và kinh sợ, ú ớ kêu lên những âm thanh rất lạ, cứ như bị ai đó đè lên ngực.

Triệu Bất Vưu rất buồn. Lang Phồn chưa tròn ba mươi tuổi, không chỉ ham luyện võ thuật kiếm cung, anh còn thuộc lòng binh thư kế sách, có hoài bão, có chí lớn, những mong có ngày được giao trọng trách viễn chinh miền tây bắc để bảo vệ đất nước. Hai con thuyền này đang ẩn chứa những bí mật gì, tại sao lại lôi cuốn Lang Phồn vào cuộc rồi bỏ mạng ở đây?

Cảm thương một hồi, rồi anh định thần, nhìn ra cửa khoang

bảo Vạn Phúc: “Gọi Cốc Nhị Thập Thất vào đây nhận dạng.”

Vạn Phúc vội dẫn anh ta vào, Cốc Nhị Thập Thất rung mình mở to mắt khi thấy có người nằm dưới khoang ngầm.

Triệu Bất Vưu nhìn hẩn, nói: “Người lại đây nhìn xem.”

Anh ta rón rén bước lại, nhìn mặt Lang Phồn rồi kinh ngạc kêu lên, rất băn khoăn: “Là anh ta ư?”

Cố Chấn hỏi: “Người biết người này à?”

“Anh ta là nhà buôn đi thuyền của chúng tôi đến Biện Kinh, thuyền hôm qua ở phủ Ứng Thiên, anh ta ở gian nhỏ đối diện cuối thông đạo... à, thực ra không phải thuyền này mà là Mai thuyền của chúng tôi. Trưa nay lúc cập bờ, anh ta và các hành khách đều đã xuống thuyền lên bờ kia mà, sao lại ở đây?”

“Người nhìn thấy anh ta lên bờ à?”

“Vâng. Khi thấy hành khách đã lên bờ, ông chủ Mai thuyền bèn sai chúng tôi vào các khoang dọn dẹp, tiểu nhân đang dọn thì bỗng thấy sau gáy đau điếng rồi ngất đi không biết gì nữa.”

“Người quay lại ta xem.”

Hẩn quay người lại, chỉ tay lên gáy: “Ở đây ạ.”

Triệu Bất Vưu ghé sát lại nhìn, hộp sọ sau gáy hẩn quả nhiên còn có vết sưng vù hơi rớm máu.

“Thuyền các người chui qua gầm cầu, người có biết không?”

“Không biết.”

“Các gian nhỏ này rất giống các khoang trên thuyền các người à?”

Cốc Nhị Thập Thất nhìn quanh: “Căn bản giống nhau, bài trí cũng na ná. Tiểu nhân sống trên sông nước nên đã gặp vô số thuyền khách các loại, các khoang nhỏ đều là kiểu này.”

“Bên dưới cũng có khoang ngầm?”

“Khoang ngầm... thì các thuyền chở khách nói chung đều không có. Sông Biện Hà không sâu lắm, khách và hàng hóa cộng

lại rất nặng, nếu thêm khoang ngầm thì e thuyền không chịu nổi.”

“Trên thuyền các người có cả thảy bao nhiêu người?”

“Để tôi tính xem...” Hấn bấm đốt ngón tay. “Chủ thuyền, chị Lưu, chị Ngô, hai bẻ lái, hai thả neo, ba căng buồm, tám tay sào, sáu kéo chèo, hai tạp dịch, cả thảy 26 người.”

Triệu Bất Vưu trầm nghĩ, ngoài Lang Phồn ra, có 24 người của thuyền đã chết, tính cả Cốc Nhị Thập Thất thì thuyền có 25 người... bèn hỏi: “Tính cả người chú gì?”

“Vâng. Tiểu nhân làm tạp dịch.”

Cố Chấn dặn dò Vạn Phúc: “Người dẫn hấn đi nhận dạng những người kia, xem có nhận ra không?”

Một lúc sau Vạn Phúc dẫn Cốc Nhị Thập Thất trở lại: “Trong 24 người, có 22 người là người của thuyền, còn 2 người nữa hấn không biết là ai.”

Triệu Bất Vưu kinh ngạc. Mai thuyền bỗng dưng biến mất, người trên thuyền thì xuất hiện trên con thuyền khách mới này, và đều đã chết?

Anh gọi Cốc Nhị Thập Thất: “Mai thuyền vốn có 26 người, 22 người đã chết; không kể người, thì còn 3 người nữa, họ đâu rồi?”

Cốc Nhị Thập Thất nói luôn: “Tiểu nhân chịu không biết.”

Vạn Phúc nói: “Khi con thuyền suýt gặp nạn ở gầm cầu vòm, có hai phu thuyền ra khỏi thuyền rồi thả dây thừng từ trên xuống để kéo. Khi đó hỗn loạn, hai người ấy đi đâu không rõ. Hôm nay bửu chức đã dò hỏi dân chúng xung quanh, họ đều nói không biết. Một người còn lại thì chịu không rõ.”

Triệu Bất Vưu hỏi Cốc Nhị Thập Thất: “Người có biết họ tên ba người ấy không?”

Hấn đáp: “Hai người là Hồ Vạn và Lưu Thất, người thứ ba... cũng là làm tạp dịch, tên là Uông Tam Thập Lục.”

Vạn Phúc nói: “Bỉ chúc sẽ đi hỏi xem sao.”



## Túy Đông Phong

*Thiên hạ quốc gia vô giai phi chí lý, cố học chí bất vũ nhân, học chí chí dã<sup>[29]</sup>.*

*(Trương Tải)*

Triệu Bất Vũ dậy sớm hơn mọi ngày, trời vừa hé sáng, Ôn Duyệt vẫn còn đang ngủ, anh rón rén xuống giường, cầm áo bước ra gian ngoài; Hồ Nhi cũng đang nằm ngủ say trên chiếc giường nhỏ. Anh mặc áo, rồi khẽ mở cửa đi ra sân. Làn gió lạnh phả vào mặt. Đêm qua mưa nhỏ, hoa hạnh và hoa lê rụng đầy sân.

Anh vận động thân thể, đi một bài Long Hồ tán quyền như mọi lần. Những năm gần đây Triệu Bất Vũ tuy chuyên tâm đọc sách nhưng vẫn không quên luyện võ. Anh cho rằng dù là một con người, một gia đình hay một đất nước, vẫn phải rèn luyện ý chí mạnh mẽ và thân thể cường tráng, như thế mới hợp với ý nghĩa sức mạnh của thiên đức. Triều đình ta từ ngày khai quốc, tuy cốt lõi mạnh nhưng cành nhánh yếu, trọng văn coi nhẹ võ, suốt 160 năm qua Văn càng hưng thịnh thì khí thế đất nước lại càng mềm yếu. Đối mặt với các nước Liêu và Tây Hạ phía bắc, triều đình chỉ còn cách dùng tuế tệ<sup>[30]</sup> để đổi lấy sự yên ổn. Ngày nay lại có Phương Lạp nổi loạn ở đông nam, tộc Nữ Chân trỗi dậy ở miền đông bắc. Đại Tổng cứ như một giai nhân ẻo lả, bọn cường đạo bủa vây quanh nhà mà vẫn ngồi kẻ lông mày tô son phấn, soi gương tự thương thân mình.

Triệu Bất Vũ luôn cảm thấy lực và thể của đất nước yếu suy

ở mọi phương diện mọi nơi, tựa như cây hạnh cây lê trong sân nhà này, hôm qua hoa nở đầy cành, sau khi mấy làn gió đêm nhẹ thổi đã rụng tan tác, rắc đầy sân. Một con người sống giữa thời buổi này, sức còm nhỏ nhoi chẳng thể làm gì để挽 hồi cục diện, Triệu Bất Vưu khó tránh khỏi buồn bã ưu phiền lo lắng cho đời. Lòng nặng trĩu tâm tư, anh ứng khẩu ngâm ngợi theo làn điệu ‘Túy đông phong’<sup>[31]</sup>:

*Gió đông tràn về, sau một đêm, thấy đều tươi tắn.*

*Giang sơn vạn dặm, xuân sắc âm u, đáng buồn thay không ai chăm sóc.*

*Năm này sang năm khác mãi truy hoan, sớm tối suốt ngày ai thanh nhàn ?*

*Khách yên hoa đi qua trong mộng, tỉnh mộng rồi ai chấn chỉnh cuộc tàn canh?*

Ngâm xong, anh lại tự trách mình: sao phải bi lụy thế này? Thời thái bình đâu cần tráng sĩ dũng mãnh? Mùa đông lạnh giá mới biết từng bách kiên cường đến đâu. Buồn bã chỉ là vô ích, chi bằng hãy làm tốt những việc của chính mình, không thẹn với lòng mình, và cũng không phụ mệnh trời... Rốt cuộc, Triệu Bất Vưu tự sửa lại câu cuối cùng và ngâm rằng: “Hãy thắp lên ngọn đèn tâm của ta, rồi chiếu sáng cho đêm dài giá lạnh.”

...

“Sửa lại hay lắm!” Có tiếng ngợi khen tán thưởng vọng vào từ ngoài cổng.

Triệu Bất Vưu ngoảnh lại, thì ra là Ôn Duyệt vợ anh đang nhẹ nhàng bước ra, tươi cười: “Người ta vẫn bảo thơ Tống không bằng thơ Đường nhưng Từ khúc thì nổi bật. Mấy hôm trước thiếp và Biện Nhi trò chuyện với nhau rằng, hơn trăm năm qua



ngoại trừ từ của Tô Đông Pha, đa số các bài từ đều mềm yếu không có sức mạnh. Nam nhi không nên có tâm trạng ủy mị như đàn bà, nhiều bài từ đậm mùi son phấn suốt mướt, phụ nữ như thiếp cũng cho là thế. Riêng nữ sĩ Lý Thanh Chiếu gần đây sáng tác bài ‘Ngư gia ngạo’ có câu ‘cửu vạn lý phong bằng chính cử<sup>[32]</sup>’ thì rõ là hơn hẳn giới mày râu. Bài từ của chàng vừa rồi có khí phách, đầy thương cảm, nhưng nếu tiếp tục buồn thương thì sẽ mất đi sức mạnh, sẽ chẳng còn phong cách của bậc quân tử. Cho nên chàng sửa lại câu cuối thực chí lí. Buồn nhưng không bi lụy, ấy là chính đạo của lòng nhân.”

Nghe vợ nói xong, Triệu Bất Vưu cũng cảm thấy nhẹ nhõm được an ủi, đời chàng thực may mắn lấy được Ôn Duyệt, là hiền thê và cũng là người tri kỷ nữa.

Lúc này người nấu bếp là chị Hạ, Triệu Mặc Nhi và Biện Nhi cũng đã dậy. Ôn Duyệt và Biện Nhi giúp chị Hạ nấu bữa sáng. Triệu Mặc Nhi vẫn như mọi sáng, cậu ra sân luyện kiếm.

Bữa sáng đã làm xong, chỉ là cháo hoa, bánh nướng và vài thức ăn nhẹ khác, hết sức thanh đạm. Cả bốn người vừa ăn vừa nói về chuyện hôm qua con thuyền khách biến mất.

...

Tối qua sau khi phát hiện ra thi thể Lang Phồn, Cố Chấn cử Vạn Phúc đi đón vợ Lang Phồn là Giang thị đến nhận xác. Giang thị ngất xỉu khi nhìn thấy chồng mình.

Triệu Bất Vưu nói: “Hôm nay tôi sẽ đến thăm vợ Lang Phồn.”

Ôn Duyệt khẽ thở dài, nói: “Thiếp cũng đến thăm hỏi Giang muội. Và hai đứa con nữa: trai lên bốn, gái lên hai, chúng thực đáng thương...”

Triệu Bất Vưu ngoảnh sang nói với Triệu Mặc Nhi: “Hôm nay ta bận rất nhiều việc, chú giúp ta ra ngồi sạp thư tụng nhé!”

Triệu Mặc Nhi gật đầu nhưng dường như hơi e ngại.

Triệu Bất Vưu cười, động viên cậu: “Sợ gì chứ? Chú có tài năng và kiến thức, nếu mở riêng một quán thư tụng chú cũng dư sức cáng đáng.”

Triệu Mặc Nhi vội nói: “Đệ còn non kém nhiều lắm.”

Biện Nhi ngồi bên, nói: “Anh cứ hay e dè mãi thế? Nên dứt khoát mới tốt, có gì mà sợ nhỉ?”

Ôn Duyệt cười nói: “Hai anh em thật là... em thì bạo dạn liều lĩnh, anh thì thận trọng do dự khiêm tốn quá, nếu san sẻ bù đắp cho nhau thì tốt!”

Triệu Bất Vưu cũng bật cười, nói với Triệu Mặc Nhi: “Chú cứ ra trực, có khách nhờ viết, nếu chú do dự không dám quyết thì để lại, chờ ta về giải quyết cũng được.”

“Vâng.” Triệu Mặc Nhi khẽ trả lời.

...

Hôm qua vô số người nhìn thấy Mai thuyền bỗng dưng biến mất, rốt cuộc nó biến đi đâu?

Triệu Bất Vưu không tin những chuyện thần tiên hóa phép, anh luôn cho rằng vạn vật đều có cái lý của nó; những chuyện “thần kỳ” chẳng qua là ta không biết cái lý nằm trong đó, một khi đã làm rõ được thì các chuyện quái dị sẽ chẳng quái dị nữa và tự khắc bị vô hiệu hóa.

Năm xưa hoàng đế Chân Tông<sup>[33]</sup> muốn gây dựng thần uy, ngài đã bí mật tạo ra sự việc Thiên thư giáng trần. Bề trên đã “tài ba” như thế thì kẻ dưới đương nhiên đua nhau phục tùng. Những năm tháng ấy, từ quan đến dân, nơi nơi đều tranh nhau dâng các mẫu vật “cát tường” để lấy lòng và xin ban thưởng. Thiên tử ngày nay sùng tín Đạo giáo, mê mải với các thuyết về thần tiên, thì thiên hạ lại xuất hiện vô số các hiện tượng “thần

kỳ”, già nua trong đó là a dua bắt chước nhau rất gượng gạo, non nua là bày đặt bịa chuyện thần tiên.

Cho nên, trong sự việc kỳ dị hôm qua, bạch y đạo sĩ là một ví dụ rất dễ giải thích: chỉ cần hóa trang kỳ lạ một chút, nấp sẵn trong thuyền, chờ lúc thích hợp thì nhảy lên bè gỗ lướt đi là có thể thực hiện. Nhưng vấn đề là, họ làm thế vì mục đích gì?

Tám chữ triện “Thiên địa thanh minh đạo quân thần thánh” hẳn là có mục đích tạo ra thần tích cát tường để cầu bề trên ban thưởng, nhưng nếu thế thì không thể càn rỡ giết người, giết những 25 người, thì lại là điềm cực xấu.

Và, lại có thêm hai chữ màu đen kia, biến ý tưởng tốt lành thành phản nghịch: Đất nước chẳng trong sáng, “vua hiền” đối thần thánh. Xem ra, có kẻ cố ý đối nghịch, phá hoại thần tích, kẻ đó thực to gan, và có lẽ chính hắn đã giết người trên thuyền?

Bạch y đạo sĩ và hai tiểu đồng đã bay đi, trên thuyền chỉ còn lại Cốc Nhị Thập Thất là nhân chứng sống.

Có phải kẻ sát nhân nằm trong bọn họ?

Bạch y đạo sĩ chỉ là kẻ tạo ra điềm lành giả dối, chắc ông ta không giết người; hai tiểu đồng thì lại càng không thể giết 25 nhân mạng.

Thế thì hung thủ là Cốc Nhị Thập Thất? Anh ta giả vờ bị đánh chết ngất nằm trong khoang ngầm? Đúng là sau gáy anh ta có vết thương dính máu.

Trước khi Mai thuyền xô vào thuyền chở khách đỗ bên sông, thì các phu thuyền đang chèo thuyền, dân chúng quan sát nói rằng thuyền đâm vào rồi biến mất, chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn, trong thời gian đó hung thủ có thể đầu độc giết chết 24 người hay sao? Huống chi, hai trong số đó lại là người của con thuyền khách đỗ bên sông. Và, tại sao người của Mai thuyền lại chết trên con thuyền khách mới này? Hay là gã Cốc Nhị Thập

Thất toàn nói dối: các nạn nhân đó không phải người trên Mai thuyền, mà là hành khách trên con thuyền mới này?

Chắc không phải thế.

Khi Mai thuyền sắp gặp nạn, các phu thuyền đều cố sức chèo thuyền, có đông người đứng trên cầu xem, họ đứng cách Mai thuyền không xa nên đều nhìn rõ người trên Mai thuyền, nhìn rõ chủ thuyền và người phụ nữ - đang đứng trên mũi thuyền. Còn Vạn Phúc, hẳn nhớ rất rõ và nhận ra ngay hai người đó đã chết trên thuyền khách mới. Về điểm này thì Cốc Nhị Thập Thất không dám nói dối.

Thế thì rốt cuộc 22 người trên Mai thuyền đã chạy sang thuyền khách mới rồi bị đầu độc, hay là họ đã chết từ trước rồi bị chuyển xác sang? Khả năng thứ nhất dễ làm hơn.

Còn nữa: nhiều người nói rằng họ nghe thấy trong con thuyền khách mới này trước đó có tiếng nam nữ đàn hát nói cười, nhưng không rõ có mấy người vì cửa sổ đều đóng kín; sau khi thuyền bị đâm thì không thấy ai ra khỏi thuyền. Gã Cốc Nhị Thập Thất xác nhận: 24 người chết trong thuyền này, có 22 người của Mai thuyền, và 2 người lạ mặt. Vậy 2 người này là của thuyền khách mới, thế thì những người đã từng ca hát trong thuyền đi đâu rồi?

Trong sự việc kỳ dị này, một con thuyền biến mất, một số người cũng biến mất.

Vẫn chưa hết: tại sao anh chàng Lang Phồn lại ở trên thuyền? Anh ta chết trên thuyền khách mới, hay chết từ trước trên Mai thuyền như những người khác? Những người khác chết vì trúng độc, riêng Lang Phồn thì bị đâm chết.

...

Triệu Bất Vưu thuê một con ngựa và một cỗ kiệu.

Ôn Duyệt ngồi kiệu, Triệu Bất Vưu cưỡi ngựa, cả hai đều mặc đồ trắng, cùng đi vào thành. Dọc đường dừng lại mua ít đồ vàng mã để làm lễ viếng Lang Phồn vốn mê luyện võ: ngựa giấy, binh khí giấy là hai thanh kiếm, và một vò rượu, rồi đi đến nhà Lang Phồn ở phố Tuyên Thái phía nam thành.

Là một ngôi nhà thuê, nhỏ nhỏ. Một nữ giúp việc ra mở cửa, vẻ mặt buồn rười rượi. Nhận ra Triệu Bất Vưu, cô ta nhỏ nhẹ chào hỏi rồi mời khách vào. Sân nhà không rộng, vắng vẻ lạnh lẽo. Cửa nhà đang mở, bàn ghế vẫn bày biện như trước. Vợ Lang Phồn là Giang thị đêm qua mới biết tin dữ, cô chưa kịp bày biện bàn thờ. Gian trong vọng ra tiếng khóc của trẻ con, người giúp việc bèn bước vào trong đó.

Vợ chồng Triệu Bất Vưu nhìn nhau, hết sức ái ngại cho tình cảnh nhà Lang Phồn. Anh ta mới đến kinh thành để học tập chờ ngày dự khoa thi, ở đây chẳng có ai thân thích, thi thể anh vẫn đặt trên thuyền để chờ khám nghiệm. Một mình Giang thị làm đám tang chồng sẽ rất lúng túng.

Lát sau Giang thị bước ra, cô mặc đồ trắng, chưa chít khăn tang, đầu tóc chỉ chải sơ qua; thể lực vốn yếu, khuôn mặt xương xương trông càng thiếu nả, đôi môi mỏng và nhợt nhạt, đôi mắt hơi sưng do khóc lóc. Cô chào vợ chồng Triệu Bất Vưu rồi mới ngẩng đầu lên, nước mắt rơi lã chã.

Ôn Duyệt cũng rơm rớm nước mắt, bước đến nắm tay, an ủi Giang thị.

Triệu Bất Vưu ngỏ lời chia buồn: “Muội hãy nén đau thương, hai cháu còn phải trông cậy muội chăm sóc. Muội hãy bảo trọng.”

“Vâng.” Giang thị lau nước mắt, cố gượng cười. “Tôi cũng tự nhủ mình như thế. Khi nhà tôi còn, anh ấy gánh vác mọi thứ việc, nhưng từ nay tôi phải tự lo liệu tất, tôi phải nỗ lực để làm

bằng được. Mời hai anh chị ngồi. Cô Chương đang phải dỗ các cháu, tôi xin pha trà mời hai vị.”

Ôn Duyệt cũng gạt nước mắt, nói: “Không cần đâu.”

“Thế sao được? Đêm qua muội đã khóc rất nhiều, nhưng, dù sao thì vẫn phải sống tiếp, mọi phép tắc nên thế nào thì vẫn phải đầy đủ chứ không thể xuê xoa.” Nói rồi Giang thị cười buồn bã, quay người đi vào bếp.

Vợ chồng Triệu Bất Vưu đành ngồi xuống ghế. Họ cảm thấy kính nể Giang thị trong hoàn cảnh này mà vẫn rất kiên nghị.

Lát sau Giang thị bưng khay trà ra, rót trà mời hai vợ chồng Triệu Bất Vưu, rồi mới ngồi xuống ghế đối diện với hai người. Một đứa bé từ gian trong bước ra, đó là con lớn của vợ chồng Lang Phồn tên là Khải Nhi, mới 4 tuổi, nó khá giống cha với khuôn mặt nhỏ, ít nói, nó bước lại đứng bên Giang thị.

“Khải Nhi!” Ôn Duyệt dịu dàng gọi. Nhưng thằng bé hơi sợ người lạ nên chỉ im lặng.

“Kìa, sao con chưa vãn an hai bác?” Giang thị khẽ trách, thì thằng bé mới nhỏ nhẹ chào “Cháu chào hai bác ạ”. Giang thị ôm con, vỗ về. Rồi cô hỏi khách: “Hôm qua Triệu huynh ở trên thuyền, hôm nay đã đến đây, e không chỉ là để viếng nhà tôi?”

“Cố Chấn huynh nhờ tôi đến đây hỏi nguyên do, nhằm truy tìm hung thủ.”

“Khải Nhi con quỳ xuống tạ ơn bác Triệu đi!” Giang thị nhắc thằng bé. Nó bước đến trước mặt Triệu Bất Vưu, quỳ xuống, rập đầu rất nghiêm túc. Triệu Bất Vưu vội đỡ nó đứng lên. “Muội đừng đa lễ, đây là bốn phận của tôi mà!”

Khải Nhi quay lại bên mẹ. Giang thị ôm con, cúi đầu suy nghĩ một lát, rồi khẽ nói: “Tôi đã suy nghĩ suốt đêm qua, thực ra trước khi nhà tôi ra đi đã có dấu hiệu khác lạ.”

“Thế ư?”

“Triệu huynh cũng biết tính nhà tôi rồi, có vẻ đơn giản cẩn trọng và không thích nói nhiều, nhưng thực ra rất có hoài bão, rất muốn làm những việc lớn. Nhà tôi đã đọc vô số sách thánh hiền, binh thư sách lược, thế mà chỉ được giữ chức vụ nhàn rỗi ở ty Thiện của bộ Lễ để trông nom tàng băng<sup>[34]</sup>, nhà tôi vẫn nói mình chẳng bằng một chân sai vặt. Tính tình nhà tôi lại cương nghị, không muốn gần các bạn đồng liêu và càng không bỏ đờ cấp trên; có người chỉ ngồi chơi mà sau vài năm cũng được cất nhắc, còn nhà tôi thì như bị nhốt cùng nhà kho đông lạnh, suốt ngày âm thầm buồn bực. Về đến nhà thì hoặc đọc sách hoặc luyện kiếm, chẳng thiết gần gũi các con...”

Triệu Bất Vưu nhìn Khải Nhi. Nó khác xa Hồ Tử của nhà mình. Thằng bé này có vẻ rất nhút nhát, chỉ biết bám lấy mẹ.

Giang thị thở dài, tiếp tục nói: “Nhưng... cách đây chừng hơn nửa tháng, nhà tôi hình như gặp chuyện vui gì đó, nên rất hay cười hay nói, và còn mua đồ chơi, kẹo bánh cho các con. Nhà tôi vốn rất ít nói với tôi nên tôi cũng không dám hỏi, tôi chỉ nghĩ bụng đó hẳn là chuyện hay, nên cũng vui theo. Có điều, chỉ vài hôm sau thần sắc nhà tôi lại khác lạ, hình như gặp khó khăn gì đó. Ngày trước mỗi khi vướng mắc, tay phải nhà tôi thường nắm chặt lại, nếu đang cân nhắc tính toán gì đó, thì thường vân vê ngón cái, nếu quyết định bỏ qua chuyện gì đó, thì xòe cả bàn tay ra, khi nắm tay lại đập thùm xuống bàn, tức là quyết ý sẽ hành động. Đó là những thói quen mà chính nhà tôi cũng không nhận ra. Nhưng lần này nhà tôi cứ nắm tay lại mười mấy ngày liền, khi nằm mơ cũng có vẻ buồn phiền, khi ngủ say vẫn vân vê ngón cái... cho nên tôi nhận ra đang có chuyện hệ trọng. Lấy nhau đã năm năm, nhà tôi chưa bao giờ như thế cả, nhưng tôi vẫn không dám hỏi vì sợ nhà tôi bực mình. Nào ngờ... lẽ ra tôi cứ nên hỏi, dù bị mắng mỗ cũng được...”



Giang thị vừa nói vừa làm các động tác như Lang Phồn hay làm. Rốt cuộc, không rõ đó là khúc mắc của Lang Phồn hay nỗi buồn phiền của chính cô. Cô cảm thấy hối hận, cố kìm nước mắt rơm rớm, rồi cô hít sâu một hơi, nói tiếp: “Cho đến hôm kia, Giản Trang tiên sinh hẹn gặp mặt nhân tiết Hàn thực, nhà tôi đến từ sớm, chiều trở về. Vừa bước vào nhà thì nói luôn rằng phải đi xa một chuyến chừng ba hôm, tôi hỏi kỹ hơn, thì nhà tôi nói là đi phủ Ứng Thiên, không cần hành lý gì hết. Nhà tôi chỉ thay quần áo, đem theo mấy cuốn sách, mấy trăm đồng tiền, hai đỉnh bạc hai lạng, và một thanh đoản kiếm của nhà...”

Triệu Bất Vưu trầm nghĩ, đi phủ Ứng Thiên thì đường thủy là tiện nhất, phí tổn đi thuyền chỉ hai lạng bạc; Lang Phồn đem thêm hai lạng và chút tiền là phí tổn để trở về - có vẻ là đi làm việc gì đó đơn giản thôi; sách để ngồi đọc cho đỡ buồn, còn đoản kiếm thì sao? Phòng thân, hay vì lý do gì khác? Có phải anh ta bị đâm chết bằng chính thanh đoản kiếm đó?

Giang thị ngoảnh nhìn ra cửa, khẽ nói: “Hôm đó tôi bế cháu Oanh Nhi, dắt Khải Nhi tiễn nhà tôi ra ngoài cửa, nhà tôi vuốt má cháu bé, vỗ vai cháu lớn, cười với tôi, không nói gì cả rồi quay người bước đi. Tôi nhìn tay phải của nhà tôi thấy vẫn nắm thành nắm đấm, nắm rất chặt, bàn tay ấy vốn rất có lực, nếu nắm viên đá, đá có thể bị bóp vụn...”



## Đông Thủy Bát Tử

*Tuân lý tắc vi thường, lý chi ngoại tắc vi dị hĩ<sup>[35]</sup>.*

*- Thiệu Ung*

Triệu Bất Vưu cáo từ, cưỡi ngựa đi gặp Giản Trang, Ôn Duyệt ở lại giúp Giang thị làm tang lễ.

Lang Phồn là một trong “Đông thủy bát tử”, Giản Trang đứng đầu nhóm tám tài tử này; hôm đó Lang Phồn đến phủ Ứng Thiên gặp các bạn, có lẽ Giản Trang biết thêm tình tiết gì chăng?

Nhà Giản Trang ở phường Lễ Thuận bên sông Biện Hà, mé ngoài cửa Tân Tổng môn thuộc Đông quận. Giản Trang từng theo học bậc thầy đại nho Trình Di, cốt lõi học vấn xoay quanh chữ “Lý<sup>[36]</sup>”. Kể từ khi vua Tống Thần Tông trọng dụng “biến pháp” của Vương An Thạch<sup>[37]</sup>, thì năm chục năm qua đường như trời long đất lở, xã hội chao đảo ghê gớm. Tân pháp cự pháp xáo trộn thay nhau, triều thần cũng chia rẽ năm bè bảy phái: Lạc đảng, Thục đảng, Sóc đảng... và không ngừng đấu đá lẫn nhau. Trình Di thuộc Lạc đảng, theo cự pháp. Hai chục năm trước, Sái Kinh<sup>[38]</sup> được làm thừa tướng, đề cao tân pháp, những ai có ý kiến trái chiều đều bị giáng chức, trấn áp, thanh trừng. Ông ta cho khắc bia bêu riếu 309 người thuộc diện “gian đảng Nguyên Hựu<sup>[39]</sup>” trong đó có cả Tư Mã<sup>[40]</sup> Quang, Trình Di, Tô Đông Pha để cho thiên hạ biết. Chính khí sáng ngời của sĩ đại phu trăm năm hun đúc nên đã bị thiêu rụi sau kiếp nạn này.

Lạc học của Trình Di chủ trương thành tâm thành ý, khắc kỷ phục lễ<sup>[41]</sup>, loại bỏ dục vọng, tuân thủ Thiên lý. Trước đó ông bị

quy là “ngụy học”, bị cấm truyền bá học thuật, các đệ tử bị xua đuổi. Khi đó Giản Trang còn ít tuổi, theo học ít lâu thì cũng bị giải tán. Năm năm sau, Trình Di qua đời trong cô quạnh, triều đình cấm các đệ tử đến viếng linh cữu. Giản Trang nhân đêm tối chạy đến mộ thầy khăn vái, nhớ lại lời thầy nói “đi làm quan sẽ mất hết ý chí”, nên anh đoạn tuyệt ý nghĩ cầu công danh, chỉ một lòng đọc sách tu thân.

Triệu Bất Vưu đi đến phường Lễ Thuận, rẽ vào con ngõ phía bắc, đi hết ngõ, đến chỗ khóm trúc đốm hoa có cánh cổng gỗ cũ kỹ, chính là nhà Giản Trang.

Thấy có hai con lừa buộc bên khóm trúc bên phải, chứng tỏ nhà đang có khách. Triệu Bất Vưu buộc ngựa vào một cây trúc thô, rồi gõ cửa. Ra mở cửa là một thanh niên đôn hậu, vóc người thấp béo tròn lẳn trong bộ áo trắng, chính là Thái học nội xá sinh<sup>[42]</sup> Trịnh Đôn - một trong Đông thủy bát tử.

Dân địa phương căn cứ vào đặc điểm sở trường của tám người gọi họ bằng các nhã hiệu: Phu tử Giản Trang, Cầm tử Nhạc Chí Hòa, Khôi tử Tống Tề Dụ, Sách tử Chương Mỹ, Mặc tử Giang Độ Niên, Kỳ tử Điền Huống, Kiếm tử Lang Phồn<sup>[43]</sup>. Chỉ có Trịnh Đôn không có sở trường gì nổi bật, vì người béo tròn, nên gọi anh là “Đôn tử”.

Trịnh Đôn vẻ buồn rầu, khẽ chào Triệu Bất Vưu, hẳn là Trịnh Đôn đã biết tin dữ. Cũng như nhà Triệu Bất Vưu, sau khoảnh sân là căn nhà nhỏ đơn sơ, nhưng ở đây không trồng hoa, hai bên sân chỉ có hai khóm trúc mảnh khảnh. Có bốn người đang ngồi trên chiếu: Giản Trang và ba tài tử nữa là Cầm tử Nhạc Chí Hòa, Mặc tử Giang Độ Niên, Kỳ tử Điền Huống; mỗi người ngồi trên một mảnh chiếu nhỏ, trước mặt là cái kỷ gỗ.

Giản Trang rất tâm huyết khôi phục Lễ cổ xưa, nên mỗi khi gặp mặt bạn hữu đều không dùng bàn ghế, chỉ ngồi chiếu kê kỷ

thấp, và cũng ngồi quỳ theo lối cổ. Triệu Bất Vưu kính nể học vấn và nhân cách của Giản Trang song anh không tán thành cách thức gò bó không tự nhiên này.

Thấy anh bước vào, cả bốn vị đứng dậy, đi dép, chấp tay vái chào.

Giản Trang tuổi ngoài bốn chục, mặc áo bào xanh, người gầy gò, lưng thẳng, dáng đứng như cây tre. Giản Trang vốn rất nghiêm nghị, lúc này trông đầy nét sầu bi. Vẻ mặt ba vị kia cũng nặng nề. Cầm tử Nhạc Chí Hòa dáng người thanh nhã, khô gầy như hạc. Mặc tử Giang Độ Niên thì đầy nét phóng túng, cứ như con ngựa hoang. Kỳ tử Điền Huống thì vóc đậm và hiền hòa, cứ như cái bánh màn thầu ấm áp.

Gia cảnh Giản Trang thanh bần, không thuê người phục dịch; vợ là Lưu thị bưng khay gỗ, tiểu thiếp Ô Mi cầm chiếu, cùng bước ra. Họ chào hỏi Triệu Bất Vưu rồi rót trà, sau đó lại lui vào. Chính thất Lưu thị không sinh con, nên Giản Trang mới lấy thêm người thiếp. Lưu thị vốn kín đáo ít nói, hôm nay trông cô hơi buồn; Ô Mi đã có bầu, trông rất yêu kiều, cô mặc bộ váy áo không đắt tiền nhưng rất đẹp. Ô Mi vốn linh lợi hay nói nhưng hôm nay cô cũng giữ nghiêm túc và im lặng.

Triệu Bất Vưu nhận ra, không kể Lang Phồn đã mất, thì Bát tử còn vắng mặt Khôi tử Tống Tề Dụ và Sách tử Chương Mỹ. Anh chợt nhớ ra hai vị này hôm nay đi dự thi Điện thí. Họ vốn là học sinh thượng đẳng của Thái học thượng xá, không cần dự điện thí cũng được trao chức quan, nhưng năm nay chấn hưng khoa cử, học sinh thượng đẳng cũng phải dự điện thí.

Triệu Bất Vưu cũng ngồi quỳ giống như Giản Trang, hỏi: “Các vị đã biết tin về Lang Phồn à?”

Mọi người lặng lẽ gật đầu. Giản Trang thấp giọng nói: “Hôm qua mấy chúng tôi chờ Lang huynh và Chương Mỹ, không thấy

đến, bèn giải tán, và không biết Lang huynh lại ở trên thuyền đó. Lúc này Trịnh Đôn đến nói mới biết.”

“Sáng sớm nay tôi gặp Vạn Phúc tùy tùng của Tả quân Tuần sứ, hẳn nói mới biết tin.” Trịnh Đôn khẽ thở dài nói.

Triệu Bất Vưu: “Lúc này tôi đến nhà Lang Phồn, cô vợ cho biết: hôm Hàn thực, Lang Phồn gặp các vị xong, buổi chiều xuống thuyền đi phủ Ứng Thiên...”

“Phủ Ứng Thiên? Đi đến đó làm gì?” Trịnh Đôn ngạc nhiên hỏi.

“Các vị không biết anh ấy đi Ứng Thiên à?”

Trịnh Đôn: “Không biết, anh ấy không nói gì hết.”

Giản Trang nhớ lại: “Hôm đó gặp mặt, ăn cơm xong, trò chuyện một lúc, chúng tôi giải tán. Anh ấy không hề nói sẽ đi phủ Ứng Thiên.”

“Hôm đó anh ấy có biểu hiện gì khác lạ không?”

Mọi người đều cố nhớ lại. Trịnh Đôn nói: “Vẫn bình thường như mọi ngày, uống nhiều, nói ít. Không có gì khác lạ, ít ra là tôi thấy thế.”

Giang Độ Niên: “Về sau anh ấy và Chương Mỹ có tranh luận mấy câu.”

“Nói về gì?”

“Tứ thập bất động tâm.”

“Đúng, tranh luận về điều đó.” Trịnh Đôn cũng nhớ ra.

Triệu Bất Vưu biết đó là lời của Mạnh Tử. Khi họp mặt, Đông thủy bát tử thường luận bàn tri thức, phân tích các thuyết Nhân-nghĩa của Khổng Mạnh. Triệu Bất Vưu: “Hai vị ấy cho là thế nào?”

“Chương Mỹ nói: bất động tâm nghĩa là không còn buồn phiền, không bận tâm được hay mất, cứ làm theo tâm mình là thỏa đáng nhất. Lang Phồn cho rằng Chương Mỹ nặng về học

thuyết Thiền gia chứ không phải chữ tâm của Nho gia: thấy đứa trẻ ngã xuống giếng, con người bình thản sao được?”

Trịnh Đôn: “Hai vị ấy tranh luận một hồi cũng không phân định được ai đúng ai sai. Sau đó mọi người giải tán.”

Triệu Bất Vưu thâm nghĩ: chữ Tâm mà hai người ấy nói đến không phải cùng một chữ Tâm. Chương Mỹ nói về cái tâm được mất buồn vui, đến tuổi 40 người ta đã ổn định tâm chí, không băn khoăn cũng không lo lắng, biết tiến thoái vững vàng, không bị ám ảnh bởi toan tính lợi hại, ấy là Nghĩa, tự khắc sẽ đến. Đó mới là ý thực sự của Mạnh Tử. Còn chữ tâm mà Lang Phồn nói, là lòng trắc ẩn, là lương tri bẩm sinh của con người - không thể biến thành gỗ đá trở trở vô cảm trước cái chết của đồng loại. Lang Phồn nói đúng, nhưng không phải ý mà Mạnh Tử muốn nói.

Ai đúng sai cũng không quan trọng, nhưng từ đó có thể nhận ra tâm trạng của Lang Phồn lúc ấy không? Lang Phồn đi phủ Ứng Thiên, chuyện gì đã khiến anh “động tâm”?

Trịnh Đôn bỗng nói: “Ngoài Lang Phồn ra, còn có một chuyện nữa...”

“Là gì?”

“Chương Mỹ cũng không thấy đâu.”

“Hôm Hàn thực hội ngộ xong, tôi có việc riêng nên không về cùng đường với anh ấy. Lúc sẩm tối tôi mới nhớ ra mình chưa đưa cho Chương Mỹ lá bùa cát tường xin ở miếu Nhị Vương bèn cầm nó vào trường Thái học tìm anh ấy, nhưng không thấy đâu. Hỏi các bạn cùng phòng, họ đều nói Chương Mỹ chưa trở về.”

“Hôm nay là ngày Điện thí.”

“Đúng! Tối qua các bạn học rất sốt ruột bảo nhau đi tìm, quan Học chính cũng biết bèn huy động toàn thể học sinh đi tìm nhưng không có kết quả. Sáng nay tôi lại vào tìm vẫn không

thấy, tôi bèn ra cửa Đông Hoa chờ xem, biết đâu anh ấy từ nơi khác trở về đi thẳng vào dự Điện thí; nhưng quá đông các sĩ tử, họ ăn mặc na ná nhau, nên không tìm thấy và cũng không rõ anh ấy có vào dự thi không.”

“Tổng Tế Dự cũng không biết à?”

“Ừ... không biết.”

Triệu Bất Vưu nhận ra Trịnh Đôn nói có phần do dự, bèn hỏi: “Chương Mỹ trước khi đi cũng không nói gì với anh ấy?”

“Tôi qua Tế Dự cũng đi tìm Chương Mỹ.”

Tổng Tế Dự và Chương Mỹ tuy cùng thuộc nhóm thượng xá nhưng nhà trường bố trí 6 học sinh ở chung phòng, năm phòng gọi là một *trai*; hai anh không ở chung một trai.

Tổng Tế Dự được mệnh danh là “khôi thủ”, Điện thí chỉ khảo một đề sách luận, đây lại là sở trường của Chương Mỹ, cánh học trò và cả kinh thành đều đang theo dõi xem năm nay ai sẽ chiếm ngôi đầu bảng - nhưng hôm nay nếu anh ta vắng mặt không dự thi thì mọi người sẽ rất thất vọng. Chính Chương Mỹ nếu vắng mặt thật thì sẽ uổng cả mười năm đèn sách rồi ân hận suốt đời. Chuyện đại sự gì có thể khiến anh biến mất trước ngày dự Điện thí?

Triệu Bất Vưu bỗng có linh cảm chẳng lành, mong sao Chương Mỹ mất tích không liên quan gì đến cái chết của Lang Phồn.

Anh lại hỏi bốn người bạn, họ đều buồn bã lắc đầu.

Giản Trang và các bạn cũng muốn đến nhà Lang Phồn phúng viếng. Trịnh Đôn lo cho Chương Mỹ, anh nói muốn ra cửa Đông Hoa xem xem Chương Mỹ đã về chưa, rồi anh sẽ đến nhà Lang Phồn sau. Triệu Bất Vưu thấy thế bèn cùng Trịnh Đôn đi ra cửa Đông Hoa. Hai người cáo từ các bạn.

Trịnh Đôn cười lừa - anh ta vốn thấp bé, Triệu Bất Vưu cười



ngựa, hai người một thấp một cao, thì hơi buồn cười; Triệu Bất Vưu nói: “Chúng ta vừa đi bộ vừa dắt lừa ngựa cũng được, từ đây ra cửa Đông Hoa chẳng xa xôi gì”. Họ vừa đi vừa trò chuyện.

Trong Đông thủy bát tử, Trịnh Đôn thân với “khôi tử” Tống Tề Dụ và Sách tử Chương Mỹ hơn. Cả ba là đồng hương Việt Châu, cùng học lớp đồng ấu, trường huyện, trường phủ, rồi lại cùng thi đỗ vào Thái học. Nhưng ở Thái học là nơi tập trung các anh tài, họ bị chia tách ra thứ hạng do học vấn cao thấp khác nhau. Tống Tề Dụ và Chương Mỹ được vào ngoại xá, nội xá rồi lên thượng xá - họ được coi là “song anh” của trường Thái học.

Tống Tề Dụ kinh thư sách luận đều ưu tú, năm nào cũng chiếm ngôi đầu bảng, nên được gọi là “khôi tử”. Còn Chương Mỹ thì hơi non về kinh thư nhưng sách luận lại là nhất, lại có đức tính nghiêm cẩn và thuần hậu như Tăng Cửng và Tô Triệt<sup>[44]</sup>, anh được gọi là “Sách tử”. Chỉ có Trịnh Đôn sau khi vào Thái học thì hơi đuối sức, năm nay mới được học lên nội xá. Cả ba thân nhau từ bé, tình cảm như anh em.

Vừa đi vừa nói chuyện, cả hai đã đi đến cửa Đông Hoa. Điện thí đang tổ chức ở điện Tập Anh trong kia.

Trước cổng có nhiều thị vệ xếp hàng rất nghiêm chỉnh, bên ngoài dây hàng rào hồng mộc xoa cũng có không ít dân chúng đứng xem. Cả hai dắt lừa ngựa nên không tiện bước lại gần, đành đứng mé đối diện chờ vậy. Hồi lâu sau bắt đầu có thí sinh đi ra, người ta vỗ tay hoan nghênh. Có thí sinh vui mừng, tươi tỉnh, cũng có người trầm ngâm chờ đợi, nhưng phần nhiều có vẻ như vừa mới tỉnh giấc mơ.

“Tề Dụ!” Trịnh Đôn bỗng lớn tiếng gọi.

Đúng thế, Tống Tề Dụ vừa bước ra khỏi cửa sơn son của Đông Hoa môn, vóc người dong dỏng cao, tư thế hiên ngang, tà áo trắng đang phất phơ trước làn gió nhẹ, trông anh tựa như một

cột cờ trắng phau.

“Khôi tử!” Dân chúng hò reo, một số chạy lại vây lấy anh, họ tranh nhau tiếp cận chàng “khôi tử” của trường Thái học. Tống Tề Dụ mỉm cười chấp tay đáp lễ đám đông, rồi anh rảo bước.

Chờ khi anh ra khỏi đám đông, bước xuống lòng đường, Triệu Bất Vưu mới dắt ngựa bước ra gọi: “Tề Dụ!”

“Bất Vưu huynh?” Tống Tề Dụ rảo bước đến.

“Xin chúc mừng!”

“Đa tạ, đa tạ! Cả Trịnh Đôn cũng ở đây à?”

“Anh có trông thấy Chương Mỹ không?” Trịnh Đôn vội hỏi ngay.

Tống Tề Dụ bỗng bắn khoăn: “Tôi có thấy tên anh ấy trên bảng danh sách nhưng không nhìn thấy anh ấy. Chỗ ngồi của Chương Mỹ ký hiệu là Đông 98, lúc ra, tôi đi qua chỗ đó nhưng không thấy người. Lại thật, mọi ngày Chương Mỹ thường làm bài nhẩn nha, ra muộn, nhưng hôm nay lại ra rất sớm. Các anh có nhìn thấy anh ấy không?”

“Không!”

...

Cố Chấn sai người chuẩn bị thuyền tuần tra, xong xuôi, Cố Chấn đứng ở mũi thuyền, ra lệnh cho phu chèo thuyền chậm chậm, đi tuần tra xuôi về hướng đông.

Sáng sớm hôm nay Cố Chấn đã cho áp tải Cốc Nhị Thập Thất về phủ Khai Phong để trình bày vụ án. Bốn viên Suy quan<sup>[45]</sup> thuộc hạ của quan Phủ doãn chia nhau trực ban ở hai sảnh tả hữu, tiến hành thẩm vấn để đưa ra nha môn. Hôm nay Suy quan họ Văn trực ban, anh ta là người thận trọng tỉ mỉ nhưng rất nóng nảy. Đêm qua Văn đã sơ bộ nghe tin, ngỡ là đồn đại tào lao, sau khi nghe Cố Chấn báo cáo cụ thể thì mới tin là chuyện có

thật. Hơn hai chục người chết đã đành, nhưng khi xem chữ viết trên tấm ngân gấm, Văn kinh hải, vội dẫn Cố Chấn vào gặp quan Phủ doãn Vương Đỉnh.

Vương Đỉnh tối qua uống quá chén nên vẫn ngủ chưa dậy, người ta bèn đánh thức, Vương Đỉnh vội uống bát canh rửa rượu rồi mặc áo bào, ngáp dài, tay bóp trán bước ra gặp họ. Cũng như Suy quan họ Văn, Vương Đỉnh nghe kể về người chết thì vẫn mơ hồ ngái ngủ, chẳng bận tâm, nhưng khi Cố Chấn trải tấm ngân gấm ra sân thì ông ta mặt biến sắc, toát mồ hôi, tỉnh hẳn. Vương Đỉnh liền dặn dò Cố Chấn truy tìm tung tích bạch y đạo sĩ đó, còn ông ta cũng thay quan phục chững chạc rồi tấu trình cấp trên. Cố Chấn cúi đầu vâng lệnh.

Suy quan họ Văn gắt gỏng: “Mau đi đi!” Cố Chấn lập tức vào phủ xin lĩnh thuyền tuần tra, ra khỏi thành, đi về phía hạ du cầu vòm.

Đúng như tùy tùng Cam Lượng của Cố Đức Tín nói, hai bên bờ đều là đồng ruộng mênh mông tí tắp, tuy sát bờ sông có những hàng cây liễu cao cao nhưng sau đó là đồng bằng, nếu đạo sĩ rời bè gỗ lên bờ, xuất hiện ở đó đương nhiên bị người ta nhìn thấy ngay. Và càng không có chỗ để giấu bè.

Cố Chấn dặn dò các cung thủ và phu thuyền căng mắt ra nhìn, tìm kiếm, nhưng đi hút xuống tận chốt thu thuế Hạ Biện Hà cũng không hề thấy dấu vết bè gỗ nào cả.

Thuyền đi xuôi hay ngược sông đều bị chặn ở chốt này để kiểm tra và nộp thuế, đóng dấu, rồi mới cho đi tiếp. Hôm qua Cam Lượng đã đến đây và dặn dò viên quan thu thuế phải túc trực để hôm nay trả lời thẩm vấn. Thuyền của Cố Chấn vừa cập bờ thì ông ta đã đứng chờ sẵn ở đó.

Cố Chấn hỏi rất tỉ mỉ, bọn họ nói: hôm qua không có bè gỗ nào trôi qua đây, ngay một khúc gỗ trôi sông cũng không có. Xem ra,

giữa chừng bạch y đạo sĩ đã chạy trốn mất tăm. Cố Chấn lại xem sổ sách ghi chép tàu thuyền qua lại hai ngày vừa qua, viên quan thu thuế rất nhiệt tình đưa ra, còn nói rằng đêm qua đã cho người sao lại một bản, sẵn sàng trao cho Cố Chấn. Ông ta cho biết hai ngày qua có cả thảy 342 thuyền chở hàng đi kinh thành, 276 thuyền xuôi hạ lưu.

Cố Chấn xem kĩ, thấy đúng là sáng hôm qua có một thuyền khách đi phủ Ứng Thiên, chủ thuyền là Mai Lợi Cường. Thuyền này có 24 phu thuyền, 6 hành khách, ngoài ra còn chở hàng hóa gồm 20 hòm hương liệu, 20 bộ dụng cụ nhà bếp bằng sắt và đồng.

Cố Chấn hỏi thêm mấy câu nhưng cũng không khai thác được gì thêm, bèn cáo từ, lên thuyền quay trở lại. Dọc đường vẫn cho thuyền đi chậm, dặn dò các phu thuyền quan sát thật kĩ. Không hẳn là vì e sợ lệnh của quan Phủ doãn và Suy quan, mà là vì Cố Chấn vẫn thấy rất bức xúc, lẽ nào mình lại chịu thua cái vố này?

Những năm gần đây không khí triều đình sa sút tệ hại, quan chức “bảo hòa” đông gấp mấy chục lần năm xưa, nhưng bói không ra những danh thần chính trực thanh liêm như Phạm Trọng Yên, Tư Mã Quang, Vương An Thạch, Tô Thức... Quan quá đông và không phải đều là gian nịnh tham tàn, nhưng phần lớn đều khép mình, nhu nhược, tầm thường, chỉ biết lo giữ lấy thân, cầu an, mong chờ đến hạn thì được thăng phẩm hàm. Sống trong khung cảnh ấy, Cố Chấn rất chán nản và thường có ý định lui về chốn điền viên. Nhưng tính khí vốn ham chứng tỏ bản lĩnh, rất ngứa mắt với mọi bất công, Cố Chấn thấy vui vẻ hài lòng giữ chức vụ Quân tuần sứ với nhiệm vụ truy tìm và trừng trị cái ác.

Cố Chấn bỗng nhớ ra mình và Triệu Bất Vưu đã từng tranh luận về câu nói của Khổng Tử: người thời xưa học vì mình,

người thời nay học vì người khác.

“Khổng Tử nói ngược rồi: người thời xưa học vì người khác, người thời nay học vì mình - mới đúng chứ! Nếu người xưa chỉ vì mình, thì họ biến thành những kẻ tự tư tự lợi, đâu còn là quân tử nhân nghĩa gì nữa?” Cố Chấn nói.

Triệu Bất Vưu cười, lắc đầu: “Trước đây tôi cũng tưởng là thế, nhưng về sau nghĩ cho kĩ thì đã hiểu ý tứ sâu xa trong đó. Một lòng vì người khác, thoát nhìn, đó là những con người đầy nhân nghĩa, nhưng có hai điểm này chưa rõ: anh tốt với người nhưng chưa chắc người đã cảm thấy là tốt thật - ví dụ có người không thích ăn cá, anh cứ đem cá cho họ ăn, anh rất có lòng nhưng lại là làm khó cho họ, tức là phản tác dụng.”

Cố Chấn vội nói: “Thế thì lẽ nào người ta không nên làm việc thiện?”

Triệu Bất Vưu lắc đầu: “Đây chính là điểm thứ hai: thế nào là việc thiện? Từ nhỏ con người được giáo dục hãy làm việc thiện, đa số người vẫn đang làm việc thiện nhưng rất ít nghĩ xem việc thiện là gì. Nếu không hiểu rõ thì dù làm nhiều việc thiện đến mấy vẫn là ngu xuẩn. Giống như nhà sư không hiểu tiếng Phạn, chỉ nghe nói kinh Phạn mới là chân kinh, bèn niệm kinh Phạn thì dù niệm đến chết cũng không hiểu ý nghĩa của nó. Nếu chỉ niệm cho mình thì thôi nhưng ông ta lại ép người khác làm theo, thì không phải là điều tốt lành gì nữa; nếu tự cảm thấy đó là sự khổ cực và không muốn niệm nhưng lại ép người khác niệm, thì đó là làm điều ác.”

“Chúng ta được giáo dục phải trung, hiếu, nhân, nghĩa, lẽ nào đó là sai?”

“Nói về Nhân, nếu lòng ta nhân từ thì đương nhiên không sai, nhưng khi thấy có kẻ cầm dao giết người, thì anh nên nhân từ với ai?”

“Đương nhiên là với người bị giết.”

“Nếu người bị giết là kẻ ác, kẻ cầm dao là người tốt, anh ta giết người do buộc phải tự vệ, thì sao?”

“Hề hề... anh lại bắt bí tôi rồi.”

Triệu Bất Vưu mỉm cười: “Không phải thế! Gốc rễ của Thiện là đề tài rất khó lý giải. Khổng Tử nói vì mình, vì người khác... cũng là nói về điều này. Nghe người khác nói, nếu ta không nghĩ kĩ rồi cứ hì hục làm theo, đó là vì người khác. Kẻ vì người khác, chỉ nghe nói chữ Thiện, đa số người làm việc thiện là nhằm để cho thiên hạ xem, nếu họ xem và khen ngợi, thì thấy vui, nếu họ không xem và tán thưởng, thậm chí trách mắng thì lại tức tối, oán hận họ, Như thế thì không nên làm việc thiện còn hơn.”

“Nếu vì mình thì sao?”

“Dù người khác nói thế nào, mình cũng phải suy nghĩ kỹ, xác định đúng là thật, thì hãy hành động - đó là vì mình. Những người này, dù thiên hạ có nhìn thấy mình làm hay không, có tán thưởng hay không, họ vẫn hành động vì mình cho là tốt đẹp, họ cảm thấy yên tâm vui vẻ. Đây là điều mà Khổng Tử nói: ‘bất cầu kỳ lạc’ - không thay đổi niềm vui mà ta có.”

“Nói thế thì đúng là tôi đã lĩnh hội nhầm. Có điều, như anh nói, thì sẽ đi đâu để tìm thấy cái Thiện thực sự?”

“Là bản tâm.”

“Phải làm gì để tìm thấy bản tâm?”

“Không cần đi tìm, anh chỉ cần gạt bỏ mọi thành kiến về thiện ác, mọi quan niệm về được mất thì tự nhiên bản tâm sẽ xuất hiện.”

“Anh đã tìm thấy rồi à?”

“Lúc mờ lúc tỏ.”

“Nghĩa là sao?”

“Khi gió xuân về khắp, thảo mộc tranh tốt tươi.”

“Đó là bản tâm?”

“Khí chất bẩm sinh của con người đều khác nhau, bản tâm cũng khác nhau; đây là thể hiện của bản tâm của tôi, còn của anh là thế nào thì tôi không biết. Tuy nhiên, tôi cho rằng trong đó vẫn có những điểm tương đồng: sự yên tĩnh, sáng sủa, ấm áp, có sức sống.”

...

Kể từ đó Cố Chấn cũng gắng tìm bản tâm nhưng chưa tìm thấy lối vào. Tuy nhiên, Cố Chấn cũng có nhận thức về chức trách của mình và chỉnh lại câu nói của Khổng Tử thành: người xưa làm quan là vì mình, người thời nay làm quan là vì người khác. Tôi làm quan không vì ai cả, mà là vì bản tâm của tôi.

Cố Chấn đứng ở mũi thuyền, tiếp tục quan sát hai bên bờ sông. Bỗng thấy trên trời có con chim ưng đang vỗ cánh bay lượn, mạnh mẽ uy vũ, khiến người ta sinh lòng kính nể. Cố Chấn bất giác mỉm cười, liệu đó có phải bản tâm của mình không?



## Phác Họa, Nhận Thây

*Thiên hạ, thế nhi dĩ hỹ. Thế, khinh trọng dã. Cực trọng bất khả  
phản<sup>[46]</sup>.*

*- Chu Đôn Di*

Triệu Bất Vưu từ biệt Tống Tề Dụ và Trịnh Đôn, rồi lên ngựa đi ra ngoài thành, đến chỗ con thuyền khách mới đang đậu ở bên bờ sông Biện Hà.

Lang Phồn đã chết, Chương Mỹ thì mất tích, sự việc diễn biến càng thêm lạ lùng. Cả hai xảy ra chuyện là ngẫu nhiên hay có mối liên quan? Nếu có liên quan thì là chuyện gì, khiến một người bỏ mạng một người mất tích?

Ngày Hàn thực, Đông thủy bát tử họp mặt, Lang Phồn và Chương Mỹ tranh luận về “bất động tâm”, vì thế mà hai người sinh oán hận nhau? Không! Khi gặp gỡ nhau, Bát tử tranh luận là chuyện thường tình, Triệu Bất Vưu cũng từng tham gia tranh luận; tuy khi tranh luận khó tránh khỏi “nóng mặt” một chút nhưng đều chỉ là bàn về kiến thức, chứ Bát tử vẫn luôn khăng khít, đồng lòng và rất tình nghĩa. Huống chi, giả sử hai người ấy tranh luận rồi dẫn đến chuyện cực đoan là... giao đấu, thì người thắng sẽ là Lang Phồn. Thân thủ của Lang Phồn không bằng các võ sư nhưng vẫn thừa sức hạ gục người bình thường, và Chương Mỹ lại chỉ là chàng thư sinh mảnh khảnh.

Trong Bát tử, ngoài Giản Trang ra, Chương Mỹ là người rất điềm tĩnh chín chắn, luôn cân nhắc thận trọng các sự việc chứ không bao giờ nóng nảy hành động. Về trau dồi kiến thức,



Chương Mỹ còn cần mẫn chuyên tâm hơn cả Giản Trang - để tìm hiểu rõ chữ “an” trong bộ Luận ngữ, Chương Mỹ đã đọc rất nhiều kinh sách, trải mười mấy năm đến nay, anh vẫn nói “tôi chưa hiểu thật rõ”, vẫn chưa yên tâm và vẫn tiếp tục mài miết tìm tòi.

Một con người vững vàng nghiêm túc nhường ấy, tại sao lại vắng bóng trước ngày Điện thí?

Ít ra cũng có thể khẳng định: nguyên nhân khiến Chương Mỹ mất tích phải là một sự việc rất lớn, quan trọng hơn cả Điện thí, quan trọng hơn cả tiền đồ của anh.

...

Triệu Bất Vưu vừa thúc ngựa chạy lên cầu vòm thì nhìn thấy ở sạp hàng ăn bên bờ sông có một bóng người gầy gò mặc áo dài xám, đang mở một cuộn giấy ra, và nói chuyện với người chủ quán béo đậm. Người ấy là Trương Trạch Đoan - họa sĩ của cung đình.

Chủ quán xem, và tươi cười: “Ông vẽ tôi đây à? Hề hề... sao quán của tôi lại đẹp thế này? Vẽ cả bánh tẻ, giống quá, đang bốc hơi nóng hổi! Nhưng hôm qua lúc ấy tôi chỉ còn ba cái bánh, vừa mới giục thằng con chạy về nhà lấy thêm.”

“Thế à? Ba cái bánh tẻ... lúc đó có mấy người khách đang đứng bên cạnh?”

Triệu Bất Vưu xuống ngựa, bước lại quán ấy. Là một bức tranh phác họa vẽ sạp hàng bánh tẻ này, xung quanh nó mới chỉ có mấy nét sơ sài.

Chủ quán bóp tay nghĩ ngợi. “Ba hay là bốn... tôi không nhớ rõ. Sau khi con thuyền bốc khói thì người ta chạy ra xem, chạy qua chạy lại, làm đổ cả ghế của tôi, sạp hàng suýt nữa bị xô xuống đất.”

Trương Trạch Đoan lại hỏi: “Tôi muốn hỏi, trước khi thuyền bốc khói, lúc nó đang bị quay ngang, thì có ba hay bốn người đứng cạnh đây?”

Chủ quán ngoảnh sang hỏi một chị bán khoai lang ngồi bên: “Cửu Ca à, trưa hôm qua trước khi thần tiên xuất hiện, có mấy người đứng ở đây? Ba hay bốn người?”

Chị ta đang mải nghĩ gì đó, nên thuận miệng nói luôn: “Ba thì phải.”

“Cảm ơn nhé.” Trương Trạch Đoan đặt tờ tranh lên chiếc hòm gỗ đặt dưới đất, lấy cây bút cài trên tai xuống, vừa lẩm bẩm vừa vẽ. “Còn ba cái bánh tẻ... ba người đứng bên cầu... hai người đứng dưới mái lợp, một người đứng ngoài... đầu chít khăn, để râu...”

Vài năm trước Trương Trạch Đoan đến Biện Kinh du học, lạ nước lạ cái, bơ vơ khốn khổ, không nơi ăn chốn ở, Triệu Bất Vưu ngẫu nhiên nhìn thấy anh bày tranh bán bên phố chùa Tướng Quốc. Tranh của anh không vẽ sơn thủy hoa điểu... diễn tả những thú vui, mà vẽ cảnh phố phường nơi thành thị, vẽ con người, sự vật hiện hữu, cuộc sống đời thường, những nét phong tục thú vị luôn xuất hiện trong tranh của anh. Bút pháp của anh cũng rất khác lạ, ngoài tỉ mỉ tinh tế ra còn đậm chất thuần phác tự nhiên; anh biết, cần vẽ đẹp thì vẽ đẹp, khá dễ, nhưng vẽ những thứ thô nhưng không thể hiện thô mới thật sự là khó. Tựa như một cô gái, dầu không nhan sắc nhưng đeo nhiều trang sức điểm tô thì vẫn hơi xinh đẹp, nhưng chỉ cần mặc áo váy vải thông thường sáng sủa để làm nổi bật nhan sắc tự nhiên thì đó mới là cái đẹp thật sự.

Triệu Bất Vưu càng nhìn tranh càng ưng ý, giống như đọc thơ Đỗ Phủ viết trong những năm tháng sống ở nhà tranh, và càng giống như uống rượu quê, thoát đầu thấy bình thường, nhưng

càng uống sẽ càng thấy đượm thấy nồng, khiến ta say một cách dịu dàng thấm thía. Lại nhìn Trương Trạch Đoan lúc này, giữa thánng chạp giá lạnh chỉ mặc chiếc áo dài cũ kỹ mỏng tang, dù trời đang nắng vẫn rét run người, Triệu Bất Vưu lập tức xin mua tất hơn chục bức tranh, với điều kiện nhà họa sĩ phải đến uống với mình một chén cho thật say...

...

Triệu Bất Vưu rất xúc động khi thấy Trương Trạch Đoan làm việc rất tỉ mỉ nghiêm túc, trí nhớ cực tốt, chờ khi anh ta vẽ xong, mới mỉm cười lên tiếng: “Trạch Đoan!”

Trương Trạch Đoan ngẩng đầu nhận ra người quen cũ, khuôn mặt đang tập trung tinh thần bỗng tươi tỉnh mỉm cười, những nếp nhăn khiến anh vừa như già đi lại vừa rất chân chất. “Chào Bất Vưu huynh!”

“Anh vẽ cảnh sông ngày hôm qua? Vẽ tả thực?”

“Đúng! Trưa hôm qua, lúc đó không có nắng.”

“Anh vẽ cả hai bên bờ sông?”

“Phải!”

“Lúc đó anh đang ở đâu?”

“Ở chỗ kia...” Trương Trạch Đoan chỉ về phía thành cầu chỗ cao nhất, mé đông cầu vòm. Đứng đó tầm nhìn tốt nhất.

“Tôi muốn nhờ anh một việc, anh có thể đi cùng tôi đến chỗ con thuyền kia không?”

“Có việc gì à?”

“Lên thuyền đã, rồi sẽ nói. Có lẽ sẽ hữu ích cho việc sáng tác của anh cũng nên.”

“Được!”

Trương Trạch Đoan thu dọn đồ nghề rồi cùng Triệu Bất Vưu rẽ trái xuống bờ sông.

Lại nghe thấy Cổ Chấn lớn tiếng gọi: “Bất Vưu!”

Cổ Chấn đang đứng trên thuyền tuần tra, Vạn Phúc đứng sau. Thuyền đậu bên cạnh con thuyền khách mới, trên bờ sông và trên thuyền đều có các cung thủ đứng canh gác.

Triệu Bất Vưu dắt ngựa, cùng Trương Trạch Đoan bước lại, Cổ Chấn và Vạn Phúc đã nhảy lên bờ.

Cổ Chấn cũng nhận ra Trương Trạch Đoan, hai người chào hỏi nhau. Cổ Chấn vui vẻ nói với Triệu Bất Vưu: “Già nửa ngày, tôi đã sắp hoàn thành hai việc.”

“Thế à? Chắc anh đã điều tra rõ về các nạn nhân? Và cả tung tích của vị đạo sĩ kia?”

“Ha ha... đúng là hai việc đó nhưng đều mới chỉ hoàn thành một nửa. Về việc thứ nhất, anh sai Vạn Phúc đi tìm nhân chứng, sớm hôm nay hắn đã bắt đầu đi tìm khắp, kết quả tương đối khả quan. Vạn Phúc sẽ báo cáo anh.”

Vạn Phúc đứng bên cười tí, nói: “Hôm qua, tìm người ở gần Mai thuyền bên bờ bắc cây cầu, chưa tìm đủ, chỉ tìm được 11 người. Tiểu nhân bảo họ nhận diện từng người trên con thuyền khách mới, họ cũng chưa thể nhận ra hết. Nhưng cũng đã xác định được non nửa nạn nhân đúng là người đi trên Mai thuyền.”

“Sổ sách ghi chép của nơi thu thuế cũng đã sao lại, chủ Mai thuyền tên là Mai Lợi Cường.” Cổ Chấn đưa cho Triệu Bất Vưu xem mấy tờ giấy đã sao lại. “Tôi cũng đã sai người sao thêm bản nữa để điều tra lai lịch của con thuyền khách mới.”

“Hay lắm! Tôi xin giữ lại bản này.” Triệu Bất Vưu cầm mấy tờ giấy, xem một lượt rồi cất đi.

Cổ Chấn lại nói: “Còn việc thứ hai, đúng như anh nói, tay đạo sĩ và hai tiểu đồng ấy đã trốn thoát; nhưng cái bè gỗ thì không dễ biến mất, nếu không trôi xuôi hạ du thì phải được giấu ở dọc đường. Hoặc để phi tang thật sự thì họ đốt bég đi là chắc nhất.

Tôi đã đi dọc dòng sông và quan sát kỹ hai bên bờ, không thể có chỗ giấu bè. Tôi bèn lên bờ đem theo hai chục cung thủ đi tìm dọc theo bờ sông Biện Hà. Quả nhiên tìm thấy một đồng tro than mới đốt trong một cái hố, bèn hỏi hai nông dân đang đứng gần đó, họ nói mình có nhìn thấy đám khói nhưng vì lúc ấy đang làm đồng, lại đứng hơi xa, ngỡ là có ai đó đốt cỏ khô hoặc đốt tiền giấy nhân ngày thanh minh nên không chú ý nữa. Trong đám tro than, tôi còn tìm thấy cái này...”

Triệu Bất Vưu cầm lấy vật mà Cố Chấn đưa ra: đó là một mẫu vải trắng chưa cháy hết, chất vải thô dày.

Vạn Phúc nói: “Hôm qua tiểu nhân đứng trên cầu vòm nhìn thấy tấm vải phủ trên bè, chắc là thứ vải này.”

Triệu Bất Vưu nói: “Gã đạo sĩ không thể đi bộ mà chạy trốn, chắc trên bờ phải có kẻ tiếp ứng.”

Cố Chấn mỉm cười: “Đúng thế. Cách cái hố không xa, có vết bánh xe, có một số dấu chân, đều còn mới. Vết bánh xe kéo dài đến tận đường cái thì không nhận ra nữa, nhưng nhìn vết cuối cùng thì đoán ra nó từ phía kinh thành chạy đến. Hiện nay gã lẩn trốn trong thành Biện Lương, gã bày ra trò khôn kiếp này, có lẽ nhằm đòi tiền thưởng của nhà nước, nào ngờ lại có ai đó viết thêm hai chữ, biến thành chuyện xấu xa, khiến gã rất khó xoay sở.”

...

Trước cửa Đông Hoa.

Trịnh Đôn đang định hỏi Tống Tề Dụ thì mấy cậu học sinh xúm lại nói: “Hôm nay Tống huynh làm bài văn sách ra sao?”

Trịnh Đôn thấy bất tiện, bèn nói: “Tôi đi tìm Chương Mỹ.”

Tống Tề Dụ gật đầu: “Được, chúng ta chia nhau đi tìm.”

Trịnh Đôn bước đi, Tống Tề Dụ nói cười vui vẻ với mấy anh

học sinh Thái học, giọng anh rất nhẹ nhõm thậm chí phần chần. Trịnh Đôn bỗng cảm thấy rất buồn.

Trịnh Đôn là con một trong gia đình, khi anh lên ba thì bà mẹ ốm qua đời, không lâu sau đó cha anh lấy vợ kế, một phụ nữ tính tình hiền hòa, nhưng rồi cũng không sinh con; tuy nhiên, vẫn là “dì ghẻ con chồng” nên mối quan hệ với anh cũng nhàn nhạt bình thường. Cha anh là võ quan, thường phải luân phiên đi miền biên ải miền tây bắc, để anh và mẹ kế ở nhà.

Anh luôn cảm thấy mình đơn độc như đứa con côi. Cũng may, hơn ba năm sau anh đi học lớp đồng ấu, cùng Tống Tề Dụ và Chương Mỹ trở thành bạn thân cùng học cùng ở cùng chơi, cả ba luôn gắn bó không rời. Về sau lại cùng lên học trường huyện, trường phủ và trường Thái học. Trịnh Đôn trí lực chỉ bình thường, thân thiết với hai người bạn thông minh, nghe họ đàm đạo kinh sử, anh cũng tiếp thu được nhiều điều bổ ích nên vẫn được lên lớp thuận lợi.

Trong lòng Trịnh Đôn, Tống Tề Dụ và Chương Mỹ thậm chí nặng đồng cân hơn cả cha mẹ.

Lúc này Tống Tề Dụ đang vui vẻ hết mình, còn Chương Mỹ thì không rõ tung tích, anh rất hoang mang, lo lắng.

...

Lòng nặng trĩu tâm tư, Trịnh Đôn đi đến khu nhà Thượng xá của Thái học ở dãy nhà ngang phía tây Triều Tập viện. Đây là khu nhà xây vào những năm Vương An Thạch chấn hưng biến pháp, tường hồng ngói xanh, xung quanh rợp bóng những cây cổ thụ. Tám biển treo trên cửa khắc bốn chữ “Duy minh duy thông<sup>[47]</sup>” trích từ sách “Kinh Thư” do Sái Kinh viết chữ mẫu, vừa rắn rỏi vừa bay bướm. Mấy anh gác cổng nhận ra Trịnh Đôn nên không ngăn cản. Anh bước vào. Trước mặt là cây quế cổ thụ

trăm năm tuổi, sừng sững cứng cáp, xum xuê lá xanh mơn mớn. Ngôi nhà chính ở trung tâm là Thánh hiền từ miếu, chính giữa đặt tượng Khổng Tử, hai bên tả hữu là tượng Mạnh Tử và tượng Vương An Thạch. Vào năm thứ ba Sùng Ninh<sup>[48]</sup>, Sái Kinh sau khi lên làm Tể tướng đã phế trừ cựu đảng, đề cao Vương An Thạch, thiên tử ban chiếu rằng “Kể từ sau thời Mạnh Kha (tức Mạnh Tử), Hình quốc công Vương An Thạch là người duy nhất xứng với Khổng Tử, vị thế đứng sau Mạnh Kha, (trẫm) phong (ông ta) là Thư vương”.

Trịnh Đôn đi vòng qua giảng đường của Học điện phía sân trước, đi vào hành lang bên cạnh, đi qua một cái cổng, đến sân sau của Thượng xá. Là một sân rộng vuông vức, phía bắc là mấy gian giảng đường rộng rãi, ba phía đông, tây, nam là các dãy trai xá, mỗi trai gồm năm gian nhà; Tống Tề Dụ ở gian đầu phía đông, Chương Mỹ ở gian thứ ba phía nam.

Học sinh Thượng xá hôm nay đi dự Điện thí, đã thi xong nhưng họ chưa về, cả khu nhà vắng lặng im ắng, chỉ nghe thấy những tiếng chim kêu ríu rít trên cây. Trịnh Đôn bước tiếp đến phòng Chương Mỹ ở, thấy cửa khép hờ, gõ cửa nhưng không thấy ai thưa, anh bèn nhẹ bước vào.

Bên trong im ắng không có ai. Một chiếc lò sưởi khá lớn, choán nửa gian phòng. Trịnh Đôn nhìn cái giường của Chương Mỹ kê sát tường bên trái. Chương Mỹ vốn rất ngăn nắp, cái chăn cũ bọc vải xanh được gấp vuông vức, bên trên là cái gối nan trúc, áo gối vải xanh cũng phẳng phiu không nếp nhăn. Bên trên gối và chăn có lớp bụi mỏng vì mấy hôm nay giường này bỏ trống không ai nằm.

Đứng nhìn một lát, tất cả trống trải không có dấu hiệu gì, Trịnh Đôn lại quay nhìn cái tủ của Chương Mỹ. Tủ khóa. Anh tin chắc trong đó chỉ có vài bộ quần áo và chút tiền chứ không có gì

khác. Trên giá sách chật kín sách các loại - những cuốn kinh thư đã được đọc đến nhàu nát.

Chương Mỹ, anh đang đi đâu? Tại sao không hề nhắn tôi một tiếng?

...

Triệu Bất Vưu, Cố Chấn và Trương Trạch Đoan cùng bước lên con thuyền khách mới.

Hai mươi lăm thi thể kể cả Lang Phồn, được xếp ngay ngắn ở khoang chính, đều đắp chiếu.

Triệu Bất Vưu dẫn Trương Trạch Đoan đi đến cửa khoang: “Trạch Đoan, anh thử nhận diện giúp tôi đây có phải những người đi trên con thuyền mất tích hôm qua không?”

Trông một dãy xác chết, Trương Trạch Đoan thấy sợ, mở to mắt, lùi ra, không dám bước lại gần.

Triệu Bất Vưu ôn tồn động viên: “Anh cần vẽ cảnh sông lúc trưa hôm qua, có lẽ con thuyền khách ấy là một phần của bức tranh cũng nên?”

Trương Trạch Đoan ngơ ngác gật đầu.

Triệu Bất Vưu tiếp tục: “Thoạt đầu, nó sắp gặp nguy, thì người trên thuyền đều vẫn đang sống, nhưng chỉ lát sau họ đã bỏ mạng, đến giờ vẫn chưa xác định được họ là những ai, cũng chưa rõ nguyên nhân, về hung thủ thì lại càng bí ẩn. Một người bỏ mạng, cả gia đình đau xót, huống chi hơn hai chục nạn nhân thì sẽ khiến hàng trăm người buồn thương. Cố Chấn và tôi đang tìm hiểu điều tra vụ hung án này, bước đầu, nếu không thể nhận diện nổi nạn nhân thì có lẽ phải bó tay, rất khó làm tiếp.”

Trương Trạch Đoan nghe xong lại nhìn vào trong khoang, vẫn thấy sợ, định nói gì đó nhưng còn do dự, sau một lát suy nghĩ, anh nói: “Được, tôi sẽ vào xem sao.”



Rồi anh hạ cái hòm dụng cụ xuống, mở nắp, lấy ra một xấp giấy vẽ, đều là ký họa phác thảo, rồi cầm một tờ giấy vẽ con thuyền khách lên. Dù chỉ là phác họa nhưng vẫn thể hiện được hai ba chục người, hoặc hò hét, hoặc hạ cột buồm, chống sào hoặc kéo dây chèo... rất sinh động, thậm chí một số người đã được vẽ cả mặt mũi rất rõ ràng.

Triệu Bất Vưu và Cố Chấn đều rất mừng, Vạn Phúc ghé sát lại xem, trầm trồ: “Hệt như cảnh hôm qua tiểu nhân nhìn thấy.”

Trương Trạch Đoan gượng cười: “Hơn năm chục khuôn mặt người trên thuyền, tôi nhớ được mấy người?”

Triệu Bất Vưu vội nói: “Không sao, anh nhận ra được một người cũng là rất quý rồi!”

Cố Chấn và Vạn Phúc đi vào trong khoang thuyền, Triệu Bất Vưu cũng kéo Trương Trạch Đoan vào theo, rồi bước đến chỗ thi thể thứ nhất đặt dưới ô cửa sổ bên trái.

Vạn Phúc vén một góc cái chiếu lên, lộ ra một khuôn mặt mà máu đen đã trào ra mắt mũi mồm tai, hôm qua thì chưa thế này. Trương Trạch Đoan sợ quá giật mình kêu lên. Triệu Bất Vưu vội vỗ vai anh, động viên: “Đừng sợ, đừng sợ.”

Cố Chấn nói: “Hôm qua nhân viên chuyên khám nghiệm nói rằng 24 người chết do trúng độc. Trưa nay kiểm tra và kết luận chất độc là Thử mãng thảo - thứ cỏ độc chỉ ở Giang Nam mới có. Người bị trúng độc sẽ nứt môi, đen răng, sau một ngày một đêm thì chín khiếu đều rỉ máu.”

Trương Trạch Đoan nghe xong càng thêm sợ, đứng nép sang bên không dám nhìn nữa.

Triệu Bất Vưu: “Tôi biết Trạch Đoan có cặp mắt tinh tường và trí nhớ cực tốt, chỉ nhìn một lần là nhớ rất chuẩn...”

Trương Trạch Đoan vẫn không dám nhìn thêm, tay chỉ vào bức vẽ, nói giọng run run: “Tôi đã nhìn rồi, người này là phu

thuyền đã rút cái chốt hãm cột buồm...”

Trong bức phác họa, có một người mặc áo cộc, đôi chân khăng khiu đang đứng trên mái lợp gỗ dây thừng ở thân dưới cột buồm.

“Người này thì quay lưng lại...”

“Hôm qua, lúc anh ta nhảy lên nóc thuyền thì tôi nhìn thấy, sau khi rút chốt, anh ta ngoảnh về phía tôi một lần: gò má cao, mũi tẹt, chóp mũi bè bè, có hai chòm ria...”

Triệu Bất Vưu nhìn cái xác, thấy đúng như Trương Trạch Đoan vừa kể lại. “Đúng rồi! Bây giờ chúng ta nhìn cái xác thứ hai.”

Vạn Phúc lại lật chiếu đây cái xác thứ hai. Trương Trạch Đoan chỉ dám liếc nhìn rất nhanh, rồi chỉ vào một người cao cao đang chống sào trong tranh: “Là người này.”

Mặt anh ta được vẽ rất tỉ mỉ, lông mày xéch xuống, mũi khoằm, môi bẹt, cằm dài. Rất giống cái xác này.

Cứ thế, Trương Trạch Đoan tiếp tục nhận diện những người khác, anh dần không thấy sợ nữa. Ngoài Lang Phồn ra, đã xác định được 15 trong 24 thi thể, hơi lưỡng lự đối với 4 thi thể; 5 thi thể còn lại, thì 2 trong số đó hôm qua Trương Trạch Đoan chỉ nhìn nghiêng nên không dám chắc, 3 thi thể cuối cùng thì hoàn toàn không nhớ.

Tóm lại, đa số bọn họ là người trên Mai thuyền hôm qua, khớp với tranh vẽ phác thảo, không kể 5 người còn lại.

“Cũng may, tôi đã vẽ lại tỉ mỉ những người trên thuyền.” Trương Trạch Đoan bước ra khỏi khoang thuyền, lau mồ hôi trán, khuôn mặt già trước tuổi của anh có nét vui vẻ rất chân thành.

Triệu Bất Vưu mỉm cười. Anh chàng này chỉ say mê hội họa, chứ không bận tâm thứ gì khác. Lúc này hoảng sợ khi nhìn xác

chết, lúc này anh ta đã quên bém và trở lại với hứng thú của mình. Năm ngoái Triệu Bất Vưu mời Trương Trạch Đoan đến nhà dùng bữa, chú em họ Triệu Bất Khí cũng có mặt - Bất Khí hơi quá đáng, đã múc thìa muối cho vào bát thang của Trương Trạch Đoan nhưng Trương Trạch Đoan vẫn húp hết mà không cảm thấy mặn gì hết.

“Hôm qua sau khi con thuyền đó biến mất, gã đạo sĩ lướt xuôi dòng thì Trạch Đoan đang ở đâu?”

“Tôi vẫn đứng trên cầu vòm.”

“Anh có thấy điều gì lạ không?”

“Lúc đó tôi mãi quan sát để nhớ vẻ mặt của những người đứng trên cầu nên chỉ thoáng nhìn tay đạo sĩ, chứ không nhìn kỹ.”

“Anh dù thoáng nhìn thì vẫn chuẩn hơn người khác nhìn lâu, chắc anh có thấy hai tiểu đồng phía sau đạo sĩ chứ?”

“Có thấy! Chú tiểu đồng hơi cao hơn, chính là thằng bé đứng trên mũi thuyền nhưng đã thay quần áo khác.”

“À ra thế...” Triệu Bất Vưu nhìn vào giữa bức tranh: trên mũi thuyền có một phụ nữ bế thằng bé con, đang vẫy tay. Triệu Bất Vưu đã nghe Vạn Phúc kể lại tình hình lúc đó, phía sau đạo sĩ có hai tiểu đồng - cũng như đạo sĩ, chúng không thể bỗng dưng hiện ra, mà đều là người ở sẵn trên Mai thuyền; một trong hai tiểu đồng chính là thằng bé con trên mũi thuyền, và chắc chắn tiểu đồng thứ hai cũng nấp sẵn trên thuyền. Qua nhận diện của Trương Trạch Đoan, có thể đoán chắc là thế.

Khi thuyền gặp nạn, người phụ nữ kia bế đứa trẻ lên mũi thuyền để làm gì? Không cần thiết. Vì thuyền gặp nạn không nguy hiểm gì, nhiều nhất là gãy cột buồm, rồi thuyền bị quay ngang quay dọc, cứ để đứa trẻ trong khoang vẫn an toàn hơn...

Triệu Bất Vưu lại hỏi: “Chắc anh cũng thoáng nhìn gã bạch y

đạo sĩ?”

Trương Trạch Đoan hơi do dự, rồi nói: “Đó là Lâm Linh Tố.”

“Lâm Linh Tố?” Cổ Chấn và Vạn Phúc cùng thốt lên.

“Lâm Linh Tố là giáo chủ Ngọc Chân, đã chết rồi kia mà?”  
Triệu Bất Vưu rất kinh ngạc nói.

Đương kim thiên tử sùng tín Đạo giáo, sáu bảy năm trước, nhà vua đi khắp nơi tìm các phương sĩ, ngài đã đọc tác phẩm “Thần tiêu dao” của Lâm Linh Tố với vô số từ ngữ mỹ miều về thần tiên, rất vui nên đã triệu kiến ông ta. Lâm Linh Tố thưa rằng: “Trời có chín tầng, Thần ở tầng cao nhất. Trên đó có Ngọc Thanh vương, danh hiệu là Trường sinh đại đế quân, chính là bệ hạ; nay bệ hạ đã giáng trần cai quản nhân gian.” Nhà vua nghe vậy càng mừng rỡ, ra lệnh cho Đạo sách viện dâng biểu cầu thần, và nhà vua tự xưng là Giáo chủ Đạo quân hoàng đế.

Kể từ đó Lâm Linh Tố rất được trọng vọng, quyền thế át cả các vương hầu công khanh, thu nạp gần hai mươi ngàn đệ tử, sống sung sướng xa hoa, hết sức ngông nghênh. Thiên tử gọi y là “Kim môn vũ khách”, là “Thông minh thần tiên”, và tự tay đề chữ ban cho danh hiệu “Ngọc Chân giáo chủ Thần tiêu Ngưng thần điện Thị thần”.

Nhưng cách đây hai năm, kinh thành bị thủy tai ngập lụt, Lâm Linh Tố tuyên bố mình tinh thông Ngũ lô pháp, có thể hô phong hoán vũ sai khiến thần linh, thiên tử bèn sai y lên tường thành “đuổi nước lũ”, pháp thuật thất bại, lũ vẫn dâng cao, phu phen giữ thành chống lụt tức giận vác gậy đuổi đánh y. Thiên tử thất vọng, bèn cho Lâm Linh Tố quy sơn mà tu đạo.

Năm ngoài Lâm Linh Tố đã chết, chôn ở Vĩnh Gia.

Trương Trạch Đoan chậm rãi nói: “Tôi cũng biết Lâm Linh Tố đã chết, nhưng hôm qua tôi thoáng nhìn là nhận ra ông ta. Nhất là đôi tay: ngón tay ông ta dài khác thường, nuôi móng tay dài

đến nửa gang tay; khi xòe bàn tay ra, năm ngón tay choãi rộng và cong lên, hai ngón cái vểnh lên rất khiếp.”

Cố Chấn hỏi: “Tức là hắc chưa chết?”

Triệu Bất Vưu tin ở thị lực của Trương Trạch Đoan. “Hắc đã giả chết. Sau khi bị thất sủng, hắc muốn bày trò ‘thuyền tiên và thiên thư’ để ngóc đầu dậy, nhưng một kẻ như hắc thì chẳng thể làm nên trò trống gì.”

Cố Chấn nói: “Có người đã sửa lại ‘thiên thư’ cho nên vố này gã lừa đảo họ Lâm chẳng ăn nhằm gì mà còn bị chết dở. Vụ án này ngày càng thêm loạn.”



## Kiểm “Nghĩa Tại”

*Học giả tu kính thủ thủ tâm, bất khả cấp bách. Đương tài bồi thâm hậu, hàm vịnh ư kỳ gian, nhiên hậu khả dĩ tự đắc<sup>[49]</sup>.*

*- Trình Di*

Triệu Bất Vưu tiến Trương Trạch Đoan, rồi quay lại thuyền.

Vạn Phúc nói: “Người khám nghiệm tử thi đã xem xét thi thể Lang Phồn, nói rằng anh ta bị kiếm đâm vào ngực tử vong. Hung khí vẫn ở bên người Lang Phồn.”

Rồi Vạn Phúc mở tử trong khoang lấy ra hai vật bọc vải, một dài, một vuông. Triệu Bất Vưu mở xem vật dài chừng hai gang tay, đó là một thanh đoản kiếm có cả bao kiếm. Rút ra, thấy máu dính lưỡi kiếm đã khô đen, trên lưỡi kiếm khắc hai chữ “Nghĩa Tại”.

Triệu Bất Vưu nhận ra đây là thanh kiếm của Lang Phồn, tên kiếm xuất phát từ lời của Mạnh Tử: Ngôn bất tất tín, hành bất tất quả, duy nghĩa sở tại<sup>[50]</sup>. Lang Phồn tập võ nhưng không bận tâm quan niệm kiểu giang hồ “tráng sĩ đã nói thì phải làm, đã làm thì phải có kết quả”, mà là theo đuổi đại nghĩa của Nho gia: sát thân thành nhân<sup>[51]</sup>, xả thân vì nghĩa.

Triệu Bất Vưu lại xem bọc vải thứ hai: trong đó có hai cuốn sách, là cuốn “Mạnh Tử” và cuốn “Lục thao”. Tri thức về đạo nhân nghĩa và binh thư kế sách là chí hướng của Lang Phồn.

Anh bỏ mạng bởi thanh kiếm “Nghĩa Tại”, là vì một thứ Nghĩa gì? Có phải là Nghĩa mà đời anh hằng theo đuổi? Hay chỉ là, vì ngẫu nhiên gặp kẻ hung ác, anh không nỡ đánh hấn bị thương,

nhưng lại bị hấn đoạt mất kiếm rồi sát hại anh?

Triệu Bất Vưu rất buồn, im lặng không biết nói gì. Hai thứ này là vật chứng, Triệu Bất Vưu đưa lại cho Vạn Phúc cầm. “Tìm thấy ở dưới thi thể Lang Phồn à?”

“Vâng. Lưng Lang Phồn có vết máu dính trên kiếm. Mu bàn tay có vết răng của người trưởng thành cắn.”

Có phải là vết răng của hung thủ? Nếu đúng thế, thì có lẽ hung thủ là kẻ không biết võ công, hấn phải hèn hạ cắn Lang Phồn để cướp được thanh đoản kiếm. Nhưng nếu hấn không biết võ công thì sao giết nổi Lang Phồn? Hay chỉ là ngộ sát? Có vẻ như, sau khi giết xong thì hấn vút kiếm vào khoang ngậm rồi mới kéo xác Lang Phồn xuống để giấu đi.

Hung thủ là ai? Có phải là một trong 24 người đã chết? Là gã đạo sĩ Lâm Linh Tố đã trốn mất? Hay là gã Cốc Nhị Thập Thất người duy nhất sống sót? Hay là một người khác đã bỏ trốn nhân lúc hỗn loạn?

Triệu Bất Vưu hỏi: “Đã thăm vấn Cốc Nhị Thập Thất chưa?”

Cố Chấn nói: “Tôi đã giải hấn đến phủ Khai Phong giao cho Suy quan. Tôi qua đã tra hỏi mấy lần, nhưng không moi được tin gì mới. Tôi cũng cử người đi dò tìm tung tích gã đạo sĩ, nhưng hôm qua là thanh minh, rất đông người ra vào thành, tìm một gã đạo sĩ không dễ. Mới chỉ biết gã tên là Lâm Linh Tố, chắc sẽ tìm được vài manh mối.”

Triệu Bất Vưu trầm giọng: “Gã cố ý chọn ngày để hành động. Đông người dôi theo thì tiếng vang sẽ lớn; ngày thanh minh có vẻ phù hợp để bày trò ma mẫn, nên gã tung ra tám chữ “*Thiên địa thanh minh* Đạo quân thần thánh”; hôm qua người ta đốt nhiều vàng mã, nên dễ dàng đốt bè gỗ mà không bị chú ý.”

“Ngoài gã đạo sĩ ra, thì kẻ nào đó thêm vào đó hai chữ, lại càng đáng ngờ, có lẽ chính kẻ đó đã sát hại hơn hai chục người.”

“Hiện giờ chưa thể khẳng định là ai. Nhưng, sự việc thuyền tiên tung ra Thiên thư, ngụ ý tạo điềm lành, sau đó giết người, xóa dấu vết, để lại câu nói ngổ nghịch... chứng tỏ Mai thuyền ẩn chứa không ít bí mật.”

“Có thể là chủ thuyền chở khách mới là kẻ gây ra hậu quả, nhưng đến giờ vẫn chưa biết ai là chủ thuyền cũng như lai lịch của con thuyền.”

“Phải tra sổ của nơi thu thuế trên sông, loại trừ dần.”

“Tôi đã sai người đang tra cứu.”

“Được! Tôi phải đi tìm Chương Mỹ xem sao.”

Triệu Bất Vưu cố né tránh cái ý nghĩ này: ngờ rằng Lang Phồn và Chương Mỹ xuất hành cùng một ngày, không phải ngẫu nhiên. Đến giờ vẫn chưa thấy tin về Chương Mỹ, chỉ e đã có chuyện chẳng lành.

...

Triệu Bất Vưu cáo biệt Cố Chấn rồi đi qua cầu, sang bờ nam sông Biện Hà.

Thuyền chở khách từ Biện Kinh đi phủ Ứng Thiên đều đậu ở đây để chờ khách, chia ba nhóm thuyền sớm, thuyền trưa và thuyền tối. Hôm Hàn thực, Lang Phồn lên thuyền, chắc là đi thuyền tối. Thuyền tối, thường chỉ có vài con thuyền đậu bên bờ. Triệu Bất Vưu lần lượt hỏi các chủ thuyền nhưng họ đều không nhớ. Con thuyền cuối cùng đang đậu trước quán trà Tiêu Nhị Nương, chủ thuyền tên là Hạ Bách Tam.

“Triệu tướng quân định đi thuyền à?” Hạ Bách Tam tuổi trung niên, cao gầy.

“Không. Tôi muốn hỏi thăm Hạ huynh một chuyện.”

“Ngài lại xét án cho người ta à? Là chuyện gì, xin ngài cứ hỏi.”

“Huynh có biết viên ngoại ở ty Thiện bộ Lễ tên là Lang Phồn



không?”

“Là Kiếm tử trong Đông thủy Bát tử phải không?”

“Đúng thế!”

“Tám vị ấy thường tập hợp ở quán trà Lão Nhạc bờ bên kia. Triệu tướng quân định hỏi ông ta về chuyện gì?”

“Chiều hôm Hàn thực, ông ấy có ngồi thuyền của huynh đi phủ Ứng Thiên không?”

“Hôm Hàn thực? Để tôi nhớ lại xem... hôm đó có mười hành khách... Và không có ông ấy.”

“Thế à? Cảm ơn huynh.”

Vậy là các con thuyền thường xuyên đi tối đều không nhớ Lang Phồn. Vậy anh ta đi bằng cách nào? Đi đường bộ? Nhà Lang Phồn không có ngựa, và, cưỡi ngựa đi Ứng Thiên cũng rất mệt, ngồi thuyền xuôi dòng chỉ một buổi tối là đến nơi, tội gì phải cưỡi ngựa?

Triệu Bất Vưu bước đi, vừa đi vừa nghĩ ngợi. Bỗng Hạ Bách Tam lại gọi: “Triệu tướng quân! Hôm đó tôi không thấy Lang Kiếm tử nhưng nhìn thấy Sách tử.”

“Sao?” Triệu Bất Vưu vội ngoảnh lại. “Huynh nói là Sách tử Chương Mỹ?”

“Vâng. Lúc đó thuyền tôi sắp nhổ neo, ông ấy vội chạy đến rồi lên thuyền.”

“Ông ấy đi đâu?”

“Phủ Ứng Thiên.”

“Đến phủ Ứng Thiên ông ấy xuống thuyền à?”

“Đúng!”

Triệu Bất Vưu nén kinh ngạc, lại hỏi: “Ông ấy đem theo những gì?”

“Không đem theo gì cả. Tôi cũng lấy làm lạ, đi xa thế lại đi tay không.”

“Trên thuyền, ông ấy có nói gì không?”

“Không. Cứ im lặng suốt, như đang nghĩ ngợi gì đó. Chỉ nói là đi Ứng Thiên, trả tiền đi thuyền, bà xã tôi dẫn ông ấy vào một gian nhỏ ở khoang, hỏi ông có cần ăn gì không, ông ấy bảo đã ăn rồi. Đến tối, ông ấy ra đứng ở đuôi thuyền ngắm sông nước, ngắm trăng, dù nói gì ông ấy cũng chỉ im lặng gật đầu. Đứng đến khuya lại quay vào khoang. Hôm sau cập bến Ứng Thiên thì ông ấy lên bờ...”

...

Đông thủy ngũ tử khẩn vái Lang Phồn xong, họ lại trở về quán trà Lão Nhạc bên bờ sông Biện Hà.

Lúc này đã hoàng hôn, quán vắng khách. Con thuyền khách mới đã được kéo vào cầu tàu, chỉ còn hai thuyền khách đậu bên bờ sông, nhà thuyền đang ăn cơm.

Bốn bề vắng lặng im ắng, năm người ngồi vây quanh cái bàn kê sát bờ nước, tất cả đều trầm mặc. Chỉ có Kỳ tử Điền Huống cầm hai quân cờ Định Dao<sup>[52]</sup> một trắng một đen, vân vê kêu rì rít nghe thực náo nê. Mặc tử Giang Độ Niên nghe sốt ruột quá nhìn sang Điền Huống, Điền Huống bèn dừng tay.

Trịnh Đôn cảm thấy rất không thoải mái, nâng chén trà uống phát ra âm thanh suýt soát khá to, anh vội nuốt “ực” một cái, rất lúng túng, rồi đưa tay lên quệt mép.

Giang Độ Niên rất bức xúc, đành lên tiếng vậy: “Lang Phồn đi phủ Ứng Thiên làm gì nhỉ?”

Giản Trang ngồi ghé ở đầu bàn, cau mày không nói gì. Nhạc Chí Hòa thấy Giản Trang im lặng thì cũng tiếp tục trầm ngâm. Điền Huống thở dài, đảo mắt nhìn vô định, suy nghĩ rất lung.

Trịnh Đôn khẽ nói: “Vẫn không thấy Chương Mỹ đâu, chiều nay tôi đã hai lần vào ký túc xá hỏi, các bạn ở cùng đều nói anh

ấy chưa về.”

Diễn Huống, cũng như mọi ngày, chậm rãi nói: “Có lẽ Lang Phồn cảm thấy không yên tâm nên mới đi phủ Ứng Thiên.”

Giang Độ Niên lập tức hỏi: “Không yên tâm về điều gì?”

“Tôi cũng không biết, nhưng chắc phải có điều gì đó khiến anh ấy không yên tâm.”

“Nhưng ít ra anh ấy phải cho chúng ta biết đôi ba câu.”

“Chắc là đột ngột quá nên không kịp nói.”

“Chương Mỹ thì sao?”

“Chắc cũng có nguyên nhân của mình.”

“Nguyên nhân gì khẩn cấp đến nỗi bỏ cả tham gia Điện thí?”

“Tôi biết sao được.”

Mọi người lại trầm mặc.

Hồi lâu sau Giản Trang mới nghiêm nghị nói: “Lang Phồn đã chết, quan phủ đang điều tra, chúng ta tạm thời không thể làm gì. Hiện giờ cần gấp quan tâm Chương Mỹ, chúng ta nên chia nhau đi tìm - đi hỏi tất cả những ai Chương Mỹ quen.”

Giang Độ Niên hỏi: “Còn anh ấy?”

Giản Trang trầm ngâm, rồi nói: “Những việc cần làm, chúng ta đã làm rồi; trời không chiều ý con người thì cũng đành vậy. Anh ấy cứ việc đi.”

...

Triệu Bất Vưu đang ngồi trong thư phòng suy nghĩ về vụ án bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa.

Triệu Mặc Nhi chạy ra mở cửa: “Chào Cố huynh. Muộn thế này...”

“Anh trai cậu đã ngủ chưa?” Cố Chấn hỏi.

“Chưa ạ.”

Triệu Bất Vưu vội cầm chiếc đèn dầu bước ra đón.

“Bất Vưu, vụ án này không thể làm...”

“Sao thế?”

“Lúc này quan Phủ doãn cho gọi tôi đến, nói là tạm gác vụ án lại, không cho điều tra nữa.”

Triệu Bất Vưu sững sờ: “Quả nhiên là thế...”

“Là vì hai chữ viết thêm vào tấm gấm, anh đã đoán trước rồi?”

“Ngay từ đầu tôi đã hơi lo lắng, dù có thêm hai chữ ấy hay không, thì vụ việc vẫn rất khó điều tra tiếp. Nếu không có hai chữ ấy thì đó là ‘Thiên thư giáng trần’; không như triều đại trước, hiện nay không có các trung thần chính trực can gián nhà vua, ai ai cũng cầu an, dâng ‘điềm tốt lành’ để được lĩnh thưởng. Nay Thiên thư bị thêm hai chữ ấy biến thành ‘phản thư’, nếu bề trên nhìn thấy thì bề trên sẽ rất điên tiết. Nếu bắt được hung thủ thì tốt, nhưng vụ án này rất khó điều tra; nếu không tra ra kết quả ai chủ mưu, ai khơi chuyện ra, ai mớm lời... thì lúc đó sẽ có không ít người dâng thư chỉ trích, bôi nhọ, chê bai.”

“Chà chà! Đúng là tôi cũng chưa nghĩ kỹ. Có lẽ quan Phủ doãn đã bấm lên bộ Hình, bộ Hình lại bấm báo thừa tướng. Vương Phủ mới lên làm thừa tướng tất nhiên muốn né tránh tai vạ hiềm nghi. Nhưng nếu chỉ có thế thì vẫn dễ làm việc, nếu phá được án thì chắc họ cũng muốn nhận công lao, chỉ hiềm trong ngục lại xảy ra chuyện...”

“Gã phu thuyền Cốc Nhị Thập Thất chứ gì?”

“Đúng! Hắn đã tự sát.”

“Tự sát?”

“Uống thuốc độc. Vì hắn chưa bị coi là tội phạm nên lính ngục chưa bắt hắn mặc quần áo tù, cũng chưa thẩm vấn tỉ mỉ. Hắn giấu sẵn lọ thuốc độc trong người, nhân lúc không ai để ý, uống

luôn. Hẳn là nhân chứng duy nhất trực tiếp nhất trong vụ án, hẳn chết rồi thì càng khó phá án. Quan Phủ doãn cũng không muốn dính dáng đến vụ việc, nói rằng cứ gác lại đã, ít lâu sau người ta sẽ lãng quên. Ông ấy ra lệnh, thì cấp dưới chúng tôi đành phải nghe. Đây là điều mà các nhân viên nhà nước rất bức xúc.”

Triệu Bất Vưu trầm mặc một lúc rồi nói: “Ông ta không thể không chế tôi.”

“Huynh sẽ vẫn điều tra?”

“Đúng!”

“Chỉ e không dễ đâu.”

“Không thể để cho hơn hai chục người chết rồi thì thôi.”

...

Sáng và tối mỗi ngày, Giản Trang đều tĩnh tâm ngồi một canh giờ, nhưng sáng nay tâm trí anh rối bời không sao làm được.

Năm xưa khi anh theo học thầy Trình Di thì thầy đã thất thế, cả thầy ba lần nghe thầy thuyết giảng, lần cuối cùng thầy mới nói chuyện riêng với Giản Trang. Khi đó anh còn trẻ, thấy thời cuộc hỗn loạn, anh từng có chí hướng làm trong sạch chính sự. Có lẽ thầy đã nhận ra ý tưởng quá mạnh mẽ trong anh, nên thầy nói: “Giản Trang con ạ, bậc quân tử phải luôn đề cao sứ mệnh. Con cần giữ vững chữ ‘kính’, an tâm kiên trì sứ mệnh, đó là cốt lõi vậy.”

Dù chưa thật hiểu rõ nhưng anh vẫn khắc ghi trong lòng, vài năm sau đó, khi cảm thấy nản lòng mệt mỏi anh suy ngẫm kỹ và mới lĩnh hội được ý của thầy. Dù là đất nước hay một cá nhân, đều có vận và mệnh. Con người tất nhiên dù rất có tâm, có thể phản kháng nhưng sức lực có hạn, vẫn có những thứ không thể vượt qua. Khi đối diện với giới hạn, người quân tử phải biết trăn

tĩnh không hoang mang và càng không từ bỏ; phải kính thiên mệnh nhưng không tự đánh mất bản ngã, biết lựa thời thế mà kiên trì lẽ phải.

Kể từ đó Giản Trang chuyên tâm giữ vững chữ Kính: kính tâm, kính nhân, kính sự, và không dám mảy may lơ là coi nhẹ.

Hơn hai chục năm qua, anh luôn tu thân dựa vào chữ Kính, nghiêm cẩn trong xử thế, luôn nhẹ nhõm tự chủ không khiên cưỡng. Nhưng hôm nay dầu vẫn gượng ngồi chiếu tre nhưng lòng anh không ngớt bồn chồn bức xúc bởi hai sự việc - chúng như hai con ngựa hoang không chịu gò bó trong chuồng.

Chuyện thứ nhất tất nhiên là về cái chết của Lang Phồn và Chương Mỹ đang mất tích. Kể từ khi anh đến Biện Lương phần hoa náo nhiệt, thấy nhân tâm ở đây phù phiếm không thực chất, khó mà tìm thấy một người tâm định thần an. Chục năm trước, anh làm quen với bảy người bạn đồng tâm hợp ý. Lang Phồn và Chương Mỹ đều có những nét tính cách rất giống anh, Lang Phồn ít nói nhưng chí cao và đầy hoài bão, như anh hồi trẻ. Chương Mỹ trầm tĩnh, trung thực, giống anh mười năm sau đó; Chương Mỹ có đức hạnh và học vấn hơn đời, ứng đối xử sự thân thiện tình cảm hơn cả Lang Phồn, nếu anh ấy đi làm quan chắc hẳn sẽ gặt hái thành công lớn. Nay cả hai cùng xảy ra chuyện, Giản Trang đau xót và lo âu đan xen khiến anh đứng ngồi không yên.

Một sự việc khác là chuyện trong nhà anh. Anh vốn dốc lòng tu thân, không sâu sát đời thực và càng không thạo mưu sinh - như cách nói của Khổng Tử: “Ưu đạo bất ưu bản<sup>[53]</sup>”, anh không muốn làm quan để mưu cầu bổng lộc và cơm ăn áo mặc. Năm xưa đến Biện Lương vì nơi đây hội tụ vô số nhân tài, lại dễ tầm sư học đạo, đồng thời cũng vì lời mời của một đồng hương. Hai chục năm trước, người đồng hương ấy làm huyện lệnh huyện

Tường Phù phủ Khai Phong, dịp đó đất nước đang áp dụng “Tam xá pháp<sup>[54]</sup>”, các châu huyện đều dành ruộng đất để xây dựng trường ở. Người bạn ấy rất kính trọng nhân cách và học vấn của Giản Trang, mời anh đến Biện Lương mở trường dạy học, dành hai chục mẫu ruộng công giao cho anh để tổ chức trường học. Anh đã bán ruộng đất tổ tiên để lại ở quê rồi mua nhà ngoại thành kinh đô để ở. Suốt hai chục năm sống dựa vào tiền cho thuê hai mươi mẫu ruộng, cũng tạm ổn.

Nhưng năm nay nhà nước đã dừng chế độ “Tam xá”, thu lại ruộng đất phục vụ học đường, sáng nay quan Chủ bạ huyện Tường Phù đã thu lại giấy tờ liên quan và còn hỏi anh về những chuyện cho thuê ruộng trong những năm qua. Anh không nắm được, vợ anh là Lưu thị vốn “hơi dần” nên mọi việc đều do em gái của anh là Giản Trinh quản lý trông nom.

Cô em Giản Trinh do bà vợ bé của cha anh sinh ra, khi ông qua đời, Giản Trinh mới lên hai tuổi, bà mẹ cải giá đi lấy người khác, vợ chồng Giản Trang đem Giản Trinh về Biện Lương giao cho Lưu thị nuôi nấng. Giản Trinh rất thông minh, năm 12-13 tuổi đã có thể chia sẻ việc nhà, hai ba năm sau, Lưu thị giao cho cô điều hành mọi thu chi của gia đình. Dầu kinh tế eo hẹp chẳng khá giả gì nhưng cô vẫn rất khéo thu xếp để cả nhà sống ung dung và có chút tiền bạc dành dụm.

Viên quan Chủ bạ hỏi về việc cho thuê ruộng đất, Giản Trang ngồi tiếp ông ta trong nhà, Giản Trinh không tiện ngồi cùng, cô ngồi ở gian trong để trả lời, và nhờ Ô Mị ra nói thay. Tất cả rất rành rọt phân minh. Chủ bạ nghe xong ra về.

Ông ta vừa đi khỏi thì Ô Mị khóc âm lên: “Thu lại ruộng đất thì từ nay sống ra sao? Khổ thân đứa con trong bụng thiếp mới được ba tháng đã phải bị đói khổ cùng cha nó, cùng mẹ cả, mẹ đẻ và cô ruột... hu hu hu...”

Giản Trang suốt đời giữ chữ Kính, nhưng vẫn bị rối trí trước mặt người thiếp. Nét yêu kiều của cô thường khiến anh lúng túng khó xử, cái tính cách tùy tiện không e dè của cô thường khiến anh thương cũng khó mà giận cũng không nên.

Đúng lúc anh đang phiền muộn thì Lưu thị cũng rầu rầu bước ra, Ô Mị nắm tay Lưu thị rồi cả hai cùng khóc lóc. Giản Trang đang vừa buồn vừa thẹn, lại càng buốt óc trước tình thế này, anh đành đi vào thư phòng để “tĩnh tâm”, nhưng tĩnh tâm sao nổi?

“Mình ơi, đừng buồn nữa! Nhà ta đã có lối thoát!” Chỉ lát sau Ô Mị ngúng nguẩy chạy vào, nước mắt trên mặt vẫn chưa khô nhưng trông cô đã rất vui.





## Khuê Các, Họa Phẩm, Và Điện Sản

*Nhân tâm mạc bất hữu tri, duy tế ư nhân dục, tắc vong thiên lý  
đã<sup>[55]</sup>.*

*- Trình Di*

Tuy hiện giờ vụ án không chút manh mối gì nhưng người ta vẫn có thể cảm nhận chắc chắn có liên quan đến vô số vấn đề. Quan phủ đã gác lại không điều tra nữa, nhưng Triệu Bất Vưu không thể dừng. Giống như nhà nông làm ruộng, thấy cây lúa bỗng dưng khô héo đâu có thể coi như không nhìn thấy?

Dẫu không biết nếu đi sâu tìm hiểu sẽ vấp phải những gì, Triệu Bất Vưu cảm nhận mình sẽ như đi vào một vùng đầm lầy mờ mịt, coi chừng kết quả sẽ bằng không, lại còn có thể gặp tai họa nguy đến tính mạng. Nhưng bản tính vốn cứng cỏi, lại là dòng dõi hoàng tộc, thời niên thiếu ở trong Đôn Tông viện bị không chế đủ bề, ngay ra khỏi cổng cũng không được; hàng ngày tiếp xúc với con em tôn thất, chỉ khi gặp dịp lễ tết thì mới được tham dự các buổi lễ nhưng vẫn phải xếp hàng theo từng tổ nhóm, cấm nói cấm đùa nghịch. Hồi đó, nhìn những bức tường cao cổ kính bám đầy rêu xanh ẩm ướt nước mưa, Triệu Bất Vưu thường nghĩ, sống thế này chẳng bằng chim trong lồng - chúng còn được kêu được hót được nhảy nhót; mình chỉ có thể an phận bị trói buộc ở Đôn Tông viện, sinh trưởng ở đây rồi sẽ chết già ở đây hay sao?

May sao những năm gần đây mọi hạn chế dành cho tôn thất dần được nới lỏng. Triệu Bất Vưu là con em hoàng tộc đầu tiên

được ra khỏi Đôn Tông viện. Ra chốn nhân gian làm Tụng thư, Triệu Bất Vưu mới cảm thấy mình được sống thật sự. Người ta vẫn chế nhạo Triệu Bất Vưu là “phượng hoàng tự biến mình thành con chuột nơi đầm lầy”, nhưng chỉ Triệu Bất Vưu mới hiểu rõ: mọi vinh hoa phú quý, hưởng lạc, đều chẳng bằng được làm một con người hữu dụng. Huống chi những tôn quý khi trước chỉ là hư danh, là cái vỏ, thậm chí là nhà ngục.

Vì thế, vụ Mai thuyền rùng rợn kinh hãi nhưng cũng khiến ý chí mãnh liệt trong lòng Triệu Bất Vưu trỗi dậy. Đây chẳng phải ý thức đại nghĩa đại dũng to tát gì, nhưng nó là tập hợp của những u uất từ thời thơ ấu dồn nén và những hậm hực đối với những quy tắc trói buộc bởi thân thế. Hậm hực, rồi đi đến đâu? Nhưng vẫn còn hơn sống rụt rè thu mình lại, phí hoài cả áo cơm.

Từ ngõ Đan Biều đến phường Lễ Thuận không xa, đều ở ngoại ô phía đông thành, Triệu Bất Vưu đi bộ men sông Hộ Long theo hướng bắc. Bờ sông gió nhẹ mát mẻ, những chùm tơ liễu đung đưa, một đàn hạc trắng vừa kêu vừa bay ngang trời, Triệu Bất Vưu thấy lòng sáng khoái, bỗng nổi thi hứng và ngâm nga một bài theo điệu “Đạp sa hành”:

*Gió đưa vạn dặm, muôn làn sóng gợn mãi xa xa,  
Đôi bờ đê, ngày xuân, liễu xanh xanh lả lướt.  
Lòng ta hằng khát vọng trời cao, rộng mở đến vô cùng.  
Lời ca chạm mây trời, khói sương thì thâm hát, quá đủ để vang bốn phương.  
Đất rộng trời cao, chàng cứ đi. Đâu cần đánh trống rung chuông thêm hùng tráng?*

...

Đang đi, bỗng nhìn thấy một người thấp mập đang xăm xăm

bước lại gần, thì ra là Trịnh Đôn.

“Chào Bất Vưu huynh.” Trịnh Đôn gấp gáp chấp tay.

“Huynh đang...”

“Tôi vừa đến nhà Giản Trang, Chương Mỹ vẫn chưa về, tôi đang định đi nơi khác tiếp tục tìm. Mấy ngày qua tôi đã gặp gần hết những người quen của Chương Mỹ nhưng không ai biết anh ấy đi đâu.”

Triệu Bất Vưu thầm nghĩ mình cần gặp từng người trong Đông thủy lục tử, ngẫu nhiên gặp Trịnh Đôn ở đây thì phải hỏi thêm: “Cứ đi tìm thế này chưa chắc đã là hay, ta nên nhớ lại xem trước khi anh ấy đi có hiện tượng gì lạ không?”

“Mấy ngày qua tôi luôn cố nhớ lại nhưng không nhớ ra điều gì khác lạ.”

“Tôi cũng đang muốn gặp anh để nói chuyện cho kĩ, ta đến quán trà ngồi, từ từ nhớ lại xem sao.”

Hai người bước vào quán trà ở ngay phía trước, ngồi bên bàn sát ô cửa sổ, gọi trà.

Trà nóng, nhưng Trịnh Đôn vẫn nhấp liên mấy hớp, rồi thở dài. “Mấy chuyện xảy ra đồng thời, thực khó bề ứng phó. Cũng may, sự việc ở nhà Giản huynh đã ổn rồi. Gần đây chúng ta vẫn lo cho anh ấy.”

“Nhưng hai mươi mẫu ruộng dành cho nhà trường thì sao?”

Lâu nay Triệu Bất Vưu vẫn thầm lo cho Giản Trang, các nơi đang thu lại ruộng đã cấp cho nhà trường, Giản Trang cũng không thể khác. Nếu bị thu hồi, thì sinh kế cả nhà sẽ trông vào đâu? Tuy nhiên, triều đình đã bãi bỏ chế độ “Tam xá”, khôi phục khoa cử, thì sẽ mở lại các trường tư thực, Triệu Bất Vưu đang định tìm hiểu qua các bạn thân, xem có nhà quý tộc phú thương nào muốn mời gia sư, hoặc các trường tư cần thầy giáo, sẽ giới thiệu Giản Trang với họ.

“Cô em của Giản Trang rất tài ba, cô ấy lo liệu được rồi.” Trịnh Đôn lớn tiếng khen ngợi.

“Thế à?” Triệu Bất Vưu cũng biết Giản Trang có cô em gái là Giản Trinh nhưng chưa biết mặt vì nhà ấy rất giữ lễ nghi, không để cô em lộ mặt ra giao tiếp với nam giới bên ngoài. Ôn Duyệt vợ anh nói đã gặp Giản Trinh mấy lần, rất có thiện cảm và khen ngợi Giản Trinh nhan sắc, tài năng và kiến thức đều là đỉnh cao.

“Có một chuyện Chương Mỹ chưa bao giờ nói với chúng ta.” Trịnh Đôn nói giọng hơi bất bình.

“Chuyện gì?”

“Sáng nay tôi mới nghe Giản Trang huynh nói: mấy năm qua anh ấy trông vào cô em quán xuyến lo liệu các việc, thu nhập lương thực từ ruộng đất chẳng là bao, nhưng anh ấy không hề kêu ca túng thiếu, thực đáng nể! Năm ngoái Giản Trinh đã đoán rằng chẳng thể tiếp tục trông mong vào ruộng đất dành cho nhà trường, nên đã có sắp đặt. Cô ấy rất tháo vát việc nhà, ngoài ra còn biết hội họa rất khéo. Năm ngoái Giản Trang lấy người thiếp Ô Mi, cha của Ô Mi và cha của Chương Mỹ vốn thân nhau, Ô Mi cho Giản Trinh biết Chương Mỹ có giao du với các ông bầu hội họa ở kinh thành bèn chọn mấy bức tranh, bảo chị dâu Ô Mi cầm đến giao cho Chương Mỹ, hy vọng sẽ bán được tiền. Chương Mỹ rất khen ngợi, rồi mời mấy người trung gian đến xem, họ trầm trồ ca ngợi hết lời, rồi mua tất. Bức tranh đắt giá nhất bán được năm quan tiền - ngang giá với tranh của các họa sĩ danh tiếng Mễ Phát, Văn Đồng, Lý Công Lân. Giản Trinh bèn giao gần trăm bức tranh của mình đã vẽ trong mấy năm cho Chương Mỹ. Nhưng đã gần nửa năm không thấy Chương Mỹ đưa tiền cho Giản Trinh. Chị dâu Ô Mi giục Chương Mỹ mấy lần nhưng anh ấy cứ bảo chưa bán được, Ô Mi cho rằng Chương Mỹ đã “bao che”, định kêu ca với Giản Trang. Nhưng cô ta quên mất điều

này: khi Giản Trinh chuyển tranh cho Chương Mỹ, còn kèm theo một bức thư...”

“Chắc là thư nhờ Chương Mỹ dùng tiền bán tranh để mua ruộng đất?”

“Đúng thế! Toàn bộ tranh bán được hơn ba trăm quan tiền, Chương Mỹ đã chọn hộ Giản Trinh ba mươi mẫu ruộng, mỗi mẫu mười quan tiền. Chương Mỹ đã giao ba trăm quan tiền cho cha của Ô Mi. Hôm qua ông già Ô đã đến nha môn làm giúp thủ tục, sáng nay lại bảo chủ ruộng đến gặp Giản Trang. Lúc này họ đang làm giấy tờ mua bán, chiều nay sẽ đến nha môn nộp thuế, vậy là Giản Trang huynh có ruộng của mình.”

“Thực hiếm có người như cô Giản Trinh.”

Triệu Bất Vưu từng nghe vợ Ôn Duyệt trầm trồ khen ngợi nhưng chưa thật tin, bây giờ nghe chuyện đã nhận ra rằng trên đời không dễ có cô gái nào hiểu biết, tài ba và có tâm như Giản Trinh. Ôn Duyệt rất muốn vun vào cho Triệu Mặc Nhi trở thành đôi lứa, nhưng trong Đông thủy bát tử thì Tống Tề Dụ, Chương Mỹ, Trịnh Đôn đều là những người xuất chúng mà lại chưa vợ, Giản Trang huynh chắc đã có ý “ngắm” trong số đó rồi cho nên Ôn Duyệt không dám đặt vấn đề dạm hỏi; Ôn Duyệt cũng đã khéo léo dò la, quả nhiên, vợ chồng Giản Trang đã có ý chọn Tống Tề Dụ.

Triệu Bất Vưu thâm nghĩ, nếu cậu em Mặc Nhi lấy được Giản Trinh thì là may mắn quá lớn. Nhưng lại nghĩ, dù Giản Trinh không thành với Tống Tề Dụ thì đã có Chương Mỹ, Trịnh Đôn đều là anh tài trong đám học sinh Thái học, rất có tương lai, “phần thắng” không thể thuộc về Triệu Mặc Nhi. Cứ để ý hiện giờ mỗi khi nói về Giản Trinh, Trịnh Đôn luôn rất vui vẻ ứng ý và nể trọng, Triệu Bất Vưu có cảm giác tiếc nuối cho cậu em Triệu Mặc Nhi.

...

“Thế mà Chương Mỹ cứ giấu nhem chúng ta, không hé ra một chữ!” Trịnh Đôn vẫn có vẻ bất bình.

“Có lẽ trong thư Giản Trinh dặn Chương Mỹ tạm thời giữ bí mật cho cô ấy. Giản Trang huynh vốn không muốn nhà mình phải nhọc nhằn vì chuyện mưu sinh, nếu biết em gái phải đem tranh “khuê các” đi bán thì Giản Trang không thể vui.”

“Có lẽ thế.”

“À, Chương Mỹ trao tiền bán tranh cho ông già Ô khi nào?”

“Thấy nói là hai ngày trước ngày Hàn thực, anh ấy giới thiệu chủ ruộng với ông già Ô.”

“Tức là, anh ấy làm xong việc đó mới rời Biện Kinh đi phủ Ứng Thiên?”

“Ơ kìa, Chương Mỹ cũng đi phủ Ứng Thiên à?” Trịnh Đôn gần như kêu lên.

“Đúng, tôi vừa hỏi thăm một chủ thuyền nên biết tin.”

“Anh ấy đi phủ Ứng Thiên làm gì?” Trịnh Đôn mở to mắt, hết sức kinh ngạc. “Bỏ cả thi Điện thí? Chắc đã có chuyện gì đó to tát?”

“Trịnh Đôn thử nghĩ kỹ xem, về Lang Phồn và Chương Mỹ, và phủ Ứng Thiên... có thể có chuyện gì, anh chưa nói cho tôi biết?”

Trịnh Đôn sửng sốt, cúi đầu ngẫm nghĩ một hồi, rồi lắc đầu: “Không... chắc không phải thế...”

...

Cuối cùng phía đông đường Bắc Biện Hà là một quán ăn quán trà đơn độc, phần lớn thuyền hàng đến kinh đô đều cập bờ ở đây để dỡ hàng. Giá cả các món ở đây tương đối rẻ, cánh phu khuân vác thường hay vào đây, nên quán này được gọi là “quán lực

phu”.

Khôi tử Tống Tề Dụ khi rồi rã cũng hay vào quán này ngồi, một là, đỡ tốn tiền, nhà nghèo, anh là học sinh Thái học, hàng tháng chỉ được lĩnh một ngàn hai trăm đồng. Hai là anh cũng muốn kết giao với cánh phu phen tạp dịch để nghe họ nói chuyện, họ tuy nông cạn thô thiển nhưng trực tính và vui nhộn hơn cánh học sinh Thái học, qua đó anh có thể gần gũi giới bình dân.

Hôm nay anh đã đi dò hỏi tin tức Chương Mỹ cả buổi sáng không kết quả, cũng đã thấm mệt bèn vào đây nghỉ chân. Chủ quán là Đan Thập Lục thấy anh, xởi lởi chào hỏi: “Tống trạng nguyên đến đây à?” Ông ta cầm mảnh vải lau chùi bộ bàn ghế kê gần bờ sông, nơi Tống Tề Dụ vẫn thích ngồi, Tống Tề Dụ mỉm cười ngồi xuống ghế. Mấy năm nay chủ quán và các “lực phu” biết anh là Thái học sinh nên thường gọi anh là “trạng nguyên”.

Hôm nay có rất ít thuyền đậu dỡ hàng, nên trong quán chỉ có vài ba lực phu tụ tập ngồi trong này uống nước, ăn bánh trái, trò chuyện râm ran. Chủ quán, vẫn như thường lệ bưng ra một bát to chè bôm, tươi cười: “Mấy hôm nữa là đến ngày yết bảng, mọi người đều nói chắc chắn Tống trạng nguyên sẽ đỗ trạng nguyên thật!”

Tống Tề Dụ cũng mỉm cười: “Đa tạ huynh lời tốt lành này. À, món tiền tôi nợ huynh, phải ít hôm nữa tôi mới thu xếp được.”

Đan Thập Lục xua tay: “Kìa, chuyện nhỏ có là gì đâu? Tiền của Lão Đan này được trạng nguyên tiêu, mới là vinh dự chứ! Vả lại, huynh đỗ trạng nguyên thì tiền tiêu gì cho hết?”

Tống Tề Dụ cười: “Thế thì phải chờ tôi đỗ trạng nguyên thật đã!”

“Đâu có chuyện thật hay không thật? Cứ gì anh em chúng tôi mà dân chúng cả kinh thành đều kháo nhau: Tống nhất,

Chương nhị, tam bất quản!”

“Nói thế là sao?”

“Hà hà... tức là, Tống trạng nguyên đỗ đầu, bạn thân của huynh là Chương Mỹ đỗ thứ hai, còn đỗ thứ ba... ai thích chọn ai thì tùy!”

Tống Tề Dụ bật cười. Lúc này lại có hai lực phu bước vào quán, Đan Thập Lục ra phục vụ họ, Tống Tề Dụ ngồi độc ẩm vậy. Điện thí đã kết thúc cũng tức là hành trình dài mài kinh sử kết thúc, còn việc đỗ thứ mấy thì anh không bận tâm lắm nhưng anh cũng không muốn “bị” chọn vào nhóm ba người đứng đầu, bởi vì càng lên cao càng dễ bị đổ ky, danh càng lớn càng lắm phiền hà. Huống chi thời thế hiện giờ đâu có cơ hội để phát triển?

Trong các danh thần ở triều đình, Tống Tề Dụ đặc biệt ngưỡng mộ Vương An Thạch. Vào thời vua Anh Tông, Vương An Thạch đã rất nổi tiếng, ông từng dâng “Vạn ngôn thư” thẳng thần chỉ ra những tệ nạn đương thời và bước đầu nói đến “biến pháp” nhưng không được nhà vua coi trọng, vì thế ông đã nhiều lần từ chối Chiếu chỉ phong giữ các chức quan phụ trách thư viện hoặc biên soạn sử sách, chỉ làm những chức quan ở châu huyện để thiết thực trừ hại, đem lại lợi ích cho địa phương. Khi vua Thần Tông<sup>[56]</sup> kế vị, ông biết ngài là ông vua rất có tầm nhìn, nên ông hăm hở đón nhận Chiếu và đã rất được nhà vua coi trọng, thăng giữ chức Tể tướng, ông đã dốc sức thực hiện Tân pháp. Các lĩnh vực ruộng đất thủy lợi, thanh điền, phương điền, quân thảo, bảo giáp, bảo mã, thị dịch, miễn dịch, miễn hàng tiền<sup>[57]</sup>... đều lần lượt được cách tân, diện mạo đất nước đã được đổi mới.

Chỉ tiếc rằng năm mươi năm qua các vị vua Thần Tông, Triết Tông có dốc sức biến pháp nhưng lại bỏ lửng, hai vị thái hậu



đứng ra buông rèm nhiếp chính và khôi phục cựu pháp.

Đương kim thiên tử sau khi kế vị, trước hết chủ trương “trung lập”, mong muốn dung hòa hai phái tân cựu, nhưng rồi lập tức trọng dụng Sái Kinh và tiếp tục thi hành tân pháp. Điện thí lần này, thiên tử đích thân ra đề văn sách, chứng tỏ hình như ngài đã thất vọng đối với tân pháp và lại tìm kiếm sự chiết trung dung hòa tân pháp cựu pháp. Năm nay lại tổ chức khoa cử theo lối cũ, là biểu hiện đầu tiên.

Tổng Tề Dụ trước sau như một luôn tin tưởng vào tân pháp. Những năm qua anh đã chứng kiến đất nước chông chất ngày càng nhiều tệ nạn, không biến pháp thì sẽ tiêu vong. Anh cho rằng bản thân biến pháp không vấn đề gì, mà là do thực hiện không đến nơi đến chốn.

Trong bài thi của mình, anh đã viết một đoạn khá dài thể hiện điều này. Nhưng anh cũng biết, dù thiên tử có đọc đến và tán thành thì ngài cũng không trọng dụng và càng không thi hành. Nhưng anh cũng đã nghĩ rồi, anh sẽ làm theo Vương An Thạch, sẽ bình tâm xử thế, chờ đợi thời cơ, vì thế anh không lo lắng.

Điều khiến anh lo lắng, là Chương Mỹ.

...

Có thể nói Tổng Tề Dụ và Chương Mỹ... có nhiều bề trái ngược.

Về xuất thân, Chương Mỹ là con nhà cự phú ở nông thôn, anh là con nhà tiểu nông; về tính tình, Chương Mỹ trầm lặng vững vàng, anh phóng khoáng không ưa gò bó; về học hành, Chương Mỹ trọng kinh văn cổ điển, anh trọng nghĩa lý và kiến giải cá nhân; về giao tiếp, Chương Mỹ khiêm hòa cẩn thận, anh thì thả lỏng tùy ý; còn về chính pháp, Chương Mỹ theo cựu pháp, anh

theo tân pháp.

Gần như nước với lửa, thế mà lại thành bạn thân, suốt từ nhỏ đến giờ gần hai chục năm gần bó như hình với bóng.

Điều kỳ lạ là bao năm qua Tống Tề Dụ và Chương Mỹ hiếm khi tranh luận quan điểm, luôn trò chuyện cởi mở và rất ăn ý. Có rất nhiều phen cả hai chưa cần nói ra đã hiểu đối phương định nói gì. Cho đến khi về kinh thành học Thái học, sự bất đồng của cả hai mới dần thể hiện ra.

Hồi học trường huyện, trường phủ, Tống Tề Dụ luôn cảm thấy những người xung quanh tầm mắt quá ngắn, khó mà tìm thấy người tri kỷ, ngoại trừ Chương Mỹ và Trịnh Đôn. Nhưng khi về đến kinh thành thì anh bỗng cảm nhận khác đi: anh tài trong thiên hạ đều tụ hội ở đây, kể cả trong giới bình dân thì vẫn có thể tìm thấy những người không hề tầm thường; nghe ngôn ngữ của dân kinh thành, anh thấy vui vẻ nhẹ nhõm như cá gặp nước.

Còn Chương Mỹ, đến kinh thành, anh càng thận trọng trong giao du kết bạn, và ngày càng kiệm lời. Anh thường nói: “Chốn thị phi hỗn tạp đan xen, người quân tử nên thận trọng trong lời nói và việc làm. Nếu trò chuyện vu vơ để rồi bức mình thì chỉ bằng ngồi đọc vài cuốn sách.”

Hồi trước, cả ba cùng ở một nơi, về đến kinh thành, họ lại ở tách ra, nhất là Tống Tề Dụ và Chương Mỹ, tranh chấp càng nhiều thì điểm chung lại càng ít đi. Cả hai ngày càng xa nhau, cuối cùng, họ chỉ còn lại một không gian giao tiếp là những lần Đông thủy bát tử gặp mặt. Chỉ khác là, với Chương Mỹ, gặp mặt này là điểm đến quan trọng nhất ngoài trường Thái học; với Tống Tề Dụ, gặp mặt này là một trong những sở thích của anh.

Tháng trước, Bát tử lại gặp mặt và ngẫu nhiên nói đến Tân pháp Cựu pháp. Tống Tề Dụ và Chương Mỹ giữ hai quan điểm

khác nhau, thế rồi dẫn đến Bát tử tranh luận. Cuộc tụ hội kết thúc chẳng vui vẻ gì. Sau đó cả hai luôn tránh mặt nhau; ở trường Thái học nếu ngẫu nhiên chạm mặt thì Chương Mỹ cũng giả bộ không nhìn thấy, và cúi đầu đi thẳng.

Tổng Tể Dụ không mấy bận tâm chuyện này, sau khi đến kinh thành, họ hay tranh chấp cũng là chuyện thường tình; “quân tử hòa nhi bất đồng<sup>[58]</sup>”, dù khác biệt nhiều đến mấy, cả hai vẫn là tri kỷ, sau ít lâu sẽ lại tốt với nhau.

Cho đến hôm Điện thí, Tổng Tể Dụ mới bắt đầu lo lắng thậm chí hoang mang.

Đây không phải hành động thường ngày của Chương Mỹ. Thế mà Chương Mỹ lại bỏ cả Điện thí, và đi đâu không rõ nữa.



## Mai Hoa Thiên Diễm Cục

*Nhân tâm bất đắc hữu sở hệ<sup>[59]</sup>.*

*Trình Di*

Triệu Bất Vưu đến chùa Lạn Kha, nhìn thấy trên cổng chùa đề ba chữ “Lạn Kha tự” rần rỏi bay bướm, nhuần nhị sáng sủa, chẳng khác gì chữ viết của Nhan Chân Khanh<sup>[60]</sup> trong “thiếp Tế Diệt”, anh biết ngay là chữ của Giang Độ Niên - một trong Đông thủy bát tử, mới viết hồi đầu năm.

Chùa có tên cũ là “Thiết Tương tự”, khuôn viên rất nhỏ, trước sân không có nổi chiếc lư hương bằng đồng, phải xây một ô gạch làm đài cắm hương, về sau có một người thợ sắt hoàn nguyên<sup>[61]</sup> bằng một cái hòm sắt to, quỳn tặng nhà chùa, sư trụ trì bèn bỏ nắp hòm, đặt cái hòm ra ngoài sân làm lò hương, người ta bèn gọi chùa này là “chùa Thiết Tương” tức chùa hòm sắt, tên cũ của chùa dần bị quên lãng.

Nhìn thấy tên chùa Lạn Kha, Triệu Bất Vưu thở dài. Mấy năm nay tân pháp ra đời không ngớt khiến cuộc sống nhiễu loạn không yên, ngay một ngôi chùa nhỏ cũng phải đổi tên ba lần.

Đương kim Thiên tử sùng tín Đạo giáo, cho rằng Phật giáo đến từ Tây Tạng, Đạo giáo mới thật sự là tôn giáo của Hoa Hạ, năm ngoái ngài ngự bút ban Chiếu thư ra lệnh cho Phật giáo cả nước quy về Đạo giáo. Đổi tên gọi Phật là Đại Giác Kim Tiên, Bồ Tát là Đại Sĩ, tăng là Đức Sĩ, ni là nữ Đức Sĩ, chùa là Cung, viện là Quán. Chùa Thiết Tương cũng bị đổi là Thiết Tương quán. Các chùa miếu trong nước kêu ca suốt một năm trời, năm nay triều

đình đành bãi bỏ lệnh này.

Hương khói ở chùa Thiết Tương vốn không vượng, mấy vị tăng “đánh liều” làm đạo sĩ đến với các đạo quán đang rất thịnh. Tên chùa tuy đã khôi phục nhưng chùa không có sư, chùa Đại Tướng Quốc lại đang có một vị tăng Tri Khách<sup>[62]</sup> thường luận bàn Thiền đạo với một vị Tụ Thừa<sup>[63]</sup> ở ty Tụ vụ Kinh thành, vị Tụ Thừa ấy bèn điều ông ta đến chùa này làm Trụ trì.

Nhà sư này rất thích đánh cờ, cổ nhân chia quân cờ làm hai màu trắng và đen, gọi chúng bằng mỹ từ Ô - Lộ tức Hắc Ô (qua đen) và Bạch Lộ (cò trắng), nên ông ta bèn tự xưng là Ô Lộ. Ông ta lại nhớ đến điển cố về đánh cờ “Lạn Kha” thời Tấn: tiểu phu Vương Chất vào rừng đốn củi gặp hai ông tiên đang chơi cờ bèn đứng bên xem rất say mê. Xem xong một ván, ánh chừng mất một canh giờ, tiểu phu thấy cái cán rìu trong tay mình đã mục nát, thì ra đã bao năm trời trôi qua. Thế là hai chữ “Lạn Kha” (cành gỗ mục) trở thành mỹ từ chỉ đánh cờ; Ô Lộ bèn đổi tên chùa thành chùa Lạn Kha. Một tiểu đồ đệ đi theo ông cũng lấy tên là Dịch Tâm<sup>[64]</sup>.

...

Triệu Bất Vưu đến chùa Lạn Kha để tìm Điền Huống.

Điền Huống có biệt hiệu “Kỳ tử”, ngoài ham nghiên cứu kinh thư Nho gia, anh còn rất mê chơi cờ. Anh đọc sách để tu thân chứ không nhằm thi cử tìm kiếm công danh. Gia đình Điền Huống có vài gian nhà tổ tiên để lại nhưng không có ruộng đất, anh cũng không biết làm gì khác để mưu sinh, hàng ngày anh đến trước cổng chùa Đại Tướng Quốc bày một bàn cờ, cắm tấm biển đề “mỗi ván 50 đồng”, để mời khách đánh cờ, mỗi ngày chỉ đánh ba ván, cho đến nay anh chưa từng thua. Mỗi ngày kiếm được 150 đồng đem về đưa cho vợ. Cuộc sống không dư dật gì

nhưng cũng đủ sống. Anh gọi ba ván cờ hàng ngày là “ba ván áo cơm”, ngoài ra, anh luôn tìm các cao thủ để so tài cao thấp.

Triệu Bất Vưu sau khi trò chuyện với Trịnh Đôn thì đến nhà Điền Huống, vợ Điền Huống nói chồng mình đánh xong ba ván áo cơm thì về nhà ăn trưa, rồi đến chùa Lạn Kha - đương nhiên là tìm để Ô Lộ đánh cờ, anh bèn đi đến đây.

Vừa bước vào cửa chùa, gặp ngay đệ tử của Ô Lộ là Dịch Tâm, chú tiểu Dịch Tâm nhận ra Triệu Bất Vưu vội chấp hai bàn tay “chào Triệu thí chủ”.

“Sư phụ của chú có nhà không?”

“Thầy đang ở sân sau, Dưới bóng tùng xanh mát.” Chú tiểu Dịch Tâm vốn mê thơ, nên hay “ứng khẩu thành thơ”.

“Điền Huống tiên sinh có đến đây không?”

“Đang lúng túng bận rộn, Vì những quân đen trắng.”

Triệu Bất Vưu nghe mà bật cười, đi qua thông đạo nhỏ bên cạnh điện, bước vào sân sau.

Sân sau không rộng, khắp sân trồng hơn chục cây tùng bách tứ quý, mùa xuân đâm chồi lộc xanh mơn mớn, nên khung cảnh hết sức thanh tĩnh dễ chịu. Giữa mấy cây tùng bách kê bộ bàn ghế đá, Ô Lộ và Điền Huống đang ngồi đối diện, trên bàn là bàn cờ gỗ thông với những quân cờ đen và trắng.

Triệu Bất Vưu nhẹ bước đến bên nhìn thế cờ đang diễn ra. Anh không tinh thông kỳ nghệ nên nhìn mãi mới nhận ra chiến cục. Ô Lộ quân đen, Điền Huống quân trắng; bên đen sắp thua nhưng Ô Lộ đã đi một nước rất khéo, không những đã cứu vãn được thế nguy bên cánh trái mà còn giữ được một khu vực lâm nguy cánh phải, và còn tạo nên thế phản công nhằm vào nơi xung yếu của đối phương. Điền Huống kêu lên “gay rồi” vì mình sắp thua to.

Còn Điền Huống, anh chăm chú nhìn bàn cờ, tay cầm mãi

một quân cờ, do dự, cân nhắc, vân vê hồi lâu, chắc là đang rất nát óc.

Triệu Bất Vưu hiểu rằng xem đánh cờ thì chó “nói leo” nhưng vẫn khẽ tấm tắc: “Một nước nhị thức, tả hữu đồng công! Hay quá!”

Ô Lộ nghe thấy bèn tũm tĩm ngẩng đầu: “Triệu thí chủ.” Ô Lộ mặc tăng bào màu xám, mày cao mũi nhọn, trông hơi giống tướng mạo người Hồ.

“Bất Vưu huynh.” Điền Huống cũng ngẩng đầu, nói nhanh, lòng anh đang ở bàn cờ. “Nếu chỉ là nhất chiêu nhị thức thì đã tốt, huynh thử nhìn kỹ lại xem?”

Triệu Bất Vưu lại nhìn bàn cờ hồi lâu, rồi kinh ngạc: “Đúng thế! Có vẻ như thủ nhưng thực ra là công, hình như công nhưng lại là thủ! Mỗi thức lại bao gồm hai thức, nhất chiêu tứ thức!”

Điền Huống chỉ vào bàn cờ, nói: “Không chỉ là thế! Chiêu này chia làm ba tầng, huynh mới nhận ra hai tầng. Nhìn bên này đi: trong công lại có cứu, mấy quân chết gì của ông ấy coi chừng sắp sống lại! Còn bên này nữa: nhìn có vẻ như thủ nhưng lại ngầm công; nếu quân đen ăn hết mảng này của tôi...”

“À, thì ra là nhất chiêu lục thức!”

“Cái hay của chiêu này là ở chữ ‘dự’, dù tiến hay lui đều giả vờ bị hớ, nên đối phương rất khó nhận ra sự thật. Tôi chỉ nhận ra và phá được năm thức, thức cuối cùng thì lại rất kín kẽ - thì ra năm thức kia chỉ là mồi nhử, từng bước dụ tôi tiến sâu rồi mắc vào ổ mai phục không sao ứng phó nổi. Phép tấn công ấy một khi đã thắng thế thì gây ra một tình thế nguy hiểm, thế trận bên tôi sụp đổ. Đành vậy, tôi thua trắng tay!” Điền Huống thả quân cờ trắng vào cái giỏ mây, và chào thua. Mặt anh đỏ bừng, dù trời đang lạnh nhưng mồ hôi vã ra như cái bánh màn thầu vừa hấp chín, anh đưa tay gạt mồ hôi trán.

“Thiện tại<sup>[65]</sup>! Đánh cờ hơn một năm trời, nay mới thắng được một ván!” Ô Lộ áp hai bàn tay dựng lên.

“Chắc không phải sư phụ tự nghĩ ra chiêu này?” Điền Huống có vẻ chưa phục.

“Đúng là Điền thí chủ hiểu bản tăng, không phải bản tăng này nghĩ ra, mà là vừa mới học được.”

“Học ở đâu? Ở Hàn lâm kỳ viện... ông Chúc Bất Nghi, hay ông Tấn Sĩ Minh?”

Chúc Bất Nghi và Tấn Sĩ Minh là hai kỳ thủ đẳng cấp của Hàn lâm viện kỳ thủ bấy giờ. Mấy chục năm qua, kỳ thủ Lưu Trọng Phụ độc chiếm ngôi “quốc thủ” duy nhất, được coi là người số một sau kỳ thủ Vương Tích Tân thời Đường. Nhưng mấy năm nay hai nhân vật Chúc Bất Nghi và Tấn Sĩ Minh nổi lên trong dân gian đã lần lượt đánh bại Lưu Trọng Phụ. Hiện nay Lưu Trọng Phụ đã qua đời, hai ông Chúc Bất Nghi và Tấn Sĩ Minh ngang tài ngang sức và cùng là đẳng cấp cao trên kỳ đàn, đều được triệu vào Kỳ viện trong cung làm Kỳ Đãi Chiếu<sup>[66]</sup>.

Điền Huống cũng được mời vào cung nhưng anh cáo bệnh từ chối, và anh cũng chưa từng được giao đấu với hai vị Chúc, Tấn ấy. Dân chúng kinh thành đều mong có dịp xem ba người so tài cao thấp. Hôm nay Ô Lộ tung ra chiêu này cực kỳ cao siêu, nên Điền Huống mới hỏi như vậy.

Ô Lộ đáp: “Bản tăng không rõ ai sáng tạo ra chiêu này, chỉ biết chiêu này tên là ‘Mai hoa thiên diễn cục’.”

“Mai hoa thiên diễn cục? Thì ra là Mai hoa thiên diễn cục! Đúng, quả nhiên, đúng thế, nhưng nó không phải một chiêu mà là một ván!”

“Điền thí chủ cũng đã nghe nói về nó? Bản tăng chỉ nghe nói nó là một ván năm chiêu liên hoàn. Tiếc rằng dù đã hỏi vô khối người cũng chỉ học được một chiêu này mà hình như vẫn chưa



toàn vẹn”. Ô Lô có trình độ tu hành khá sâu, luôn ôn hòa khiêm tốn, mà lúc này ánh mắt cũng có nét tiếc nuối thoáng qua, hình như ông hổ thẹn vì thái độ “ham muốn” này của mình.

Điền Huống tròn mắt há miệng: “Một ván năm chiêu? Mỗi chiêu ít ra gồm ba tầng thức công thủ, thế thì sẽ có vô số biến hóa hư thực bên trong! Chà! Trên đời này lại có ván cờ thần kỳ như thế!?”

...

Cả ba bàn luận tám tắc một hồi, Triệu Bất Vưu thấy sắp đến giờ ăn trưa bèn mời Điền Huống ra quán cơm Tăng Bàng Xuyên ở ngoài cửa Đông Thủy dùng bữa.

Hai người cáo từ Ô Lô rồi đi ra đầu phố, đang định bước vào quán thì bỗng nghe có người gọi: “Điền tiên sinh! Thật khéo quá...”

Một nam thanh niên mảnh khảnh, đôi mắt nhỏ, đang giơ một tấm phướn đề chữ “Dược”, vai khoác hòm thuốc: thầy lang “đa khoa” bán thuốc rong tên là Bành Châm Nhi. Anh ta bước lại, nhìn thấy Triệu Bất Vưu, bèn tươi cười: “Chào Triệu tướng quân.”

Triệu Bất Vưu và Điền Huống cùng gật đầu nhưng vẫn tiếp tục đi.

Bành Châm Nhi liền chạy theo, nói: “Điền tiên sinh dạy tôi chiêu cờ hôm nọ không hiệu quả lắm, giao đấu với người ta, tôi thua đậm. Tiên sinh hãy dạy tôi vài chiêu khác hay hơn, được không?”

Điền Huống hơi khó chịu, nói luôn: “Để hôm khác!”

“Sáng mai tiên sinh vẫn đến cổng chùa Tướng Quốc chứ?”

Điền Huống lại ừ liên mấy tiếng, rồi bước vào quán ăn, Triệu Bất Vưu cũng vào luôn, nhưng Bành Châm Nhi vẫn đứng ngoài

léo nhéo: “Sáng mai tôi sẽ đến đó gặp tiên sinh...”

...

Hai người chọn một bàn ở góc nhà rồi ngồi đối diện.

Triệu Bất Vưu tủm tỉm: “Anh chiêu mộ đệ tử học đánh cờ à?”

Điền Huống gượng cười: “Đâu có! Hẳn cứ bám tôi riết, nên tôi bày cho hẳn vài chiêu thức qua loa.”

Quán này làm hai món thịt lợn quay bì giòn và cá lát nấu thịt đông rất được. Triệu Bất Vưu gọi mỗi món một khay, thêm hai đĩa cà chiên xào lòng lợn, nhắm rượu. Triệu Bất Vưu biết Điền Huống thích rượu nhưng tửu lượng không cao, uống vài chén đã say, nên chỉ gọi một be rượu thơm Thanh Bích, nhẹ êm đượm hương dễ uống.

Cả hai đối ẩm vài chén, Điền Huống vẫn mãi nghĩ về “Mai hoa thiên diễn cục” nên chẳng cảm nhận hương vị ra sao, cứ lăm bắm “Sao lại có thể... có thể như thế nhỉ...” hết như vẽ mặt “Hà bá ngẩn ngơ như kẻ mất hồn khi nhìn thấy biển cả” theo cách nói của Trang Tử<sup>[67]</sup>.

Triệu Bất Vưu vẫn đang băn khoăn về chuyện Chương Mỹ và Lang Phồn, bèn an ủi: “Điền Huống! Anh đừng cho là có thật, dù thiên sư Ô Lộ không bao giờ nói dối nhưng ông ấy cũng chỉ nghe người ta đồn đại mà thôi. E rằng trên đời này chẳng có ván cờ cao thâm như thế.”

Điền Huống rầu rầu nói: “Nếu có thật, thì tôi chẳng nên đánh cờ nữa.”

Triệu Bất Vưu cười, phát hiện ra rằng con người ta dù cứng cỏi đến đâu, khi ngồi vào bàn cờ cũng khó mà dứt bỏ tâm lý “thắng thua”, Ô Lộ hay Điền Huống cũng vậy. Hai người, một người tâm quy cõi thiền, một người hướng về danh lợi, nhưng đều vì đam mê đánh cờ nên khó có thể thật sự thoát khỏi sự

“cám dỗ” của nó, thậm chí lại càng đắm chìm với nó. Điền Huống tuy chưa từng so tài với hai vị Chúc Bất Nghi và Tấn Sĩ Minh, nhưng có vài kỳ thủ cao cường ở kinh đô đoán rằng tài nghệ của Điền Huống chỉ ít cũng không thua kém hai vị “quốc thủ” ấy. Nhưng ván cờ hôm nay giao lưu với Ô Lộ, ông ta chỉ dùng một chiêu “Mai hoa thiên diễn cục” đã đánh bại Điền Huống, thế thì người sáng tạo ra chiêu này chắc chắn là bậc thầy đứng trên cả Điền Huống, Chúc Bất Nghi và Tấn Sĩ Minh. Đúng là: thiên hạ rộng lớn vô cùng, đỉnh cao luôn ở trên chín tầng mây.

“Bất Vưu, anh có tin câu nói ‘sự đời như ván cờ, con người như quân cờ’ không?” Điền Huống bỗng hỏi, anh mới tợp hai chén mà sắc mặt đã đỏ ửng.

“Không tin lắm.”

“Tại sao?”

“Có lẽ sự đời như một ván cờ nhưng con người không phải quân cờ.”

“Nghĩa là sao?”

“Con người ta, xuất thân, trí tuệ bẩm sinh, thiên phận, thậm chí sinh tử, thọ yếu, giàu nghèo, sang hèn đều có mệnh, đó là ván cờ; ngoài thiên mệnh ấn định thì còn có các hành động của con người nữa. Cho nên, sự đời như ván cờ sắp đặt, tạm nghe được, nhưng con người thì không như quân cờ bị người chơi tùy ý đặt đâu ngồi đó. Con người có khả năng tự quyết chấp nhận hoặc không, có khả năng tiến thoái; có thể sửa lại đại cục, có thể lựa chọn vận mệnh của mình. Như ‘Mai hoa thiên diễn cục’ chẳng hạn, nếu đúng là có thật, thì anh có thể bi quan thờ dài, thoái chí, nhưng cũng có thể coi như không có nó, tất cả vẫn là quyền của anh. Ván cờ có thật nhưng anh có thể quyết định chơi hay không chơi, chơi như thế nào. Nếu thật sự mê cờ, thấy có

ván cờ cao thâm tài tình như thế, anh sẽ vô cùng thích thú; trái lại, nếu so đo thắng thua, thì anh sẽ sợ hãi mà tháo lui. Cho nên, một cuộc chơi dù bị ấn định sẵn, nhưng vẫn bị thay đổi bởi lòng người.”

“Hay! Giải thích rất hay! Đúng là tôi vương bạn bởi thắng thua! Đa tạ Bất Vưu huynh!” Điền Huống dường như đã ngộ ra, nâng chén. “Chúng ta uống chén này vì những lời tốt đẹp của huynh!”

Cả hai nâng chén uống cạn, tiếp tục trò chuyện. Rồi Triệu Bất Vưu chuyển sang việc chính: “Điền huynh có cho rằng cái chết của Lang Phồn là do có kẻ đã sắp đặt không?”

Điền Huống vội nuốt thức ăn trong miệng, khuôn mặt đỏ ửng của anh bỗng hơi tái đi. “Tính Lang Phồn rất cứng rắn, rất khó bị ai lừa gạt, nhưng cũng rất dễ bị lừa gạt. Người ngoài thường khó làm cho anh ấy tin, nhưng một khi đã tin rồi thì anh ấy không bao giờ hoài nghi, sẽ như mũi tên đã bay đi không bao giờ trở lại - như câu nói của Khổng Tử “quân tử khả khi bất khả vãng<sup>[68]</sup>”. Máy hôm nay tôi đang nghĩ có lẽ có kẻ nào đó nắm bắt được tính cách này của Lang Phồn, làm cho anh ấy tin vào một điều gì đó, tin rồi, thì anh ấy có thể đi vào chỗ chết mà không do dự.”

Triệu Bất Vưu trầm nghĩ, Lang Phồn tuy ương gàn nhưng tuyệt đối không ngu ngốc, nếu muốn để cho anh ta tin thì phải có lý lẽ vững chắc. Ai có thể làm thế với Lang Phồn? Kẻ đó phải đưa ra lý lẽ gì để Lang Phồn tự nguyện hi sinh? Và, kẻ đó ít ra cũng “đáng để tin”. Lang Phồn không dễ dàng kết giao với ai, anh chỉ tin tưởng Đông thủy bát tử. Hay là chính Chương Mỹ?

Triệu Bất Vưu lại hỏi: “Anh có biết Chương Mỹ cũng đi phủ Ứng Thiên không?”

“Thế à?” Điền Huống giật mình. “Anh ấy cũng đi Ứng Thiên ư?”

“Phải! Tôi biết tin này từ một người chủ thuyền: chiều hôm Hàn thực, Chương Mỹ lên thuyền của ông ta đi Ứng Thiên. Anh có biết nguyên nhân chuyến đi là gì không?”

Điền Huống lắc đầu: “Tôi không sao nghĩ ra tại sao Chương Mỹ đi phủ Ứng Thiên. Hiện giờ anh ấy đang ở đâu...”

“Trước đó, Chương Mỹ có biểu hiện gì khác lạ không?”

“Không... hoặc có lẽ có... nhưng tôi không nhận ra. Giản Trang huynh cũng thế.”

...

Tống Tề Dụ đang ngồi trong quán “lực phu” ngây người nhìn dòng sông.

Chủ quán Đan Thập Lục bung ra một bát cơm gạo lứt, một đĩa rau, một đĩa dưa dầm tương, rất thanh đạm. Tống Tề Dụ đã ăn quen rồi, bụng lại đang đói nên ngấu nghiến ăn ngay rất ngon lành.

Ba năm trước, lần đầu đến Biện Kinh, anh và Chương Mỹ, Trịnh Đôn đi thuyền, rồi cập bến ở chỗ này. Lên bờ, cũng vào quán Lực phu ăn cơm. Dọc đường, Trịnh Đôn đã nói phải thưởng thức các món ở Biện Kinh thật đã đời, nào ngờ ở đây chỉ có món cá hấp và vịt quay là khá nhất, nhưng cách làm thì vụng, thua cả quán ăn ở quê hương Việt Châu. Cả ba chẳng thiết ăn, Chương Mỹ và Trịnh Đôn vì thất vọng, còn Tống Tề Dụ thì vì cô gái tên là Liên Quan.

Liên Quan là con gái một gia đình quan lại, trên đường đến Biện Kinh, cô đã cứu mạng cả ba anh em.

Tống Tề Dụ nhà nghèo, cố gom được chút tiền đi đường; Chương Mỹ và Trịnh Đôn cùng hỗ trợ anh, cả ba lên một con thuyền chở hàng - họ chỉ tính nửa tiền so với đi thuyền khách. Nào ngờ, khi thuyền đi quá phủ Ứng Thiên, trên đường đi Biện

Kinh, chủ thuyền lại giở quẻ đòi trả thêm tiền: bắt họ trả nốt nửa còn lại và bổ sung ba phần mười nữa.

Ba anh và chủ thuyền cãi nhau, trên thuyền có hơn chục phu thuyền, cả bọn vây lấy họ. Trịnh Đôn tự tin mình cao to, đứng ra bảo vệ Chương Mỹ và Tống Tề Dụ, nhưng mới “đấu khẩu” được vài câu thì bị hai phu thuyền tóm cổ đẩy xuống sông. Sau đó, họ lại đẩy Chương Mỹ xuống sông. Thấy hai bạn đều bơi kém, đang kêu ầm lên và sắp chìm đến nơi, Tống Tề Dụ bèn nhấc cái bọc hành lý nhảy ào xuống. Trong bọc có cuộn giấy dầu, bên trong là các giấy tờ chứng minh nhân thân để nhập trường Thái học và một ít tiền bạc dự phòng... của cả ba người.

Miệng cắn giữ chặt bọc hành lý, Tống Tề Dụ vội bơi ra cứu hai bạn: nắm cổ áo Trịnh Đôn nhấc anh ta ngoi lên để thở, sau đó đẩy Trịnh Đôn lại gần Chương Mỹ. Chương Mỹ đã bị nước xô đi xa, hai tay chấp chới khua lên, Tống Tề Dụ bơi cật lực mới đuổi kịp rồi tóm lấy gáy, nhấc đầu Chương Mỹ lên khỏi mặt nước. Cả hai ho sặc sụa.

Bấy giờ là đầu mùa hạ, sau mấy trận mưa rào, nước sông dâng cao chảy xiết. Tống Tề Dụ cố đập nước và nâng hai bạn lên nhưng cũng chỉ là cầm cự để không bị chìm, chứ khó mà bơi vào bờ được. Lúc này trời đã sâm sẩm tối, mặt sông sẫm màu, chỉ có tiếng sóng nước rào rào chảy. Anh nghĩ, cứ để cả ba trôi xuôi dòng để giữ sức và biết đâu sẽ gặp thuyền bè qua lại... Chẳng bao lâu sau đó, Tống Tề Dụ đã gần kiệt sức, hai tay rã rời, hai hàm răng đau nhức vì phải cắn túi hành lý kéo nó bị nước cuốn đi thì gay go. May sao, anh bỗng nhận ra một ánh lửa đèn lồng - đèn lồng treo trên một con thuyền!

Anh gắng hết sức bơi về phía con thuyền đó, Chương Mỹ và Trịnh Đôn cũng cố kêu cứu. Rồi cả ba cũng dần tiếp cận con thuyền, may sao, họ đã nghe thấy tiếng kêu cứu, bèn chống sào

lại gần rồi cứu cả ba lên thuyền.

...

Đó là con thuyền chở khách, được một vị viên ngoại ở kinh đô thuê, có khoảng chục người hộ tống tiểu thư con gái ông về kinh đô. Chủ thuyền nghe Tống Tề Dụ kể nguyên do họ gặp nạn, sau đó vào bầm với tiểu thư. Tiểu thư vẫn ngồi trong khoang, bảo nhà thuyền cứ bố trí cho ba anh vào một khoang nhỏ phía sau, trải chiếu nằm ngang hàng, tiểu thư lại bảo người nhà đưa cho ba bộ quần áo để ba anh thay. Tống Tề Dụ từ trong khoang nói vọng ra “cảm ơn tiểu thư” nhưng tiểu thư không đáp, chỉ sai một nữ tỳ tuổi trung niên ra nói “khỏi cần nghĩ ngợi, hãy cứ nghỉ ngơi”. Tống Tề Dụ dò hỏi họ tên tiểu thư, thì người nữ tỳ này nói: “Tiểu thư đã dặn, miễn hỏi gì thêm.”

Đêm đến, Chương Mỹ và Trịnh Đôn rất dễ đi vào giấc ngủ, còn Tống Tề Dụ, không hiểu tại sao, vẫn tỉnh như sáo. Anh bèn đi ra phía đuôi thuyền. Trên trời, vầng trăng sáng treo cao, gió nhẹ đưa, mặt sông gợn sóng lấp lánh như bạc khiến anh rất hào hứng phấn chấn. Nhớ lại quá trình xuất phát, rồi gặp nguy hiểm, thoát hiểm, cảm thấy thực thú vị, Tống Tề Dụ ngẩng nhìn vầng trăng, bỗng nổi thi hứng, ứng khẩu ngâm một bài từ theo điệu “Tây giang nguyệt”:

*Trăng sáng, nơi đất khách dễ gặp, Thuyền nhẹ lướt, như đêm nay, khó tìm.*

*Sóng bạc ngàn dặm tiến đưa, Gối đầu, gió nhẹ, đi vào giấc mộng.*

*Đôi bờ âm u đen như mực, Dòng sông trải dài tình lưu luyến sáng trong.*

*Chí cao ngạo mến yêu non cao, Hà tất phải chạm mây trời làm chứng?*

Vừa ngâm xong, anh nghe thấy phía sau vọng đến: “Hay lắm!”

Tiếng nói truyền ra từ mạn trái giữa thuyền, giọng không cao nhưng trong trẻo mềm mại, rõ ràng là giọng thiếu nữ. Lẽ nào là tiểu thư kia? Tống Tề Dụ vội bước về phía đó, tay bám lan can, ngó về phía phát ra âm thanh, nói nhỏ tạ lỗi: “Tại hạ trót nói đùa mấy câu, làm phiền tiểu thư, mong tiểu thư thứ lỗi cho.”

“Đâu có? Công tử khiêm tốn rồi. Cảnh trăng đêm rất đẹp không thể thiếu thi hứng đồng hành. Tôi cũng đang nhẩm một bài từ nhưng suốt buổi tối vẫn chưa xong. Không ngờ lại may mắn được nghe giai tác rất tuyệt vời của công tử - coi như đã không phụ dòng sông, gió nhẹ và trăng sáng đêm nay, thú vị hơn cả uống liền ba chén rượu.”

Lần này Tống Tề Dụ xác định rõ âm thanh phát ra từ cửa sổ khoang chính ở giữa con thuyền. Giọng tiểu thư không những êm ái dễ nghe mà cách nói cũng thể hiện rất có kiến thức mà vẫn nhận ra ý tán dương đối phương. Anh rất mừng, không ngờ trên chuyến đi này lại bất ngờ gặp người tri ngộ. Vì khoảng cách khá xa, Tống Tề Dụ vội chạy vào khoang dành cho ba người, Chương Mỹ và Trịnh Đôn vẫn nằm ngủ, Trịnh Đôn còn ngáy o o. Anh liền đi qua hai người, mở cửa sổ chui ra, ngồi xuống mạn thuyền - sẽ gần ô cửa sổ của tiểu thư hơn.

Anh nói về phía ô cửa sổ ấy: “Tiểu thư khen quá lời rồi, tại hạ đâu dám nhận?”

Hình như tiểu thư cười, sau đó nói: “Công tử không cần khiêm tốn quá thế. Tiểu nữ chỉ biết sơ sơ, ‘Tây giang nguyệt’ vốn là khúc nhạc của các giáo phường thời Đường, sau đó chuyển thành làn điệu để sáng tác Từ, vì vẫn mang âm luật của thơ Đường nên không thể thu gọn khuôn khổ, sẽ làm mất nét đặc trưng vốn có. Tiểu nữ đã từng đọc hơn trăm bài ‘Tây giang nguyệt’ của các tác giả, phần nhiều chỉ diễn tả nỗi sầu vãn vơ



hoặc tình cảm của thiếu nữ nơi khuê phòng. Những câu hay, ví dụ ‘Thế sự như giấc mộng dài, đời người mấy phen lạnh lẽo’ của Tô Đông Pha, ‘Tiễn biệt một kiếp người, chỉ là rượu triền miên rũ đi tất cả’ của Hoàng Đình Kiên, ‘Ung dung tự đắc trên lầu, nét cười sắc xuân bừng sáng’ của Trần Sư Đạo. Tất nhiên đều chưa phải những câu hay nhất của ba người này nhưng ý thơ đều có nét rầu rầu ít khí thế. Bài của công tử, nửa trên có âm vận mượt mà êm dịu của người thời Đường, nửa dưới lại có nét mạnh mẽ của Từ khúc với khí thế mạnh mẽ, thực không phụ cảnh sắc đêm trăng trên sông dài hôm nay.”

“Tại hạ là Tống Tề Dụ, lần đầu xa quê đi xa, may mắn được tiểu thư cứu mạng và còn được nghe tiểu thư bình thơ với cả tấm lòng, thực là vạn hạnh vậy!”

“Công tử nói thế lại là khách sáo đấy! Nghe nội dung câu chữ, có thể biết công tử không phải con người rất câu nệ lễ tục. Đang ngồi cùng thuyền, cùng ngắm trăng sáng, đâu cần thiết phải đắn đo những điều gò bó cứng nhắc, chẳng phải sẽ có lỗi với khung cảnh huy hoàng của đất trời hay sao?”

Tống Tề Dụ mỉm cười: “Vâng! Tiểu thư có tâm ý như bông sen xanh trắng rõ ràng, tại hạ đâu dám giữ kẽ như kiểu ẩn cư theo lối Trang Chu<sup>[69]</sup>?”

“Như thế mới phải chứ! Sân sau nhà tôi có một hồ sen, trong các thi nhân xưa nay, tôi chuộng nhất Lý Thanh Liên; trong các áng văn thơ của thời đại chúng ta, “Ái liên thuyết” của Chu Liêm Khê<sup>[70]</sup> tôi thích nhất, nên tôi đánh bạo dùng chữ ‘Liên Quan’ làm biệt hiệu cho mình. Công tử cứ gọi tôi là Liên Quan là được.”

Tống Tề Dụ cả mừng, anh cũng rất thích sự phóng khoáng của Trang tử, sự hào sảng bay bổng của Lý Bạch, anh trầm trồ: “Sen thể hiện chí hướng, hồ nước để xem sự trong sạch. Tên rất hay! Tại hạ nghĩ Liên Quan thuộc phái dật tiên<sup>[71]</sup>.”

“Là phận nữ nhi, không thể đến các chốn náo nhiệt để thể hiện tự do, tôi chỉ có thể tự giữ mình ở nơi thanh tĩnh.”

“Đứng nơi tĩnh mà nhìn cõi đời ảm lạnh, cũng là cách tốt để nhận ra nhả và tục của sự đời. Liên Quan có tâm chí nhẹ nhõm thanh cao, nếu là nam nhi, chắc sẽ là một nhân vật như Ngũ Liễu tiên sinh<sup>[72]</sup>.”

“Tôi để công tử phải chê cười rồi! Nhưng nếu là nam nhi thì ít ra lúc này không cần phải nói chuyện qua một ô cửa sổ.”

Tống Tề Dụ cảm thấy trò chuyện càng thêm ăn ý, và càng muốn được thấy mặt Liên Quan. Nghe nàng diễn tả, anh càng tiếc nuối bâng khuâng không biết nói sao.

Đang lúc do dự, bỗng nghe tiếng phụ nữ đứng tuổi nói vọng ra ô cửa sổ: “Tiểu thư, khuya rồi, nên đi nghỉ đi!”

“Me Đường à, con vào ngủ đây!” Giọng Liên Quan dường như rất gượng, nhưng rồi nàng cũng khẽ nói: “Công tử cũng nên đi nghỉ đi.”

“Vâng...”

Tống Tề Dụ thần thờ ngồi đỏng tai lắng nghe, chờ đợi. Phía bên đó không có âm thanh gì khác, anh cụt hứng, cảm thấy ánh trăng hình như bỗng tối sầm.



## Cầm Tâm, Lá Thư, Khoái Tai Phong<sup>[73]</sup>

*Những người theo Lý sẽ cùng vui mà làm, những ai không chấp nhận, sẽ cùng sửa đổi.*

*- Trương Tải*

Triệu Bất Vưu tạm biệt Điền Huống rồi đi tìm Giang Độ Niên.

Mặc tử Giang Độ Niên suốt ngày làm bạn với bút mực, rất say mê và nổi tiếng về biệt tài mô phỏng cách viết của các nhà thư pháp. Vài chục năm trước có nhà thư họa Mễ Phát rất giỏi vẽ lại các họa phẩm cổ danh tiếng, giống đến nỗi các nhà nghề cũng khó nhận ra tranh thật hay giả, tính tình lại hơi rồ dại, họ bèn đặt cho ông ta biệt hiệu “Mễ điên”. Nay có Giang Độ Niên giỏi viết lại chữ của các danh gia thư pháp, dân gian bèn đặt ra câu “Tranh giả Mễ Phát điên, chữ giả Giang Độ Niên”.

Thực ra Mễ Phát vẽ lại tranh chỉ vì thích vẽ, ông rất thích vẽ lại tranh, hết sức tỉ mỉ công phu, ông vốn rất có danh vọng, không bao giờ cố tình “làm hàng nhái” đưa ra công chúng để lòe bịp. Giang Độ Niên tuy gia cảnh thanh bần nhưng cũng không làm đồ giả để kiếm tiền. Các nhà buôn ấn phẩm trong dân gian thường giả danh họ để kiếm lời, dầu nói rõ là ấn phẩm của mình nhưng để tên hai người vào thì vẫn bán được giá cao.

Giang Độ Niên không chỉ sao chép thư pháp. Năm 20 tuổi trở về trước, anh đã sao chép rất chuẩn rất giống, sau đó anh đi sâu nghiên cứu “xét người qua chữ viết”, phỏng đoán tính tình, sở thích, ý chí và kiến thức của các tác giả ấy. Cứ thế mãi, anh không chỉ là viết lại chữ mà là mô phỏng tính cách, tinh thần

của người ta. Khi cầm bút, anh không còn là mình nữa mà là chính họ!

...

Vào ngày thu phân (giữa thu) cách đây hai năm, Triệu Bất Vưu cùng Đông thủy bát tử tập hợp ở Xuy Đài phía nam thành, trong làn gió thu, Cầm tử Nhạc Chí Hòa ôm đàn gảy khúc “Thu thủy” mới soạn. Giang Độ Niên rượu vào nổi hứng muốn múa bút nhưng không sẵn giấy, bèn cởi áo dài trắng đang mặc trải ra trên mặt bàn đá, cầm bút chấm mực rồi tung hoành một chập. Anh viết bài phú “Khoái tai thử phong” của Đông Pha theo thư pháp của Đông Pha<sup>[74]</sup>. Triệu Bất Vưu hồi nhỏ đã từng nhìn thấy Tô Thúc phong độ ngồi ngồi rạng rỡ, ấn tượng này rất sâu. Nhìn Giang Độ Niên hôm đó dường như lại được nhìn thấy Tô Thúc năm xưa. Và, chữ viết trên áo bào cũng hết sức bay bướm, chẳng khác gì mây trời dìu dặt bỗng bênh trước gió thu. Nếu đích thân Đông Pha viết có lẽ cũng tuyệt vời như thế này là cùng.

Mọi người trở mắt nhìn, trầm trồ khen ngợi. Triệu Bất Vưu còn nhớ lúc đó Trịnh Đôn phát biểu cảm nghĩ: “Dem bán cái áo dài cũ này đi, ít ra cũng được chục quan tiền.” Giang Độ Niên bật cười, rồi cầm luôn cái áo ấy ném vào lò than dùng để hâm rượu và nướng thịt, ngọn lửa bùng lên nuốt chửng bức thư pháp bay bướm. Mọi người không ngớt kêu lên “thật đáng tiếc”, nhưng Giang Độ Niên thì mỉm cười: “Đốt nó để tế Đông Pha tiên sinh, nếu hương hồn ông ấy biết, hẳn sẽ cười vang và nói ‘ngọn lửa này sung sướng làm sao!’”

...

Cũng như Điền Huống, Giang Độ Niên từng được triệu vào trường học trong cung vua, nhưng anh không muốn làm “thư

nô” mất tự do, bèn cáo bệnh mà từ chối. Nhưng anh lại chấp nhận vào làm “thợ sao chép” của Tập Hiền các trong cung.

Sau khi thiên tử lên nối ngôi, Sái Kinh đề xướng chấn hưng văn nghệ, sưu tầm nhiều bức thư họa và sách cổ trong dân gian. Một số tác phẩm quý hiếm lưu giữ trong các quán các cần chép lại thành các bản sao. Vì thích thú với chúng, Giang Độ Niên chấp nhận làm thợ sao chép, hàng tháng được trả chút thù lao để nuôi gia đình.

Năm ngoài Sái Kinh về hưu, Vương Phủ lên làm tể tướng, chấm dứt việc sưu tầm sách, Giang Độ Niên cũng bị cho nghỉ việc. Vốn tính cuồng ngạo, anh không muốn bán chữ kiếm tiền, coi đó là rẻ rúng bút nghiên, bèn đến một hiệu sách viết bản chữ mẫu các bộ kinh thư để họ đem khắc in. Anh cho rằng bán chữ tức bán mình, còn chép sách để khắc in là truyền bá văn chương đạo nghĩa.

Triệu Bất Vưu còn nhớ ông chủ của Giang Độ Niên hiện giờ là nhà sách họ Tào; năm ấy ông ta khởi nghiệp bằng việc khắc in (in lậu) “Tô Thúc văn tập”. Nhà sách này ở đường nam Quốc tử giám, cũng gần thôi, bèn đi bộ đến đó.

Đi vào Đông Thủy môn, rồi đi về phía nam, đi được nửa đường thì nhìn thấy trên cầu Vân Kỳ có một người đang bước đi cực nhanh hăm hở như con ngựa hoang, vạt áo tay áo bào phần phật trước gió, anh nhận ra ngay chính là Giang Độ Niên.

“Bất Vưu! Tôi đang định tìm huynh!” Giang Độ Niên nói năng không cầu kỳ, bộ râu của anh cũng rối tung như bờm ngựa hoang.

“Tôi cũng thế!”

Cả hai nhìn nhau cười vang, rồi cùng bước vào quán rượu ở góc phố, gọi hai chén rượu và đồ nhắm đơn giản.

Triệu Bất Vưu lại kể với Giang Độ Niên sự việc Chương Mỹ đi

phủ Ứng Thiên. Cũng như Trịnh Đôn và Điền Huống, Giang Độ Niên rất kinh ngạc, lắc đầu, không muốn tin là có chuyện này.

Triệu Bất Vưu nói: “Hiện giờ rất cần tra rõ nguyên do họ đi Ứng Thiên. Trước đó Độ Niên huynh có thấy họ có biểu hiện gì lạ không?”

“Mấy hôm nay tôi đã cố nhớ lại, đúng là Lang Phồn và Chương Mỹ có vài biểu hiện khác thường.” Giang Độ Niên ngửa cổ tợp rượu ừng ực, rồi đưa tay quạt mép bị râu ria che khuất.

“Anh nói đi?”

“Anh cũng biết rồi: lâu nay tôi mãi mê thư pháp, rồi đi sâu nghiên cứu tâm tính con người qua chữ viết. Về sau tôi nhận ra không chỉ từ chữ viết, mà từ thần sắc, cách nói năng cũng có thể suy ra tâm tính. Mấy hôm nay tôi nhớ lại tình hình hai vị ấy lúc gặp mặt nhau hôm Hàn thực. Ví dụ, cách cầm chén rượu của họ không như mọi ngày. Trước hết là Lang Phồn...”

Giang Độ Niên cầm chén rượu đã cạn trong tay giơ lên, mô phỏng cách cầm chén. “Lang Phồn thường ngày ít nói, vẻ hơi u uất vì mình có hoài bão mà không thể thực hiện. Khi uống rượu, anh ấy nhấp một hớp rồi đặt xuống bàn như để ‘chờ lấy sức’; hôm Hàn thực, anh ấy nhấp một hớp xong cũng đặt chén xuống bàn nhưng ngón tay không buông ra như mọi ngày, tiếp tục giữ một lúc rồi mới buông ra. Tôi đoán rằng anh ấy đang vương bận hoặc do dự về điều gì đó.”

Triệu Bất Vưu nghe, và cũng làm động tác mô phỏng, để cảm nhận sự thay đổi tâm tư qua động tác đó. Nhấp xong nặng nề đặt chén xuống, có thể phản ánh: một là đang bức xúc u uất, vô tình “xả giận” bằng động tác này. Hai là, do sảng khoái, luôn dư sức lực, thể hiện hào khí. Đương nhiên Lang Phồn thuộc dạng thứ nhất.

Nhấp xong, đặt chén xuống, nếu buông tay ra ngay tức là tâm

trạng bình thường; trái lại, tức là đang tâm tư nặng nề khó giải tỏa. Như vợ Lang Phồn là Giang thị nói: Lang Phồn đang nặng nề bức xúc gì đó, rồi hình như đã nghĩ thông suốt và đưa ra quyết định. Nhưng cách Lang Phồn cầm chén rượu cho thấy: quyết định của anh ấy lại hết sức “nặng nề” nên mới cầm chén lâu như vậy.

Triệu Bất Vưu bèn hỏi: “Độ Niên thực tình tường, anh nói đúng, cầm chén rõ lâu chúng tớ đang vướng mắc hoặc do dự. Hôm đó anh ấy đặt chén xuống, có điểm nào khác mọi hôm không?”

“Để tôi nhớ lại xem... hình như đặt chén xuống... mạnh tay hơn mọi ngày.”

“Mạnh tay hơn? Thế thì, hôm đó đặt chén xuống không vì xả giận mà là thể hiện rõ ý chí, cũng tức là quyết đoán một việc hệ trọng.”

“Quyết đoán gì?”

“Đi vào chỗ chết!”

“Hả?” Giang Độ Niên mở to mắt.

“Các anh từng nói, hôm Hàn thực tập hợp, Chương Mỹ và Lang Phồn tranh luận về mấy chữ ‘bất động tâm’ của Mạnh Tử, Lang Phồn nói con người đâu có thể không động tâm? Vậy thì chắc hẳn đang có chuyện gì đó khiến anh ấy động tâm, khiến anh ấy dám xông pha dầu nguy đến tính mạng; tuy nhiên, vẫn là đứng trước sinh và tử, con người ta dù can đảm đến mấy cũng vẫn có chút do dự cân nhắc. Anh ấy cầm chén hơi lâu là vì vấn vương sự sống.”

“Rốt cuộc là chuyện gì?”

“Hiện giờ tôi cũng chịu không thể biết, nên đành gác lại đã. Anh nói về Chương Mỹ xem?”

“Chương Mỹ...” Giang Độ Niên tay cầm chén rượu, mắt nhìn

xuống, cố nghĩ lại. Lát sau mới nói: “Chương Mỹ vốn điềm tĩnh cẩn trọng, mọi ngày đặt chén xuống nhẹ nhàng vừa phải, vững tay, không va đập gây tiếng động hoặc khiến rượu sánh ra ngoài. Nhưng hôm đó anh ấy hơi bất thường, động tác lúc nặng lúc nhẹ, va phải chén khác, chén bị đổ, anh ấy mỉm cười rồi tì ngón giữa vào thành chén xoay cái chén quay tròn mấy vòng...”

“Theo anh đoán, anh ấy tâm trạng ra sao?”

“Tôi nghĩ Chương Mỹ hơi có vẻ chán chường, buông xuôi.”

Triệu Bất Vưu lại cầm chén và sau vài lần mô phỏng động tác, anh cảm thấy không phù hợp bèn lắc đầu: “E không phải là chán chường buông xuôi. Chương Mỹ vốn rất giữ Lễ, xoay chén, thể hiện tự chế nhạo mình, hơi có ý ‘vượt qua lễ nghi’. Ngoài ra, cũng thể hiện nhẹ nhõm như trút được gánh nặng. Tôi đoán rằng anh ấy đang có điều băn khoăn không tập trung tinh thần, nên mới làm va phải cái chén khác. Và, có thể có tâm tư gì đó nữa nhưng tôi chưa đoán ra...”

“À, còn nữa: mọi ngày dù tranh luận, anh ấy không nóng nảy hoặc nói năng gay gắt, nhưng hôm đó sau khi uống vài chén, anh ấy nói năng hơi quá đà, có đôi câu bất kính với Giản Trang huỳnh.”

“Thế ư?”

Triệu Bất Vưu chợt nghĩ đến một tâm trạng rất khó đoán: bất mãn.

Chương Mỹ chợt “thất lễ” như thế hẳn là đang bất mãn với một sự việc hoặc với ai đó. Hôm Hàn thực cả tám anh em gặp mặt, Chương Mỹ bức dọc với một trong các bạn? Là ai? Là Lang Phồn chăng?

Triệu Bất Vưu bèn hỏi: “Lúc tranh luận với Lang Phồn, Chương Mỹ có nổi nóng không?”

“Không. Hai vị ấy hiếm khi tranh luận. Hôm đó cũng chỉ là



bày tỏ ý kiến của mình, nói xong là xong.”

“Chương Mỹ còn tranh luận với ai nữa không?”

“Không.”

“Tổng Tề Dụ thì sao? Hôm đó có tranh luận về tân pháp cự pháp không?” Triệu Bất Vưu chợt nhớ ra Tổng Tề Dụ chủ trương tân pháp, bảy tài tử còn lại thì chuộng cự pháp. Trong bát tử, Chương Mỹ và Tổng Tề Dụ rất thân nhau nhưng cũng rất hay tranh luận, nhất là khi bàn đến tân pháp cự pháp thì hai người cứ như là nước với lửa.

Giang Độ Niên nhìn cái chén đang vân vê trong tay, lắc đầu: “Không. Hôm đó mọi người đều rất hào hứng, cũng không nói nhiều; gặp nhau một lúc rồi giải tán.”

“Tại sao?”

“Có lẽ vì ai cũng có việc riêng gì đó, nhất là Giản Trang huynh, từ khi bị thu hồi ruộng, cảm thấy lo lắng cho sinh kế.”

“Giản Trang huynh vẫn thế. Những vị khác thì sao?”

“Hình như không có gì lạ.”

...

Về Tổng Tề Dụ, đêm hôm đó nằm trên thuyền cứ trần trọc mãi, và tủm tủm cười khi nhớ lại cuộc trò chuyện với tiểu thư Liên Quan.

Hôm sau anh dậy sớm rồi bước ra ngoài mạn thuyền, nghĩ bụng, biết đâu lại gặp Liên Quan cũng nên. Nhưng từ khoang nhỏ mà ba anh nằm còn cách khoang chính của Liên Quan một lối đi, trên lối đi ấy có khoang nhỏ của mẹ Đường gia nhân của Liên Quan. Anh đứng ở đuôi thuyền, không ngót đưa mắt về phía lối đi ấy. Nhưng cánh cửa khoang đó không hề mở, bóng mẹ Đường cũng không hề thấy.

Anh hỏi thăm phu thuyền, họ chỉ biết tiểu thư Liên Quan họ

Trương, chứ không biết gì khác.

Chẳng mấy chốc đã đến Biện Kinh, thuyền dừng lại cập bờ ở chỗ quán Lực phu. Chương Mỹ và Trịnh Đôn cũng đã tỉnh giấc. Cả ba xuống thuyền, lên bờ rồi đi vòng lên phía mũi thuyền. Ô cửa sổ khoang chính vẫn đóng kín, không thể nhìn thấy Liên Quan. Chủ thuyền đang chỉ huy các phu thuyền hạ buồm. Cả ba bước lại nói lời cảm ơn, và đưa ông ta ít bạc lẻ, gọi là trả tiền đi thuyền nhưng ông ta nói tiểu thư đã dặn dò không được nhận tiền.

Tống Tề Dụ thầm lấy làm mừng, định bước đến ngỏ lời cảm ơn Liên Quan nhưng có một phụ nữ bước lại mũi thuyền, lạnh lùng nói với anh: “Tiểu thư nhà tôi nói không cần cảm ơn.” Giọng nói này chính là giọng nói của mẹ Đường đêm qua.

Tống Tề Dụ rất thất vọng, đành chào mẹ Đường và chủ thuyền rồi bước đi. Nhìn thấy quán Lực phu, cả ba bước vào ngay, lúc này bụng đang đói meo. Trịnh Đôn và Chương Mỹ sốt ruột muốn nếm mĩ vị của Biện Kinh, Tống Tề Dụ thì dăm dăm nhìn vào phía con thuyền.

Mấy người hầu nam vác các loại hòm rương, mấy người hầu nữ thì xách các túi dây, họ chuyển lên bờ. Mẹ Đường nhìn thấy hành lý đã chuyển xong thì xuống thuyền, lên bờ. Cuối cùng mới thấy một nữ tì mặc áo màu lục đỡ tiểu thư bước trên sàn thuyền, thận trọng đi xuống. Đương nhiên tiểu thư đó là Liên Quan.

Liên Quan, đầu đội mũ có vành, phía trước có mảnh vải the che mặt, nên nhìn không rõ. Cô mặc áo và váy lụa trắng thêu hoa văn hoa sen màu lục, đi đôi giày thêu xinh xắn. Lúc đó là sáng sớm một ngày đầu mùa hạ, sương vẫn chưa tan hết, gió hiu hiu thổi. Làn gió nhẹ khiến mảnh vải the và ống tay áo khẽ rung rinh, cái cổ trắng ngần và cổ tay ngà ngọc của cô thấp thoáng ẩn

hiện, nhưng khuôn mặt thì hoàn toàn không. Liên Quan vóc người thanh mảnh, bước đi nhẹ nhàng, cô như bông sen trắng đang chậm chậm di chuyển trong làn sương mờ...

Trên bờ, một cỗ kiệu đã túc trực, nữ tì áo lục đỡ Liên Quan lên bờ rồi lên kiệu. Rèm kiệu lập tức buông xuống, không nhìn thấy bóng Liên Quan đâu nữa. Tống Tề Dụ băng khuâng nhìn cỗ kiệu dần đi xa, lòng anh dường như cũng có làn sương dâng lên, chơi vơi, trống trải.

...

Sau khi vào trường Thái học và ổn định mọi bề, Tống Tề Dụ bắt đầu đi các chốn dò hỏi về vị “viên ngoại lang” họ Trương.

Nhưng Viên ngoại lang chỉ là chức quan lục phẩm, ở kinh đô có đến vài trăm vị, và cũng có đến mấy chục vị Viên ngoại lang họ Trương. Anh đã lần lượt dò hỏi nhưng không thể tìm ra vị nào là phụ thân của Liên Quan.

Về sau, Tống Tề Dụ lại cho rằng mình đã nghe nhầm họ Chương thành họ Trương, anh lại đi tìm những vị Viên ngoại lang họ Chương, họ Chiêm, họ Triễn, họ Tr... đều không có kết quả. Anh dần quên lãng chuyện này, thậm chí coi Liên Quan như một bông sen xuất hiện trong giấc mơ, nửa thực nửa hư...

Khi anh gần như đã quên thật, thì một hôm nhận được bức thư gửi qua người gác cổng trường Thái học, mở ra xem, thấy hai chữ đầu tiên là Liên Quan...

...

Trong quán trà Lão Nhạc, Cầm tử Nhạc Chí Hòa đang cầm mảnh vải lau bàn lau ghế...

Lúc này vẫn còn rất sớm, quán chưa có khách, trên sông Biện Hà, làn sương sớm mai chưa tan, chỉ nghe thấy tiếng mái chèo

khua nước của vài con thuyền, từ xa vọng đến vài tiếng chim hót...

Quán trà này vốn là của người bác ruột, bác không có con trai nên nhận Nhạc Chí Hòa làm con nuôi. Anh ham đọc sách và rất ưa thanh tĩnh, không thích ồn ba mệ mỗi vì lợi lộc. Năm 15-16 tuổi, anh đã bắt đầu giúp bác trông coi quán trà này. Mấy năm nay bác đã già yếu, mình anh càng đáng mọi việc. Thu nhập từ bán nước chỉ tạm đủ sống, nên các quán trà bên sông Biện Hà đều bán thêm món ăn, nhưng Nhạc Chí Hòa không thích bày vẽ bếp núc phiền hà, anh chỉ bán trà. Vì Đông thủy bát tử thường xuyên tập hợp ở đây nên quán Lão Nhạc cũng dần nổi tiếng, khách phần lớn là văn nhân sĩ tử, tuy không náo nhiệt như các quán khác nhưng cũng tạm đủ để chủ nhân sinh sống.

Lúc này bốn bề yên tĩnh nhưng Nhạc Chí Hòa vẫn cảm thấy nao nao phiền muộn. Anh hay lau chùi bàn ghế, quét dọn quán xá, vì tính anh vốn ưa sạch sẽ, và cũng vì hồi nọ được nghe mấy câu nói rất có ý nghĩa của Giản Trang. Trong một lần Bát tử gặp mặt ở đây đàm đạo, Giản Trang thấy Tống Tế Dụ bàn luận cao siêu thậm chí đụng đến cả Huyền học của Trang Tử, bèn dẫn ra câu nói của thầy Trình Di: “Đạo của giới tự nhiên tồn tại ngay trong mọi việc thường ngày, bởi thế, Lý không phân biệt lớn hay nhỏ. Khi lòng ta tâm niệm tôn trọng nó thì sẽ không đi lầm đường.”

Nhạc Chí Hòa rất tâm đắc điều này. Hồi niên thiếu, từng gặp một nhạc công bất đắc chí hay đến quán này uống trà, ông ta chơi đàn cực hay nhưng tính tình thì cô ngạo, không muốn ra sân khấu biểu diễn kiếm tiền, chỉ thích dạy đàn cho lớp trẻ trong các gia đình. Tuy ăn gửi nằm nhờ nhà chủ, nhưng tính tình ông ta rất nóng nảy, hễ nhà chủ hơi có thái độ rẻ rúng thì ông ta ôm đàn ra đi luôn; học trò hơi trái ý, liền bị ông ta đánh

mắng. Vì thế chẳng thể làm gia sư được lâu dài. Một hôm Nhạc Chí Hòa đến quán trà thì ông ta nhìn thấy, bèn gọi lại và nắm tay anh quan sát rất kỹ, khen ngợi đôi tay trời cho. Ông ta nói với bác anh: “Tôi sẽ dạy nó chơi đàn, tôi thêm tiền cho ông<sup>[75]</sup> cũng được!”

Quả nhiên, ngồi trước cây đàn, Nhạc Chí Hòa như biến thành người khác. Anh vốn gầy gò lưng hơi gù trông rất đáng ngán, nhưng lúc này người anh vươn thẳng, đôi mắt long lanh rất có hồn. Anh tỏ ra rất có năng khiếu, sau hai ba tháng học đàn, đã chơi rất khá, sau một năm đã thuần thục mười mấy bản nhạc cổ điển.

Nhưng rồi vị danh cầm này bỗng mắc bệnh hiểm nghèo, lúc lâm chung, ông tặng anh cây đàn cổ cầm, và nắm tay anh, dồn hết sức lực dặn dò: “Hãy nhớ: đàn quý hơn thân mình, nhạc quý hơn sinh mệnh.”

Từ đó, Nhạc Chí Hòa vui đầu trong đàn nhạc, và cũng rất nâng niu yêu quý cây cổ cầm. Người thầy ấy truyền cho anh, đa phần là những khúc nhạc hùng hồn đầy sức mạnh, như những tiếng gió thổi qua những cây tùng khóm trúc ngạo nghễ nơi vách núi cheo leo, rất hợp với tâm tính chàng thiếu niên là anh, dần đưa anh đến những cảnh giới của sự cô phần thâm u kỳ dị. Vài năm sau, Cổ Nhi Phong ngẫu nhiên dừng chân bước vào quán trà của anh.

Cổ Nhi Phong là bậc thầy về trống, ông thường đệm trống cho các ca kỹ hát nơi quán trà, quán rượu, Nhạc Chí Hòa cũng từng thấy ông nhưng chưa có dịp nói chuyện. Hôm đó trời sắp tối, khách vắng, anh đang ngồi ở sân sau gảy khúc nhạc “Cô trúc”, sau đó nhìn thấy Cổ Nhi Phong đứng ở bên lò than ngoài cửa, ánh mắt sáng rực đầy thiện cảm. Đó là ánh mắt khen ngợi của người rất hiểu về đàn. Cổ Nhi Phong ăn mặc giản dị, khuôn mặt

thanh cao cương nghị; Nhạc Chí Hòa còn nhận ra một nét âu lo trong ánh mắt của ông ta.

Anh lấy làm lạ, vội đứng lên chào, Cổ Nhi Phong đáp lễ, tán thưởng: “Cậu còn trẻ mà tiếng đàn đã rất điêu luyện, thực hiếm có! Tiếng đàn lại sáng trong không chút thô thiển phàm tục, mấy chục năm qua ta chưa từng được nghe.”

Nhạc Chí Hòa vội thưa: “Bác quá khen rồi! Chắc bác cũng biết chơi đàn?”

“Ngày trước ta cũng từng đụng đến, nhưng đứng trước cậu, ta đâu dám nói ‘biết chơi’? Về sau, bị hỏng tay nên ta từ bỏ.”

Cổ Nhi Phong ngượng ngịu giơ hai tay ra, hai ngón trở đều bị mất một đốt. Nhạc Chí Hòa sửng sốt, tổn thất này quá lớn đối với người chơi đàn, nhưng Cổ Nhi Phong thì cười rất sảng khoái, dường như ông đã không bận tâm về nó nữa.

Nhạc Chí Hòa lại hỏi: “Hình như ánh mắt của bác lúc này có nét âu lo, là tại sao ạ?”

Cổ Nhi Phong nói có phần dè dặt: “Lẽ ra không nên, nhưng cùng là dân cầm ca, ta đánh bạo nói vậy. Vừa nãy nghe cậu chơi đàn, ta thấy tâm ý của cậu dường như âm u nặng trĩu. Cậu còn trẻ, đang tràn trề sức xuân, nên hứng khởi ngồi ngồi mới đúng. Nói về người chơi đàn, thì Kê Khang<sup>[76]</sup> rất kỳ dị nhưng khi chơi đàn thì ông ấy ‘tay lướt năm dây đàn, mắt nhìn chim hồng bay’, tâm ý siêu thoát vượt lên thế tục vươn xa xa mãi, chứ không u uẩn bế tắc.”

Nhạc Chí Hòa nghe rất kinh ngạc, đầu óc anh như được khai sáng. Ngoài sư phụ dạy đàn năm xưa, anh chưa có dịp nói chuyện với ai về lĩnh vực này, anh vẫn độc hành trên con đường nhỏ vắng vẻ và cũng ngờ ngợ đường đi ngày càng hẹp lại, khó mà vươn lên được. Cổ Nhi Phong đã nói trúng vào điểm rất bất an trong anh.

Anh vội chấp tay vái: “Bác hiểu nhiều biết rộng, nói rất xác đáng, mong bác chỉ bảo thêm cho.”

Cổ Nhi Phong gượng cười: “Ta chỉ nói quấy quá thế thôi chứ đâu dám dạy ai? Huống chi, tài chơi đàn của cậu đã vượt xa ta khi ta còn trẻ.”

Nhạc Chí Hòa vội mời ông vào quán ngồi uống trà thượng hạng, tiếp tục nài nỉ: “Từ sau khi thầy dạy đàn qua đời, không có ai chỉ bảo cho tôi nữa, hôm nay may được gặp bác, bác cũng là nghệ nhân cầm ca, xin bác đừng tiếc lời dạy bảo.”

Cổ Nhi Phong chấp nhận, không từ chối nữa, chân thành nói: “Năm xưa ta cũng từng ham tìm tòi những nét nhạc kỳ lạ sâu xa và ngày càng thích thú. Nhưng rồi thầy của ta dạy câu này: ‘Cầm tâm tức thiên tâm’, ta đã nghĩ suốt nửa cuộc đời mới dần hiểu ra. Phần lớn người ta khi chơi đàn chỉ nghĩ đến mình, nhưng con tim mình dù lớn đến mấy cũng chỉ như nắm tay, dù gắng tìm tòi hết các góc ngách trong đó, liệu có thể có được mấy thứ? Huống chi, đa phần trong đó chỉ là những nổi sầu nổi hận nhỏ bé, thể hiện ra ngón đàn chỉ có thể là những âm thanh nhỏ nhoi vụn vặt. Người giỏi chơi đàn thì lại khác: họ có thể gỡ bỏ những tâm trạng riêng tư còm cõi, khi đó thiên tâm sẽ hiện ra. Tựa như hạt thủy châu trong lòng sông biển, nếu nó cao ngạo thu mình lại thì nó vẫn chỉ là một hạt nước, nhưng nếu nó tự tháo gỡ thoát ra thì nó chính là sông là biển...”

Cổ Nhi Phong diễn tả rất chất phác nhưng đạo lý rất sâu xa, Nhạc Chí Hòa cảm thấy như bầu trời bỗng quang mây rồi hiện ra xanh thăm thẳm. Hồi lâu sau, anh mới lẩm bẩm: “Cầm tâm tức Thiên tâm. Khi Bá Nha gảy khúc ‘Cao sơn, Lưu thủy’, tâm của ông ấy chính là Thiên tâm. Thứ có thể tĩnh mà lại cao, là núi; thứ có thể động, và trải dài, ấy là dòng sông; thứ bên trên núi, vách của nước, đều là Thiên...”<sup>[77]</sup>

Kể từ đó Nhạc Chí Hòa và Cổ Nhi Phong trở thành đôi bạn vong niên, cầm nghệ của anh cũng được nâng lên tầm cao mới.

Sau đó Nhạc Chí Hòa gặp nhóm tài tử Giản Trang, luận bàn tri thức đạo nghĩa, anh càng thêm thấm thía cầm lý của Cổ Nhi Phong cùng hòa hợp với lạc đạo<sup>[78]</sup> của Nho học. Niềm vui của Nho gia nhằm hài hòa cõi tâm, tìm đến sự cân bằng thỏa đáng, đỉnh cao của nó là cảnh giới Thiên địa nhân hòa, chim bay cá nhảy, vạn vật phồn thịnh.

Nhất là khi nghe Giản Trang kể về lời dạy của thầy Trình Di: ‘Đạo của giới tự nhiên tồn tại ngay trong mọi việc thường ngày’, thì Nhạc Chí Hòa khi gảy đàn cũng như khi lau bàn ghế, quét nhà... đều chân thành tĩnh tâm để cảm nhận nhịp điệu và tiết tấu động tĩnh tiến thoái trong đó.

Nhưng mấy hôm nay cõi tâm của anh xáo trộn khó bề an định. Anh đứng tay, nhìn ra mặt sông. Con thuyền chở khách từng chứa thi thể Lang Phồn đã bị kéo đi, chỉ còn lại dòng nước vẫn chậm chậm trôi đi. Kinh thành rộng lớn nhường này có hàng triệu dân, chỉ có Đông thủy bát tử khiến anh tâm đầu ý hợp và tĩnh tâm, nay đã mất đi một thậm chí là hai trong số đó...

Nhạc Chí Hòa thở dài thườn thượt, rồi lại làm tiếp, nhưng anh bỗng nhìn thấy Triệu Bất Vưu bước vào.

...

Triệu Bất Vưu mấy hôm nay tâm trí cũng rối bời, nhưng anh cũng hiểu rằng Tâm phải tĩnh thì Lý mới sáng, hướng chỉ vụ án này liên quan rất rộng... anh bèn điều chỉnh hơi thở để suy nghĩ được mạch lạc.

Đêm qua Cổ Chấn sai Vạn Phúc đem đến hai thứ tìm thấy trong người gã Cốc Nhị Thập Thất đã uống thuốc độc tự tử: một



mảnh vải, và một cái lọ sứ.

Lọ sứ nhỏ bằng ngón tay cái, rất đẹp, men sáng bóng, đáy trắng có vân xanh, thân lọ có hoa văn là một cành mai uốn quanh. Mở nút lọ ra, bên trong rỗng, vẫn có thể ngửi thấy mùi hơi giống mùi lá ngải.

“Cốc Nhị Thập Thất uống độc dược trong lọ này tự tử. Đã đem đi hỏi, được sư cho biết đây là cỏ độc Thử mãng thảo, giống như chất độc khiến hơn hai chục người chết trên con thuyền chở khách.” Vạn Phúc nói.

Triệu Bất Vưu lại xem mảnh vải trắng, dài chừng hai thước, rộng nửa gang tay, ở giữa có một đoạn phẳng nhẵn, đã hơi cứng lại, nhìn kỹ thấy hình như nó được phết một thứ sơn trong suốt.

Vạn Phúc lại nói: “Nhiều người trong nha phủ đã xem, đều không đoán ra mảnh vải này dùng để làm gì. Triệu tướng quân nghĩ sao?”

Triệu Bất Vưu chăm chú quan sát rồi lắc đầu: “Ta cũng chịu không biết. Có thấy thứ này ở thi thể các nạn nhân trên thuyền không?”

“Không ạ! Chỉ thấy vài đồ thường dùng. Vụ án đã bị khép lại không được điều tra nữa, thì vật chứng này cũng vô tác dụng, Cổ đại nhân bèn bảo viên quan coi ngục đưa cho, nói là rất có thể Triệu tướng quân sẽ khám phá ra đầu mối. Cổ đại nhân cũng đã viết thư cho người bạn ở phủ Ứng Thiên nhờ họ điều tra lai lịch của con thuyền.”

Triệu Bất Vưu gật đầu: “Chiều ngày Hàn thực, Lang Phồn không đi thuyền khách, có lẽ không cưỡi ngựa đi phủ Ứng Thiên. Ta đoán rằng Lang Phồn đã đi thuyền nhà nước. Người về bẩm với Cổ Chấn huynh: nếu rồi, mời Cổ Chấn huynh đến chốt thu thuế Hạ Biện Hà tra cứu các thuyền nhà nước rời Biện Kinh chiều hôm đó.”

“Vâng.”



## Một Lời Nói, Nhớ Suốt Đời

*Đại để nhần hữu thân, tiện hữu tự tư chỉ lý, nghi kỳ dữ đạo nan nhất<sup>[79]</sup>.*

*- Trình Di*

Tổng Tể Dụ hoàn toàn không ngờ lại nhận được thư của Liên Quan.

Anh vội mở ra, chữ viết theo lối Khải thư chân phương nhỏ nhắn, rất mềm mại trang nhã. Rồi anh đọc.

“Gửi Tổng quân Tể Dụ túc hạ<sup>[80]</sup>,

Sau khi tạm biệt ở con thuyền đến Biện Kinh, thấm thoát đã hai năm. Quân hản còn nhớ cuộc đối thoại cách ô cửa sổ trên thuyền buồm đêm trăng ấy? Tiếng gió nhẹ đưa vãn như văng vẳng bên tai, với khí phách và nghị lực ấy, quân đã từng dấn bước vươn cao chưa? Cũng tiếc rằng thì giờ ngắn ngủi chưa thể giải bày cho thỏa; núi cao sông dài, khó có cơ hội tái ngộ. đành viết bài Từ gửi quân để tỏ tác lòng. Xa ngàn dặm, đánh bạo làm phiền. Chỉ muốn tỏ chút thành tâm, không muốn phiền quân phải viết thư trả lời. Rằm tháng bảy, mùa thu, đêm mưa. Liên Quan trân trọng kính gửi.

Ghi chú: kèm theo đây bài Từ “Lâm giang tiên”

*Hạt móc tiền sương thu, hoa sen tiền mưa; hồ nước bịn rịn biết bao tình.*

*Ve sầu nỉ non rời cây. Lá và cành nhung nhớ màu xanh non mát rượi.*

*Một nhánh u hương trắng trong gìn giữ, bông sen nở muôn vẫn  
đứng vươn cao. Tương phùng mà càng thêm cô quạnh. Cách ô cửa  
không thấy bóng hình, lời nói ngoài rèm nhẹ tênh.*

...

Lúc này nắng thu hoe vàng, trời xanh như ngọc, Tống Tề Dụ mừng rỡ mở thư xem, nhưng xem xong anh lại thần thờ băng khuâng, lòng se lạnh như khi mưa thu đang rả rích. Thì ra không chỉ anh nhớ nhung da diết mà Liên Quan cũng rất hoài niệm lần gặp gỡ trò chuyện trên con thuyền ấy. Ngẫm nghĩ cảm nhận ý tứ lắng sâu trong câu chữ và sự nuối tiếc man mác dưới ngòi bút, “hồ nước bịn rịn biết bao tình”, anh vừa được chút an ủi lại vừa buồn bã, lòng anh bỗng trào dâng nỗi tiếc thương vô hạn.

Liên Quan không thể như anh, anh còn được giao du kết bạn, thoải mái trò chuyện, có thể đi khắp đó đây, còn Liên Quan chỉ có thể lặng lẽ sống trong khuê các kín đáo mà luyến tiếc cho thời gian trôi đi trong vô tình. Chắc hẳn nàng nhớ nhung khó bề kìm nén nên mới vượt qua lễ giáo để gửi thư như thế này. Cuối thư viết “đừng gửi thư trả lời” thì lại khiến anh ghen ngào thương cảm khôn nguôi. Kể cũng phải thôi, sống trong khuê các, đâu có thể tùy ý thư tín qua lại với nam giới? Nhưng ít ra cũng nên cho anh biết họ tên, thân thế mới phải? Như thế này thì vẫn là vô ảnh vô hình, nhớ mong qua thình không, càng khiến anh bồn chồn khắc khoải hơn cả đối thoại qua ô cửa sổ trên thuyền lúc canh khuya!

Còn mấy chữ “xa ngàn dặm”? Hay là phụ thân của Liên Quan bị điều đi châu khác nhậm chức? Tống Tề Dụ vội hỏi người gác cổng trường, anh ta nói người đưa thư đến là một nam trung niên nói giọng Kinh - Hồ, trông có vẻ là nhà buôn, chỉ nói là

chuyển hộ thư rồi đi luôn.

Ở kinh đô đã khó tìm, huống chi ở châu quận khác? Cả nước có 24 lộ, 242 châu, 34 phủ, 52 quân, biết đi đâu mà tìm?

Nhưng anh không chịu dừng lại, anh tiếp tục nhờ bạn đến bộ Lại để tìm danh sách các Viên ngoại lang họ Trương và họ Chương, có vài chục vị, trong đó, một nửa trong đó là người có con gái, nhưng cái họ tên và ngoại hình Liên Quan thì anh mù tịt, tiếp tục dò hỏi cũng vô ích, anh đành bó tay.

Hai tháng sau, anh lại nhận được thư của Liên Quan, vẫn ngắn gọn mấy câu hỏi thăm, nhưng nhớ, và lại kèm theo một bài Từ với nét chữ mềm mại, ngôn từ trang nhã, khiến anh ngâm đi ngâm lại và băng khuâng mãi...

Kể từ đó, cứ cách một hai tháng anh lại nhận được thư của nàng nhưng vẫn không biết họ tên, gia thế, và vẫn không thể giáp mặt và hỏi ra người đưa thư là ai.

Tổng Tể Dụ vốn tính nhẹ nhõm không vương bận, dù chuyện lớn đến mấy cũng có thể cười xòa cho qua nhưng đối với Liên Quan, lòng anh lại trĩu nặng bao vấn vương, những lúc vắng vẻ, anh không sao nén nổi thở dài náo nức.

Trong băng khuâng sầu muộn, anh viết bài Từ theo điệu “Ngu mỹ nhân”, nhưng chẳng biết sẽ gửi đi đâu.

*Thuyền nhẹ không chở khách tương tư, biển xanh sâu cạn kiệt.*

*Một vầng trăng sáng giữa hai trái tim, quạnh hiu bên cửa sổ cùng thu lạnh xa ngàn dặm.*

*Đã biết nhau, có sao thở than duyên không bén, khiến người phải hoài niệm khôn cùng. Giang hồ đến đây gặp đỉnh non xanh, vượt ngàn núi ngàn sông cũng coi thường.*

...

Từ khi nhà Tống khôi phục chế độ khoa cử, kinh thành rất

thịnh hành trào lưu “xem bảng chọn rể hiền”. Mỗi lần yết bảng, các nhà quan to hay cự phú nếu có gái chưa gả chồng đều đến hoàng thành tranh nhau giành tiến sĩ tân khoa về làm rể, nhưng đa số các tiến sĩ lại xuất thân bần hàn - đây chính là liên kết giữa tài năng và tiền tài, giữa phú và quý. Nhất là từ khi thi hành “Tam xá pháp” xếp hạng học lực của các Thái học sinh, thì có thể từ đó dự đoán được vị trí của họ trong đợt Điện thí sau này, cho nên các nhà giàu sang lại có trào lưu “nhắm trước chàng rể”, để cho “chắc ăn”.

Tống Tề Dụ kể từ ngày vào trường Thái học luôn được đánh giá rất cao, khi anh được xếp hạng số 1 ngoại xá rồi thăng vào nội xá, thì rất nhiều gia đình quan lại phú thương cử người mai mối đến “dạm hỏi”; Thái sư Sái Kinh và Trịnh Cư ở Viện khu mật cũng trong số đó. Tống Tề Dụ vốn giỏi ứng phó để hóa giải mọi việc, đương nhiên không thể tùy tiện chọn vợ, nên anh tìm cách khéo léo từ chối.

Trong con mắt của anh, không cô gái nào sánh kịp Liên Quan. Qua từng câu chữ trong các bức thư gửi cho anh, anh có thể nhận ra tình cảm và trái tim của nàng, điều này khiến anh càng tin chắc là thế. Dù không thể tìm thấy nàng, nhưng miễn là thư tín không gián đoạn, nàng chưa lấy chồng, thì anh vẫn đợi chờ.

Mấy hôm trước anh nhận được bức thư thứ chín của Liên Quan, và đã được biết gia thế của nàng.

...

“Bất Vưu, tôi đang muốn tìm huynh!”

Triệu Bất Vưu chưa bước vào quán trà Lão Nhạc thì Nhạc Chí Hòa đã chạy ra đón, mời anh vào chỗ gần sát bờ sông. Mọi hôm, bàn ghế được lau chùi sạch bóng, nhưng hôm nay thì không được như vậy, nhìn mặt bàn vẫn còn bụi bặm thì biết. Nhạc Chí

Hòa vội cầm mảnh vải lau cho sạch. “Huynh chờ nhé, tôi bưng trà ra.” Nói rồi Nhạc Chí Hòa bước đi.

Triệu Bất Vưu nhìn sang bờ bên kia sông, Mấy hôm nay Triệu Mặc Nhi tiếp nhận một vụ việc, cậu ta đang xem xét gì đó ở cửa hàng Thập Thiên Cước phía đối diện, Triệu Bất Vưu ngồi đây không thể nhìn rõ.

Nhạc Chí Hòa pha trà rất tỉ mỉ. Anh múc nước ở ang nước trút vào ấm đun, đặt lên bếp lò. Sau đó bước đến tủ trà hạ chiếc lọ sứ xinh xắn trên tầng cao nhất xuống, lấy ra một nhúm trà, dùng giấy trắng gói trà lại, rồi đặt vào cái bát gỗ giã nhỏ ra, tiếp đó lại thả lên một mảnh đá xanh nghiền cho mịn. Sau đó dùng mảnh lụa để sàng bỏ “cám”, cám trà li ti rơi xuống tờ giấy bên dưới. Cuối cùng, anh múc một thìa bột trà thả vào chén, bưng ra.

Triệu Bất Vưu nghĩ đến con thuyền khách mới hôm nọ, bèn hỏi: “Hôm thanh minh, anh có để ý con thuyền khách mới ấy đậu ở bờ bên này không?”

Nhạc Chí Hòa nhẹ nhàng đặt chén trà xuống bàn. “Sáng sớm tôi thức dậy đã nhìn thấy nó neo đậu ở đó, chắc nó đến từ đêm. Khi đó tôi không mấy chú ý.”

“Có nhìn thấy người trên thuyền không?”

“Không nhìn thấy ai lên xuống thuyền cả, nhưng về sau tôi nghe thấy tiếng nam nữ cười nói hát ca bên trong, ít ra là bảy tám người; cửa sổ đều khép, chỉ thoáng thấy bóng người dịch chuyển. Có thể là khi tôi vào gian trong đun nước, thì họ lên thuyền. Sau khi xảy ra sự việc, tôi cũng không nhìn thấy ai rời thuyền cả...”

Lúc này ấm nước đã sôi, phun khói phì phì. Nhạc Chí Hòa vội bước lại xách ấm đem lại bàn và khéo léo rót nước sôi vào thành trong của chén trà, tay kia cầm dụng cụ bằng trúc tựa như cái chổi bé tẹo, khuấy đều chén trà.

Rất nhanh chóng, những lớp sóng li ti cuộn nhào sủi bọt trong chén trà, trông chẳng khác gì một bức tranh biển xanh trong mưa trong sương, rồi một làn hương đậm nồng bay lên ngào ngạt.

“Mời Bất Vưu huynh.”

Triệu Bất Vưu nhấp một hớp, hơi đắng đắng mà lại giòn ngọt, dịu dịu như hương xuân mà lại như sương thu, anh tấm tắc: “Trà ngon, pha khéo quá! Là trà gì thế?”

“Ngọc Trù Thanh Thuởng. Tháng trước có người bạn buôn trà nhường cho tôi một ít, cả thấy chỉ có mười bánh. Tôi vốn định chờ dịp hội ngộ thanh minh mời các bạn thưởng thức.” Nét cười trên khuôn mặt Nhạc Chí Hòa bỗng lắng lại, anh thở dài, ngồi xuống, anh cũng chẳng thiết pha cho mình một chén.

“Anh vừa nói là đang định tìm tôi?”

“Là vì chuyện Lang Phồn. Tôi nhớ ra một chi tiết.”

“Thế à?”

“Trước ngày Hàn thực, tôi ở đây, hai lần nhìn thấy anh ấy vào quán Thập Thiên Cước.”

“Đi một mình?”

“Đúng! Một lần trong đó Lang Phồn sau khi vào rồi, tôi nhìn sang, thấy cửa sổ phía bắc trên gác đang mở, lát sau Lang Phồn ló mặt ra nhìn về phía tôi. Lúc đó tôi đứng ở dưới mái kia, anh ấy sẽ không nhìn thấy tôi. Sau đó Lang Phồn đóng cửa sổ lại. Tôi hơi băn khoăn, anh ấy ra phía đông thành, thì thường vào nhà Giản Trang hoặc vào chỗ tôi, chứ hiếm khi rẽ vào ngôi nhà đó.”

“Nếu vào đây, anh ấy thường nán lại bao lâu?”

“Chừng gần nửa canh giờ. Tôi lấy làm lạ, nếu ra khỏi đó thì anh ấy sẽ sang chỗ tôi, tôi đã chuẩn bị pha trà, nhưng cả hai lần anh ấy đều quay vào thành luôn.”

“Về sau gặp lại, anh có hỏi anh ấy không?”



“Không. Tôi nghĩ, nếu muốn nói thì anh ấy sẽ nói ra nhưng anh ấy không hề nhắc đến.”

“Dịp đó tâm trạng Lang Phồn bất an, anh có cảm thấy thế không?”

“Hình như là thế thật. Nhưng anh ấy vốn ít nói nên tôi cũng không chú ý lắm.”

Triệu Bất Vưu lại bung chén trà lên nhấp một hớp nhưng chẳng còn tâm trí nào mà thưởng thức. Anh thầm nghĩ, Lang Phồn đi phủ Ứng Thiên tất nhiên là vì có người bàn việc gì đó với Lang Phồn, và có lẽ người ấy đã từng chọn quán Thập Thiên Cước đó để gặp mặt.

Rồi anh nghĩ ra rằng, Lang Phồn và người đó gặp mặt để bàn chuyện kín, tất nhiên không muốn ai nhìn thấy, nhưng thiếu gì chỗ khuất vắng, sao phải chọn nơi này? Có lý do gì trong đó?

...

Nhân ngày đẹp trời, Ôn Duyệt cùng người giúp việc là chị Hạ đem chăn màn, gối, đệm ra giặt giũ phơi phóng... bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Khách là Lưu Thị - vợ Giản Trang và cô em chồng Giản Trinh.

Lưu thị khuôn mặt hiền hậu, mặc áo dài lĩnh xanh nhạt, váy màu xám, tất cả hơi cũ. Giản Trinh chỉ hơn Biện Nhi một tuổi, choàng áo dài lĩnh không tay, màu xanh nhạt, áo lót màu thanh thiên, váy xanh sẫm, cũng hơi cũ, nhưng rất đồng bộ hài hòa với thân hình dong dỏng của cô. Giản Trinh sống mũi cao thẳng, đôi môi mỏng xinh xắn, cô như một lá phong lan vẽ trên nền lụa trắng, nét ngây thơ rất tự nhiên không cần tô điểm mà vẫn nổi bật, thanh thoát nhẹ nhàng.

“Chị Lưu, cô Giản Trinh! Mời hai chị em vào chơi!”

Ôn Duyệt mời khách vào nhà, chị rất biết Giản Trinh tránh

tiếp xúc với nam giới, tuy Triệu Bất Vưu và Triệu Mặc Nhi vắng nhà, chị vẫn mời hai chị em vào phòng của Biện Nhi nói chuyện, rồi bảo chị Hạ đun nước, lấy trà Tiểu Phượng Kiến An ra. Ôn Duyệt rửa tay, pha trà.

“Không dám phiền chị Ôn Duyệt thế đâu!” Giản Trinh đứng dậy ngăn lại.

“Thế sao được? Đã lâu không gặp hai chị em cô, tôi đang định vài hôm nữa sẽ sang nhà ta chơi đấy!” Ôn Duyệt vừa nói vừa bày ba chén trà.

Lưu thị mỉm cười: “Chúng tôi cũng rất nhớ hai chị em. Cô em Biện Nhi đi đâu rồi?”

“Cô ấy không được như Giản Trinh muội, cô ấy khó mà ngồi yên một chỗ, vừa chạy ra ngoài đi chơi rồi.”

“Trinh muội nhà chúng tôi bị ông anh quản thúc khiếp lắm, có muốn đi chơi cũng không được. Hôm nay nhà tôi vắng nhà nên mới bí mật đi ra chốc lát.” Lưu thị cười, khẽ thở dài.

Ôn Duyệt nhìn Giản Trinh, từ nãy ngồi im rất ngay ngắn, dù mỉm cười cũng rất đúng mực. Ông anh Giản Trang vốn rất nghiêm cẩn lễ nghi, Giản Trinh được anh nuôi dưỡng chỉ bảo và quản lý rất nề nếp cứ như con gái. Giản Trinh không kêu ca mà còn coi đó là lẽ thường tình, cô hiền dịu, tĩnh lặng dường như bẩm sinh vốn là thế, khiến ai ai cũng mến và nể trọng.

“Nghe nói Giản Trinh muội đã mua ruộng đất? Muội thực giỏi giang!”

“Chứ còn gì! Nếu không có cô ấy thì mấy năm nay nhà chúng tôi sẽ nghèo túng cùng cực, và dịp này thì đói to, anh trai cô ấy thì chẳng có cách gì. Trinh muội đã rất gian khổ mới mua được ít ruộng đất để cứu cả nhà, thế mà ông anh vẫn không vui đâu, nói là bút nghiên trong khuê các mà lại tùy tiện đưa ra ngoài là rất dở, lại còn cầm tiền đi mua sắm. Mấy hôm nay nhà tôi vẫn

hậm hực đấy!”

Ôn Duyệt nghe xong cảm thấy hơi bất bình: “Lạ thế ư? Nhà chúng tôi thì đang rất khen ngợi Trinh muội. Giản Trang huỳnh giữ kẽ, tất nhiên đáng kính, nhưng e đã quá nghiêm khắc mất rồi.”

Lưu thị than thở: “Đúng thế! Thường ngày chị em chúng tôi đâu dám ho he, vì hễ nói ra là sai!”

Lúc này Giản Trinh mới lên tiếng: “Chị Ôn Duyệt, chưa chắc Giản Trang anh trai em giận em, mà là giận chính mình. Anh ấy cũng rất khó xử, luôn một lòng đọc sách học Đạo, các chuyện mưu sinh cầu lợi vốn dĩ chẳng phải dành cho anh ấy. Với học vấn của mình, anh ấy dư sức để mưu cầu một chức quan, nhưng thời nay làm quan mà vẫn muốn giữ trọn ý chí và đạo lý thì rất khó. Nói ngay làm thầy giáo, không được giảng gì khác, mà phải nhất nhất tuân theo ‘Tam kinh tân nghĩa<sup>[81]</sup>’ của Vương An Thạch. Xưa nay, Nghĩa và Lợi chẳng thể đồng hành, anh Giản Trang là con người đầu sống trong bản hàn<sup>[82]</sup> cũng không chịu thay đổi ý chí của mình, nên hai chị em đầu bị anh ấy trách cũng không sao, vả lại anh ấy nói đều có lý cả.”

Ôn Duyệt lại thở dài: “Ông anh Giản Trang quá may mắn vì có cô em gái tốt nết như cô!”

Giản Trinh mỉm cười, rồi nói: “Nếu không có anh và chị, thì em đâu được sống đến ngày hôm nay? À, chị Ôn Duyệt, chúng em hôm nay có chút việc muốn nhờ chị.”

“Cô cứ nói đi?”

Giản Trinh đưa ra một cuộn tròn vải xanh, bên trong là một cuộn giấy: “Là về chuyện mua ruộng, đã mua xong, cũng đã nộp thuế, nha môn đã đóng dấu. Nhưng ở đây còn có chút vướng mắc: chủ ruộng là một quả phụ, theo luật, thì quả phụ không được cầm cố, hoặc bán ruộng đất, nhưng tại sao nha môn lại cho

bà ta bán? Nghe nói mấy năm nay, ai trót mua của quả phụ rồi thì lại bị nha môn tịch thu. Em lo số ruộng gia đình em đã mua cũng sẽ bất ổn, nên muốn nhờ chị nói với anh Triệu Bất Vưu tra cứu cho.”

“Đây là bản hợp đồng do nha môn xác nhận à?” Ôn Duyệt cầm xem phần họ tên bên bán, lập tức mỉm cười: “Không cần hỏi anh ấy, tôi đã nắm được vấn đề, cô đừng lo. Luật quy định rằng quả phụ không có con cháu hoặc con cháu chưa tròn 16 tuổi, thì không được cầm cố hoặc bán điền sản. Trong hợp đồng này, bên bán gồm hai người: bà quả phụ tên là Hà và cháu trai tên Lý Tế - ghi rõ là 17 tuổi, cho nên nha môn coi là hợp thức, được phép bán ruộng. Anh Triệu Bất Vưu đã làm nhiều vụ việc kiểu này rồi, tôi không nhầm đâu, cô cứ yên tâm.”

Giản Trinh thận trọng gói cuộn giấy lại rồi cất vào bọc. Ôn Duyệt nhìn cô, càng nhìn lại càng thêm mến, và thầm nghĩ nếu tác thành được Giản Trinh với Triệu Mặc Nhi thì tốt biết mấy! Hiện giờ Chương Mỹ mất tích, nhưng Tống Tế Dụ vẫn còn đó, nhiều nhà quan và cự phú đang tranh nhau “mời chào” về làm rể mà Tế Dụ vẫn chưa trả lời, hay là anh ấy đã ưng Giản Trinh?

Ôn Duyệt bèn thăm dò: “Vài hôm nữa là đến ngày yết bảng, Tống Tế Dụ Khôi thủ trường Thái học chắc chắn có tên...”

Nào ngờ vừa nhắc đến Tống Tế Dụ thì Giản Trinh liền cúi đầu, Lưu thị cũng tùm tùm, và khẽ “ừ” một tiếng.

Thấy thế, Ôn Duyệt hơi lúng túng khó hiểu, nên cũng không hỏi gì nữa, nói sang đề tài khác.

...

Hai hôm, trước ngày Hàn thực, Tống Tế Dụ lại nhận được thư của Liên Quan.

“Liên Quan xin chào Tống quân Tế Dụ túc hạ, thư này viết đi

viết lại bốn lần, vì nhớ đến những lời Tổng quân nói về tấm lòng sáng trong như vầng trăng, về tâm ý giang hải, nên mới dám cầm bút. Liên Quan tự biết mình nhan sắc và tư chất tầm thường, dung mạo như Mạnh Quang<sup>[83]</sup> nhưng lại không có đức hạnh như người ấy, tuy nhiên vẫn mong được nâng khăn sửa túi chăm lo hết lòng. Sau lần giã biệt trên thuyền, lòng vẫn vẫn vương Tổng quân; nay tiểu nữ đã trải không ít thăng trầm gian khó để thích ứng. Chỉ hiềm thời gian trôi nhanh, mỗi năm một tuổi; người nhà giục giã ngày càng nhiều hơn. Phụ thân hiện là huyện lệnh huyện Ninh Lăng phủ Ứng Thiên. Nếu Tổng quân có thể quan tâm, không chê tiểu nữ phận thấp, tiểu nữ xin được làm người ở bên chăm sóc, bưng trà. Dầu không tinh tường như Hồng Phát<sup>[84]</sup> cũng xin được làm nữ tì cho Chiêu Quân<sup>[85]</sup>. Nay mạnh dạn bỏ qua thói tục lễ nghi tự tiến cử với Tổng quân, vô cùng hổ thẹn và sợ hãi. Ngày đêm lo lắng chờ mong. Mong cùng hiểu lòng nhau. Ngày... tháng ba. Liên Quan kính thư.”

Nàng muốn mình sang dạm hỏi!

Tổng Tề Dụ ngồi bên gốc cây tùng ở góc sân trường Thái học đọc đi đọc lại bức thư, anh vừa mừng lại vừa hồi hộp thấp thỏm. Hình như người hơi run run, anh đứng lên, sải bước đi đi lại lại.

Vẫn biết Liên Quan không như những cô gái khác nhưng anh không ngờ nàng lại dám thẳng thắn nói ra tâm ý của mình. Một cô gái mảnh mai lại có thể có tấm lòng cứng cỏi nhường này!

Hai hôm nữa là tiết Hàn thực, cả trường được nghỉ, mình sẽ đi Ninh Lăng hỏi vợ!

Nhưng anh lại nhớ ra: ba hôm nữa là ngày Điện thí, nên anh lại do dự. Ninh Lăng cách đây không xa, đi thuyền, cả đi lẫn về chỉ già nửa ngày là cùng. Ba ngày là quá đủ! Nếu không, ba ngày này ở lại Biện Kinh có lẽ mình không thể ngồi yên một khắc nào. Rốt cuộc, anh quyết định lên đường.

Nhưng, dạm hỏi đương nhiên phải chuẩn bị lễ vật, anh liền nhẩm tính: khi về kinh đô, mẹ anh đưa anh chiếc trâm vàng, nói là để dự phòng khi khẩn cấp có thể cầm cố hoặc bán đi. Anh vẫn giữ cây trâm này, đính hôn thì phải có trâm vàng, dùng nó là vừa khéo, chắc mẹ sẽ không trách anh. Về tiền, anh chỉ có hơn một quan tiền, tạm đủ chi một chiều đi thuyền, cần vay thêm. Chương Mỹ khá sẵn tiền nhưng hôm nọ tranh luận gay gắt đến giờ vẫn chưa hết tức. Ngoài ra, phần lớn các bạn đều túng tiền, hoặc người sẵn tiền thì không tiện hỏi vay.

Nghĩ mãi nghĩ mãi, anh bỗng nhớ đến chủ quán Lực phu là Đan Thập Lục, nhiều lần nói “Tổng Tề Dự khi cần tiền thì cứ nói”, anh ta rất nhiệt tình rất thoáng, có lẽ không phải chỉ là thuận miệng nói thế.

Sẩm tối, anh ra ngoài cửa Đông Môn tìm Đan Thập Lục hỏi vay năm quan tiền. Nghe xong, Đan Thập Lục lập tức nhận lời và bước vào nhà trong cầm ra một quan tiền, hai lạng bạc vụn: “Tổng công tử có việc đi xa cần dùng, cứ cầm một quan tiền này tiêu vật, bốn quan nữa quy thành hai lạng bạc, giắt trong người sẽ tiện hơn. Công tử cứ dùng, bao giờ trả tôi cũng được, nếu vẫn cần nữa thì cứ đến gặp tôi.” Tổng Tề Dự rối rít cảm ơn.

Tiền đã đủ nhưng vẫn còn một việc nữa: cha mẹ và họ hàng đều ở quê xa, mình không bẩm báo tự ý hỏi vợ tức là làm trái đạo hiếu, có lẽ không ổn. Nhưng nghĩ đến những lời của Liên Quan, cha mẹ cô luôn thúc giục, lỡ có nhà khác dạm hỏi rồi cha mẹ cô chấp nhận, thì Liên Quan dù can đảm đến mấy cũng không dám không vâng lời. Anh nghĩ nát óc suốt đêm rồi nghĩ ra một cách dung hòa: cứ đến nghị bàn, ấn định rõ ràng, rồi viết thư cho cha mẹ ở quê, sau đó mới đến đưa sính lễ. Chắc cha mẹ sẽ không oán trách, và cũng chưa bị coi là làm trái lễ nghi.

Thế là ổn, Tổng Tề Dự nóng lòng chờ đến ngày Hàn thực.



## Mối Mai, Cầu Hôn

*Sự vô đại tiểu, giai hữu đạo tại kỳ gian, năng an phận tắc vị chi đạo, bất năng an phận vị chi phi đạo<sup>[86]</sup>.*

*- Thiệu Ung*

Hôm Hàn thực, trời chưa sáng, Tống Tề Dụ đã ra khỏi thành đến ngoài cửa Đông Môn để lên thuyền đi Ninh Lăng.

Chưa đi đến cầu vòm thì một chủ thuyền nam trung niên hơi tập tễnh nhìn thấy anh khoác đũa bèn mời chào: “Công tử cần đi thuyền à?”

“Vâng, đi phủ Ứng Thiên.”

“Thuyền tôi sắp đi Ứng Thiên, nhưng không phải thuyền khách mà là thuyền chở hàng.”

Ông ta chỉ con thuyền hàng đậu ở bên sông. Tống Tề Dụ đang lo thiếu tiền đi thuyền, nếu ngồi thuyền hàng sẽ rẻ hơn nhiều, bèn nói: “Cũng được. Có chỗ ngồi là được. Ông cứ cho tôi đi, phí tổn thế nào cũng xong. Tôi đến huyện Ninh Lăng.”

“Ninh Lăng?” Chủ thuyền nghĩ ngợi, rồi nói: “Công tử là Thái học sinh chứ gì? Trả tôi 300 đồng là được.”

Rẻ hẵn già nửa tiền. Tống Tề Dụ bằng lòng lên thuyền. Đây thuyền là hàng hóa được phủ vải dầu, đuôi thuyền có một khoang nhỏ lợp mái che. Có sáu phu chèo thuyền và cầm bánh lái. Tống Tề Dụ thấy trước khoang có chỗ trống bèn đến đó ngồi. Chủ thuyền hỏi: “Sao lại ngồi đây? Vào trong mái che mà ngồi.” Rồi ông ta bảo các phu thuyền khởi hành.

Trong khoang trái chiếu, ở giữa kê cái bàn thấp, anh và chủ

thuyền ngồi xếp bằng tròn đối diện, trò chuyện. Anh vốn quan tâm dân sinh, nên đi đến đâu cũng thích bắt chuyện, hỏi han tình hình địa phương. Chủ thuyền họ Hạ, cũng ham nói chuyện, cả hai nhanh chóng trò chuyện ăn ý. Rồi ông ta cao hứng mở giỏ tre lấy ra chai rượu, một bát đậu khô và một đĩa cá muối, cùng Tống Tề Dụ nhắm rượu. Sáng ngày ra anh không bao giờ uống rượu, nhưng rất nể ông ta nhiệt tình, nên cũng nâng chén.

Anh nghĩ đến Liên Quan suốt đêm qua không ngủ, sáng ra chưa kịp ăn gì, bây giờ, chỉ sau vài chén rượu anh đã không kham nổi nữa, ngả người rồi ngủ lịm đi.

Lúc tỉnh lại, thấy chủ thuyền ngồi đó mỉm cười, anh ngỡ mình đã ngủ rất lâu rồi, thực ra chỉ chưa đến một canh giờ. Vén màn幔幔 nhìn ra, thấy hai bờ sông lác đác nhà cửa. Thuyền mới ra khỏi kinh đô chưa xa.

Huyện Ninh Lăng thuộc phủ Ứng Thiên, vị trí ở hai phần ba khoảng cách giữa Biện Lương và phủ Ứng Thiên, tức khoảng hơn hai trăm dặm, thuyền đi xuôi dòng khá nhanh, sau hơn ba canh giờ đã đến nơi. Tống Tề Dụ trả phí tổn, chào chủ thuyền, rồi lên bờ.

Anh rẽ vào một quán trà để hỏi thăm. Lúc này trên thuyền đã nghe không nhầm: đúng là huyện lệnh Ninh Lăng họ Trương, có năm con - bốn trai một gái, con gái tên là Trương Ngũ Nương, 23 tuổi, vẫn chưa thành gia thất.

...

Lúc này Tống Tề Dụ đã hết do dự, hoàn toàn yên tâm. Thì ra Liên Quan tên là Trương Ngũ Nương.

Đến nhà huyện lệnh hỏi vợ, đương nhiên không thể tùy tiện. Dân kinh thành vẫn nói: nhà quan, phải mời quan mối. Anh bèn hỏi thăm, chủ quán nói ở vùng này chỉ có một vị quan mối họ



Tiết, nhà ở góc phố đối diện, cứ sang đó hỏi khắc biết.

Tống Tề Dụ ăn vội bát mì cho ấm bụng rồi rảo bước đi sang. Bên trong một quán trà nhỏ, là nhà quan mối. Đó là một phụ nữ trung niên, hơi đầy đà, chứ không như quan mối ở kinh thành phải là một cặp nam nữ. Bà không đội khăn trùm đầu, khoác áo dài lửng màu tím, mặc áo lót màu vàng; na ná như bà mối hạng ba ở kinh thành. Lúc này quán đang vắng khách. Thấy Tống Tề Dụ mặc đồ trắng sạch sẽ, bà tỏ ý mừng rỡ, tươi cười chào hỏi: “Chắc công tử định nhờ làm mối duyên tơ?”

Tống Tề Dụ lần đầu tiên tìm gặp bà mối nên hơi ngượng ngịu, nhưng anh cũng mỉm cười nói: “Bà là bà Tiết? Tại hạ là Tống Tề Dụ. Hôm nay đến Ninh Lăng để dạm vợ.”

“Tống công tử đã nhắm cô gái nhà nào vậy?”

“Nhà huyện lệnh họ Trương.”

“Chà! Đó là tiểu thư cành vàng lá ngọc của huyện Ninh Lăng chúng tôi, còn công tử?”

“Tại hạ là Thượng xá sinh trường Thái học.” Tống Tề Dụ đưa ra tờ văn thư do bộ Lễ cấp cho khi anh nhập trường Thái học.

“À, thảo nào mà...” Bà Tiết nhìn Tống Tề Dụ từ đầu đến chân, rồi mỉm cười: “Tôi đã từng hơn chục lần giúp mai mối cho nhà Trương huyện lệnh đều không thành, ông ấy yêu cầu rất cao, mặt khác, cũng khó mà có người lọt vào mắt xanh của tiểu thư Trương Ngũ Nương, các chàng trai ở huyện này đều không đạt. Tống công tử từ kinh thành đến, lại là Thượng xá sinh, có lẽ sẽ thành công. Công tử có đem theo thiệp cầu hôn chứ?”

“Tại hạ đã viết rồi.” Tống Tề Dụ lần trong bọc lấy ra tờ thiệp cầu hôn đã viết sẵn từ kinh thành.

“Đôi chim quan thư ríu rít, lòng những cầu mong giai ngẫu. Đánh bạo nhờ bà mối mát tay đến tìm nơi cửa lớn. Thượng xá sinh Thái học Tống Tề Dụ phận bé mọn, đức tài mỏng, kính

mong được bề trên chiếu cố chỉ dạy. Vẫn nghe nói ngài Trương công rất thương yêu con gái thứ năm đức cao thông tuệ, hiền dịu đủ bề. Tấm lòng thành thực, xin được hòa hợp. Những mong chiếu cố, xin chờ hồi âm<sup>[87]</sup>.”

Bà Tiết đọc xong cau mày nói: “Tổng công tử tự viết à? Phải là phụ mẫu đứng ra viết mới hợp Lễ chứ?”

Tổng Tề Dụ vội giải thích ngắn gọn, chỉ không nhắc đến chuyện Liên Quan gửi thư.

Bà Tiết lắc đầu: “Thế này thì khó làm lắm! Trương huyện lệnh rất nghiêm về nề nếp gia phong, hơi có chút sai sót về Lễ, liền nổi nóng. Tôi cảm thiết cầu hôn do công tử viết đem đến, ông ấy sẽ nhổ nước bọt vào mặt tôi như chơi!”

Tổng Tề Dụ vội nài nỉ: “Bà Tiết, tại hạ cũng biết là có phần trái Lễ, nhưng sự việc gấp gáp quá, nếu tại hạ viết thư mời cha mẹ đến đây, đứng ra thưa chuyện, e sẽ không kịp mất! Cho nên, dù thành hay không, mong bà cứ đi nói giúp, tại hạ xin hậu tạ! Hai lạng bạc này, xin bà nhận cho.”

“Hôn nhân là đại sự, đâu có như đi trả ý hội? Sao công tử phải vội vàng như thế? Vả lại, Trương Ngũ Nương vẫn chưa lấy ai suốt bao năm qua, cô ấy vội gì một hai tháng?” Bà Tiết nói thế thôi, chứ bà rất tươi cười nhận bạc của Tổng Tề Dụ. “Thôi được, công tử cứ ngồi đây, tôi sẽ đi một chuyến. Xin giao hẹn trước nhé: nếu tôi bị đuổi ra khỏi cửa thì tôi không trả lại số bạc này đâu!”

“Đương nhiên rồi! Xin phiền bà giúp cho.”

Làm theo quy tắc của quan mối, bà Tiết giương ô màu xanh, xuất hành. Tổng Tề Dụ ngồi ở quán trà chờ đợi, hồi hộp hơn cả năm xưa thi vào trường Thái học.

...

Triệu Bất Vưu đang định đi tìm Tống Tề Dự. Vừa bước ra cửa thì thấy Cam Lượng đến mời: chủ nhân anh ta là Cổ Đức Tín, hôm thanh minh không thể dự tiệc rượu, hôm nay đứng ra chiêu đãi, mời Triệu Bất Vưu và Cổ Chấn đến dự. Địa điểm vẫn là quán rượu Chương Thất Lang.

Triệu Bất Vưu đến đó trước vậy. Vừa bước lên cầu vòm thì có một người mặc thường phục lụa xanh, béo đậm, mặt tròn, môi dày bước lại. Đó là Lý Nghiễm, lệnh sứ Viện khu mật. nhìn thấy Triệu Bất Vưu, ông ta tươi cười bước ngay lại, chấp hai bàn tay mũm mĩm: “Chào Triệu tướng quân!”

Năm ngoái Lý Nghiễm vô lý chiếm đoạt đất xây nhà của hàng xóm, Triệu Bất Vưu đã giúp người ấy thưa kiện thành công. Qua vụ kiện ấy Triệu Bất Vưu mới biết Lý Nghiễm nhưng từ đó cũng không giao thiệp với nhau, chỉ nhìn thấy ông ta một lần vào hôm thanh minh. Lúc đó thấy ông ta cười rất “hồn nhiên” dường như quên bém vạ kiện kia, khiến Triệu Bất Vưu lấy làm lạ, nhưng rồi nhanh chóng hiểu ra: Lý Nghiễm luôn thường trực nét cười ấy trong mọi hoàn cảnh xã giao. Lúc này Triệu Bất Vưu không nở lạnh nhạt, cũng gật đầu và đáp lễ.

“May quá, tôi đang muốn đến thăm Triệu tướng quân. Tôi có người anh họ gặp chuyện rắc rối về chuyện nhà đất, muốn nhờ người thưa kiện. Liệu Triệu tướng quân có thể chiếu cố giúp đỡ anh ấy không?”

“Lý huynh nặng lời rồi, tại hạ sống bằng công việc đó mà!”

“Thế thì tốt quá. Lần trước tôi thua vụ kiện mảnh đất ấy, thì lần này tôi phải gỡ lại. Ha ha...”

“Cứ mời ông anh ấy đến gặp tôi, lúc này tôi đang có việc, phải đi đây!”

“Được! Được! À, tôi còn muốn nói câu này...”

Triệu Bất Vưu định bước đi, đành phải dừng lại.

Lý Nghiễm vẫn tươi cười: “Mấy hôm nay Triệu tướng quân đang truy xét vụ án con thuyền biến mất hôm thanh minh, phải không?”

“Phải!” Triệu Bất Vưu không muốn nói nhiều.

Lý Nghiễm: “Hôm đó tôi đứng ở đầu cầu. Đến giờ tôi vẫn không dám tin ở mắt mình. Triệu tướng quân đã điều tra đến đâu rồi?”

“Đang điều tra.”

“Có điều, tôi nghe nói bộ Hình và Vương thừa tướng đã dập xóa vụ này không cho điều tra nữa, mà ngài vẫn cứ làm, ngài không sợ à?”

“Sợ gì nhỉ?” Triệu Bất Vưu hơi khó chịu.

“Hề hề... Chuyện đó thực kỳ quái, bên trong chắc không hề đơn giản. Có lẽ Triệu tướng quân cũng biết rồi nhưng tôi vẫn muốn nói thêm một câu: đùa với lửa, coi chừng bỏng tay. Những năm qua tôi đã chứng kiến nhiều rồi.” Lý Nghiễm vẫn cười nhưng ánh mắt có nét cảnh giác, rồi lại cười vang: “Mấy năm nay tôi đã tin Phật, tôi muốn làm thêm những điều thiện nên mới nói nhiều thế này. Mong ngài đừng trách tôi.”

“Đa tạ.” Triệu Bất Vưu chẳng thiết dài dòng, chấp tay chào, rồi sải bước lên cầu.

...

Đến quán rượu Chương Thất Lang, thấy Cổ Đức Tín đã ngồi chờ bên bộ bàn ghế kê gần bờ sông.

Cổ Đức Tín tính tình hiền hòa, lúc nào trông cũng vui vẻ, nhưng nụ cười lúc này có nét lo âu.

Triệu Bất Vưu hỏi: “Cố huynh chưa đến à?”

“Anh ấy đang ở ngõ Ngự Nhi điều tra vụ án, lát nữa mới đến được.”

“Lại có vụ án?”

“Đâu chỉ là một vụ? Sau thanh minh, trong ngoài kinh thành đều có chuyện. Hình như những kẻ gây rối đã bàn bạc với nhau để cùng hành động. Phủ Khai Phong, Hoàng thành sứ, ty Đề điểm hình ngục, bộ Hình, Đại Lý tự đều chấn động, tất cả rối tinh rối mù. Ngay ‘Biện Kinh ngũ tuyệt’<sup>[88]</sup> các anh, không chỉ anh mà bốn vị kia cũng bị cuốn vào. Cố Chấn huynh đương nhiên không thể trốn việc, phải vắt chân lên cổ chạy khắp nơi. Nên tôi mới mời anh ấy đến nghỉ ngơi chốc lát.”

“Thì ra mấy hôm nay tôi mãi điều tra vụ án kia nên không biết gì cả.” Triệu Bất Vưu tuy trong số “ngũ tuyệt Biện Kinh” nhưng mỗi người làm một mảng, không thường xuyên qua lại.

“Vẫn là vụ án con thuyền biến mất à? Nghe nói đã bị gác lại, không điều tra nữa?”

“Cố huynh không được làm, nhưng tôi vẫn đang điều tra.”

“Vụ này có lẽ liên quan rất rộng, anh đừng nên cố sức lao theo nó.”

“Chính vì liên quan rất rộng nên càng cần làm sáng tỏ.”

Cố Đức Tín đầy vẻ lo âu, thở dài: “Tính anh ngày càng rắn, ý anh đã quyết thì dù khó đến mấy cũng không lùi bước, ai khuyên cũng chẳng nghe. Nói thực lòng, tôi cũng rất mong anh sẽ điều tra ra, nhưng là chỗ bạn bè với nhau tôi vẫn khuyên anh một câu, nên dừng lại, đừng rước họa vào thân! Lang Phồn và 24 người trên thuyền bỏ mạng, chúng tỏ hung thủ cực kỳ tàn độc.”

Triệu Bất Vưu mỉm cười: “Mỗi người đều có một tấm thân, được dùng đúng chỗ thì mới gọi là đáng sống trên cõi đời này. Tôi từng nghe Giản Trang huynh nói: thầy anh ấy là Di đã từng xin học bậc đại nho Chu Đôn Di, xin thỉnh giáo ‘con nên nhập môn từ đâu’, thầy Chu nói: nên bắt đầu từ niềm vui của Khổng, Nhan. Khổng Tử, Nhan Hối dẫu ở nhà tranh ngõ nhỏ, ăn uống

thanh đạm, ai cũng cho là khổ quá, nhưng họ lại lấy làm vui. Tại sao họ vui? Điều này, tôi nghĩ kỹ suốt chục năm qua mà vẫn chưa hiểu rõ. Nói ngay bản thân tôi, tôi vốn ưa rành mạch rõ ràng, thấy chuyện gì mù mờ, lý lẽ không rõ, thì mắt tôi cứ như bị sương mù che lấp và lòng rất không vui. Chỉ khi nào làm rõ, tra rõ, mọi sự phân minh thì tôi mới yên vui. Con người ta chưa chắc đã có thể vui như Khổng, Nhan nhưng sống trên đời cũng nên biết mình vui ở chỗ nào. Khi đã tìm thấy niềm vui thì đâu muốn dừng lại cũng không thể.”

“Cứ như anh nói, thì tham quyền, tham danh, tham tiền tài, tham sắc cũng là niềm vui cuộc đời hay sao?”

“Quyền, danh, tiền bạc, sắc đều là những thứ hay, có thể giúp người ta hứng khởi vui vẻ. Nhưng những thú vui ấy đều đến từ bên ngoài thân ta; có vô số người tranh giành những thú vui này nhưng liệu có mấy người được thỏa nguyện? Và có thể vui lâu dài không? Sẽ đem lại cho họ bao lo âu đau khổ suốt đời thì có! Niềm vui mà tôi nói, không đến từ ngoại vật mà đến từ trong lòng ta.”

“Tức là gần với Phật, với Đạo rồi!”

“Đạo gia cầu trường sinh, Phật gia tìm sự giải thoát, Nho gia theo đuổi sự an lạc. Tên gọi khác nhau nhưng thực ra đều là tìm kiếm chữ An cho cõi tâm, chỉ con đường là khác nhau. Nhưng dù là trường phái nào, nếu tâm vẫn có ý niệm kiếm tìm từ bên ngoài thì suốt đời vẫn bị chữ “thèm khát” trói buộc. Gạt bỏ ý định tìm kiếm từ bên ngoài, thì mới tìm thấy sự viên mãn của chính mình; thiên tính vốn đã có đủ cả, an và lạc đều nằm trong tâm tính con người chứ không cần cầu mong từ bên ngoài.”

Cổ Đức Tín nghe xong ngẫm nghĩ hồi lâu, rồi mới nói: “Người ta vẫn nói Nho học của bản triều đến từ Phật giáo và Đạo giáo, tôi vẫn ngờ ngợ không rõ, nhưng nghe huynh giảng giải, tôi

bổng ngộ ra rất nhiều.”

“Mấy vị đại nho của bản triều như Thiệu Ung, Chu Đôn Di, Trương Tải, Hạo, Di<sup>[89]</sup>, đều từng nghiên cứu sâu Phật, Đạo, Lão nhưng họ không tiếp nhận quan niệm xuất thế của Phật giáo và quan niệm lánh đời của Đạo giáo, mà lại trở về với nhân luân, chấn hưng Nho học. Họ chủ trương khai thác tâm tính, tính mệnh. Nhất là Hạo tức Minh đạo tiên sinh, trong học thuyết Nhân - nghĩa đã tìm ra chữ ‘Lý’, thiên địa vạn vật, con người và sự việc tự cổ chí kim đều quy nạp trong chữ ‘Lý’, đến đây, Nho học phức tạp vô cùng tận đã có được một cương lĩnh cốt lõi, vô cùng rành mạch sáng sủa, công lao của ông thực to lớn. Ngoài ra, Trương Tải viết trong cuốn ‘Tây danh’ rằng: hãy vì thiên địa mà lập Tâm, vì dân sinh mà lập Mệnh, tiếp tục học tập vì các vị thánh hiền trong quá khứ, để mở cuộc thái bình cho muôn đời. Chí khí hoài bão của ông thực hùng tráng! Đúng là, sau Mạnh Tử, ông là con người số một!”

“Ngài ấy cũng là bậc đại nho mà tôi hết sức ngưỡng mộ.”

Cả hai giải bày tâm đắc một hồi. Triệu Bất Vưu nhớ ra Cổ Đức Tín đang nhậm chức ở Khu Mật Viện, bèn chuyển đề tài, hỏi: “Tình hình bạo loạn Phương Lạp ở miền đông nam, thế nào rồi?”

“Khu mật sứ Đồng Quán đem quân đánh, lấy lại Hàng Châu, thì Phương Lạp lại tấn công Vụ Châu, Cù Châu, Xử Châu, hiện nay đang đánh trở lại Hàng Châu. Chưa có thông tin cụ thể về chiến sự.”

“Tôi nghe nói Phương Lạp đi đến đâu thì các quan giữ thành đều bỏ chạy. Mấy năm nay triều đình bất lực chống ngoại xâm, chống nội loạn cũng rất yếu kém.”

“Xã hội yên ổn quá lâu, triều đình lại trọng văn hơn võ, đội ngũ vận chuyển cây cảnh đá quý cho cung đình nhiều loạn dân

sinh, tình hình như thế tất nhiên dẫn đến hậu quả. Tuy nhiên, so với Đại Tống chúng ta thì nước Liêu ở phương bắc còn khổ hơn.”

“Tộc Nữ Chân vẫn đang tấn công à?”

“Năm ngoái Nữ Chân đánh phá Đông kinh và Thượng kinh của nước Liêu, hiện nay lại tiến đánh Trung kinh. Vua Thiên Tộ của Đại Liêu phải lánh về Tây kinh. Chắc họ không thể giữ nổi Trung kinh nữa. Đại Liêu có năm thành lớn thì đã mất ba, thế mà vua Thiên Tộ vẫn đi săn bắn vui chơi như trước, không hề lo lắng!”

“Mong sao Đại Tống chúng ta nên nhìn tấm gương Đại Liêu, liệu mà bình định phản loạn miền đông nam. Tôi cho rằng sau cuộc nổi loạn này, triều đình sẽ sáng mắt ra.”

“Mong sao sẽ là như vậy.”

Cả hai trò chuyện một hồi, thì thấy Vạn Phúc vội vã chạy vào nói rằng ở phía cầu ngang lại có vụ án mạng, Cố Chấn đã đi sang khu vực đó nên không thể đến đây. Nói xong anh ta lại vội đi ngay.

...

Giản Trinh cảm thấy bức xúc như sống trong một cái giếng.

Được Chương Mỹ giúp đỡ, cô đã bán được tranh, mua ruộng, giúp vợ chồng anh trai vượt qua khó khăn. Giờ đây cô không phải băn khoăn buồn phiền gì nữa, một mình ngồi trong khuê phòng giản dị nhỏ bé, lặng nhìn cây mai ở sân sau qua ô cửa sổ. Trên cành, hoa đã rụng hết từ lâu, nhiều lá non chồi non đã mọc và đang gắng sức sinh trưởng. Cô thầm nghĩ: lại phải khổ sở chờ đợi một năm nữa...

Anh Giản Trang từng nói: nam giới phải giữ chữ Kính, nữ giới phải giữ chữ Tĩnh. Cô được anh chị nuôi dưỡng từ bé, khi chưa



được nghe điều này thì cô đã quen với chữ Tĩnh rồi: ít nói, ít đi lại vận động, phần lớn thời gian trong ngày cô đều ngồi yên trong căn phòng nho nhỏ này - như một cái giếng<sup>[90]</sup>. Chỉ khác là miệng giếng hướng lên trời, cửa sổ phòng của cô nhìn ra sân sau.

Là thân con gái thì nên ở trong giếng, cô không cảm thấy có gì là dở hoặc không đúng. Cô chỉ thầm buồn bã điều này: mình không thể suốt đời sống trong cái giếng này, sẽ phải có lúc cô chuyển sang một cái giếng khác - lấy chồng.

Cô hình dung trong óc chữ “lấy”, gồm chữ Nữ ghép với chữ Gia. Con gái lấy chồng mới được coi là có nhà<sup>[91]</sup>, ngôi nhà trước khi lấy chồng chỉ là một cái giếng để tạm trú. Lấy ai, là do anh trai quyết định, cô chỉ có thể chờ đợi.

Từ nhỏ, cô hiếm khi thấy sợ cái gì, nhưng hễ nghĩ đến “lấy chồng” thì lòng cô rối bời, giống như đáy giếng bỗng sụt xuống, đen ngòm, vô tận.

Lúc này Giản Trinh bỗng nhớ đến Tống Tề Dụ.

Cách đây ba năm, ngày lập thu, anh cô mời các bạn đến tổ chức Cầm hội: nghe Nhạc Chí Hòa chơi khúc nhạc mới Lập Thu. Hồi đó các anh mới chỉ gồm Đông thủy ngũ tử. Anh cô còn mời ba khách mới, đều là Thái học sinh mới nhập trường.

Sáng sớm, Giản Trinh đã cùng chị dâu vào bếp rửa ấm chén, nghiền và sàng trà, chuẩn bị pha trà. Nhạc Chí Hòa, Giang Độ Niên và Điền Huống đến sớm. Chiếu và bàn trà đã được bày trong sân, Giản Trinh và họ ngồi xuống trò chuyện. Lát sau, cô nghe thấy tiếng Lang Phồn dẫn mấy người khách mới vào sân. Một giọng nam cất lên: “Văn sinh Tống Tề Dụ bái kiến Giản Trinh tiên sinh.”

Nghe giọng nói này, lòng cô như bừng sáng và như được mở sang trang mới. Giọng nói ấy của chàng trai rất trong rất vang,

rất dàng hoàng và đúng mực.

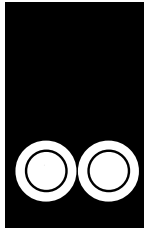
Giản Trinh xưa nay rất giữ lễ nghi, kín đáo, không tùy tiện, nhưng lúc đó cô bất giác bước ra bên cạnh cửa sau nhà, nhòm ra ngoài qua khe màn mỏng. Dưới ánh nắng thu trong lành, đứng bên khóm trúc xanh, là một thanh niên khôi ngô mặc bộ đồ trắng, có đôi mắt rất đẹp, cử chỉ rất tự nhiên - giống như một cuộn giấy chép thơ trắng muốt.

Anh đã thu hút toàn bộ thị giác và thính giác của Giản Trinh, cô dường như hoàn toàn không thấy Chương Mỹ và Trịnh Đôn đứng bên cạnh. Thấy chị dâu sắp vào để bưng trà ra, cô mới vội vàng trở lại bếp, lòng xốn xang hồi lâu không thể nào yên. Chị dâu đi ra rồi, cô lại ra sau màn mỏng nghiêng đầu lắng nghe, trong tiếng cười nói của mọi người, đôi lúc lại nghe thấy giọng nói của chàng, âm vang, rành mạch, sáng khoái mà vẫn tao nhã, từng câu thấm vào tâm hồn Giản Trinh, lòng cô như được nắng thu soi tỏ, nhẹ nhõm sướng vui vô cùng.

...

Kể từ đó, cô luôn để ý đến Tống Tề Dụ, hễ anh chị cô nhắc đến tên Tống Tề Dụ thì cô dường như ngất ngây mất tự chủ, miệng cô như khát nước, cô háo hức chờ nghe họ nhắc đến nhiều hơn. Hễ Tống Tề Dụ đến chơi nhà, thì cô đều tự cho mình cái cớ gì đó để bước vào bếp, đứng sau màn mỏng nghe lỏm, nhìn trộm.

“Cái giếng” của cô vốn yên tĩnh phẳng lặng, nhưng kể từ ngày Tống Tề Dụ xuất hiện, nó dường như có thêm nhiều con cá trắng muốt đôi lúc bơi lượn dấy lên những gợn sóng, khiến lòng cô nao nao bồn chồn.



## Hỏi Vợ

*Nhân giả, dĩ thiên địa vạn vật vi nhất thể, mạc phi kỷ dã<sup>[92]</sup>.*

*- Hạo*

Triệu Bất Vưu cáo từ Cổ Đức Tín, đang định đi tìm Tống Tề Dụ thì nhìn thấy Tống Tề Dụ đang đi trên cầu vòm bước lại, anh mặc bộ đồ trắng, thân hình cao ráo, bước đi nhanh nhẹn, nổi bật giữa đám đông.

Triệu Bất Vưu bèn chờ ở chân cầu. Nhìn thấy Triệu Bất Vưu, Tống Tề Dụ lập tức chạy lại, chấp tay: “Chào Bất Vưu huynh!”

“May quá, tôi có chút việc đang muốn tìm huynh xin thỉnh giáo. Chúng ta vào kia ngồi đi?”

“Được!”

Quán trà của Nhạc Chí Hòa ở ngay bên trái, nhưng vào đó không tiện nói chuyện, Triệu Bất Vưu dẫn Tống Tề Dụ quay trở lại quán rượu của Chương Thất Lang. Chủ quán Chương Thất Lang lấy làm lạ nhưng nhìn thấy Tống Tề Dụ thì anh tươi cười cúi chào ngay: “Mời hai vị vào đi! Hôm nay Triệu tướng quân vào tiệm lần nữa và còn mời cả Tống khôi thủ hạ cố vào uống trà, tiệm chúng tôi được thơm lây sẽ đãi hàng lắm lắm.”

Tống Tề Dụ mỉm cười: “Thế thì anh phải hâm thêm vài chén rượu mới đúng!”

“Vâng, đương nhiên rồi.”

Bàn ghế sát bờ sông đã được lau chùi sạch sẽ. Triệu Bất Vưu dẫn Tống Tề Dụ đến ngồi, hỏi: “Rượu hay trà?”

“Huynh đã uống rượu rồi chứ gì? Tôi cũng đã ăn cơm. Chúng

ta uống trà, nói chuyện.”

“Cho xin hai chén trà mới.”

Chương Thất Lang “vâng” rồi quay vào.

Tống Tề Dụ vội hỏi ngay: “Bất Vưu huynh đã điều tra về chuyện Lang Phồn, Chương Mỹ đến đâu rồi?”

“Mới chỉ biết hôm Hàn thực cả hai đi phủ Ứng Thiên.”

“Họ đi làm gì nhỉ?”

“Hiện vẫn chưa rõ. Tề Dụ huynh cùng học Thái học với Chương Mỹ, gần đây có thấy anh ấy có biểu hiện gì lạ không?”

Tống Tề Dụ hơi sững người, mỉm cười, than thở: “Trước đó chúng tôi tranh luận mấy câu, Chương Mỹ bực mình, nên có ý tránh mặt tôi. Tôi cũng không rõ tình hình anh ấy ra sao.”

“Hai anh tranh luận khi nào? Về chuyện gì?”

“Cách đây hai tháng, về tân pháp cựu pháp.”

Triệu Bất Vưu biết, đó là đề tài cũ, bèn hỏi tiếp: “Chương Mỹ có bà con thân thích ở kinh thành không?”

“Chỉ có một người anh họ. Cha của Chương Mỹ mở xưởng làm giấy ở Việt Châu, hàng bán đi khắp cả nước, mở một chi nhánh ở Biện Kinh, do người anh họ này kinh doanh. Mấy hôm vừa rồi tôi đã đến hỏi anh ta, anh ta cũng đang tìm Chương Mỹ, nói là hơn tháng nay không gặp nhau.”

“Lang Phồn thì sao?”

“Lang Phồn vốn ít nói, tôi chỉ tiếp xúc với anh ấy trong các lần gặp mặt chung, ngoài ra thì không có giao thiệp gì.”

Triệu Bất Vưu lại hỏi thêm mấy câu nhưng không thu được thông tin gì hữu dụng, anh đang định đứng dậy cáo biệt thì thấy Tống Tề Dụ có vẻ cân nhắc do dự, một lúc sau mới nói: “Tôi gặp một chuyện kỳ quái, nghĩ nát óc vẫn không hiểu ra sao, Bất Vưu huynh có thể góp ý cho tôi không?”

“Là chuyện gì, cứ nói xem?”

“Chuyện hỏi vợ...”

...

Hôm Hàn thực, Tống Tề Dụ đến huyện Ninh Lăng phủ Ứng Thiên tìm bà mối họ Tiết, nhờ đến thưa chuyện với Trương huyện lệnh. Ngồi chờ mãi, rồi bà mối Tiết cũng giương ô xanh trở về, rảo bước, nhanh nhẹn, có vẻ như đã thuyết phục thành công? Tống Tề Dụ vội bước ra đón.

Đúng thế, bà Tiết cười tí mắt: “Chà chà! Mắt tôi bị dính phân chim rồi, nên không nhận ra Tống công tử là Khôi thủ của Thượng xá trường Thái học! Trương huyện lệnh nhìn thiếp cầu hôn của công tử, rất mừng, đứng bật dậy như con mèo, nói ‘có đúng là Thượng xá sinh Tống Tề Dụ không’. Sau đó ông ta vội viết mấy chữ mời Tống công tử sáng mai đến để xem mặt - nói rõ là cứ đến phủ của ông ấy.”

Rồi bà Tiết đưa cho Tống Tề Dụ chiếc phong bì, miệng không ngớt tấm tắc: “Xem của hồi môn đi! Bao năm làm mối, lần đầu tôi thấy một đám giàu có như thế này, vàng, lụa, nữ trang trị giá bảy tám trăm ngàn quan tiền, lại thêm một trăm năm mươi mẫu ruộng nữa, tạm tính mỗi mẫu ba quan tiền thì đã là bốn năm trăm quan...”

Tống Tề Dụ vội mở thư, trên tờ giấy vàng nhạt kim nhũ, viết:

“Huyện lệnh Ninh Lăng

Ba đời

Cụ, Huy Dịch, Thị lang bộ Lễ

Ông, Lễ Đức, Phán quan chuyển vận lộ Quảng Nam

Cha, Chương Khải, Thông phán Bồi Châu

Con gái thứ năm nhà tôi: sinh ngày Bính Tý tháng 8 năm Mậu Dần

Mẹ họ Sái

Của hồi môn:

150 mẫu ruộng

600 ngàn quan tiền

40 tấm gấm, 60 tấm lĩnh, 100 tấm lụa

30 bộ xiêm y giày tất bốn mùa

Nữ trang: 1 bộ vàng, 3 bộ bạc, 3 bộ ngọc

Viết ngày 10 tháng 3”

Tổng Tề Dụ thấy Trương huyện lệnh hào phóng nhận lời cầu hôn, rất mừng, chẳng mấy bận tâm vấn đề hồi môn.

Bà Tiết lại cười, nói: “Trên đường đi, tôi đã rẽ vào miếu hỏi, ngày giờ sinh của công tử rất hợp với Trương Ngũ Nương tiểu thư.”

Tổng Tề Dụ mỉm cười, trầm nghĩ, cuộc hội ngộ trên thuyền đêm ấy Liên Quan cứu mạng anh, dù tuổi không hợp thì anh cũng quyết ý lấy cô.

Bà Tiết lại nói: “Ngày mai sang gặp, lẽ ra nên chuẩn bị hai tấm lụa, phòng khi công tử không ưng thì để lại nhằm an ủi nhà gái. Nhưng công tử đã quyết lấy cô ấy thì khỏi cần chuẩn bị nữa.”

Tổng Tề Dụ không ngớt gật đầu: “Vâng, không cần, không cần! Bà có giấy bút không, tôi muốn viết mấy chữ - tôi gia cảnh bần hàn, không có tài sản gì, liệu...”

Bà Tiết xua tay mỉm cười: “Hiện nay tiến sĩ tân khoa đều đang rất có giá, họ có thể đòi hỏi nhà gái ‘tiền đặt cọc’, nếu thành hôn, cha mẹ nhà trai còn tiếp tục yêu sách nhà gái chi ‘tiền bổ sung’ nữa kia! Công tử là Khôi thủ Thượng xá sinh Thái học đã không đòi hỏi một xu nào, ngay Trương huyện lệnh cũng không dám tin là thế! Công tử cứ viết thiếp đi, sáng mai sang xem mặt, ấn định thời gian, coi như cuộc hôn nhân được chính thức chốt lại.”

Rồi bà Tiết lấy giấy bút mực ra, Tổng Tề Dụ viết thiếp xong

xuôi, anh lại nhờ bà Tiết đi mua hai vò rượu ngon, tìm quán trọ giá rẻ để anh tạm trú. Suốt đêm anh không ngủ vì quá vui.

...

Sáng sớm hôm sau, Tống Tề Dụ thay áo quần sạch sẽ tinh tươm, bà Tiết đem theo đứa bé khoảng mười tuổi đến quán trọ để xách hộ hai vò rượu, rồi dẫn Tống Tề Dụ đi đến nhà Trương huyện lệnh.

Ngôi nhà không to rộng nhưng rất tinh tế trang nhã. Cả hai vừa bước đến cổng đã thấy một nam một nữ là người hầu đứng đón, một thằng bé con vội chạy vào báo tin. Lát sau, một nam giới đứng tuổi, cao lớn, mặc quan phục gấm màu lục, tươi cười bước ra.

“Trương huyện lệnh, vị này là Tống công tử ạ.” Bà Tiết vội giới thiệu.

Tống Tề Dụ khom người, chấp tay: “Văn sinh Tống Tề Dụ bái kiến Trương đại nhân.”

Trương huyện lệnh vội giơ tay ngăn lại: “Chớ đa lễ, mời công tử vào đi!”

Vào gian giữa, hai bên phân ngôi chủ khách rồi an tọa, người hầu bưng trà ra. Trương huyện lệnh trò chuyện vài câu về tình hình học tập và trường sở, rồi hỏi: “Không rõ tại sao Tống công tử lại biết tiểu nữ nhà tôi chưa lấy chồng?”

Tống Tề Dụ hơi do dự. Việc thư tín với Liên Quan, tất nhiên không thể nói ra, anh bèn mỉm cười thưa: “Ba năm trước, văn sinh và hai người bạn trên đường đến kinh đô gặp nạn trên sông Biện Hà, may sao thuyền của tiểu thư đi qua, đã cứu mạng văn sinh”

“Thế ư? Ba năm trước?” Trương huyện lệnh lấy làm lạ.

Tống Tề Dụ vội giải thích: “Văn sinh được cứu lên thuyền,

nhưng chưa từng gặp mặt Trương tiểu thư, chỉ nhờ chủ thuyền chuyển lời cảm ơn.”

Trương huyện lệnh càng không hiểu ra sao. “Ba năm trước tôi đang nhậm chức ở Tây Thục, tiểu nữ cũng đi theo; về sau chuyển đến Giang Lăng, năm ngoái mới chuyển về miền bắc, đến Ninh Lăng này. Liệu có phải công tử đã nhầm chăng?”

Tổng Tề Dụ hết sức kinh ngạc, vội hỏi: “Ba năm trước Trương tiểu thư vẫn ở Tây Thục thật sao?”

“Đúng thế, ở đó hai năm. Không sao, coi như nhân duyên khéo sắp đặt, nên cảm ơn con thuyền kia mới phải! Ha ha...”

Nhưng Tổng Tề Dụ thì tâm trí rối bời, lạnh sống lưng, có cảm giác mình đã ngủ mê gặp ma. Cô gái trên thuyền đêm hôm đó là ai? Hai năm qua, ai đã nhiều lần gửi thư cho anh? Bức thư cuối cùng của Liên Quan nói cha cô là quan huyện Ninh Lăng, nên anh mới tìm đến đây. Toàn bộ câu chuyện là thế nào?

Bức thư ấy anh đang cất trong người, định đưa ra cho Trương huyện lệnh xem, nhưng lại nghĩ sẽ làm ảnh hưởng đến nền nếp trình tiết của Liên Quan, nên lại thôi. Anh gắng trấn tĩnh, gượng cười: “Liệu Trương huyện lệnh có thể cho phép văn sinh chiêm ngưỡng dung nhan của Trương tiểu thư không?”

Trương huyện lệnh hơi biến sắc. “Điều này... tôi tuy phẩm hàm thấp nhỏ bất tài, nhưng cũng không ưa cái thói nam nữ chưa kết hôn mà nhìn mặt nhau. Mong Tổng công tử bỏ quá cho.”

Bà Tiết từ nãy ngồi đó không dám nói xen, lúc này bèn cười, khuyên nhủ: “Tổng công tử có thể hoàn toàn yên tâm, phẩm hạnh dung nhan của Trương Ngũ Nương thì không ai trong huyện thậm chí trong cả phủ Ứng Thiên này sánh kịp!”

Tổng Tề Dụ do dự, anh hiểu rằng sự việc này bất ổn, nhưng không kịp nghĩ ra bất ổn ở chỗ nào, lòng anh rối bời. Rồi anh



chợt nghĩ ra một cách, anh hỏi: “Trương đại nhân có thể cho văn sinh mượn tờ giấy, bút mực không?”

Trương huyện lệnh hơi ngạc nhiên nhưng cũng gọi người hầu đem giấy bút ra. Tống Tề Dụ cảm ơn, rồi cầm bút viết lại bài Từ “Lâm giang tiên” của Liên Quan đính kèm trong bức thư thứ nhất gửi cho anh, nhưng anh chỉ viết nửa bài. Sau đó dâng lên Trương huyện lệnh: “Đã không thể gặp mặt, văn sinh đánh bạo đề đạt: mời Trương tiểu thư điền nốt nửa sau của bài Từ này.”

Trương huyện lệnh cầm đọc, rồi mỉm cười: “Tống công tử thực tài hoa khác thường, tiểu nữ nhà tôi chỉ vẽ vẽ chút ít, e khó mà được công tử ngợi khen.”

Tống Tề Dụ vội nói: “Văn sinh chỉ muốn giải tỏa chút nghi hoặc, mong Trương đại nhân độ lượng châm chước cho.”

Trương huyện lệnh sai người hầu cầm tờ giấy đưa vào nhà trong. Tống Tề Dụ yên tâm, nghĩ rằng chỉ cần Trương tiểu thư điền được nửa sau bài Từ thì cô đúng là Liên Quan, dù có đôi ba chữ sai lệch cũng không vấn đề gì.

Bầu không khí lúc này hơi không bình thường, Trương huyện lệnh, bà Tiết và Tống Tề Dụ đều có phần mất tự nhiên, không biết nên nói gì; Trương huyện lệnh nói “mời uống trà”, rồi cả ba cùng lặng lẽ nhấp trà.

Im lặng hồi lâu, rồi người hầu bước ra cầm theo tờ giấy đưa cho Trương huyện lệnh. Tống Tề Dụ đặt chén trà xuống. Trương huyện lệnh bình thản đưa tờ giấy cho người hầu: “Mời Tống công tử xem đi.”

Tống Tề Dụ đứng lên đón lấy tờ giấy, thoáng nhìn đã thấy bất ổn, vì nét chữ không phải của Liên Quan. Anh xem nửa sau của bài từ:

*Ráng chiều nhuộm đỏ lầu cao, Chạng vạng tối, cảnh phồn hoa dần im ắng.*

*Lạnh rợn nhìn đom đóm bay, dương liễu vẫn xanh xanh, làn hương dịu dịu, cảnh như mộng.*

Biết ngay không phải nguyên tác của Liên Quan, Tống Tề Dự toàn thân ớn lạnh. Trương tiểu thư không phải Liên Quan!

Nhìn kỹ, tuy không phải chữ của nàng nhưng nét bút cũng mềm mại, tạm được. mấy câu thơ này chẳng qua chỉ thể hiện nỗi sầu vơ vẩn, cóp nhặt từ ngữ đó đây, chỉ là thói quen tầm thường của các sĩ nữ văn nhân, thậm chí âm luật bằng trắc còn có lỗi, ý thơ thì nhạt nhẽo...

Trương tiểu thư không phải nàng Liên Quan!

Nhưng tại sao nàng lại viết cho anh bức thư như thế, bảo anh sang Ninh Lăng cầu hôn? Lẽ nào nàng và Trương tiểu thư là bạn thân, muốn “dễ dàng” anh lấy Trương tiểu thư làm vợ? Tại sao nàng phải làm thế, hôn nhân đại sự đâu phải chuyện tầm phào?

Từ nhỏ đến giờ dù gặp ai, gặp chuyện gì, anh đều ung dung ứng xử, nhưng lúc này đối diện với những dòng chữ tầm thường, lòng anh xáo trộn không sao kể xiết, cứ như đụn tuyết trong nôi, lúc lạnh lúc nóng vô cùng khó chịu.

Bà Tiết ngồi bên nhận ra điều bất ổn, vội giật ống tay áo Tống Tề Dự, khẽ hỏi: “Tống công tử thấy thơ của cô ấy thế nào? Cũng khá phải không? Công tử nói gì đi chứ?”

Lúc này Tống Tề Dự mới bừng tỉnh, ngẩng nhìn Trương huyện lệnh, ông ta cũng đang nhìn, sắc mặt cố nén nét không vui. Anh vội đứng dậy, hai tay cầm tờ giấy đưa cho người hầu đứng bên, rồi cúi người thi lễ, thưa: “Mong đại nhân thứ lỗi cho văn sinh đường đột thất lễ; được ngài rộng lòng chiếu cố, không chê, nhưng văn sinh...” Tống Tề Dự nhìn khéo mép Trương huyện lệnh khẽ động đậy, vẻ mặt nhăn nhó, anh thầm nghĩ chuyện này không thể để kéo dài, phải nói ngay cho rõ ràng, bèn hít một hơi thật sâu, tiếp tục: “Không phải văn sinh ngu cuồng,

mà là trong này có sự hiểu lầm, văn sinh cũng chưa thể nói cho thật rõ... tiểu thư Trương Ngũ Nương không phải người mà văn sinh muốn lấy, mong đại nhân rộng lòng tha thứ cho...”

“Anh...” Trương huyện lệnh tái mặt, không nói được nữa.

“Ơ kìa... thế này là sao?” Bà Tiết lớn tiếng.

Tổng Tề Dụ đang định giải thích nhưng anh hiểu rằng mình đã khiến cho Trương huyện lệnh tổn thương, càng nói thêm sẽ càng phiền hà, anh đành ngượng ngùng chấp tay vái.

Hình như Trương huyện lệnh cũng hiểu nói nữa cũng vô ích, ngực ông phập phồng thở mạnh một hồi, rồi ngoảnh mặt sang bên, nén giận, lớn tiếng bảo người hầu: “Mời thang!”

Đón khách mời trà, tiễn khách mời thang. Tổng Tề Dụ thấy Trương huyện lệnh đã ra lệnh “đuổi khách” vội vái dài: “Văn sinh xin bái biệt.”



## Thư Tín, Giếng Cạn, Thuyền Khách

*Thất trung tạo xa, thiên hạ khả hành, quỹ triệt hợp cố dã<sup>[93]</sup>.*

*- Thiệu Ung*

Tống Tề Dụ cười cay đắng: “Nghĩ nát óc, tôi vẫn không hiểu nổi câu chuyện là thế nào.”

Triệu Bất Vưu hỏi: “Bức thư cuối cùng có đúng là Liên Quan viết không?”

“Không thể nhầm. Tôi có thể nghi ngờ thứ gì khác, chứ không thể nhìn nhầm bút tích của cô ấy.”

Tống Tề Dụ đưa ra một chiếc khăn lụa trắng đang gói một vật gì đó. Anh dùng ống tay áo lau sạch mặt bàn, sau đó đặt gói khăn ấy xuống, mở ra. Bên trong là một xấp bì thư, anh cầm bì thư trên cùng, rút ra một lá thư đưa cho Triệu Bất Vưu. “Đây là bức thư gần đây nhất của cô ấy.”

Triệu Bất Vưu cầm xem. Tờ giấy là giấy viết thư vân mờ kiểu Tà Cảnh Sơ đất Thục sáng chế, mịn màng tinh khiết, chữ trên đó là chữ “Tiểu Khải tâm hoa” theo phong cách Vệ Thước phu nhân<sup>[94]</sup> rất mềm mại trang nhã. Câu chữ của bài Từ đương nhiên giàu tình cảm mượt mà.

“Còn đây là bức thư đầu tiên.” Tống Tề Dụ đưa ra một tờ thư khác.

Triệu Bất Vưu lại xem, và đối chiếu tỉ mỉ cả chất giấy lẫn màu mực, đều rất giống nhau. Phong cách của chữ viết, các nét đậm nhạt, lượn, gấp đều hoàn toàn giống nhau. Soi xét rất lâu cũng không thấy có chỗ nào khác thường. Anh đưa trả Tống Tề Dụ hai

bức thư. Tống Tề Dụ cẩn thận gói lại và cất vào bọc.

Triệu Bất Vưu hỏi: “Có ai biết về chuyện cô Liên Quan không?”

“Chỉ có Chương Mỹ và Trịnh Đôn biết, chắc các anh ấy không tùy tiện kể với người khác đâu!”

“Các anh ấy có đọc thư không?”

“Không. Chỉ có Bất Vưu huynh hôm nay đọc. Sổ thư này tôi luôn cất trong hộp gỗ khóa lại, riêng hôm nay mới cầm theo người.”

Triệu Bất Vưu cúi đầu suy ngẫm, hình như anh nghĩ ra điều gì đó.

Tống Tề Dụ gượng cười: “Sống cho đến giờ, tôi mới bị vớ này khốn đốn, hoang mang đến nỗi nhớ nhầm cả ngày tháng. Chiều hôm đó tôi quay về Biện Kinh, rồi trở về trường. Các bạn đều đang chuẩn bị để hôm sau dự Điện thí. Lúc đó tôi rất băn khoăn: hôm sau là thanh minh, hôm sau nữa mới dự Điện thí kia mà? Tôi ngỡ năm bạn cùng lớp quá căng thẳng nên nhớ nhầm ngày, bèn sang phòng bên để đối chiếu, thì các bạn cũng đều bận rộn chuẩn bị giấy bút, thu xếp quần áo... để ngày mai đi thi. Thì ra hôm tôi trở về đúng là ngày thanh minh! Tức là tôi đã đi vắng ba ngày thật chứ không phải hai ngày. Đến giờ tôi vẫn còn ngờ ngợ...”

Triệu Bất Vưu: “Thế ư? Tức là ngày Hàn thực anh xuất phát đi Ninh Lăng?”

“Đúng, không thể nhầm. Trước Hàn thực một ngày tức là mùng 8 tháng 3, trường Thái học bắt đầu kỳ nghỉ; sau Thanh minh là ngày Điện thí, các bạn Thượng xá không nghỉ, hôm đó quan Học chính lên lớp hướng dẫn chúng tôi lễ nghi quy củ khi dự Điện thí, mùng 9 Hàn thực mới bắt đầu nghỉ. Chiều hôm đó tôi đến Ninh Lăng, chiều hôm sau ra khỏi nhà Trương huyện

lệnh, tôi xuống thuyền trở về, sẩm tối thì đến Biện Kinh - tức là hôm trước Thanh minh.”

“Anh chỉ ngủ lại Ninh Lăng một đêm?”

“Đúng! Hôm đó bà mối họ Tiết cầm tờ thiệp của Trương huyện lệnh về, đề ngày tháng là mồng 10 tháng 3, lúc đó tôi còn nghĩ là Trương huyện lệnh viết nhầm. Bây giờ mới thấy ông ta không viết nhầm, hôm đó đúng là hôm sau của ngày Hàn thực, mồng 10.”

“Anh đi thuyền gì?”

“Thuyền hàng, phí tổn rẻ đi già nửa. Chủ thuyền họ Hạ chân hơi tập tễnh.” Tống Tề Dụ tiếp tục kể tỉ mỉ về chuyến đi.

Nghe xong, Triệu Bất Vưu bỗng nhớ đến một sự việc liên quan, anh chợt hiểu ra sự thật về vụ việc Tống Tề Dụ đi hỏi “Liên Quan giả” làm vợ, và hiểu rõ tại sao Chương Mỹ lại đi phủ Ứng Thiên.

Tuy nhiên, cần phải xác minh cho chuẩn đã.

Triệu Bất Vưu bèn đứng dậy cáo từ: “Tề Dụ à, tôi phải đi kiểm chứng một sự việc, hôm khác tôi sẽ lại tìm anh.”

...

Giản Trinh băng khuâng buồn vợ vắng, cô lấy giấy bút ra định viết một bài Từ, nhưng chỉ viết được mấy chữ đầu đề, sau đó tắc tị.

Thường là, ban ngày cô giúp chị dâu làm các việc nhà, tối làm các việc thêu thùa may vá, khi rỗi rãi mới vẽ tranh, làm thơ. Cô thích vẽ nhưng hiếm khi được đi đó đây, thường chỉ suốt ngày ở nhà, không biết kinh thành náo nhiệt ra sao, cảnh sơn thủy kỳ thú thế nào, cô đành vẽ theo trí tưởng tượng, coi như mình có nhìn thấy tận mắt thật. Về làm thơ, từ sau khi nhìn thấy Tống Tề Dụ cô mới có thi hứng, và cảm thấy không thể không viết ra

mọi cảm xúc của mình.

Thoạt đầu, cô không hiểu tâm tư của mình đang là thế nào, sau đó đọc một số thơ cổ và Từ mới, cô mới biết đó gọi là “xuân tâm” và “tương tư”. Cô cảm thấy sợ hãi hình như mình đã mắc lỗi lầm đáng xấu hổ, nhưng cô lại không dám kể với vợ chồng anh chị, chỉ âm thầm giấu kín trong lòng. Một hôm, những bức xúc dâng trào khó bề kiểm soát, cô cầm bút viết một bài Từ, gửi gắm bao tâm tư tình cảm, rồi cô mới thấy nhẹ nhõm. Kể từ đó Giản Trinh coi Từ như một dòng suối đón nhận những cảm xúc giải tỏa mọi khúc mắc trong lòng cô.

Mấy tháng trời sau khi anh trai và Tống Tề Dụ kết bạn với nhau, một hôm cô ngẫu nhiên nghe thấy vợ chồng anh chị khẽ bàn bạc, hình như nói về khả năng Tống Tề Dụ và cô thành thân... Nghe xong, cô vừa sợ hãi, vừa mừng lại vừa xấu hổ, vội quay trở vào phòng mình, tim đập thình thịch rất lâu. Đó là tâm nguyện bấy lâu mà cô không dám nói ra, không dám nghĩ đến nhưng lòng thì vô cùng khao khát.

Nhưng rồi, bình tâm suy nghĩ, cô lại thấy lo lo. Tống Tề Dụ tài năng nổi bật, nghe nói anh là hàng đầu trong đám học sinh Thái học, sẽ có vô số danh thần cự phú tranh nhau nhận làm con rể. Thời nay, gái muốn lấy chồng thì phải có lưng vốn hoặc gia thế, còn cô chỉ là em gái một chàng hàn nho nghèo túng, không có bề thế chỗ dựa gì hết; ngay bộ quần áo sáng sủa cũng không có, cô đâu có thể “vời cao” Tống Tề Dụ?

Không lâu sau đó, cô nghe thấy chị dâu tỏ ra lo lắng và bảo anh cô tìm người thăm dò ý tứ Tống Tề Dụ. Giản Trang nói Tống Tề Dụ không phải hạng người vụ lợi tầm thường, nhà gái chúng ta không thể lên tiếng trước, cứ chờ Tống Tề Dụ chủ động đặt vấn đề. Nghe xong, Giản Trinh sững sờ. Dầu kín đáo sống trong nhà nhưng cô cũng hiểu thời thế và nhân tâm hiện giờ, và biết

rằng chuyện này hết sức xa vời.

Tuy nhiên cô đã rất quen với cuộc sống “trong cái giếng”, Tống Tề Dụ chỉ như con chim đại bàng ngẫu nhiên bay qua vòm trời bên trên, cô có thể nhìn thấy đã là rất may mắn rồi, chẳng nên tưởng tượng những điều không thể đến với mình. Rốt cuộc, Giản Trinh lại trở về sự tĩnh lặng như trước, hy vọng duy nhất của cô là lại được nghe giọng nói sáng trong mạnh mẽ của Tống Tề Dụ.

Một thời gian sau, có thêm chị dâu hai là Ô Mi, Ô Mi tính tình thẳng thắn, không câu nệ lễ nghi; cha chị là người môi giới của một hiệu bán giấy, thường gặp gỡ Chương Mỹ. Ô Mi khi về thăm nhà mẹ đẻ đôi khi cũng gặp Chương Mỹ và biết rằng Tống Tề Dụ đã có ý trung nhân là con gái một Viên ngoại lang. Ô Mi bèn nói cho Giản Trinh biết, thế là cô chấm dứt mọi vấn vương đối với Tống Tề Dụ.

Cô cũng không ngờ, hôm lập xuân năm nay Lục tử luận chiến, Giản Trang bức mình nên tuyệt giao với Tống Tề Dụ, từ đó Giản Trinh không hòng gì nhìn thấy anh nữa.

Giếng nước, có thể lạnh lẽo tĩnh mịch thậm chí đóng băng nhưng không thể khô cạn.

Nhưng cái giếng của Giản Trinh kể từ hôm lập xuân bỗng cạn nước.

...

Trời mưa lất phất, hơi se lạnh, Triệu Bất Vưu thấy rất sảng khoái dễ chịu nhẹ nhõm.

Anh sải bước lên cầu vòm rồi rẽ sang phía tây, chợt nghe thấy phía bờ sông có tiếng gọi: “Triệu tướng quân!”

Triệu Bất Vưu ngoảnh sang, thấy một nam trung niên cao gầy đang đứng trên một con thuyền hàng. Anh nhớ ra đó là Vệ Thập



Ngũ, chủ thuyền, hai năm trước anh đã từng giúp Vệ Thập Ngũ thắng một vụ kiện, khéo quá, lúc này anh đang muốn gặp vài chủ thuyền để hỏi thăm tin tức.

“Ngài vẫn khỏe chứ?” Vệ Thập Ngũ nhảy lên bờ chạy đến.

“Đa tạ Vệ huynh, tôi vẫn khỏe. Huynh vẫn ổn chứ?”

“Tình hình không tốt, mấy tháng nay đông nam có loạn, đường thủy không thuận lợi, chỉ đi được đến Giang Ninh là tắc. Dựa vào sông nước kiếm sống như chúng tôi bị tổn thất lớn, thu nhập mất đi hai phần ba.”

“Cứ chịu khó chờ ít lâu nữa dẹp được loạn, sẽ lại đâu vào đấy.”

“Ai mà biết được? Nghe nói tình hình rất căng, người ta bảo quân Tống là đồ ăn hại, ra trận, mới nghe tiếng trống thúc, chưa thấy bóng quân địch đâu, người đã mềm oặt.”

Triệu Bất Vưu gượng cười. Kể từ thời vua Nhân Tông quân đội hùng mạnh được gần trăm năm, sau đó ngày càng sa sút. May mà chưa gặp phải cường địch, nếu không, chẳng rõ đất nước sẽ ra sao.

Vệ Thập Ngũ ngẩng đầu nhìn trời: “Hôm nay sẽ mưa lâu đấy. Lúc này cũng muộn rồi, Triệu tướng quân nên mau về nhà đi!”

Triệu Bất Vưu: “Tôi muốn hỏi một câu, anh có biết chủ thuyền hàng họ Hạ không?”

“Họ Hạ? Có hai ba người, tướng quân định tìm người nào?”

“Chân hơi có tật.”

“À, đó là Hạ Lão Uy, tôi biết. Gần đây ai cũng khó kiếm sống, nhưng riêng ông ta vợ bầm, nên mấy hôm nay vui lắm.”

“Là chuyện gì thế?”

“Chẳng rõ ông ta kiếm đâu ra một tờ thiệp gọi là ‘Vương lược thiệp’ của Vương Hy Chi<sup>[95]</sup>, nghe nói đáng giá trăm vạn quan tiền.”

“Thế à?”

Thiếp “Vương lược” của Vương Hy Chi được nhà thư họa Mễ Phất ca ngợi là đệ nhất thiên hạ, năm xưa con trai cả của Sái Kinh là Sái Du đã sưu tầm được. Mễ Phất rất say mê thư pháp thời Tấn, khi nhìn thấy, ông đã đổi mấy bức thư họa quý giá của mình để có được nó, và hết sức nâng niu, cất trong hòm gỗ khóa lại, để bên gối thì ngủ mới yên.

Triệu Bất Vưu cảm thấy bất ngờ, mỉm cười, vì thông tin này rất có giá trị, nó củng cố thêm sự suy đoán của anh mấy hôm nay.

Triệu Bất Vưu trở về nhà, rửa mặt, thay áo. Ôn Duyệt đã pha trà bưng đến cho chồng.

Ôn Duyệt than thở: “Chiều nay tôi đi thăm Giang muội. Mới ít hôm mà cô ấy gầy hẳn đi, sắc diện cũng không tốt. Cô ấy nói định đem hai đứa con về quê, chứ ở kinh thành thì mẹ góa con cô không biết trông vào đâu. Cũng may, cha mẹ Lang Phồn vẫn còn mạnh khỏe, nếu về quê thì sẽ tiện hơn...”

“Cô ấy định khi nào lên đường?”

“Nói là chờ tìm ra hung thủ đã, thì mới yên tâm về quê.”

Triệu Bất Vưu thở dài, không nói gì.

“À, Giang muội bảo tôi cầm cái này về đưa cho mình...”

Ôn Duyệt mở tủ, lấy ra một thứ đưa cho chồng. Đó là một cái lọ sứ nhỏ xíu để đựng mực, rộng một đốt ngón tay, cao ba đốt ngón tay, nút gỗ rất khít. Đổ mực vào, mang theo người, khi cần cũng đủ để viết khoảng trăm chữ rất tiện lợi. Triệu Bất Vưu mở nút ra, bên trong rỗng, cũng không có vết mực. Đáy lọ có bông hoa khô, đổ ra bàn tay xem, là hai bông hoa mai, cánh đã héo sẫm màu.

“Gì thế này?”

“Giang muội nói là tìm thấy trong tủ sách của Lang Phồn, lọ này mọi ngày anh ấy vẫn mang theo, nhưng không hiểu tại sao

anh ấy lại cất trong tủ. Giang muội còn nói, Lang Phồn vốn không để ý hoa cỏ gì hết, tại sao trong lọ lại có hai bông hoa? Cô ấy bảo tôi cầm về đưa cho mình, biết đâu có thể tra ra tình tiết gì đó.”

Triệu Bất Vưu trầm ngâm hồi lâu, không nghĩ ra điều gì. Lý do Chương Mỹ đi phủ Ứng Thiên, anh đã hơi đoán ra, nhưng nguyên nhân cái chết của Lang Phồn thì vẫn mù tịt. Anh lại thả hai bông hoa vào, đập nút lọ, rồi đưa cho vợ: “Mình tạm cất đi đã. Lang Phồn lưu giữ cái này hẳn phải có lý do, cần suy nghĩ tìm hiểu xem sao.”

“Sáng nay chị Lưu và Giản Trinh nhà Giản Trang huynh đến đây chơi.”

“Có việc gì đó à?”

“Là chuyện về mua ruộng đất, mua của một bà góa, hai chị em lo rằng không hợp pháp. Tôi đọc tờ hợp đồng thấy ghi cả họ tên đứa cháu đã 17 tuổi, bèn giải thích cho họ nghe. Ngoài ra còn chuyện này nữa: tôi lấy làm lạ khi tôi nhắc đến Tống Tề Dụ, thì cô em hơi ngượng ngịu có vẻ như không muốn đề cập đến, nên tôi cũng không nói gì nữa.”

Triệu Bất Vưu thầm nghĩ: lại có thêm tình tiết, thế là đủ cả.

Điều mà Triệu Bất Vưu đang suy đoán chưa thật sự được khẳng định nên anh cũng không nói với Ôn Duyệt.

...

Mưa suốt đêm, đến sáng mới tạnh.

Triệu Bất Vưu thức dậy, mở cửa. Bên ngoài rất mát mẻ trong lành, cảm giác thật dễ chịu sảng khoái.

Anh ra sân luyện quyền. Ăn cơm xong, anh lấy giấy bút viết năm bức thư ngắn, cho vào phong bì. Sau đó đi ra ngoài cảng sông tìm Ất Ca, thấy cu cậu đang ngồi xỏm bên cửa quán trà

Nhan Gia ăn cháo. Ất Ca mới 15-16 tuổi, nhanh nhẹn, tinh ý, thường làm chân chạy đưa thư cho mọi người. Thấy Triệu Bất Vưu cầm một xấp thư, Ất Ca vội đặt bát xuống bậu cửa, nhoẻn cười đứng lên, chùi tay vào vạt áo, hỏi: “Triệu tướng quân cần đưa thư à?”

Triệu Bất Vưu giao thư và cho cậu 50 đồng, nói: “Hãy chuyển thật nhanh nhé!”

“Vâng! Cháu húp nốt bát cháo rồi đi ngay!”

Năm bức thư gửi cho Đông thủy ngũ tử: Giản Trang, Giang Độ Niên, Điền Huống, Nhạc Chí Hòa và Trịnh Đôn, mời họ chiều nay đến nhà Giản Trang bàn việc.

...

Đã gần đến giờ hẹn, Triệu Bất Vưu lên ngựa đi đến nhà Giản Trang.

Nhìn thấy ba con lừa buộc ở thanh tre bên cổng, cổng đang khép hờ, có lẽ các bạn đã đến rồi, anh đang buộc ngựa thì Nhạc Chí Hòa đã mở cửa mời vào.

Trong sân đã trải sáu cái chiếu. Giản Trang, Giang Độ Niên, Điền Huống cùng đứng dậy chấp tay chào hỏi, chỉ có Trịnh Đôn chưa đến. Giản Trang mời Triệu Bất Vưu ngồi chiếu bên trái như mọi lần, và nhắc Ô Mi bưng trà ra.

“Bất Vưu huynh, vụ án tiến triển đến đâu rồi?” Giản Trang hỏi.

“Hôm nay tôi mời các bạn gặp mặt, để xin thỉnh giáo vài điều.”

“Đã tìm ra Chương Mỹ chưa?” Điền Huống hỏi.

“Chờ lát nữa Trịnh Đôn đến, chúng ta cùng nói tỉ mỉ.”

Triệu Bất Vưu nhìn các bạn một lượt, cảm thấy bùi ngùi; không ai nói gì, chỉ im lặng ngồi nhấp trà.

Lát sau thì thấy Trịnh Đôn vội chạy vào, luôn miệng nói: “Xin lỗi, xin lỗi, tôi đến muộn.” Rồi anh cởi giày, ngồi chiếu bên phải, không ngớt lau mồ hôi trán. Ô Mi bưng trà ra, Trịnh Đôn đứng dậy đón lấy rồi lại ngồi xuống.

Chờ mọi người ổn định, Triệu Bất Vưu bắt đầu nói: “Vẫn chưa tìm ra nguyên nhân cái chết của Lang Phồn, nhưng đã bước đầu giải tỏa được chuyện Chương Mỹ mất tích.”

“Thế à?” Mọi người cùng nhìn Triệu Bất Vưu.

“Thực ra, có lẽ các bạn đã biết tại sao Chương Mỹ đi phủ Ứng Thiên...”

Mọi người đều ngạc nhiên.

“Chuyện đó bắt nguồn từ một người khác.”

“Là ai?” Giang Độ Niên lớn tiếng hỏi.

“Tề Dụ!”

Nghe hai chữ “Tề Dụ” mọi người đều hơi kinh ngạc, vẻ mặt rất không tự nhiên. Triệu Bất Vưu nhìn, và hiểu rằng mình đã đoán đúng, thấy vui vui nhưng anh không nỡ thể hiện ra nét mặt.

Anh hơi dừng lại một chút, rồi nói tiếp: “Xin nói cụ thể hơn, là chuyện Tống Tề Dụ đi hỏi vợ.”

Cả ngũ tử đều sửng sốt, kinh ngạc, ngơ ngác.

Triệu Bất Vưu chậm rãi nói: “Nếu không nhờ có câu nói của Độ Niên hôm kia thì tôi cũng chưa thể nghĩ ra.”

“Tôi nói sao?” Giang Độ Niên cố nén hồi hộp.

“Tôi hỏi anh: hôm Hàn thực gặp mặt, Chương Mỹ và Tề Dụ có tranh luận gì không, anh nói không. Thực ra hôm đó Tống Tề Dụ không tham dự, mà là ngồi thuyền để đi hỏi vợ.”

Cơ mặt Giang Độ Niên hơi giật giật, ánh mắt buồn và hối hận, rồi anh cúi nhìn góc bàn không dám nhìn thẳng Triệu Bất Vưu.

Triệu Bất Vưu tiếp tục: “Tôi cho rằng khởi nguồn là vấn đề tân pháp cựu pháp, bảy người đều tin ở cựu pháp, riêng Tề Dụ đề cao

tân pháp, nhưng đó là chuyện cách đây hai năm. Dù chí hướng khác nhau cũng vẫn yên ổn không vấn đề gì. Nhưng nay thì khác, ngày Điện thí áp sát, Tề Dụ với năng lực như thế chắc chắn sẽ đỗ cao. Các bạn sợ rằng nếu Tống Tề Dụ đỗ đạt, thành danh, thăng quan tiến chức, sẽ thúc đẩy tân pháp, nên rất muốn ngăn chặn ngay từ đầu. Nếu vẫn là Tam xá pháp, Tống Tề Dụ là học sinh ưu tú trong khối Thượng xá sinh, thì anh ấy đã được trao chức quan rồi; nhưng nay lại khôi phục chế độ khoa cử thì anh ấy cũng phải dự thi Điện thí, thế thì, cách đơn giản nhất là bày kế để anh ấy lỡ ngày thi, thì sẽ là hết đường công danh...”

Nghe đến đây, sắc mặt ngũ tử đều tái nhợt, mắt sụp xuống không dám ngẩng nhìn nữa. Điền Huống thì cầm hai quân cờ trong tay vân vê cọ xát phát ra âm thanh rin rít.

Triệu Bất Vưu nói tiếp: “Điện thí là sự kiện rất hệ trọng, đâu có thể nhầm và bỏ lỡ? Theo Tống Tề Dụ nói, hai tháng trước anh ấy và Chương Mỹ lớn tiếng tranh luận tân pháp cựu pháp; tôi đoán rằng không chỉ Chương Mỹ mà các vị cũng đều tức tối. Chương Mỹ và Trịnh Đôn thì ngẫu nhiên biết được chuyện riêng tư của Tề Dụ: quan hệ tình cảm với cô Liên Quan.”

Nghe đến đây, Trịnh Đôn cúi gục đầu xuống rõ thấp.

“Các vị đã biết, Tề Dụ dám từ bỏ tất cả, vì cô Liên Quan. Thế là các vị lợi dụng chuyện đó, tìm cách lừa Tề Dụ đi khỏi kinh thành. Tức là bịa ra bức thư giả của Liên Quan, khiến anh ấy phải đi hỏi vợ. Tôi đoán, thế trận này, chiêu thức này, do Kỳ tử tiên sinh nghĩ ra.”

Điền Huống giật mình, tiếng rin rít cọ xát hai quân cờ trong tay bỗng ngừng bật.

“Chương Mỹ và Tề Dụ cùng là Thượng xá sinh, dễ dàng lấy trộm thư tín. Người bắt chước nét chữ của Liên Quan phải là Giang Độ Niên. Nội dung thư giả cần thể hiện phong cách và

tình cảm của nữ giới, tôi đoán các vị đã nhờ em gái Giản Trang viết!”

Lúc này thoáng thấy bóng người bên trong rèm cửa, dáng dấp tư thế ấy, chắc là Giản Trinh.

Triệu Bất Vưu bỗng ngừng lời, lát sau mới nói tiếp: “Địa chỉ của ‘nhà gái giả’ không nên quá gần hoặc quá xa, có thể khứ hồi trong vòng ba ngày kịp tham dự Điện thí. Nếu quá xa, thì Tề Dụ sẽ dự thi trước, sau đó mới đi hỏi vợ. Vậy thì phủ Ứng Thiên là địa chỉ rất thích hợp. Tề Dụ sẽ cho rằng vẫn kịp về để dự thi, cho nên anh ấy mới hăm hở đi luôn. Nhưng vấn đề là nếu Tề Dụ vẫn kịp trở về dự thi, thì kế hoạch của các vị sẽ hỏng bét. Phải thiết kế ra sao để Tề Dụ cho rằng chắc chắn mình kịp trở về dự thi. Thế thì, diệu kế ở đây sẽ là ‘biến ngày nọ thành ngày kia’. Có lẽ, vẫn là mưu kế do Kỳ tử nghĩ ra...”

Điền Huống nhìn trộm Triệu Bất Vưu, ánh mắt Điền Huống thoáng nét đắc ý nhưng lập tức trở lại hồ thẹn hối hận.

“Các vị biết Tống Tề Dụ tiền nong eo hẹp, nên đã mua chuộc chủ thuyền chở hàng là Hạ Lão Uy sáng sớm hôm Hàn thực đậu thuyền ở bờ sông để chờ Tề Dụ, rồi dụ lên thuyền. Nhạc Chí Hòa mở quán trà ở bờ sông, rất biết ông ta, anh là người đã chọn ông ta.”

Nhạc Chí Hòa nhìn chén trà chứ không dám ngẩng đầu lên, mặt và cổ bỗng đỏ bừng.

“Lấy gì để mua chuộc Hạ Lão Uy? Tiền ít thì không xong, nhiều tiền thì kiếm đâu ra, vì các vị đều không phải con nhà giàu. Cho nên, mới tìm một tờ thiếp Vương Hy Chi - đồ giả, dúi cho ông ta.”

Giang Độ Niên khịt mũi, hừ một tiếng.

“Chờ khi Tề Dụ lên thuyền rồi, thì cho uống chén rượu pha thuốc mê. Khi tỉnh dậy, Tống Tề Dụ ngỡ mình vừa chớp mắt

một canh giờ, thực ra anh ấy đã ngủ liền một ngày một đêm, lúc tỉnh dậy là trưa ngày hôm sau! Liều lượng thuốc mê phải chuẩn, thế nên các vị đã nhờ nhà nghề là Bành Châm Nhi vẫn bán thuốc rong ngoài phố. Hôm đó Bành Châm Nhi gặp Điền Huống huynh, nó gạ học chiêu thức đánh cờ, nhưng giọng nói không phải là xin học mà giống như là... đòi nợ vậy!"

Điền Huống lại cọ xát hai quân cờ trong tay.

"Thế là hôm đó Tống Tề Dụ bị đánh cắp mất một ngày trời! Khi đến được phủ Ứng Thiên, đã là tối ngày thứ hai, không biết gì hết. Ngày thứ ba là Thanh minh, chờ bà mối bố trí đi dạm hỏi, mất đứt một ngày nữa. Khi Tống Tề Dụ nhận ra, thì hết cách, không thể kịp trở về."

Triệu Bất Vưu ngừng nói, cả sân bỗng im phăng phắc, chỉ nghe thấy tiếng chim hót ngoài tường và tiếng người từ xa vọng lại.

Ngũ tử đều cúi đầu cụp mắt, ngồi đờ ra như tượng.

Triệu Bất Vưu thở dài, rồi nói tiếp: "Nhưng Tống Tề Dụ lại trở về đúng ngày, anh ấy không đi phủ Ứng Thiên mà là đến huyện Ninh Lăng."

Ngũ tử ngẩng đầu, kinh ngạc nhìn anh.

"Huyện Ninh Lăng tuy trực thuộc phủ Ứng Thiên nhưng đường ngắn chỉ bằng một nửa, hai ngày là đủ để khứ hồi." Anh nhìn họ một lượt, ánh mắt dừng lại ở Trịnh Đôn. "Bức thư giả của Liên Quan, là do Chương Mỹ nhờ người đưa cho Tề Dụ chứ gì?"

Trịnh Đôn gật đầu.

"Chương Mỹ đã chữa lại địa chỉ của bức thư giả."

Ngũ tử càng thêm kinh ngạc.

"Có lẽ Chương Mỹ chợt thấy hối hận, nhưng vẫn thấy bất bình với Tề Dụ kiên trì tôn pháp nên vẫn quyết ý bõn cợt anh ấy, bèn



viết bức thư giả danh Liên Quan và sửa địa chỉ phủ Ứng Thiên thành huyện Ninh Lăng.”

Ngũ tử nhìn nhau, ai cũng phát hoảng, đầy nghi hoặc.

“Độ Niên nói, hôm Hàn thực gặp mặt, dường như Chương Mỹ có tâm trạng bất mãn, phát ngôn thất lễ. Tôi cho rằng anh ấy đã nhận ra điều gì đó nên mới tự mình đi phủ Ứng Thiên tìm hiểu. Hôm nay tôi đến đây nhằm hỏi về sự việc này. Thực ra địa chỉ trong thư giả viết về phủ Ứng Thiên, là nơi nào?”

Giản Trang khẽ nói: “Nhà của thị lang họ Lương ở ngõ Chu Tất phường Phục Lễ.”

“Địa chỉ đó ở đâu ra?”

“Tôi ngẫu nhiên nghe thấy người ta nói nhà Lương thị lang có cô con gái chưa chồng.”

“Ai nói?”

“Trong cuộc họp của Hội Nho học tháng trước, ai nói thì tôi quên rồi.”

“Anh không nhớ thật à?”

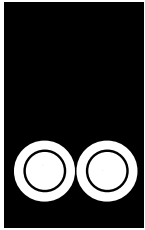
“Sự việc đã đến nước này rồi, chi tiết đó tôi giấu để làm gì nữa?” Giản Trang cao giọng nói, ánh mắt giận dữ.

“Nếu là địa chỉ ngẫu nhiên nghe được, thì Chương Mỹ đâu có thể cứ đi phủ Ứng Thiên để tìm hiểu?”

“Tôi chịu, không biết.” Giọng Giản Trang càng gay gắt nhưng ánh mắt thì âm u trở lại.

Triệu Bất Vưu nghiêm giọng nói: “Hiện giờ không biết Chương Mỹ sinh tử ra sao, các anh có còn điều gì chưa nói ra không?”

Ngũ tử đều im lặng.



## Bát Tử Luận Chiến

*Thiên hạ chỉ tập giai duyên thế biến.*<sup>[96]</sup>

*- Di thư của nhị Trình*

Giản Trinh đứng sau màn hình nhìn ra, anh trai Giản Trang và tứ tử đều không nói gì, chỉ cúi đầu suy nghĩ.

Hồi lâu sau Trình Đôn mới rón rén hỏi: “Giản huynh, chúng ta nên thế nào đây?”

Giản Trang đáp: “Còn biết làm gì nữa? Mạnh Tử đã từng nói: không ai không có Mệnh, bậc quân tử nên thuận theo vận mệnh bình thường. Điều anh có thể làm chỉ là khiến bản thân bình thản, sau đó giúp người khác bình thản. Chúng ta đã tận lực về chuyện Tống Tề Dụ rồi, cho nên dù nghĩ nữa cũng vô ích. Còn về Chương Mỹ, các vị hãy nỗ lực thêm nữa, nhất định sẽ tìm thấy anh ấy.”

Lại một phen im lặng.

Trình Đôn đứng dậy nói: “Tôi về trước, tôi sẽ đi dò hỏi thêm.”

Giang Độ Niên, Điền Huống, Nhạc Chí Hòa cũng đứng dậy cáo biệt, Giản Trinh thấy mấy người ấy đều tiu nghỉu, cô bất giác cũng thở dài. Vừa định quay người bước đi thì cô nghe thấy sau lưng có giọng nói khẽ: “Thế là tôi đã nói trúng không sai!”

Giản Trinh giật mình, thì ra là chị dâu hai Ô Mi.

Ô Mi thoáng nhìn qua màn hình, rồi lại khẽ nói: “Tôi đã nói rồi là không nên làm thế, sớm muộn gì người ta cũng biết. Bây giờ có lẽ cả kinh thành đều nói Thất tử xúm lại trấn áp Tống Tề Dụ. Danh tiếng của anh trai cô coi như hỏng hết trong vụ việc

này rồi.”

Giản Trinh không nói gì, cô chỉ gượng cười rồi quay trở vào phòng mình. Cô ngồi ngây trước bàn đăm đăm nhìn giấy bút, nghiên mực, lòng vô cùng trống trải, khổ đau.

Bức thư giả đưa đến tay Tống Tề Dụ, do chính tay cô viết!

...

Sau lần “luận chiến” hồi nọ, Đông thủy lục tử liên tục tụ tập ở đây để bàn bạc cách “vãn hồi” Tống Tề Dụ. Mọi người nhất trí cho rằng Tống Tề Dụ đã đi vào “con đường lầm lạc” rất xa, nếu anh ta dần bước trên đường công danh thăng quan tiến chức thì chắc chắn sẽ đi theo Sái Kinh để thi hành tân pháp. Cách duy nhất để cứu Tống Tề Dụ, cứu thiên hạ, là ngăn không cho anh ta đặt chân vào con đường hoạn lộ.

Ngăn như thế nào? Sáu vị nghĩ đi nghĩ lại rất lâu, cuối cùng Trịnh Đôn bỗng nhắc đến tiểu thư Liên Quan.

Giản Trinh cũng như ngũ tử kia, lần đầu tiên nghe thấy cái tên này. Rốt cuộc, mọi người đã tìm ra điểm yếu của Tống Tề Dụ, ai cũng phấn chấn, riêng Giản Trinh với nỗi niềm riêng của mình thì cô chẳng khác nào bị giội gáo nước lạnh.

Trước đó, vợ chồng anh cô đã ứng Tống Tề Dụ và chờ đợi Tống Tề Dụ lên tiếng dạm hỏi, còn cô thì dường như không mấy hi vọng. Cô nghĩ phận mình chỉ như đám rêu xanh bám trên thành giếng, đâu có thể có ngày nhìn thấy ánh mặt trời? Khi biết tin trái tim Tống Tề Dụ đã thuộc về người khác thì miệng giếng của cô như chợt bị đập kín, tối om. Và lúc này cô nhận ra rằng dù là rêu xanh dưới giếng sâu thì vẫn sống nhờ có ánh sáng, và cô càng khát vọng chút tia sáng mặt trời yếu ớt rơi xuống.

Vào thời khắc ấy, chút ánh sáng nơi đáy giếng bỗng tắt ngấm.

Giản Trinh đứng trong tấm màn mỏng, sững sờ, rơi lệ từ lúc

nào không biết.

Nghe thấy tiếng bước chân chị dâu xách nước từ trong bếp đi ra, cô mới giật mình, vội lau nước mắt và rảo bước về phòng mình.

...

Giản Trinh từ nhỏ đã rất biết tự kiểm soát, sau mấy giọt lệ ấy, cô tự nhủ mình phải dứt khoát từ bỏ cái ý nghĩ kia đi, và trở lại với sự yên tĩnh “trong cái giếng”. Hôm sau, các tài tử kia bàn bạc tìm ra kế sách rồi, Giản Trang gọi cô em vào thư phòng và bảo cô viết bức thư giả. Anh nói các bạn anh đều là nam giới, khó thể hiện từ ngữ theo tâm tư nữ giới, Giản Trinh viết hộ là tốt nhất.

Cô cũng hiểu Giản Trang làm thế này là bất đắc dĩ, là xuất phát từ tình cảm đối với bạn và đồng đạo dân chúng nữa.

Anh đưa cô lá thư của Liên Quan viết cho Tống Tề Dụ mà Chương Mỹ đã tìm cách “thó được”.

Đọc xong bức thư, Giản Trinh hoảng hồn, vì... một thiếu nữ dám công nhiên tỏ tình với đàn ông!

Giản Trinh đỏ mặt, bàn tay cầm thư cũng run run, sợ quá sắp phát khóc. “Anh ạ, thư như thế này... em không viết nổi.” Cô khẽ nói.

Giản Trang nghiêm giọng: “Ta biết, việc này đúng là làm khó cho muội, nhưng vì thiên lý vì đại nghĩa, muội hãy chịu khó linh động ứng biến. Xưa nay cũng từng có không ít nữ nhi hiền đức đã vì nghĩa bỏ qua khí tiết thậm chí quên mình vì nước.”

Cô không thể chối từ, đành gật đầu nhận lời.

Suốt ba ngày trời cô không sao viết nổi. Khổng Tử “không uống nước suối Đạo Tuyền” chỉ vì ghét cái tên suối không được sạch sẽ<sup>[97]</sup>, nay một thiếu nữ trong sáng như cô đâu có thể viết ra những lời rủ rê tư tình trai gái?

Ông anh Giản Trang nhiều lần thúc giục, Giản Trinh đành dần lòng cầm bút vậy. Cô đọc bức thư của Liên Quan nhiều lần, nắm được tâm trạng của người viết, thế rồi cô viết một hơi, hoàn thành. Đặt bút xuống, Giản Trinh mặt đỏ bừng, trán lấm tấm mồ hôi cứ như người mắc trọng bệnh.

Nhìn lại những hàng chữ đã viết, cô bàng hoàng nhận ra không phải mình vừa mô phỏng Liên Quan mà là đã dốc cả tâm tư tụt đáy lòng, đã thể hiện khát vọng mà cô không dám nghĩ đến thậm chí không hiểu tại sao lại có.

...

Nhớ lại ngày lập xuân năm nay, tâm tư Tống Tế Dụ đang u ám.

Hôm đó mọi người tập trung ở sân nhà Giản Trang, mỗi người ngồi một chiếu, trước mặt đặt cái kỷ, nghe Nhạc Chí Hòa gảy khúc đàn tân xuân “Xuân khải”.

Nhạc Chí Hòa khi gảy đàn thường không cần thắp hương, bên cạnh chỉ bày đĩa hoa quả theo mùa, gọi là tiết lễ. Hôm đó anh ngắt vài cọng cỏ non, xin Ô Mi một bát nước trong, thả cỏ non vào, bày phía trước chính giữa cây đàn. Sau đó anh mới ngồi ngay ngắn, tập trung tinh thần, điều hòa hơi thở, rồi từ từ đưa tay vào, duỗi các ngón tay ra, nhẹ nhẹ lướt trên dây đàn. Chỉ trong khoảnh khắc, một làn xuân ý tỏa ra từ đầu các ngón tay, như gió đông ấm nồng chồm về từ xa đưa lại, như sông xuân làm tan băng giá, chầm chậm trôi. Rồi người ta bỗng cảm thấy ngàn dặm cỏ xuân đang tranh nhau nảy mầm, sức sống của vạn vật bắt đầu trỗi dậy, sắc xuân rạng rỡ êm đềm, đất trời cũng thay da đổi thịt...

Khúc nhạc kết thúc, cả sân đầy hơi thở mùa xuân, lòng người cũng như được mưa xuân gột rửa, trong veo, tươi mới.

Mọi người yên lặng hồi lâu, không ai nữa nói gì, chỉ riêng Ô Mi bỗng thở dài.

Cô vốn hay nói hay cười, Giản Trang cũng không thể ngăn cản; khi bát tử tập hợp, cô thường lo trà nước, thỉnh thoảng cũng góp chuyện vài câu chung chung. Hôm nay lúc Nhạc Chí Hòa gảy đàn, cô quỳ ngồi một chỗ và cũng bị tiếng đàn hút hồn, chăm chú lắng nghe, thấm thía. Lúc này cô buông tiếng thở dài. Tống Tề Dụ nhìn sang, thấy đôi mắt cô ngấn lệ, anh lấy làm lạ thậm chí cảm thấy hơi buồn cười. Hình như Ô Mi cũng tự cho là kỳ cục, cô vội đưa ống tay áo lên lau nước mắt rồi lẳng lặng đứng dậy đi vào nhà.

Tống Tề Dụ nghĩ một lát rồi mới hiểu ra. Mùa xuân thuộc Mộc, chủ về Sinh, về Nhân; Ô Mi chưa chắc đã lĩnh hội được ý tứ của khúc nhạc nhưng lòng có thể cảm nhận cái tình trong đó. Bản đàn của Nhạc Chí Hòa bắt nguồn từ mạch sống của đất trời, khúc “Xuân khai” của anh đầm ấm, tiết tấu mềm mại, giống như gió xuân thấm vào đất lạnh, kêu gọi từng ngọn cỏ trỗi dậy, đụng đến chốn sâu thẳm của tâm tính Ô Mi, đánh thức lòng trắc ẩn vốn có trong lòng cô, gần đây cô lại mang thai, tình yêu thương nhân từ xúc động khiến cô trào lệ.

Tống Tề Dụ đang nghĩ ngợi thì Giản Trang bỗng nói rất cảm động: “Đức lớn nhất của thiên địa là Sinh sôi...”

Chương Mỹ nói tiếp: “Nhật nguyệt bám vào trời, cây lương thực và thảo mộc dựa vào đất. Trùng minh, đều phò Chính<sup>[98]</sup>, thế là thành thiên hạ...”

Tống Tề Dụ hiểu hai người đang nói một câu trong Kinh Dịch, cũng miêu tả về điều Nhân của Sinh trưởng, trùng với ý nghĩ của anh.

Trịnh Đôn ngồi bên hỏi: “Giản huynh và Chương huynh dẫn ra câu đó, ý nghĩa cũng như ‘kính thuận thiên mệnh, coi Nhân

là nhiệm vụ của mình', phải thế không?"

Giản Trang gật đầu, đáp: "Mạnh Tử nói: lòng trắc ẩn là khởi đầu của Nhân. Trời đất sinh ra mùa xuân, nuôi dưỡng vạn vật, cũng là Nhân. Sứ mệnh của Nho gia là thúc đẩy Nhân tâm cho phù hợp với lẽ trời."

Trịnh Đôn nói: "Năm xưa Vương An Thạch dám nói 'thiên biến đổi không có gì đáng sợ' thì quá ư ngông nghênh vô lý."

Vương An Thạch năm xưa vì muốn áp dụng tân pháp nên đã từng kiến nghị hoàng đế Thần Tông rằng "thiên tai không có gì đáng sợ, phép tắc tổ tông đề ra chưa đủ chưa đúng, không cần e ngại lời đồn nhảm", về sau ông ta thất sủng thì đám đông công kích quan điểm này của ông. Tống Tề Dự cho rằng quan điểm "động trời" của Vương An Thạch rất thỏa đáng, muốn cải tạo xã hội thì phải có khí phách lớn lao như thế.

Anh bèn lắc đầu: "Lời nói ấy của ngài Vương không nhằm công kích trời, mà là ông không muốn con người đoán bùa ý trời. Khổng Tử cũng đã từng nói: "Trời đã nói những gì?" Nhưng từ khi Đồng Trọng Thư thời Hán giảng về thiên - nhân cảm ứng, thì Hán nho đã suy diễn thành học thuyết về điềm báo kỳ quái, tệ nạn ấy vẫn tồn tại đến tận ngày nay. Các hiện tượng thiên nhiên bất thường vốn thuộc về giới tự nhiên, thế mà con người lại đem đặt thành vô số cách nói. Các vị nghĩ mà xem, trời đất rộng lớn, trong một năm tất nhiên phải xảy ra các loại thiên tai ở đâu đó, chứ đâu phải đất nước luôn luôn vô đức?"

Trịnh Đôn lập tức phản bác: "Năm xưa vì đưa ra biến pháp nên trời mới có lăm thiên tai, ông nội tôi đã dâng 'Lưu dân đồ<sup>[99]</sup>' vì thế vua Thần Tông đã bãi miễn Vương An Thạch, sau đó hạn hán chấm dứt luôn. Đó chẳng phải trời làm ra thiên tai để cảnh cáo hay sao?"

Năm xưa Trịnh Hiệp là Môn giám - chức quan nhỏ trong

hoàng cung, rất có tâm với đất nước, rất ghét tân pháp, bèn vẽ tranh “Lưu dân” miêu tả “hậu quả” xấu dân chúng lang thang khốn đốn sau khi thi hành tân pháp, ông bị quan trên trách mắng nhiều lần nhưng vẫn tìm cách dâng vua Thần Tông, vua xem tranh, thấy buồn, đành bãi chức Vương An Thạch.

Trịnh Hiệp trở thành một hào kiệt được ngợi ca vì đã có công xoay chuyển càn khôn cứu vớt thiên hạ.

Tổng Tể Dụ kính trọng phẩm cách của Trịnh Hiệp nhưng anh vẫn không tán thành ông ta, bèn nói: “Xảy ra hạn hán, khiến ông nội của huynh dâng bức tranh vào năm Khang Ninh thứ sáu, năm sau thì Vương An Thạch bị bãi chức, cách nhau khoảng thời gian dài; hạn hán chấm dứt là chuyện bình thường thôi. Vua Thần Tông băng hà, thái hậu Nguyên Hựu buông rèm nghe chính sự, xóa bỏ tân pháp, trong hai năm ấy vẫn có hạn hán lũ lụt, thì những thiên tai ấy cảnh báo điều gì?”

Trịnh Đôn mặt đỏ gay: “Huynh cho rằng ông nội tôi dựa vào hạn hán để vu oan cho Vương An Thạch à?”

Tổng Tể Dụ vội nói: “Ông cụ rất có lòng ái quốc, xuất phát từ nhiệt thành trong tâm...”

“Nhưng vẫn là vu oan chứ gì?” Trịnh Đôn điên tiết.

Tổng Tể Dụ biết Trịnh Đôn nổi nóng là có nguyên do, năm xưa Trịnh Hiệp dâng tranh, không lâu sau đó ông bị thân tín của Vương An Thạch là Lã Huệ Khanh đày đi Hải Nam, rồi ốm chết trong đói nghèo, cha của Trịnh Đôn được họ hàng nuôi dưỡng mới sống sót được.

Lúc này Chương Mỹ hỏi: “Trời đất diễn biến bất thường thì quả là khó nói, nhưng ‘phép tắc của tổ tông để lại’ thì có gì là sai?”

Về điểm này thì Tổng Tể Dụ đã nghĩ rõ từ lâu, bèn nói luôn: “Phép tắc của tổ tông là gì? Phép tắc của Nghiêu Thuấn Vũ, Chu



Văn Vương, Chu Vũ Vương, hay phép tắc của triều đình do Tống Thái Tổ đặt ra? Nếu là của các vị thời thượng cổ, thì các thời đại ấy đều khác nhau và đều có chỗ hay chỗ dở; nếu cứ việc tuân theo thì Chu công đâu cần phải đưa ra Lễ và Nhạc nữa? Nếu là của Tống thái tổ thì phép tắc này không phải bỗng dưng ngài đặt ra, mà cũng là kế thừa chế độ nhà Đường, gia giảm ít nhiều. Sau Thái tổ thì các vị Thái tông, Chân tông, Nhân tông đều mở rộng thêm. Trên đời này làm gì có phép tắc tổ tông muôn đời bất biến?”

Chương Mỹ cười: “Phép tắc của các thời đại tuy có thêm bớt nhưng không trái với Lý của thiên địa. Ví dụ, phải tiết kiệm phải yêu dân, điều này muôn đời không bao giờ là sai. Những lý lẽ thường tình này chính là phép tắc bất biến của tổ tông vậy!”

Tống Tề Dụ thấy Chương Mỹ ứng phó đâu ra đấy thì rất hào hứng, lập tức đáp trả: “Biến pháp của Vương An Thạch đâu có làm trái tinh thần tiết dụng ái dân? Chính vì tham quan, tham tướng và chỉ tiêu bùra bãi nên dẫn đến quốc khố cạn kiệt, trăm họ mệt mỏi khốn đốn, phép tắc cũ của tổ tông đã không thể xóa bỏ các tệ nạn, nên Vương An Thạch mới sáng tạo ra tân pháp ‘không tăng thuế khóa, mà đất nước vẫn đủ chi tiêu.’”

Giản Trang lạnh lùng nói: “Không tăng thuế khóa mà đất nước vẫn đủ chi tiêu? Ruộng đất có hạn, dân thì đông, khả năng sinh sôi của cải là có hạn, không tăng thuế khóa mà vẫn sinh ra của cải được, thì tức là trên đời này có pháp thuật biến không khí thành tiền bạc hay sao? Có bột mới gột nên hồ, huynh chưa nghe nói câu này à? Muốn đất nước có tiền, thì phải bớt xén tiền của dân, chứ còn cách nào khác nữa?”

Tống Tề Dụ biết suy nghĩ của Giản Trang bắt nguồn từ sự phụ Trình Di và Tư Mã Quang. Anh cũng đã nghĩ rồi, bèn đáp: “Tiền, không chỉ sinh ra mà còn phải biết dè sẻn, biết tiêu nữa. Cùng

một đấu gạo, cách ăn của người vợ khéo và vụng, khác nhau rất xa. Người vợ vụng, chỉ biết để dành, nhưng lại bị chuột gặm một ít, bị mốc một ít, vo gạo rơi vãi một ít, nấu cơm dính nổi một ít, khi cơm đến mồm chẳng còn là mấy. Vương An Thạch là người vợ khéo, cũng đấu gạo ấy, ông cố gắng giảm thiểu gạo mốc, rơi vãi, dính nổi và tích trữ lại, cho nên, không cần tăng thuế đánh vào dân mà đất nước vẫn dư dật.”

Giản Trang bỗng tắc tị, Chương Mỹ đế vào: “Nói vậy đương nhiên rất hay, nhưng tân pháp của Vương An Thạch đã có điều khoản nào không tăng thuế khóa chưa?”

Tổng Tế Dụ: “Phép phương điền quân thuế, phép thanh miêu, phép quân thu, phép miễn dịch, đều nhằm không tăng thuế khóa. Phép đầu tiên ‘phương điền quân thuế’ là tiêu biểu. Sáu phần mười ruộng đất toàn quốc nằm trong tay quan lại cường hào, và họ còn ỉm đi không khai báo, hoặc trốn thuế, hoặc dôn thuế khóa cho tiểu nông gánh chịu; các tiểu nông dù muốn giấu nhẹm cũng không thể, nghĩ rằng triều đình không thu thêm đã là may rồi. Phép phương điền quân thuế đã đo đạc lại ruộng đất, trừ bỏ thói khai man, tăng thuế... thì rõ là dân không bị tăng thuế mà nhà nước vẫn có tiền chi dùng đầy thôi! Nhưng điều này đã đụng chạm đến đám quan lại cường hào có nhiều ruộng đất, cho nên, người ‘ai oán kêu ca nguyên rủa’ chính là bọn người phú quý, chứ dân nghèo kêu ca đâu có thể đến tai thiên tử?”

Giang Độ Niên đang rất bức xúc, bèn nói luôn: “Đúng là huynh nói rất hay. Nhưng lẽ nào huynh không biết tệ nạn này: bọn nhân viên đo đạc ruộng đất, chúng không dám đụng đến cánh nhà giàu, mà toàn là nạt nộ dân nghèo, bắt tăng thuế hoặc cắt xén ruộng của họ, truy xét giấy tờ ruộng đất, cho là sai luật, sau đó tịch thu ruộng của họ?”

Chương Mỹ nói chấp vá chẳng đâu vào đâu, Tống Tề Dụ lập tức phản bác: “Đó là luật sai hay con người làm sai? Nếu luật sai thì chúng ta phê phán luật. Đó là chuyện người chấp hành đã làm càn chú luật đưa ra vẫn đúng. Không thể vì những kẻ đó mà gán tội cho luật. Kể từ thời Tư Mã Quang<sup>[100]</sup> đến nay người ta phần lớn chỉ nhằm vào cái sai của kẻ thực thi để chê bai tân pháp.”

Chương Mỹ: “Được thôi, huynh muốn chỉ bàn về *pháp*, cũng được. Huynh vừa nói: chỉ những người phú quý mới oán hận tân pháp, thế thì tôi xin hỏi: những người oán trách Thanh miêu pháp đều là người phú quý, phải không? Triều đình đã thu thuế của trăm họ, lại đưa ra kế kiếm lợi để tranh lợi với thương nhân, đó là điều mà huynh nói là ‘cách hay, không tăng thuế đối với dân’ hay sao?”

Tống Tề Dụ: “Muốn phán đoán phép tắc đúng sai hay dở ra sao, cần nhìn vào nguyên do đưa ra nó. Trước khi đưa ra phép Thanh miêu, nông dân cặm cùi từ đầu mùa đến cuối mùa, cơm áo khốn khó, không có tiền mua thóc giống mới, đành vay của thóc nhà giàu và thương nhân với lãi suất ba mươi phân; phép Thanh miêu đã tháo gỡ, nha môn sẽ cho nông dân vay khi lúa còn xanh chưa chín, với lãi suất hai phân. Quá tốt chứ sao?”

Chương Mỹ phản bác: “Nhưng huynh có biết không: các nha môn cần cho vay thật nhiều để được quan trên đánh giá là hạng ưu, cho nên họ đua nhau cho vay, ép dân phải vay; đến hạn trả nợ, họ lại ép bằng được, không ít nông dân túng thiếu đành bán nhà, ruộng, bán vợ đợ con để trả nợ thậm chí phải bỏ trốn, lưu vong!”

Tống Tề Dụ mỉm cười: “Huynh lại soi xét ngọn mà bỏ qua gốc, đem việc thi hành sai gán cho phép tắc sai! Không thể nói các châu huyện có lỗi tức là phép đưa ra có lỗi.”

Diễn Huống từ nãy ngồi yên, tay miết hai quân cờ phát ra âm thanh mỗi lúc một chói tai, lúc này anh đứng dậy tham gia vào cuộc luận chiến: “Vay của thương nhân đồng hương, ít nhiều vẫn có tình người; vay của nha môn, thì họ không châm chước gì hết; cho nên các hộ tiểu nông thà vay lãi cao của tư nhân chứ không vay nhà nước lãi suất thấp. Cho nên, phép ban ra lại biến thành cái cớ để cho quan lại hà hiếp người dân mà thôi!”

Tống Tề Dụ phản kích: “Một bài thuốc hay, nhưng do lang băm bốc bừa nên làm hại con bệnh, vì thế cũng sổ toẹt cả bài thuốc à?”

Nhạc Chí Hòa vốn rất ít nói, lúc này anh cũng đồng dục lên tiếng: “Đã gọi là thuốc thì phải có vài phần độc hại, dù Biển Thước hay Hoa Đà cũng không dám kê đơn thuốc trong lúc vội vã để cho con bệnh uống. Huống chi, đất nước rộng lớn là thế, một mình Vương An Thạch ngồi viết ra tân pháp, chưa kiểm chứng xem đúng sai đến đâu đã vội cho thi hành, khác nào làm hại đất nước?”

Tống Tề Dụ lập tức hỏi vặn: “Nếu huynh lâm trọng bệnh, lại mời được danh y Biển Thước kê đơn cho, thì anh có uống hay không?”

Lang Phồn ngồi bên nghiêm giọng nói: “Vương An Thạch còm, mà là Biển Thước cứu đời hay sao? Ông ta chẳng qua chỉ chấp vá thuật hà khắc của Pháp gia với thủ đoạn bóc lột của Hán Vũ đế mà thôi.”

Tống Tề Dụ mỉm cười: “Huynh không nghe nói ‘thiên hạ đồng quy, dầu đường đi khác nhau, cách nghĩ khác nhau à? Miễn là có lợi cho dân cho nước, thì đâu cần phân biệt Nho - Pháp, hay Đạo - Thích?’<sup>[101]</sup>

Giản Trang rất khó chịu nhưng anh rất giỏi tự kiểm soát, chỉ chậm rãi nói: “Quân tử không né tránh bàn về chữ Lợi, nhưng

rất thận trọng khi nói đến. Mở đầu sách Mạnh Tử là mấy câu này: ‘ngài (vua Lương Huệ Vương) hà tất phải nói đến Lợi, chỉ cần có Nhân, Nghĩa là đủ rồi. Vua hỏi thứ gì có thể lợi cho nước, dân thường hỏi thứ gì có thể lợi cho tôi, mọi người tranh nhau tìm kiếm cái lợi thì đất nước nguy mất!’ Sai lầm lớn nhất của Vương An Thạch là quá thiên về chữ Lợi. Dân thường kiếm lợi còn cân nhắc chút ít nhân nghĩa đúng sai, ông ta là tể tướng, nhưng đường lối chỉ nhằm tập trung cho cái Lợi. Kẽ dưới bắt chước bề trên, cả nước chỉ còn một chữ Lợi; khi háms lợi thì bất chấp nhân nghĩa, thế gian này sẽ ra sao? Sẽ là cầm thú theo đuổi trục lợi mà thôi! Họ sẽ không biết rằng nếu không có nhân nghĩa, thì dù kiếm được lợi, cái lợi ấy cũng không thể lâu dài. Thử nghĩ xem sau mấy chục năm thi hành tân pháp đã có ai được lợi chưa? Quốc khố vẫn thiếu thốn, trăm họ vẫn khốn đốn, chỉ xây thêm được vài Đạo quán, đắp thêm được mấy gò đất...”

Nghe tiếp, Tống Tề Dự dần giảm sút nhuệ khí, cúi đầu ngẫm nghĩ, rồi nói: “Vương An Thạch suốt đời thanh bạch giản dị, là tể tướng, mặc áo quần tuềnh toàng cũ kĩ cũng không bận tâm, ăn cơm chỉ độc một món, ông không hề cầu lợi cho mình! Ông nói về lợi, tìm kiếm cái lợi nhằm diệt trừ cái hại của thời thế, mong cho nước giàu quân mạnh.”

Chương Mỹ cười nhạt: “Nhưng nếu dân không được yên ổn thì cần cái lợi ấy để làm gì?”

Tống Tề Dự hỏi vặn lại: “Ông ấy không muốn dân được yên à?”

Lang Phồn tranh trả lời: ‘Triều đình thực hiện phép Mộ binh vốn dĩ rất tốt: binh nông tách rời, binh bảo vệ đất nước, nhà nông cấy cày, hai bên không làm vướng nhau, giúp nhau cùng có lợi. Nhưng Vương An Thạch lại đưa ra phép Bảo giáp, mỗi nông hộ cứ hai tráng đinh phải rút ra một, bắt luyện võ tập trận.

Nông dân canh tác cật lực chưa chắc đã đủ ăn, nay phải giảm nhân lực, thì không phải là làm khó cho dân hay sao? Lẽ nào huynh không biết chuyện nông phu dám tự chặt ngón tay để khỏi phải đi lính ư?”

Tống Tề Dụ: “Phép Bảo giáp chỉ yêu cầu luyện tập vào lúc nông nhàn, không hề ảnh hưởng đến canh tác. Mặt khác, nước ta trăm năm qua yên ổn thái bình, nếu có giặc mạnh đến xâm lăng thì đối phó ra sao?”

Giang Độ Niên lớn tiếng nói: “Xin hỏi: hàng năm quốc khố vẫn chi hàng trăm triệu quan tiền nuôi quân, để làm gì?”

Tống Tề Dụ: “Nuôi quân, đương nhiên để phòng chiến tranh, bảo vệ đất nước; nhưng binh mã chưa chắc đã sẵn sàng ở tất cả mọi nơi, ví dụ hiện nay miền đông nam đang nổi loạn; nếu hàng ngày dân chúng được luyện tập thì càng có khả năng bảo vệ quê hương.”

Chương Mỹ: “Phép Bảo giáp đã thực thi mấy chục năm mà miền đông nam vẫn bị Phương Lạp nổi dậy đánh phá tới bời, nào đâu có ai đứng ra phòng vệ?”

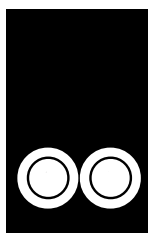
Tống Tề Dụ: “Đó là vì hàng ngày luyện tập chưa đến nơi đến chốn.”

Thất tử cứng họng vì bị Tống Tề Dụ áp đảo, ai cũng sa sầm nét mặt. Hồi lâu sau Giản Trang mới chậm rãi nói: “Vẫn có câu: bất đồng chính kiến thì chẳng thể cùng bàn bạc. Tống huynh đã không bận tâm dân chúng ai oán ra sao, nhất quyết đề cao tân pháp, tức là đối lập với dân chúng cũng là đối lập với anh em chúng tôi. Thế thì ngôi nhà tầm thường này chẳng dám chứa huynh nữa! Xin mời!”

Tống Tề Dụ sững sốt, không ngờ Giản Trang lại có thể thế này, sáu vị kia thì ai cũng lạnh lùng, trợn mắt nhìn anh. Anh hiểu rằng hết cách rồi, đành đứng dậy, gượng cười: “Hôm nay tranh

luận quá gay gắt, mong các vị lượng thứ cho. Tôi xin cáo từ vậy!”

Mọi người đều nhìn xuống, phớt lờ. Tống Tề Dụ lại mỉm cười rồi quay người, bước ra khỏi nhà Giản Trang.



## Nhà Trống, Sát Hại

*Nhân đa hôn kỳ tâm, thánh hiền tắc khứ kỳ hôn<sup>[102]</sup>.*

*- Di thư của nhị Trình*

Triệu Bất Vưu đi thuyền đến phủ Ứng Thiên.

Chương Mỹ, Lang Phồn đều đi phủ Ứng Thiên, một chết một mất tích; Mai thuyền bỗng dưng biến mất, vốn cũng đến từ phủ Ứng Thiên. Một mớ bong bong. Triệu Bất Vưu phải đích thân tìm hiểu xem sao.

Lên bờ rồi, anh ăn uống qua loa rồi thuê một con ngựa, đi tìm ngõ Chu Tất ở phường Phục Lễ - địa chỉ Giản Trang đã cho biết. Phủ Ứng Thiên không náo nhiệt bằng Biện Lương nhưng là Nam Kinh của nước Tống, vẫn là nơi trù phú hàng đầu trong cả nước. Đi hơn nửa canh giờ thì đến ngõ Chu Tất, ngõ không rộng nhưng cũng được lát đá xanh, khung cảnh thanh bình yên tĩnh. Anh nhìn thấy một cụ già đang ngồi trên cái đôn đá ở đầu ngõ để sưởi nắng, bèn xuống ngựa hỏi thăm.

“Nhà Thị lang họ Lương à? Đi vào chỗ có cây du to kia kìa... nhưng đừng vào nữa, nhà không có ai đâu.”

“Họ chuyển nhà à?”

“Đã chuyển đi già nửa năm rồi, chuyển về quê ở miền nam. Nhà vẫn bỏ trống đến nay, và nhờ ông Tưởng ở phố Nam môi giới bán hộ nhưng vẫn chưa có ai mua.”

Triệu Bất Vưu nhìn về phía cây du, cánh cổng lớn bên cạnh đang đóng im ỉm, trước cổng là đám lá khô, đúng là đã lâu không có người ở. Anh cảm ơn cụ già, định quay đi nhưng chợt



nghĩ lại, bèn hỏi: “Cụ cũng ở ngay ngõ này à?”

“Phải! Tôi ở gần đối diện với nhà Lương Thị lang.”

“Cách đây ít hôm có ai đến nhà ông ấy không?”

“Có! Trước Hàn thực vài hôm, ông Tưởng dẫn hai người đến ở trong đó. Tôi có hỏi, ông Tưởng nói họ thuê nhà. Nhưng hai người ấy có vẻ lúng túng, không mang đồ đạc gì, chỉ có vài cái chăn, ở vài hôm rồi đi.”

“Họ đi hôm nào ạ?”

“Hình như là một ngày trước hôm Thanh minh.”

“Trong ít hôm họ ở đó, có khách đến chơi không?”

“Có. Lần lượt có vài ba người đến.”

“Có ai mặc đồ trắng, trẻ tuổi, trông có vẻ là Thái học sinh không?”

“Mấy người ấy đều trẻ tuổi, nhưng không ai có vẻ là Thái học sinh.”

Triệu Bất Vưu nghĩ bụng, nếu Lang Phồn hoặc Chương Mỹ đến, họ có thể ăn mặc khác đi. Bèn hỏi: “Nhà ông Tưởng môi giới, ở đâu hả cụ?”

Cụ già chỉ về phía nam: “Ở đầu phố kia có quán trà của Uông đại lang, ông Tưởng thường vào ngồi, anh cứ đến đó mà hỏi.”

Triệu Bất Vưu chào cụ già rồi dắt ngựa bước về phía đó. Đúng là có quán trà, treo lá cờ đề chữ “Uông”. Anh buộc ngựa vào cọc gỗ trước cửa, định bước vào nhưng ngẫu nhiên ngoảnh lại nhìn, thì thấy một khách bộ hành đột nhiên dừng bước rồi nép vào phía sau một gốc cây du, vẫn có thể thấy người ấy mặc áo lụa xanh nhạt. Triệu Bất Vưu hơi ngờ ngợ tiếp tục quan sát thì chủ quán đã đon đả mời chào: “Quý khách muốn uống trà phải không?”

“Tôi đang muốn tìm ông Tưởng môi giới.”

“Ông ấy kia kìa...” Chủ quán chỉ vào một nam trung niên

thấp béo đang ngồi bên ô cửa sổ đánh cờ với một ông già.

Triệu Bất Vưu bước lại: “Xin hỏi, ông là ông Tưởng môi giới?”

“Đúng! Anh là...” Ông ta ngẩng đầu, tay vẫn cầm quân cờ.

“Xin lỗi, làm phiền hai vị. Tôi muốn hỏi thăm một việc.

“Là gì?”

“Ít hôm trước ông giới thiệu vài người đến thuê nhà Lương thị lang?”

“Phải!”

“Họ là những ai ạ?”

“Một người họ Hồ, một người... họ Dương, tên thì tôi không biết.”

“Thuê nhà, thường tìm người đứng ra bảo đảm và ký hợp đồng. Họ có ký kết gì không?”

“Hai người ấy nói mình giúp ông chủ đi tìm nhà, ông chủ rất kỹ tính nên phải ở thử vài hôm xem sao, còn phải mời đạo sĩ đến xem phong thủy nữa. Nếu ứng, thì mới ký hợp đồng. Cho nên họ chỉ giao chút tiền bảo đảm 5 ngày. Tôi nghĩ, đảng nào thì nhà cũng để không, nên đã cho họ ở vài hôm. Sau thanh minh tôi đến tìm thì họ đã đi rồi, cũng không thiết khóa cửa gì cả. Kể cũng lạ...”

Nhìn vẻ mặt và cách nói của ông Tưởng, Triệu Bất Vưu cảm nhận ông ta không nói dối.

Giản Trang được người bạn cho biết địa chỉ của Thị lang họ Lương, chắc Giản Trang cũng không biết gia đình ông ta đã chuyển về quê. Theo ông Tưởng môi giới nói thì hai người kia chỉ thuê ở có vài hôm, ngày tháng trùng với dịp Hàn thực, Thanh minh và các sự kiện Mai thuyền, Lang Phồn, Chương Mỹ, Tống Tề Dụ... đó có phải là ngẫu nhiên? Hai người khách kia là ai? Có phải là đi thăm dò chỗ ở cho ông chủ? Ông chủ của họ là ai?

Triệu Bất Vưu cảm ơn ông Tưởng rồi ra khỏi quán trà, anh lại nhìn về phía cây du thì không thấy bóng người nấp sau cây nữa.

Trước khi đi phủ Ứng Thiên, Triệu Bất Vưu đã đến gặp Cố Chấn, Cố Chấn viết cho anh lá thư giới thiệu đến phủ này tìm một vị Chủ bạ họ Hồi là bạn cũ của Cố Chấn, ông ta phụ trách hộ tịch các nhà thuyền trên sông.

Triệu Bất Vưu bèn đến phủ hỏi thăm và gặp được Hồi chủ bạ, là một trung niên ngoài 40 tuổi, người rất hiền hòa thân thiện. Đọc xong lá thư của Cố Chấn, Hồi chủ bạ thi lễ, nói: “Nghe danh Triệu tướng quân đã lâu, nay mới được gặp, thực là vinh dự.”

“Hồi huynh quá lời rồi.” Triệu Bất Vưu đáp lễ. rồi hỏi: “Tại hạ đến đây muốn tìm hiểu tin tức về Mai Lợi Cường - chủ của Mai thuyền.”

“Mấy hôm trước nhận được thư của Cố Chấn, tôi bèn tra cứu ngay: Mai Lợi Cường đã chết từ năm ngoái.”

Triệu Bất Vưu rất kinh ngạc, vậy thì “chủ thuyền” chết trên con thuyền khách Mai thuyền không phải Mai Lợi Cường! Thế thì là ai? Tại sao ông ta lại mạo nhận mình là Mai Lợi Cường? Và, tại sao gã phu thuyền Cốc Nhị Thập Thất phải nói dối?

Triệu Bất Vưu bèn hỏi: “Ông ta chết khi nào năm ngoái, chết như thế nào?”

“Chết thánng chạp năm ngoái. Vợ ông ta nói, ban đêm ông ta uống say rồi ngã xuống sông chết đuối.”

“Con thuyền thì sao?”

“Vợ và hai người con đều không muốn kiếm sống bằng thuyền bè nữa nên đã bán lại cho người khác.”

“Bán cho ai?”

“Một nhà buôn thuyền, người Hàng Châu, có làm giao kèo, tôi đã sao lại một bản.”

Hồi chủ bạ bèn đưa ra một tờ giấy. Triệu Bất Vưu cầm xem. Về

bên mua, chỉ viết đơn giản là “Chu Bạch Hà, người Hàng Châu, nhà buôn thuyền”. Giá bán: 800 quan tiền.

Mai thuyền là thuyền cũ, thời giá chỉ 500 quan là cùng. Đóng con thuyền mới, cũng chỉ 600 quan. Tại sao Chu Bạch Hà dám mua giá cao như thế? Người này và nhân vật mạo nhận là chủ thuyền Mai Lợi Cường, có quan hệ gì với nhau? Hay vẫn chỉ là một người?

Không thể tìm hiểu thêm điều gì ở phủ Ứng Thiên nữa, Triệu Bất Vưu cáo từ Hối chủ bạ, trả lại con ngựa thuê. Vừa ra khỏi hiệu cho thuê ngựa, anh vô tình nhìn một người, là một nam giới vạm vỡ mặc đồ lụa xanh, đang đứng bên một sạp sách ở chéch bên kia đường, lật giở sách... Nhưng Triệu Bất Vưu nhận ra người ấy chỉ làm động tác giả chứ không thật có ý tìm tòi gì hết. Có lẽ đó là người lúc nãy đứng nấp sau gốc cây du bên ngoài quán trà. Anh ta đang bám theo mình.

Triệu Bất Vưu cũng vờ như không nhìn thấy anh ta, tiếp tục đi về phía bến thuyền. Đi được một quãng, liếc mắt nhìn, đúng thế, anh ta đang đi phía sau.

Thuyền đi từ phủ Ứng Thiên về Biện Kinh đều đậu ở bờ sông bên ngoài cổng tây thành. Triệu Bất Vưu tìm được một con thuyền khách, chủ thuyền vẫn đang đợi khách. Anh bèn vào một quán nhỏ trên bờ gọi chai rượu và hai món đồ nhắm. Anh định ngồi gần sát bờ sông, nhưng vì khi đi đến bến sông thì không biết gã bám đuôi kia đã lủi đi đâu mất, anh đành chọn chỗ ngồi bên trong - kín đáo mà vẫn nhìn thấy bờ sông. Rượu và đồ nhắm đã bưng ra, anh bèn vừa ăn vừa để ý phía bờ sông. Quả nhiên, anh chàng mặc áo xanh nhạt ấy đã đến, vờ như đang nhàn rỗi đi bách bộ... Triệu Bất Vưu vội cúi nhìn bàn ăn. Anh ta đi đến bên con thuyền khách, hỏi han gì đó, rồi lên thuyền, bước vào khoang. Chà chà, anh ta dám theo lên tận thuyền, thế thì

tốt, Triệu Bất Vưu tiếp tục ăn.

Chủ quán tuổi ngoài năm mươi, xởi lởi mau mồm mau miệng. Ăn xong, anh bắt chuyện: “Bác kinh doanh ở đây quanh năm à?”

“Đúng thế! Ông nội, cha tôi rồi đến tôi, đã ba đời mở quán này rồi.”

“Bác có biết một chủ thuyền khách tên là Mai Lợi Cường không?”

“Biết chứ! Ông ta rất hay vào quán tôi, tuổi xấp xỉ tôi. Nhưng ông ta uống khiếp lắm, tháng chạp năm ngoái say rượu ngã xuống sông chết đuối rồi.”

“Khoảng ba tháng sau khi ông ấy mất, bác có nhìn thấy Mai thuyền không?”

“Nghe nói Mai thuyền đã bán cho một nhà buôn tỉnh ngoài, nên đã lâu không thấy nó, nhưng hình như hôm nọ tôi có nhìn thấy...”

“Là khi nào?”

“... là sau hôm Hàn thực thì phải, mọi người đã đun nấu như thường. Nó chạy qua trước cửa nhà tôi, cánh buồm vẽ một bông hoa mai to. Nhưng hôm đó tôi đang đông khách nên cũng không nhìn kỹ nữa.”

Lúc này chủ thuyền khách ngoài kia đang lớn tiếng gọi, nói là sắp nhổ neo, Triệu Bất Vưu vội trả tiền ăn, cảm ơn chủ quán, rồi chạy ra để lên thuyền.

Thuyền này cũng có hai dãy sáu khoang nhỏ dành cho khách, chủ thuyền bố trí Triệu Bất Vưu ngồi một khoang giữa bên phải. Trong khoang lớn không thấy người mặc áo xanh nhạt kia đâu, chắc anh ta cũng ngồi ở khoang nhỏ, nhưng khoang đó đóng cửa.

Tạm không bận tâm anh ta, Triệu Bất Vưu bước vào khoang

của mình ở ngay mũi thuyền, anh ngồi tựa cửa sổ nhìn ra ngoài, ngẫm nghĩ. Hiện giờ không có cách gì xác định người mạo danh chủ thuyền Mai là ai, cũng chưa rõ tại sao Lang Phồn và Chương Mỹ đến phủ Ứng Thiên vào hôm Hàn thực. Mai thuyền bỗng dưng biến mất, hơn hai chục khách đi thuyền bỏ mạng trên một con thuyền khách khác, chỉ còn sót gã Cốc Nhị Thập Thất thì hẳn lại uống thuốc độc tự tử...

Kể từ khi Triệu Bất Vưu làm Tụng thư, hàng trăm vụ án đã qua tay anh nhưng chưa có vụ nào ly kỳ như vụ này, nó lại rất mờ mịt không có manh mối nào để lần theo...

Tuy nhiên anh không nản lòng, thâm nghĩ, dù li kỳ đến mấy thì vẫn là do con người bố trí; giống như hai vị Trình Di, Trình Hạo nói: mọi việc trên đời không thể không ra ngoài Lý và Dục. Con người ta hành động, nhất định phải xuất phát từ sự ham muốn nào đó, và phải đi theo một cái lý nào đó. Đương nhiên, “Lý” của Nhị Trình là thiên Lý, là Nhân Nghĩa. Triệu Bất Vưu cảm nhận rằng Lý có thiện có ác, và đương nhiên có lý của sự vật. Ví dụ cầm dao giết người, trong đó có tính chất thiện ác đúng sai, và cũng có cái lý tại sao giết người và giết như thế nào - tức là cái lý của sự vật. Lý của sự vật không có tính chất đúng sai mà chỉ là sự thật về nó. Khi không thể phán đoán một ai đó có giết người hay không, tại sao giết người, thì khó mà kết luận đúng sai ra sao.

Trước hết là sự thật, sau đó mới là thiện hay ác.

Dù sao, chỉ cần khai thác hai chữ Lý và Dục thì nhất định sẽ tìm ra sự thật, vấn đề là sớm hay muộn mà thôi.

Anh bình tĩnh suy ngẫm, thấy rằng cần làm rõ mấy sự việc:

Một là, Giản Trang có được địa chỉ của Lương thị lang từ người nào?

Hai là, phải đến hiệu Thập Thiên Cước hỏi rõ xem, trước hôm

Hàn thực, người đã bí mật gặp gỡ Lang Phồn là ai?

Ba là, trước đó Lang Phồn cất hai bông hoa mai vào lọ mực, có ý nghĩa gì?

Bốn là, nhờ người đi Hàng Châu hỏi xem Chu Bạch Hà thương nhân mua lại Mai thuyền, là người như thế nào?

Năm là, tại sao Mai thuyền có thể biến mất trước hàng trăm cặp mắt đang nhìn vào?

Chỉ cần tra rõ một trong năm vấn đề này, là có thể lần ra manh mối.

Đang lặng lẽ suy nghĩ, Triệu Bất Vưu bỗng thấy khuỷu tay phải hơi nhói đau, từ nãy anh vẫn tì khuỷu tay lên gờ cửa sổ, gờ chỉ là một thanh gỗ nhỏ vì thế khuỷu tay bị tê. Anh rút tay về, xoa nắn khuỷu tay. Lúc này anh nhớ ra: gờ cửa sổ ở các khoang con thuyền khách mới không bé thế này, mà là mảnh gỗ rộng hơn. Anh bèn thêm vào:

Sáu là, phải xem xét lại thật tỉ mỉ con thuyền khách mới.

Lần trước chỉ chú ý đến thi thể Lang Phồn và hơn hai chục thi thể kia nên chưa xem xét chính con thuyền ấy. Tin chắc, không phải ngẫu nhiên nó neo đậu ở đó. Rất có thể sẽ tìm ra đầu mối gì đó trên con thuyền.

Còn nữa: người đàn ông mặc áo xanh nhạt bám theo anh là ai? Có liên quan gì đến vụ án không? Nếu người ấy có mặt ở đây vì vụ án đó thì quá tốt, Triệu Bất Vưu sẽ khéo léo khai thác một vài tình tiết.

...

Nắng chiều chênh chếch rọi vào buồng ngủ, Ôn Duyệt đang ngồi trên giường thu dọn quần áo, Biện Nhi đang ở gian ngoài dạy Hồ Nhi học chữ, từ gian bếp vọng ra tiếng dao thớt, chị Hạ đang chuẩn bị bữa tối.

Ôn Duyệt tỉ mỉ gấp phẳng phiu mấy cái áo của chồng, nhớ đến lời mẹ dặn, cô bất giác mỉm cười khẽ thở dài. Năm xưa cha cô gả cô cho Triệu Bất Vưu, vì nể trọng anh là dòng dõi tôn thất, và cũng ưng nhân cách của anh nữa. Mẹ cô thì không thật hài lòng, nói rằng gia thế Triệu Bất Vưu đương nhiên miễn chê nhưng nên có chí hướng lớn lao thì mới là tốt; con cháu hoàng tộc mà không thể ra làm quan thì khó mà làm nên đại sự, và sẽ ảm ức bất đắc chí. Nếu làm vợ Bất Vưu, Ôn Duyệt sẽ là người hứng chịu khi Bất Vưu “xả giận”.

Khi hai nhà dạm hỏi, bàn bạc, Ôn Duyệt nấp sau màn幔 nhìn Bất Vưu, cô lập tức cảm động vì phong độ trầm tĩnh nhã nhặn của anh; cô thấy anh không như các sĩ tử chân yếu tay mềm, anh rất có tư thế đàn ông. Mẹ cô “chê” như thế, nhưng cô lại thấy vui vui. Cô không muốn lấy một anh chàng dòng dõi tôn thất chỉ sống nhờ triều đình phụng dưỡng, không có việc gì làm. Cô nghĩ, là đàn ông thì phải như cha cô: luôn trổ hết khả năng của mình để làm nên sự nghiệp. Triệu Bất Vưu là người có chí khí đương nhiên sẽ tìm việc để dốc sức cho nó.

Cho đến nay, Ôn Duyệt thấy mình đã đoán không nhầm. Không lâu sau khi thành hôn, anh đã bàn với cô, chuyển nhà ra ngoài Đôn Tông viện, ở cùng dân gian, và làm những việc của một người Tụng sư. Triệu Bất Vưu bận rộn suốt, thế mà ít ra là nửa số vụ việc anh thường không nhận thù lao, chỉ làm giúp người ta. Ôn Duyệt xuất thân con nhà quan tuy không đại phú đại quý nhưng cũng ung dung không thiếu thốn; thoát đầu cô thấy không ổn, nhưng cô hiền hòa dễ tính, nên cũng nhanh quen với chuyện đó. Khi thấy chồng mình được người ta khâm phục nể trọng, cô cũng thấy vui và được an ủi. Huống chi, Triệu Bất Vưu luôn chân thành yêu thương kính trọng cô.

Điều duy nhất khiến cô lo lắng là Triệu Bất Vưu tính tình quá



thắng thần, khi biện luận, anh chỉ làm theo lẽ phải chứ không nể nang thiên vị, dù đối phương là quyền thần hay hào môn cũng không nhân nhượng. Giống như vụ Mai thuyền hiện nay, quan Phủ doãn phủ Khai Phong đã gác lại không dám đụng đến nữa nhưng Triệu Bất Vưu vẫn không hề có ý lùi bước. Không rõ đằng sau vụ án này ẩn chứa những gì, Ôn Duyệt chỉ mong sao Triệu Bất Vưu đừng rước họa vào thân thì tốt.

Cô đang nghĩ ngợi, bỗng thấy chị Hạ trong bếp kinh hãi kêu lên, cô vội chạy vào bếp xem sao. Biện Nhi và Hồ Nhi đã đứng bên cửa sổ sệt nhìn vào trong. Chị Hạ thì luôn miệng kêu “Ôi cha mẹ ơi, tại sao lại thế này?”

Ôn Duyệt vội bước vào, chị Hạ đang một tay cầm dao tay kia cầm củ hành đang thái dở, nhìn xuống đất lảo đảo. Dưới đất là con mèo đang nhe răng, sùi bọt mép, nằm bất động. Gần miệng nó là con cá chép bị găm dở dang. Tức là mèo ăn vụng cá rồi bị ngộ độc mà chết.

Ôn Duyệt gọi Biện Nhi: “Muội đưa cháu Hồ Nhi tránh ra nhà ngoài đi!”

Biện Nhi “vâng” rồi dắt Hồ Nhi đi.

Chị Hạ nói: “Cá, tôi đã mổ và rửa sạch, treo lên cái cột cho róc nước, rồi tôi thái rau; không biết con mèo đã lên vào lúc nào, treo cao như thế mà nó vẫn đớp xuống được, khi nó kêu ré lên thì tôi mới biết và ngoảnh lại nhìn, thấy nó giãy mấy cái rồi nằm im.”

“Cá, vẫn mua ở quây cá nhà ông Liễu à?”

“Vâng. Ba năm nay đều mua của ông ta.”

Ôn Duyệt bỗng có một linh cảm chẳng lành. “Trên đường về, cô có gặp ai không, hoặc có đặt con cá ở đâu đó không?”

“Không ạ! Tôi mua xong các thứ, cuối cùng mới mua cá, và chỉ đứng trước quây nói chuyện mấy câu với cô con dâu ông Liễu,

sau đó dắt Hồ Nhi trở về nhà luôn.”

“Cô nghĩ kỹ lại xem?”

“À... đúng rồi! Lúc đi đến đầu ngõ, Hồ Nhi bị ngã, tôi vội đặt làn xuống rồi bế cháu lên, phủi quần áo cho cháu... ngoài ra không có chuyện gì khác.”

“Lúc ấy có ai đứng gần không?”

“Có! Có một người đàn ông vội vã đi qua, Hồ Nhi bị ông ta va phải nên mới ngã. Tôi bế cháu lên và định mắng ông ta thì ông ta đã đi xa rồi... có một chị đứng gần bên cũng mắng người ấy mấy câu, rồi hỏi thăm Hồ Nhi ngã có đau không...”

“Cô nhìn thấy chị ta bao giờ chưa?”

“Chưa! Chị ấy cũng xách làn đi chợ, bên trên phủ mảnh vải. Sau đó chị ấy rẽ sang lối khác đi luôn.”

“Những gì đã mua hôm nay, vứt bỏ tất! Dao, thớt thì rửa thật kỹ bằng nước nóng. Bữa tối nay lấy dưa ra ăn tạm, thế thôi.”

Chị Hạ ngạc nhiên định hỏi, nhưng Ôn Duyệt đã không nói gì nữa, quay người bước ra nhà ngoài, nói với Biện Nhi: “Cô đưa cháu Hồ Nhi vào nhà trong đi!”

Biện Nhi hình như cũng đoán ra tại sao nhưng cô không hỏi, lặng lẽ dắt Hồ Nhi vào phòng mình.

Ôn Duyệt trở vào phòng trong lấy ra 300 đồng rồi quay sang bếp. Chị Hạ đang xắn tay áo, chuẩn bị cọ rửa dao thớt bằng nước nóng.

Ôn Duyệt nói: “Tạm gác lại lát nữa hãy rửa. Cô cầm tiền này đi ra đầu ngõ tìm Ất Ca bảo cậu ta thuê con lừa, đi đến Ngõa Tử ngoài cửa đông, gặp em tôi là Hà Trại Nương, mời cô ấy đến gặp tôi ngay.”

Chị Hạ vội rửa tay, cầm tiền vội bước ra. Ôn Duyệt theo ra sân, chờ chị Hạ đi rồi liền đóng chặt cổng, sau đó quay vào nhà lấy thanh trường kiếm của chồng xuống.

Tay cầm kiếm, Ôn Duyệt nghĩ ngợi: chắc chắn có kẻ bỏ thuốc độc vào con cá.

Hổ Nhi bị xô ngã, là do họ cố tình, có lẽ người phụ nữ đã lén theo sau chị Hạ, ả mua sẵn con cá chép na ná như thế, bỏ thuốc độc vào, nhân lúc chị Hạ đỡ Hổ Nhi lên thì ả đánh tráo con cá chép trong làn của chị Hạ.

Tại sao chúng muốn đầu độc? Một nam một nữ phối hợp, phải có kẻ sai khiến; thù oán thông thường, thì không đến nỗi đầu độc giết nhau, ở đây liệu có liên quan đến vụ án Mai thuyên? Vụ án đó liên quan nhiều bề, kẻ chủ mưu biết Triệu Bất Vưu không chịu cho qua nên nhân lúc anh đi phủ Ứng Thiên, hãm đầu độc vợ con anh, bắt anh phải dừng lại.

Ôn Duyệt thấy sợ. Chồng đi Ứng Thiên, có lẽ nguy hiểm! Triệu Mặc Nhi đã đi ra Tiểu Hoàn Kiều, e cũng có kẻ đang rình rập hãm hại. Bọn người kia đầu độc thất bại, sẽ còn tiếp tục giở thủ đoạn. Lúc này mình phải gấp bảo vệ Biện Nhi và Hổ Nhi.

Ôn Duyệt rút một đoạn kiếm ra khỏi vỏ, ánh kim loại lấp lánh chói mắt. Ôn Duyệt mới chỉ luyện tập chút ít với Triệu Bất Vưu, nếu hung thủ mò đến thật, e rằng cô không chịu nổi vài chiêu của hắn. Cô cảm thấy rất hối hận. Nhưng lúc này chỉ còn cách cố gắng hết sức mà thôi.

Ngoài cổng bỗng có tiếng đập cửa, Ôn Duyệt giật mình. Rồi nghe tiếng chị Hạ gọi: “Phu nhân! Tôi đây ạ!”

Ôn Duyệt vội tra kiếm vào vỏ, chạy ra mở cổng, chị Hạ vào rồi, lại cài then cổng.

Chị Hạ nhìn thấy thanh kiếm, rất kinh ngạc nhưng không dám hỏi, chỉ khẽ nói: “Ất Ca cầm tiền rồi lập tức đi ngay.”

Ôn Duyệt bước vào nhà ngồi, đặt ngang thanh kiếm trên đùi, tay vẫn nắm chuôi kiếm, mắt nhìn ra ngọn tường ngoài cổng sân.

Chị Hạ cọ rửa, lau chùi, thu dọn bếp, sau đó nấu nồi cháo, gấp ra hai đĩa dưa dầm tương. Bữa ăn đã dọn lên bàn nhưng Ôn Duyệt không thiết, cô gọi Biện Nhi và Hồ Nhi ra ăn cùng chị Hạ, còn cô cầm kiếm canh chừng.

Biện Nhi ăn xong, bảo chị Hạ đưa Hồ Nhi vào buồng trong, và cô cũng cầm một thanh đoản kiếm ngồi bên chị dâu, khẽ hỏi: “Có kẻ đầu độc phải không hả chị?”

Ôn Duyệt gật đầu.

“Vì vụ án Mai thuyền?”

“Có lẽ thế. Cô đừng ngồi đây, cứ vào đi. Dù xảy ra chuyện gì cũng đừng lộ mặt ra.”

“Nhưng nếu kẻ xấu mò đến thật, thì nắp cũng chẳng ăn thua. Em sẽ gác ở đây với chị, có hai người vẫn hơn. Anh Bất Vưu cũng đã từng dạy em chút ít kiếm pháp.”

Ôn Duyệt mỉm cười, gật đầu.

Cả hai ngồi đó khoảng hơn một canh giờ. Trời dần tối.

...

Lúc chạng vạng tối, Triệu Bất Vưu bước ra hóng mát. Các khoang nhỏ, chỉ có hai gian mở cửa sổ, khách ngồi trong đó không phải người mặc áo xanh nhạt kia. Anh bước về phía đuôi thuyền, cũng không thấy bóng người đó. Có lẽ anh ta nấp trong khoang. Anh đứng hóng mát, ngắm cảnh sông cho đến lúc trời tối hẳn, vẫn không thấy gì lạ bèn trở lại chỗ ngồi, lát sau lên giường nằm.

Anh vẫn cảnh giác đề phòng bị đánh lén. Nửa đêm, bỗng nghe thấy tiếng động - là tiếng then cửa nhích đi, rất khẽ. Có kẻ đứng ngoài đang dùng mũi dao lùa then cửa trượt đi. Đương nhiên là gã đó. Lát sau, then cửa bị gạt sang bên, sau đó là tiếng mở cửa, rất chậm. Triệu Bất Vưu vẫn nằm im, chờ hẳn vào; xem

ra, hắn không chỉ bám theo mà là định ám sát anh.

Cửa mở ra, rồi lại khép vào. Sau đó là tiếng chân bước trên sàn gỗ đồng thời với nhịp tròng trành của con thuyền. Bước đi rất chậm, dần tiến lại. Triệu Bất Vưu hé mắt nhìn, ngoài cửa sổ, vầng trăng bị mây che khuất, trong này, có một bóng đen đang tiến lại gần anh. Anh nằm bất động nhưng rất sẵn sàng ứng chiến.

Bóng đen bước đến bên giường, rồi đứng im, dường như đang vận sức. Không chờ hắn ra tay, Triệu Bất Vưu bất ngờ lia tay ra phạt ngang bụng hắn. Chưởng này dễ dàng chém vỡ cả gạch đá, nhưng bàn tay vừa chạm vào vật áo hắn, hắn liền nhận ra và lùi ngay lại tránh thoát. Hắn là con nhà võ!

Triệu Bất Vưu lập tức vùng dậy tung ra một quyền nhưng hắn vẫn tránh được, rồi cúi thấp người vòng ra sau, hai bàn tay hắn xĩa vào lưng, chân ngoắc vào đùi trái của anh và giật mạnh về phía sau. Triệu Bất Vưu bị hẫng, suýt ngã. Anh vội vận sức, giậm chân, đứng vững, đồng thời thúc khuỷu tay vào lưng hắn. Hắn đã lường trước, bèn xoay người một vòng, nhảy ra sau lưng anh.

À, chiêu “Bàn Long giao”! Ở Hội vật kinh đô, Triệu Bất Vưu đã từng thấy có người vận chiêu này, là một tuyệt kỹ giao đấu, thân pháp luôn xoay tròn bất định, bám riết, giống như du long bơi lượn. Chủ yếu dựa vào sự khéo léo, nếu sơ suất sẽ bị trật khớp bong gân như chơi.

Vừa này hắn xuất chiêu, công lực mạnh hơn các võ sĩ ở kinh đô. Triệu Bất Vưu không dám chủ quan, tỉnh táo đối phó, không chờ hắn kịp ghì lưng khống chế, anh tung hai quyền về phía sau. Hắn vội rướn người né tránh rồi nhảy lên cao, “ùm...” chắc là nóc thuyền quá thấp, đầu hắn húc vào nóc. Triệu Bất Vưu nhân đó uốn mình hất văng hắn sang bên rồi giáng cho một quyền

cực mạnh khi hần chưa kịp đứng vững, khiến hần ngã nhào, nhưng hần lại lăn trở lại và ghì chặt chân anh. Hần, đầu tì sát đất, dựng hai chân lên ngoắc vào cổ Triệu Bất Vưu. Anh biết đây là chiêu “Đảo long trụ” rất lợi hại, anh vội ghì chặt hông hần rồi cong lưng. Biết mình đã bị bẻ ngược, hần vội buông hai tay, co tròn người, thúc đầu vào bụng Triệu Bất Vưu. Triệu Bất Vưu không để cho hần kịp hành động, hai tay anh đẩy ra hất hần ngã xuống đất. Hần lập tức xoay người đứng bật dậy. Triệu Bất Vưu nhìn thấy hần lấy ra một thứ đưa vào miệng, rồi khom người lao về phía anh. Không thể để hần tiếp cận, Triệu Bất Vưu co chân trái đá mạnh, hần nghiêng người tránh được rồi tiếp tục xông đến.

Lúc này trăng đã vén mây, ánh trăng chiếu qua giấy dán cửa sổ lọt vào khoang, anh mới nhìn rõ đối phương: mặt xương xương, mắt xéch, có mấy sợi râu thưa. Miệng hần thoáng lóe sáng, thì ra hần đang ngậm một chiếc dùi thép.

Triệu Bất Vưu giật mình. Mũi dùi rất có thể đã tẩm thuốc độc, nếu hần tiếp cận thì anh rất khó tránh mũi dùi nguy hiểm ấy. Anh vội tung chân quét ngang một đường, bắt hần phải lùi lại, rồi anh nhấc cái ghế bên cạnh lên, vận sức xé chân ghế ra làm vũ khí, vận chiêu thức “Bá Vương Giản” phạt chém hần tới tấp, tốc độ nhanh như vũ bão. Không gian chật chội, nóc và vách khoang cũng bị vạ lây, không ngớt phát ra những âm thanh nặng nề. Tuyệt kỹ “Bàn long” của đối phương dần mất hiệu lực, hần chỉ có thể lăn sang phải sang trái để tránh đòn. Triệu Bất Vưu không để hần kịp hoàn hồn, tấn công liên tục, rồi dồn ép hần vào một góc.

Nhưng lúc này cửa khoang bỗng bật mở, côn gỗ của Triệu Bất Vưu phang trúng cánh cửa kêu đánh “rầm” một tiếng, ngoài cửa có tiếng kêu ré lên. Thì ra là một người phu tạp dịch trên thuyền

đang đứng ngả người vào cửa khoang đối diện, cực kỳ sợ hãi. Nhân lúc Triệu Bất Vưu dừng tay, thì kẻ kia từ góc khoang rón rén đứng dậy mở cửa sổ trèo ra rồi “ùm...” một tiếng, hẫng nhẩy ào xuống sông.

Triệu Bất Vưu vội chạy đến cửa sổ nhìn ra. Dưới ánh trăng, chỉ thấy những gợn sóng bạc lấp lánh, nhìn một lúc lâu mới thấy gần bờ sông đối diện có một bóng đen nhô lên khỏi mặt nước. Bóng đen vung tay bơi rất nhanh, đến bờ sông, rồi mất hút trong đám cỏ dại tối om...

**Phần Hỏa**

**VỤ ÁN TÚI THƠM**





## Túi Thơm, Cái Tai, Anh Chàng Bán Bánh

*Duy cương lập chi nhân, tắc năng bất dĩ tư ái thất kỳ chính lý<sup>[103]</sup>.*

*- Trình Di*

Giữa trưa hôm thanh minh, khi con thuyền khách biến mất trong mù mịt khói, có một nam trung niên đứng trên bờ bên kia chờ ai đó, vẻ sốt ruột.

Người ấy tên là Khang Tiềm, cùng tuổi với đương kim hoàng thượng, năm nay 40 tuổi, mở tiệm buôn đồ cổ. Khang Tiềm bị bệnh gan, thể lực kém, mấy hôm nay lại buồn phiền nên sắc mặt vàng nhợt, người cũng gầy nhom, đôi mắt trũng, vàng vàng, rầu rĩ.

Dầu tâm trạng đang nặng nề, nhưng chứng kiến con thuyền lớn biến mất tăm, Khang Tiềm cũng rất kinh ngạc. Sau khi nhìn thấy bạch y đạo sĩ hiện thân từ đám khói trắng rồi lướt qua vòm cầu, bay xa biến mất, Khang Tiềm vẫn đứng ngây ra đó.

Bỗng có người nói giọng trầm trầm: “Xin hỏi, là Khang tiên sinh phải không?”

Khang Tiềm giật mình ngoảnh sang, là một ông già gầy gò, lưng còng, áo mũ cũ kĩ, cầm cái túi vải nhỏ bằng bàn tay.

Khang Tiềm đáp: “Vâng, tôi họ Khang.”

“Quý danh của tiên sinh?”

“Tôi là Khang Tiềm.”

“Thế thì đúng rồi.” Ông già chìa cái túi vải đó ra. “Anh cầm đi!”

Khang Tiềm do dự, hỏi: “Ai bảo ông đến đây?”

Ông già lắc đầu: “Người ấy không nói họ tên, chỉ nói là ‘Ngư Nhi’, bảo tôi đưa cái này cho Khang tiên sinh, tiên sinh sẽ thưởng cho tôi 50 đồng.”

“Ngư Nhi” là tên cúng cơm của Khang Du em trai Khang Tiềm, ít người biết. Khang Tiềm nhìn xung quanh, không thấy bóng Khang Du, có lẽ chú ấy không muốn lộ diện. Khang Tiềm cảm thấy băn khoăn. Cách đây mấy hôm, Khang Du trước khi đi đã quỳ xuống rạp đầu vái... Lần đầu tiên chú ấy làm như vậy. Vẻ mặt của Khang Du cứ như là vĩnh biệt ông anh...

“Kìa, Khang tiên sinh?” Ông già rón rén hỏi, tay vẫn giơ cái túi.

“Ừ nhỉ...” Khang Tiềm vội lặn túi áo lấy ra một xâu tiền đồng, có 75 đồng. “Ông cầm cả đi!”

Ông già đón lấy, cười híp mắt, hở cả hai hàm răng, luôn miệng cảm ơn. Rồi ông đưa cái túi vải cho Khang Tiềm. Chờ ông già bước đi rồi, Khang Tiềm mới mở cái túi vải ra. Bên trong là một cái túi thơm, đáy xanh lam, thêu vân hoa mai sợi ngân tuyến, mùi thơm ngào ngạt. Ở một góc túi thơm thêu một chữ “Hoa”. Là túi thơm do phường Hoa Bách Lý Cẩm làm ra. Khang Tiềm lại nhìn bốn bề, không thấy ai chú ý đến mình, bèn cẩn thận mở túi thơm ra. Bên trong là những lá thơm: ngải diệp, tân di, bạc hà... một viên thuốc màu nâu sẫm, một gói giấy dầu nhỏ xíu, ở mép gấp dính vết máu. Khang Tiềm cảm thấy rất sợ hãi, thầm nghĩ, chú em làm việc gì đó chắc không thể nhầm. Nhưng Khang Tiềm không dám mở ra nhìn, vội buộc chặt miệng túi rồi nhét vào túi áo.

Đã hẹn trước, địa điểm giao hàng là quán trà Tiêu Nhị Nương ở ngay sau lưng. Lúc này là giữa trưa, sắp đến giờ hẹn. Khang Tiềm quay người, bước vào quán trà, bên trong chỉ có vài người khách, bèn chọn chỗ ngồi gần đường cái Biện Hà. Từ sáng sớm

đã đi từ Tiểu Hoành Kiều đến đây, bây giờ mới cảm thấy rất mệt mỏi. Từ tối qua đến giờ chưa ăn gì vào bụng, hư hỏa đang bốc lên khiến mặt mũi đầm đìa mồ hôi, hai tay cũng hơi run run.

Khang Tiềm biết canh ớt gừng của hiệu Tiêu Nhị Nương rất khá, bèn gọi một bát. Họ lập tức bung ra, tâm phé đang rất háo, uống bát canh cay vào, người tỉnh hẳn ra. Vừa húp được vài húp đã nghe thấy tiếng rao ngoài phố vọng vào: “Bên cầu Đắc Thắng Biện Lương, Bánh hiệu Lão Trịnh cực ngon đây rồi... Ai mua bánh rán giòn, bánh nướng bánh ngọt bánh cay thơm ngon không...”

Một thanh niên đeo lồng tre, xách giá gỗ vừa đi vừa rao hàng. Khang Tiềm muốn ăn, chưa kịp giơ tay vẫy thì cậu ta đã nhìn thấy rồi rảo bước đến.

“Một bánh nướng!” Khang Tiềm sờ túi áo định lấy tiền ra.

Cậu bán bánh vẫn đeo đồ nghề, hỏi luôn: “Bác là Khang Tiềm phải không ạ?”

Khang Tiềm ngạc nhiên ngẩng nhìn: cậu ta chừng ngoài hai mươi tuổi, má ửng hồng, mặt mũi sáng sủa, chân chất, mỉm cười, nhưng có vẻ hơi căng thẳng.

Là người này à? Khang Tiềm sững sờ, khẽ gật đầu, cảnh giác nhìn cậu ta.

Cậu ta nhìn bốn xung quanh, rồi hạ thấp giọng: “Tôi... tôi đến lấy hàng.”

Khang Tiềm ngờ ngợ, hình như mình đã từng gặp cậu ta, à, đây là anh chàng tên là “Bác Ca” suốt ngày đi ngoài phố bán bánh. Khang Tiềm nhìn trong quán, thấy không có ai để ý đến bên này, bèn dần giọng hỏi: “Người làm phải không? Vợ ta đâu?”

Bác Ca sững sờ, rồi hoảng hốt: “Không, không ạ! Tôi chỉ... có người nhờ tôi đến lấy một thứ, chứ tôi không biết gì khác.”

Lúc này Khang Tiềm mới trấn tĩnh lại. Đời nào lũ khốn kia lại

đến lấy nên chúng phải nhờ thằng nhãi Bác Ca. Khang Tiềm bèn đưa cái túi thơm ra.

“Chỉ thế này thôi à?” Bác Ca cầm lấy, bắn khoăn.

Mẹ nó dẫn nó đến lấy, nó không rõ và cũng không dám hỏi mẹ làm việc này cho ai, lúc dặn dò, giọng bà hơi khác thường. Nó nhìn Khang Tiềm đang rất nghiêm nghị. Thì ra “hàng” chỉ có thế này.

Khang Tiềm: “Thứ trong thư nói là cần, ở cả trong này rồi.”

“Vâng.” Bác Ca gật đầu, cất cái túi vào ngực. Khang Tiềm vẫn gườm gườm nhìn nó, nó vội đeo đồ nghề quay người đi luôn, nhưng bị Khang Tiềm níu lại. Nó ngoảnh nhìn khuôn mặt nhăn nhúm như củ cải khô của Khang Tiềm. “Vợ ta ở đâu?” Giọng Khang Tiềm khàn khàn.

“Tôi không biết thật mà!” Bác Ca thấy sợ.

“Ai sai người đến, ta muốn gặp người ấy!”

Ánh mắt Khang Tiềm như cái dùi nung nóng, tóm khuỷu tay nó rõ chặt, nó càng thêm sợ, định bỏ chạy thì ánh mắt Khang Tiềm bỗng dịu xuống, tay cũng lỏng ra. Bác Ca lấy làm lạ, nhưng nó không nghĩ thêm gì nữa, chuồn luôn. Mẹ nó đã dặn không được về thẳng nhà, mà phải đi theo phố Cây Du Sùi đi vòng lên phía bắc. Bác Ca vừa đi vừa ngoái lại nhìn, Khang Tiềm không đi theo nhưng đứng ngoài cửa quán trà, như một cô hồn, vươn cổ nhìn nó.

Cứ nhìn bộ dạng Khang Tiềm thì biết, hình như vợ ông ta bị bắt cóc, kể cũng thực đáng thương. Bác Ca bất giác thở dài, nhưng nó lại tự cười mình. Mình là cái thá gì? Ngày nào cũng thế, canh năm đã dậy rồi đi mấy dặm đường đến hiệu bánh nhà họ Trịnh ở cầu Đắc Thắng mua chịu bánh, sáng ra, vác đi bán rong khắp các phố phường. Chân mỗi nhừ, cổ nói ngọt để lấy lòng khách; mỗi cái bánh bán vài đồng, cả ngày không kiếm nổi

trăm bạc, về nhà còn bị mẹ mắng nhiếc, thế mà mình còn dám thương hại người khác?!

Đi qua phố Cây Du Sùi, đến chỗ vắng, Bác Ca bày giá gỗ ra, đặt lồng bánh lên trên, rồi lấy cái túi thơm ra, thận trọng gỡ dây thắt miệng túi, mở ra xem. Có những vụn lá thơm, một viên thuốc khá to, một gói nhỏ giấy dầu. Bác Ca rất tò mò muốn biết, bèn mở gói giấy ra. Nhìn thấy thứ gói bên trong, hắn giật mình sợ quá kêu thét lên rồi ném luôn cả gói giấy xuống đất.

Đó là hai cái tai, tai người, máu còn dính nhớt.

Bác Ca rùng mình, toát mồ hôi, một lúc lâu sau mới trấn tĩnh được. Nó đánh bạo bẻ hai cành liễu, mím môi, khều hai cái tai ấy lên tờ giấy dầu, tai bị dính đất bụi cũng mặc kệ, hắn gói lại, rồi nhét vào túi thơm, buộc thật kỹ. Lần này không dám nhét vào bọc, nó nghĩ ngại, rồi tặc lưỡi thả vào cái lồng bánh. Đeo cái làn lên, nó cứ cảm thấy vai nhoi nhói đau như bị chuột cắn.

Nó đi vòng sang Tân Tổng môn ở phía đông, vào thành, rồi đi theo phố Đông Ngự phía tây, rồi mới vòng xuống phía nam. Lúc đi qua hiệu thuốc bà Sửu ở góc phố, Bác Ca nhớ rằng sáng sớm nay mẹ nói lại bị buốt óc, bà thường uống thuốc của bà Sửu, Bác Ca bèn rẽ vào mua mười viên Xuyên khung trừ phong.

Mua thuốc xong đi ra, Bác Ca lại rẽ sang phố Hương Nhiễm chuyên bán hương liệu, thuốc nhuộm, khắp con phố thơm ngào ngạt. Đi được một quãng, nhìn thấy một thanh niên vai quẩy gánh hàng, trời nóng bức nên thả cho áo chền tre xuống, lộ ra áo lót cũ rách bên trong, đang rao hàng “Ai mua quả khô, quả ướp mật, hạt dưa hạt dẻ không...” Là Lưu Tiểu Châu bán quả khô.

Bác Ca bước đến gọi: “Châu Ca, bán cho anh 10 đồng hạt phỉ.”

Lưu Tiểu Châu mặt gầy quắt, mắt ti hí, tay trái hơi ngắn hơn tay phải. Nó cười tí, đặt quang gánh xuống. “Bác Ca hôm nay dắt hàng không?”

“Tầm tầm thôi.” Bác Ca trả lời qua loa, đặt đồ nghề xuống, lấy túi tiền giắt cặp quần, trong đó có 9 xâu tiền - là tiền nó “bí mật” tích cóp từng đồng, nó đã xâu lại cho chặt, không kêu leng keng vì sợ mẹ và thằng em biết. Nó đưa ra một xâu 10 đồng, rồi lại cất túi đi.

Lưu Tiểu Châu mở mảnh vải đựng các túi quả khô, cầm cái muôi bằng mảnh quả bầu khô múc nửa muôi, lại thêm cho một nhúm nữa, dùng giấy dầu gói lại, đưa cho Bác Ca. Tay trái hơi có tật nhưng nó thao tác vẫn rất khéo.

Bác Ca lật mảnh vải đựng thúng sau của nó ra xem, thúng chứa đầy các loại mứt quả: quả tra, nho Hồi Mã, nhũ đường Tây Xuyên, kẹo sư tử, sương phong nhĩ, thị cao nhĩ, ô liu, cam, quýt, nhãn, vải, mơ, hương dước... thì trầm trồ: “Hàng của cậu chẳng thiếu thứ gì!”

Lưu Tiểu Châu gói gọn ghẽ rồi đưa cho Bác Ca, nó cười tít: “Phải thế chứ! Hiện nay người ta ngày càng kén ăn, ăn thứ gì đó vài lần là chán.”

“Đúng thế, năm ngoái tớ chỉ bán một thứ bánh rán, năm nay phải thêm ba thứ nữa mà vẫn ế hàng không bằng năm ngoái.”

Rồi Bác Ca chào nó, tiếp tục xách lồng bánh đi.

Đi một quãng không xa, nó nhìn thấy tấm biển “Cửa hàng họ Lương cho thuê ngựa” ở bên kia đường, có một cô gái mặc áo vải màu lục nhạt đang ngồi bên tường giặt quần áo. Đó là Tiểu Cửu.

Nhìn thấy Tiểu Cửu, Bác Ca nhoẻn cười rõ tươi.

Từ năm ngoái, nhà họ Lương thuê Tiểu Cửu làm chân sai vặt. Con bé thích ăn bánh rán nên rất hay mua bánh của Bác Ca, thế rồi dần quen nhau, trò chuyện vui vẻ hơn, tình cảm cũng dần nồng ấm. Bác Ca chưa từng thân thiết với cô gái nào, nay nó thấy rung động, ngày nào không nhìn thấy Tiểu Cửu thì nó cảm thấy bâng khuâng hằng huyệt.

Nhưng nhà họ Lương cai quản Tiểu Cửu rất sát sao, cấm con bé trò chuyện với người ngoài. Nó chỉ có thể nói chuyện vài câu với Tiểu Cửu lúc bán bánh, phần nhiều nó phải đứng xa nhìn, hoặc mỉm cười, về sau nó nghĩ ra một mẹo: dùng chút tiền dành dụm được mua kẹo, bí mật dúi cho con bé.

Bây giờ Bác Ca mỉm cười bước về phía Tiểu Cửu, Tiểu Cửu cũng đã nhận ra nó, bèn nhích mép cười, khuôn mặt nhỏ xinh, thân hình mảnh khảnh với bộ áo màu lá cây nhạt, Tiểu Cửu giống như con chim bói cá đậu trên cành liễu bên sông giữa mùa xuân.

Bác Ca chợt thấy mê mẩn, nụ cười càng tươi tắn, đầu đang đeo lồng bánh nhưng nó dần bước đi nhẹ tênh.

“Hôm nay muốn ăn bánh không?” Ngày nào nó cũng hỏi Tiểu Cửu một câu y hệt.

Tiểu Cửu vẫn ngồi đó vò giặt quần áo, nó thẹn, và cũng sợ chủ nhà và hàng xóm nhìn thấy, nên không dám ngẩng đầu, chỉ cười, nói: “Hôm nay không cần.”

“Thế à?” Bác Ca bỗng nhận ra Tiểu Cửu đang đeo mái tóc giả mà nó mua tặng, ở huyệt ấn đường lại đính đốm hoa<sup>[104]</sup> nữa, càng nhìn càng thấy xinh. Bác Ca nhìn cửa hàng nhà họ Lương, không thấy ai ngồi đó, nó bèn tì cái giá gỗ vào người, lấy ra một gói hạt phỉ tung xuống bên cạnh Tiểu Cửu, khẽ nói: “Cho Tiểu Cửu đây!”

Tiểu Cửu liếc nhìn cửa hiệu, rồi cầm gói quà lên cất ngay vào người, sau đó hơi nghiêng mặt cười với Bác Ca, ánh mắt nó rất vui, long lanh như hạt sương buổi sớm.

Trong cửa hàng bỗng vọng ra tiếng ho khe khẽ, cả hai đứa vội nhìn đi chỗ khác. Bác Ca giả vờ như không có chuyện gì, quay người bước đi, vừa đi vừa nhớ lại nụ cười của Tiểu Cửu, lòng nó dịu ngọt hơn cả mật ong. Mấy người đi đường nhìn nó cười như

thằng khờ, cũng thấy buồn cười.

Đi hết phố Hương Nhiễm, là về đến đường cái Biện Hà.

Đường phố đang rất náo nhiệt, người ra thành vào thành đông nườm nượp, cứ như đàn nòng nọc dưới nước, như đàn chim sẻ không ngớt bay qua bay lại. Ở góc phố, có đám đông đang đứng trước Tạp Úc điểm<sup>[105]</sup> của ông già Tra. Bên trong vọng ra giọng nói oang oang: “Hôm đó Công tướng quân Trương Giốc quát lớn một tiếng, cục thịt trên đỉnh đầu mọc dài ra hơn một thước...” Bác Ca thoáng nhìn vào bên trong, thì ra là người Thuyết thư Bành Chủy Nhi béo tròn, có đôi mắt lồi và bộ râu rậm chết khiếp, đầu búi tóc, mặc áo bào xám, choàng khăn nâu sẫm, trông chẳng giống ai. Bành Chủy Nhi đang trợn tròn mắt, nói rất hùng hồn.

Bác Ca tiếp tục đeo lồng bánh đi về hướng đông. Bỗng phía sau có tiếng gọi “Tôn Bột”, hắn nhận ra giọng người bạn hồi nhỏ tên là Triệu Mặc Nhi nhưng nó không muốn gặp, lúc này Bác Ca chẳng còn tâm trí nào để chuyện trò, bèn giả vờ không nghe thấy, rảo bước ra khỏi Đông Thủy môn, đi về phía cầu vòm.

...

Đầu cầu phía nam là quán ăn nhà họ Ôn, có hai cái ô to cắm sát ven đường, bên dưới ô treo cái biển nhỏ đề chữ “Ấm tử”, đó là sạp hàng nước của mẹ Bác Ca. Vì trời đã ấm lên, nhiều người ra ngoại thành chơi, nên tối nào mẹ Bác Ca cũng nấu vài nồi nước lê, nước mơ muối, nước cam thảo bày ở đầu cầu, kiếm chút tiền.

“Mẹ ơi!” Bác Ca bước đến bên sạp hàng, khẽ gọi.

Mẹ nó họ Doãn, tuổi ngoài bốn mươi, hồng mắt mười năm nay. Bà có khuôn mặt sáng sủa, chắc hồi trẻ cũng có chút nhan sắc. Doãn thị tính tình cứng cỏi, ưa sạch sẽ ngăn nắp, áo quần dù cũ kĩ nhưng ngày nào cũng thay. Giặt giũ, đương nhiên là Bác



Ca.

Lúc này Doãn thị đang nghiêng mặt sang bên nói chuyện với một người khách ngồi uống nước. Người ấy đang đồng dục kể về chuyện Lâm Linh Tố, chuyện thần tiên và điểm lành... Nghe thấy tiếng Bác Ca, Doãn thị đáp lời, giọng rất hiền từ: “Bác nhi, con đi suốt buổi sáng rồi, ngồi nghỉ uống bát nước lê đi!” Bà cầm cái gáo gỗ múc cho nó một bát.

Bác Ca vội nói: “Con không uống đâu mẹ ạ!”

Doãn thị dịu dàng: “Được! Lúc nào thấy khát thì uống! À, đã cầm được thứ đó về chưa?”

“Cầm về rồi ạ.”

“Con dắt mẹ vào nhà trong đi!”

“Vâng. Mẹ đi từ từ thôi...”

Người khách tấm tắc: “Mẹ hiền, con hiếu, thực hiếm thấy.”

Nhà hai mẹ con ở đằng sau quán nhà họ Ôn, Bác Ca khoác cái giá gỗ lên vai, rồi dắt Doãn thị đi về nhà. Vào nhà rồi, Doãn thị không cười nữa, nói: “Đóng cửa lại!”

Bác Ca đặt đồ nghề xuống, đóng cửa cài then.

“Đưa nó cho mẹ!”

Bác Ca mở lồng bánh, dùng hai ngón tay kẹp cái túi thơm nhấc ra, đặt vào lòng bàn tay mẹ. Doãn thị sờ nắn tỉ mỉ, rồi nói: “Được rồi! Con lại đi bán bánh đi!”

“Mẹ ạ, ông Khang nói là có người bắt cóc vợ ông ấy! Cái túi thơm này...”

Doãn thị hơi biến sắc mặt, lạnh lùng nói: “Không bàn nhiều, con đi đi!”

Bác Ca đành “vâng” rồi lại xách đồ nghề đi ra.

...

Biết nó đã đi xa, tiếng bước chân nó hòa lẫn vô số âm thanh

ngoài phố: tiếng cười nói, gặt gồng, tiếng lửa, tiếng bò kêu, tiếng bánh xe lăn lọc cọc... Doãn thị lại đóng chặt cửa, lắng tai nghe một chập, tin chắc trong nhà không có ai, bà ta mới đi vào buồng ngủ của mình.

Doãn thị bước đến bên cái tủ kê bên giường, lấy chùm chìa khóa đeo ở cổ xuống, rờ rẫm mở khóa tủ, rồi lại chọn một chiếc chìa khóa nhỏ mở cái hộp gỗ ra. Tay Doãn thị lần lượt sờ, kiểm tra các đồ trang sức trong hộp: một đôi vòng vàng đeo tai, ba chiếc nhẫn mã não, một cái xuyên bạc, ba chiếc thoa bạc, một cuốn giấy tờ nhà, ruộng đất, ba thỏi bạc - một thỏi ba lạng, hai thỏi một lạng. Tất cả vẫn còn nguyên vẹn.

Lúc này Doãn thị mới giở cái túi thơm cất trong người ra. Mùi thảo dược rất ngát hương. Bà vốn không hay tò mò, không thích nghe ngóng các chuyện riêng tư của người khác, và cũng lo các thứ trong túi thơm rơi ra mất mà mình lại không nhìn thấy, nên bà không mở túi thơm ra. Bà chỉ sờ nắn tỉ mỉ, thấy có một vật hình cầu, hai vật dẹt dẹt dai dai, không biết là thứ gì, và các mảnh vụn của cỏ thơm... Doãn thị cất luôn cái túi thơm vào hộp khóa lại, rồi lại đặt vào trong tủ, cũng khóa lại, rồi đeo dây chùm chìa khóa lên cổ, các chìa khóa thì thả vào trong vạt áo. Xong xuôi, Doãn thị lại lò dò bước ra khỏi nhà, men theo bức tường nhà họ Ôn, đi ra sạp hàng nước ngồi xuống, chờ người đến nhận hàng.

Cả khu nhà họ Ôn vốn là tài sản của chồng Doãn thị là Tôn đại lang. Bà lấy ông ta, sống ung dung được hai năm. Nhưng ông ta có máu cờ bạc, đã gán cả khu nhà chính mất hút, sau đó, một hôm ông ta say rượu đi trên cầu vòm trượt chân ngã xuống sông chết đuối, để lại cho bà hai đứa con nhỏ, ba gian nhà phụ đang xây dở, một thửa ruộng.

Người chồng đồn mạt như thế chết đi cũng tốt, Doãn thị tuy

vất vả nhưng cũng được yên ổn. Điều ám ức duy nhất của bà là thằng Bác Ca.

Bác Ca không phải con đẻ của Doãn thị, nó là con của người vợ trước của Tôn đại lang. Từ nhỏ đến giờ nó cũng ngoan ngoãn biết nghe lời nhưng bà vẫn thấy ghét nó. Sau khi bố chết, nó cứ như thằng câm, rất ít nói; nó thường nhìn người ta chằm chằm khiến ai cũng phát ớn. Doãn thị, sau khi bị mù thì tai trở nên rất thính, hề nghe thấy động tĩnh của Bác Ca, thậm chí nghe hơi thở của nó, là máu nóng bốc lên đầu. Tuy nhiên, dầu hàng xóm láng giềng không xì xào gì, bà cũng biết, sống thì không nên để cho máu nóng tùy ý dâng lên như thế.

Mấy năm nay quan hệ giữa hai mẹ con cũng gọi là yên ổn. Nhất là khi có mặt người ngoài, cả hai thường tỏ ra rất thân thiết. Hai bên đều hiểu ngầm là nên làm thế, dù chẳng ai nhắc nhở ai. Bác Ca “thể hiện” còn tình cảm hơn cả Viên Nhi là con đẻ của Doãn thị.

Bà thật sự hết lòng cho Tôn Viên. Nó ít hơn Bác Ca một tuổi nhưng linh lợi hơn nhiều. Có điều, chắc là vì được cưng chiều từ bé nên Tôn Viên luôn sợ vất vả, lại có tính khệnh khạng. Đi học thì phá quấy, rồi bị đuổi học; đi theo người ta học cách buôn bán thì không chịu khó chịu khổ, làm việc qua loa đại khái chẳng theo ai được lâu, không nên trò trống gì. Nó đã hai mươi tuổi mà vẫn lêu lổng, là thằng nhãi vô tích sự...

“Mẹ ơi...” Doãn thị đang nghĩ ngợi thì nghe tiếng Tôn Viên gọi. Giọng nói của nó cũng hơi hột, không ổn định.

Bà hỏi: “Con đi kiểm hàng với bác Cừ kia mà, sao lúc này lại về nhà?”

Tôn Viên lầu bầu: “Con cầm đầu cầm cổ đi đến nơi, bác ấy vẫn chê là đến muộn, chê là lười nhác. Theo bác ấy nửa tháng, chạy sai cả chân, thế mà bác ấy chỉ đưa con 300 đồng thì con uống

nước lã mà sống à? Con bực mình, bỏ về luôn.”

Doãn thị mắng luôn: “Mẹ phải nói dứt cả lưỡi, bác Cừ mới chịu nhận con, con chẳng chịu làm việc cho nghiêm chỉnh gì cả! Chỉ làm chân sai vặt, đếm hàng, lại được nuôi cơm còn gì? Hôm kia con đếm nhầm mấy bao hương liệu, khiến bác ấy bị lỗ mấy quan tiền, bác ấy đã không phạt tiền mà vẫn cho con tiền, con còn chê ít à?”

Tôn Viên gầm lên: “Con đang đếm hàng thì ông ấy cứ đứng bên lầu bầu mãi, không đếm sai mà được à?”

Doãn thị tức quá không nói được nữa, chỉ nghe thấy Tôn Viên cầm gáo múc nước lê rồi uống ừng ực... đang định mắng nó thì nó đã thở mạnh, đứng lên bước đến bên cạnh bà, nắm cánh tay bà, người nó có mùi thơm của hương liệu. Nó cười hể hể, nói: “Mẹ đừng cáu nữa, con đã tìm được việc làm rất hay. Triều đình đã bãi bỏ Tam xá pháp và khôi phục khoa cử, thì từ nay các sĩ tử sẽ nuøm nượp kéo nhau về kinh đô, con sẽ kiếm ra tiền từ bọn họ. Con đã bàn với gã Hồ “to xác” ở cửa hàng in sách bên ngoài Vọng Xuân môn để in những thứ sách mà các sĩ tử cần. Mẹ yên tâm chờ con kiếm ra tiền to, sẽ phụng dưỡng mẹ đến nơi đến chốn, có điều...”

Doãn thị ngắt lời nó: “Lại cần tiền chứ gì?”

Tôn Viên xoa cánh tay Doãn thị: “Bàn chuyện làm ăn thì ít ra cũng phải uống trà, nhấm nháp vài món, chứ con đâu có thể cứ ăn của người ta mãi?”

Nó quyết không buông tha, Doãn thị đành mở túi tiền ra đưa nó ba mươi đồng: “Đồ vô tích sự, cầm đi!”

Tôn Viên kêu ca: “Mấy đồng này chẳng đủ uống ấm trà, chỉ có thể đến chỗ mẹ ngồi phệt xuống đất uống mấy bát nước lê!”

Doãn thị mắng: “Mẹ ngồi cả buổi sáng chỉ bán được mấy chục đồng, con không xót tiền thì cũng nên xót mẹ mù lòa mới phải

chứ?”

Tôn Viên không dám ho he nữa, vội cầm tiền rồi chạy biến.

Doãn thị thở dài, chẳng rõ thằng con này khi nào mới đi vào con đường ngay thẳng.



## Đánh Tráo

*Nhân đa tư lự bất năng tự ninh, chỉ thị tác tha tâm chủ bất định.*

*Yêu tác đắc tâm chủ định, duy thị chỉ ư sự<sup>[106]</sup>.*

*- Trình Di*

Doãn thị chờ gần hai canh giờ thì có một người đến ngồi vào ghế đầu trước sạp hàng. Doãn thị ngửi thấy mùi hương nhẹ nhẹ, trong đó có mùi trầm hương, mùi trà xuân sớm và mùi đinh hương - hương liệu mà người này dùng để xông hương. Bà biết ngay đây là người bảo bà đi lấy hàng. Đúng thế, nam giới trẻ tuổi hạ thấp giọng vốn rành rọt của mình, nói: “Chị Doãn, tôi đây mà! Đã đem hàng về chưa?”

“Dem về rồi, theo tôi vào mà nhận.” Doãn thị cũng nói nhỏ, rồi cầm cái gậy đứng lên, dò dẫm đi vào nhà trong.

Hai hôm trước ngày Hàn thực, nam giới này đến đây uống bát nước mơ muối, khi xung quanh vắng người, anh ta mới khe khẽ bàn chuyện làm ăn này với Doãn thị: chỉ 1 quan tiền thuê đi nhận một thứ, ứng trước 200 đồng.

Ở vịnh sông Biện Hà này tập trung vô số người làm ăn, Doãn thị cũng đã từng nhận đi lấy hàng thuê cho khách, thường chỉ được trả công 100 đồng là nhiều nhất. Bà kinh ngạc, ngờ ngợ, nhưng lại nghĩ đâu phải chuyện trộm cắp bất nhân gì, chỉ là nhận hàng cầm về hộ người ta, nên nhận lời ngay. Anh ta lập tức đưa ra ba xâu tiền.

Doãn thị đếm. Mỗi xâu chỉ có 70 đồng chứ không phải 75 đồng như ngoài chợ. Các ngành nghề dùng các xâu tiền khác

nhau, xâu 70 đồng là con số của nghề thư họa, chắc anh ta muốn thuê đi nhận tác phẩm thư họa quý giá, bèn hỏi: “Anh là người môi giới thư họa à?”

Anh ta chỉ đáp: “Chị khỏi cần hỏi, cứ chịu khó làm đi, thế thôi.”

Doãn thị cũng biết điều, họ chịu chi lắm tiền để làm việc, tất nhiên có ẩn ý mà không muốn cho ai biết nên không hỏi nữa, chỉ nghe anh ta dặn dò cách thức nhận hàng. Nghe xong, thấy rất khác thường nên bà hơi sợ. Anh ta hình như cũng đoán ra tâm trạng của Doãn thị, bèn cười, an ủi: “Đừng sợ. Nhận hàng về giao cho tôi là xong. Các chuyện khác không liên quan đến chị. Không có rắc rối gì hết.”

Bà vẫn thấy lo lo, nhưng lại nghĩ: cứ giao việc này cho Bác Ca, nếu xảy ra chuyện... Bà vốn khó chịu với Bác Ca, tình cảm không có mấy, nhưng bà cũng không có ý xấu với nó. Bây giờ nảy ra ý nghĩ này bà cũng rất bất an, nhưng đã nhận lời với khách, và... có lẽ sẽ không xảy ra chuyện gì hết.

Bây giờ đã lấy hàng về, giao cho anh ta là hết chuyện. Doãn thị dẫn anh ta vào nhà, bảo cứ chờ ở nhà ngoài, sau đó bà vào nhà trong lấy chìa khóa ra mở tủ, mở cái hộp gỗ, lấy cái túi thơm, rồi quay ra đưa nó cho anh ta.

Bà nghe thấy tiếng loạt soạt, ngửi thấy mùi hương... chắc anh ta đang xem xét các thứ trong túi thơm.

“Không đúng!” Anh ta bỗng nói.

“Sao thế?”

“Thứ trong này đã bị đánh tráo!”

...

Trời đã muộn, mà Bác Ca vẫn còn già nửa lồng bánh chưa bán được. Trời nóng, bánh ủ cả một ngày nên đã hơi có mùi, không

thể trộn lẫn bánh ngày mai để bán, tiền vốn đã hơn hai trăm đồng. Mọi ngày nếu ế hàng, nó sẽ tìm những người nghèo túng hoặc mấy bà phụ nữ tham của rẻ, bán hạ giá cho gọn, nhưng hôm nay đi khắp mấy phố mà chẳng ai thiết mua. Đem về, sẽ ăn nói với mẹ ra sao đây?

Đang ngao ngán, bỗng nghe thấy tiếng lợn kêu eng éc, thì ra là chuồng lợn của nhà ai đó. Đành vậy, hôm nay tạm dùng tiền riêng đưa cho mẹ, còn tiền mua chịu tiệm bánh nhà họ Trịnh để mai tính sau. Nó bước đến chuồng lợn trút lồng bánh vào, chỉ giữ lại vài cái bánh rau cay để ăn, vì lúc này nó cũng hơi đói bụng. Nó vừa ăn vừa đi về nhà.

Thực ra từ sau khi cha chết, nhà này đã không còn là nhà nữa rồi. Chưa bước vào cửa đã cảm thấy ánh mắt vô hình gai lạnh của mẹ nó phóng qua không khí, dù bà ấy mù lòa. Nó sợ người mẹ này, từ bé đã sợ. Bà ấy rất ít mắng nhiếc và cũng không đánh đập gì, thậm chí hiếm khi nhìn nó. Nhưng người bà ấy toát ra cái lạnh giá băng, áp đảo nó, khiến nó không dám cự quậy và càng không dám cười. Sau khi bà ấy bị mù, thì hình như bà ấy lại mọc ra đôi mắt khác, dù nó nấp ở đâu bà ấy vẫn nhìn thấu tim gan nó. Cho nên nó luôn phải thận trọng rón rén, dù nó đã trưởng thành.

Bác Ca thường nghĩ thế này: nếu mẹ chưa mù, thì tình hình sẽ khá hơn chẳng?

Vì nó, nên mẹ nó mới bị mù!

Mười năm trước, nước lũ Biện Hà dâng cao ngập hết hai bờ, tràn vào nhà. Lúc đó là sáng sớm, nó và thằng em Tôn Viên mới thức dậy đang định mặc quần áo thì mẹ từ sân chạy vào kêu ầm ĩ. Tôn Viên nhìn thấy nước, nhanh trí nhảy qua cửa sổ thoát ra, còn Bác Ca, vì sợ bị mẹ mắng là chưa mặc quần áo nên vội vơ quần áo choàng lên người, thế là chậm trễ, nước tràn vào nhà và



cuốn nó trôi đi không kịp kêu một tiếng. Nó bơi giỏi từ bé, nhưng nước xô quá mạnh đã đánh ngất nó, nó không biết gì nữa. Khi tỉnh lại mới biết mình bị nước cuốn ra ngoài phố; mẹ nhảy ra cứu nó, thì bị cành cây đâm vào mắt.

Sau đó bà không nói gì cũng không oán trách nó, nhưng bà con hàng xóm thường kể lại và chính nó cũng hay nhắc mình: nó mắc nợ bà mẹ một đôi mắt.

...

Bác Ca đeo lồng bánh bước lên cầu vòm, trời đã âm u, hàng quán đôi bờ đã châm đèn thấp nển, trông cứ như hai dải ngọc minh châu lấp lóe; thuyền bè đậu bên sông cũng bắt đầu sáng đèn. Bờ tây bắc cây cầu có con thuyền chở khách thấp hơn chục ngọn đèn sáng choang soi rõ bóng mấy người đi đi lại lại. Hôm nay dân phố đang xôn xao bàn tán sự kiện “thuyền tiên” đâm vào thuyền chở khách, chắc là con thuyền này.

Gió sông nhẹ nhẹ thổi đến mát rượi, Bác Ca bỗng nhớ đến Tiểu Cửu, nếu lúc này có Tiểu Cửu cùng đứng đây ngắm cảnh thì hay biết mấy... nhưng Bác Ca chợt nhớ đến mẹ, nó không dám nghĩ nữa, vội sải bước đi xuống cầu.

Bước về đến cửa nhà, thấy nhà tối om không đèn đóm gì cả.

Nó khẽ đẩy cửa, nhẹ chân bước vào. Trong nhà im lặng không tiếng động, nó khẽ gọi “mẹ ơ” nhưng không thấy trả lời. Lạ nhỉ? Bác Ca hạ lồng bánh và giá gỗ xuống cất sang bên, lần sờ bậu cửa sổ lấy hòn đá lửa, đánh lửa châm vào bùi nhùi, rồi thắp đèn. Nó nhìn thấy Doãn thị ngồi ngay ngắn trên cái ghế tựa lưng vào tường, đối diện cửa ra vào, sắc mặt có vẻ không bình thường.

Nó lại khẽ gọi “mẹ...” thì Doãn thị mới hơi động dậy khoe mép, vẻ mặt giãn ra, rồi mỉm cười: “Về rồi à? Mệt phải không?”

Bác Ca giật mình, vì chỉ khi có mặt người khác, bà ấy mới nói

với nó kiểu như vậy. Nó đứng ngây người không biết nên trả lời ra sao.

Mẹ nó vẫn mỉm cười: “Bột Nhi, ngồi xuống, mẹ có chuyện muốn hỏi con.”

“Dạ... là gì ạ?” Nó càng kinh ngạc. Ở nhà, mẹ hiếm khi gọi nó như thế. Nó tên là Bột, vì đi bán bánh nên người ta gọi nhầm nó là “bác”<sup>[107]</sup>. Nó rón rén bước lại bên bàn ngồi xuống ghế.

“Bao năm qua, mẹ kể đối xử với con ra sao?”

“Mẹ...” Bác Ca mở to mắt, lúng túng.

“Lúc này chẳng có ai khác, mẹ con ta không cần giữ kẽ, nói cho đẹp. Mẹ không phải mẹ đẻ của con, mẹ không thể thương yêu con như thằng Viên Nhi, người mẹ nào cũng khó mà làm thế được. Mẹ tự biết, và con cũng biết. Nhưng mẹ dám nói ra trước mặt thần phật hoặc vong linh cha mẹ con, rằng mẹ thiên vị Viên Nhi thật nhưng cũng không xử tệ với con. Mấy năm nay con đi bán bánh, tiền kiếm ra, một nửa để chi tiêu sinh hoạt, nửa còn lại mẹ vẫn dành dụm, được 30 quan tiền. Ngoài ra, thửa ruộng của nhà này đem cho thuê, mỗi năm cũng được ít tiền, mẹ cũng để lại được một ít, là hơn 30 quan tiền. Mẹ đã đổi thành bạc...”

Lúc này Bác Ca nhận ra tay mẹ đang cầm một cái túi nhỏ, rất nặng. Doãn thị đặt túi đó lên bàn, rờ rẫm, cởi miệng túi ra. Bên trong là hai đĩnh bạc thon thon, lấp lánh dưới ánh đèn. Bác Ca nhìn thấy hàng chữ khắc trên đĩnh bạc: “Kinh ngân đĩnh nhất thập ngũ lượng”.

“Mấy năm qua Viên Nhi tiêu tốn hơn cả thế này. Cho nên, số bạc này thuộc về con. Con cầm lấy, giữ kín đừng để ai nhìn thấy.”

“Mẹ...”

“Cha con không để lại cơ nghiệp gì, chỉ có ba gian nhà ọp ẹp và một thửa ruộng, nhưng vẫn cứ là tài sản. Chiều nay mẹ đã

nhờ ông Ôn chủ hiệu viết hộ giấy tờ phân chia tài sản: nhà cửa, ruộng, hai anh em mỗi đứa một nửa. Hai đứa sẽ điểm chỉ, rồi đem đến nha môn đóng dấu. Cả hai đã trưởng thành rồi, nếu muốn tách ra tự mình...”

“Chuyện này là thế nào hả mẹ?” Bác Ca kinh ngạc, sống lưng lạnh toát.

Đôi mắt lòa của Doãn thị nhìn về phía nó, vẻ mặt nghiêm túc: “Hãy nghe câu cuối cùng của mẹ: hai chúng ta là mẹ con bấy lâu, mẹ chưa cầu xin con điều gì, nhưng hôm nay mẹ xin con hãy trả lại cho mẹ cái túi thơm kia đi?”

“Túi thơm? Trưa nay con đã đưa mẹ rồi mà?”

“Nhưng thứ bên trong đã bị đánh tráo.”

“Ơ kìa? Ông Khang Tiềm đưa cho con, sau đó con cầm về đưa cho mẹ. Hay là ông ta đã đưa nhầm?”

“Lúc trưa con cũng nói là túi thơm liên quan đến tính mạng của vợ ông ta, ông ta không dám làm sai đâu! Sau đó túi thơm này qua tay con rồi đến tay mẹ.”

“Mẹ ạ, con không làm gì hết! Xem cũng không dám xem!”

“Bột Nhi, mẹ xin con đấy! Mẹ không phải mẹ đẻ của con nhưng Viên Nhi là em con. Hôm nay người nhận hàng đến, nói là nếu không trả lại thứ trong túi thơm thì họ sẽ bắt đền bằng một cái chân của Viên Nhi!” Doãn thị bỗng rít lên, khuôn mặt cũng méo xệch.

Bác Ca đang định giải thích thì bỗng nghe có tiếng gõ cửa. Hai mẹ con bỗng im bật.

Bác Ca ra mở cửa, ngoài cửa tối om, một người đứng đó không nhìn rõ mặt.

Bác Ca chưa kịp hỏi thì người ấy đã nói ngay: “Vợ ta đang ở đâu?”

Thì ra là Khang Tiềm, lúc trưa giao hàng. Sao ông ta lại tìm

đến đây?

Bác Ca giật mình lùi lại mấy bước. Khang Tiềm xông vào nhà túm cổ áo Bác Ca hỏi luôn: “Vợ ta ở đâu, ở đâu?”

Dưới ánh đèn, mặt ông xám xịt, gân xanh nổi lên, hai mắt lồi ra, vằn đỏ.

...

Sáng sớm hôm sau, Triệu Mặc Nhi vào thành thì nhìn thấy có người đang đứng trước mái che nắng của sạp thư tụng nhà mình. Là Bác Ca.

Ngày trước học lớp đồng ấu, Bác Ca và Triệu Mặc Nhi rất thân nhau, luôn cùng nhau đi đến trường... Về sau cha mất, Bác Ca thôi học. Kể từ đó cả hai đôi lúc mới nhìn thấy nhau nhưng Bác Ca có ý tránh mặt.

“Tôn Bật!” Triệu Mặc Nhi tươi cười chào hỏi.

Bác Ca hôm nay không đeo lồng bánh, nó gượng cười nhìn Triệu Mặc Nhi, hơi do dự, rồi nói: “Mẹ tớ có việc muốn nhờ cậu cậu.”

“Là việc gì thế?”

“Mẹ tớ đánh mất một thứ, muốn nhờ cậu tìm giúp. Liệu cậu có thể...”

“Đi ngay bây giờ à?”

“Ừ!”

Triệu Mặc Nhi nhận lời luôn, vì Bác Ca chưa từng nhờ vả bao giờ.

Cả hai ra khỏi cổng thành, đi qua cầu vòm rồi đi tiếp. Dọc đường Bác Ca chỉ im lặng, tâm trạng nặng nề. Triệu Mặc Nhi cũng không hỏi gì.

Đến nhà Bác Ca, Doãn thị nghe tiếng động đoán biết, bèn bước ra đón: “Cháu Mặc Nhi phải không đấy?”

“Chào cô Doãn, cháu đây. Cô vẫn khỏe chứ?” Ngày trước Triệu Mặc Nhi đã từng được ăn bánh Doãn thị tự tay làm.

“Cô có một việc rất cần cháu giúp đỡ ngay, cô xin nói thẳng, không giữ kẽ.”

“Cô cứ nói đi?”

“Cô bị mất một thứ rất quan trọng, nếu không tìm ra thì em Viên Nhi của cháu sẽ gặp rắc rối to.” Doãn thị vốn bộc trực tự tin, lúc này cũng tỏ ra rất lo lắng.

“Đó là thứ gì ạ?”

“Cứ vào đây với cô...”

Doãn thị dò dẫm đi vào buồng ngủ bên trong, Triệu Mặc Nhi vào theo. Gian này rất chật, chiếc giường gỗ chạm hoa cũ kỹ đã choán mất quá nửa, bên cạnh là chiếc tủ gỗ sơn đen bong tróc, góc nhà đặt chiếc hòm gỗ cũ, hai cái hũ sành, một cái bàn nhỏ bên cửa sổ, trên đó có vài cái chai lọ, hộp gỗ. Cửa sổ rất bé, giấy dán đã ố vàng. Cả căn phòng rất tối.

Doãn thị tháo chùm chìa khóa đeo ở cổ xuống, mở khóa tủ, sờ xuống tầng đáy lấy ra một cái hộp gỗ nhỏ sơn đen, hộp có khóa đồng. Doãn thị dùng chìa khóa mở hộp, rồi nhấc cái túi thơm ra đưa cho Triệu Mặc Nhi: “Cái túi này, thứ trong túi bị người ta đánh tráo hôm qua.”

Triệu Mặc Nhi cầm cái túi thơm đáy xanh lam, thêu vân hoa mai sợi ngân tuyến, ở một góc thêu chữ “Hoa”. Đây là sản phẩm của phường Hoa Bách Lý Cẩm. Cậu mở túi, thấy những vụn hoa thơm, một viên thuốc tròn đã vỡ làm hai nửa, một gói giấy dầu. Mở ra, thấy bên trong là hai nửa quả mút hồng dẻo, mặt trong của giấy dầu có vết máu và một ít vụn đất.

“Trong này vốn là thứ gì?”

“Cô cũng không biết. Cô chỉ sờ, ngửi, rồi cất đi.”

“Sao cô biết là bị đánh tráo?”

“À, cô thực đáng trách vì tham tiền, mấy hôm trước có người đến đây đưa một quan tiền nhờ cô đi lấy một thứ, cô chẳng nghĩ nhiều, nhận lời ngay. Hôm qua cô bảo Bột Nhi đi lấy, lấy về, nó đưa cho cô cất vào hộp này khóa lại. Buổi chiều người ấy đến, cô đưa cho, thì người ấy nói đã bị đánh tráo. Bây giờ cô nhớ lại, đúng là lúc mới cầm túi, cô sờ thấy nó hơi khác với bây giờ thật! Người ấy hẹn trong vòng ba ngày nếu không tìm ra thì bắt đền bằng một cái chân của Viên Nhi. Cả đêm Viên Nhi không dám về, cho đến giờ vẫn không thấy nó đâu...” Doãn thị nói giọng run run, đôi mắt lòa nhìn lên khoảng không, vẻ mặt đầy lo lắng.

Triệu Mặc Nhi nhìn chòm chìa khóa của Doãn thị. Cậu nhớ ra, hồi nhỏ đến nhà Bác Ca chơi, đã nhìn thấy bà mẹ đeo chòm chìa khóa này ở cổ, có lẽ cái hộp gỗ cất giữ những thứ quý giá. Bà ấy hồng mắt, tất nhiên sẽ càng cảnh giác, không ai đánh cắp được chòm chìa khóa, trừ phi cố ý cướp đoạt.

“Chìa khóa, thường có một đôi. Chiếc chìa dự phòng kia đâu?”

Doãn thị ngớ ra, nghĩ ngợi, rồi đáp: “Đã mất từ hơn chục năm trước. Nó đi theo chú ấy!”

Triệu Mặc Nhi nhớ ra: chồng Doãn thị ngã xuống sông chết, từ hơn chục năm trước, nước sông chảy xiết không tìm thấy xác. Bộ chìa khóa kia ông ta mang theo người, đương nhiên cũng mất luôn.”

“Hay là, lúc khóa, cô không khóa kĩ?”

“Không đâu! Lần nào cũng thế, cô luôn kiểm tra lại. Hôm qua đương nhiên kiểm tra rất cẩn thận.”

“Lúc mở tủ, ổ khóa vẫn khóa chặt chứ?”

“Vẫn rất chặt.”

“Cửa buồng thì sao?”

“Cất cái túi thơm xong xuôi cô đi ra, cũng khóa cửa. Khi vào để lấy ra, cửa vẫn khóa chặt. Sau khi người ấy ra khỏi nhà, cô

cũng sờ cửa sổ, cửa sổ cũng đóng chặt, người ngoài không thể vào được. Riêng cửa buồng thì Bột Nhi và Viên Nhi đều có chìa khóa.”

Triệu Mặc Nhi gật đầu, ngẫm nghĩ, rồi lại hỏi: “Nhận cái túi thơm ở đâu? Hay là, khi nhận, thì túi đã bị đánh tráo rồi?”

“Ông Khang đưa cho. Ông ta không làm thế đâu. Tối qua ông ta còn đến tận đây quát mắng, đòi vợ ông ấy về...”

“Vợ ông ấy?”

“Ông ấy nói là người nhận hàng này đã bắt cóc vợ ông ấy, ông ấy phải dùng cái thứ trong túi thơm này để đổi.”

“Tức là, không đời nào ông Khang lại đánh tráo. Cho đến giờ, túi thơm đã qua tay 5 người...”

Triệu Mặc Nhi bỗng ngoảnh nhìn ra nhà ngoài, Bác Ca đã đứng ở cửa từ lúc nào không biết, vẻ mặt nặng nề, nhìn Doãn thị bằng ánh mắt lạnh lùng, cứng rắn và thoáng có nét hằn dạn. Triệu Mặc Nhi ngạc nhiên. Doãn thị là mẹ kế của Bác Ca, cậu ta từ nhỏ đã rất sợ Doãn thị, cậu ta không dám ngẩng nhìn hoặc nói to khi nói chuyện với bà. Lúc này cậu ta trợn mắt nhìn thẳng Doãn thị.

Ánh mắt Bác Ca chuyển sang nhìn Triệu Mặc Nhi, và lạnh lùng nói: “Tôi không hề đụng đến thứ trong đó.”

“Chẳng phải anh thì ai vào đây? Anh muốn hại hai mẹ con tôi...” Doãn thị gay gắt hỏi vặn lại.

“Cô Doãn đừng sốt ruột. Ông Khang và người lấy hàng nói trong cái túi là thứ gì?”

Doãn thị đã bình tĩnh hơn, khẽ nói: “Người lấy hàng không chịu nói, còn ông Khang thì tối qua nói rằng trong viên thuốc có một hạt ngọc, trong gói giấy dầu có hai cái tai.”

“Tai?” Triệu Mặc Nhi sửng sốt.

“Ông ta nói là tai người.”

“Tai của ai?” Thoạt đầu Triệu Mặc Nhi nghĩ chỉ là chuyện vặt

vẫn gì đó, bây giờ cậu mới biết sự việc không hề đơn giản.

“Ông Khang không nói, chỉ nói là một người khác đưa cho ông ta, ông ta chỉ thoáng nhìn, cũng không mở tờ giấy dầu ra, sau đó đưa cho Bác Ca.”

“Có lẽ đã bị đánh tráo trước khi đến tay ông Khang cũng nên.”

“Ông ta còn nói người đưa cho mình, là người tuyệt đối đáng tin cậy.”

Triệu Mặc Nhi lại nhìn Bác Ca, Bác Ca cũng đang nhìn cậu bằng ánh mắt “tôi bị nghi oan”. Triệu Mặc Nhi hỏi Doãn thị: “Các thứ khác trong hộp thì sao?”

“Vẫn còn, chỉ thiếu một thỏi bạc nhỏ, tôi đã có nó từ chục năm trước.”

“Lần cuối cô nhìn thấy Tôn Viên là khi nào?”

Doãn thị, mặt biến sắc: “Chiều qua, tôi đã cất túi thơm rồi đi ra, thì nó về nhà một lần nhưng chỉ ngồi sạp hàng một lát, rồi nó đi chứ không vào nhà, tôi nghe thì biết. Và, Viên Nhi lêu lổng thật nhưng nó chưa từng trộm cắp thứ gì ở nhà, khi cần tiền thì nó xin tôi. Bao năm qua nhà tôi chưa từng mất một đồng. Tôi cũng không cho nó biết chuyện cái túi thơm, sợ nó nói ra ngoài...”





*Quân tử ư thiên hạ đạt thiện đạt bất thiện, vô vật ngã chi tư<sup>[108]</sup>.*  
- Trương Tải

Triệu Mặc Nhi cáo từ Doãn thị và Bác Ca, cậu rất băn khoăn.

Tưởng như chỉ là chuyện nhỏ trộm cắp cái túi thơm, nhưng không phải thế, cái túi thơm ấy liên quan đến tính mạng của vợ Khang Tiềm, liên quan đến hai cái tai, thậm chí là một mạng người.

Hôm nay Triệu Bất Vưu bảo cậu một mình ngồi quây Tụng thư, nhưng sáng ngày ra đã gặp ngay vụ án này. Triệu Mặc Nhi hơi hối hận, nếu sớm biết sự việc nghiêm trọng thế này thì mình nên từ chối ngay từ đầu mới phải. Nhưng cậu lại nhớ lời anh trai dặn dò: chú đã trưởng thành, không nên ỷ lại anh trai, chú nên mạnh dạn đứng ra làm việc độc lập. Bao năm đi theo anh trai, cậu đã chứng kiến rất nhiều sự việc, chỉ cần nỗ lực thì có lẽ cậu sẽ càng đáng tốt.

Triệu Mặc Nhi bèn tự nhủ không nên do dự nữa, hãy điều tra vụ này đến nơi đến chốn.

Cậu đã xem xét kỹ cửa ngõ, tủ, cái hộp, các ổ khóa nhà Doãn thị, tất cả đều bình thường, cửa sổ khung vuông, then cài bên trong rất chắc, giấy dán cửa sổ đã cũ, chỉ có vài vết rạn rìa. Doãn thị và Bác Ca nói mấy hôm nay họ không mở cửa sổ, đúng thế, các khe cửa đều bám bụi không ai lau chùi. Riêng cửa sổ buồng ngủ của Doãn thị có vài dấu tay, bà ta nói: sau khi biết túi thơm bị đánh tráo, bèn bước đến kiểm tra cửa sổ xem sao; cửa sổ nhìn

ra ngoài đường, dịp thanh minh có đông người qua lại, kẻ xấu định cạy cửa cũng không có cơ hội.

Còn cái tủ trong buồng ngủ của Doãn thị, là tủ cũ nhưng được đóng bằng gỗ hạch đào không mối mọt. Ổ khóa không có dấu vết bị cạy, các tấm kệ bên trong, các khe tủ cũng vẫn im ắng không có dấu vết gì lạ. Cái hộp gỗ cất túi thơm, làm bằng gỗ nam mộc, các góc hộp đều được bịt đồng, đều phẳng phiu, ổ khóa cũng nguyên lành.

Muốn đánh tráo thứ để trong túi thơm, chỉ có thể là đánh tráo trước khi giao túi thơm cho Doãn thị, hoặc lấy trộm chùm chìa khóa mà bà ta đeo trên cổ.

Biết đâu, ban đêm Doãn thị ngủ say thì lấy trộm chùm chìa khóa? Nhưng, kể từ lúc cất túi thơm vào đến lúc lấy nó ra, khoảng gần hai canh giờ và đều là ban ngày; Doãn thị cất túi đi rồi trở ra bán hàng nước, Tôn Viên trở về và ngồi gần mẹ... giả sử nó “có tài” lấy trộm được chùm chìa khóa, hành động xong, nó đeo trở lại cổ bà mẹ như thế nào? Bà ta mù thật nhưng rất thính rất nhạy bén, việc này không thể làm nổi. Huống chi, hàng nước bày bên đường phố đông người qua lại, Tôn Viên không thể “thao tác” mà không bị lộ.

Có lẽ, vật để trong túi thơm đã bị đánh tráo từ trước, rồi mới đến tay Doãn thị.

Ai đã đánh tráo?

Hiện giờ được biết năm người đã “cầm vào cái túi thơm” là: người giao cho Khang Tiềm, Khang Tiềm, Bác Ca, Doãn thị và người nhận hàng.

Khang Tiềm nói người giao túi cho ông ta, là người hoàn toàn đáng tin cậy, nhưng Triệu Mặc Nhi không thể không nghi ngờ; tạm gọi là tồn nghi.

Còn Khang Tiềm, vợ ông ta bị bắt cóc, kẻ xấu đòi trao đổi bằng

thứ cất trong cái túi thơm; về lý mà nói, Khang Tiềm không đánh tráo làm gì. Tuy nhiên, biết đâu có khả năng khác, chưa rõ...

Còn Bác Ca, anh ta nói sau khi nhận cái túi thơm thì không mở xem, cầm về đưa cho mẹ; khi kể lại, vẻ mặt Bác Ca tỏ ra rất chân thật. Anh ta vốn chất phác thật thà, tuy nhiên, vẫn là “nghỉ phạm” lớn nhất. Nếu đúng là Bác Ca đánh tráo, thì động cơ là gì? Trong túi thơm có viên ngọc là đáng giá, Bác Ca vì tiền chăng? Nếu thế thì chỉ cần lấy viên ngọc, đâu cần lấy “đôi tai người” làm gì? Cho nên, có thể loại trừ Bác Ca.

Còn Doãn thị, chắc bà ta không vì lòng tham mà đánh cược đứa con đẻ của mình.

Người nhận hàng thì sao? Rõ ràng là túi thơm ấy rất quan trọng đối với anh ta, anh ta rất sợ bị lộ hành tung, nên không đến nỗi nhận hàng rồi lại tiếp tục dọa dẫm vùi tiền Doãn thị.

Trước mắt chưa thể có kết luận gì, mình cần gặp khổ chủ Khang Tiềm xem sao đã.

...

Biện Lương có bốn dòng sông chảy qua là Biện Hà, Sái Hà, Kim Thủy và Ngũ Trượng. Sông Ngũ Trượng từ phía bắc Tân Tào Môn phía đông thành chảy ra, giữa sông có cây cầu nhỏ là Tiểu Hoàn Kiều, hai bờ sông là hai dãy phố. Nơi này vốn rất vắng vẻ, hơn chục năm trước thiên tử Triệu Cát nói xung quanh Biện Lương quá bằng phẳng, không có núi non phong cảnh, nên đã cho vận chuyển kỳ hoa dị thảo, đá cảnh bằng đường thủy Hoài Hà, Biện Hà về kinh thành, gọi là “Hoa Thạch cương”. Sau vài năm nỗ lực, đã đắp nên một trái núi đặt tên là “Cấn Nhạc” ở đông bắc ngoại thành với vài dặm chu vi cây cối rậm rạp, cảnh sắc rất nên thơ.

Quan lại và nhà giàu đều đến thụ hưởng, xây cất nhà cửa vườn tược ở đông bắc ngoại thành, vùng Tiểu Hoàn Kiều cũng dần trở nên náo nhiệt. Ở đầu phía tây đường bờ bắc có một hiệu buôn bán đồ cổ, sách, tranh, trước cửa treo lá cờ gấm màu nâu, viết mấy chữ “Hiệu cổ vật họ Khang”, nền gấm đã bạc màu, các bên mép cũng đã sờn. Bên trong bày rất nhiều cổ vật là kim khí, đá, lọ bình thư họa, đủ thứ lộn xộn, bụi bám đầy.

Trong hiệu, Khang Tiềm đang ngồi trước cái bàn gỗ mun cũ kĩ. Cửa hàng luôn ế ẩm, cho nên dù có khách vào thì ông ta cũng chẳng thiết đứng lên; nếu khách không tinh mắt thì dễ lầm tưởng ông ta chỉ là một pho tượng.

Sống đến nay ở tuổi bốn mươi, Khang Tiềm cũng nhận ra đời mình coi như không làm nên trò trống gì. Hồi nhỏ bị cha ép đi học, suốt mười mấy năm đèn sách nhưng toàn thi trượt. Công danh bế tắc, lại không có bản lĩnh gì, may sao, người cha đã từng làm chân thư lại cho danh thần Âu Dương Tu<sup>[109]</sup> ở triều vua trước, Âu Dương Tu sành chơi cổ vật, biên soạn tài liệu về đồ cổ, cha Khang Tiềm bèn theo học. Chịu ảnh hưởng từ người cha, nên Khang Tiềm cũng biết đánh giá đồ cổ. Sau khi cha ốm bệnh qua đời, Khang Tiềm thừa kế lưng vốn cổ vật và căn nhà mặt phố, mở tiệm đồ cổ này. Khang Tiềm lấy vợ tên là Xuân Tích, sinh một con trai tên là Đống Nhi. Khang Tiềm ít nói, và cũng ít bạn bè, một vợ một con cộng với chú em tên là Khang Du là tất cả “cơ ngơi” của ông ta.

Nhưng hiện giờ cô vợ bị bắt cóc, chú em thì “có vấn đề”, Khang Tiềm chỉ còn ngôi nhà này - chẳng khác gì ngôi mộ cổ, chẳng còn hứng thú gì nữa; mình Khang Tiềm ngồi đây cứ như một cô hồn.

Hôm qua sau khi Bác Ca nhận cái túi thơm rồi đi, Khang Tiềm vẫn thấy thấp thỏm không yên tâm, sau đó nghe ngóng hỏi

thăm được địa chỉ của Bác Ca. Đến tối Khang Tiềm bèn chạy đến nơi. Nhà ấy chỉ có mẹ già mù lòa và đứa con bán bánh, hai mẹ con có vẻ hoảng sợ, chứng tỏ họ không biết gì về tung tích Xuân Tích. Điều đáng sợ hơn cả là, họ cho biết thứ ở trong túi thơm đã bị đánh tráo! Uất ức trào lên tận cổ, nhưng Khang Tiềm vốn được giáo dục rất nghiêm khắc nên không biết nên lớn tiếng để xả giận ra sao, chỉ biết giậm chân kêu trời, ầm ục quay ra, đi lang thang khắp các ngõ phố, đôi chân mỏi nhừ, rồi ngao ngán quay về nhà.

Dù mệt nhọc cả một ngày trời nhưng đêm đến vẫn không sao ngủ được. Ngoài đồ cổ ra, Khang Tiềm không biết gì khác; sau khi nhận được bức thư, thì giao cho chú em giải quyết, rốt cuộc hậu quả là thế này đây. Xuân Tích sống chết ra sao, Khang Tiềm không bận tâm thậm chí là... đáng mừng, đứa con Đống Nhi mới là quan trọng, nó phải được sống! Nhưng lúc này chưa rõ Đống Nhi sinh tử thế nào, bọn bắt cóc là ai, Khang Tiềm cũng không biết, thứ để trong túi thơm thì bị đánh tráo... Khang Tiềm càng nghĩ càng sợ hãi lo lắng, trằn trọc mãi không sao ngủ nổi. Bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa sau, rất khẽ.

Khang Tiềm giật mình, nằm im bất động. Lại gõ cửa nữa. Khang Tiềm rón rén đi vào bếp, lắng nghe. “Anh ơi...”

Chú em, Khang Du! Khang Tiềm mở cửa sau. Dưới ánh trăng, một bóng người lách vào luôn, đúng là Khang Du. Khang Du đầu tóc bù xù, áo quần lấm lem, cậu ta cài luôn then cửa rồi khẽ nói: “Vào trong nhà nói chuyện...”

Hai anh em vào gian giữa, trăng không chiếu đến nơi, nên tối om. Khang Tiềm định đánh lửa thắp đèn thì Khang Du ngăn lại: “Đừng nên!”

Khang Tiềm càng lo lắng thấp thỏm. Bóng Khang Du ngồi ở đầu chiếc ghế dài bên bàn, lơ mơ. Khang Tiềm cũng lần bước

đến ngồi đối diện. Khang Tiềm: “Người nhận hàng nói là thứ bên trong đã bị đánh tráo.”

“Em biết rồi, em bôi đất lấm lem giả vờ là kẻ ăn mày, bí mật bám theo...”

“Có phải là ông già ấy đánh tráo không?”

“Không! Em sợ ông ta mở túi ra nhìn trộm, nên đã dùng miếng vải gói lại. Sau khi đưa cho ông ta, em vẫn tiếp tục theo dõi suốt, ông ta không hề mở túi ra.”

“Lúc đó chú ở đâu, sao anh không nhìn thấy chú?”

“Em nấp sau gốc cây.”

“Chú đã lấy được hai thứ, đúng như trong thư viết?”

Khang Du hơi do dự, rồi đáp: “Anh cứ yên tâm đi!”

“Hay là thằng Bác Ca bán bánh đã đánh tráo?”

“Anh giao cho nó rồi, thì em đi theo nó xem nó giao cho ai... Sau khi đi qua phố Cây Du Sùi, thì nó mở túi thơm ra xem...”

“Thế thì đúng là nó đánh tráo!”

“Không! Xem xong, nó lại cất vào túi rồi đi về nhà. Dọc đường nó dừng lại hai lần, là hiệu thuốc bà Sửu và hiệu cho thuê ngựa nhà họ Lương, cuối cùng về đến quán nước, đưa túi thơm cho mẹ - bà già mù.”

“Hay là, bị đánh tráo ở hai nơi kia?”

“Nó vào hiệu thuốc, em tưởng nó giao hàng ở đó bèn quan sát rất kĩ, nó chỉ mua tí thuốc rồi đi ra. Sau đó nó đi vào phố Hương Nhiễm, dừng lại mua một gói hạt phỉ, đưa cho con bé ở hiệu cho thuê ngựa.”

“Có thể là... nó giấu túi thơm trong gói hạt phỉ?”

“Không! Xem túi thơm rồi, nó cất vào trong lồng bánh, từ sau đó không hề mở lồng bánh ra.”

“Lúc đưa túi thơm cho bà mẹ mù lò thì sao?”

“Nó không đưa ngay, mà là, nó dắt bà ta vào trong nhà rồi mới

đưa. Nhà ấy có cửa sổ phía sau, sát mặt đường đông người qua lại, nên em không tiện chạy đến nhòm ngó. Chỉ riêng lúc ấy thì em không nhìn thấy gì.”

“Thế thì bị đánh tráo vào lúc ấy. Chú có nhìn thấy kẻ bắt cóc cháu Đồng Nhi không?”

“Thằng Bác Ca đưa túi cho mẹ nó rồi, mẹ nó lại ra trông hàng nước. Em đứng chéo bên kia đường để theo dõi, nào ngờ lại bị một kẻ ăn mày nằn nì xin tiền, sau đó em lại nhìn sang hàng nước thì không thấy bà mù ngồi đó, em bèn chạy ra sau nhà ấy thì lại thấy bà mù đi trở ra, trông có vẻ ngán ngẩm; em cho rằng có chuyện không ổn. Em tiếp tục mai phục gần đó. Rồi thằng Bác Ca trở về, trời đã tối, em bèn vòng ra cửa sổ đằng sau nghe trộm mới biết là hàng bị đánh tráo. Mẹ Bác Ca nghi ngờ nó, nhưng có vẻ không phải nó làm.”

“Chú đã tin chắc ông già không đánh tráo, thì chỉ có thể là thằng Bác Ca.”

“Chưa thể khẳng định, anh ạ! Em đoán rằng những kẻ bắt cóc chị và cháu Đồng Nhi sẽ còn đến đây, nên em phải tiếp tục ẩn mình.”

“Người trên thuyền, thế nào rồi? Chú đã...”

“Chuyện đó anh khỏi cần bận tâm. Phải chờ vài hôm nữa. Anh giúp em việc này: ngày mai đến nha môn huyện xin phép cho em nghỉ ốm. Bây giờ em phải đi. Anh đừng quá lo buồn, có tin tức gì em sẽ báo ngay với anh.”

Nói rồi Khang Du đứng dậy đi qua gian bếp, khẽ mở cửa, ra ngoài.

...

Triệu Mặc Nhi đến trước cửa hiệu đồ cổ của Khang Tiềm.

Cậu nhìn vào trong, thấy rất nhiều hàng sắp đặt lộn xộn, bụi

bậm rất khó coi, vẻ âm u như ngôi mộ cổ chứ không phải hiệu đồ cổ. Nhìn mãi mới nhận ra ở góc nhà âm tối kê cái bàn, một bóng người âm thầm ngồi đó bất động trông cứ như pho tượng gỗ.

Triệu Mặc Nhi khẽ hỏi: “Bác là Khang Tiềm tiên sinh, chủ hiệu, phải không ạ?”

Hỏi lại mấy lần, người ấy vẫn ngồi im chẳng thém nhìn.

Triệu Mặc Nhi đang lấy làm lạ, thì bỗng thấy cánh cửa bên cạnh mở ra. Người Thuyết thư Bành Chủy Nhi cao lớn vạm vỡ bước ra. Cậu vẫn hay trông thấy ông ta ở phố Hương Nhiễm nhưng chưa nói chuyện bao giờ.

Nhìn thấy Triệu Mặc Nhi, ông ta cười hề hề, hỏi: “Chú em đến đây mua đồ cổ à?”

Triệu Mặc Nhi cười, gật đầu, không nói gì.

Ông ta bước đến trước cửa hiệu đồ cổ, lớn tiếng gọi vào: “Ông anh ơi, có khách hàng, sao không ra tiếp khách?”

Lúc này Khang Tiềm mới nặng nề nói: “Hôm nay nghỉ hàng.”

“Người mệt mỏi à?”

Khang Tiềm không đáp, chỉ cầm cuốn sách lật mở lung tung, giả vờ đang đọc.

“Chú em Mặc Nhi nên đến nhà khác, ở đầu phố cũng có hiệu đồ cổ đấy!” Bành Chủy Nhi bước lại gần, khẽ nói. “Vợ ông ta giận chồng, bế con về nhà mẹ đẻ rồi. Khang Tiềm mấy hôm nay đang buồn.” Nói rồi ông ta bước đi.

Triệu Mặc Nhi đi vào lối hẹp giữa cửa hàng Khang Tiềm, bước đến trước mặt ông ta, nói: “Bà hàng nước ở chỗ cầu vòm nhờ tôi đến hỏi Khang tiên sinh vài điều.”

“Về chuyện gì?” Khang Tiềm ngạc nhiên, ngẩng đầu.

“Về chuyện cái túi thơm.”

Khang Tiềm sửng sốt, vội đứng lên: “Bà mù phải không? Cậu



là ai?”

“Tôi là Triệu Mặc Nhi.”

“Cậu là thế nào với bà ấy? Tại sao bà ấy muốn cậu đến đây?”

Triệu Mặc Nhi bỗng cảm thấy mất tự nhiên, rón rén nói:  
“Tôi... anh tôi mở sạp Tụng thư ngoài cửa Đông Thủy Môn.”

“Tụng sư Triệu Bất Vưu nổi tiếng, là ông ấy?”

“Đúng!”

Nét nghi hoặc trong ánh mắt Khang Tiềm đang dần tiêu tan.

Triệu Mặc Nhi thì hơi hăng hụt, nếu không đưa tên ông anh ra thì mình chỉ là một gã vô danh bất tài chẳng ai biết đến. Nhưng cậu lập tức tự động viên: mình đâu phải gã ngu ngơ không biết gì? Mình phải tận lực truy xét đến nơi mới được!

Cậu liền mỉm cười, hỏi: “Cái túi thơm ấy liên quan đến tính mạng của Khang phu nhân, bác có thể cho tôi biết nguồn cơn của nó ra sao không? Như thế, tôi mới dễ tìm ra cái thứ vốn cất trong đó, và tìm ra tung tích của vợ con bác.”

Khang Tiềm lại cảm thấy nghi hoặc, ông ta nhìn Triệu Mặc Nhi, rồi cúi đầu, do dự.

Thấy thế, Triệu Mặc Nhi thận trọng hỏi: “Chắc là bọn bắt cóc đã cảnh cáo, cấm bác nói ra, cấm bác trình báo quan phủ?”

Khang Tiềm gật đầu.

Triệu Mặc Nhi đi theo anh trai làm các vụ kiện tụng, đã gặp không ít tình huống như thế này, bèn nói: “Bác Khang Tiềm yên tâm, tôi sẽ đặc biệt cẩn thận không hé lộ cho ai biết các tình tiết, cũng không cho quan phủ biết, ngoại trừ vì muốn bảo đảm sự an toàn cho vợ con bác.”

Khang Tiềm ngẩng nhìn, dường như đã có quyết định: “Các tình tiết khác, cậu không cần biết, nhưng kẻ đánh tráo thứ để trong túi thơm, là tay bán bánh Bác Ca. Khi tôi đưa túi thơm cho hắn, thì thứ đó vẫn còn. Nhận rồi, hắn đi qua phố Cây Du Sùi thì

dừng lại ở chỗ vắng, mở ra xem; dọc đường, hắn còn dừng lại ở hiệu thuốc bà Sửu, ở hiệu họ Lương cho thuê ngựa - ở đây, hắn đưa cái bao gì đó cho một cô gái...”

Triệu Mặc Nhi kinh ngạc. Bác Ca “khai” rằng chỉ dừng lại hiệu thuốc để mua thuốc, thế thôi.

Cậu bèn hỏi: “Trong túi thơm, vốn dĩ cũng có một viên thuốc à?”

“Không! Đó là một viên ngọc được bọc bằng bột thuốc.”

“Ngọc gì?”

“Tôi... cũng không nhìn thấy.”

“Nếu không biết là ngọc gì, thì đi tìm sao được?”

“Thằng Bác Ca phải biết!”

“Còn đôi tai, là của ai?”

Khang Tiềm giật mình nhưng vội nói rành rọt: “Cậu cũng không cần biết. Cậu nói sẽ tìm giúp tôi thì cứ đi tìm đi!”

Triệu Mặc Nhi biết rằng không thể hỏi thêm. Có lẽ chuyện này liên quan đến một vụ giết người cũng nên, Khang Tiềm sẽ không chịu nói ra. Nhưng dù sao cũng đã nắm được một vài manh mối, hiện giờ, sự an nguy của Tôn Viên con Doãn thị và vợ con Khang Tiềm là bức thiết nhất.

Cậu bèn hỏi: “Bác tin chắc khi đưa cái túi cho Bác Ca thì các thứ trong đó vẫn còn nguyên à?”

“Đúng thế!”

...

Triệu Mặc Nhi chào Khang Tiềm, bước ra. Cậu thở phào, bước đầu, tạm coi là thuận lợi.

Đúng là “mượn danh” ông anh nên Khang Tiềm mới chịu tiếp chuyện, nhưng chính cậu cũng đã tự khai thác được vài chi tiết. Khang Tiềm cho rằng Bác Ca đã đánh tráo thứ để trong túi

thơm, có lẽ ông ta đã bám theo Bác Ca và biết rõ Bác Ca còn đi vòng vo dừng ở hiệu thuốc bà Sửu và hiệu nhà họ Lương.

Có đúng là Bác Ca đã đánh tráo không?

Triệu Mặc Nhi nhớ lại lời nói, vẻ mặt của cậu ta: lạnh lùng, nặng nề và hơi tức tối nữa, không có vẻ gì là khác thường. Nhưng mình vẫn phải đến hai địa điểm ấy dò hỏi xem sao.

Vật tròn tròn trong túi thơm là viên ngọc được bọc thuốc, rồi bị đánh tráo thành viên thuốc thật. Mười viên thuốc hôm qua Bác Ca mua của bà Sửu, thì Doãn thị nói mình dặn Bác Ca mua về, lúc đó Triệu Mặc Nhi lấy viên thuốc trong túi thơm ra và so sánh với viên thuốc Doãn thị đang cầm, thấy giống hệt. Điều này có phải là ngẫu nhiên không?

Cậu vào hiệu thuốc bà Sửu. Đây là hiệu thuốc có tiếng ở kinh thành, nhà mặt phố, ba tầng thên thưng, tầng trệt chia hai gian: một gian chứa dược liệu, một gian bán lẻ thuốc. Hai tầng bên trên và sân sau là nhà kho.

Triệu Mặc Nhi bước vào gian bên trái, có mấy nhân viên đang tiếp khách hàng, bốc thuốc, cân thuốc. Một ông già ngồi ở quầy thu ngân, đang xem sổ sách. Triệu Mặc Nhi biết ông ta là Lâm Tường An, quản lý tiền nong, năm ngoái anh Triệu Bất Vưu đã giúp ông ta thắng trong một vụ kiện.

Cậu bước đến tươi cười hỏi: “Bác Lâm vẫn khỏe chứ?”

“Chú Mặc Nhi đấy à?” Lâm Tường An đứng dậy cười hà hà. “Đã lâu không gặp. Triệu tướng quân có khỏe không?”

“Anh tôi vẫn ổn. Hôm nay tôi muốn hỏi thăm bác về một việc.”

“Cứ nói đi?”

“Chiều qua có một thanh niên vào đây mua thuốc, đeo một lồng bánh, anh ta mua thuốc xuyên khung trừ phong?”

“Cậu cũng hỏi về anh ta? Chiều qua đã có người đến hỏi, anh

chàng bán bánh có vào đây mua thuốc.”

Triệu Mặc Nhi đoán người đó là Khang Tiềm. “Cậu ấy mua bao nhiêu viên?”

“10 viên. A Kỳ bán cho. Anh ta lần nào đến mua cũng mua 10 viên.”

Triệu Mặc Nhi quan sát: các quầy tủ kê liền nhau, khách đứng ngoài không thể với tay vào các ô thuốc, nếu định lấy cắp. Cậu bèn hỏi: “Liệu A Kỳ có đếm thừa thuốc cho anh ta không?”

“A Kỳ đếm xong, chuyển sang chỗ tôi, tôi đếm lại. Chắc chắn không thể nhầm.”

Triệu Mặc Nhi lần túi áo lấy ra nửa viên thuốc tròn tròn - tức viên thuốc bị đánh tráo đưa vào túi thơm. “Phiền bác Lâm nhìn hộ xem nửa viên thuốc này có phải thuốc xuyên khung trừ phong không?”

Lâm Tường An cầm xem, ngửi, rồi cầu ra một mẩu bóp vụn. Ông mỉm cười: “Đây cũng là thuốc xuyên khung trừ phong, nhưng thuốc của nhà này gồm đủ 28 vị chính - phụ phối hợp, nhưng nửa viên này chỉ có 4 vị là xuyên khung, phòng phong, đương quy, sinh địa hoàng trộn với bột kiều mạch. Các ông lang giang hồ thường bán thuốc này, các nơi đều có.”

...

Triệu Mặc Nhi cảm ơn rồi cáo biệt, đi ra. Cậu lại đến phố Hương Nhiễm.

Viên thuốc giả không phải thuốc của hiệu bà Sửu. Cũng tức là, Bác Ca không chuẩn bị trước để đánh tráo, vì anh ta chưa biết trong túi thơm có những thứ gì, không thể chuẩn bị nổi.

Theo Khang Tiềm nói, tức là ông ta theo dõi Bác Ca sau khi đã nhận túi thơm; và Bác Ca không rẽ vào đâu khác để mua thuốc giả; Bác Ca đưa cái gói gì đó cho cô gái ở hiệu nhà họ Lương cho

thuê ngựa, còn cô gái không đưa lại cho Bác Ca thứ gì.

Cho nên có thể đoán rằng viên thuốc không bị đánh tráo ở dọc đường.

Nhưng vẫn cứ nên tìm hiểu quan hệ giữa Bác Ca và cô gái đó.

Hiệu họ Lương khá gần sạp hàng Thư tụng của anh em Triệu Bất Vưu, hai anh em cũng hay đến đó thuê ngựa. Năm ngoái nhà ấy thuê một nữ giúp việc, Triệu Mặc Nhi cũng biết cô bé tên là Tiểu Cửu. Cô gái mà Khang Tiềm nói, có lẽ là Tiểu Cửu.

Mới bước vào phố Hương Nhiễm, Triệu Mặc Nhi đã nhìn thấy Bác Ca ở phía xa xa.

Bác Ca đặt lồng bánh xuống ven đường, ngóng sang bên đối diện là cửa hiệu nhà họ Lương. Ở ngay cửa hiệu, thấy một cô gái mặc áo màu lục, chính là Tiểu Cửu, đang dắt con lừa ra giao cho khách. Hình như người khách chē yên cương bắ, nên Tiểu Cửu lại cầm bàn chải và khăn lau chùi bộ yên.

Triệu Mặc Nhi nhìn Bác Ca, thấy anh ta đăm đăm nhìn Tiểu Cửu, cứ như đang thưởng ngoạn một báu vật hiếm hoi, mắt mũi miệng cười tít.

Triệu Mặc Nhi liền hiểu ra ngay.



## Chuyện Tình

*Đạo nghĩa giả, thân hữu chi, tắc quý thả tôn<sup>[110]</sup>.*

*- Chu Đôn Di*

Bên ngoài cửa hiệu, Bác Ca đang ngây ngất ngắm nhìn Tiểu Cửu.

Từ sau khi cha mất, Bác Ca như biến thành một người khác, thường một mình lủi thủi, rất ít nói; về sau Bác Ca đi bán bánh rong. Tính tình và cách nói năng vẫn đơn giản, không biết cách đón đả mời chào khách hàng, thấy Mặc Nhi thì hay tránh mặt. Nhưng lúc này thì ánh mắt Bác Ca sáng ngời, rạng rỡ như ánh dương bỗng chói lọi khi bầu trời đang âm u.

Triệu Mặc Nhi hiểu rằng anh ta đang rất rung động với cô bé Tiểu Cửu, cậu không dám làm phiền, định quay đi thì Bác Ca nhìn thấy, cậu đành mỉm cười bước đến.

Bác Ca mặt đỏ nhừ, cúi xuống nhắc lồng bánh lên. Triệu Mặc Nhi chưa từng có tình ý với cô gái nào nhưng cũng hiểu rằng mình đã vô tình “làm hỏng việc” của Bác Ca, cảm thấy mình nên nói năng thận trọng nhưng cũng bí, như thế nào là thận trọng?

Bác Ca cũng nhanh chóng bình tĩnh trở lại, thản nhiên như không, hỏi: “Cậu đã đi gặp ông Khang Tiềm chưa?”

Triệu Mặc Nhi gật đầu.

“Ông ta nói sao?”

“Nói là, khi đưa túi thơm cho cậu thì các thứ trong đó vẫn còn nguyên.”

“Ông ta nghi ngờ tôi à?”

Triệu Mặc Nhi im lặng, hồi lâu sau mới thận trọng nói: “Cũng chẳng nên trách ông ta. Cậu là người trung gian đụng đến nó, thì dễ bị nghi ngờ.”

“Cậu cũng nghi cho tôi à?”

“Tôi... tạm thời chưa thể kết luận.”

Cả hai cùng im lặng.

Lát sau Triệu Mặc Nhi mới nói: “Tôi muốn hỏi cậu một điều, cậu đừng giận... tôi phải làm rõ sự việc rồi mới có thể tìm lại các thứ bị đánh tráo.”

“Cứ hỏi đi.”

“Sau khi nhận cái túi, trên đường về cậu đã dừng lại ở đây phải không?”

“Ai nói cho cậu biết?” Bác Ca kinh ngạc.

“Điều này... tạm thời không tiện nói ra.”

“Tôi có dừng lại ở đây, nhưng chẳng liên quan gì đến cái túi thơm cả, tôi chỉ mua một gói hạt phỉ rồi cho một người.”

“Là cô gái đứng bên kia phải không?”

Bác Ca hơi hoảng, nhìn Triệu Mặc Nhi rồi nhìn sang phía đối diện. Lúc này người khách thuê con lừa đã cười lừa đi, Tiểu Cửu đứng đó nhìn sang bên này. Bác Ca sợ cô ta biết bèn ngoảnh mặt đi, sau đó gật đầu.

“Cô ấy... rất tốt!” Triệu Mặc Nhi nghĩ một lát mới buông ra câu này.

Đôi mắt Bác Ca thoáng hiện nét vui như lúc nãy, nhưng rồi sắc mặt lại nặng nề: “Tôi cho cô ấy gói hạt phỉ, và không hề đụng đến cái túi thơm.”

Ánh mắt Bác Ca bình tĩnh thậm chí hơi bức tức, Triệu Mặc Nhi thầm nghĩ, ít ra chi tiết này Bác Ca cũng không nói dối. Anh ta tức vì mình trong sáng mà bị nghi oan, và cũng vì muốn bảo vệ Tiểu Cửu không muốn cô bé bị cuốn vào chuyện này.

Triệu Mặc Nhi gật đầu: “Tôi tin cậu!”

Bác Ca bỗng nghiêm túc nói: “Tôi muốn xin cậu một điều.”

“Nói đi?”

“Cậu đừng kể chuyện này với mẹ tôi.”

“Được! Cậu yên tâm, tôi hứa. À, tôi muốn hỏi cậu...”

“Về chuyện gì?”

“Gói hạt phỉ ấy, cậu mua ở đâu?”

“Mua của Lưu Tiểu Châu bán quả khô. Lúc đi đến đây thì tôi gặp nó. Tiền, là tiền tôi dành dụm được, mỗi khi gặp khách rủng rỉnh thì tôi bán mỗi cái bánh đất lên hai đồng, tích cóp dần dần.”

Triệu Mặc Nhi nghe, cảm thấy buồn ngủ. Gia đình Bác Ca vốn rất ổn, lẽ ra nó cũng được sống ung dung. Còn cậu, khi chào đời thì cha cậu vì bệnh vực Tô Thúc nên bị triều đình liệt vào hạng “gian đảng”, cách chức, đày đi làm tạn Lĩnh Nam<sup>[111]</sup>, mẹ cậu đi theo, rồi hai ông bà lần lượt ốm đau mất ở đó. Cậu và Biện Nhi được cha nuôi kín đáo nuôi dưỡng ở kinh thành nên mới không đến nỗi chết yểu. Ngày nay cậu đi theo anh Triệu Bất Vưu, tình cảm còn hơn cả anh em ruột, khỏi cần lo áo cơm, nhưng Bác Ca thì phải tích cóp từng đồng, suốt ngày chạy vạy kiếm sống, dầu gom được chút tiền cũng không tiêu cho mình, mà mua quà cho cô gái anh ta mến mộ...

Triệu Mặc Nhi im lặng rất lâu không nói gì. Rồi cậu nhớ đến việc chính, bèn hỏi Bác Ca: “Hôm nay cậu có gặp Tôn Viên em cậu không?”

“Không.”

“Nó thường hay đi đâu?”

“Nó hay đi theo bác Cừu chuyên buôn hương liệu, nhà ở đầu phố này, phía bắc, ngoặt sang phía đông, nhà thứ ba. Nhưng lúc này tôi đi qua thì bác Cừu cần nhân, trách rằng hai hôm nay không thấy mặt nó đâu.”



“Ngoài ra, nó có thể đi đâu?”

“Nó hay tụ tập với mấy thằng bạn nhưng tôi không quen lắm. Hôm nọ tôi gặp một trong số đó, nói rằng gần đây Tôn Viên phải lòng một đứa kĩ nữ ở lầu Xuân Viên ngõ Diêm Thủy 2, tên là Ngô Trùng Trùng gì đó. Đi chơi lầu xanh thì rất tốn tiền, Tôn Viên làm gì có tiền, cho nên có lẽ thằng bạn nó nói bừa đấy thôi!”

“Tôi sẽ hỏi xem sao.”

...

Triệu Mặc Nhi vào cửa hiệu họ Lương thuê một con lừa, cưỡi về nhà.

Vào sân, cậu thấy Biện Nhi và một thiếu nữ đang ngồi dưới gốc cây hạnh, hơi quen quen, hình như cậu đã gặp ở đâu đó. Cậu bỗng thấy lúng túng, mình nên bước đến chào hỏi hay lờ đi, giả vờ không nhìn thấy?

Biện Nhi mỉm cười, nói: “Mặc Nhi, sao anh cứ lóng ngóng do dự gì thế? Đây là bạn em, tên là Trì Liễu Liễu.”

Mặc Nhi bèn bước đến, cúi gằm không dám nhìn, chấp hai tay: “Chào cô Trì, rất hân hạnh!”

Trì Liễu Liễu đứng dậy chào đáp lễ.

“Anh về nhà lấy vài thứ rồi lại đi ngay.” Triệu Mặc Nhi bước vào phòng mình, mở hòm, lấy ra hai thỏi bạc một lạng - là tiền hàng tháng chị dâu cho cậu để tiêu vặt, cậu vẫn để dành không tiêu đến. Sau đó cậu đi ra, lại cúi đầu chào Trì Liễu Liễu: “Cô ngồi chơi nhé!”

Trì Liễu Liễu đáp lễ.

Biện Nhi vừa cười vừa xua tay: “Anh đi đi!”

Triệu Mặc Nhi ra khỏi sân, cưỡi lừa, đi vào thành tìm ngõ Diêm Thủy 2.

Đi đến nơi, Mặc Nhi bỗng do dự.

Cậu chưa bao giờ vào kỹ viện, nghĩ đến mà sợ. Nhưng Bác Ca nói có thể Tôn Viên đến kỹ viện Xuân Đường, hộp gỗ của Doãn thị thì thiếu một thỏi bạc một lạng, có phải Tôn Viên thó của mẹ để đến đây dan díu với Ngô Trùng Trùng? Nó nhìn thấy viên ngọc trong túi thơm, và tiện tay nâng luôn thỏi bạc? Tôn Viên suốt đêm không về... Cho nên, vẫn cứ phải điều tra làm rõ.

Cậu lấy hết can đảm, hỏi thăm một nam giới mặc áo gấm “viện Xuân Đường ở đâu”. Ông ta chẳng buồn suy nghĩ, chỉ vào phía trong ngõ: “Gặp Ngô Trùng Trùng à? Nhà kia kìa, đầu sân trồng mấy cây hải đường.”

Triệu Mặc Nhi cười lừa đi đến bên ngoài sân, trong tường có mấy cành hải đường nhô lên, dù hơi khô héo nhưng vẫn còn mấy cánh hoa đo đỏ... Cậu nhìn vào sân, trong đó rất im ắng, giữa sân có tảng đá cảnh đồ sộ trông khá đẹp, che khuất trong kia. Bên cạnh tảng đá trồng một số cây lan, trông tối sẫm chứ không xanh tươi như cậu tưởng tượng.

Đang do dự, thì nhìn thấy một bé gái chừng 12-13 tuổi bước ra cửa, mặc váy áo màu ngó sen, trông rất ngây thơ. Thấy Triệu Mặc Nhi, nó cười, hỏi: “Công tử đến gặp cô nương nhà chúng tôi à? Lúc này còn quá sớm, cô nương đang nghỉ trưa.”

Triệu Mặc Nhi khẽ nói: “Tôi... đến hỏi thăm Ngô cô nương một chuyện.”

“Là chuyện gì?”

“Anh chàng tên là Tôn Viên có đến đây không?”

“Tôn Viên? Có phải là một con chuột nhắt không?”

Triệu Mặc Nhi ngó ra.

Bé gái bật cười, nói: “Anh ta khoảng 20 tuổi, hơi gầy, cao bằng anh, bước đi lệt sệt, dờ dờ dờ dệt; còn nói mình là công tử con nhà giàu ở quán trà đầu cầu vòm bên ngoài Đông Thủy môn.”

“Đúng, anh ấy!”

“Hôm qua có đến đây.”

“Bây giờ anh ấy đang ở đâu?”

“Em biết sao được? Hôm qua đến đây cầm một thỏi bạc 1 lạng, thực ra là chưa đủ lạng, đòi gặp cô nương. Tí tiền ấy chỉ đủ uống chén trà! Lúc đó đang vắng khách nên má mì cũng cho vào, và bảo em pha trà cho. Cô nương ngồi mép giường, cho anh ta ngồi ghế đầu ở cửa. Anh ta không dám nói một câu, nhưng dù có nói thì cô nương cũng mặc kệ! Cứ thế anh ta ngồi lì hơn nửa canh giờ mới chịu ra về, má mì thấy trời sắp tối bèn lừa anh ta ra!”

“Thỏi bạc 1 lạng ấy, trông như thế nào?”

“Em nhìn thấy nó bắn khiếp, đen xỉn, cứ như mới đào dưới mộ lên!”

“Bé gái à, có thể nói với má mì cho anh nhìn thỏi bạc ấy không?”

“Đừng gọi là bé gái. Hãy gọi em là Tiểu Tất.”

“Tiểu Tây à?” Triệu Mặc Nhi nghe nhầm.

“Không! Tiểu Tất, nghĩa là đế mèn.”

Triệu Mặc Nhi ngạc nhiên, thì ra phường này thích đặt tên côn trùng, cô chủ là Trùng Trùng, đứa hầu gái là Đế Mèn! Triệu Mặc Nhi suýt phì cười. Cậu hỏi tiếp: “Tiểu Tất có thể cho tôi xem thỏi bạc đó không?”

“Không! Má mì đi vắng. Vả lại, xem bạc để làm gì chứ? Lỡ bị mất thì sao? Nhưng... trông anh rất xinh trai... Vậy anh đang có sẵn 1 lạng bạc không?”

“Có!”

“Cho em một xâu tiền, và đưa em lạng bạc của anh, em sẽ cầm vào đổi lạng bạc kia đem ra đây.”

“Cảm ơn Tiểu Tất.” Triệu Mặc Nhi đưa ra một xâu tiền và một lạng bạc.

Tiểu Tất cười rõ tươi, chạy vào nhà.

Triệu Mặc Nhi đứng chờ, thấp thỏm, sợ có ai đó bỗng đi ra, bèn dắt lừa sang bên cạnh, đứng đợi. Rất lâu không thấy Tiểu Tất ra, cậu ngỡ ngợ hay là bị lừa rồi... thì thấy Tiểu Tất chạy ra, xòe bàn tay phải xinh xinh, trên đó là một thỏi bạc lem nhem cũ kĩ. Nhưng nó lập tức nắm tay lại, đôi mắt đen láy chăm chú nhìn Triệu Mặc Nhi, nói: “Anh biết không: nếu má mì biết em đổi bạc cho anh, thì em sẽ bị đánh đòn.”

Triệu Mặc Nhi: “Xin đa tạ Tiểu Tất.”

“Em không cần cảm ơn, chỉ cần anh hứa một điều này.”

“Là gì nào?”

“Anh không được đến gặp tiểu thư Trùng Trùng nhà em!”

Triệu Mặc Nhi vội gật đầu: “Được! Không gặp.”

“Và, hai năm nữa em đến tuổi chải tóc cặp tóc<sup>[112]</sup>, thì anh lại đến đây.”

Triệu Mặc Nhi giật mình, mặt đỏ bừng.

“Anh phải đến đấy! Nào, hứa đi!” Tiểu Tất nhìn thẳng vào mắt Triệu Mặc Nhi.

Cậu hoang mang nhưng cũng gật đầu phứa lên.

Vẻ mặt căng thẳng của Tiểu Tất bỗng giãn ra, nhoẻn cười, cô vẫn là cô bé rất ngây thơ. Tiểu Tất kéo tay Triệu Mặc Nhi rồi đặt thỏi bạc vào lòng bàn tay.

Triệu Mặc Nhi rồi rít cảm ơn, rồi nhanh nhẹn ngồi lên lưng lừa, đi luôn.

...

Ra khỏi Đông Thủy môn, cậu mới dừng lại, xuống dắt lừa đến bên cầu Hộ Long.

Sau đó giở thỏi bạc đó ra xem, thỏi bạc đen xỉn cũ kĩ cáu bẩn, nhưng hai bên cạnh vẫn nhìn thấy mấy chữ khắc “Trung Tĩnh”

và chữ “thợ”, đều bị sứt, thiếu.

Triệu Mặc Nhi đoán thỏi bạc này được cắt ra từ một đỉnh bạc to, chữ khắc đầy đủ là “thợ X đúc năm thứ nhất niên hiệu Kiến Trung Tĩnh Quốc<sup>[113]</sup>, tức hai chục năm trước.

Thỏi bạc này cùng tuổi với mình! Triệu Mặc Nhi tùm tùm cười, nhẩy lên lưng lừa.

Năm ấy chẳng quan trọng với cậu nhưng rất quan trọng với đất nước.

---

Năm ấy là năm thứ hai thiên tử nối ngôi vua cha, hoàng thái hậu băng hà, thiên tử bắt đầu chính thức ngự ở điện Tử Thìn điều hành chính sự. Hồi đó có vị tân quan rất đặc ý vận dụng một câu trong Kinh Thư “Mậu chiêu đại đức, kiến trung ư dân” để đặt niên hiệu mới này cho nhà vua, với ngụ ý dung hòa tân pháp cựu pháp đã tranh chấp nhau bốn chục năm trong hai đời vua Thần Tông và Triết Tông, tức sẽ “đi ở giữa”, để đất nước được yên ổn. Nhưng năm sau lại đổi thành niên hiệu Sùng Ninh và phong Sái Kinh là tể tướng, coi trọng tân pháp, thanh trừng cựu đảng của thời Nguyên Hựu (vua Triết Tông), sau đó một năm thì cha mẹ Triệu Mặc Nhi bị tổng khứ đi Lĩnh Nam, cha con vĩnh biệt nhau.

Năm đó nước Đại Liêu ở phía bắc cũng có chuyện lớn: vua Đạo tông Gia Luật Hồng Cơ ốm qua đời, Gia Luật Đản Hy lên nối ngôi. Ông vua trẻ tuổi này chỉ mê săn bắn, bỏ bê triều chính, tiêu xài hoang phí suốt hai chục năm qua, khiến quốc khố cạn kiệt, lòng dân oán hờn...

...

Chỉ lát sau Triệu Mặc Nhi đã đi đến đầu cầu vòm, cậu rẽ vào nhà Doãn thị. Bà ta đang đứng tựa cửa lắng nghe động tĩnh ngoài phố.

Triệu Mặc Nhi chưa kịp chào thì Doãn thị đã hỏi trước: “Là Mặc Nhi phải không?”

“Vâng, cháu đây!” Triệu Mặc Nhi xuống lều, bước đến, đặt thỏi bạc vào tay Doãn thị: “Cô xem xem có phải thỏi bạc này không?”

Doãn thị vừa chạm tay vào thỏi bạc đã sửng sốt nói luôn: “Đúng là thỏi bạc này! Sao cháu lại có nó?”

“Cháu tìm thấy... ở một kĩ viện trong ngõ Diêm Thủy.”

“Sao nó lại chạy đến tận đó?”

“Tôn Viên!”

“Không! Nó đâu có thể đến cái chốn như thế? Xưa nay nó không hề!”

“Chính xác là Tôn Viên, đến đó lúc sắp tối hôm qua.”

“Giả sử có đến, thì nó lấy đâu ra thỏi bạc này? Không có chìa khóa, nó không thể mở tủ và cái hộp.”

“Điều này thì phải điều tra thêm.”

“Viên Nhi đâu rồi?”

“Tối qua cậu ấy ra khỏi kĩ viện...”

“Rồi nó đi đâu?” Đôi mắt vô dụng của Doãn thị chớp chớp rất nhanh.

“Cô Doãn đừng quá lo lắng. Người nhận hàng đã hạn cho ba ngày, thì trong ba ngày này họ sẽ không hại Tôn Viên đâu.”

“Đến giờ nó vẫn chưa về. Nó hơi ngỗ nghịch thật nhưng nó chưa từng đi đâu qua đêm...”

“Cháu muốn hỏi lại cô...”

“Về việc gì?”

“Hôm qua trước khi cô cất cái túi thơm rồi khóa lại, cô sờ nắn nó cảm thấy khác so với lúc lấy túi ra, thật à?”

“Hôm nay cô vẫn cố nhớ lại, lần đầu cầm nó, thấy viên thuốc đó cứng hơn; và còn một thứ hơi trơn hơi dai kia, đoán nó là cái

tai. Lần sau lấy túi ra, vì người kia đang chờ nên cô không sờ kĩ nhưng cảm thấy mùi nó thì khác.”

“Thế à?”

“Trước đó, mùi thơm đậm, mùi thuốc thoang thoảng; lần sau thấy mùi thuốc đậm hơn.”

...

Triệu Mặc Nhi về đến nhà thì trời đã tối, chị Hạ đã nấu xong cơm.

Hôm nay hình như cả nhà đều có vướng mắc gì đó không cười nói như mọi ngày, anh Triệu Bất Vưu thì uống rượu suông, gần như không đụng đến thức ăn, chị Ôn Duyệt gấp cá rán cho, anh không thiết, thì chị cũng im lặng không nói gì, vẻ mặt chị mệt mỏi, buồn bã. Biện Nhi thì cúi đầu, im lặng, ngồi ăn rất chậm. Cháu Hồ Nhi đã khỏi ốm nhưng vẫn ỉu xiu ngồi trên cái ghế nhỏ, chị Hạ bón cơm cho nó; chị cũng chỉ ăn qua loa. Mặc Nhi mãi nghĩ về chuyện cái túi thơm, cậu đang do dự, có nên kể với anh trai không.

Đang ăn thì bỗng nghe thấy tiếng gõ cửa, Triệu Mặc Nhi đặt đũa xuống, ra mở cửa. Anh hai Triệu Bất Khí đến.

“Ăn chưa? Có còn cơm không? Tôi đang đói meo đây!” Triệu Bất Khí vẫn vui vẻ, hài hước, thoải mái như mọi ngày.

Chị Hạ đi lấy thêm bát đũa, Mặc Nhi và Biện Nhi ngồi nhích sang hai bên, Triệu Bất Khí ngồi vào giữa, rồi ăn rào rào, vừa ăn vừa đặc ý nói: “Anh ạ, em cũng bắt đầu điều tra một vụ án, thú vị lắm! Rất có thể sẽ chấn động cả nước.”

Hể có mặt Triệu Bất Khí thì ai muốn buồn cũng chẳng được. Mọi người đều nhìn anh. Triệu Bất Vưu hỏi: “Là vụ án gì?”

Triệu Bất Khí ăn liền hai miếng cơm, rồi mới đặt đũa xuống, nói: “Chuyện này chỉ nói ở đây thôi, đừng nói rộng ra ngoài.

Thằng Hà Hoán cháu nội của tể tướng tiền nhiệm Hà Chấp Trung; cả nhà biết không: nó là hung phạm giết người, thế mà nó giấu nhem, rồi đi thi cấp tỉnh, sáng nay lại dự thi Điện thí nữa!”

Rồi anh kể chi tiết vụ việc, đúng là rất li kì, mọi người nghe xong bàn tán một chập.

Triệu Mặc Nhi cũng không nén nổi, nói: “Hôm nay em cũng nhận một vụ án...”

Rồi cậu kể về nghi án túi thơm.

Triệu Bất Vưu nghe xong, mỉm cười: “Vụ án của chú cũng thú vị.”

Rồi nói thêm: “Vụ này liên quan đến vài tính mạng, không thể xem nhẹ.”

Triệu Mặc Nhi vốn không thật tự tin, nghe thấy thế bèn thưa: “Em nghĩ, anh nên điều tra vụ này.”

“Triệu Bất Vưu: “Anh đang bận vụ Mai thuyền, e khó mà có thì giờ. Nghe chú vừa kể, anh thấy chú nghĩ và làm đều rất khá, nhất là ngay trong ngày đã tìm ra thỏi bạc cũ đó. Chú cứ mạnh tay điều tra đi, nếu gặp khó khăn thì anh em ta cùng bàn bạc.”

Nghe Triệu Bất Vưu nói vậy Triệu Mặc Nhi vốn hơi có ý lùi bước, giờ đã vững tin hơn. “Hiện giờ, điều em chưa nghĩ ra là, theo Doãn thị nói, cái túi thơm ấy ban đầu cất đi thì viên thuốc chỉ thơm thoang thoảng, lần sau lấy ra thì biến thành thuốc thật, đương nhiên có mùi rõ rệt. Cũng tức là, khi Bác Ca giao cho mẹ thì các thứ trong túi chưa bị đánh tráo. Không có chìa khóa mở tủ, không cạy khóa và hộp mà lại đánh tráo được các thứ, thì cứ như có pháp thuật thao tác qua không khí à?”

Triệu Bất Vưu mỉm cười: “Trừ phi là có ma!”

Triệu Mặc Nhi: “Hôm nay cô Doãn cũng hỏi em, liệu có phải là ma làm không?”



Triệu Bất Vưu: “Đừng tin những chuyện như thế. Nên nhớ điều này: bất cứ chuyện gì cũng đều có cái lý nào đó ở bên trong, càng quái dị thì càng phải suy nghĩ theo hướng bình thường, không để cho các hiện tượng bề ngoài che mắt ta.”

“Cái lý...” Triệu Mặc Nhi cúi đầu ngẫm nghĩ.



## Thuật Xuyên Tường

*Công ư kỷ giả công ư nhân, vị hữu bất công ư kỷ nhi năng công ư nhân dã<sup>[114]</sup>.*

*- Chu Đôn Di*

Suốt đêm không ngủ được, Khang Tiềm lại dậy muộn.

Thấy hơi chóng mặt, Khang Tiềm ngồi bên giường nhìn khắp nhà. Bàn ghế, tủ... đều phủ đầy bụi. Soi gương đồng đặt ở đầu giường, ông thấy mình nhợt nhạt, đầu bù tóc rối, gầy rộc, trán đầy nếp nhăn sâu hoắm, đôi mắt buồn rầu u uất, chẳng khác gì một cô hồn dật dẹo. Thực là chua xót.

Ông thở dài, bóp trán, xỏ giày, mặc chiếc áo dài cũ bần, buộc thắt lưng, rồi đi ra ngoài mở cửa hàng. Thực ra Khang Tiềm chẳng còn tâm trí nào mà bán hàng, ông chỉ mở hàng theo thói quen bao năm và không muốn hàng xóm phải ngỡ ngờ điều gì.

Lách qua cái đỉnh đồng cổ, ông tay áo thụng lỗ quệt phải cái chén trà bày trên giá, “choang” rơi vỡ vụn. Đó là bộ đồ trà cổ, làm năm thứ nhất Trinh Nguyên thời Đường ông mới mua lại được của một vị Viên ngoại dịp đầu xuân năm nay. Nó vốn đủ cả bộ nhưng vài hôm trước thằng Đống Nhi nghịch làm vỡ mất cái khay, bị ông cho cái tát, khiến vợ là Xuân Tích rất giận ông vì chuyện đó. Ông vẫn định sưu tầm để bù vào cho đủ bộ, nhưng bây giờ lại vỡ thêm cái chén...

Khang Tiềm ngồi xuống nhặt các mảnh vỡ. Hôm đó Xuân Tích cũng ngồi đây nhặt mảnh vỡ, thằng Đống Nhi thì mếu máo đứng bên cạnh. Chú em Khang Du bước vào thấy tình hình đang

căng thẳng cũng không dám nói gì, liền bế Đống Nhi ra phố.

Thực ra, lúc đó giữa Xuân Tích và chú em đã... có chuyện rồi!

Cuộc đời Khang Tiềm chỉ tầm tầm, nếu coi là đại sự, thì ông chỉ làm được ba việc: một là mở cửa hàng đồ cổ, hai là lấy được Xuân Tích, ba là sinh được thằng Đống Nhi.

Hiện giờ Khang Tiềm chỉ thấy nhan sắc Xuân Tích bình thường, nhưng ngày trước xem mặt cô, Khang Tiềm thật sự thấy rung động. Bà mối đưa cho Khang Tiềm tờ thiệp ghi ngày sinh tháng đẻ của Xuân Tích, Khang Tiềm đã đến miếu nhờ xem, họ nói rất tốt; trở về, Khang Tiềm viết thiệp “kê khai” rõ họ tên ba đời, vàng bạc ruộng đất nhà cửa... nhà gái cũng viết thiệp trả lời, tuy của hồi môn chẳng có mấy nhưng cũng gọi là môn đăng hộ đối, nhà gái bằng lòng tổ chức gặp mặt.

Khang Tiềm thuê con thuyền đẹp trên sông Biện Hà, chuẩn bị hai tấm lụa gấm và một chiếc thoa vàng; bà mối dẫn Khang Tiềm lên thuyền. Vào trong khoang, chỉ thấy bố mẹ vợ tương lai, còn Xuân Tích vẫn ngồi gian trong không ra. Cha mẹ cô trông hơi dị dạng: ông thì méo mồm, bà thì một mắt to một mắt nhỏ. Khang Tiềm vốn nghĩ cha mẹ nào thì con nấy, nên ngán ngẩm định bỏ cuộc luôn. Bà mối thấy thế bèn nháy mắt ra hiệu “hãy chờ đợi”, rồi bà bước vào trong dẫn Xuân Tích ra.

Khang Tiềm thấy “choáng ngợp”: Xuân Tích mặc áo hồng váy hồng, búi tóc cao mềm mại, đôi má ửng hồng, mày thanh mắt sáng, xinh tươi như cành bích đào bên bờ sông xuân. Ngơ ngẩn hồi lâu, Khang Tiềm rút cái trâm vàng ra đưa cho bà mối; bà mối cài lên tóc mai đen nhánh của Xuân Tích - tức cài thoa định duyên.

Nhưng sau khi cưới về rồi, Khang Tiềm mới thấy tính tình Xuân Tích hơi lãnh đạm, hiếm thấy cô cười, chuyện chăn gối cũng hiếm khi hứng thú. Thoạt đầu Khang Tiềm ngỡ là tân hôn

nên cô ngượng ngịu, về sau mới nhận ra đó là bản tính của cô. Khang Tiềm vốn ưa yên tĩnh, vợ cũng sống lặng lẽ, tháng ngày cứ thế trôi đi, Xuân Tích sắp xếp việc nhà cũng đâu ra đấy, Khang Tiềm cũng cho là tốt đẹp.

Cho đến khi chú em Khang Du trở về...

...

Ngày hôm sau, Triệu Mặc Nhi đến nhà Bác Ca, anh ta đã đi bán bánh, chỉ còn Doãn thị ở nhà, Tôn Viên đêm qua vẫn không về.

Doãn thị rất sốt ruột, sắc mặt nhợt nhạt, mép luôn động đậy, đôi mắt lòa cứ hấp háy căng thẳng. Thấy thế, Triệu Mặc Nhi cũng rối trí, cậu tự nhủ mình phải trấn tĩnh mà nghĩ ngợi xem nên thế nào.

Có lẽ kẻ đánh tráo chính là Tôn Viên, viên ngọc đó rất đáng giá, anh ta không lò dò về nhà vì đang đi tìm cách bán lấy tiền để... đến với Ngô Trùng Trùng. Không thấy Tôn Viên, thì bây giờ đi gặp Khang Tiềm hỏi thêm về chuyện vợ con ông ta bị bắt cóc vậy.

Cậu bèn an ủi Doãn thị: “Cô đừng lo lắng, cháu nhất định sẽ gắng hết sức.” Rồi cậu cáo từ, đi đến Tiểu Hoàn Kiều.

Hai chữ “gắng sức” cậu nói rành rọt, nhưng hai chữ “nhất định” thì nói rất khẽ.

Cậu vừa đi vừa nghĩ, cảm thấy lo lo. Giả sử đúng là Tôn Viên đánh tráo, thì hẳn lấy túi thơm ra bằng cách nào, khi không có chìa khóa? Anh Triệu Bất Vưu nói “hãy suy nghĩ theo cái lý thông thường”, nhưng sự việc này đâu có thể làm theo cách thông thường? Nếu nghĩ theo hướng bất thường, thì chỉ có thể là dùng phép ma; mình hoàn toàn không tin cái gọi là pháp thuật tà ma. Giữa thông thường và bất thường, liệu có con

đường nào khác không? Nghĩ nát óc vẫn thấy bí.

Đến nhà Khang Tiềm, cậu bước vào. Ông ta vẫn rầu rĩ như trước, rất sốt ruột đứng dậy hỏi luôn: “Đã tìm thấy các thứ trong túi thơm chưa?”

Triệu Mặc Nhi lắc đầu, ánh mắt Khang Tiềm bỗng tối sầm, ngồi phịch xuống ghế.

Lòng cậu cũng trĩu nặng, khẽ an ủi ông ta: “Bác Khang ạ, tôi mới lần ra một vài manh mối nhưng chưa có kết quả gì. Hôm nay tôi muốn bác kể cho biết về chuyện vợ con bác bị bắt cóc, tìm được họ mới là việc cấp bách. Nếu có thể biết tung tích bọn bắt cóc thì ta sẽ tìm cách cứu vợ con bác về. Cứu được rồi, thì chuyện cái túi thơm chẳng thành vấn đề gì nữa.”

Khang Tiềm nghe xong dường như cũng cho là phải nhưng ánh mắt lại tỏ ra do dự.

Triệu Mặc Nhi động viên: “Tôi đoán, hai hôm nay bọn bắt cóc vẫn đang theo dõi, chúng cũng biết cô Doãn nhờ tôi điều tra, cho nên bác cứ cho tôi biết rõ thực hư thì cũng chẳng thành vấn đề gì.”

Khang Tiềm im lặng một lát rồi đứng lên đóng cửa ngoài lại. “Ta vào nhà trong nói chuyện.”

Triệu Mặc Nhi theo vào. Ngôi nhà này gồm ba nếp: gian ngoài rộng nhất là cửa hàng, sau đó là một gian giữa, hai bên tả hữu là hai buồng ngủ, cửa đang mở; gian bên phải kê chiếc giường to, chắc là buồng ngủ của hai vợ chồng, gian bên trái rất nhỏ, kê một cái chõng tre tức buồng ngủ nhỏ. Cuối cùng là nhà bếp, có cửa hậu, đang đóng.

Hai người vào gian giữa kê bàn ghế, ngồi đối diện nhau. Khang Tiềm vân vê ngón tay, hắng giọng, rồi khẽ nói: “Hai mẹ con Đống Nhi bỗng nhiên biến mất...”

“Bỗng nhiên? Tức là thế nào?”

“Hôm mồng 8 tháng 3, trước ngày Hàn thực, sáng ra tôi dậy sớm. Vợ tôi nói đã hẹn với cô dâu hai bên hàng xóm cùng đi chùa thắp hương. Tôi chẳng bảo sao, rồi tôi ra mở cửa hàng. Vợ tôi vào bếp nấu nồi cháo, chúng tôi cùng ngồi ăn. Sau đó tôi đun nước pha trà, bung ra ngoài kia vừa uống vừa đọc sách; vợ tôi dọn dẹp trong bếp. Mọi ngày, trước khi đi chùa, vợ tôi thường tắm gội xong xuôi, gọi Đống Nhi dậy tắm gội cho nó. Thằng bé rất nghịch ngợm, hai mẹ con nô đùa vui vẻ trong đó. Lát sau thấy cô hai Vũ hàng xóm là Liễu thị sang gọi vợ tôi, tôi bèn vào bếp, thì thấy chậu tắm, nước bắn tung tóe khắp, mà không thấy người đâu; tôi vào buồng ngủ tìm, cũng không thấy. Cửa hậu sau bếp thì vẫn cài then im ắng. Tôi thấy dưới chân cửa có bức thư bèn cầm lên xem, mới biết hai mẹ con đã bị bắt cóc.”

Nghe xong Triệu Mặc Nhi rất kinh ngạc. Các cửa đều đóng chặt mà người thì biến mất!?

“Cửa hậu vẫn đóng chặt, thật à?”

“Đúng! Then cửa vẫn cài.”

“Cửa sổ thì sao?”

“Cửa sổ phía sau vốn dĩ đóng đinh chốt chặt không thể mở ra.”

“Không có ai vào nhà bác?”

“Không! Tôi vẫn ngồi ở nhà ngoài mà!”

“Cô hai nhà hàng xóm có vào không?”

“Không! Cô ấy vẫn đứng chờ bên ngoài cửa hàng, thấy tôi tìm hồi lâu sau, cô ấy mới bước vào.”

“Bức thư ấy đâu?”

Khang Tiềm có vẻ dè dặt. “Cậu không cần xem thư làm gì.”

Triệu Mặc Nhi trầm nghĩ, có lẽ bức thư sẽ ép Khang Tiềm phải cắt tai của ai đó, lấy cả viên ngọc nữa - là vụ hung án, nên ông ta không muốn cho xem thư. Triệu Mặc Nhi đành tạm biết

vậy. Cái túi thơm kỳ quái còn chưa làm rõ, bây giờ lại mọc ra thêm một chuyện kỳ quái nữa.

Cậu vốn nghĩ bọn kia rình lúc thuận lợi trắng trợn bắt người đưa đi, nào ngờ sự việc lại là hai mẹ con “bỗng dưng biến mất”, thì bọn bác cóc ấy đã hành động như thế nào?

“Bác cho tôi vào bếp xem nhé!”

Triệu Mặc Nhi đi vào trong, qua cửa, liền sau đó là nhà bếp. Cửa này cũng nhìn thẳng ra ngoài cửa hàng. Khi vợ con Khang Tiềm tắm gội, thì cửa này phải đóng lại, nếu không, đứng ngoài kia có thể nhìn thấy tận trong này. Dù nghĩ thế, cậu vẫn ngoảnh lại hỏi: “Hôm đó đang tắm gội, cửa này có đóng lại không?”

“Có chứ! Bình thường thì không cần đóng, khi tắm gội mới đóng lại.”

“Khi vợ bác tắm thì cháu Đống Nhi ở đâu?”

“Ở gian nhỏ này. Mặc xong quần áo cho nó, nhà tôi múc cho nó bát cháo, tôi còn nhớ nó đòi ăn bánh ngọt, nhà tôi bảo “Phải ăn cháo đi, nếu không mẹ sẽ không cho đi chùa nữa”, nó mới thôi quấy khóc, có lẽ nó ngồi bàn này húp cháo. Lúc không thấy hai mẹ con đâu nữa, tôi có nhìn thấy bát cháo đặt trên bàn, đã húp hết chỉ còn tí tẹo dính đáy bát.”

“Vợ bác tắm gội xong thì tắm cho con, khi đó có đóng cửa này không?”

“Để tôi nhớ lại xem... có đóng! Lúc đó tôi ngồi cửa hàng, chỉ nghe văng vẳng tiếng hai mẹ con cười đùa, chứ không nghe rõ. Khi cô hai Vũ bên hàng xóm sang gọi nhà tôi, tôi bước vào gõ cửa không thấy trả lời, tôi mới đẩy cửa bước vào - cửa này không cần cài then bên trong, chỉ cần khép lại vẫn rất khít, mạnh tay đẩy là mở được.”

Triệu Mặc Nhi gật đầu, bước vào bếp. Bếp rất rộng, giữa bức tường cuối là cửa hậu, bên trái là bếp đun, hai nồi gang một to

một nhỏ, hai nắp gỗ đặt bên trên, hơi bụi bặm. Lò than thì nguội lạnh, có lẽ mấy hôm nay chẳng đun nấu gì. Bên cạnh là ổ than lưng lửng.

Góc phải gian bếp kê một cái tủ gỗ cũ kỹ chất vài thứ linh tinh. Cạnh nó là chum nước nho nhỏ.

Mỗi bên tường bếp đều trổ một cửa sổ nhỏ, người cố lách thì có thể chui lọt, nhưng Khang Tiềm nói cửa sổ quanh năm chốt kín, giấy dán lại cuối năm ngoái vẫn còn nguyên vẹn. Kẻ bắt cóc không thể chui vào đây.

Tường bên phải bếp có một cửa ra vào đang đóng kín.

“Bên kia còn một buồng nữa à?” Triệu Mặc Nhi hỏi.

“Bên đó vốn chỉ chứa các đồ lặt vặt, vì chú em tôi từ biên cương trở về nên đã dọn dẹp sửa chữa thành gian buồng khách, đôi khi chú ấy về nhà thì ngủ trong đó.”

“Bác có người em trai à?”

“Chú ấy là Khang Du, trước kia trấn thủ ở Lũng Tây, năm kia được về, hiện làm Huyện úy huyện Khai Phong.”

“Hôm vợ bác mất tích thì chú em có nhà không?”

“Không. Chú ấy ít khi về đây, một tháng chỉ về ở đôi ba hôm.”

“Cho tôi xem căn buồng này được không?”

“Cứ tự nhiên.”

Triệu Mặc Nhi đẩy cửa bước vào. Gian này rất chật, chỉ kê một giường một tủ, tường ngoài cũng có ô cửa sổ. Cậu bước lại nhìn, cửa sổ gỗ đan chéo hình quả trám chốt chặt vào khuôn cửa, không thể mở ra, giấy dán cũng còn sáng sủa trắng tinh. Cửa sổ không có dấu vết bị cạy phá. Kẻ xấu cũng không thể ra vào lối này.

Triệu Mặc Nhi trở ra gian bếp, rồi đến xem xét cửa hậu. Cánh cửa cũ kỹ đen xỉn nhưng gỗ rất dày dặn chắc chắn, các vết ghép ván rất khít, trải nhiều năm dầu mỡ khói hun bám kín, chỉ có



hai ba lỗ một đục thủng. Then cửa rất to nặng, hai cái guốc gỗ cài then cũng to tướng. Lúc tắm gội, người nhà này sẽ càng chú ý cài then cho chặt.

Triệu Mặc Nhi mở cửa, bước ra ngoài. Ngoài này là sông Ngũ Trượng, cửa chỉ cách bờ sông mấy bước, vài con thuyền chở hàng đang chậm chậm trôi xuôi, lương thực vận chuyển theo lộ Kinh đông của vùng Tế Vận đi qua đường thủy này chuyển đến kinh thành. Triệu Mặc Nhi nhìn hai bờ sông, thấy nhà cửa đều quay lưng ra sông, để tiện giặt giũ.

Bọn bắt cóc vợ con Khang Tiềm có thể xuống thuyền chạy trốn. Tuy nhiên, hai bờ sông đều có nhà dân, ban ngày thuyền bè qua lại, nếu vợ Khang Tiềm giẫy giụa kêu cứu thì chúng sẽ bị lộ ngay. Vậy thì, bọn chúng có thể bắt cóc êm thấm người ta theo kiểu gì?

Triệu Mặc Nhi quay lại quan sát khung cửa, khuôn cửa, đều rất chắc chắn. Cậu bảo Khang Tiềm thử cài then lại, rồi đứng ngoài xô đẩy cửa, cửa chỉ khẽ động đây, tuyệt đối không suy chuyển. Rồi cậu khom người nhòm qua khe cửa, quan sát cái then cửa. Kẻ xấu thường lách mũi dao vào để gạt then sang bên, gạt từng tí một, nhưng ở đây không hề có vết xây xước nào. Khang Tiềm lại mở cửa, để Triệu Mặc Nhi vào quan sát mặt trong cánh cửa, chỗ cái then, cũng không hề có vết xước. Bọn bắt cóc không hề cạy cửa hậu, thì chúng vào nhà bằng cách nào?

Kỳ lạ thật! Khang Tiềm nói hôm đó ông ta vào đây tìm vợ thì cửa hậu vẫn cài then im lìm. Tức là, bắt cóc xong chúng không hề thoát ra theo lối cửa sau, thế thì chúng ra theo lối nào?

Cái túi thơm bị thao tác “gián tiếp, qua không gian” đã là oái oăm, nhưng vụ bắt cóc này còn oái oăm gấp bội! Chúng đưa người đi xuyên tường hay sao?

...

“Ông hàng xóm ơi...”

Triệu Mặc Nhi đang mải nghĩ thì nghe thấy tiếng phụ nữ gọi, bèn ngoảnh lại. Một phụ nữ tuổi gần năm chục, vẻ hiền từ, trang phục phẳng phiu, hai tay bưng một cái bát sứ to men chàm, bên trên úp cái đĩa trắng, mùi thức ăn bay ra thơm nức.

Khang Tiềm bước ra ngoài cửa hậu, gượng cười: “Chào chị Vũ!”

“Xuân Tích và cháu vẫn chưa về à? Mình chú ở nhà, chắc mấy hôm nay ăn uống chẳng ra sao. Có người biếu ông Vũ nhà tôi hai con thỏ, tôi đã nấu xong rồi, đem biếu chú một bát để nhắm rượu!” Nói rồi bà đưa cái bát cho Khang Tiềm.

“Kìa, tôi đâu dám nhận!” Khang Tiềm vội từ chối.

“Có gì đâu mà! Hai nhà chúng ta là một, chúng tôi cũng đã từng ăn các món bên nhà chú...”

Khang Tiềm đành đón lấy: “Đa tạ bà chị!”

“Chàng trai này... là ai?” Bà nhìn Triệu Mặc Nhi.

“Cậu ấy họ Triệu, có cổ vật muốn bán cho tôi, đang xem xem cửa này có đủ rộng để khiêng vào hay không...”

Triệu Mặc Nhi không quen nói dối, cậu đang lúng túng thì may sao Khang Tiềm đã khéo bịa lí do. Cậu thở phào nhẹ nhõm.

“Thôi, các vị làm việc đi!” Bà ta quay ra, rồi đi vào cửa nhà mình ở ngay bên cạnh.

Triệu Mặc Nhi và Khang Tiềm đóng cửa hậu, cài then, rồi trở vào nhà. Cậu hỏi: “Bà hàng xóm ấy, là ai vậy?”

Khang Tiềm đặt bát thịt thỏ lên bệ bếp, rồi đáp: “Bà ấy là Chu thị, vợ ông Vũ Tường. Chúng tôi là hàng xóm đã hơn chục năm. Nhà họ có ba anh em, anh cả là Vũ Tường, làm việc ở bộ Lễ, mê đồ cổ nên hay sang chơi nhà tôi; nhị đệ là Vũ Ngao, mấy năm trước đã từng đi trấn thủ miền tây với em tôi Khang Du, năm kia tử trận trong chiến tranh với Tây Hạ, vợ chú ấy là Liễu thị rất

thân với vợ tôi - hôm nọ cô ấy hẹn nhà tôi cùng đi chùa. Tam đệ là Vũ Kiều, đang là Thái học sinh.”

“Còn hàng xóm bên trái?”

“Chủ nhà họ Lý, nhưng nhà đang cho người ta thuê, là ông Bành, cũng có ba anh em. Anh cả là Bành Ảnh Nhi làm ở Ảnh Hý xã, nhị đệ là Bành Chủy Nhi làm nghề Thuyết thư ở quán trà, tam đệ là Thái y sinh, nhưng trường Thái y bị xóa sổ thì anh ta chỉ đi bán thuốc rong ngoài phố, mọi người gọi anh ta là Bành Châm Nhi.”

“Tôi đã từng gặp cả ba người này, thì ra họ là hàng xóm của bác. Các vị có thân với họ không?”

“Họ mới chuyển đến đây hơn một năm, không mấy hợp nhau, quan hệ chỉ hờ hờ thôi.”

Triệu Mặc Nhi tiếp tục xem xét gian bếp, không phát hiện ra điều gì lạ, bèn cáo từ Khang Tiềm. Ông ta có vẻ không vui vì thấy cậu không có được thu hoạch gì.

Triệu Mặc Nhi hơi khó chịu, gượng cười an ủi Khang Tiềm: “Bọn bắt cóc chưa có được thứ chúng muốn thì chúng chưa làm gì vợ con bác đâu! Tôi nhất định sẽ gắng hết sức.”

Cậu lại nói hai chữ “nhất định”.

Khang Tiềm vẫn lầm lì, gượng gật đầu.

Triệu Mặc Nhi vội chào ông ta và quay người đi, suýt nữa va phải một người béo đậm, râu ria lởm chởm - Bành Chủy Nhi!

...

Thực ra Bành Chủy Nhi đã nhìn thấy Triệu Mặc Nhi từ xa.

Quán trà nơi ông ta hành nghề Thuyết thư xế cửa sập Tụng thư của anh em Triệu Bất Vưu, ông ta hay nhìn thấy cậu nhưng ít khi nói chuyện. Bành Chủy Nhi tính tình hài hước, thích trêu những anh chàng “ng nghiêm chỉnh”.

Bành Chủy Nhi thấy hai người đang nói chuyện, bèn vội bước đến nghe ngóng, nhưng họ đã chia tay nhau. Suýt nữa Triệu Mặc Nhi va phải, ông ta đưa tay ra đỡ, rồi giơ một con cá chép lên sát người cậu, dung đưa, cười nhả nhỏ: “Xin lỗi Triệu đệ nhé! Cậu đến mua đồ cổ à? Thảo nào hai hôm nay không thấy anh em cậu mở hàng Tụng thư, tôi cứ ngỡ là cậu đi hỏi vợ!”

Triệu Mặc Nhi chỉ gật đầu mỉm cười “chào anh hai Bành” rồi bước đi.

Cậu ngoảnh nhìn hiệu đồ cổ, Khang Tiềm đã quay vào nhà ngồi lên ghế, cúi đầu, ủ rũ. Bành Chủy Nhi nhe răng cười bước vào nhà mình, gõ cửa ba tiếng, dừng lại, rồi gõ hai tiếng - theo quy ước với chị dâu.

Cửa chỉ mở ra một nửa, chị dâu Liễu thị lộ mặt ra, có vẻ căng thẳng, khẽ nói: “Chú hai mau vào đi!”

Bành Chủy Nhi vừa lách vào thì Liễu thị đóng cửa luôn.

“Anh cả đâu?”

“Đang ở dưới đó, lát nữa cơm chín tôi mới gọi anh ấy.” Chị dâu vẫn nói rất nhỏ.

Bành Chủy Nhi đưa lưng túi gạo và con cá chép cho chị dâu, chị mỉm cười đón lấy: “Chú lại phải tốn kém rồi.”

“Em nên làm mà!”

Anh ta lại cười. Lâu nay, hàng tháng anh ta đều đưa tiền cho chị dâu chi tiêu, đôi khi cũng mua thêm chút thức ăn, bà chị nhận một cách lạnh lùng cứ như “thu nợ” chứ đâu có nói ngọt như thế này? Mấy hôm nay vì Bành Ảnh Nhi “có chuyện”, thì chị mới tỏ ra tươi tỉnh ngọt nhạt hơn.

Liễu thị xách các thứ vào bếp, Bành Chủy Nhi nhìn lên bàn thờ kê sát tường là một mảnh ván nho nhỏ, trên đó có năm đất khô, bên trên cắm một cành cây khô. Cành này do Liễu thị đi chùa Tướng Quốc lấy về được. Sân sau chùa Tướng Quốc có cây

hồe cổ thụ vài trăm năm tuổi, trên cây có rất nhiều tổ chim, sáng sáng chim hót ríu rít vui tai hơn cả phường bát âm tấu nhạc. Nhiều người kháo nhau rằng đó là cây thần tiên, coi sóc cái lưởi và lời ăn tiếng nói, những người Thuyết thư và hát hò cúng bái nó thì sẽ được phù hộ phát đạt thịnh vượng. Năm đất và cảnh cây hồe, do Liễu thị bí mật đào và thó về nhà.

Anh cả Bành Ảnh Nhi vẫn đang ngồi dưới gầm bàn thờ.

Ngày trước Bành Chủy Nhi đến xem ngôi nhà này, chủ nhà kín đáo nói rằng: tường phía sau bàn thờ kê cái tủ gỗ to, kéo tủ ra thì có mấy bậc thang đi xuống “mật thất” bên dưới. Lúc đó Bành Chủy Nhi không bận tâm, khi vào nhà này ở rồi, cũng chỉ xuống nhìn một lần.

Nào ngờ ông anh lại có ngày phải dùng đến “mật thất” này.



## Đoán Trúng, Khám Phá

*Cấp bách cầu chi, chỉ thị tứ kỷ, chung bất túc dĩ đạt đạo<sup>[115]</sup>.*

*- Trình Di*

Tủ khóa, hộp cũng khóa, thì đánh tráo thứ bên trong bằng cách nào?

Cửa ra vào cửa sổ đóng chặt, thì vào ra theo kiểu gì?

Dọc đường, hai chuyện kỳ quái này vẫn khiến Triệu Mặc Nhi đau đầu. Về đến nhà, cậu nhìn ổ khóa và cửa đang đóng im ỉm, tự hỏi mình: không mở cửa thì vào sao được?

Vợ con Khang Tiềm bị bắt cóc, sinh tử của họ được quyết định trong ngày mai, chuyện đó lệ thuộc vào mình.

Cậu càng nghĩ càng hoang mang: “Vào thế nào đây, vào thế nào đây?”

“Chú bị đau chân à?” Giọng bé Hồ Nhi.

Chị Hạ dắt thẳng bé từ ngoài ngõ đi về.

Triệu Mặc Nhi vội mỉm cười: “Không! Chú đang nghĩ một việc.”

“Chú hai không đem chìa khóa à?” Chị Hạ nhìn Triệu Mặc Nhi, hỏi. Rồi chị lấy chìa khóa ra mở cửa, dắt Hồ Nhi vào nhà.

Hồ Nhi không chịu, nó nói: “Cháu đứng đây, cùng nghĩ với chú!”

Triệu Mặc Nhi nhớ đến câu nói của anh trai: càng kỳ quái càng nên nghĩ theo cách thông thường. Cậu bèn ngồi thụp xuống, cười với Hồ Nhi: “Chú hỏi nhé: nếu cửa đóng thì cháu vào nhà bằng cách gì?”

“Cháu đẩy cửa.”

“Nếu bị khóa rồi thì sao?”

“Cô Hạ có chìa khóa.”

“Cách thông thường” không ăn thua! Triệu Mặc Nhi trầm nghĩ.

Cứ theo cái lý thông thường, thì chỉ Doãn thị mới có thể đánh tráo các thứ trong túi thơm vì bà ta có chìa khóa. Nhưng, giả sử Doãn thị tham cái viên ngọc kia thì cũng không thể đem tính mạng đứa con ra đánh đổi. Nếu thay bằng Bác Ca, thì có lẽ Doãn thị dám làm; nhưng, bọn xấu kia thừa biết mình phải nhằm vào con đẻ của Doãn thị tức Tôn Viên. Là người mẹ thì tuyệt đối không thể vì tiền mà bỏ con, đây cũng là cái lý thông thường; trừ phi bà ta chắc chắn bảo đảm con trai mình không bị đe dọa tính mạng. Liệu có phải Doãn thị bố trí cho Tôn Viên lánh đi không?

Chắc không phải thế. Bọn bắt cóc không dễ gì buông tha, chúng đã theo dõi chặt nhà Doãn thị. Tôn Viên còn trẻ, có thể nảy lòng tham mà làm liều nhưng Doãn thị tính tình cứng cỏi, biết nghĩ, không thể tham viên ngọc mà bắt thằng con trốn biệt, trốn vĩnh viễn!

Cho nên, ở đây, cái lý thông thường nghe không xuôi tai.

Về vợ con Khang Tiềm, cửa sau đóng chặt, cửa trước có ông ta trấn giữ, cho nên dù kẻ xấu có vào được thì cũng không ra nổi - trừ phi chúng có phép độn thổ, tàng hình. Cái lý thông thường ở đây cũng không ổn.

À! Triệu Mặc Nhi bỗng nhớ đến gian buồng phụ ở bên cạnh bếp, là buồng ngủ của Khang Du.

Mấy hôm đó Khang Du không về nhà, thông thường, có lẽ vợ chồng Khang Tiềm cũng không vào gian buồng đó; ban ngày thì cửa bếp không thường xuyên đóng, kẻ xấu đã lập kế hoạch: đêm

hôm trước lén vào bếp rồi vào đó nắp, sáng hôm sau mò ra bắt cóc vợ con Khang Tiềm! Như thế, thì dù cửa sau có cài then cũng như không.

Tuy nhiên, vợ Khang Tiềm bất chợt trông thấy người lạ thì sẽ kêu âm lên, Khang Tiềm phải nghe thấy. Nhưng thực tế là ông ta không nghe thấy âm thanh gì lạ, chỉ văng vẳng nghe thấy tiếng vợ con cười đùa? Nhưng thằng bé lúc tắm nghịch ngợm, mẹ nó dù kêu lên thì Khang Tiềm chỉ nghĩ là bình thường, không để ý cũng nên? Ở đây, cái lý thông thường có vẻ đúng.

Có thể là, kẻ xấu bắt thằng bé Đồng Nhi trước, sau đó “khẽ” đe dọa và bắt cóc vợ Khang Tiềm, bà vợ không dám kêu và đành nghe lời chúng, mở cửa bếp rồi đi theo chúng. Nhưng, ra rồi thì cài then ra sao? Đứng ngoài, lách mũi dao vào mở then cửa thì dễ làm nhưng cài trở lại thì gần như không thể.

Ngoài ra, chúng bắt cóc rồi thì phải chuồn luôn, hơi sức đâu để cài then trở lại như cũ, vẽ rắn thêm chân, mua việc hay sao? Có lý gì để phải làm như thế?

Triệu Mặc Nhi vẫn đứng ngoài bầu cửa nhắm mắt nghĩ ngợi, Hồ Nhi không ngớt thúc giục và kéo tay, cũng không biết.

À, đúng rồi: kéo dài thời gian!

Trong tình huống đó, vẽ rắn thêm chân sẽ có hiệu quả! Khi chị Hai bên hàng xóm sang gọi vợ Khang Tiềm, thì Khang Tiềm đi vào bếp tìm vợ, nếu thấy cửa hậu không cài then thì ông ta sẽ bước ra tìm, nếu bọn xấu chưa đi xa sẽ bị lộ ngay. Nhưng nếu cửa hậu vẫn cài then thì ông ta sẽ quay lên tìm các gian phòng khác, như thế, “kẻ xấu bắt cóc con tin” sẽ có thêm thời gian để ung dung ra đi! Ngoài ra, khi thấy vợ và con bỗng dưng biến mất, Khang Tiềm sẽ kinh ngạc hoảng loạn - kẻ xấu bố trí nghi trận này khiến ông ta càng khó tìm ra hành tung của chúng.

Những lý lẽ thông thường này... có lý!



Nhưng, kẻ bắt cóc sẽ đứng từ bên ngoài cái then cửa thế nào đây?

...

Khang Tiềm vốn đang hận Xuân Tích và có ý định từ bỏ Xuân Tích, trước khi xảy ra vụ mất tích này.

Khang Tiềm là con người luôn cảm thấy mình lực bất tòng tâm. Từ nhỏ thể lực đã kém, chơi đùa với chúng bạn hàng phố thường bị tụt hậu, dẫu cố gắng cũng không thể. Khi đi học thì luôn thấy quá sức, khó hiểu; vào đời thì lù rù chậm chạp không biết ứng biến thích nghi. Cho nên Khang Tiềm ít nói ít tiếp xúc vì sợ bị lộ ra các điểm yếu thì bẽ mặt. Sống như thế, Khang Tiềm không có nổi một người bạn. Nếu không đi theo cha biết chút ít về đồ cổ thì e khó mà sinh tồn trên đời này.

Con người ta, kẻ có tài thì nông nghênh, kẻ bất tài thì keo kiệt; nắm được thứ gì trong tay, Khang Tiềm đều rất coi trọng. Biện Kinh nhân khẩu hơn một triệu, tiền bạc lưu thông hàng ngày hàng trăm triệu, nhưng thứ mà Khang Tiềm có được chỉ là cửa hàng này cùng gia đình ba người: vợ, con, chú em trai.

Nhưng, vợ và chú em trai lại khiến Khang Tiềm đau lòng!

Khang Tiềm từ nhỏ luôn bị chúng bạn lạnh nhạt và chòng ghẹo, chỉ có em trai Khang Du không bao giờ chê ông anh lù rù dần độn, trái lại, Khang Du còn nể sợ và nghe lời Khang Tiềm. Khang Du vạm vỡ khỏe mạnh, sẵn sàng xông ra chiến đấu với những đứa trẻ dám bắt nạt hạ nhục anh trai mình.

Trưởng thành rồi, Khang Du đi trấn thủ biên cương, khiến Khang Tiềm luôn lo lắng thấp thỏm. Sau ít năm, Khang Du trở về, không theo nghiệp nhà binh nữa, mà làm việc giấy tờ ở nha môn. Hai anh em lại ở bên nhau, khiến Khang Tiềm yên tâm vì có chỗ dựa. Khi Xuân Tích nấu cơm xong xuôi, cả nhà bốn người

quây quần ăn cơm nói cười, là lúc Khang Tiềm cảm thấy vui nhất trong ngày, và yên tâm vững dạ cảm nhận mình đúng là đàn ông.

Cho đến một hôm, Khang Tiềm vào bếp rửa tay, bỗng nhìn thấy Khang Du và Xuân Tích ở bên ngoài cửa hậu, hình như Khang Du muốn xách nước hộ Xuân Tích nhưng cô ta không chịu. Khang Tiềm nhìn thấy Xuân Tích đang nắm quai thùng nước, tay Khang Du thì đặt lên tay Xuân Tích.

Bỗng trông thấy Khang Tiềm thì cả hai phát hoảng buông tay ra, thùng nước bị đổ hết sạch, Khang Du và Xuân Tích đều đỏ mặt, Khang Du vội xách thùng, cúi gằm, đi ra giếng múc nước, còn Xuân Tích thì liếc nhìn chồng, sau đó đi vội vào bếp, mặt nghiêng sang bên, cầm thanh sắt cời lò củi xuống cời than...

Khang Du hể về nhà thì hay tranh làm các việc tương tự, nên Khang Tiềm cũng chẳng để ý, rửa tay xong lại quay ra cửa hàng. Nhưng lát sau lại ngẫm nghĩ, cảm thấy có chuyện không ổn. Tại sao cả hai lại phát hoảng, tại sao lại đỏ mặt? Hay là... Khang Tiềm thấy ngực đau nhói, sờ sờ, và ngừng ngay cái ý nghĩ này lại.

Lúc ăn cơm tối, cả ba vẫn trò chuyện như mọi ngày nhưng Khang Tiềm nhận ra Xuân Tích và em trai mình đều mất tự nhiên, sau đó chính Khang Tiềm cũng mất tự nhiên. Chỉ có đứa con trai Đồng Nhi vẫn không chịu ăn cho nghiêm chỉnh, cơm rơi vãi lung tung, Khang Tiềm gắt mắng mấy câu nó mới chịu ngồi ngay ngắn. Nhưng bữa cơm sao mà nặng nề, tẻ nhạt, hết sức khó chịu.

Cơm xong, Khang Du nói là ở huyện có việc cần làm nên phải đi ngay, không ở nhà nữa. Xuân Tích thì im lặng, vẻ mặt lại lạnh lùng như mọi ngày, thỉnh thoảng mới nói đùa với Đồng Nhi mấy câu. Lòng Khang Tiềm như bị gai đâm.

Mấy hôm sau, Khang Du mới trở về. Khang Tiềm lập tức nhận ra chú em có vẻ rón rén, hình như đang thăm dò tâm trạng ông anh. Cái gai trong lòng Khang Tiềm hình như nổi cộm, mọc dài ra thì phải? Khang Du là người nhạy bén, lập tức nhận ra, ánh mắt cậu ta càng thêm sợ hãi, thậm chí không dám nhìn Khang Tiềm và Xuân Tích.

Gia đình vốn êm ấm tròn trịa bỗng rạn nứt.

...

Triệu Mặc Nhi dắt Hồ Nhi vào sân, cậu vẫn mãi nghĩ về cách cài then cửa, nếu đứng bên ngoài.

Hồ Nhi rất muốn chơi đùa với chú Triệu Mặc Nhi, nhưng chẳng được hưởng ứng. Triệu Mặc Nhi bước đến cửa căn phòng chính, thử khép vào mở ra mấy lần, ngẫm nghĩ, nhưng vẫn bế tắc - không thể đứng ngoài mà cài được then cửa bên trong.

Thằng bé Hồ Nhi đang có con bọ ngựa tết bằng lạt tre, buộc sợi dây vào cổ bọ ngựa, kéo đi kéo lại, miệng hô: “Bay đi! Bay đi chú!” Nó quăng con bọ ngựa vào trong nhà, đúng lúc đó Triệu Mặc Nhi lại khép cửa lại. Hồ Nhi cầm dây kéo bọ ngựa ra thì bị mắc ở khe cửa, nó rồi rít gọi: “Kìa chú ơi, bọ ngựa của cháu!”

Triệu Mặc Nhi ngớ ra, rồi cậu bỗng hiểu rõ tất cả: dùng sợi dây! Buộc sẵn sợi dây vào then cửa, nếu cửa có khe ván thì luồn đầu dây qua khe ván, thò ra ngoài, khép cửa lại, sau đó từ từ rút dây... là có thể đứng ngoài mà cài then! Cậu nhìn cánh cửa trước mặt, có khe hở giữa các mảnh ván ghép.

“Hồ Nhi cho chú mượn sợi dây một lát!”

“Để làm gì hả chú?”

“Chú có trò chơi này rất hay.”

“Được ạ!” Hồ Nhi cởi sợi dây buộc bọ ngựa ra, đưa cho Triệu Mặc Nhi.

Cậu lập tức làm thực nghiệm: buộc một đầu dây vào đầu then cửa, luồn đầu dây còn lại qua “guốc” cài then, rồi luồn qua khe hở giữa hai tấm ván cửa, thả đầu dây thò ra ngoài, cậu bảo Hồ Nhi tạm giữ hộ. Sau đó Triệu Mặc Nhi cúi người luồn ra ngoài, đứng dậy, khép chặt cửa lại. Cuối cùng, thận trọng kéo dây ra... Quả không sai, hoàn toàn có thể đứng ngoài kéo dây rồi cài được then cửa bên trong!

Vấn đề chỉ là thế! Cửa hậu nhà Khang Tiềm tuy khít không có khe hở giữa các tấm ván nhưng lại có mấy lỗ một đục thủng ở chỗ gần then cửa, có thể lợi dụng...

Nổi bản khoăn như đám mây đen ám ảnh, đã le lói tia sáng.

“Hồ Nhi thấy chưa, chú đứng ngoài cũng cài được then cửa rồi!”

“Cho cháu chơi với!”

“Được!”

Nhưng Triệu Mặc Nhi bỗng nhận ra một điểm bất hợp lý: ừ thì đã kéo được then cửa cài rồi, sau đó sẽ tháo sợi dây ra như thế nào?

“Chú ơi, then cửa cài rồi thì vào sao được?” Hồ Nhi bỗng hỏi.

Lại một điều hóc búa nữa.

Triệu Mặc Nhi gượng cười, chạy vào bếp cầm con dao nhọn ra lách qua khe ván nhích then cửa trở lại từng tí một, mở được cửa ra. Cậu nhìn kỹ khe ván, mũi dao để lại vài vết xước. Ở cửa sau nhà Khang Tiềm, có lẽ bọn bắt cóc không dùng dao để nạy.

“Đến lượt cháu chơi!” Hồ Nhi nắm cái dây.

“Chờ chú vào trong đã.”

Triệu Mặc Nhi chiều ý nó. Cậu bước vào, đóng cửa, Hồ Nhi đứng ngoài kéo dây, dù tay yếu nhưng loay hoay một lát nó cũng kéo được then cửa cài vào.

“Cháu làm được rồi, chú hai ơi! Cháu làm lần nữa!” Hồ Nhi

thích thú kêu lên.

Triệu Mặc Nhi lại chơi cùng nó, đồng thời suy nghĩ xem phải làm gì để tháo được dây ra, sau khi đã cài then.

Sau vài lần chơi cài then, Hồ Nhi thấy chán, lại chơi con bọ ngựa. Triệu Mặc Nhi cởi dây khỏi cái then... rồi đầu cậu bỗng lóe sáng!

Cậu bảo chị Hạ trông nom thằng bé, rồi bước vào buồng của Biện Nhi tìm một sợi dây mảnh và dai, một cái kim khâu to, xỏ dây qua tròn kim. Sau đó vội vã đi ra, lại thuê con lừa, đi đến Tiểu Hoàn Kiều tìm Khang Tiềm.

...

Khang Tiềm đang ngồi nhìn vào cửa hậu của bếp, nghĩ đến vợ con.

Kể từ khi vô tình nhìn thấy “cảnh đáng ngờ” giữa Khang Du và Xuân Tích, Khang Du rất ít khi về nhà, nếu về thì cũng không đi xuống nhà dưới, chỉ mua vài đồ chơi cho Đống Nhi, ngồi cửa hàng nói chuyện với Khang Tiềm một lát rồi lại đi. Xuân Tích nếu có mặt ở cửa hàng thì Khang Du cũng hỏi thăm qua loa mấy câu, thế thôi.

Khang Tiềm rất buồn, nhưng cũng tự hỏi mình: hay là tại mình cả nghĩ quá? Nhưng, nếu “hai đứa” không vấn đề gì thật thì tại sao lúc đó lại hốt hoảng, tại sao Khang Du ngày càng sợ không dám nhìn thẳng vào anh trai và sợ nói chuyện với chị dâu Xuân Tích? Tính Khang Du vốn thẳng thắn không ưa vòng vo, nếu nó “trong sáng” thật thì tại sao nó không nói thẳng với anh trai mà lại cứ né tránh?

Đời Khang Tiềm chưa từng gặp chuyện gì đáng buồn như thế, từ đó Khang Tiềm ngày càng hay cáu gắt đối với Xuân Tích, hai vợ chồng thường cãi cọ... đang lúc rất buồn phiền thì mẹ con

Xuân Tích bị người ta bắt đi.

Bị bắt một cách kỳ lạ, khi cửa sau vẫn đóng chặt! Triệu Mặc Nhi nói không có tà thuật phép ma gì, vẫn chỉ là mưu mô của con người. Nhưng mưu mô gì mà không cần mở cửa vẫn đưa người đi được?

Nhìn gian buồng xép của chú em Khang Du, Khang Tiềm bỗng giật mình. Nếu có kẻ nấp sẵn trong đó, thì khỏi cần mở cửa sau hẳn vẫn có thể bắt cóc vợ con Khang Tiềm.

Kẻ đó là ai? Khang Tiềm bỗng nhói lòng: chú em Khang Du?

Không, không thể! Khang Tiềm toát mồ hôi, vội dừng ngay cái ý nghĩ này lại. Không thể là Khang Du và chú ấy càng không viết bức thư “bắt chẹt” ấy, sau đó lên thuyền rồi làm cái chuyện kia...

Gạt bỏ mọi nghi ngờ, Khang Tiềm cảm thấy mình vừa thoát cơn bạo bệnh, toàn thân nhẹ nhõm nhưng cũng hẫng hụt rất nhiều.

...

“Ông hàng xóm ơi!”

Trước cửa có tiếng gọi, là Vũ Tường lớn tuổi nhất trong ba anh em nhà họ Vũ hàng xóm.

Vũ Tường và Khang Tiềm ở sát vách hơn chục năm nay, ông ta mê đồ cổ nên hay sang đây trò chuyện, coi như người bạn hiếm hoi của Khang Tiềm.

Khang Tiềm bước ra, thấy Vũ Tường và một nam giới béo đậm đang đứng cửa, là Ông viên ngoại ở huyện Tường Phù ngoại thành kinh đô. Tam đệ của Vũ Tường là Vũ Kiều đã từng giới thiệu ông ta đến giao dịch đồ cổ một lần nhưng chưa ngã giá đành gác lại.

Ông viên ngoại mỉm cười hỏi thăm: “Bác Khang vẫn khỏe

chứ?”

Vũ Tường khoảng 50 tuổi, người dong dỏng, hiền hòa, cũng mỉm cười: “Ông viên ngoại đã nghĩ lại, bằng lòng bán, nên đến đây bảo tam đệ nhà tôi đứng ra bảo đảm. Chú em tôi đang bận việc nên nhờ tôi làm.”

Mấy hôm nay Khang Tiềm chẳng thiết gì mua bán, nhưng nhà Ông viên ngoại có hai thứ cổ vật rất đáng mua: một chén rượu có quai chạm khắc hoa sen, một vành ngọc cài trang trí, rất giá trị nhưng giá hơi cao, cả hai ít ra phải 20 quan tiền. Khang Tiềm không sẵn tiền, bèn nghĩ đến con bò cái là của hồi môn khi Xuân Tích lấy anh, lâu nay vẫn đem cho thuê kéo cày, hiện đáng giá 10 quan tiền, mỗi năm thu về tiền thuê 1 quan, năm ngoài nó vừa đẻ một con bê. Khang Tiềm biết ông Ông có ruộng ở quê, cũng cần đến bò, bèn đề nghị đổi cả bò lẫn bê lấy hai cổ vật đó. Ông Ông chỉ muốn đổi bằng cái chén cổ mà thôi.

Khang Tiềm cố tỏ ra phẫn chấn, chấp tay chào rồi hỏi: “Ông viên ngoại bằng lòng với đề nghị của tôi chứ?”

Ông viên ngoại chép miệng: “Trả thêm ba quan tiền nữa, được không?”

“Tôi chịu thôi!”

Vũ Tường động viên: “Cổ vật thì nằm im, bò là vật sống và có thể sinh lợi, có thể đẻ con. Lúc này ông nói đã quyết định rồi mà?”

Ông viên ngoại vẫn muốn cò kè thêm nữa, không ngớt lăm băm khen ngợi cổ vật của mình rất có giá trị, còn Khang Tiềm thì chẳng thiết nhiều lời cũng chẳng thiết nghe, ngoảnh đi, thì bỗng nhìn thấy Triệu Mặc Nhi cười lừa đi đến. Tốt quá, có lẽ cậu ta đã tra ra điều gì đó?

Khang Tiềm bèn dứt khoát trả lời: “Chỉ thế thôi, mẹ đổi cái chén, con đổi cái vành ngọc.”

Ông viên ngoại hiểu rằng không thể nài thêm, bèn thở dài: “Được! Cũng được! Đã mất công đi lại mấy lần, tiền lộ phí cũng kha khá rồi, càng đi nữa lại càng thiệt! Tôi đã cầm nó đến rồi đây, chúng ta mời Vũ thị lang làm chứng, viết giấy tờ luôn đi!”

“Được!”

...

Mặc Nhi vào đến nơi thì Khang Tiềm đang bận việc đó.

Đang hào hứng để báo cho ông ta biết tin vui, cậu cũng nén sốt ruột chờ Khang Tiềm viết xong giấy tờ trao đổi bò bê lấy hai thứ cổ vật, rồi hai bên cùng người làm chứng ký tên điểm chỉ. Xong xuôi, Vũ Tường cùng Ông viên ngoại ra về.

Khang Tiềm cất cổ vật đi, rồi hỏi: “Xin lỗi, đã để chú Mặc Nhi phải chờ đợi. Chắc cậu đã tra ra điều gì đó rồi?”

Triệu Mặc Nhi nói luôn: “Tôi đã nghĩ ra cách thức bọn xấu đã bắt cóc vợ con bác như thế nào.”

“Thế à?” Lần đầu tiên trong mấy hôm nay, Khang Tiềm hơi mỉm cười vui vẻ.

Triệu Mặc Nhi bảo ông ta đi vào bếp, rồi bước đến cửa hậu. Trước hết, cậu quan sát ván cánh cửa bên trái, chéch bên trên then cửa có lỗ một đục, rất nhỏ nhưng có thể luồn sợi dây mảnh chui qua. Cậu lấy sợi dây trong túi áo ra, buộc một đầu dây vào giữa then cửa - buộc kiểu thông do - chừa ra một đoạn dây khá dài. Sau đó cậu xỏ kim và dây qua lỗ một.

Khang Tiềm nghi hoặc nhìn Triệu Mặc Nhi thao tác. Triệu Mặc Nhi cười, cúi thấp người chui ra ngoài cửa, kéo hai cánh cửa lại cho chặt. Cậu lấy kim ra, sau đó rút dây. Then cửa bên trong khớp vào guốc gỗ, nó đã được cài chặt! Tiếp đó cậu rút mạnh đầu dây vừa nãy buộc thông do, nút buộc đã bị cởi ra, cuối cùng, rút toàn bộ sợi dây ra ngoài.



Rất nhẹ nhàng, không để lại vết tích gì, có thể đứng ngoài cửa mà cài được then cửa, sau đó lại thu được dây về.

Khang Tiềm đứng bên trong mở then, mở cửa ra nhìn Triệu Mặc Nhi, kinh ngạc nói: “Chú em tài thật, đã tìm ra vấn đề!”

Triệu Mặc Nhi cười: “Chỉ là mảnh lối vặt, nhưng chắc bọn xấu kia đã phải nghĩ nát óc đấy!”

“Nhưng chúng đã lẻn vào nhà như thế nào?”

“Tôi cũng đã nghĩ, nhưng muốn hỏi bác điều này đã: ban ngày, cửa hậu này có hay mở ra không?”

“Nhà tôi, khi ở nhà, thường ra ra vào vào cửa này, nên thường mở cửa.”

“Có thể là, kẻ xấu nhân khi các vị không chú ý đã lẻn vào nhà từ hôm trước, rồi nấp vào gian buồng ngủ của em trai bác.”

“Tôi cũng đã nghĩ đến khả năng này. Nhưng tôi nhớ rằng sáng hôm đó ăn cháo xong tôi có vào gian đó một lần để lấy cuốn sách “Kim thạch biên” của Âu Dương Tu soạn, sách này chú em tôi hay đọc trước khi đi ngủ, thì trong đó không có ai cả.”

“Hay là chúng nấp dưới gầm giường?”

“Không thể! Vì gầm giường bị nhét đầy các hòm xiểng. Buồng chật chội, nên các thứ phải nhét dưới đó, ba cái giường của nhà tôi cũng đều như vậy.”

Triệu Mặc Nhi bước vào gian buồng, đúng thế, gầm giường chật ních, chẳng có chỗ cho con mèo nấp; trong này có kê chiếc tủ nữa nhưng là tủ năm khoang, không thể chứa người. Cũng tức là kẻ xấu phải đột nhập từ bên ngoài.

Cách “xuyên tường” mà ra, đã được giải tỏa, nhưng kẻ xấu từ ngoài lọt vào theo kiểu gì đây?

Tia sáng vừa le lói, thì lại tắt ngấm.

...

Triệu Mặc Nhi lại đành chào Khang Tiềm, bắn khoăn trở về nhà.

Khi Triệu Bất Vưu về, cậu vội nói: “Anh ơi, bọn bắt cóc hạn cho cô Doãn ba ngày, chỉ còn ngày mai. Chúng dặn cô Doãn rằng nếu tìm thấy vật kia trong cái túi thơm thì buộc một cái dải lụa đỏ ở mái che sạp hàng nước.”

Triệu Bất Vưu nghĩ ngợi, rồi nói: “Chúng không biết là chưa tìm thấy vật đó, nên ta có thể dụ chúng lộ diện rồi tóm cổ luôn, thì sẽ tìm ra vợ con Khang Tiềm.”

Hai anh em bàn bạc một hồi, cho rằng chuyện này phải nhờ Cố Chấn cử nhân lực hỗ trợ. Triệu Mặc Nhi định đi tìm Cố Chấn thì vừa khéo Vạn Phúc đến, anh ta đến đưa lọ thuốc và mảnh vải tìm thấy trong người gã phu thuyền Cốc Nhị Thập Thất.

Triệu Bất Vưu nói với anh ta: “Chúng tôi đang điều tra giúp người ta một vụ bắt cóc, gia đình bị hại bị chúng đe dọa nên không dám báo quan. Ngày mai bọn bắt cóc có thể xuất hiện ở đầu cầu vòm, người có hãy bố trí vài cung thủ giúp ta giám sát được không? Và tạm thời đừng tiết lộ gì về vụ án này.”

Vạn Phúc mỉm cười: “Không vấn đề gì. Tại hạ có thể quyết định được. Triệu tướng quân cứ yên tâm, sáng mai tại hạ sẽ bảo hai cung thủ thân tín mặc thường phục đến phối hợp.”

Thế là ổn. Triệu Mặc Nhi bèn đi dặn dò Doãn thị.



**Mai Phục**

*Cái đặc chính tắc đặc sở chỉ, đặc sở chỉ tắc khả dĩ hoằng nhi chí ư  
đại<sup>[116]</sup>*

*- Trương Tải*

Sáng sớm hôm sau anh em Triệu Bất Vưu cùng đến đầu cầu vòm.

Đường phố vắng vẻ thưa người, Bác Ca đã bày sạp hàng nước, đang dựng cái ô. Theo bàn bạc hôm qua, thấy họ đến, anh ta giả vờ không nhìn thấy. Dựng xong cái ô, Bác Ca cầm dải lụa đỏ buộc lên cán ô, sau đó đeo lồng bánh, nói với Doãn thị đang ngồi sau sạp hàng nước: “Mẹ ơi, xong rồi, con đi đây!” Nói rồi Bác Ca quay người bước đi.

Triệu Mặc Nhi thấy Bác Ca lạnh lùng, vẫn có vẻ giận dữ. Doãn thị ngồi ghế chẳng buồn gật đầu, đôi mắt lòa nhìn lên trời, sắc mặt hơi tái, hai bàn tay gầy guộc nắm chặt vạt áo.

Triệu Mặc Nhi nhìn hai bên, tìm kiếm. Có hai người đứng dưới cây liễu bên bờ sông phía tây, đã nhìn thấy lúc nãy, đó là cung thủ của Cố Chấn, họ mặc thường phục, đang gật đầu với anh em họ Triệu.

Triệu Mặc Nhi chưa từng tham gia vụ việc kiêu này nên hơi căng thẳng. Triệu Bất Vưu khẽ nói: “Ở đây đã có hai cung thủ rồi, chú cứ đến tiệm Thập Thiên Cước xem xét đi! Bọn bắt cóc có lẽ đã biết mặt chú, chú cố đừng để lộ mặt.”

Triệu Mặc Nhi gật đầu rồi quay người bước đi. Triệu Bất Vưu lập tức bước lên cầu vòm, đi đến quán trà của Nhạc Chí Hòa.

...

Thập Thiên Cước tuy là quán để nghỉ chân nhưng lại là quán to rộng nhất ở hai bên bờ sông, bao gồm đủ thứ: quán rượu, quán ăn, quán trọ, nơi chát hàng... Triệu Mặc Nhi bước vào, chủ quán nhận ra cậu, tươi cười: “Triệu công tử đây à? Mời cậu vào! Cậu đi một mình à?”

Triệu Mặc Nhi thản nhiên cười nói: “Chào anh Khương! Chắc trên gác có chỗ trống? Tôi muốn ngồi một mình cho yên tĩnh.”

“Có, có, có! Lúc này còn sớm, trên gác rất vắng vẻ.”

“Cho xin ấm trà, thế thôi! Đến trưa tôi sẽ ăn cơm.”

“Vâng!”

Triệu Mặc Nhi lên gác. Trên này có hai gian, không cầu kỳ nhưng cũng ngăn nắp, cậu đi vào gian phía đông đang trống trải, cửa sổ nhìn về phía quán nước của Doãn thị. Có thể nhìn rõ tình hình.

Cậu kéo ghế sát cửa sổ để ngồi, có thể ghé ra nhìn nhưng không bị bên dưới nhìn thấy. Chủ quán bưng trà lên, rất ý tứ, im lặng không hỏi gì dù nhận ra Triệu Mặc Nhi có vẻ băn khoăn. “Mời Triệu công tử!” Rồi đi xuống nhà dưới.

Triệu Mặc Nhi nhìn xuống dưới kia. Mọi ngày Doãn thị ngồi bán hàng rất ngay ngắn, chăm chú, nhưng hôm nay bà ta cứ không ngớt quay phải quay trái nghe ngóng, có vẻ căng thẳng. Lúc này Triệu Mặc Nhi đi qua không tiện hỏi, nhưng nhìn tình hình bà ta lúc này chứng tỏ Tôn Viên vẫn chưa về.

Cậu bất giác cảm thấy áy náy: mình điều tra mấy hôm mà vẫn chưa có tiến triển gì, dù tối qua Triệu Bất Vưu cho rằng vì bọn xấu kia rất quỷ quyệt, tinh quái, nên điều tra vài ngày chưa có kết quả cũng là chuyện thường tình. Nhưng đây là lần đầu tiên cậu điều tra vụ án, Doãn thị và Bác Ca nhờ cậu, vụ việc lại liên quan đến tính mạng vợ con Khang Tiềm, cậu nghĩ mình non

kém, làm việc quá chậm chạp...

Tâm trạng cậu rất nặng nề.

Mong sao hôm nay bọn bắt cóc sẽ hiện thân, từ đó mới có thể cứu nguy cho vợ con Khang Tiềm.

...

Kẻ bắt cóc ấy là người như thế nào?

Theo Doãn thị kể lại, kẻ đó rất trẻ, chỉ hơn tuổi Bác Ca chút ít, nói năng nhẹ nhõm, áo quần hắt tỏa mùi thơm do xông hương, có cả mùi mực, nên có lẽ hẳn là thư sinh. Cứ xem mưu kế của hắn rất chặt chẽ không sơ sẩy, thì nên cho rằng hắn thuộc hạng có học vấn, có tài trí để dùng vào con đường công danh, tại sao hắn lại phải bắt cóc vợ con Khang Tiềm, rồi buộc người ta phải cắt tai ai đó, thậm chí là giết người? Người bị cắt tai là ai?

Kẻ đó chọn Doãn thị là người đi lấy hàng trả hàng vì bà ta mù, không nhìn thấy mặt hắn. Còn nguyên nhân hắn bắt cóc vợ con và uy hiếp Khang Tiềm là gì? Khang Tiềm gầy yếu, sức trời gà không chặt, có thể cắt tai người ta sao được? Khang Tiềm lại có chú em cao to lực lưỡng, đã từng đi biên cương đánh địch, trở về làm huyện úy gần như một võ quan... Hay là, hắn chọn Khang Tiềm là do có chú em Khang Du - vì chị dâu và đứa cháu nên Khang Du dám làm cái chuyện cắt tai người ta...

Triệu Mặc Nhi đang nghĩ ngợi thì bỗng nhìn thấy một người trẻ tuổi bước đến hàng nước!

...

Cậu vội bám chần song cửa sổ nhìn chăm chú. Nam giới ấy khoác áo cộc lụa xanh, tuổi chừng 23-24, bước đi nhanh nhẹn, trông có vẻ láu cá. Anh ta nhìn Doãn thị, hơi do dự dừng bước, rồi mới tiếp cận hàng nước. Doãn thị cũng nghe thấy tiếng chân

bước, hơi sững sốt, rồi đưa tay lên bàn nước, sờ vào cái bát - nếu bàn chuyện xong thì sẽ đập vỡ để làm tín hiệu.

Triệu Mặc Nhi nhìn ra bờ sông, không nhìn thấy hai cung thủ vì họ đứng bên trái lầu trà này, chẳng rõ họ đứng đó nữa không. Thấy nam giới kia đã bước đến dưới cái ô của sạp hàng nước, tim Triệu Mặc Nhi đập thành thạch, cậu vội chạy đến ô cửa sổ phía bắc nhìn xuống bờ sông. Chỉ thấy một cung thủ đứng bên cây liễu và chăm chú nhìn hàng nước. Cậu đã yên tâm, bèn chạy trở lại ô cửa sổ phía đông tiếp tục quan sát.

Nam giới kia bước lại sạp hàng nước cúi xuống nói gì đó với Doãn thị. Tay bà ta động đây, hình như nghe thấy tiếng bát vỡ, Triệu Mặc Nhi nhắm tịt mắt.

Nhưng Doãn thị không đập bát mà lại rút tay về, gắt âm lên: “Lần trước ta đã nói rồi, cấm bọn ba que các người đến tìm con trai ta! Nếu người còn đến nữa coi chừng ta sẽ hắt nước nóng vào mặt!”

Gã thanh niên cười, đưa tay gỡ đầu, nhìn sang hai bên, rồi quay người bước đi về phía đông, bộ dạng rất khệnh khạng.

Triệu Mặc Nhi ngớ người, lát sau mới hiểu ra gã đó là bạn của Tôn Viên, chắc cũng là một gã vô công rồi nghề, lò dò đến rủ rê Tôn Viên cho nên mới bị Doãn thị mắng nhiếc. Cậu thất vọng ngồi xuống ghế. Doãn thị hơi run rẩy, chuyện vừa rồi khiến bà ta thêm sợ. Triệu Mặc Nhi gượng cười, nhìn về phía bờ sông. Lúc này mới nhận ra người cung thủ thứ hai đang ngồi ở quán nước phía đông cây cầu chăm chú nhìn Doãn thị. Hai vai anh ta rũ xuống, cũng rất thất vọng thì phải.

Cứ thế chờ đến trưa, có vài người lần lượt đi đến gần sạp hàng nước nhưng Doãn thị không đập bát.

Sau mấy lần chứng hửng, Triệu Mặc Nhi rất mệt mỏi, cậu nhìn Doãn thị cũng hơi buồn buồn, còn hai tay cùng thủ thì đã

đổi vị trí mấy lần, trông hơi chờ đẫn, ngao ngán.

Nhưng kẻ bắt cóc chưa đến thì vẫn cứ phải chờ.

...

Buổi trưa, có thêm khách vào quán Thập Thiên Cước, Triệu Mặc Nhi không tiện ngồi lý mãi trên gác bèn đi xuống tầng trệt.

Cậu ngồi ở chỗ gần cửa ra vào quan sát sạp hàng nước. Cậu ngồi lâu quá, khiến chủ quán, người thu tiền và khách khứa bắt đầu... để ý đến cậu. Cậu đành bước ra, giả vờ đi dạo chơi loanh quanh, lên giữa cầu mua cái bánh rán ăn, lát sau lại xuống đầu cầu phía đông vào quán uống trà, tiếp tục canh chừng. Hai cung thủ thỉnh thoảng cũng di chuyển địa điểm.

Nhưng cho đến sẩm tối vẫn không thấy Doãn thị đập bát làm ám hiệu “kẻ xấu đã đến”.

Quán trà ở đầu cầu dọn hàng, Triệu Mặc Nhi đành đứng dậy đi lên cầu giả bộ ngắm cảnh. Lúc này Bác Ca đã bán hết bánh, trở về. Cậu ta vào nhà cất đồ nghề, rồi trở ra thu dọn cái ô, đem bàn ghế, vò, bát vào nhà. Doãn thị thì không muốn về, vẫn đứng góc phố trông rất thiếu ngủ. Triệu Mặc Nhi đang cảm thấy bần khoản, uể oải thì thấy Triệu Bất Vưu từ phía bắc cây cầu bước lại.

Cậu vội nói: “Có lẽ kẻ xấu sẽ không đến, anh ạ!”

Triệu Bất Vưu gật đầu: “Cũng được! Hôm nay chưa lộ diện, ít ra chúng ta cũng biết...”

“Là thế nào?”

“Nói chuyện ở đây không tiện, chú cứ đến khuyên nhủ Doãn thị đi! Chúng ta về nhà nói chuyện.”

...

Triệu Mặc Nhi bèn xuống cầu đi đến chỗ Doãn thị: “Có lẽ hẳn

không đến, cô cứ về đi!”

Trong bóng hoàng hôn, Doãn thị chờ dẫn gặt đầu, giọng run run: “Hay là hần đã bắt Viên nhi đi rồi?”

Triệu Mặc Nhi chỉ còn cách an ủi: “Chắc không phải thế! Nếu hần đã bắt Tôn Viên thì hần sẽ cho cô biết, sẽ càng dễ o ép hơn. Nếu không, bắt người sẽ chẳng có tác dụng gì.”

“Nhưng ba hôm nay thằng bé không về nhà.”

“Đoán rằng cậu ấy không sao đâu.”

“Đoán à? Đã mấy ngày rồi cháu chưa tìm ra chút xíu nào, vì cô không chi tiền cho cháu phải không? Hôm kia đưa cháu hai quan tiền, cháu không cầm, vì chê ít chứ gì? Vào nhà với cô, cô sẽ đưa tất tiền cho cháu, cô xin cháu Mặc Nhi giúp tìm Viên Nhi về đi!”

Doãn thị khóc nức nở, hai tay nắm chặt tay Triệu Mặc Nhi. Cậu vội đỡ bà ta: “Cô Doãn cứ yên tâm, vấn đề không phải là tiền. Cháu chưa thạo việc nhưng anh trai cháu vẫn đang giúp cháu điều tra vụ này. Anh ấy vừa nói đã tìm ra manh mối...”

“Thật không?”

“Cháu không nói dối cô. Cô cứ về, chịu khó ăn uống nghỉ ngơi kéo ốm thì gay.”

Triệu Mặc Nhi đỡ bà ta vào nhà. Bác Ca đã thắp đèn, và đang đứng trong bếp nấu cơm.

Cậu bước vào hỏi: “Mấy hôm nay có ai hỏi cậu về chuyện cái túi thơm hoặc có chuyện gì đáng ngờ không?”

“Không.” Bác Ca đang vo gạo, không ngẩng đầu lên.

Triệu Mặc Nhi đành chào rồi ra về. Cậu thấy Triệu Bất Vưu đã đứng chờ bên đường. Hai cung thủ thì đã ra về.

...

Về đến nhà, chị dâu đã chuẩn bị xong cơm tối. Mọi người ngồi



vào bàn ăn.

Triệu Mặc Nhi hỏi: “Vừa nãy anh nói là ít ra bọn bắt cóc ấy cũng để chúng ta biết một điều, là gì vậy?”

Triệu Bất Vưu: “Mấy hôm nay chúng tất nhiên luôn bí mật theo dõi Doãn thị và Khang Tiềm, và cũng biết chú Mặc Nhi đi đi lại lại mấy lần.”

“Lẽ ra em nên cảnh giác mới phải.” Triệu Mặc Nhi cảm thấy hối hận.

“Nhưng chưa chắc đã là chuyện dở. Kẻ kia rất cẩn thận, sẽ không để lộ dấu vết gì hết, nhưng không nhất thiết chúng phải hành động thì ta mới nhận ra chúng. Dù chúng nằm im bất động, ta cũng có thể suy đoán ra vài điều. Mấy hôm trước Doãn thị không mở hàng, chỉ ở nhà, thì chúng rất khó dò la được điều gì, anh cho rằng chúng không dám liều lĩnh dò hỏi Bác Ca...”

“Vâng. Lúc nãy em cũng hỏi Bác Ca nhưng không có ai dò hỏi cậu ấy. Vậy thì, chúng dò la được từ chỗ Khang Tiềm?”

“Có lẽ thế. Như chú nói, hai hôm nay Khang Tiềm cũng toàn ngồi nhà, nếu kẻ kia muốn dò la ông ta thì chỉ có thể dùng hai cách: một là, giả vờ là khách mua đồ cổ để vào dò xét nhưng cách này rườm rà và chưa chắc đã có kết quả. Hai là, không cần sắm vai khách hàng nhưng vẫn có thể lọt vào nhà Khang Tiềm...”

“Tức là người quen hoặc hàng xóm của Khang Tiềm?” Triệu Mặc Nhi kinh ngạc, cậu chợt nhớ đến một tình tiết. “Hai hôm nay em đến nhà Khang Tiềm, thấy hàng xóm ở bên phải bên trái là nhà họ Vũ họ Bành đều có người sang nhà ông ta. À, vợ con Khang Tiềm bị bắt cóc giữa ban ngày, cửa hậu nhà ông ta rất gần bờ sông, bọn bắt cóc đưa lên thuyền chở đi thì dễ bị người ta phát hiện ra, nhưng nếu kẻ đó là hàng xóm, bắt hai mẹ con lôi sang nhà mình, đến đêm mới chở đi thì sẽ chắc ăn hơn nhiều!”

“Chú hãy tiếp tục điều tra hai nhà hàng xóm đó, nhưng phải hết sức kín đáo, đừng để họ nhận ra.”

“Vâng.” Triệu Mặc Nhi gật đầu thật mạnh, và cảm thấy đầu óc đã sáng ra rất nhiều.

...

Sáng sớm hôm sau, Triệu Mặc Nhi đến nhà Bác Ca gặp Doãn thị.

Từ tối qua đến giờ, kẻ bắt cóc không lò dò đến, Tôn Viên cũng chưa về. Cậu đành an ủi mấy câu để Doãn thị ra mở hàng; rất có thể hôm nay kẻ bắt cóc sẽ xuất hiện, hai cung thủ Vạn Phúc cử đến vẫn đang đứng quanh đây giám sát. Bố trí xong xuôi, cậu vội đi ra Tiểu Hoàn Kiều gặp Khang Tiềm.

Đi đến nơi, cửa hàng đồ cổ vẫn đóng im ỉm, gõ cửa hồi lâu cũng không thấy gì. Nhưng chị dâu cả nhà họ Vũ hàng xóm là Chu thị bước ra: “Chú tìm Khang đại lang à? Ông ta vẫn đang ngủ.”

Triệu Mặc Nhi gật đầu, rồi lại gõ cửa, ghé tai nghe, vẫn không có động tĩnh gì. Chu thị lại nói: “Ông ta thường dậy sớm kia mà, hôm nay làm sao vậy? Cậu cứ chờ, tôi vào gõ cửa hậu xem sao.”

Triệu Mặc Nhi hơi băn khoăn đứng chờ, rồi thấy một thiếu phụ bước ra từ nhà họ Vũ, nói: “Chị cả mời cậu mau vào cửa sau nhà tôi, từ đó có thể đi sang.”

Triệu Mặc Nhi kinh ngạc, vội đi theo thiếu phụ. Đi qua gian chính, gian trong và bếp, chưa đến cửa sau thì đã nghe thấy Chu thị đang vừa đập cửa vừa gọi: “Khang đại lang! Khang đại lang!” Triệu Mặc Nhi vội chạy lên trước rồi chạy ra ngoài, đi đến cửa hậu nhà Khang Tiềm. Chu thị chỉ vào khe cửa, nói: “Ông ta đang nằm dưới đất!”

Triệu Mặc Nhi vội nằm rạp xuống nhòm qua khe cửa rất hẹp,

nhìn thấy một bóng người nằm trên đất. Cậu thót tim, cố đẩy cửa, rồi lại nhòm, người ấy nằm bất động. Lẽ nào... cậu cố nén nỗi sợ hãi, rồi bảo Chu thị: “Bác cho tôi mượn con dao được không?”

Thiếu phụ kia cũng đã chạy ra đến nơi, nghe thấy vậy bèn nói “Tôi đi lấy dao” rồi lại chạy về nhà. Chu thị liền thoáng: “Ông ta sao thế nhỉ? Vợ thì đi vắng, ở nhà một mình, bị ốm hay sao?”

Triệu Mặc Nhi ngồi thụp xuống, thầm nghĩ: “Có lẽ Khang Tiềm đã chết. Ông ta bị sát hại cũng nên, nhưng cửa trước cửa sau đều đóng kín, kẻ xấu lại giở thủ đoạn cũ hay sao? Nếu đúng là Khang Tiềm bị sát hại thì mình phải thận trọng, không làm mất dấu vết mà hung thủ để lại. Mình phải bình tĩnh, bình tĩnh!”

Cậu vội nhìn cửa hậu, không thấy dấu vết cạy cửa, tức hung thủ không vào nhà bằng cách này. Nhìn cái lỗ mọt, hôm nọ cậu thử luồn dây cài then cho Khang Tiềm xem, ông ta hoảng sợ, đã lấy keo mỡ nhét vào, bây giờ vẫn bị bít kín. Chỉ có thể dùng cách đó để đứng ngoài mà cài then cửa...

Cậu đang nghĩ ngợi thì thiếu phụ kia đã bước ra đưa cậu con dao găm: “Dùng thứ này được không?”

Triệu Mặc Nhi gật đầu, cầm con dao, lưỡi dao rất sắc nhọn. Lách mũi dao vào, từ từ gạt then cửa sang bên. Bỗng từ bên phải vọng lại giọng nói lạnh lạnh của một nam giới, nghe quen quen: “Có chuyện gì thế?” Cậu ngoảnh nhìn: anh ta chừng 20 tuổi, gầy gò mảnh khảnh - là Bành Châm Nhi bán thuốc rong, em trai của Bành Chủy Nhi.

Triệu Mặc Nhi chẳng bảo sao, tiếp tục gạt cái then cửa, Chu thị đứng sau giải thích với Bành Châm Nhi. Nghe xong, anh ta lại léo nhéo: “Lâu nay khắp kinh thành đều hoang mang bất an, ngay chỗ chúng ta cũng xảy ra chuyện ư? Chị Khang đi đâu mà

mấy hôm nay chẳng thấy bóng?”

Lát sau đã mở được then cửa hậu. Chu thị và Bành Châm Nhi định đẩy cửa bước vào thì Triệu Mặc Nhi ngăn lại: “Từ từ đã! Hiện giờ chưa rõ tình hình ra sao, đừng vào!”

Sau đó cậu thận trọng mở cửa. Mùi rượu phả ra nồng nặc, Khang Tiềm nằm giữa sàn nhà bếp, bất động, bên cạnh là be rượu bằng sứ bị đổ nghiêng, gần nút be là một vũng ẩm ướt. Ngoài ra không thấy gì khác. Triệu Mặc Nhi rón rén bước lại, thấy Khang Tiềm há miệng, mặt mũi tái xám nhãn nhó và cứng đơ. Cậu cúi xuống đưa tay bắt mạch, da Khang Tiềm lạnh toát, không thấy mạch đập. Khang Tiềm đã chết.

Cậu buồn bã, từ từ đứng dậy, nếu không vì có ba người đang nhìn cậu thì cậu đã bật khóc. Bành Châm Nhi hỏi: “Chết rồi à?” Triệu Mặc Nhi gật đầu. Chu thị kinh hãi kêu lên: “Cha mẹ ơi, thế này là sao?”

Triệu Mặc Nhi nhìn vào trong nhà, cố gắng kìm nén cảm giác áy náy và bi thương, từ từ bước vào gian giữa. Thấy trên bàn có bát đĩa, một đĩa đựng dưa dầm tương và hai chai rượu. Bốn cái ghế đầu bên cạnh phủ một lớp bụi, chỉ một cái ghế là có dấu hiệu có người ngồi, cũng tức là một mình Khang Tiềm đang ngồi ăn. Hai gian nhỏ hai bên, cửa đang mở. Cậu bước vào nhìn một lượt, rồi lại đi ra cửa hàng bên ngoài, đều không thấy người ẩn nấp; cửa trước cũng vẫn đóng, cài then. Cậu lại quay vào bếp, cả ba người kia vẫn đứng ngoài nhìn ngó, vẻ rất ngạc nhiên. Cậu thấy gian buồng ngủ bên phải khép cửa bèn bước lại, đẩy cửa ra, cửa không cài then. Cậu bước vào nhìn, vẫn trống trải, cửa sổ cũng vẫn đóng chặt.

Xem xét một lượt xong xuôi, Triệu Mặc Nhi mới bước ra, nói với Bành Châm Nhi: “Cậu là người phương này, cậu đi mời trưởng phường và Bảo chính<sup>[117]</sup> đến được không? Rồi họ sẽ cử

người đi báo quan.”

Bành Châm Nhi ngần ngại, nhưng cậu ta cũng biết: khi xảy ra án mạng thì mọi người hàng xóm đều bị tra hỏi, không thể khác, nên cậu ta nhận lời đi luôn.

Triệu Mặc Nhi hỏi hai người phụ nữ: “Hai chị đừng đi khỏi đây, hai chị sẽ là người làm chứng. Chắc đây là chị dâu Hai?”

Thiếu phụ gật đầu. Chị ta là Liễu thị mà Khang Tiềm đã từng nhắc đến: hôm vợ con Khang Tiềm mất tích, Liễu thị đã từng hẹn vợ Khang Tiềm cùng đi chùa thắp hương. Triệu Mặc Nhi nhìn nhanh Liễu thị: vóc người vừa phải, vẻ mặt trầm tĩnh, buồn bã trước cái chết của Khang Tiềm nhưng không rầu rĩ thờ dãi như chị dâu cả đứng bên, Liễu thị vẫn có thể tự kiểm soát.

Chị ta cũng nhìn Triệu Mặc Nhi, rồi khẽ hỏi: “Công tử là...”

Lúc này Triệu Mặc Nhi nhớ ra mình cần khai thác “những người hàng xóm”, bèn nói: “Tại hạ là bạn của bác Khang Tiềm, mấy hôm trước bác ấy nhờ tại hạ tìm tung tích của vợ và con.”

Cậu quan sát hai người chị em dâu. Chu thị đang buồn bã nhìn thi thể Khang Tiềm, thấy họ nói chuyện bèn ngoảnh sang, hình như chị ta chưa nghe rõ Triệu Mặc Nhi nói. Còn Liễu thị thì nhíu mày, có vẻ hơi kinh ngạc: “Thế à? Chị Xuân Tích và cháu Đống Nhi... không phải hai mẹ con về nhà ngoại à?”

Chu thị cũng như bưng tỉnh, lớn tiếng: “Đúng thế, về nhà mẹ đẻ, sao phải tìm tung tích cái gì chứ?”

Triệu Mặc Nhi lắc đầu, nhìn thẳng vào họ: “Không phải thế! Hai mẹ con bị bắt cóc rồi!”

“Bắt cóc?” Chu thị há hốc miệng: “Cha mẹ ơi, là chuyện gì thế này?”

Liễu thị cũng kinh ngạc nhìn Triệu Mặc Nhi nhưng không nói gì, chờ nghe cậu nói tiếp.

Triệu Mặc Nhi: “Bọn bắt cóc đe dọa, cấm Khang Tiềm nói ra,

nên bác ấy mới bịa ra rằng vợ đi về nhà mẹ đẻ. Vụ việc này liên quan đến tính mạng hai mẹ con họ, hai chị đừng nói với ai, kể cả chồng con!”

Chu thị vội nói: “Vâng, vâng, vâng!”

Liễu thị nhìn thi thể Khang Tiềm, lẩm bẩm: “Thảo nào hôm đó tôi thấy sắc mặt Khang đại ca rất lạ, tôi vốn đã hẹn chị Xuân Tích đi chùa thắp hương, lúc sáng đi sang gọi thì Khang đại ca vào nhà tìm rất lâu, rồi quay ra nói là Xuân Tích đã về nhà mẹ đẻ. Về mặt nhăn nhó, nói năng âm ừ không rõ. Tôi ngỡ là hai vợ chồng đang giận nhau nên không dám hỏi thêm...”

“Hai vợ chồng hay giận nhau à?”

“Hồi đầu thì rất ổn, rất hòa thuận, tôn trọng nhau, nhưng về sau không hiểu sao, bắt đầu giận dỗi...”

“Có cãi nhau không?”

“Không. Cả hai đều kín đáo, nói nhau vài câu là cùng nhưng không to tiếng, chỉ âm thầm hậm hực, thế thôi.”

“Đúng thế! Có lần tôi thấy hai vợ chồng đều hậm hậm căng thẳng, tôi còn vun vào mấy câu. Mấy hôm trước đứa con làm vỡ cái chén trà, cả hai lời qua tiếng lại, thằng bé khóc nhè. Lần ấy cả hai cùng lớn tiếng.” Chu thị phụ họa.

Chuyện này, Triệu Mặc Nhi không thấy Khang Tiềm kể với mình.

Liễu thị bỗng hỏi: “Tại sao Khang đại ca không báo quan mà lại nhờ cậu? Cậu có bản lĩnh như thế nào?”

“Tôi họ Triệu, không có bản lĩnh gì, chỉ đi theo anh tôi mở hiệu viết lách, giúp người ta kiện tụng, điều tra các vụ án.”

“Anh trai cậu? Là Triệu tướng quân à?”

Triệu Mặc Nhi gật đầu. Liễu thị đang do dự định hỏi nữa, thì nhìn thấy Bành Châm Nhi dẫn một nam giới đứng tuổi, bước đi vội vã: “Trưởng phòng đã đến!”



## Chết Vì Rượu

*Kiến tiện thị xử kiến chi đạo, khốn tiện thị xử khốn chi đạo, đạo vô  
thời bất khả<sup>[118]</sup>.*

*- Di thư của Nhị Trình*

Trưởng phường là người giàu kinh nghiệm, nhìn thấy xác Khang Tiềm bên trong, ông ta chỉ đứng cửa, không bước vào; rồi bảo mọi người đứng lùi lại nhưng không được rời đi, sau đó hỏi từng người về mọi tình hình.

Triệu Mặc Nhi trả lời xong, tiếp tục nghĩ ngợi: ai sát hại Khang Tiềm? Tại sao sát hại? Lẽ nào chỉ vì thúc ép ông ta giao nộp các thứ trong cái túi thơm? Nhưng thi thể Khang Tiềm không có thương tích, trong nhà cũng không có dấu vết vật lộn đánh đập. Huống chi, Khang Tiềm chết đi, thì dù em trai là Khang Du tìm ra các thứ trong túi thơm thì anh ta cũng không trao trả kẻ xấu. Giết Khang Tiềm, sẽ là vô ích đối với kẻ bắt cóc, thậm chí có hại, hắn sẽ càng để lộ mình. Kẻ bắt cóc và kẻ giết Khang Tiềm là một, có thể như vậy không? Hay là hai sự việc không hề liên quan đến nhau?

Kẻ bắt cóc vợ con Khang Tiềm, có thể là hàng xóm gần kề, nhưng lúc này thăm dò hai chị em dâu nhà họ Vũ thì họ không có gì đáng nghi; chị dâu cả Chu thị không ngớt thở dài, có vẻ chân thành, vì hai nhà ở gần nhau nhiều năm, chị dâu hai Liễu thị tuy không buồn bã nhưng hôm mồng 8 vừa qua còn sang gọi Xuân Tích đi lễ chùa, chị ta càng không đáng nghi. Ba anh em họ Vũ bên hàng xóm thì anh hai đã tử trận, anh cả Vũ Tường, hôm

nọ cậu gặp, là người rất hiền lành, em út Vũ Kiều đang là Thái học sinh - nếu họ làm chuyện bắt cóc thì khó mà che mắt Chu thị, Liễu thị.

Nói một cách tương đối thì hàng xóm bên trái là nhà họ Bành đáng nghi hơn. Nhưng Triệu Mặc Nhi nhớ là mấy ngày trước và sau Hàn thực thì anh hai Bành Chủ Nhi vẫn đang Thuyết thư ở đầu phố Hương Nhiễm, ngày nào cũng trông thấy Bành Chủ Nhi hành nghề, không đáng nghi.

Triệu Mặc Nhi nhìn Bành Châm Nhi, ông trưởng phường đang hỏi anh ta về quá trình phát hiện ra thi thể, anh ta luôn miệng nói “Tôi không biết, tôi nghe thấy họ kêu ầm lên thì tôi chạy ra xem”. Anh chàng này thường suốt ngày đi rong các phố bán thuốc, chữa bệnh, vẻ mặt anh ta có vẻ rất bất ngờ trước cái chết của Khang Tiềm; nếu anh ta là hung thủ bắt cóc thì lúc này bảo anh ta đi mời trưởng phường, anh ta không từ chối, vì muốn ngụy trang bản thân.

Cho đến giờ Triệu Mặc Nhi chỉ chưa biết mặt anh cả Bành Ảnh Nhi của họ. Ông ta làm nghề “múa rối bóng” ở Cầu Lan Ngõa Xá<sup>[119]</sup> của kinh thành. Ông ta có thể là hung thủ chăng?

Cậu đang nghĩ ngợi thì nhìn thấy Cố Chấn đem theo Vạn Phúc và một thanh niên đến, cả ba đều cười ngượng.

Cố Chấn ngạc nhiên nhìn Triệu Mặc Nhi, hỏi: “Sao cậu lại ở đây?”

Triệu Mặc Nhi thấy xung quanh có người khác, nên không kể về vụ bắt cóc, chỉ trả lời tóm tắt quá trình sự việc này. Cố Chấn nghe xong, ngoảnh lại dặn anh thanh niên kia: “Diêu Hòa, người vào khám nghiệm đi!”

Thì ra Diêu Hòa là một “ngộ tác” tức nhân viên chuyên khám nghiệm tử thi. Mọi người đứng ngoài cửa hậu, Diêu Hòa vào kiểm tra; Vạn Phúc cũng vào ghi biên bản giúp.



Diêu Hòa khám nghiệm xong, đi lên nhà trên xem xét một lượt, rồi trở ra báo cáo với Cố Chấn: “Bẩm Cố đại nhân, không phải bị sát hại mà là chết do say rượu.”

Triệu Mặc Nhi và mọi người đều rất kinh ngạc, Chu thị thì kêu lên: “Ôi cha mẹ ơi...”

Diêu Hòa tiếp tục bẩm báo: “Trên người nạn nhân không có vết thương, vết xây xước, cũng không có dấu hiệu vật lộn chống trả; trên bàn trong nhà có hai chai rượu đã uống cạn, gần thi thể có một chai vẫn còn ít rượu, bỉ chức ném thử, rượu rất nặng. Quan sát thấy da mặt, lòng trắng của mắt đều vàng sẫm, đó là dấu hiệu của bệnh gan. Tóc khô cứng, da khô và mỏng, môi thâm, tức là nhiều ngày qua không ăn uống gì, bụng rỗng lại uống rượu mạnh rồi ngã xuống sàn, suốt đêm nhiễm hàn khí, gan suy kiệt dẫn đến cái chết!”

Triệu Mặc Nhi nghe xong toàn thân ớn lạnh, cậu thấy buồn và áy náy. Con người ta càng nguyên tắc thì nỗi lòng càng sâu nặng. Khang Tiềm là người rất nguyên tắc, có lẽ ông ta rất nặng lòng đối với người vợ. Mình đã hứa sẽ tìm được vợ con ông ta nhưng đến giờ vẫn không có chút manh mối; Khang Tiềm đau buồn quá mức, mượn rượu giải sầu, mình cũng có phần trách nhiệm đối với cái chết của ông ta...

Cậu đang buồn bã tự trách mình thì phía sau bỗng vang lên tiếng kêu bi ai: “Anh ơi... anh ơi...”

Một thanh niên áo quần xộc xệch, mặt mũi bụi bặm lách qua mọi người rồi đẩy cửa bước vào, phủ phục bên xác Khang Tiềm khóc âm lên.

Triệu Mặc Nhi vội hỏi Chu thị đứng bên, Chu thị gạt nước mắt, nói: “Đó là em trai Khang Tiềm.”

...

Hai anh em Khang Tiềm và Khang Du có khuôn mặt giống nhau nhưng Khang Du cao to vạm vỡ, trông biết ngay là dân võ nghệ. Anh ta là Huyện úy huyện Khai Phong, nhưng không hiểu sao trông người nhếch nhác bẩn thỉu thế này. Con người cao lớn ấy ngồi khóc lóc rất bi thương, khiến Triệu Mặc Nhi càng cảm thấy bứt rứt áy náy, không biết nên làm gì bây giờ.

Cậu bước đến bên Cố Chấn, khẽ nói: “Mời Cố đại ca ra đây nói chuyện.”

...

Hai người đi ra bờ sông Ngũ Trượng, Triệu Mặc Nhi bèn kể lại tỉ mỉ đầu đuôi sự việc. Cố Chấn nghe xong hơi cau mày: “Ta cứ tưởng Khang Tiềm chết vì say rượu, thì cũng là hết chuyện, nào ngờ lại có những tình tiết sâu xa bên trong. Chú em đã điều tra đến đây thì ta xin chú hãy làm tiếp, nếu cần ta hỗ trợ gì thì cứ nói.”

Triệu Mặc Nhi đã mất tự tin, nên ngao ngán nói: “Em đã hại Khang Tiềm tiên sinh, em không thể làm nữa.”

Cố Chấn vội động viên: “Chớ nói linh tinh! Đó là do tự anh ta nông cạn hẹp hòi, nghĩ quẩn, đâu liên quan gì đến chú? Vụ án này, đầu đuôi ra sao, nội tình thế nào, chỉ có chú nắm rõ nhất, hơn nữa chú đã từng đi theo anh trai làm nhiều vụ nghi án; nếu tìm người khác thì họ phải mày mò từ đầu mà chưa chắc đã được như chú. Chú đừng nghĩ ngợi lan man và không nên tự trách mình gì hết. Nếu chú không có năng lực thì ta đã không giao cho chú việc này.”

Triệu Mặc Nhi nản chí thật nhưng thâm tâm cậu vẫn không muốn dừng lại. Nghe Cố Chấn nói vậy, cậu bèn gật đầu.

Cố Chấn mỉm cười, vỗ vai cậu: “Thế mới đúng chứ! Hiện giờ chú nhìn nhận vụ án này như thế nào?”

Triệu Mặc Nhi suy nghĩ, rồi chậm rãi nói: “Vợ con của Khang Tiềm vẫn nằm trong tay bọn bắt cóc, sinh tử khó lường, những gì ẩn sâu trong đó còn chưa biết. Em và anh Triệu Bất Vưu đã bàn bạc, cho rằng bọn chúng chính là hàng xóm của Khang Tiềm. Sự việc bộc lộ như hiện giờ thì việc điều tra không cần bí mật nữa. Xin Cố huynh tuyên bố thẳng với bọn họ, như thế Mặc Nhi này có thể điều tra một cách danh chính ngôn thuận.”

“Điều này dễ thôi, chúng ta sẽ nói luôn...”

Triệu Mặc Nhi theo Cố Chấn đi đến bên cửa hậu nhà Khang Tiềm. Cố Chấn lớn tiếng nói với những người đang đứng ngoài đó: “Cái chết của Khang Tiềm còn một số điều chưa rõ ràng, ta ủy thác cho Triệu công tử tiếp tục điều tra tìm chứng cứ. Các người không được viện cớ thoái thác né tránh!”

Mọi người đều nhìn Triệu Mặc Nhi. Khang Du đã ngừng khóc, cũng ngoảnh ra nhìn.

Trước đó Triệu Mặc Nhi chỉ được Doãn thị nhờ điều tra, bây giờ chính thức được giao nhiệm vụ, cậu mới thật sự cảm thấy gánh nặng trách nhiệm, không cho phép cậu do dự gì nữa.

Cậu lấy hết can đảm chấp tay nói: “Mong được các vị quan tâm nhiều, Triệu Mặc Nhi tôi xin cảm ơn trước.”

Cố Chấn lại cảnh báo nhắc nhở mọi người mấy câu, sau đó mới dẫn Vạn Phúc và Diêu Hòa đi.

Triệu Mặc Nhi quay lại nói với Bành Châm Nhi: “Tôi muốn hỏi anh mấy câu.”

“Tôi?” Khuôn mặt dài nhọn của Bành Châm Nhi lộ vẻ kinh ngạc, đôi mắt híp không ngớt chớp chớp. “Có việc gì, công tử cứ hỏi.”

“Ở đây không tiện lắm, vào nhà anh được không?”

“Vào nhà?” Ánh mắt Bành Châm Nhi hơi sững sốt nhưng anh ta lập tức mỉm cười. “Được! Mời đi theo tôi.”

...

Bành Châm Nhi chưa bước đến cửa sau nhà đã gọi: “Chị ơi, nhà ta có khách!”

Triệu Mặc Nhi hơi ngạc nhiên, có cảm giác anh ta cố ý “đánh tín hiệu” nhưng cậu giả vờ như không biết, tiếp tục đi theo.

Đi đến cửa, Bành Châm Nhi chưa vào ngay, mà cúi xuống sờ ván cửa, nói một cách tự tin: “Cửa nứt to quá, bản lề cũng sắp hỏng, phải thay đến nơi.” Rồi anh ta mới đẩy cửa bước vào. Triệu Mặc Nhi cảm thấy anh ta cố ý lần lữa kéo dài thời gian. Bành Châm Nhi lại cười như đang rao bán thuốc ngoài phố: “Mời Triệu công tử vào.”

Nhà họ Bành bố trí na ná nhà Khang Tiềm, phía sau là bếp, cũng có một gian buồng ngủ nhỏ, chắc là của Bành Châm Nhi; ở giữa là một gian nhỏ, hai bên có hai gian buồng ngủ; nhà trên không mở cửa hàng, coi như gian tiền đường. Đồ đạc trong nhà chỉ tầm tầm, sắp đặt bừa bãi lộn xộn.

Bành Châm Nhi dẫn Triệu Mặc Nhi vào tiền đường, mời ngồi bên bộ bàn ghế kê giữa nhà, rồi gọi vào phía sau: “Chị ơi, khách đã đến!”

Có người bước ra từ buồng ngủ phía sau, một phụ nữ trung niên, thấp, gầy, gò má cao, miệng rộng, đôi mắt có nét cảnh giác. Chị ta hơi nghiêng mình chào hỏi Triệu Mặc Nhi: “Vị này là...”

Triệu Mặc Nhi biết chị ta là Tào thị, vợ của anh cả Bành Ảnh Nhi, chưa kịp đứng dậy trả lời thì Bành Châm Nhi đã nói luôn: “Đây là Triệu công tử, được quan phủ cử đến hỏi về vụ việc Khang Tiềm hàng xóm nhà ta chết đêm qua.”

“Khang đại ca chết rồi ư?” Tào thị mở to mắt, rất kinh ngạc.

“Bên đó ồn ào một chập, chị không nghe thấy gì à?” Bành Châm Nhi hỏi.

“Tôi đang mệt nằm trong đó, có nghe thấy tiếng khóc nhưng

không để ý. Thì ra là Khang Tiềm chết...”

Triệu Mặc Nhi quan sát vẻ mặt và cách nói của Tào thị, cảm thấy chị ta đang che giấu gì đó, biết tin hàng xóm chết mà cũng không tỏ ra buồn thương.

Cậu bèn hỏi: “Chị cả có biết vợ và con ông Khang Tiềm đi đâu không?”

“Vợ con Khang Tiềm? Không phải là về bên ngoại à?”

Triệu Mặc Nhi nhìn thẳng vào mắt Tào thị, có nét băn khoăn nhưng vẫn nhìn cậu chứ không né tránh, có vẻ như không biết chuyện thật, cậu bèn ngoảnh sang hỏi Bành Châm Nhi: “Anh Bành có biết không?”

Bành Châm Nhi cười: “Tôi biết sao được? Khang đại ca cực khó tính, hay ghen, ai nhìn vợ anh ta lâu một chút, anh ta liền trách ngay. Mọi ngày thấy vợ Khang Tiềm thì tôi cứ phớt lờ coi như không nhìn thấy. Còn thằng bé thì rất lém lỉnh, đôi khi tôi cũng mua cho nó cái bánh cái kẹo. Hiện giờ xảy ra chuyện với vợ con Khang Tiềm à?”

Triệu Mặc Nhi nghĩ, Bành Châm Nhi liền thoảng dẽo mỗ, cũng chỉ là thói quen mọi ngày và không có vẻ né tránh che giấu điều gì. Cậu cho rằng bà chị dâu và chú em chồng này có thể chưa nói ra chuyện gì đó nhưng họ đều không đáng nghi ngờ trong câu chuyện về Khang Tiềm và vợ con ông ta.

Cho nên cậu không trả lời, mà hỏi lại: “Anh cả và anh hai hôm nay vắng nhà à?”

Ánh mắt Tào thị hơi lạ, còn Bành Châm Nhi thì vẫn tươi cười: “Anh cả tôi về quê, anh hai thì vẫn đi Thuyết thư kiếm miếng cơm.”

Triệu Mặc Nhi cảm thấy “vướng mắc” của hai người này nằm ở chỗ hai người đàn ông đó, bèn hỏi tiếp: “Anh cả đi lâu chưa?”

Bành Châm Nhi chớp mắt, quay sang hỏi Tào thị: “Chị ơi, anh

ấy đi từ hôm Hàn thực thì phải?”

Tào thị “ừ...” nhưng hơi do dự.

À, vấn đề nằm ở anh ta - Bành Ảnh Nhi. Cậu hỏi tiếp: “Quê các vị ở đâu?”

Bành Châm Nhi: “Đặng Châu.”

“Các vị đến kinh thành mấy năm rồi?”

“Gần mười năm.”

“Năm ngoái nhà ta mới chuyển đến Tiểu Hoành Kiều này à?”

“Đúng! Anh hai của tôi tìm nhà này, vì rộng rãi hơn nhà cũ, tiền thuê thì na ná.”

Triệu Mặc Nhi cảm thấy dù hỏi nữa cũng không khai thác được thêm điều gì bèn đứng dậy: “Đã làm phiền hai vị, tôi xin cáo từ. Có lẽ hôm khác lại phải làm phiền các vị.”

Bành Châm Nhi: “Đến bữa trưa rồi, Triệu công tử nán lại ăn cơm đã rồi hãy đi?”

Triệu Mặc Nhi thấy Tào thị nguyệt Bành Châm Nhi, bèn cười nói: “Thôi! Cảm ơn.”

Cậu lại ra theo lối cửa hậu. Bành Châm Nhi níu lại khẽ hỏi: “Vợ Khang Tiềm có chuyện thật à?”

Triệu Mặc Nhi thấy sắc mặt anh ta đầy vẻ tò mò, cậu nhận định anh ta thật sự không biết gì thật, nên chỉ mỉm cười rồi quay người bước đi.

...

Cậu trở lại nhà Khang Tiềm. Hai chị em dâu nhà họ Vũ và hàng xóm đứng xem đều đã tản đi, thi thể Khang Tiềm vẫn nằm ở sàn nhà bếp, có mảnh vải dầy lên. Khang Du quỳ bên cạnh, không khóc nữa, chỉ cúi đầu, bất động.

Cậu lại cảm thấy buồn rầu áy náy, nhưng lập tức tự nhắc mình: ân hận nữa cũng vô ích, phải nhanh chóng khám phá ra

sự thật mới là điều cốt yếu.

Cậu bèn nhẹ chân bước vào, hỏi: “Tôi muốn hỏi Khang nhị ca vài câu, liệu anh có thể...”

Khang Du vẫn ngồi im, nói giọng trầm trầm: “Cứ hỏi đi.”

Góc trái trán anh ta xăm mấy chữ đen “Vân dục đệ lục chỉ huy” là phiên hiệu của quân lữ khi anh ta tòng quân năm xưa, nay đã chuyển sang ngạch văn quan nhưng vẫn không xóa đi, trông hơi “lạ mắt”.

“Anh là người đi nhận cái túi thơm, phải không?”

“Phải!”

“Anh nhận nó từ đâu? Hai cái tai đặt trong túi thơm, là thế nào?”

Ánh mắt Khang Du hơi ngưng lại. “Điều này liên quan đến một sự việc hệ trọng, vài hôm nữa tôi sẽ cho biết rõ tất cả. Trước mắt, cần tìm ra chị dâu và cháu tôi đã.”

Quan sát vẻ mặt Khang Du, Triệu Mặc Nhi hiểu rằng dù cố ép thì anh ta cũng không chịu nói ra. Cũng được. Cậu bèn hỏi: “Giữa trưa ngày thanh minh anh xuống thuyền, tìm một ông già, chuyển cái túi thơm ấy cho Khang đại ca, phải không?”

“Phải.”

“Khi anh ấy giao cái túi thơm cho Bác Ca, thì viên ngọc và hai cái tai vẫn còn trong túi?”

“Đúng! Ông già ấy rất đáng tin cậy. Tôi đã bí mật bám theo ông ta.”

“Anh đã cải trang như thế này và cũng đang bí mật điều tra bọn bắt cóc?”

“Đúng! Nhưng không thu được kết quả gì.” Khang Du nhìn thì thấy Khang Tiềm trên mặt đất, đôi mắt lại trào lệ.

“Tôi và anh trai tôi đã bàn bạc nhận định rằng kẻ bắt cóc là người hàng xóm nhà này, cụ thể là nhà họ Vũ và nhà họ Bành.”

“Thế ư?” Khang Du kinh ngạc, và đau xót, ân hận nói: “Quả nhiên là thế! Muốn bắt cóc chị dâu và cháu tôi, thì bọn hàng xóm làm là tiện nhất. Thế mà tôi không sớm nghĩ ra!”

“Trong hai nhà này, Khang nhị ca cho rằng nhà nào đáng nghi nhất?”

“Anh cả nhà họ Vũ là hàng xóm lâu năm với anh trai tôi, họ rất thân tình với nhau; tôi và chú Hai nhà ấy lại là chiến hữu ngoài sa trường, họ đều không thể làm chuyện đó. Anh em nhà họ Bành năm ngoái mới chuyển đến đây, nhà chúng tôi và họ không hợp nhau, không thân thiết, nên không biết rõ về họ.”

“Tôi vừa sang nhà họ Bành, chỉ có người chị dâu cả và chú ba Bành Châm Nhi ở nhà, nhưng sắc mặt và cách nói năng của họ cho thấy dường như họ không biết gì cả.”

“Ba anh em nhà ấy đều lang thang lặn lội kiếm ăn, nên rất thạo các mảnh che giấu.”

“Khi chưa điều tra làm rõ, thì cả hai nhà đều ở diện tình nghi. Tôi muốn hỏi Khang nhị ca điều này: vợ chồng anh Khang Tiềm mọi ngày có hòa thuận không?”

Khang Du hơi biến sắc, giọng nói cũng mất tự nhiên: “Hồi đầu hai anh chị sống rất hợp nhau, nhưng nửa năm nay có vài vấn đề...”

“Là gì?” Triệu Mặc Nhi vội hỏi.

“Cũng không phải là chuyện lớn, nhưng họ không hòa thuận như trước nữa.”

Hình như Khang Du giấu giếm điều gì đó, không muốn nói ra. Triệu Mặc Nhi không tiện truy hỏi, bèn nói: “Mong anh nhớ lại tỉ mỉ xem, hai nhà hàng xóm có điều gì khả nghi không?”

Khang Du chưa kịp nói thì Vũ Tường và một thanh niên bước vào: “Chào Khang Du.”

Sắc mặt Vũ Tường nặng nề, chắc là vừa nghe vợ kể cho biết



tin dữ về Khang Tiềm, bước vào nhìn thấy xác Khang Tiềm, Vũ Tường càng tỏ ra đau buồn. Nam thanh niên đi sau mặc đồ lụa trắng, khuôn mặt hao hao Vũ Tường, Triệu Mặc Nhi đoán anh ta là em út nhà họ, Vũ Kiều - đang là Thái học sinh. Nhìn thấy thi thể, Vũ Kiều giật mình sợ hãi, rồi cũng tỏ ra buồn bã.

“Sao lại thành ra thế này? Khang đại ca mọi ngày không hay rượu kia mà?” Vũ Tường thở dài. “Không nên cứ để thi thể nằm đây, chú Khang Du nên tìm quần áo mới sạch sẽ thay cho anh ấy; chùa Thượng Phương ở gần đây nhất, nên mời thầy ở đó đến làm pháp sự, chú nghĩ sao?”

Khang Du hạ thấp giọng: “Anh trai tôi không tin những chuyện đó.”

“Thế thì cũng nên lập bài vị, để cho bà con hàng xóm gần xa đến thắp hương. Chú ba hãy ra ngoài cửa hàng vàng mã mua tám bài vị, hương nến, vàng mã tiền giấy. Và cũng mời hai chị dâu của chú sang bên này giúp một tay.”

Vũ Kiều gật đầu, rồi quay người bước ra.

Triệu Mặc Nhi chú ý quan sát hai anh em họ Vũ, nét rầu rầu buồn thương rất chân thành, không có vẻ giả tạo. Lúc này họ đang muốn giúp đỡ Khang Du, Triệu Mặc Nhi không tiện hỏi gì thêm bèn cáo từ đi ra.

Triệu Mặc Nhi cười lừa ra về, vừa đi vừa nhớ lại những câu nói của Tào thị và Bành Châm Nhi, nói là anh cả Bành Ảnh Nhi đã về quê, hôm đó là ngày Hàn thực. Vẻ mặt và cách nói năng của hai chị em có vẻ không thật thà cho lắm.

Bành Ảnh Nhi làm nghề múa rối bóng, lại rất thạo “khẩu thuật<sup>[120]</sup>”, anh ta khá nổi tiếng trên các sân khấu ở Biện Lương. Triệu Mặc Nhi đã có lần xem anh ta diễn kịch “Tam quốc”. Bành Ảnh Nhi nấp sau tám màn lụa trắng điều khiển các con rối da<sup>[121]</sup> chạm trở tô màu thể hiện đủ các nhân vật như Lưu Bị,

Gia Cát Lượng, Quan Vũ, Trương Phi... ánh sáng chiếu vào trông rất sống động, chân tay có thể làm mọi động tác, đồng thời Bành Ảnh Nhi lại thuyết minh bằng các giọng phù hợp, cộng với tiếng chiêng trống, tiếng ngựa hí, tiếng gió, tiếng bước chân của người, ngựa, tiếng đao kiếm giao đấu... người xem có cảm giác như đang đứng ở chiến trường nhìn đại quân tung hoành chém giết.

Dịp Hàn thực và Thanh minh gần nhau, các nha phủ được nghỉ năm ngày, đó là cơ hội vàng của các điểm kinh doanh vui chơi giải trí, tại sao Bành Ảnh Nhi lại về quê? Vợ con Khang Tiềm mất tích trước Hàn thực một ngày, hôm sau Bành Ảnh Nhi “về quê”, hai sự việc này có liên quan gì không?

Bành Ảnh Nhi thường biểu diễn ở trung tâm Chu gia kiều bên ngoài cửa Vọng Xuân môn phía đông thành, không xa mấy, Triệu Mặc Nhi bèn cưỡi lừa đi đến đó.

So với các trung tâm tâm cỡ khác, thì nơi này chỉ là hạng hai; tuy nhiên nó cũng thiết kế hơn chục rạp và sân khấu. Đứng từ xa nhìn vào, thấy các rạp hát đủ sắc màu choán cả một vùng rộng đến hơn hai chục mẫu đất, bốn bề đều dựng cổng chào cao rộng treo cờ treo phướn sắc sỡ. Triệu Mặc Nhi đi vào cổng chào phía đông, tuy vẫn chưa thấp đèn nhưng đã rất đông khách ra vào. Bên trong là các hàng rào tô màu để đánh dấu các khu vực rạp hát, trong đó là rạp dựng mái che rất cao và thoáng, kê đầy bàn ghế; sân khấu dựng ở giữa hoặc ở trong cùng.

Dù chưa đến giờ náo nhiệt nhất, già nửa số rạp đã chật kín khán giả, trên các sân khấu đang biểu diễn đủ thứ tiết mục: kể chuyện, đàn, hát, đấu vật, múa đao, côn, múa rối... đủ thứ âm thanh huyền ảo chẳng khác gì bão tố mưa giông đang tràn đến...

Triệu Mặc Nhi nhớ là Bành Ảnh Nhi biểu diễn ở rạp phía tây

nam, cậu rảo bước đi về phía đó. Rạp này chưa đông, khán giả mới ngồi nửa số ghế, trên sân khấu có một nam giới cưỡi trần đang biểu diễn đá cầu. Triệu Mặc Nhi nhìn khắp một lượt, thấy ở một góc sân có một ông già ngồi bên lò than vừa đun nước vừa xem. Cậu đoán ông ta chuyên bán nước ở đây, bèn bước đến: “Chào ông!”

Ông già ngoảnh nhìn rồi hỏi: “Công tử muốn uống trà à?”

Triệu Mặc Nhi mỉm cười: “Không ạ! Cháu muốn hỏi ông một chuyện.”

“Hỏi gì nào?”

“Anh Bành Ảnh Nhi diễn múa rối bóng, đi đâu rồi?”

“Nghe nói có người tổ chức yến tiệc, mời anh ta đến diễn.”

“Anh ta đi từ khi nào?”

“Hôm thanh minh, nhưng đến giờ vẫn chưa về. Kể cũng lạ...”

“Chứ không phải hôm hàn thực?”

“Trước hôm thanh minh, anh ta vẫn diễn ở đây mà!”

“Liệu ông có nhớ nhầm không?”

“Tôi nhớ rất đúng, anh Bành Ảnh Nhi thường rẽ vào đây uống nước lê cho mát giọng, rồi mới ra sân khấu; dịp hàn thực không ai được nổi lửa, nên hôm trước tôi đã nấu cho anh ta ba ngày nước uống. Ba ngày ấy đông khán giả, anh ta diễn ba suất sáng, trưa, tối. Lúc nửa đêm trước thanh minh một ngày, diễn xong khát nước, anh ta còn mua nước lê của tôi...”



## Hận Sa Trường

*Phù sở dĩ vị chi quan vật giả, phi dĩ mục quan chi dã.  
Phi quan chi dĩ mục, nhi quan chi dĩ tâm dã, phi quan chi dĩ tâm,  
nhi quan chi dĩ lý dã<sup>[122]</sup>.  
- Thiệu Ung*

Sau khi về nhà, Triệu Mặc Nhi vội bàn bạc với Triệu Bất Vưu: “Anh ạ, em vẫn không sao đoán ra ai là kẻ bắt cóc vợ con Khang Tiềm. Anh em nhà họ Bành rất đáng ngờ. Anh cả Bành Ảnh Nhi hôm thanh minh bỗng đứng về quê, nhưng vợ là Tào thị và em trai là Bành Châm Nhi thì nói là anh ta đi hôm hàn thực. Tại sao họ phải nói dối?”

“Họ nói dối về thời gian, chứng tỏ anh ta không phải kẻ bắt cóc.”

“Sao lại thế?”

“Vợ con Khang Tiềm bị bắt đi trước hôm hàn thực một ngày, nếu Bành Ảnh Nhi là kẻ bắt cóc thì vợ và em trai nói dối hộ anh ta - sẽ nói sớm lên chứ không nói muộn đi.”

“À, đúng thế! Em cứ cảm thấy họ nói dối về ngày là có ẩn ý chi đây mà quên rằng ngày đó là trước hôm hàn thực, anh ta vẫn đang biểu diễn ở trung tâm giải trí. Có nghĩa là mấy anh em họ Bành đều không đáng nghi. Em nhớ rất rõ hôm đó nhị đệ Bành Chủy Nhi đang thuyết thư ở quán đối diện, còn tam đệ Bành Châm Nhi, nghe anh ta nói năng chứng tỏ anh ta không biết chuyện. Thế thì kẻ bắt cóc phải là anh em nhà họ Vũ, nhưng bọn họ không có vẻ gì là...”

Triệu Bất Vưu: “Cửa vẫn đóng, hai mẹ con biến mất... thế thì bọn bắt cóc chưa chắc là nam giới.”

“Thế ư? Đúng rồi! Sao em lại không nghĩ ra? Vụ bắt cóc này không do bị uy hiếp bắt đi, mà là bị người quen lừa đưa đi, phụ nữ sẽ càng dễ thực hiện. Nhưng... Vợ Khang Tiềm là Xuân Tích lúc đó đang tắm thì sẽ cài chặt cửa, thì dù người quen là hai bên hàng xóm gõ cửa, mở cửa thì Khang Tiềm ngồi nhà ngoài phải nghe thấy, nhưng ông ta nói chỉ nghe thấy tiếng Xuân Tích và đứa con nô đùa chứ không thấy tiếng động hoặc tiếng nói của ai khác.”

“Mấu chốt là ở đó. Chú nghĩ kỹ xem, trong tình huống như thế nào, không ai gõ cửa mà cửa lại mở?”

“Để đổ nước đi.”

“Mở cửa. Và bắt cóc.”

“Xuân Tích mở cửa hậu để đổ nước đi, một phụ nữ hàng xóm chờ sẵn bên ngoài gọi Xuân Tích... rồi lừa chị ta vào nhà mình. Còn đứa con trai Đống Nhi... thằng bé cũng chạy theo mẹ. Vậy là hai mẹ con bị lừa sang nhà hàng xóm? Không phải thế, vì sau đó Khang Tiềm đi vào bếp tìm vợ, thấy chậu nước tắm, nước vẫn còn chứ chưa đổ đi.”

“Chưa chắc là ra đổ nước. Có thể là vợ Khang Tiềm đã chủ động mở cửa. Dù là gì thì vẫn là chị ta ra mở cửa. Cửa không thể bị ai đó đẩy ra. Và, chị ta không biết mình sẽ bị bắt cóc, nếu biết, chị ta đã kêu cứu thì vụ việc sẽ bại lộ ngay.”

“Hôm đó Xuân Tích và chị dâu hai nhà họ Vũ là Liễu thị hẹn nhau đi chùa, Liễu thị gọi ở cửa trước, sau đó Khang Tiềm mới nhận ra Xuân Tích không có trong nhà. Hai bên hàng xóm có ba phụ nữ, ít ra Liễu thị cũng không đáng nghi.”

“Chưa chắc!”

“Anh cho rằng Liễu thị cố ý gọi, là nhằm đánh lạc hướng,

chúng tỏ mình vô can à?”

“Có thể. Khi cô ta gọi thì vợ con Khang Tiềm đã bị bắt đi rồi. Ngoài ra còn điểm này nữa: bọn xấu bắt cóc vợ con Khang Tiềm nhằm ép Khang Tiềm phải đi lấy đôi tai người và viên ngọc về. Thực ra chỉ cần bắt một trong hai người là đủ để ép Khang Tiềm phải nghe lệnh, và, bắt một người sẽ càng dễ làm, nhất là bắt đứa trẻ con - người quen biết, đồ nó đưa đi thì rất dễ, tại sao phải bắt cả hai mẹ con? Có vẻ không có lý...”

“Vâng... đúng là quái lạ. Có vẻ như bọn chúng mua thêm rắc rối.”

“Trong cái vô lý, thường ẩn chứa một cái lý nào đó. Ví dụ, một kẻ nói dối, nhưng chỗ sơ hở của hắn lại chính là sự thật. Ta không nên nhìn xuôi chiều, mà nên nghĩ ngược lại.”

“Nghĩ ngược lại? Nhìn xuôi chiều, là bọn chúng bắt cóc mẹ con Xuân Tích; nghĩ ngược lại, thì đó là... bọn chúng không bắt cóc hai mẹ con à?”

Triệu Bất Vưu mỉm cười: “Không thấy mẹ con Xuân Tích đâu, rồi lại có bức mật thư đe dọa, thì vụ bắt cóc này là có thật. Nếu nghĩ ngược lại, tức không có chuyện bắt cóc, mà là, tại sao chúng phải bắt cóc cả hai mẹ con?”

“Bọn chúng vốn dĩ muốn bắt thằng bé Đồng Nhi, nhưng Xuân Tích đã chủ động để cho chúng bắt mình? Nếu nghĩ thế thì càng vô lý.”

“Bắt cóc hai mẹ con, chỉ cần một trong hai người kêu lên thì sẽ bị lộ ngay. Nhưng vụ này hết sức im ắng, rất giống như lặng lẽ trốn đi chứ không phải là bị bắt đi. Rất có thể là... ma xui quỷ khiến, rồi ngẫu nhiên sa vào tay bọn bắt cóc.”

“Xuân Tích bỏ trốn ư? Cứ như Khang Du và hai chị em dâu nhà họ Vũ nói, thì mấy tháng nay vợ chồng Khang Tiềm hay cãi nhau, nhưng dù cãi nhau to thì cũng không đến nỗi phải bỏ

trốn! Xuân Tích dù bất mãn thì sẽ về nhà mẹ đẻ ít hôm, rồi chuyện cũng sẽ êm. Tính cách của Khang Tiềm như thế, không đến nỗi ông ta ngăn cản vợ. Nếu bỏ trốn, tức là do sợ hãi; Xuân Tích có thể sợ điều gì?”

“Chú nên suy nghĩ kỹ xem, có thể có điểm nào chưa thấu đáo không?”

...

Hôm sau, Triệu Mặc Nhi thuê lừa đi đến Tiểu Hoành Kiều.

Cái chết của Khang Tiềm, và sự ủy thác của Cố Chấn không cho phép cậu do dự gì nữa. Cậu quyết tâm điều tra bằng được vụ này, nhất định là thế.

Cha mẹ mất sớm, dù được cha nuôi và anh nuôi hết lòng chăm sóc thì cậu vẫn có những thiếu vắng hằng huyệt, hay rụt rè trong mọi việc, không dám tự tin. Giống như hai chữ “nhất định”, cậu rất ít khi nói ra thậm chí không dám nghĩ đến. Nhưng hôm nay cậu cảm thấy mình dám mạnh dạn nghĩ đến, không chút hoài nghi.

Lời nói của Triệu Bất Vưu đã thức tỉnh Triệu Mặc Nhi. Vợ con Khang Tiềm bị bắt cóc giữa ban ngày mà lại êm ru, lặng lẽ, thì quả là li kỳ khó hiểu. Điều này vẫn khiến cậu không sao hiểu nổi, lẽ nào chúng đi xuyên cửa mà vào? Nếu vợ Khang Tiềm tự mình muốn bỏ trốn, thì sự việc lập tức được làm rõ ngay.

Nhưng tại sao Xuân Tích phải bỏ trốn và còn đem theo cả đứa con?

Trận mưa xuân đêm qua đã tưới tắm khắp chốn tươi mát tinh khôi, trên cánh đồng xa xa, một vài nông phu đã ra đồng từ sớm, một người đang điều khiển con bò kéo cày, tiếng kêu của nó vọng lại khiến Triệu Mặc Nhi nhớ đến một chuyện...

Hôm đó cậu đến nhà Khang Tiềm, thì ông ta đang có vụ giao

dịch: dùng một cặp bò bê để đổi hai cổ vật của khách là một cái chén và một cái vành ngọc. Khang Tiềm nói “mẹ đổi chén, con đổi vành ngọc”, cậu ngờ ngợ không hiểu, khi họ nhất trí và viết giấy tờ mua bán, cậu mới biết mẹ là bò, con là bê!

Nhớ đến chuyện này, Triệu Mặc Nhi chột nghĩ, hay là... Xuân Tích cũng hiểu lắm?

Khang Tiềm, với tính khí của mình, sẽ không để cho vợ nhúng vào chuyện kinh doanh, nhất là những ngày này hai vợ chồng đang giận nhau thì Xuân Tích càng không ra cửa hàng để xem chồng mua bán. Chị ta ở phía trong nghe thấy câu “mẹ đổi chén, con đổi vành ngọc” thì cho rằng chồng định bán vợ con cũng nên? Nếu đúng là thế thì chị ta sẽ... bỏ trốn!

Tuy nhiên, gia đình họ dù không phải nhà giàu thì cũng thuộc hạng trung lưu, đủ ăn đủ mặc. Xuân Tích sẽ không rời trí đến nỗi cho rằng Khang Tiềm sẽ bán vợ con đi! Huống chi, giá bán cái chén cổ và cái vành ngọc e rằng quá rẻ.

Trừ phi... giữa hai vợ chồng có mối oán thù sâu nặng.

Theo hai chị em dâu nhà họ Vũ nói, vợ chồng Khang Tiềm gần đây hơi bất hòa, nhưng chưa đến mức ông ta phải... bán vợ đi!

Nhưng Triệu Mặc Nhi nhớ đến vẻ mặt của Khang Du khi anh ta nói, vẻ mặt rất không tự nhiên, hình như rất hối hận áy náy. Tại sao? Hay là giữa anh ta và chị dâu đã có chuyện tệ hại rất không nên có?

Và, ngay Khang Tiềm, khi nhắc đến Xuân Tích thì tỏ ra lo buồn và cũng có vẻ né tránh không muốn nói nhiều đến Xuân Tích. Khi nói về chú em Khang Du, vẻ mặt ông ta cũng thế. Nếu em chồng và chị dâu “có chuyện” thật, thì Khang Tiềm tất nhiên sẽ rất điên tiết, dù không có ý bán vợ đi thì Xuân Tích “có tật giật mình” cũng sẽ nghĩ đến khả năng xấu này.



Nghĩ đến đây, Triệu Mặc Nhi sốt ruột thúc cho lửa đi nhanh hơn.

Cậu vẫn tiếp tục nghĩ ngợi. Nếu Xuân Tích định bỏ trốn thì sẽ lặn lẽ ra đi, sau đó thì bị bắt cóc; như Triệu Bất Vưu nói, tức là Xuân Tích ngẫu nhiên gặp trúng kẻ bắt cóc. Có lẽ chị ta cầu xin giúp đỡ, nào ngờ gặp ngay kẻ xấu. Nếu thế thì kẻ đó là ai?

Chắc phải là một người có thể tin cậy.

Vợ chồng Khang Tiềm và nhà họ Vũ thân nhau, và rất ít giao thiệp với nhà họ Bành. Thế thì kẻ bắt cóc sẽ là người nhà họ Vũ.

Triệu Mặc Nhi bỗng nhớ ra: tam đệ nhà họ Vũ là Vũ Kiều có liên quan đến vụ giao dịch đồ cổ ấy. Lẽ nào là một âm mưu sắp đặt từ trước?

Đúng! Rất có thể Vũ Kiều đã dò la biết Khang Tiềm không dư dật vốn liếng, nhà có một bò một bê, vợ chồng đang bất hòa, nên anh ta lôi kéo để có vụ trao đổi ấy. Khi hai bên mặc cả, anh ta khéo léo dẫn dụ hai bên nói tắt bò mẹ bò con thành “mẹ, con”, từ đó hù dọa Xuân Tích, khiến Xuân Tích nài xin giúp đỡ, thế là vừa khéo để anh ta bố trí bắt cóc êm thấm.

Triệu Mặc Nhi phát hoảng về sự suy luận này của mình, cậu càng sốt ruột đi đến Tiểu Hoàn Kiều cho nhanh.

...

Đến nhà Khang Tiềm, cửa trước đóng, cậu vòng ra cửa sau, cửa sau cũng đóng và lại khóa nữa.

Cậu xuống lửa, đứng đó chờ. Đoán rằng có lẽ Khang Du đã đi khâm liệm cho Khang Tiềm. Chờ một lúc, bỗng thấy cửa nhà hàng xóm cốt két mở, Bành Chủ Nhi bước ra.

Nhìn thấy Triệu Mặc Nhi, anh ta mỉm cười hỏi: “Chú Triệu đấy à?”

Triệu Mặc Nhi gật đầu, mỉm cười: “Chào Bành nhị ca.”

“Nghe nói quan phủ ủy nhiệm cho chú điều tra vụ án này, có phải vợ và con Khang đại ca xảy ra chuyện thật không?”

“Xin lỗi, tạm thời chưa tiện nói gì.”

“Hà hà... hiểu rồi! Sáng sớm hôm nay Khang nhị ca đã đưa thi thể ông anh đi hỏa táng, chắc cũng sắp về rồi đây!”

“Anh Bành Ảnh Nhi chưa về à?”

“Anh ấ... chắc phải ít hôm nữa mới về.”

Triệu Mặc Nhi nhận ra Bành Chủy Nhi tuy cười nhưng mắt chớp chớp, như chưa nói hết. Xem ra, ông anh cả của anh ta hơi kỳ quái thật. Nhưng cậu không cần vặn gì.

Bành Chủy Nhi bỗng nói: “Cửa trước đã mở, Khang Du về rồi đấy! Bây giờ tôi đi mua ít vàng mã, là chỗ hàng xóm, nên thăm viếng nhau cho phải đạo.” Nói rồi anh ta bước đi.

Triệu Mặc Nhi lắng nghe, đúng là cửa trước có tiếng động, cậu bèn gõ cửa sau. Hồi lâu sau mới thấy Khang Du ra mở cửa. Khang Du đầu chít vành khăn trắng, mặc áo vải gai trắng, đôi mắt đỏ hoe, vẻ rất buồn bã.

“Chào anh Khang Du, rất xin lỗi đã làm phiền, tôi muốn hỏi anh mấy câu.”

“Mời vào nhà nói chuyện.”

Triệu Mặc Nhi theo Khang Du đi vào gian giữa, thấy trên bàn đặt bài vị Khang Tiềm, hương nến và các đồ cúng, cậu bước đến phía trước cúi đầu hành lễ, thầm nhẩm: Khang đại ca, tôi nhất định sẽ tra ra bọn bắt cóc, cứu vợ con anh về.

Chờ Triệu Mặc Nhi hành lễ xong, Khang Du hỏi: “Định hỏi về chuyện gì?”

Triệu Mặc Nhi hơi do dự, rồi đáp: “Chuyện này hơi khó nói ra, nhưng vì nó rất liên quan đến việc truy tìm hung thủ bắt cóc, tôi đành đánh bạo hỏi anh, mong anh đừng giận.”

“Cứ hỏi đi.”

“Trước khi vợ Khang đại ca bị bắt đi, thì hai vợ chồng đang giận nhau - điều này có liên quan gì đến anh không?”

Khang Du hơi biến sắc, cánh mũi phập phồng rất mạnh, vừa then vừa tức tối nhìn Triệu Mặc Nhi, nhưng rồi nổi hổ then và đau khổ lẫn át tất cả, cặp mắt nhìn xuống rồi gật đầu.

...

Khang Du bấy lâu nay rất muốn quên cái chuyện đó đi, nhưng càng cố quên thì lại càng không sao quên được.

Khang Tiềm hơn Khang Du năm tuổi, tuy luôn lạnh lùng ít nói, nhưng từ nhỏ anh luôn nghĩ đến em trai, luôn nhường em, dù chỉ là quả táo mẹ cho cả hai, thì Khang Tiềm cũng xin tự cắt ra - cắt không đều, và anh nhường Khang Du nửa to hơn. Vì anh biết chú em phàm ăn. Khang Tiềm luôn làm thế mà không bao giờ nói ra, nhưng Khang Du thì luôn ghi nhớ. Nhất là sau khi cha mẹ qua đời, Khang Tiềm càng thương yêu người em của mình. Hàng ngày tiêu pha tiết kiệm, nhưng hễ Khang Du về nhà thì Khang Tiềm nhất định sẽ mua cá thịt, nấu thêm vài món ăn. Sau khi lấy vợ, Khang Tiềm vẫn thế.

Chị dâu bằng tuổi Khang Du, tính tình hơi giống Khang Tiềm, trầm tĩnh ít nói, đối xử với Khang Du rất thân thiện; Khang Du có cảm giác Xuân Tích như người mẹ, rất mực tôn kính chị. Họ lấy nhau không lâu thì Khang Du tòng quân rồi đi biên giới tây bắc. Tuổi trẻ hào hùng, mạnh mẽ, mấy năm trời trấn thủ và giao tranh, hàng ngày đối diện với chiến lũy, sống cùng đồng đội, thể xác và tâm tư Khang Du luôn cháy bỏng bao khao khát. Rồi anh cũng được trở về kinh thành, bỗng nhìn chị dâu bằng con mắt khác, Xuân Tích duyên dáng nhẹ nhõm với nụ cười dễ chịu, với anh, chẳng khác gì đi giữa sa mạc bỗng nhìn thấy trảng cỏ xanh tươi, tự đáy lòng Khang Du chợt nảy sinh một niềm vui rất khó

diễn tả.

Xuân Tích không phải là chị dâu nữa, mà là một cô gái có khuôn mặt yêu kiều, tính tình dịu hiền.

Những ý nghĩ này khiến Khang Du sợ hãi nhưng anh lại không nén nổi và càng không thể dập xóa quên đi. Hễ nhìn thấy Xuân Tích, tim anh lại đập rộn ràng. Nhưng anh vẫn biết cô gái này là chị dâu của mình, nên anh không dám có bất cứ ý nghĩ nào quá trớn, nhiều nhất cũng chỉ là nhìn trộm Xuân Tích lâu hơn một chút.

Nhưng rồi sự việc vẫn không thể giấu kín mãi.

Hôm đó anh trở về nhà, ngồi cửa hàng nói chuyện với Khang Tiềm mấy câu, chơi với cháu Đống Nhi một lát, nhưng lòng anh thì vẫn nghĩ đến Xuân Tích, rồi anh đi vào bếp. Thấy Xuân Tích đang xách nước trở về, anh vội bước ra cửa đưa tay định đón lấy, nhưng Xuân Tích nói “không sao...” Khang Du cũng không nghĩ nhiều, nhất quyết giằng lấy thùng nước, sơ ý áp vào tay Xuân Tích. Đúng lúc đó Khang Tiềm bước đến nơi và nhìn thấy. Khang Du vội thu tay về, Xuân Tích cũng buông tay ra - thế là thùng nước đổ hết sạch.

Hôm đó Khang Du định ở lại nhà với anh chị, nhưng chuyện đó xảy ra khiến anh hổ thẹn không dám nhìn anh trai và chị dâu, lập tức xách thùng bước ra sông múc nước đem về, sau đó anh vội vã cáo biệt anh trai. Khang Tiềm chẳng thiết nhìn chú em, và cũng chẳng bảo sao, lạnh lùng ra cửa hàng ngồi xuống cái ghế kê ở một góc, giả vờ mở sổ sách ra xem.

Khang Du không dám về nhà nữa, nhưng ít lâu sau tự cảm thấy không đúng, bèn lại “đánh liều” trở về. Gặp Khang Tiềm, anh hỏi han tự nhiên như không có chuyện gì, nhưng Khang Tiềm thì lạnh tanh chẳng buồn nhìn, chỉ gượng gật đầu. Khang Du không dám đi vào nhà trong, bèn nán lại cửa hàng cố tìm

cách nói chuyện với Khang Tiềm nhưng Khang Tiềm vẫn giữ thái độ ấy, đôi khi ậm ừ một tiếng cho xong. Chị dâu nghe tiếng Khang Du bèn bước ra, Khang Du vội đứng lên chào và lén nhìn Xuân Tích, chị vẫn như trước, mỉm cười, khẽ đáp “chú đã về à” rồi quay người đi vào nhà trong.

Khi cả nhà bốn người ngồi ăn cơm, chỉ có thằng bé Đồng Nhi nói vài ba câu, chị dâu khẽ ậm ừ với nó, còn hai anh em thì cúi đầu lặng lẽ ăn. Ăn xong, Khang Du vội vã cáo biệt, gần như chạy ra khỏi nhà.

Kể từ đó, rất lâu anh mới về một lần. Chị dâu thì vẫn tĩnh lặng như trước, còn anh, anh đã không dám có bất cứ ý nghĩ gì nữa. Nhưng ông anh thì mặt vẫn lạnh như băng, giữa hai anh em dường như bị ngăn cách bởi một bức tường vô hình, lúng túng ngượng ngịu, không thể thân thiết vui vẻ như trước được nữa. Tình hình này khiến Khang Du vô cùng đau khổ và hối hận nhưng anh cũng không biết phải làm gì để chuộc lại lỗi lầm, anh thậm chí nghĩ rằng nếu cái chết có thể đổi lại được tình huynh đệ ngày trước thì anh cũng bằng lòng. Tuy nhiên, dẫu Khang Du chết đi thì e tâm bệnh của Khang Tiềm cũng không thể chữa tận gốc.

Hôm trước ngày hàn thực, sau khi chị dâu và Đồng Nhi bị bắt cóc, Khang Tiềm mới chủ động lên nha môn huyện tìm em trai. Khang Du đương nhiên không từ chối, anh đã giúp Khang Tiềm làm cái chuyện mà bức mật thư kia yêu cầu. Tuy Khang Du cũng lo cho hai mẹ con chị dâu, nhưng có thể làm một việc giúp anh trai thì anh cũng được an ủi phần nào.

Trước khi đi, Khang Du trình trọng quỳ trước mặt Khang Tiềm: “Anh ạ, đúng là em lúc đầu đã có ý nghĩ đối với chị dâu, trái với đạo làm người, ý nghĩ rất không nên có; nhưng em xin thề với trời đất: chỉ có hôm đó tranh xách thùng nước nên em có

chạm vào tay chị dâu, chứ tuyệt đối không có hành vi xấu xa nào khác. Từ sau đó, em không dám có bất cứ tâm địa nào nữa. Mong sao có thể cứu chị và cháu Đồng Nhi về, và từ đó trở đi em không bao giờ dám nhìn chị nữa, nếu vi phạm, em xin tự khoét đôi mắt của mình để tạ tội!”

Khang Tiềm nghe xong thở dài, nói giọng trầm trầm: “Anh hiểu rồi. Em đứng dậy đi...”

Nhưng giờ đây anh trai bỗng nhiên ra đi, chị dâu và cháu vẫn chưa biết ở đâu, sinh tử ra sao, Khang Tiềm mang theo tâm bệnh từ giã cõi đời, thì kiếp này Khang Du không còn cơ hội để chuộc tội nữa. Nghĩ đến đây, Khang Du nước mắt tuôn rơi lã chã...

...

Nghe xong, Triệu Mặc Nhi hết sức thương cảm, cậu rất muốn khuyên nhủ an ủi Khang Du nhưng không biết nên nói gì đây.

Khang Du lau nước mắt, thở dài thườn thượt, rồi gượng cười, hỏi: “Sự việc là như thế. Mặc Nhi muốn hỏi điều gì nữa không?”

Triệu Mặc Nhi lắc đầu, khẽ nói: “Xem ra, bọn bắt cóc chính là nhà họ Vũ hàng xóm.”

“Nhà họ Vũ? Sao lại thế?”

Triệu Mặc Nhi nói cho anh ta biết những suy đoán của mình.

Nghe xong, Khang Du im lặng hồi lâu mới nói: “Chị dâu tôi hiểu lắm anh Khang Tiềm, có khả năng này, nhưng tại sao nhà họ Vũ phải làm thế?”

“Có lẽ nhà ta và nhà họ có xích mích gì đó, nhưng nhà ta lại không để ý?”

Khang Du lại ngẫm nghĩ. “Nhị đệ nhà ấy là Vũ Ngao...”

“Vũ Ngao đi lính đã tử trận ở biên giới rồi?”

Khang Du lắc đầu: “Không! Mà là tôi giết Vũ Ngao.”

Triệu Mặc Nhi kinh ngạc, mở to mắt.

“Tôi và Vũ Ngao rất hợp tính nhau, cùng tòng quân, cùng ở một quân doanh. Trên sa trường thường có các đồng đội bị trọng thương mất chân mất tay, tàn phế, tôi đã từng nói với Vũ Ngao rằng những đồng đội ấy còn sống nhưng khổ sở đã đành mà còn làm khổ cả nhà, thà chết đi còn hơn. Cho nên hai chúng tôi bàn nhau rằng: nếu một trong hai chúng tôi bị thương nặng, dù chữa lành mà vẫn cứ không tự lo liệu được, thì người kia cứ cho một nhát đao nhân đạo luôn cho gọn!”

Triệu Mặc Nhi nghe mà nhói lòng.

Khang Du tiếp tục nói: “Chúng tôi đồn trú ở Bản Tinh Khẩu đường Kinh Nguyên, dịp ấy có khoảng ba trăm quân Tây Hạ đến tấn công cướp lương thực, tôi và Vũ Ngao là chánh và phó đô đầu, chỉ huy một trăm quân sĩ. Sau một phen tử chiến tiêu diệt gần nửa quân địch, chúng tôi tổn thất gần bốn chục người, quân địch tháo chạy, tôi và Vũ Ngao quyết định để lại mười binh sĩ, dẫn năm chục binh sĩ truy sát quân Tây Hạ. Nào ngờ bị trùng mai phục của địch, thế là phải huyết chiến một trận, đánh lui bọn chúng nhưng chúng tôi chỉ còn sót lại chục người, tất cả đều bị thương nặng. Lúc đó tôi mới nhìn Vũ Ngao, anh ta nằm gục trong vũng máu, trên mình bị vô số nhát đao, các vết thương đang chảy máu, tay trái bị chém đứt, bụng bị rạch lòi cả ruột gan ra ngoài. Anh ấy chỉ còn thoi thóp thở, toàn thân co giật vô cùng đau đớn...”

Triệu Mặc Nhi buồn rầu nghĩ ngợi: bị thương đến mức ấy thì không thể cứu sống.

Khang Du ngừng lời, thở dài, rồi lại nói: “Tôi bò đến bên Vũ Ngao, nhìn thấy tôi, anh ấy nói “Cậu giết tôi đi”. Tôi rất buồn, rồi nghiêng rằng... đâm giúp anh ấy một nhát đao.

“Trở về, anh có kể chuyện đó với nhà họ Vũ không?”

“Không! Hai chúng tôi đã giao hẹn với nhau: dù ai làm chuyện đó, thì cũng không được nói với gia đình đối phương, cho nên tôi chỉ giữ im lặng.”





## Thái Bình Ngự Lãm

*Trung cương tắc túc dĩ lập sự nghiệp, xử hoạn nạn; nhược dụng ư  
tha, phản vi tà ác<sup>[123]</sup>.*

*- Thiệu Ung*

Thế thì đúng rồi, bọn bắt cóc vợ con Khang Tiềm chính là nhà họ Vũ!

Khang Du không kể lại sự thật cho nhà họ Vũ biết rằng: khi đó Vũ Ngao sắp chết không thể cứu vãn, “giết” anh ấy chính là giúp anh ấy đỡ phải chịu đựng đau đớn. Rất có thể, nhà họ Vũ nghe một trong các binh sĩ sống sót kể lại nên biết chuyện, binh sĩ ấy lại không biết rõ nội tình, cho rằng Khang Du đã giết đồng đội Vũ Ngao.

Nhà họ Vũ không hề biết “thỏa thuận” giữa Vũ Ngao và Khang Du, nên họ cho rằng Khang Du không kể lại tình hình là vì Khang Du có tội giết mình, lo sợ nên mới giấu kín chuyện. Thế rồi họ tìm cách bắt cóc vợ con Khang Tiềm để trả thù cho Vũ Ngao, ép hai anh em họ Khang lên Mai thuyền giết người! Họ cũng biết Khang Tiềm không làm nổi, người thực hiện đương nhiên sẽ là Khang Du.

Nhưng, tại sao nhà họ Vũ phải ép Khang Du đi giết người? Họ nhằm hãm hại Khang Du đã đành nhưng không nhằm chiếm đoạt viên ngọc của người khách mặc áo tím để thỏa mãn lòng tham.

Triệu Mặc Nhi tạm thời không thể hiểu, cậu bèn nói ra sự suy đoán vừa nảy của mình. Khang Du nghe xong rất sửng sốt, rồi

anh đau đớn hồi hận nói: “Thì ra tôi là kẻ có tội: tôi đã giết chiến hữu thân thiết, rồi khiến cho anh tôi phải chết...”

Triệu Mặc Nhi khuyên nhủ: “Khang nhị ca đừng tự trách mình như thế, những ân oán trong vụ việc này xuất phát từ sự hiểu lầm, tôi sẽ mời anh em nhà họ Vũ sang đây để nói rõ mọi sự thật.”

Vừa nói xong thì thấy Vũ Tường, Vũ Kiều bước vào, cầm theo một xấp tiền vàng mã.

Triệu Mặc Nhi nói luôn: “Chào Vũ đại ca, Vũ tam ca. Tôi đang định sang mời hai vị.”

Vũ Tường nói: “Mặc Nhi đệ có có việc gì à?”

“Việc hệ trọng, liên quan đến vợ và con Khang đại ca.”

Vũ Tường chưa hiểu: “Mẹ con họ sao rồi? Khang đại ca mất, mà chưa tìm người đi gọi họ về à?”

Triệu Mặc Nhi thấy vẻ mặt Vũ Tường rất tự nhiên không có vẻ gì là diễn kịch, thì cậu ngỡ ngợ, Vũ Tường không hề biết gì thật sao? Mình đã suy đoán nhầm? Nhưng cậu lại chú ý đến ánh mắt bất thường của Vũ Kiều đứng phía sau, đang nhìn tránh đi nơi khác. Chính là anh ta!

Cậu bèn nhìn thẳng vào Vũ Kiều, nói: “Chắc Vũ tam ca biết chuyện này.”

Vũ Tường không hiểu ra sao, ngoảnh lại nhìn em trai. Vẻ mặt Vũ Kiều càng trở nên mất tự nhiên nhưng anh ta cố trấn tĩnh, gượng cười: “Tôi biết sao được?”

Triệu Mặc Nhi nói rành rọt: “Tai và viên ngọc!”

Vũ Kiều lại gượng cười: “Tôi không hiểu anh nói gì.”

Vũ Tường kinh ngạc: “Tam đệ! Chú...”

Cơ mặt Vũ Kiều giật giật, ngoảnh sang bên tránh ánh mắt của anh trai, hậm hực cúi đầu không đáp.

Vũ Tường bực mình: “Tôi đã nói từ lâu rồi, chuyện đó hãy gác

lại, cầm chú xía vào. Chuyện đó vốn tại tôi làm trái quốc pháp, phải bị xử phạt...”

“Anh cả! Anh đừng oán trách chú Ba, tại tôi đã ép chú ấy làm!”  
Từ ngoài cửa bỗng vọng vào một giọng nữ, chính là Liễu thị - vợ Vũ Ngao.

...

Liễu thị chậm chậm bước vào, vẻ mặt điềm tĩnh, da mặt hơi tái tái; chị dâu cả Chu thị đi phía sau, vẻ sợ sệt, xem ra chị ta đã biết rõ sự việc.

Liễu thị nhìn Vũ Tường, nói: “Năm xưa anh cả làm những chuyện kia là vì hai chú em trai. Nếu anh không làm thế thì cả hai đã chết đói hoặc ốm mà chết rồi. Anh nói là gác lại nhưng bọn em không thể! Huống chi, nếu chuyện đó bị tiết lộ ra ngoài thì chú Ba sẽ bị liên đới. Nhưng ông trời có mắt, để cho kẻ thù bên hàng xóm...” Liễu thị nhìn Khang Du. “Hắn vì muốn độc chiếm quân quyền để dễ bề chuyển sang làm quan văn nên đã tàn nhẫn giết chết chồng em; nếu Hoàng tứ ca không kể cho chúng ta biết thì chúng ta vẫn tưởng hắn là hàng xóm cũ, là chỗ anh em thân tình! Từ khi biết sự thật, em đêm ngày luôn muốn trả thù cho chồng em, và cũng vừa khéo anh cả gặp phải cái chuyện kia, thế thì phải làm luôn thể cho gọn! Em vốn nghĩ nếu tên hung thủ này làm cái việc đó suôn sẻ thì coi như hắn đã lập công chuộc tội, em sẽ tha cho hắn; nào ngờ cái thứ ấy lại biến đi đâu không rõ, thế thì em đành phải giết luôn cái đồ cầm thú này đi!”

Liễu thị bỗng rút cái kéo trong người ra chạy đến đâm vào ngực Khang Du. Khang Du không những không né tránh mà còn uốn ngực ra!

Triệu Mặc Nhi đứng bên vội tóm chặt tay Liễu thị, chị ta vùng

ra để cố đâm bằng được; Vũ Kiều cũng chạy lại giật được cái kéo trong tay Liễu thị. Liễu thị cố sức giành lại không được, bỗng chột đứng im, rồi toàn thân mềm nhũn, ngồi sụp xuống đất khóc nức nở.

“Chuyện gì thế này?” Một giọng nam giới, là Bành Chủy Nhi, tay cầm một xấp tiền vàng mã thò đầu vào, đôi mắt đảo tròn nhìn khắp lượt mọi người trong nhà.

Triệu Mặc Nhi vội nói: “Không có gì, chỉ là chuyện nhỏ, lời qua tiếng lại mấy câu.”

“Thế thì tốt. Tôi thấy ồn ào cứ tưởng là có chuyện gì đó. Tôi sang thắp hương viếng Khang đại ca.”

Nói rồi anh ta bước vào. Chu thị vội đỡ Liễu thị đứng lên và dìu vào gian buồng ngủ bên cạnh. Vũ Tường và Vũ Kiều cũng tránh sang bên. Bành Chủy Nhi nhìn Khang Du, nói: “Xin chia buồn cùng Khang nhị ca. Từ nay chị dâu và cháu đều trông cậy ở Khang nhị ca.”

Khang Du khẽ đáp: “Đa tạ Bành nhị ca.”

Bành Chủy Nhi bước đến trước bàn thờ chắp tay vái ba vái, lẩm nhẩm: “Khang đại ca, hai chúng ta là hàng xóm, tôi đã từng được đại ca ưu ái không ít, mong đại ca ở dưới suối vàng yên ổn, có được thêm nhiều cổ vật và thư họa.”

Rồi Bành Chủy Nhi châm lửa hóa vàng, thả vào cái chậu sắt đặt dưới đất, chờ chúng cháy hết mới cáo từ ra về.

...

Triệu Mặc Nhi hỏi Vũ Kiều: “Vợ con Khang đại ca đang ở đâu?”

Vũ Kiều hậm hực bất bình, cúi đầu không đáp. Khang Du nhìn anh ta, ánh mắt hồi hận xen lẫn lo lắng sốt ruột.

Vũ Tường đứng bên quát lớn: “Chú đã làm gì hai mẹ con họ

rồi?”

Vũ Kiều khẽ nói: “Họ đang ở bến đò sông Ngũ Trượng, em đã nhờ ông Ngô trông coi họ.”

Triệu Mặc Nhi đã hiểu ra: Vũ Kiều chẳng qua chỉ muốn ép Khang Du đi giết người và lấy đồ chứ không định hãm hại mẹ con Xuân Tích, họ sẽ vẫn bình an, bèn hỏi: “Hai cái tai và viên ngọc trong túi thơm, là thế nào?”

Vũ Tường thở dài, nói: “Tôi thực đáng trách. Tam đệ, bức thư ấy vẫn ở chỗ chú chứ?”

Vũ Kiều lần trong ngực lấy ra một tờ giấy đưa cho Triệu Mặc Nhi. Cậu cầm xem, chữ xấu như gà bới.

*Mồng 10 tháng 3, bến thuyền phủ Ứng Thiên, thuyền khách Mai thuyền, giết hành khách mặc áo tím ngồi trong khoang nhỏ ở giữa bên trái, cắt lấy hai tai, lấy một viên ngọc, để làm bằng chứng. Giờ Ngọ ngày thanh minh ở cầu Hộ Long cửa Đông Thủy môn, giấu trong túi thơm gấm xanh hoa bách lý rồi giao hàng. Nếu không, ta sẽ tố cáo người cùng Minh Châu sứ giả Cao Ly âm mưu đen tối.*

Triệu Mặc Nhi nhìn thấy mấy chữ “phủ Ứng Thiên, Mai thuyền...” thì giật mình kinh ngạc, vội hỏi: “Thuyền chở khách nhà họ Mai, cánh buồm thêu bông hoa mai phải thế không?”

Khang Du gật đầu.

Triệu Mặc Nhi càng kinh ngạc, tim đập nhanh: vụ án này liên quan đến vụ án Mai thuyền bỗng dưng biến mất hôm thanh minh mà Triệu Bất Vưu đang điều tra.

Cậu lại hỏi Khang Du: “Anh đã giết Kiếm tử Lang Phồn?”

Khang Du lắc đầu: “Chuyện đó tôi có nghe nói, nhưng không liên quan gì đến tôi cả.”

Triệu Mặc Nhi lại nhìn bức thư. “Hành khách mặc áo tím”... còn Lang Phồn khi chết thì mặc áo lụa hoa văn hoa mai màu

xanh nhạt, nhưng thi thể Lang Phồn lại không ở trên Mai thuyền mà là ở trong con thuyền khách mới. Không sao, cậu vẫn cứ nghi ngờ.

Khang Du hình như cảm nhận được, hạ thấp giọng: “Khi lên con thuyền đó thì tôi đã chẳng bận tâm đến sinh tử nữa. Nếu là tôi giết thì tôi dám thừa nhận ngay.”

Anh ta nói rất kiên định, chắc không nói dối. Triệu Mặc Nhi lại hỏi: “Anh đã giết nam hành khách mặc áo tím chứ gì?”

“Tôi đã hứa với người ta, phải giữ bí mật cho họ. Ít lâu nữa người ấy sẽ tự đến gặp các anh.”

“Người đó là ai?”

“Xin lỗi, tôi không thể nói.”

Triệu Mặc Nhi đành tạm gác lại, cậu tiếp tục xem kỹ bức thư, rồi hỏi Vũ Tường: “Các người cũng bị người ta ép buộc phải không? Minh Châu sứ giả Cao Ly... chuyện là thế nào?”

Vũ Tường bỗng sa sầm nét mặt: “Đời tôi luôn nghiêm chỉnh tuân theo pháp luật, nhưng chỉ có chuyện này khiến tôi phải hối hận cho đến chết...”

...

Vũ Kiều không ngờ bị Triệu Mặc Nhi khám phá ra nhanh chóng như thế này.

Anh ta thậm chí hối hận. Thực ra Triệu Mặc Nhi không hề có chứng cứ gì, nếu mình sớm nói với anh cả Vũ Tường thì anh ấy sẽ không hỏi vặn mình trước mặt Triệu Mặc Nhi, nếu thế thì ít ra vẫn có thể lần lữa kéo dài ít lâu nữa. Hiện giờ coi như công cốc, vì vẫn chưa biết thứ “hàng” kia đang ở đâu...

Cha mẹ ba anh em họ Vũ mất sớm, anh cả Vũ Tường năm đó vừa đỗ tiến sĩ, nhưng vì phải để tang ba năm nên chưa được ra làm quan<sup>[124]</sup> nên không có bổng lộc gì. Ba anh em phải bán điền

sản của nhà để làm đám tang, để tang ba năm, nên hết sạch tiền bạc và còn mắc nợ họ hàng không ít. Sau khi mãn tang, Vũ Tường mới lấy vợ là Chu thị, lại nợ nần thêm nữa, cũng may, sau đó được bổ nhiệm làm quan Chủ bạ ở phủ Minh Châu, bèn đưa cả nhà cùng đi đến nơi nhậm chức.

Năm đó Vũ Kiều mới mười một, mười hai tuổi, bẩm sinh yếu ớt lắm bệnh, bổng lộc hàng tháng của Vũ Tường chỉ chưa đầy 10 quan tiền thì phải chi một nửa chữa bệnh cho em. Nhị đệ Vũ Ngao sức học kém, bèn đi học nghề võ, cũng khá tốn kém; ngoài ra, họ còn phải trả nợ cũ nữa, cho nên gia cảnh rất khó khăn.

Hồi đó triều đình dựng sứ quán<sup>[125]</sup> Cao Ly ở phủ Minh Châu, sứ giả Cao Ly đi đi về về đều qua nơi này. Nước Cao Ly rất ngưỡng mộ thư tịch Trung Hoa nên mỗi lần cử sứ giả đi công cán, sứ giả đều rất hay xin sách. Nhưng triều đình sợ lộ các chuyện cơ mật nước nhà nên chỉ cho phép họ xin kinh Phật, sách thuốc, và cấm đem các loại sách khác ra nước ngoài.

Cách đây mười một năm, Vũ Tường tháp tùng quan tri phủ Minh Châu đến Lạc Tân Quán, cùng triều đình tiếp đón tiễn đưa quý khách, mở tiệc chiêu đãi sứ giả Cao Ly. Giữa chừng, Vũ Tường ra ngoài đi vệ sinh, sứ giả Cao Ly cũng ra theo và gặp Vũ Tường trong nhà vệ sinh, ông ta đưa ra hai thỏi vàng để xin riêng Vũ Tường cấp cho vài bộ sách. Vũ Tường giật mình, rồi luôn miệng từ chối. Nhưng sứ giả Cao Ly ra sức nài nỉ, Vũ Tường thì bị vàng hấp dẫn, 20 lạng vàng tương đương ba trăm quan tiền. Cuối cùng, Vũ Tường đành liêu nhận lời.

Sách mà sứ giả Cao Ly cần là bộ sách “Thái bình ngự lãm” do hoàng đế Thái Tông sai các văn thần học sĩ biên soạn, nó là bộ “loại thư” gồm cả thảy một ngàn cuốn, tập hợp gần hai ngàn điển tịch trong thời gian trước thời Ngũ Đại<sup>[126]</sup> có thể nói nó là bộ bách khoa toàn thư về điển tịch Trung Hoa. Sứ giả Cao Ly đã

nhiều lần xin mua nhưng đều bị triều đình từ chối.

Lúc đầu Vũ Tường nói: “Tôi không dám cho ông, vì bộ sách quá đồ sộ công kênh, che mắt người khác thế nào được?”

Sứ giả nói: “Tôi không quá tham lam đâu. Nghe nói bộ sách ‘Thái bình ngự lãm’ bao gồm 55 phần, ba phần đầu là bộ Thiên, bộ Thời Tự và bộ Địa đều không liên quan đến chính trị và không thuộc diện cơ mật của quý quốc, tôi chỉ cần ba bộ đó mà thôi.”

Vũ Tường do dự hồi lâu, rồi hỏi: “Tôi sẽ giao cho ông như thế nào?”

“Ngày kia tôi lên đường về nước, theo thông lệ, quan tri phủ sẽ đến đình Hàng Tế để tiễn, Vũ chủ bạ sẽ tháp tùng ông ta; ông cứ nhét sách vào hai vò rượu, nói là rượu tiễn hành, công khai tặng tôi.”

“Bất cứ thứ gì cũng đều bị kiểm tra, tôi giấu sao nổi?”

“Ông dùng vải dầu gói sách lại nhét vào vò rượu, sau đó hơi chảy nén phủ lên trên, sau khi nén khô lại thì mức rượu đổ đầy vò. Nên chọn thứ rượu đục.”

“Bình thường tôi không bỗng dưng tặng ai rượu, làm thế sẽ bị nghi ngờ.”

“Ông yên tâm, lát nữa tôi sẽ tặng quà cho các quan, ngày kia ông cứ nói là tặng đáp lễ tôi.”

Thấy đối phương trù tính rất có lý, chắc sẽ không bị ai phát giác, Vũ Tường bèn nhận vàng cất vào túi áo rồi vội vã đi ra trước. Sau đó sứ giả Cao Ly cũng trở lại bữa tiệc, cười nói như thường. Rồi ông ta bảo tùy tùng đem các món quà ra: sâm Cao Ly, quạt gấp, giấy bút mực... tặng các vị khách đang có mặt, kể cả Vũ Tường.

Tiệc tan, Vũ Tường vội ra hiệu sách mua ba bộ sách gồm 50 quyển, mua hai vò rượu to, rồi nhét sách vào trong.



Sáng sớm ngày thứ ba, Vũ Tường bảo nhị đệ Vũ Ngao gánh hai vò rượu, cùng đến đình Hàng Tế. Đình Hàng Tế dựng bên bờ biển, là nơi tiền sứ giả Cao Ly. Đến nơi, các nhân viên lễ tân, tri phủ Minh Châu đang ngồi trong đình nói chuyện với sứ giả Cao Ly, trên bàn bày một số gấm vóc, đồ sứ, chắc là quà của tri phủ tặng sứ giả Cao Ly.

Vũ Tường cố trấn tĩnh bước vào đình, nói với sứ giả Cao Ly: “Hôm kia được ngài sứ giả tặng quà, Vũ Tường tôi chẳng có gì giá trị, chỉ có hai vò rượu lâu năm Minh Châu biếu ngài dùng ở trên đường.”

Sứ giả Cao Ly tươi cười, nói: “Tri phủ đại nhân và các quan ở đây đã cho quà rồi, Vũ chủ bạ lại đa lễ thế này tôi đâu dám nhận?” Ông ta nói xã giao mấy câu, rồi sai tùy tùng xách lên thuyền. Vũ Tường vội bảo nhị đệ Vũ Ngao gánh đến bên thuyền.

Con thuyền to đi biển đậu ngay bên bến tàu, các phu thuyền đang chuyển hàng lên. Triều đình có quy định các thứ cấm mang ra ngoại quốc, nên các quan chức đang kiểm tra rất kỹ mọi thứ hàng hóa. Nhìn thấy hai vò rượu, viên quan kiểm soát giơ tay ngăn lại, ra lệnh mở giấy dầu bịt kín miệng vò, nhìn thoáng qua, rồi hất tay cho phép phu thuyền chuyển lên.

Vũ Tường chưa làm cái chuyện này bao giờ nên rất căng thẳng hồi hộp. Thấy hai vò rượu được chuyển lên ổn thỏa rồi, Vũ Tường mới thở phào, lau mồ hôi trán.

Hai mươi lạng vàng ấy, một nửa dùng để trả nợ, nửa còn lại mời danh y điều trị cho Vũ Kiều. Mấy năm tiếp theo, Vũ Kiều đã bình phục rất tốt. Vũ Tường thì được điều về Biện Lương làm quan ở kinh đô. Chức vụ không cao, nhưng Vũ Ngao tòng quân, Vũ Kiều thi đỗ vào trường Thái học, cả nhà không giàu có gì nhưng cũng thanh tĩnh yên vui.

Tuy không ai biết chuyện Vũ Tường đã giúp sứ giả Cao Ly

mua sách, nhưng anh em họ Vũ thoát đầu cũng lo sợ nhưng rồi cũng dần quên đi.

Nào ngờ, trước hôm hàn thực, lúc sáng sớm Vũ Kiều đi vào bếp sau nhà thì nhìn thấy bức thư dưới đất. Mở ra xem, Vũ Kiều sợ hãi chờ người ra. Người viết bức thư nặc danh lại biết chuyện bí mật của anh cả Vũ Tường cách đây mười một năm, và dùng nó để ép Vũ Kiều đi giết người cướp của.

Anh ta vội đưa Vũ Tường xem thư, Vũ Tường kinh hãi giật mình. Hai anh em nghĩ mãi vẫn không thể đoán ra kẻ nặc danh này là ai. Hay là sứ giả Cao Ly đã mua chuộc không chỉ Vũ Tường mà còn cả người khác nữa, cho nên người đó mới biết chuyện bí mật này? Đã biết chuyện, tại sao hắn không tố giác ngay năm đó? Hơn chục năm sau hắn vẫn còn nhớ và lợi dụng chuyện đó để ép người ta. Sự thâm hiểm của hắn thực đáng sợ.

Hai anh em đau đầu suốt một ngày, đến tối Vũ Tường mới trấn tĩnh, nhận định rằng, lén cho sứ giả Cao Ly sách, đương nhiên là tội nặng, tội phản quốc, nhưng số sách ấy không phải là quân cơ bí mật, không gây ra hậu quả. Còn chuyện giết người cướp của thì tuyệt đối không thể làm, mình không thể tiếp tục phạm sai lầm, kẻ kia định tố giác thì cứ việc tố giác! Chuyện cũ vốn đã là phạm pháp, nhiều năm qua đôi khi nhớ đến, Vũ Tường vẫn không thể yên tâm. Có tội, đáng bị trừng phạt thì mình sẽ thẳng thắn chấp nhận, ít ra cũng cảm thấy an lòng.

Vũ Kiều nghe xong cũng không biết nói sao. Bao năm qua huynh trưởng đã hết lòng nuôi dưỡng mình, mình còn chưa báo đáp, nay nữ nào ngồi nhìn coi như không có chuyện gì? Vũ Kiều đang ngẫm nghĩ thì chị dâu Hai lén vẫy anh ta ra ngoài nhà, hai chị em cùng bàn kế sách, rồi nói là chuyện này phải tìm cách bảo Khang Du làm!

...

Nửa năm sau khi nhị ca Vũ Ngao chết, có một nam giới tên là Hoàng Tứ kín đáo đến nhà họ Vũ. Anh ta là quân sĩ dưới quyền Khang Du và Vũ Ngao, trong một trận ác chiến năm đó, anh ta bị cụt một chân, may sao vẫn sống sót. Anh ta nói mình đã tận mắt nhìn thấy Khang Du cầm đao đâm Vũ Ngao.

Khang - Vũ hai nhà là hàng xóm nhiều năm qua, Khang Du và Vũ Ngao rất hợp nhau, cho nên nhà họ Vũ không mấy tin lời Hoàng Tứ nói, riêng Vũ Tường thì rất tức giận, quát tháo đuổi anh ta ra. Chỉ có Liễu thị thì vẫn không quên chuyện này.

Ít lâu sau, Khang Du lập chiến công, được chuyển sang làm quan văn, trở về kinh thành. Liễu thị đã vài lần thử thăm dò và nhận ra rằng hễ nhắc đến Vũ Ngao thì Khang Du có vẻ bất an nên Liễu thị tin Hoàng Tứ nói là đúng.

Còn Vũ Kiều, thoát đầu nửa tin nửa ngờ, thấy chị dâu hai nói thế thì tin hoàn toàn. Nếu gán vụ ép buộc giết người này cho Khang Du thì nhà họ Vũ có thể thoát nạn lại có thể trả thù, đúng là cơ hội trời cho. Riêng Liễu thị thì đã nghĩ ra một ý: tìm cách bắt cóc mẹ con Xuân Tích, từ đó uy hiếp Khang Du. Khang Du sẽ phải làm chuyện này thay cho nhà họ Vũ.

Nhưng khó ở chỗ bắt cóc như thế nào để không bị lộ?

Liễu thị và Xuân Tích vốn thân nhau, rất hay tâm sự với nhau, nên Liễu thị biết Khang Tiềm đang nghi ngờ vợ mình và Khang Du dạn dít với nhau. Vũ Kiều có người bạn Thái học sinh nói rằng ông chú anh ta có hai cỗ vật muốn bán, Khang Tiềm là nhà buôn đồ cổ, nhưng vốn liếng eo hẹp, bèn nghĩ ra cách đánh đổi bò và bê lấy cỗ vật.

Vũ Kiều bèn tác động để ông chú người bạn là Uông viên ngoại giao dịch với Khang Tiềm, lại ngầm nhắc Uông viên ngoại không hạ giá bán. Lần đầu thương lượng, địa điểm ở nhà mình, Vũ Kiều cố ý nói tắt bò mẹ bò con là “mẹ và con”, Uông viên

ngoại và Khang Tiềm cũng tất như thế cho tiện! Sau ba lần đàm phán, Vũ Kiều bảo họ sang nhà Khang Tiềm bàn tiếp, nhằm để cho Xuân Tích nghe thấy vụ giao dịch. Ngoài ra, Liễu thị lại ỡm ờ nói với Xuân Tích rằng “hình như họ không mua bán cổ vật mà là bàn chuyện mua thiếp”...

Xuân Tích nghe vậy rất sợ hãi. Liễu thị nhân đó tuyên truyền thêm, Xuân Tích càng tin là thật. Rồi Liễu thị khuyên Xuân Tích hãy tạm lánh đi vài hôm, để anh cả Vũ Tường sang khuyên can Khang Tiềm, khuyên được rồi thì lại về nhà. Xuân Tích định tạm lánh sang nhà mẹ để nhưng hồi đầu xuân cha mẹ để lại về quê, chỉ còn lại người anh họ, Xuân Tích và anh ta không hợp nhau. Rốt cuộc Liễu thị khuyên Xuân Tích lánh đến một nơi mà Khang Tiềm không thể tìm thấy, anh ta mới cuống lên và hối hận. Nhà họ Vũ có người bạn cũ họ Ngô làm về quản lý thuyền bè ở bến thuyền sông Ngũ Trượng, nơi đó rất sẵn thuyền bỏ trống, là chỗ ẩn náu rất tốt.

Vũ Kiều viết sẵn thư nặc danh, lại thuê sẵn con thuyền nhỏ. Liễu thị và Xuân Tích hẹn nhau hôm trước ngày hàn thực đi chùa thắp hương, Xuân Tích giả bộ tắm gội từ sớm để đi chùa, rồi bí mật bế Đống Nhi ra cửa hậu, lên thuyền. Còn Vũ Kiều thì ném bức thư nặc danh vào sân, sau đó khéo léo dùng sợi dây nhỏ buộc và cài được then cửa từ phía ngoài - để tạo mê trận khiến Khang Tiềm không nghĩ là vợ đi ra lối sau nhà. Chỉ lát sau, Liễu thị đứng ngoài cửa trước giả vờ gọi Xuân Tích.

Để tránh không bị phát hiện, Vũ Kiều chọn bà già mù bán nước ở đầu cầu vòm tức Doãn thị, chỉ tiền để bà ta “nhận hàng”.

Họ vốn tưởng đã bố trí tuyệt đối kín kẽ, nhưng nào ngờ chưa thể “trả thù” cho nhị ca Vũ Ngao, mà còn làm hại Khang Tiềm uất ức, nốc rượu vào rồi tử vong, “hàng” lấy về thì thất lạc dọc đường cho đến giờ vẫn chưa biết ở đâu...



## Lại Mất Tích

*Trung cương tắc túc dĩ lập sự nghiệp, xử hoạn nạn; nhược dụng ư  
tha, phản vi tà ác<sup>[127]</sup>.*

*- Thiệu Ung*

Vũ Kiều dẫn Triệu Mặc Nhi, Vũ Tường và Khang Du đi đón hai mẹ con Xuân Tích.

Triệu Mặc Nhi đã nghe Vũ Tường kể lại tất cả đầu đuôi sự việc, thì ra nhà họ Vũ cũng không biết nguồn cơn của Mai thuyền ra sao, không biết ai là kẻ đứng sau vụ đe dọa này, tại sao phải lên thuyền giết người hành khách mặc áo tím, và càng không biết tại sao Lang Phồn bỏ mạng. Tuy nhiên, đến lúc này ít ra cũng đã tìm được hai mẹ con Xuân Tích. Đây cũng là lần đầu tiên cậu có được chút thu hoạch và an ủi kể từ khi nhận làm vụ án này.

Bến thuyền sông Ngũ Trượng cách Tiểu Hoàn Kiều không xa, người ta đã đào sâu vào bên trong bờ sông thành một cái vịnh để đậu thuyền bè của quan phủ. Cửa vịnh được dựng một cổng thủy môn cao và rộng với hai cánh cửa đang đóng kín. Bên cạnh có mấy gian nhà nhỏ là nơi ở của nhân viên giám sát quản lý thuyền bè.

Vũ Kiều đi trước, bước đến gian đầu tiên, cửa đang mở. “Ngô đại ca!” Vũ Kiều gọi.

Một nam giới bước ra. Ông ta mặc đồng phục, tuổi chừng năm mươi, gầy gò thấp bé, vẻ mặt hơi ngờ ngàng. “Vũ Kiều đây à? Tôi đang định nhờ người đi tìm chú.”

“Có chuyện gì à?”

“Không thấy hai mẹ con họ đâu nữa!”

“Gì thế?”

Vũ Tường vội rảo bước đến trước mặt ông Ngô, hỏi: “Ông huynh, chuyện là thế nào vậy?”

Ông Ngô nhăn nhó: “Mọi hôm, hễ đến bữa ăn thì mẹ con Xuân Tích đều rời thuyền ra đây ăn, nhưng trưa nay cả nhà đã nấu cơm xong chờ chán chê không thấy họ đâu, bèn ra gọi, thì không thấy, chúng tôi đã tìm khắp bến này cũng không tìm ra.”

Vũ Kiều nói: “Tối qua tôi đến, họ vẫn còn ở đây.”

Ông Ngô: “Sau khi chú ra về thì chúng tôi ăn cơm, hai mẹ con Xuân Tích ngồi đây, trò chuyện một lúc rồi mới trở lại thuyền. Tôi trước khi đi ngủ vẫn nhìn thấy thuyền cô ấy sáng đèn.”

Nghe xong, lòng Triệu Mặc Nhi trĩu nặng, Khang Du càng lo lắng ra mặt.

Vũ Kiều hỏi: “Liệu họ có thể đi đâu?”

Ông Ngô: “Chỉ e cô ta đã trốn đi.”

Vũ Kiều: “Không có lý do gì mà phải trốn.”

“Các vị đi theo tôi.”

Ông Ngô dẫn mọi người vào nhà, nhà có cửa sau thông ra bến tàu. Trong vịnh đang đậu vài chục con thuyền lớn nhỏ, xếp dọc xếp ngang đủ hướng. Họ đến chỗ một du thuyền hạng trung, có một tấm ván bắc chéo lên mặt thuyền.

Ông Ngô chỉ vào du thuyền: “Mẹ con họ ở trong thuyền này.”

Triệu Mặc Nhi nhìn qua ô cửa sổ hé mở, thấy bên trong có chiếc giường to, chăn đệm được gấp ngay ngắn xếp bên trên, cạnh giường là cái bàn nhỏ, trên bàn có chai nước, một chén trà, trong chén vẫn còn ít nước trà.

“Tôi đoán, mẹ con họ trốn qua chỗ kia.” Ông Ngô vừa đi vừa chỉ vào một bức tường rào phía trước. Bến này chỉ dùng đậu

thuyền, không có tài sản gì quý giá nên cũng không cần bố trí phòng chống trộm và cũng không cần người canh gác, chỉ cần xây tường thấp bao quanh. Lúc sáng nay tôi đến kiểm tra, thấy trên đó có vài dấu vết lạ, bình thường thì không có.

Triệu Mặc Nhi đi theo ông Ngô đến sát bức tường. Tường chỉ cao khoảng một đầu một với, mặt tường có một vài dấu chân tì lên. Ngọn bức tường có vết hằn sâu do dây thừng to cọ xát gây nên, dấu vết khá mới.

Triệu Mặc Nhi: “Đoán rằng có người tiếp ứng, đứng bên ngoài quăng thừng vào, Xuân Tích bám dây thừng trèo qua.”

Vũ Kiều nói: “Chị Khang đến đây không có người nào khác biết, thì tiếp ứng gì chứ?”

“Điều ấy tạm chưa thể nói chắc, nhưng nếu muốn bí mật trèo qua thì phải làm như vậy.”

“Đồng Nhi mới bốn, năm tuổi, nó trèo qua sao được?”

“Huynh nhìn chỗ này xem...” Triệu Mặc Nhi chỉ hai dấu chân nho nhỏ ở hai bên vết hằn dây thừng trên ngọn tường. “Tường không cao, bà mẹ sẽ bồng nó lên cách ngọn tường năm sáu gang tay, nó tóm chặt dây thừng là có thể đu lên. Hai dấu chân nhỏ này là của Đồng Nhi. Bên ngoài có người đỡ, là nó có thể nhảy xuống.”

Khang Du khẽ nói: “Thằng bé ấy hay chạy nhảy, nó làm được! Nhưng, tại sao chị dâu tôi phải bỏ trốn?”

Triệu Mặc Nhi cố nén tâm trạng bất lực, ngoảnh sang hỏi ông Ngô: “Mấy hôm nay bác có thấy ai đến gặp chị Xuân Tích không?”

“Không! Ở đây chỉ có tôi và nhà tôi. Hôm hàn thực và thanh minh có vài người đến dùng thuyền, nhưng tôi đã dặn cô ta ẩn nấp kín, những người kia lấy thuyền chèo đi ngay, không ai nhìn thấy mẹ con họ cả.”

Triệu Mặc Nhi: “Lúc ăn cơm tối qua, chị Xuân Tích có biểu hiện gì khác lạ không?”

“Không. Ăn cơm xong, cô ấy và nhà tôi cùng thu dọn, rửa bát đĩa, hai người trò chuyện một lúc; khi trời tối mới trở về thuyền. Cháu Đồng Nhi cũng vẫn chơi ở cửa sau như mọi ngày.”

Những tưởng đã tìm thấy hai mẹ con Xuân Tích, nào ngờ đêm qua họ đã đi mất.

Người trông coi bến thuyền là ông Ngô không nghe thấy động tĩnh gì, quan sát dấu vết trên tường, thấy rằng hình như Xuân Tích chủ động trốn đi, tại sao? Ai đứng bên ngoài tiếp ứng cho hai mẹ con họ? Hay là, Xuân Tích đã biết tin chồng chết nên vội trở về nhà? Nếu thế, thì cũng không đến nỗi phải không chào hỏi gì rồi bỏ trốn!

Triệu Mặc Nhi, Khang Du và anh em họ Vũ đều có chút hy vọng về điều đó, nên vội vã quay về Tiểu Hoàn Kiều, nhưng thấy cửa hàng đồ cổ vẫn khóa thì chưng hửng, nhưng họ vẫn hy vọng, bèn chạy vào cửa sau. Cũng đóng im ỉm. Đúng là Xuân Tích không trở về đây.

Cả bốn người nhìn nhau, ngao ngán, nhất là Vũ Kiều. Vũ Kiều đã thừa nhận mình tạo hiện trường giả là một vụ bắt cóc, ép anh em họ Khang lên Mai thuyền giết người... Vì muốn anh cả Vũ Tường thoát nạn và muốn trả thù cho nhị huynh Vũ Ngao, vì thế ban đầu anh ta không mấy áy náy. Nhưng tình hình hiện giờ khiến Vũ Kiều rất sợ hãi và hối hận, cúi gằm không dám nhìn ba người.

Hôm đó sau khi dùng thuyền chở mẹ con Xuân Tích đến bến thuyền, anh ta sợ bị lộ hành tung nên không đến thăm họ lấy một lần. Hôm qua sau khi Khang Tiềm chết, chị dâu Liễu thị nhờ người đến trường Thái học đưa thư cho Vũ Kiều, Kiều mới xin nghỉ phép trở về rồi đi đến bến tàu để báo cho Xuân Tích biết



tin Khang Tiềm chết. Nhưng anh ta lại nghĩ rằng: chị dâu Liễu thị đã hao tổn bao tâm trí, cho đến giờ vẫn chưa lấy lại được thứ mà bức mật thư yêu cầu, nếu Xuân Tích trở về thì mọi cố gắng của mình sẽ là công cốc. Rốt cuộc Vũ Kiều không báo tin. Và cũng không ngờ Xuân Tích lại bỏ trốn ngay trong đêm.

Vũ Tường trợn mắt, dần giọng mắng Vũ Kiều: “Người...” nhưng lại ngắc ngứ không nói được nữa.

Khang Du ngồi thụp xuống đất, hết sức lo lắng, không cần nhần trách móc ai.

Triệu Mặc Nhi rất thất vọng nhưng vẫn không quên trách nhiệm và vai trò của mình, cậu cố trấn tĩnh để suy nghĩ thật kỹ, rồi mới hỏi: “Anh Khang Du, liệu chị Xuân Tích có thể về nhà mẹ đẻ không?”

Khang Du lắc đầu: “Gia đình cha mẹ chị dâu tôi không ổn lắm, hai bác ấy kinh doanh ở kinh thành rất chật vật, ở quê Đặng Châu thì vẫn còn một ít ruộng đất nên đầu năm nay hai bác ấy đã trở về Đặng Châu rồi.”

“Ở kinh thành, chị ấy còn ai là họ hàng thân thích không?”

“Có một người anh họ nhưng không thân thiết gì.”

Mọi người đều trầm mặc.

Lúc này vợ Vũ Tường là Chu thị bước vào, vẻ hoang mang, đưa cho Vũ Tường một tờ giấy, nói: “Lại là mật thư, không rõ ai đó đã nhét vào qua khe cửa sau nhà ta.”

Vũ Tường vội đọc, mặt biến sắc, rồi đưa cho Triệu Mặc Nhi. Nội dung thư như sau:

*Ngày mai đem 100 lạng bạc đến đặt vào bàn trên thuyền đi đến, đổi lấy Trúc Xuân Tích và các thứ trong túi thơm.*

Triệu Mặc Nhi ngẩng nhìn Khang Du: “Chị Xuân Tích họ Trúc à?”

Khang Du gật đầu, bước lại cầm lá thư, đọc xong cũng tái mặt.

Triệu Mặc Nhi chậm rãi nói: “Xem ra, hắn là kẻ bắt cóc mẹ con Xuân Tích và cũng là kẻ đánh tráo các thứ trong túi thơm.”

Khang Du hỏi: “Hắn cũng là kẻ đánh tráo? Trong túi thơm có viên thuốc, tôi đã dùng dao khía ra xem, bên trong là viên ngọc to gần bằng lòng đỏ trứng gà, ít ra đáng giá hàng triệu đồng. Đã lấy được rồi, sao hắn còn tham một trăm lạng bạc?”

Triệu Mặc Nhi nghĩ ngợi, nói: “Có lẽ hắn ta chẳng sung túc gì. Mọi người đều bán khoản.

Triệu Mặc Nhi tiếp tục: “Nếu viên ngọc đáng giá hàng triệu, tức là viên ngọc rất quý, đem bán sẽ rất khó, lại dễ bị lộ mình. Kẻ đó cũng biết là thế. Nhưng bạc thì khác, rất dễ bán để chi tiêu. Tôi đoán, hắn định chuồn về quê nhưng trước mắt không có tiền tiêu xài và lộ phí.”

Vũ Kiều cũng đọc thư. “Hắn đã đánh tráo vật trong túi thơm, đủ để ép buộc chúng ta rồi, sao lại phải mạo hiểm bắt vợ con Khang Tiềm đưa đi? Chị Khang trốn trong bến thuyền, chỉ có tôi và chị ấy biết, sao kẻ này lại nhằm đến tận nhà chúng ta?”

“Đúng là trong này có điều bất hợp lý...” Triệu Mặc Nhi cúi đầu suy nghĩ.

Túi thơm cất ở chỗ Doãn thị, bị kẻ này lấy trộm và đánh tráo, hắn cũng lại biết nơi mẹ con Xuân Tích ẩn thân. Cách ra đi của Xuân Tích cho thấy chị ta đang đem chủ động trốn theo hắn chứ không phải bị ép đi. Kẻ đó phải là người quen, đáng tin cậy. Kẻ đó là ai?

Vũ Tường hỏi: “Trong thư viết đặt bạc lên bàn con *thuyền đi đến*, là ý gì?”

Triệu Mặc Nhi: “Có lẽ hắn đã bố trí một con thuyền.”

Khang Du: “Dám đến để lấy bạc, hắn không sợ bị tóm cổ hay sao?”

Triệu Mặc Nhi: “Tất nhiên hẳn đã nghĩ kế để thoát thân.”

Vũ Tường: “Dù sao, chúng ta cũng phải chuẩn bị sẵn bạc.”

Chu thị khẽ nói: “Nhà ta có vét hết tiền trong nhà cũng không đủ 50 lạng bạc!”

Vũ Tường gắt gỏng: “Tôi sẽ đi vay! Trăm lạng à? Kể cả một vạn lạng, chúng ta cũng phải tìm cách lo cho đủ! Không phải vì chuyện cái túi thơm, mà vấn đề là nhà ta mắc nợ nhà họ Khang quá lớn: vì chúng ta mà Khang Tiềm bỏ mạng, bây giờ có gán tính mạng cả nhà, chúng ta cũng phải làm để đổi lấy hai mẹ con Xuân Tích về!”

Chu thị và Vũ Kiều đỏ mặt, cúi đầu.

Vũ Tường quay người bước đi thì Khang Du ngăn lại: “Vũ đại ca, tôi có chút ít dành dụm, khoảng sáu bảy chục lạng bạc.”

Vũ Tường vội nói: “Nhà chúng tôi gây ra hậu quả, đâu dám bảo chú chi bạc ra?”

Khang Du đau khổ nói: “Cũng không nên trách chị hai Vũ và Vũ tam đệ. Nguyên nhân ban đầu là tại tôi, tôi nên có hành động chuộc tội. Người cần cứu về lại là chị dâu và cháu tôi. Vũ đại ca đừng nói gì thêm nữa.”

Vũ Tường thở dài, nói: “Được! Cứu người là cấp bách. Chúng ta tạm gom cho đủ trăm lạng bạc để cứu mẹ con Xuân Tích về đã, các chuyện khác tính sau.”

...

Thì ra cái túi thơm có liên quan đến Mai thuyền.

Triệu Mặc Nhi vội trở về nhà báo tin cho anh trai. Chị dâu nói anh Triệu Bất Vưu đang đi thuyền đến phủ Ứng Thiên.

Triệu Mặc Nhi tiếc quá, cậu lại cuội lửa vào thành tìm Cố Chấn để cầu trợ giúp. Cố Chấn nghe xong lập tức bảo Vạn Phúc bố trí bốn cung thủ mai phục ở Tiểu Hoàn Kiều để bắt bọn bắt

cóc cưỡng đoạt.

Sáng sớm hôm sau, Triệu Mặc Nhi thuê lừa đi gấp đến Tiểu Hoàn Kiều.

Nhà họ Vũ và nhà họ Khang đều đóng cửa, Triệu Mặc Nhi đến trước cửa hàng đồ cổ của Khang Tiềm, gõ cửa. Nhưng nhà họ Bành hàng xóm lại mở cửa trước, Bành Chủ Nhi từ trong đó đi ra.

Bành Chủ Nhi nhìn thấy Triệu Mặc Nhi thì mỉm cười, hỏi thăm: “Chào chú em! Chưa điều tra xong vụ việc nhà họ à?”

Triệu Mặc Nhi gượng cười: “Bành nhị ca đi thuyết thư phải không?”

Bành Chủ Nhi: “Phải! Số tôi vất vả như thế đấy!”

Lúc này cửa hàng đồ cổ cũng mở cửa, Khang Du mặc áo tang, vẻ buồn rười rượi. Triệu Mặc Nhi gật đầu chào Bành Chủ Nhi rồi bước vào.

Khang Du đóng cửa lại, Triệu Mặc Nhi thấy Vạn Phúc đi từ gian giữa ra.

Vạn Phúc khẽ nói: “Bốn cung thủ đã sẵn sàng, một người trong bếp nhà họ Khang, một người trong bếp nhà họ Vũ, hai người mai phục trong bãi cỏ rậm bờ sông bên kia.”

Khang Du bước lại chỉ vào cái túi vải đặt trên bàn: “Bạc cũng đã chuẩn bị xong.”

Triệu Mặc Nhi hỏi: “Con thuyền của kẻ đó đã đến chưa?”

Vạn Phúc và Khang Du cùng lắc đầu. Cả ba đi vào trong bếp. Một cung thủ đang ngồi trên bệ bếp lò, áp sát cửa sổ, nhòm ra ngoài qua lỗ thủng ở giấy dán cửa sổ. Thấy họ vào, anh ta ngoảnh lại nói: “Báo cáo chủ quản Vạn Phúc, thuyền chưa đến!”

Vạn Phúc: “Đành chờ vậy.”

Trong bếp có ba cái ghế, Vạn Phúc ngồi xuống, Khang Du bước đến cửa sổ bên trái chọc một lỗ thủng trên giấy dán cửa sổ

nhòm ra ngoài.

Triệu Mặc Nhi: “Hắn đã nói sẽ cử thuyền đến lấy bạc, tức là hắn không sợ chúng ta. Chúng ta không cần bí mật quan sát làm gì.”

Vạn Phúc nói: “Trừ phi hắn có phép tàng hình, chứ hắn không thể dàng hoành lấy bạc mà đi thoát! Có lẽ hắn bày trò để bỡn cợt chúng ta?”

Triệu Mặc Nhi nghĩ suốt đêm qua vẫn không hiểu nổi kẻ khốn kiếp ấy có ý đồ gì? Triệu Bất Vưu đang bận đi xa, cậu chỉ còn cách độc lập suy nghĩ. Cậu chỉ nghĩ đến một khả năng: hắn tìm cách kéo dài thời gian, hãm mọi người ở lại đây để hắn dễ bề cao chạy xa bay! Nhưng hắn là ai thì chịu, không biết. Hắn giấu mẹ con Xuân Tích ở đâu, thì càng không thể biết. Hắn ném mật thư vào, thì có thể bộc lộ hành tung. Liệu có phải hắn cũng ở rất gần đây không?

Cậu bỗng nhớ ra: Vũ Kiều biết hai mẹ con Xuân Tích trốn ở bến tàu, ngoài ra còn có cô vợ Vũ Ngao là Liễu thị. Xuân Tích cũng tin chị ta, nếu chị ta bịa ra cái có gì đó thì rất có khả năng Xuân Tích sẽ bỏ trốn theo. Đồng thời, Liễu thị cũng là người duy nhất biết Vũ Kiều gặp Doãn thị để lấy “hàng” hộ bà ta. Hay là Liễu thị vẫn muốn trả thù cho chồng mình?

Nhưng Liễu thị sẽ lấy trộm túi thơm để đánh tráo “hàng” trong đó như thế nào? Chìa khóa không có, tủ và hộp thì không có dấu vết bị cạy.

Triệu Mặc Nhi nhìn cửa sau nhà bếp, nhớ đến cách thức nguy trang Xuân Tích bị bắt cóc đi, cậu giật mình: thì ra vẫn là phối hợp dùng mưu. Muốn lấy túi thơm ra để đánh tráo “hàng”, Liễu thị chỉ có cách duy nhất là mua chuộc Doãn thị - Doãn thị sẽ tự tay đánh tráo hai thứ đựng trong túi thơm!

Nghĩ đến đây, cậu vội nói với Vạn Phúc: “Anh Vạn Phúc, tôi

phải sang nhà họ Vũ một lát.”

Rồi cậu mở cửa bước ra, đi sang cửa sau nhà họ Vũ gõ cửa. Vũ Kiều ra mở cửa, anh ta khẽ nói: “Thuyền vẫn chưa đến.”

Triệu Mặc Nhi gật đầu, hỏi: “Chị dâu hai của anh có nhà không?”

Vũ Kiều hơi lấy làm lạ: “Có nhà.”

Triệu Mặc Nhi liền bước vào, lần trước cậu cũng đã theo lối cửa sau đi lên nhà trên, nhưng lúc đó đang lo lắng về Khang Tiềm nên không nhìn kỹ. Nhà này bố trí na ná nhà Khang Tiềm nhưng rộng rãi hơn, đồ đạc cũng sáng sủa hơn.

Vũ Tường và vợ là Chu thị đang ngồi ở gian giữa, nhìn thấy Triệu Mặc Nhi, cả hai đứng dậy, vẻ hơi lo lắng. Vũ Tường bước ra nói: “Liệu gã ấy có lừa chúng ta không?”

Triệu Mặc Nhi: “Lúc này chưa thể biết được. Cứ chờ thuyền đến rồi hãy hay.”

Chu thị thở dài: “Đến giờ mà thuyền vẫn chẳng thấy đâu.”

Triệu Mặc Nhi nhìn quanh một lượt không thấy Liễu thị, bèn hỏi: “Chị hai Liễu có nhà không? Tôi muốn hỏi chị ấy vài câu.”

“Tôi đây!” Liễu thị từ gian buồng ngủ bên cạnh bước vào.

Triệu Mặc Nhi thấy đôi mắt Liễu thị hơi tấy đỏ, chắc là hôm qua nghe kể tử tử về cái chết của Vũ Ngao nên đau xót khóc lóc. Tuy nhiên vẻ mặt thì vẫn lạnh lạnh, tự kiểm soát được chứ không tỏ ra bi ai.

Liễu thị hỏi Triệu Mặc Nhi: “Triệu công tử cần hỏi gì?”

Triệu Mặc Nhi chợt nghĩ đến điều này: nếu Liễu thị vẫn oán hận Khang Du, vẫn muốn trả thù, thì chị ta chỉ cần nhằm vào Khang Du chứ đâu cần bắt mẹ con Xuân Tích, đâu cần lấy trộm túi thơm, đâu cần hại cả nhà người ta? Cho nên cậu do dự.

Hình như Liễu thị đoán biết được, bèn hỏi: “Triệu công tử đang nghi ngờ tôi phải không?”

Triệu Mặc Nhi ngớ ra không biết nên trả lời thế nào.

“Cũng được thôi! Chuyện này tôi cũng nên nói cho rành mạch.” Liễu thị thở dài. “Hôm qua sau khi cậu đã nói rõ cả, thì tôi đã không còn oán hận Khang Du nữa. Tính chồng tôi, tôi biết. Anh ấy rất quyết đoán, dù sống hay chết cũng muốn dứt khoát. Khang Du giúp anh ấy được chết như thế là hợp ý anh ấy, đã khiến anh ấy đỡ bị đau đớn hành hạ... tôi nên cảm ơn Khang Du. Vì thế Triệu công tử không cần phải nghi ngờ tôi nữa, hai hôm nay tôi toàn ở nhà không đi đâu cả. Vợ chồng anh cả có thể làm chứng cho tôi.”

Thấy Liễu thị nói năng bình tĩnh kiên định, Triệu Mặc Nhi vội xin lỗi: “Sự việc rất quan trọng, nên tôi không được phép chủ quan; tôi đã trót nghi ngờ chị, là sai, xin chị lượng thứ cho.”

Liễu thị cười chua chát. “Triệu công tử vất vả chạy đi chạy lại mấy ngày trời, mà không nhận một đồng thù lao nào, chúng tôi còn chưa kịp cảm ơn, đâu dám nói là lượng thứ cái gì chứ?”

Liễu thị vừa nói dứt lời thì Vũ Kiều ở nhà sau bỗng nói vọng lên: “Có một con thuyền nhỏ đang đi đến!”



## Truyền Thông

*Vô tư, bốn đã; tư thông, dụng đã. Kỷ động ư bỉ, thành động ư  
thử<sup>[128]</sup>.*

*- Chu Đôn Di*

Mọi người vội chạy đến bên cửa ra vào, mở hé cửa, Triệu Mặc Nhi thò đầu ra, nhìn thấy một con thuyền mũi nhỏ đang đậu bên bờ sông ngoài cửa sau nhà họ Khang, lái thuyền là một trung niên, ông ta buông mái chèo, nhảy lên bờ bước về phía đàng này. Triệu Mặc Nhi vội mở cửa bước ra. Bên cạnh, Khang Du cũng mở cửa sau bước ra đứng nhìn ông ta.

Ông ta bước đến trước mặt Khang Du, trịnh trọng cúi đầu khiêm tốn nói: “Xin hỏi, có phải Khang tiên sinh không?”

Khang Du gật đầu.

Ông ta cười nhã nhặn: “Tôi đậu thuyền ở đây cho tiên sinh, tối, tôi lại đến. À, người thuê thuyền này nhờ tôi nhắn với tiên sinh rằng: bạc, cần mỗi khối 50 lạng, phải là bạc của phủ Khai Phong mới đúc năm nay.”

Khang Du vội hỏi: “Người thuê thuyền là ai?”

Ông ta đáp: “Tôi qua ông ấy đến nhà tôi thuê thuyền, chỉ đứng ngoài cửa đưa 500 đồng tiền đặt cọc và dặn dò như vậy, sau đó đi luôn. Trời tối, nên tôi không nhìn rõ. Hình như ông ta có vết thương trên mặt, già nửa khuôn mặt phải dán cao.”

Triệu Mặc Nhi tin rằng dán cao là hóa trang diễn kịch, người ấy đêm hôm thuê thuyền cũng nhằm che giấu bộ mặt và hành tung của mình.



Khang Du hỏi: “Bạc sẽ đưa lên thuyền của ông à?”

“Người ấy chỉ dặn tôi giao thuyền cho anh, còn các chuyện khác tôi chịu; người ấy nói các việc còn lại thì anh đương nhiên tự hiểu. Thôi, tôi đi đây!” Ông ta quay người đi luôn.

Thấy ông ta đã đi xa, Triệu Mặc Nhi mới hỏi Khang Du: “Bạc, các vị đã chuẩn bị rồi à?”

Khang Du: “Hai khối bạc 50 lạng một, nhưng là bạc cũ. Sao gã kia lại muốn bạc mới nhỉ?”

Vạn Phúc, Vũ Tường và Vũ Kiều cũng xáp đến. Vạn Phúc cau mày nói: “Hắn ta lại định giở quỷ kế gì không biết?”

Triệu Mặc Nhi: “Trước mắt, đành nghe theo hắn vậy, chỉ hiềm gấp gáp thế này thì tìm đâu ra bạc mới?”

Vũ Tường đứng bên nói: “Tôi có người bạn làm về giao dịch, có lẽ ông ta có bạc phủ Khai Phong mới đúc năm nay. Tam đệ cầm bạc đến chỗ ông Cù hỏi xem sao.”

Khang Du vội quay vào cầm bạc đưa cho Vũ Kiều. Triệu Mặc Nhi nói: “Vũ tam ca cười lừa của tôi mà đi.”

Vũ Kiều cất bạc vào người, cười lừa Triệu Mặc Nhi thuê, vội đi vào thành. Triệu Mặc Nhi và Vạn Phúc cùng mọi người đi ra bờ sông, chỗ con thuyền đậu. Nó chỉ là con thuyền mui rất bình thường, đuôi thuyền có một cái làn tre, một cuộn dây thừng, dưới mui thuyền kê hai cái ghế dài, một cái bàn nhỏ. Ngoài ra không có gì khác. Mọi người bàn tán hồi lâu vẫn không đoán ra mưu đồ kẻ kia là gì.

Vũ Tường nhận ra người lái thuyền vừa rồi, ông ta họ Hoàng, nhà ở ngay bên Tiểu Hoành Kiều, con người chân chất an phận, thường chèo con thuyền nhỏ này chở khách trên sông Ngũ Trượng.

...

Chờ khoảng hơn nửa canh giờ thì thấy Vũ Kiều phăm phăm cưỡi lừa trở về, nói: “Đã đổi được bạc!”

Vũ Kiều thở hồng hộc, đưa ra cái túi vải nâu, mở ra, bên trong là hai khối bạc mới sáng trắng.

Vạn Phúc nói: “Theo bức mật thư dặn dò, thì đặt bạc lên bàn trên mũi thuyền.”

Vũ Kiều gói bạc lại, nhìn mọi người, rồi bước ra bờ nhảy lên thuyền, chui vào trong, rồi quay ra, nhảy lên bờ nói: “Tôi đặt lên bàn rồi!”

Vạn Phúc: “Chúng ta lại làm như cũ: trở về vị trí, đóng cửa lại và quan sát xem hắn làm trò gì.”

Anh em nhà họ Vũ trở về nhà mình, Triệu Mặc Nhi, Vạn Phúc và Khang Du quay vào bếp, đóng cửa lại, nấp sau hai cửa sổ nhòm ra ngoài.

Con thuyền ấy vẫn lặng lẽ đậu bên bờ sông, trên sông rất vắng thuyền qua lại, thỉnh thoảng thấy một con thuyền chở hàng đi qua. Bờ bên kia là đồng ruộng, những cánh liễu buông rủ, phía sau là bãi cỏ rậm rạp, vài con chim bay lên xuống kêu lích chích.

Họ theo dõi từ sáng cho đến chiều, con thuyền nhỏ vẫn đậu ở đó, không thấy có hiện tượng gì khác thường. Đôi khi có thuyền chở hàng đi qua, sóng lan đến khiến nó hơi đung đưa tròn trành. Cũng không thấy bất cứ ai tiếp cận con thuyền.

Vạn Phúc cau mày: “Hay là tên khốn ấy định dùng phép ma, đứng từ xa mà lấy được bạc?”

Triệu Mặc Nhi lăm lì nói: “Làm gì có phép ma lấy bạc qua không gian? Tôi chỉ không sao đoán ra ý đồ của gã đó, hắn muốn bạc thật không, hay chỉ là kế để kéo dài thời gian?”

...

Khi nắng đã chiếu xiên khoai, thì chủ thuyền họ Hoàng quay

trở lại.

Vạn Phúc vội mở cửa ra gọi, bảo ông ta tạm thời đừng đến gần thuyền.

Triệu Mặc Nhi, Khang Du cũng vội bước ra, cùng Vạn Phúc đi đến bờ sông nhảy lên thuyền. Bên trong con thuyền không có dấu hiệu gì khác lạ, túi vải nâu đựng bạc vẫn nằm trên cái bàn nhỏ, Khang Du mở túi ra xem, hai khối bạc vẫn còn nguyên.

Vạn Phúc cau mày, nói với Triệu Mặc Nhi: “Có lẽ giống như anh nói, tên đó không muốn bạc, mà đây chỉ là kế thoát thân của hắn, hãm chúng ta ở đây để hắn dễ bề chạy trốn.”

Triệu Mặc Nhi không nói gì, cậu nhìn hai khối bạc trong tay Khang Du, ngẫm nghĩ: nếu đúng là kế thoát thân, chúng tỏ kẻ đó sợ bị mọi người nghi ngờ nên mới bày ra kế này. Hắn lo sợ như thế, chúng tỏ hắn ở quanh đâu đây, thế mà mấy ngày qua không ai ngờ ngờ hắn. Rốt cuộc hắn là ai?

Lúc này anh em nhà họ Vũ cũng bước lại, đứng trên bờ. Mọi người nhìn nhau, ai cũng cụt hứng.

Chủ thuyền họ Hoàng khẽ hỏi: “Các vị à, tôi chèo thuyền đi được chưa?”

Vạn Phúc nói: “Ông chèo về đi!”

Anh ta co đôi chân cơ bắp nhảy lên bờ, Triệu Mặc Nhi và Khang Du cũng đành lên bờ vậy. Ông Hoàng khiêm tốn cúi đầu mỉm cười gật đầu, rồi lên thuyền cầm mái chèo. Con thuyền đón ánh tà dương, từ từ đi về phía Tiểu Hoành Kiều, tiếng mái chèo khua nước rào rào, thuyền đi xa dần.

Vạn Phúc dẫn bốn cung thủ quay về. Trước khi đi anh ta nói: “Các vị thử cố nghĩ xem kẻ xấu ấy là ai, nghĩ ra thì gọi tôi. Hắn đã chơi khăm chúng ta cả một ngày trời, dù hắn trốn đến miền đất nào tôi cũng sẽ tóm bằng được hắn!”

Triệu Mặc Nhi chưng hửng, chẳng còn việc gì để làm nữa,

đành cáo từ.

Nắng chiều tà hoe vàng, chỉ thấy lác đác vài người đi đường. Cậu mệt mỗi cuối lửa về nhà, bỗng cảm thấy rất nhớ anh Triệu Bất Vưu. Từ nhỏ, mọi việc cậu đều dựa vào anh, gặp điều gì khó xử, cậu đều nghĩ đến anh trước hết. Vụ án này tuy nói là cậu độc lập điều tra nhưng mỗi tối quay về nhà cậu đều bàn bạc với anh. Nhưng lúc này Triệu Bất Vưu đang đi phủ Ứng Thiên, Triệu Mặc Nhi lần đầu tiên cảm thấy mình hoàn toàn mất chỗ dựa, cảm thấy hẫng hụt chơi vơi không biết nên làm gì cho phải.

Cậu nhớ đến câu nói của Triệu Bất Vưu hôm nọ: “Với khả năng của chú, chú có thể một mình mở một sạp Thư tưng, rất được đấy!”

Có thật thế không? Triệu Mặc Nhi không dám tin.

Nhưng cậu lập tức nghĩ ngay: tin hay không, tạm gác lại; trước mắt không thể dựa vào anh trai, chỉ có thể dựa vào chính mình.

Không nghĩ lan man nữa, Triệu Mặc Nhi lim dim mắt, tập trung suy nghĩ về vụ án. Ngoài Liễu thị ra, thì ai có thể lấy được cái túi thơm của Doãn thị để đánh tráo vật bên trong, lại dò la được nơi mẹ con Xuân Tích ẩn náu, sau đó lừa phỉnh họ đi theo?

Chắc không thể là anh em và hai chị em dâu nhà họ Vũ, Khang Du cũng không thể. Doãn thị thì mù hai mắt, dẫu muốn làm cũng không làm nổi. Hay là Bác Ca? Cậu ta có thể đánh tráo vật trong túi thơm nhưng cậu ta khó mà lừa được Xuân Tích đêm hôm bỏ trốn theo. Hay là chú em Tôn Viên? Đến giờ vẫn chưa biết cậu ta đang ở đâu, cậu ta có thể thó được viên ngọc trong túi thơm nhưng cũng khó mà lừa mẹ con Xuân Tích ra đi... Ngoài mấy người này ra, có thể có ai khác? Anh em nhà họ Bành? Bọn họ ở sát vách nhà họ Khang, có khả năng bám theo Vũ Kiều rồi tìm ra nơi mẹ con Xuân Tích ẩn náu, lừa họ trốn đi,

nhưng bọn họ không thể đánh cắp cái túi thơm trong tủ của Doãn thị.

Những người liên quan này hầu như đều không phải, có thể còn ai nữa?

Một đôi chim nhạn đang chấp chới bay dưới trời chiều, chúng liệng xuống ngay trước mặt Triệu Mặc Nhi rồi lại nhẹ nhàng vút lên bay đi xa tít.

Cậu bỗng nghĩ: không nhất thiết chỉ là một tên, nếu chúng là hai thì sao? Một tên đánh cắp đánh tráo túi thơm, tên kia bắt cóc mẹ con Xuân Tích, hai tên khớp lại vẫn sẽ là được việc.

Nếu thế thì chúng là những ai?

Có lẽ kẻ lấy trộm và đánh tráo vật trong túi thơm, là người nhà Doãn thị. Tủ và hộp gỗ đều khóa, Doãn thị giữ chìa khóa, bà ta đánh tráo là tiện nhất. Nhưng xem cách nói năng chứng tỏ bà ta thật sự lo lắng, nên khả năng này rất ít. Có thể là Bác Ca đánh tráo, anh ta là trung gian cầm cái túi từ tay Khang Tiềm, nhưng khi đưa cho Doãn thị thì bà ta đã sờ nắn rồi cất vào hộp và tủ khóa lại, anh ta không có chìa khóa, nên khả năng này cũng loại trừ. Còn Tôn Viên? Không thấy mặt cậu ta đâu. Nhưng chiều hôm xảy ra chuyện, cậu ta đã thó bạc trong hộp của Doãn thị rồi đến lầu Xuân Đường gặp kỹ nữ Ngô Trùng Trùng, anh chàng này đáng nghi nhất.

Kẻ đã lừa mẹ con Xuân Tích đi, có lẽ là người trong nhà họ Bành. Nhưng ba anh em nhà ấy và Tào thị, một trong số đó gây án một mình hay bọn họ là đồng mưu? Nghe nói hôm thanh minh anh cả Bành Ảnh Nhi đi biểu diễn ở nhà riêng, lại nghe nói đã về quê, liệu có phải anh ta? Quan hệ hai gia đình không thân thiết, anh ta dùng cách gì để lừa được Xuân Tích đêm hôm vượt tường bỏ trốn?

Đến giờ, tất cả vẫn chỉ là phỏng đoán chứ chưa có bất kỳ

chúng cứ gì. Có lẽ lại phải lần lượt điều tra riêng Doãn thị và nhà họ Bành.

...

Về đến Đông Thủy môn, Triệu Mặc Nhi vào hiệu nhà họ Lương trả con lừa thuê. Một cô bé beo béo đi ra nhận lừa, không phải cô bé Tiểu Cửu hôm nọ. Triệu Mặc Nhi thử hỏi cô bé: “Em mới đến à? Cô bé kia đâu?”

Nó trả lời: “Vâng, em mới đến. Còn Tiểu Cửu, gia đình nó có việc, hôm qua nó về nhà rồi.”

Triệu Mặc Nhi nhớ đến khung cảnh Bác Ca đứng ở phố ngắn ngơ ngẩn Tiểu Cửu. Doãn thị đã nói bà ta chia cho Bác Ca toàn bộ tiền bạc dành dụm bấy lâu, chưa rõ Bác Ca có thể cưới được Tiểu Cửu như ý nguyện của anh ta không?

Triệu Mặc Nhi ra khỏi Đông Thủy môn, đi đến cầu vòm. Mấy hôm nay Doãn thị quá lo lắng cho con trai Tôn Viên nên cũng không ra bày hàng nước, cậu đi vòng ra phố sau, thấy cửa nhà Doãn thị khép hờ bèn khẽ gõ cửa rồi bước vào, thấy Doãn thị đang ngồi trên ghế. “Chào cô Doãn.”

Doãn thị nghe, lập tức nhận ra người quen, đứng bật dậy nói rõ vang: “Cháu Triệu Mặc Nhi đấy à? Cô nhờ người đi tìm cháu mãi mà không thấy. Cháu đến, may quá! Cháu ạ, đúng là nó lấy trộm của cô! Đúng là nó!”

Triệu Mặc Nhi vội nói: “Cô Doãn cứ bình tĩnh nói lại xem, cô đang nói ai?”

Doãn thị nghiêng răng, nói: “Con chuột, con chuột cầm chốc đầu!”

“Bác Ca à?”

“Chính là nó! Đêm qua nó không về, đến giờ cũng không thấy mặt đâu, chắc là nó trốn đi rồi!”

Triệu Mặc Nhi nghĩ ngay đến cô bé Tiểu Cửu ở hiệu cho thuê lừa ngựa, lẽ nào cả hai rủ nhau đi trốn? Vậy thì Bác Ca là kẻ đánh tráo các thứ trong cái túi thơm? Nhưng mẫu bạc vụn trong hộp gỗ của Doãn thị bị Tôn Viên lấy trộm, chuyện đó giải thích ra sao? Hay là cả hai anh em thông đồng với nhau?

Triệu Mặc Nhi lại nhớ đến chuyện Tôn Viên mê kỹ nữ Ngô Trùng Trùng ở lầu xanh Xuân Đường, do Bác Ca tiết lộ mới biết. Có phải Bác Ca cố ý nói ra không? Anh ta lấy viên ngọc, tiện thể lấy luôn bạc, biết Tôn Viên không có tiền bèn cho luôn nó... tức là Bác Ca tạo ra mối nghi ngờ để đánh lạc hướng. Hiện giờ Tôn Viên ở đâu? Bị Bác Ca giấu đi rồi? Giấu một con người, đâu có dễ? Hay là...

Triệu Mặc Nhi bỗng ớn lạnh, cậu vội nghĩ đến những mối nghi ngờ ban đầu: tủ và hộp đều khóa, Bác Ca dùng cách gì lấy nổi để đánh tráo?

Doãn thị vẫn nói ràn rạt: “Chính là nó, chính là nó...”

Triệu Mặc Nhi vội nghĩ ngay điều này: không cạy tủ cạy khóa, phải làm gì để đánh tráo được vật cất trong đó? Lý lẽ thông thường, mình nên nhớ “lý lẽ thông thường”.

Thông thường, thì cách mở duy nhất là phải dùng chìa khóa. Nhưng Doãn thị luôn đeo chùm chìa khóa ở cổ. Nhưng nếu có chìa khóa dự phòng...

Cậu vội hỏi: “Cô Doãn à, bộ chìa khóa dự phòng khóa tủ khóa hộp đã bị mất thật không?”

Doãn thị nghe hỏi, bỗng ngừng bật, mặt hơi biến sắc. Lát sau mới nói: “Bộ chìa khóa ấy cha nó luôn giữ trong người, lúc chết không tìm thấy xác, chìa khóa đương nhiên đi theo ông ấy.”

Nhìn sắc mặt Doãn thị, Triệu Mặc Nhi kinh ngạc, liệu cái chết của chồng bà ta có điều gì bí ẩn? Đêm hôm đi trên cầu vòm trượt chân rơi xuống sông, không ai nhìn thấy; hôm sau người ta nhặt

được một chiếc giày mắc vào thành cầu, nên đoán là thế. Trượt chân ngã xuống sông, sao có thể để lại một chiếc giày để... chúng tôi? Hay là ông ta không lỡ bị ngã xuống sông mà là bị ai đó đẩy xuống sông?

Cậu lại hỏi: “Bộ chìa khóa ấy là then chốt. Cô vẫn còn giấu điều gì đó thì phải?”

Doãn thị bỗng há hốc miệng, vẻ mặt càng hoang mang, đôi mắt vô dụng đảo tròn. Hồi lâu sau bà ta mới dần giọng nói: “Thôi được! Nếu cháu hứa sẽ tìm Viên Nhi về cho cô, cô sẽ kể lại tất cả cho cháu biết.”

Triệu Mặc Nhi hiểu rằng mình đã đoán đúng: chồng Doãn thị là con bạc khát nước không thể cứu vãn, Doãn thị thấy cơ nghiệp sắp tan hoang bèn đẩy chồng xuống sông.

Nhìn đôi mắt lòa của Doãn thị đang run lên giật giật, cậu thấy sờ sợ nhưng cũng hơi buồn, không biết nên nói gì.

Doãn thị sáng giọng hỏi: “Có hứa thế không?”

Triệu Mặc Nhi vội đáp: “Bằng mọi cách, cháu xin cố gắng hết sức để tìm Tôn Viên.”

Khuôn mặt Doãn thị bỗng dần ra, đầu hơi cúi xuống, đôi mắt hướng về góc nhà, nói rất nhỏ: “Tôi đã tận mắt nhìn thấy chùm chìa khóa ấy rơi xuống sông...”

Khi mới về làm dâu nhà họ Tôn, nhà to, ruộng nhiều, ai cũng nói tôi tốt số. Nhưng vài năm sau thì nhà đất, cửa hàng, ruộng nương đã phải bán sạch. Hồi đó Viên Nhi chưa tròn sáu tuổi, cha nó máu mê cờ bạc không thể dừng lại, nếu đánh thêm vài canh bạc nữa thì nhất định sẽ thua nốt mấy gian nhà xập xệ và vài mẫu ruộng cuối cùng. Tôi sợ ông ta sẽ nướng nốt vào cuộc đỏ đen, cho nên đang đêm ông ta đang ngủ, tôi bèn lấy luôn chùm chìa khóa của ông ta giấu đi. Hôm sau ông ta biết, cứ ép tôi đưa trả và còn lấy của tôi hai cái trâm cài tóc nữa để đi đánh bạc.



Đêm hôm đó, đã rất khuya mà ông ta chưa về. Viên Nhi và Bọt Nhi đã ngủ, tôi cũng định tắt đèn đi ngủ, nhưng bên ngoài mưa to, lòng tôi thì như lửa đốt không sao nén được. Tôi bèn xách đèn lồng bằng giấy dầu, giương ô đi ra. Quán rượu của Chương Thất Lang ở bờ bên kia đầu cầu vòm đêm nào cũng mở xối bạc, tôi biết nhà tôi thường đến đó đánh bạc nhưng tôi chưa vào đó bao giờ. Lần này tôi không sao chịu nổi nữa, định sẽ vào đó chửi mắng ông ta một trận thậm tệ trước mặt mọi người.

Đang mưa rất to, trời thì tối đen, tôi vừa bước lên cầu vòm thì nghe thấy tiếng thở phì phò của ông ta, ông ta đang say rượu và ê a hát: *Tiền đồng đi cứ đi, Bạc vàng rồi sẽ về, Tiền như là hạt giống, Vận đến hoa nở rộ...* Khi thắng bạc, ông ta thường hát những câu vớ vẩn như thế. Nghe thấy, tôi rất điên tiết. Bọn cờ bạc du côn đều hay thế này: khi anh thua quá nhiều, định bỏ cuộc thì chúng nhử cho anh thắng một ít để giữ chân anh, sau đó anh tiếp tục thua.

Ông ta ngật ngưỡng liêu xiêu đi đến và nhận ra tôi, ông ta rút trong bọc ra hai xâu tiền đồng khua lên trước mặt tôi rồi uốn ba tấc lưỡi: Cô vẫn kêu là hết tiền đồng gạo hả? Cái gì đây? Nhìn rõ chưa, đây là gì? Rồi ông ta bỗng đứng lại nhoài ra ngoài thành cầu nôn thốc nôn tháo. Trông cái bộ dạng khốn kiếp bệ rạc của ông ta, tôi không chịu nổi nữa, và nảy ra một ý nghĩ: kết liễu cho xong!

Đã quyết định dứt khoát, tôi bèn vút cái đèn lồng và cái ô xuống mặt cầu. Gặp mưa, đèn tắt luôn. Vừa khéo. Rồi tôi khom người tóm lấy ống quần ông ta nhấc lên, ông ta hét lên và định nắm lấy lan can. Tôi mím môi ghì chặt hai cẳng chân ông ta rồi hất lên thật mạnh. Người ông ta từ thắt lưng trở lên đã nhoài ra ngoài thành cầu nhưng một tay vẫn tóm chặt lan can. Tôi còn nhớ rất rõ chùm chìa khóa đeo ở hông va vào nhau loảng

xoảng...”

Doãn thị ngừng lại, thở dài thườn thượt, rồi chậm chậm nói: “Cuối cùng, tôi nghiền răng đẩy một cái thật mạnh. Lan can trơn ướt, ông ta tuột tay, chúc đầu, lao xuống bên dưới. Tiếng mưa, tiếng nước chảy rất to đã át đi tiếng kêu của ông ta. Tôi chỉ nghe thấy một tiếng ùm... khi ông ta rơi xuống sông. Kể từ đêm hôm đó, nhà này mới được yên ổn...”

Triệu Mặc Nhi mở to mắt, cứ như mình đã rơi xuống dòng sông tối đen. Một lúc lâu sau cậu mới khẽ nói: “Vậy thì chùm chìa khóa ấy đã mất thật?”

Doãn thị bỗng nài nỉ: “Cháu Mặc Nhi, cô đã nói ra những điều cô giấu kín suốt mười lăm năm qua. Cháu nhất định phải giúp cô tìm Viên Nhi về...”

Triệu Mặc Nhi không biết Doãn thị đáng sợ, đáng ghét hay đáng thương nữa. Cậu sững sờ hồi lâu rồi mới nói: “Cháu sẽ gắng hết sức.”

Doãn thị không ngớt nói cảm ơn. Triệu Mặc Nhi cảm thấy mình không nên nán lại nữa, cậu lặng lẽ ra khỏi nhà Doãn thị.



**Ăn Cơm**

*Đồ thiện vị tất tận nghĩa, đồ thị vị tất tận nhân; hiếu nhân nhi ố  
bất nhân, nhiên hậu tận nhân nghĩa chi đạo<sup>[129]</sup>*

*- Trương Tải*

Trên đường về, sắc trời dần tối, Triệu Mặc Nhi cảm thấy lòng nặng nề, hồi lâu sau mới có thể định tâm để tiếp tục suy nghĩ về vụ án.

Bác Ca và Tiểu Cửu đều đi khỏi kinh thành ngày hôm qua, chắc không phải là ngẫu nhiên. Có lẽ kẻ đánh tráo hai thứ trong túi thơm cũng là Bác Ca. Nhưng chùm chìa khóa thứ hai thì đã rơi xuống sông, Doãn thị tận mắt nhìn thấy, vậy Bác Ca lấy đâu ra chìa khóa?

Cậu chợt nhớ lại lần đầu đến hỏi Doãn thị về các tình tiết vụ việc, Bác Ca hậm hực lừ mắt nhìn bà ta, thể hiện sự bất mãn rất rõ rệt và còn pha nét khoái trá nữa.

Đúng, sự khoái trá của người đã trả thù được!

Hay là Bác Ca đã biết nguyên nhân cái chết của cha mình?

Sau khi cha chết, Bác Ca như biến thành người khác. Nếu Bác Ca biết Doãn thị gây ra cái chết của cha mình thì đương nhiên rất hận Doãn thị, thế thì đó là nguyên nhân sâu xa để anh ta lấy trộm túi thơm, đánh tráo, thậm chí mưu hại Tôn Viên.

Nhưng vấn đề vẫn là Bác Ca không có chìa khóa.

Hay là, chùm chìa khóa mà cha Bác Ca đeo trước khi chết, là chùm chìa khóa khác chứ không phải chùm chìa khóa mà ông ta lấy lại từ tay Doãn thị? Vì một nguyên nhân nào đó, chùm chìa

khóa ban đầu đã rơi vào tay Bác Ca, anh ta nâng niu di vật của cha và lưu giữ nó, rồi dùng nó để mở tủ?

Đêm qua Bác Ca không về, anh ta đi đâu? Có phải đã cùng Tiểu Cửu trốn đi?

Có điều, tại sao Bác Ca không sớm thó viên ngọc trong túi thơm, mà phải chờ đến hôm qua mới lấy? Bác Ca và vụ việc vợ con Khang Tiềm đi mất hút, vốn dĩ không liên quan gì đến nhau, nhưng bức mật thư mà Vũ Tường nhận được hôm qua vừa nhắc đến mẹ con Xuân Tích lại vừa nói về cái túi thơm, thế thì có lẽ Bác Ca sau khi đánh tráo được vật đựng trong túi thơm đã giao cho người khác. Tại sao anh ta không chiếm đoạt cho mình, mà phải giao cho người khác?

Triệu Mặc Nhi nhớ lại lúc chiều Khang Du nói rằng: trên Mai thuyền, sau khi lấy được cái túi thơm, Khang Du mở ra tìm viên ngọc nhưng chỉ thấy một viên thuốc to, dùng dao rạch ra mới biết bên trong là viên ngọc. Còn Bác Ca, sau khi anh ta nhận cái túi thơm thì Khang Du cải trang thành kẻ ăn mày bám theo, dọc đường chỉ thấy Bác Ca hé cái túi ra nhìn, có lẽ không biết viên thuốc đó chính là viên ngọc, về sau, Vũ Kiều đi lấy túi thơm, nói rằng bên trong viên thuốc chính là viên ngọc, thì khi đó Bác Ca đã giao cái túi cho người khác và được họ thưởng cho tí tiền là cùng.

Vì muốn nài xin Bác Ca, Doãn thị bèn cho anh ta toàn bộ tiền bạc dành dụm nhưng cũng chỉ là mười lăm lạng bạc, nếu Bác Ca muốn đi nơi khác để mưu sinh thì vẫn rất không đủ; có lẽ Bác Ca lần nữa chưa đi vội vì muốn đợi để có tiền.

Nếu thế thì bức mật thư tổng tiền một trăm lạng bạc không phải là mưu đồ kéo dài thời gian, mà đúng là muốn vò tiền. Nhưng nếu thế thì tại sao con thuyền không ấy lại đợi sông cả một ngày ở bờ sông?

Không đúng. Chắc bên trong phải có mưu mô chi đây mà mình chưa nhận ra.

Triệu Mặc Nhi bất giác dừng bước, nhìn xuống mặt đất nghĩ ngợi: thuyền không, và bạc...

Cậu cố tìm một chi tiết nào đó còn bỏ sót. À, kìa nhờ chủ thuyền họ Hoàng nhắc rằng “bạc, phải là bạc 50 lạng một khối, bạc của phủ Khai Phong mới đúc...”

Tại sao hẳn muốn bạc mới? Hẳn phải có điều bí hiểm chi đây.

Lại nghĩ nát óc. À, nguy rồi, đó là kế đánh tráo!

Đó không phải là “thuyền không”! Ván thuyền bên dưới mũi thuyền có thể nẩy ra, có người nấp bên dưới; người ấy sẽ bò lên và đánh tráo bạc! Tức là, bạc trong túi biến thành bạc giả!

...

Trong kinh thành Biện Lương có rất nhiều hiệu vàng bạc đang “đúc” đồ giả trắng vàng trắng bạc bên ngoài; kẻ tổng tiền đòi hỏi bạc mới là vì kiểu chữ chạm khắc trên bạc cũ khác nhau rất nhiều, còn bạc mới đúc ra thì rất dễ làm giả để đánh tráo.

Đây cũng là nguyên nhân Bác Ca hôm qua mới ra đi: người anh ta gây nhỡ, đêm qua bí mật lẻn lên thuyền của ông Hoàng nấp dưới các tấm ván, chịu khổ một đêm vậy!

Triệu Mặc Nhi không ngớt thở dài, lúc này đã muộn, trời đang dần tối.

Ông Hoàng đã chèo thuyền trở về, có lẽ Bác Ca vẫn còn nấp trong thuyền, chờ đêm xuống thì sẽ bò ra!

Triệu Mặc Nhi vội chạy đến hiệu nhà họ Lương, lần này thuê ngựa, cậu nhẩy vội lên yên thúc ngựa chạy về phía Tiểu Hoàn Kiều. Kể cũng lạ, đầu óc cậu bỗng nảy ra một ý: Đăng Châu!

Ba anh em họ Bành quê ở Đăng Châu, vợ Khang Tiềm là Xuân Tích cũng là người Đăng Châu!

Có phải, vì là đồng hương nên họ đã biết nhau từ trước?

Anh em họ Bành về kinh đô từ lâu, tại sao năm ngoái mới đến thuê căn nhà sát vách nhà họ Khang? E rằng không phải ngẫu nhiên. Nếu Xuân Tích quen anh em họ Bành từ trước, thì chuyện bỏ trốn mà Xuân Tích bàn với Liễu thị có lẽ Xuân Tích cũng kể cho anh em nhà họ Bành biết; họ sẽ bám theo Vũ Kiều, tìm thấy chỗ Xuân Tích ẩn náu, rồi dễ dàng Xuân Tích bỏ trốn trong đêm hôm nọ.

Người ấy có thể là Bành Chủy Nhi!

Mấy hôm nay hễ gặp anh ta thì anh ta liền xán đến bắt chuyện, chắc là để dò la tin tức. Sáng nay anh ta còn hỏi điều tra vụ án nhà họ Khang đến đâu rồi, chẳng trách anh ta cười đượm vẻ chế nhạo.

Nghĩ đến đây Triệu Mặc Nhi càng thêm sốt ruột, vội thúc ngựa đi cho nhanh. Khi đến cửa nhà họ Khang thì trời đã tối, có thể nhìn xa hơn chục bước chân là cùng. Cửa hàng thì đóng im ỉm, cậu nhẩy xuống ngựa bước đến gõ cửa thật mạnh, không thấy ai thưa. Nhưng cửa nhà hàng xóm bên phải lại mở ra, là Vũ Tường: “Chào chú Mặc Nhi, chú đến, quá tốt rồi!”

Triệu Mặc Nhi vội bước đến, Vũ Tường nói luôn: “Khang Du đang đuổi theo Bành Chủy Nhi, tam đệ Vũ Kiều nhà tôi thì đi báo quan rồi.”

“Khang nhị ca khám phá ra Bành Chủy Nhi à?”

“Đúng!”

“Nhà chủ thuyền họ Hoàng ở đâu, Vũ đại ca dẫn tôi đến được không?”

“Ở ngay bên cạnh Tiểu Hoành Kiều.”

Triệu Mặc Nhi bảo Vũ Tường cưỡi ngựa, mình chạy bộ theo sau, vừa chạy vừa hỏi: “Khang Du nhận ra Bành Chủy Nhi như thế nào?”

Vũ Tường: “Anh ta chưa nói tỉ mỉ, chỉ dặn chúng tôi đi báo quan ngay, sau đó đuổi theo về hướng đông.”

Đi qua đầu cầu Tiểu Hoàn Kiều một đoạn, rẽ vào con ngõ nhỏ đi ra bờ sông, nhà ông Hoàng ở ngay đó.

Triệu Mặc Nhi chạy ra bờ sông, nhờ ánh sáng hắt lên từ mặt nước có thể nhận ra bóng con thuyền nhỏ được buộc vào cái cọc trên bờ. Cậu vội nhảy lên thuyền. Trong mũi thuyền tối om. Cậu cúi xuống đưa tay sờ rầm mặt ván lát, thấy một mảnh ván bên cạnh cái bàn nhỏ đã bị nhấc sang bên, dưới đó tối đen. Bác Ca đã chuồn mất!

...

Khang Du đang gấp truy đuổi trên bờ sông.

Hai hôm nay, Khang Du rất hối hận: nếu mình sớm nói cho nhà họ Vũ biết sự thật về cái chết của Vũ Ngao ở chiến trường thì Vũ Tường và Liễu thị sẽ không tìm cách gán tai họa cho mình; và nếu mình không có ý “tơ tưởng” người chị dâu Xuân Tích thì tình anh em sẽ không bị rạn nứt, Xuân Tích cũng không hiểu lầm rằng chồng định bán vợ con đi. Chính mình đã gây ra mọi sự hiểu lầm.

Lúc chiều, sau khi Triệu Mặc Nhi ra về, Khang Du rất ngao ngán, đang định quay vào nhà thì nhìn thấy Bành Chủy Nhi từ cửa sau bước ra, anh ta hỏi thăm: “Chú hai, chị dâu chú vẫn chưa về à?”

Khang Du không muốn trả lời, chỉ lắc đầu, rồi quay vào nhà. Bành Chủy Nhi lại xán đến hỏi: “Hôm nay tôi thấy nhân viên nha môn, em trai phán quan mặt sắt đen sì Triệu Bất Vưu đến nhà anh, hai mẹ con họ lại xảy ra chuyện gì à?”

Khang Du càng khó chịu, lắc đầu, bước vào trong định sập cửa lại thì nghe thấy Tào thị ở bên sát vách gọi to: “Bành nhị!

Nhà ta hết muối rồi, chú đi mua một cân đem về đây!”

Bành Chủy Nhi đáp: “Hôm nay đưa như thế vẫn chưa đủ à? Em đi đến nhà người bạn, sẽ về muộn, chị cứ ăn cơm đừng chờ em.”

“Đừng quên mua muối về, kéo ngày mai sẽ phải ăn rau luộc suông!”

“Nhớ rồi!” Bành Chủy Nhi vừa bước đi vừa trả lời.

Nghe bọn họ chị dâu em chồng nói với nhau, Khang Du thấy xúc động nhưng không nghĩ ra là chuyện gì. Anh đóng cửa lại rồi nhìn ngôi nhà lạnh lẽo âm tối, cảnh tượng này sống sao nổi? Bèn lại mở cửa bếp, bắc cái ghế ra ngồi ngắm trời chiều trên sông.

Mọi ngày vào giờ này trở về nhà anh trai, là lúc đầm ấm nhất. Đứa cháu đùa nghịch, chị dâu làm bếp... Rồi chị gọi: “Ăn cơm nào!” Cả nhà ngồi bên nhau vừa ăn vừa trò chuyện, thỉnh thoảng nói đùa mấy câu...

Đúng, là chữ “ăn”!

Khang Du chợt nhớ ra, chị dâu đã đến Biện Kinh mấy năm, đã nói theo giọng Biện Lương nhưng khi nói chữ “ăn” thì nghe là lạ ngồ ngộ, gần như chữ “ăng”. Lúc này Bành Chủy Nhi nói chữ “ăn” cũng thế, thậm chí còn nặng hơn cách nói của chị dâu. Hồi trước Khang Du đã từng chỉ huy một quân sĩ quê Đặng Châu, cậu ta cũng nói là “ăng”.

Xuân Tích là người Đặng Châu, có phải Bành Chủy Nhi cũng là người Đặng Châu?

Khang Du nghĩ ngợi... hình như năm ngoái sau khi anh em nhà họ Bành dọn đến bên cạnh, thì anh Khang Tiềm có nói nguyên quán họ ở Đặng Châu.

Rồi Khang Du bỗng nhớ ra một chuyện. Có đôi ba lần anh ra giếng ngoài kia xách nước thì gặp Bành Chủy Nhi cũng đang



mức nước. Nhìn thấy Khang Du, anh ta cười, hỏi: “Hôm nay cậu xách nước hộ chị dâu à?”

Khang Du vốn không ưa cái lối ăn nói nửa nạc nửa mỡ của Bành Chủy Nhi, nên chỉ ầm ừ cho qua chuyện. Nay nhớ lại, cảm thấy câu hỏi đó của anh ta hình như có ngụ ý gì đó... Và hình như nét cười của anh ta cũng có nét thất vọng. Liệu có phải hàng ngày anh ta hay ra giếng để chờ Xuân Tích?

Khang Du sống sót. Vừa nãy Bành Chủy Nhi xán lại, là nhằm dò la nghe ngóng?

Xuân Tích ẩn náu ở bến tàu, người ngoài không biết. Vũ Kiều đưa mẹ con Xuân Tích đến hôm đầu tiên, cho đến tối hôm kia mới đến lần thứ hai. Chỉ có ai bí mật bám theo anh ta thì mới biết địa điểm ấy. Chắc chắn Xuân Tích và đứa con chỉ có thể trốn đi cùng với người quen. Bành Chủy Nhi đương nhiên là người quen, lại có cái mồm leo lẻo ngọt xớt, rất dễ tiếp cận tỉ tê dụ dỗ...

Lúc nãy anh ta nói là đi gặp bạn, không về ăn cơm. Hay là anh ta đi gặp Xuân Tích? Nhưng Xuân Tích vốn rất nghiêm túc giữ đạo làm vợ, không nói chuyện với đàn ông bên ngoài, cũng luôn né tránh anh em nhà họ Vũ dù đã rất quen nhau, chị ấy đâu có thể trốn theo Bành Chủy Nhi?

Nhưng dù sao thì Bành Chủy Nhi vẫn rất đáng nghi.

Khang Du bèn chạy sang gõ cửa nhà họ Vũ. Vũ Kiều ra mở cửa, Khang Du vội hỏi luôn: “Tôi đoán tên khốn đó là Bành Chủy Nhi, tôi sẽ đuổi theo hắn, anh đi báo với chủ quản Tri Vạn Phúc dẫn người đi gấp về hướng đông!”

Rồi Khang Du vụt chạy về hướng đông, còn Vũ Kiều thì đứng đó ngơ ra.

Đuổi theo một chập, thấy Bành Chủy Nhi đang rảo bước, Khang Du thôi không chạy nữa, lặng lẽ đi theo phía sau.

...

Bành Chủy Nhi đi dọc bờ sông, thỉnh thoảng ngoảnh lại nhìn ngó, Khang Du suýt nữa bị lộ. Anh phải giữ khoảng cách xa hơn và lách sau những thân cây du trồng bên sông.

Một lúc sau, hình như Bành Chủy Nhi nghĩ đến điều gì đó, anh ta rẽ vào một con ngõ nhỏ rồi đi lên đường cái. Khang Du vội bám theo. Thấy Bành Chủy Nhi vào một hiệu bán bánh mìn thâu và thịt chín mua một túi to, sau đó sang quầy bên cạnh mua một be rượu rồi xách tất cả quay trở lại đường bờ sông, tiếp tục đi về hướng đông.

Trời đang dần tối, tầm nhìn chỉ hơn chục bước chân, thế thì càng tiện theo dõi anh ta, có điều, bốn bề lại càng yên tĩnh nên Khang Du không dám chủ quan, cố gắng bước đi thật nhẹ chân.

Đi qua vịnh bến thuyền của sông Ngũ Trượng, Bành Chủy Nhi vẫn dần bước, tiếng chân bước huỳnh huých vang lên rất rõ trong không gian im ắng. Khang Du không cần né vào sau các thân cây nữa, anh giãn xa khoảng cách, nghe tiếng chân bước của anh ta mà bám theo.

Lại đi một hồi nữa, trên mặt sông phía trước có ánh đèn, là đèn lồng trên thuyền.

Có phải Bành Chủy Nhi định lên con thuyền đó? Và, hai mẹ con chị dâu đang ở trên thuyền ấy?

Khang Du tiếp tục đi theo, rất thận trọng, dần tiến lại gần chiếc đèn lồng, và cũng dần nhận ra con thuyền. Là con thuyền mũi nhỏ đang đậu ở chỗ lồi bên bờ sông. Hình như có một nam giới đang đứng dưới ngọn đèn lồng. Trời đã tối hẳn.

Đúng là Bành Chủy Nhi đi về phía con thuyền ấy. Anh ta bước đến bên mũi thuyền nói chuyện với nam giới đó mấy câu, âm thanh rất nhỏ, Khang Du không nghe rõ, chỉ nhìn thấy người trên thuyền gật đầu rồi đưa tay ra kéo Bành Chủy Nhi lên thuyền. Hai người vén rèm bước vào trong khoang.

Khang Du vội rảo bước đến gần con thuyền, rồi nấp vào sau một cây liễu, ghé nhìn ra. Chỉ thấy ánh đèn hắt qua màn mỏng, không thể nhìn rõ người bên trong. Có nghe thấy tiếng Bành Chủy Nhi và người kia cười nói, có cả tiếng phụ nữ cười theo nhưng không phải giọng của Xuân Tích.

Khang Du đứng đây không thể nghe thấy ba người nói gì, chỉ nghe văng vẳng tiếng Bành Chủy Nhi nói “Bác Ca”. Khang Du chợt nghĩ: có thể nam giới đó là gã thanh niên bán bánh đã đi “nhận hàng” hôm nọ? Rồi anh bỗng nghe thấy tiếng trẻ con nói “Bố cháu đâu?”.

À, giọng của Đồng Nhi!

Không cần ẩn nấp nữa, Khang Du nhanh chân bước đến sát con thuyền, nấp vào chỗ tối căng tai lắng nghe.

Lại là tiếng Đồng Nhi: “Mẹ ơi, bố không đi cùng chúng ta à?”  
“Ừ!”

Trả lời rất nhỏ nhưng Khang Du vẫn nhận ra đúng là giọng của Xuân Tích. Lòng anh thất lại.

Không nén nổi nữa, Khang Du đứng bật dậy gọi vào khoang thuyền: “Chị ơi! Đồng Nhi ơi!”

Trong khoang thuyền bỗng im bật, kể cả giọng của Đồng Nhi, chắc nó bị bịt miệng.

Khang Du lại gọi: “Chị ơi, em đây mà! Em đến đón chị và cháu!”

Trong khoang thuyền vẫn không một âm thanh.

Khang Du điên tiết bước lại nhảy lên mũi thuyền rồi đưa tay vén cái rèm, rèm vừa hé ra thì anh bỗng nhớ đến lời thề với Khang Tiềm: em sẽ không bao giờ nhìn chị dâu nữa.

Khang Du thu tay về, do dự, rồi đứng thẳng người, quay lưng lại, mắt nhìn về mũi thuyền, chậm rãi nói: “Chị ơi, mời chị và cháu Đồng Nhi ra đây vậy!”

Sau một lúc lâu, thấy tiếng Xuân Tích từ trong khoang thuyền vọng ra, giọng hơi run, nói rất khẽ: “Xin chú... chú chờ một lát.”

“Được!”

Nhưng Khang Du lập tức cảm thấy lưng đau nhói, một mũi dao sắc nhọn đã cắm vào lưng anh, toàn thân anh co giật.

Anh đã từng trấn thủ chiến đấu ở biên cương mấy năm, không biết sợ kiếm đao là gì. Sau khi trở về thì làm huyện úy, thỉnh thoảng cũng đi truy bắt đạo tặc nhưng anh vẫn coi kinh thành là nơi rất êm đềm, mức độ mạo hiểm thua xa nơi chiến trường, và coi những kẻ như Bành Chủy Nhi chỉ như con rận con rệp không cần phải phòng bị.

Nhưng vết thương sau lưng bỗng đau dữ dội, mũi dao vừa được rút ra. Khang Du cố xoay người lại. Dưới ánh đèn nhập nhoạng, tay Bành Chủy Nhi đang cầm thanh đoản đao vẫn đang rỏ máu, hắn đang nghiêng răng, khuôn mặt vằn vẹo, hai môi đang run, ánh mắt đầy sợ hãi...

Khang Du lại nhìn vào khoang thuyền vẫn buông rèm, không thấy chị dâu và Đông Nhi. Anh biết lần này mình đã sai lầm, vĩnh viễn không còn cơ hội chuộc lại. Đau đớn cùng cực, anh ngửa đầu ngã vật ra, miệng lẩm bẩm câu cuối cùng: “Anh ơi, em xin lỗi...”



## Một Chiếc Bánh Ngọt

*Mệnh ư nhân vô bất chính, hệ kỳ thuận dữ bất thuận nhi dĩ, hành  
hiểm dĩ kiếu hạnh, bất thuận mệnh dã<sup>[130]</sup>.*

*- Trương Tải*

Bành Chủy Nhi chỉ có một ý nghĩ duy nhất: giết Khang Du.

Nếu không giết Khang Du thì đời hẳn chẳng còn bất cứ cơ hội nào để khát khao nữa.

Cha Bành Chủy Nhi là một thầy giáo ở ngõ phường Đăng Châu, đã học trường huyện, thi nhiều lần mà không thể đỗ vào trường châu, lại không biết cách nào khác để mưu sinh bèn ở nhà dạy trẻ con quanh đó học vậy.

Người cha luôn mong ba đứa con trai sẽ học hành đỗ đạt có công danh, để mình có thể “mát mặt”. Ba anh em “kế thừa tài năng” của cha, học không vào nhưng cái mồm thì khá, hễ cầm bút thì “vô tâm” không sao viết nổi. Thế thì thi cử sao được?

Ông già ấy thoát đầu động viên cổ vũ, rồi biến thành đánh mắng, rốt cuộc đành giương mắt nhìn chúng mà than thở: “Gia môn bất hạnh! Gia môn bất hạnh!” Rồi học máu mà chết.

Ba anh em cũng “may mà” nghe được từ người cha không ít các điển cố lịch sử, người anh cả theo sư phụ học nghề diễn múa rối bóng, sư phụ ấy giỏi môn khẩu thuật nhưng lưng vốn lịch sử thì xoàng; anh ta học được khẩu thuật, rồi kết hợp với các mẫu chuyện lịch sử “cha truyền” cho, đã trở thành diễn viên đa tài vượt qua cả sư phụ trong nghề múa rối bóng. Cái tên “Bành Ảnh Nhi” từ đó mà ra.

Bành Chủy Nhi cũng định học theo người anh cả nhưng anh ta chỉ thạo khoa nói chứ không học được khẩu thuật, chân tay thì vụng về, nên đành hành nghề Thuyết thư. Nhưng lại không chịu khó đi sâu nâng cao tay nghề, nên cái mồm anh ta chỉ lừa được tiền của những người đi đường mà thôi.

...

Con phố mà nhà họ Bành ở, có một hiệu bánh nhà họ Trúc, chất lượng bánh tạm được, quy mô nhỏ, vợ chồng con cái đều mót tay vào đủ thứ việc. Nhà họ có cô con gái tên là Xuân Tích xinh tươi như bông hoa bích đào.

Hồi đó Bành Chủy Nhi mới ngoài hai mươi tuổi, sức xuân phơi phới. Có lần đến đó mua bánh, vừa khéo gặp một mình Xuân Tích đứng bán hàng, mặc bộ áo tím, miệng luôn nở nụ cười rạng rỡ hơn cả hoa đào ngày xuân.

Bành Chủy Nhi tuy dẻo mồm nhưng hôm đó cứ như bị líu lưỡi, vốn định nói “bán tôi một cái bánh ngọt, một cái bánh mặn” thì lại nói thành “một cái bánh ngọt một cái bánh ngọt”.

Xuân Tích nghe, bật cười, tiếng cười lanh lảnh ngọt ngào, trông cô thật yêu kiều, Bành Chủy Nhi chỉ muốn cắn một miếng thì thích quá.

Xuân Tích nói: “Nghe thấy rồi. Một bánh ngọt. Sao cứ phải nói hai lần?”

Anh ta bỗng đỏ mặt nhưng vẫn cố thanh minh: “Tôi đã nói xong đâu? Tôi muốn nói là mua một bánh ngọt, một bánh ngọt nữa, thêm một bánh ngọt và một bánh ngọt...”

Xuân Tích càng cười dữ hơn: “Thực ra anh muốn mua mấy cái bánh?”

“Nhà cô có bao nhiêu tôi mua tất!”

“Năm, mười, mười lăm... có ba chục cái, anh mua tất chứ?”

“Khoan đã... để tôi đếm tiền xem sao... chỉ còn đủ tiền mua mười hai cái.”

“Ừ thì mười hai cái. Hai sáu mười hai, vừa khéo! Tôi gói lại nhé?”

Kể từ hôm đó, ngày nào Bành Chủy Nhi cũng ăn bánh và chỉ mua của hiệu bánh nhà họ Trúc.

Cứ thế lặp lại, khiến anh ta hề nhìn thấy bánh thì gan ruột nhột nhạo muốn chết, nhưng không là gì hết, một nụ cười của Xuân Tích sánh ngang ngàn vạn cái bánh ngọt.

Nhưng cha mẹ Xuân Tích lại hay có mặt ở cửa hàng, khi ấy cả hai không dám nói gì với nhau đã đành, dẫu cười cũng phải rất kín đáo.

Hồi đó Bành Chủy Nhi còn đang học nghề Thuyết thư, mỗi tháng chỉ kiếm được hai ba quan tiền. Anh ta cố dành dụm được ba quan tiền để mua lễ vật, rồi mời người làm mồi đến nhà Xuân Tích xin dạm hỏi, nhưng bị cha mẹ Xuân Tích cười nhạo một trận và trả lại đồ lễ.

Từ đó, Bành Chủy Nhi cũng không dám đến mua bánh nữa, mỗi khi đi qua cửa hiệu, nếu thấy cha mẹ Xuân Tích thì anh ta len lét không dám nhìn vào. Khi chỉ thấy Xuân Tích thì anh ta mới dám vào, hai người buồn bã nhìn nhau. Rồi một hôm Bành Chủy Nhi đánh bạo nói: “Em cứ đợi, đợi anh kiếm được tiền, anh nhất định sẽ trở lại cưới em.” Xuân Tích gật đầu, mắt rơm rớm lệ, nhưng thực ra cô không mấy tin lời anh ta.

Từ đó Bành Chủy Nhi ra sức học Thuyết thư, nếu vươn lên thành Thuyết thư số một ở Đặng Châu thì mỗi tháng có thể kiếm được chục quan tiền, có thực lực để cưới Xuân Tích.

Nhưng mới cố gắng được mười hôm, khi Bành Chủy Nhi đến thăm Xuân Tích thì hiệu bánh đóng cửa, cũng không treo biển treo cờ. Anh ta vội hỏi hàng xóm thì mới biết gia đình Xuân Tích

đã chuyển về kinh thành, nương tựa họ hàng ở đó.  
Bành Chủ Nhi bỗng chơi với hằng huyệt.

...

Từ đó chẳng còn tâm trí nào để luyện tập Thuyết thư, hàng ngày chỉ “diễn” qua loa đôi ba lần để sống qua ngày, và nốc vài chén rượu, nếu không có rượu thì nằm vật ra ngủ một giấc. Cha mẹ đã mất, người anh và em còn bận việc của họ nên cũng mặc xác anh ta.

Chú em Bành Châm Nhi theo học nghề y của một vị Thái thừa<sup>[131]</sup> cao niên đến từ kinh thành, học được vài năm. Khi kinh thành mở trường Ngự y học theo chế độ tam xá, vị Thái thừa bèn viết thư giới thiệu Bành Châm Nhi về kinh thành dự thi Thái y sinh. Bành Ảnh Nhi biết chuyện, cũng muốn đi kinh thành vì đó là chốn phồn hoa đông đúc, dễ kiếm tiền. Thấy anh và em đều sắp đi, Bành Chủ Nhi cũng hòa theo. Cả ba lên đường đi kinh thành Biện Lương.

Bành Chủ Nhi cứ tưởng về kinh thành là sẽ gặp được Xuân Tích nhưng ở đây có ức vạn người thì biết đi đâu mà tìm?

Anh cả Bành Ảnh Nhi tay nghề rất khá nên lập tức trụ vững ở kinh thành, chú em Bành Châm Nhi vào viện Y học, sẽ có tiền đồ. Chỉ còn Bành Chủ Nhi với trình độ Thuyết thư tầm tầm, ở Đãng Châu thì tạm được chứ về kinh thành thì ngay các sân khấu tồi tàn nhất cũng chẳng thèm nhìn đến anh ta. Bành Chủ Nhi đành đến các quán ngoài phố nộp chút tiền thuê địa điểm để hành nghề kể chuyện cho khách vãng lai, mỗi ngày chỉ kiếm được khoảng một trăm đồng, chẳng bằng ở Đãng Châu.

Vật giá ở kinh thành đắt đỏ, ba anh em đấu nhau lại thuê nhà ở chung chứ không dám tách ra. Tam đệ Bành Châm Nhi được vào học ngoại xá thì chuyển vào ký túc xá ở. Chỉ có Bành Chủ



Nhi kiếm sống vật vờ, nếu tách riêng ra thì anh ta chỉ còn cách ngủ đầu đường xó chợ.

Bành Châm Nhi cũng lười nhác như Bành Chủy Nhi, học y đã vài năm mà vẫn ở trong nhóm học trò ngoại xá. Năm ngoái Sái Kinh lên làm tể tướng đã bãi bỏ “tam xá pháp”, trường Thái y cũng bị xóa sổ, Bành Châm Nhi phải về vườn. Anh ta học hành chưa đâu vào đâu, cũng không có lưng vốn để mở hiệu thuốc, chỉ có thể đeo tấm biển và hòm thuốc đi bán thuốc rong.

Ban đầu, Bành Ảnh Nhi còn chấp nhận hai đứa em, về sau, khi kiếm được bộn tiền thì anh ta khó chịu với họ. Ít lâu sau Bành Ảnh Nhi lấy vợ là Tào thị, Tào thị rất ki bo nhưng cũng chưa đến nỗi đuổi hai đứa em chồng đi, vì họ vẫn đóng góp tiền thuê nhà và tiền ăn chia đều ba anh em. Tuy nhiên Tào thị vẫn suốt ngày mặt nặng mày nhẹ, nói bóng nói gió mĩa mai.

Hai anh em chỉ có thể nhẫn nhịn, cứ thế mãi rồi cũng quen không cảm thấy khó chịu nữa.

Bành Chủy Nhi nghĩ bụng, với tình hình này cho dù tìm thấy Xuân Tích thì vẫn không thể lấy nổi cô ta. Ý định xưa kia cũng dần phai nhạt rồi cho qua! Ngày ngày phải kiếm ra tiền, mới là quan trọng.

Hai ba năm sau, Bành Chủy Nhi đã thông thuộc kinh thành, và nhận ra rằng: làm bất cứ việc gì cũng cần hai chữ Cười và Cùn!

Ai nữ nào mắng mỏ hoặc ra đòn với một người đang cười rõ tươi? Dù gặp ải gặp ai hung bạo ra sao, ta cứ nhe răng cười thì có thể làm họ dịu đi già nửa, non nửa còn lại thì phải cùn phải trơ, chịu khó trơ trên là sẽ êm gần hết, phần còn lại thì phải trông vào số phận, được thì là phúc, không được thì cũng không coi là mất.

Thế là Bành Chủy Nhi dần dần biến thành một gã chuyên

cười hề hề suốt ngày, kể cả gặp chó cũng cười với chó, chó dữ gặp anh ta cũng khó mà cắn được.

...

Sống cười cợt như thế vài năm, cho đến mùa xuân năm ngoái Bành Chủy Nhi đi ngắm cảnh chùa Quan Âm ngẫu nhiên gặp ngay một người: Xuân Tích!

Xuân Tích đã khác xưa, cô đã là một thiếu phụ, tay dắt một đứa bé trai, đi bên cạnh là một nam trung niên, nhưng Bành Chủy Nhi vẫn nhận ra cô với khuôn mặt ưa nhìn, Xuân Tích vẫn tươi tắn như đóa hoa bích đào và còn thêm nét duyên dáng nữa. Xuân Tích không nhìn thấy anh ta vì anh ta nấp sau những người khác, thèm khát nhìn cô, nhìn không biết chán.

Xuân Tích thấp hương xong thì ra về cùng đứa bé và nam trung niên kia. Bành Chủy Nhi lẳng lặng bám theo, đi đến Tiểu Hoành Kiều, rồi thấy Xuân Tích đi vào một hiệu đồ cổ.

Kể từ đó Bành Chủy Nhi không ngớt lượn lờ ở đó, đôi khi trông thấy Xuân Tích thì anh ta mê mẩn một hồi rất lâu. Ít lâu sau anh ta vào một quán trà gần đó ăn uống, nghe thấy hai nam giới trò chuyện, một người nói rằng có ngôi nhà sát vách hiệu đồ cổ đang muốn cho thuê. Bành Chủy Nhi bèn hỏi người đó giá thuê. Giá thuê mỗi tháng đắt hơn 500 đồng so với chỗ ba anh em họ Bành đang thuê, nhưng lại rộng rãi hơn. Trở về, Bành Chủy Nhi liền thuyết phục vợ chồng ông anh chuyển đến Tiểu Hoành Kiều; một tháng phải chi thêm 500 đồng thì Bành Chủy Nhi xin góp 300, Bành Ảnh Nhi và Bành Châm Nhi mỗi người 100. Bành Chủy Nhi ra sức nài nỉ, vợ chồng ông anh đến xem tận nơi, cuối cùng chấp nhận.

Bành Ảnh Nhi và Bành Châm Nhi tuy năm xưa cũng đã từng nhìn thấy Xuân Tích nhưng nay đã quên mặt không nhận ra, và

đều không biết mục đích thật sự của Bành Chủy Nhi là vì Xuân Tích.

Sau khi cả nhà dọn đến ít hôm, Bành Chủy Nhi phát hiện ra Xuân Tích đã thay đổi, trở nên lạnh lùng ít nói, chỉ cười nói với đứa con mấy câu, nếu thấy nhà ngoài có nam giới thì cô thường lặng lẽ cúi đầu tránh đi, vì thế cô ta không phát hiện ra Bành Chủy Nhi.

Anh ta để ý liền hai tháng mới tìm thấy cơ hội: chỉ khi ra giếng lấy nước thì mới có thể tiếp cận. Rồi một hôm Bành Chủy Nhi ra giếng tắm nấp ở sau thành giếng, chờ khi Xuân Tích đi ra vục thùng nước xuống giếng thì anh ta mới đứng dậy, bước đến nói nhỏ: “Một cái bánh ngọt, một cái bánh ngọt!”

Xuân Tích sợ quá giật mình, nhưng lập tức nhận ra Bành Chủy Nhi, cô then đỏ mặt nhưng không né tránh, cô nhìn thẳng vào anh ta. Anh ta mỉm cười, cười thật lòng, chứ không cười hèn hếch như thói quen mấy năm qua. Nhưng nụ cười lại pha nét chua xót trào dâng từ trong lòng, Bành Chủy Nhi như sắp trào nước mắt.

Đôi mắt Xuân Tích cũng đỏ hoe, cô khẽ thở dài, cúi xuống xách thùng nước lên. Lúc sắp bước đi, cô trách nhẹ: “Tội gì mà phải khổ thế này?”

...

Kể từ đó hai người thường xuyên gặp nhau bên bờ giếng nhưng không dám nói chuyện vì xung quanh luôn có người; cũng hiếm khi cười, nhiều nhất là khẽ gật đầu. Những lúc như thế này còn quý giá ngọt ngào hơn cả những cái bánh ngọt năm xưa, chỉ khác nhau là bánh có thể ăn no bụng, còn những lúc như thế này chỉ khiến Bành Chủy Nhi càng thêm đói!

Cho đến hai ngày trước hôm hàn thực, Bành Chủy Nhi lại ra

giếng lấy nước. Xuân Tích vừa nhắc thùng nước lên thì nhìn thấy anh ta, cô đưa mắt nhìn quanh rồi khẽ nói: “Chồng em sắp bán mẹ con em cho người ta, ngày mai chị hai Vũ là hàng xóm sát vách sẽ giúp bọn em trốn đi.”

Bà Chử Nhi vội hỏi: “Trốn đi đâu?”

Nhưng Xuân Tích xách thùng nước bước đi, không trả lời.

Bà Chử Nhi cảm thấy hoang mang, mình đã một lần để mất Xuân Tích, mấy năm sau mới tìm thấy, nay không thể lại để mất lần nữa.

Hôm đó anh ta vẫn đi Thuyết thư để kiếm sống nhưng đứng trong tiệm Tạp Úc của ông già Tra ở phố Hương Nhiễm, cái mồm và cái đầu anh ta không ăn khớp cho nên toàn nói linh tinh bát nháo khiến thính giả chửi rửa chén nhạo rồi bỏ đi. Đang như kẻ mất hồn thì anh ta nhìn thấy tam đệ nhà họ Vũ là Vũ Kiều đi qua, rẽ về hướng đông, đi ra ngoài thành.

Bà Chử Nhi nhớ đến câu nói của Xuân Tích, chẳng biết chuyện đó có liên quan đến Vũ Kiều hay không bèn lẳng lặng đi theo anh ta. Rồi thấy anh ta sà vào hàng nước ở đầu cầu vòm nói chuyện với bà mù bán nước, sau đó đưa cho bà mù ba xu tiền, nước cũng không uống, đứng dậy đi luôn.

Bà Chử Nhi biết bà mù này là mẹ của Bác Ca bán bánh. Hành động của Vũ Kiều thì kỳ cục, rồi lại đưa tiền cho bà ta, tại sao? Bà Chử Nhi chịu không thể đoán ra.

Hôm sau, Bà Chử Nhi dậy sớm, ra khỏi nhà. Đi đến đầu Tiểu Hoàn Kiều đứng đó quan sát cửa hiệu nhà họ Khang rất lâu. Sau đó thấy chị dâu hai Vũ là Liễu thị bước sang gọi Xuân Tích nhưng không thấy Xuân Tích ra. Sau một lúc nữa thì thấy Khang Tiềm đi ra nói chuyện với Liễu thị, Liễu thị lại quay về nhà mình.

Bà Chử Nhi thấy khó hiểu nhưng không thể bước lại hỏi,

chỉ đoán rằng có lẽ Khang Tiềm không cho Xuân Tích ra ngoài, và Xuân Tích không thể bỏ trốn. Bành Chủy Nhi thấy hơi yên tâm và lại đến phố Hương Nhiễm để thuyết thư. Buổi chiều trở về nhà, anh ta nhìn cửa trước cửa sau nhà Khang Tiềm mấy lần đều không thấy bóng Xuân Tích, cũng không nghe thấy tiếng thằng bé con nói cười. Có phải Xuân Tích đã bỏ trốn rồi không?

Cả đêm trần trọc mất ngủ, hôm sau là ngày hàn thực, buổi sáng Bành Chủy Nhi lại ra nhìn ngõ, vẫn thế, không thấy hai mẹ con Xuân Tích. Có lẽ họ đã trốn đi thật, nhưng trốn đi đâu?

Bành Chủy Nhi rất hoang mang rối trí nhưng không bó tay, lại đi thuyết thư vậy. Đi đến phố Hương Nhiễm thì nhìn thấy anh chàng bán bánh Bác Ca đang đeo lồng bánh bước lại. Bành Chủy Nhi lại nhớ đến chuyện Vũ Kiều, nên ngờ ngợ Bác Ca có liên quan đến Xuân Tích cũng nên, bèn giả vờ mua bánh để moi tin từ Bác Ca: “Nghe nói nhà cậu mới có chuyện hay?”

“Nhà tôi đâu có chuyện gì hay?” Chú nhóc Bác Ca ít khi cười, ngệt ra nhìn Bành Chủy Nhi.

“Không giấu được tôi đâu! Tôi đã nhìn thấy người ấy đưa tiền cho mẹ cậu!”

“Thì ra là về chuyện đó, chỉ là đi nhận hộ người ta một thứ.”

“Là thứ gì quý giá mà họ chỉ những ba xâu tiền?”

“Tôi cũng chẳng rõ.”

Bành Chủy Nhi hơi thất vọng vì chuyện này không liên quan đến Xuân Tích. Nhưng, dù liên quan hay không thì chuyện Vũ Kiều đưa một nắm tiền cho bà mù bán nước vẫn là chuyện kỳ quái. Bành Chủy Nhi thấy Bác Ca định quay đi thì níu lại, kéo cậu ta sang bên...

“Tôi muốn bàn với cậu việc này: cậu đi nhận thứ đó rồi thì đưa tôi xem trước, tôi sẽ cho cậu 50 đồng, được chưa?”

“Là thứ của người khác, anh xem làm gì?”

“Họ nhờ mẹ cậu, mẹ cậu lại bảo cậu đi nhận chứ gì?”

“Đúng!”

“Tôi biết bà ấy là mẹ kế của cậu, luôn đối xử khắt khe với cậu; bắt cậu làm những việc nặng nhọc vất vả, còn những thứ ngon ngọt nhẹ nhõm đều dành cho thằng con đẻ Tôn Viên. Thật bất công, tôi vẫn tức thay cho cậu nhưng không làm gì được. Bây giờ nhân chuyện này chúng ta đập lại bà mù một vố cho bồ tức. Nếu thứ đó đáng giá thì chúng ta đánh tráo đem bán, được tiền chia đôi. Nếu không đáng giá thì cũng đánh tráo để cho bà ấy ném quả đăng. Tôi cho thêm cậu năm chục đồng nữa, xong chưa?”

Bác Ca do dự. Bành Chủy Nhi lại thuyết phục một chập, cuối cùng Bác Ca nhất trí.

...

Sáng sớm hôm sau, Bác Ca đi nhận cái túi thơm rồi bí mật đưa cho Bành Chủy Nhi.

Bành Chủy Nhi mở xem, giật mình: bên trong có một ít lá thơm, một viên thuốc tể, và hai cái tai dính máu đã bắt đầu bốc mùi thum thum.

“Mấy thứ này chẳng đáng tiền nhưng vẫn phải cho bà mù nhà cậu ném mùi đăng cay.”

Bành Chủy Nhi đưa cho Bác Ca một trăm đồng. Bác Ca đi rồi, anh ta mới xem xét tỉ mỉ, thấy viên thuốc có vết rạn bèn bóc ra xem, bên trong là một viên ngọc minh châu long lanh, khá to. Bành Chủy Nhi không biết đánh giá nhưng cũng hiểu viên ngọc này cực đáng tiền, mình đi thuyết thư cả đời mỗi miệng cũng không thể kiếm nổi.

Bành Chủy Nhi sướng phát run. Bấy lâu nay chính vì nghèo túng mà không lấy được Xuân Tích, nhưng có viên ngọc này rồi thì khỏi phải lo gì nữa.

Bây giờ phải dốc sức tìm kiếm Xuân Tích, nhưng không thể công khai hỏi ai, lại không có bất cứ manh mối nào. Biết em trai Triệu Bất Vưu là Triệu Mặc Nhi liên tiếp đến tra hỏi Khang Tiềm, Khang Tiềm thì bịa rằng Xuân Tích về nhà mẹ đẻ; còn Triệu Bất Vưu thường chỉ làm các vụ kiện tụng. Tình hình này... hay là Xuân Tích đã xảy ra chuyện gì rồi?

Bành Chủy Nhi rầu rĩ nhiều ngày, và cũng nhận ra Khang Tiềm ủ rũ gầy rộc, mặt mũi xám xanh, hai mắt vàng khè. Bành Chủy Nhi hỏi em Bành Châm Nhi, nó bảo Khang Tiềm bị bệnh gan, không nên uống rượu giải sầu thì hơn.

Bành Chủy Nhi nghe xong nảy ra một ý: Xuân Tích bỏ trốn vì muốn né tránh Khang Tiềm, nếu Khang Tiềm chết thì cô ấy sẽ yên tâm trở về, sau đó có thể lấy ai đó...

Ý nghĩ này khiến Bành Chủy Nhi hoảng sợ, cảm thấy mình sắp đi vào màn đêm, nếu lỡ chân rơi xuống vực thì đời mình coi như hết. Nhưng anh ta lại nghĩ: mấy năm qua mình cứ cười nhạo nhỡ để sống, thực ra có khác gì sống trong bóng tối?

Xuân Tích mới là mặt trời.

Gạt bỏ nỗi sợ hãi, Bành Chủy Nhi bắt đầu lên kế hoạch. Nghe nói ở kinh thành chỉ có rượu của nhà Đặng Tuần Vũ cựu nhân viên Khu mật viện nấu, là rượu mạnh nhất. Đặng Tuần Vũ năm ngoái ốm qua đời, con trai là Đặng Ung Tiến đang cư tang nên không được uống rượu, thế thì có lẽ nhà ấy vẫn còn rượu năm ngoái nấu. Bành Chủy Nhi quen gã họ Lưu là đầu bếp của nhà họ, bèn chạy đến cửa sau gọi bếp Lưu ra nài nỉ, cho gã ba quan tiền mua được ba chai rượu.

Chờ đến tối đường phố trước sau đều vắng người, Bành Chủy Nhi chuẩn bị một chai nước, hai cái chén, ba chai rượu mới mua, một sợi dây nhỏ khâu vào cái kim to giấu trong túi áo. Sau đó cầm tất cả ra ngoài, bước đến cửa sau nhà Khang Tiềm gõ cửa. Khang

Tiêm xưa nay không thèm nhìn anh ta, nên lạnh lùng hỏi “Anh cần gì?”. Bành Chủy Nhi cười hênh hếch và cứ xấn xỏ bước vào nhà, nói: “Tôi kiếm được mấy chai rượu ngon, thấy Khang đại ca mấy hôm nay không vui, tôi sang giải sầu cho đại ca.”

Khang Tiêm nói mình không uống rượu nhưng anh ta cứ xách rượu bước tiếp vào gian giữa, châm đèn dầu. Thấy bốn cái ghế dài phủ đầy bụi, anh ta nói “hay đau lưng, nên ngồi cao một chút”, rồi dựng đứng một cái ghế lên, ngồi lên chân ghế. Sau đó rót cho Khang Tiêm chén rượu đầy và rót cho mình nước trắng. Khang Tiêm bước vào theo, đứng nhìn anh ta bằng ánh mắt khinh khỉnh. Nhưng anh ta vẫn thản nhiên cười hề hề, nói: “Đại ca ngồi đi!”

Khang Tiêm đành ngồi xuống, Bành Chủy Nhi cứ cố dúm chén rượu vào tay Khang Tiêm, vui vẻ nói: “Anh không hay uống rượu nên không biết cái thú vị của nó. Khi buồn, ta uống một chầu thật đã rồi lăn ra ngủ một giấc, mọi nỗi buồn sẽ tiêu tan bằng hết!”

Khang Tiêm mới nhấp một hớp nhỏ đã ho sặc sụa. Bành Chủy Nhi tiếp tục cười động viên: “Nữa đi! Uống nữa đi! Tọt vài hớp rồi mới thấy rượu này ngon đến đâu! Người ta vẫn nói anh hùng khó qua nỗi của ả mỹ nhân nhưng lại không biết của ả men say còn khó qua hơn nhiều! Có thể nói vợ Khang đại ca là mỹ nhân hàng đầu thế mà đại ca vẫn lấy được, hàng ngày chị ấy cơm bưng nước rót cho đại ca, đủ thấy của ả mỹ nhân không hề khó công phá! Nhưng rượu thì khác, đại ca ít khi xài nó. Người không biết đại ca thì bảo đại ca nhu nhược không có can đảm, nhưng tôi thì rất hiểu: chẳng qua đại ca không muốn uống đầy thôi, chứ nếu uống thì mấy ai đã đo được với đại ca? Vợ đại ca luôn chịu nghe lời chồng, chắc chắn cũng là vì chị ấy sợ khí phách của đại ca dù đại ca kín đáo không muốn bộc lộ!”



Khang Tiềm nghe xong, không từ chối nữa. Sau khi uống vài chén, anh thấy phần chấn hẫng lên; Bành Chủy Nhi tiếp tục chuốc rượu, cuối cùng Khang Tiềm nốc hết một chai, miệng không ngớt nói huyên thiên những gì không rõ nữa. Bành Chủy Nhi tiếp tục mời mọc, Khang Tiềm hạ nốt chai thứ hai, sau đó gục trên bàn lắc đầu quây quây, miệng nói lảm nhảm và còn khóc tí tí nữa.

Bành Chủy Nhi cảm thấy đã “được việc” rồi, rượu này, dù là tay bợm rượu cũng không uống nổi hai chai, anh ta mở nút chai rượu thứ ba đặt đó để Khang Tiềm tự uống. Còn mình thì đứng lên thu hai chén và chai nước lại, cất vào túi áo, hạ cái ghế xuống như trước, lò dò bước ra cửa sau nhà Khang Tiềm.

Hôm nọ Bành Chủy Nhi đã nhìn trộm cách thức Triệu Mặc Nhi “đứng ngoài cài được then cửa bên trong” ra sao. Sau đó Khang Tiềm đã lấy tí mùn bếp lò bịt cái lỗ một đục ở ván cửa. Bây giờ, Bành Chủy Nhi cũng theo cách đó: dùng thủng lỗ một, dùng sợi dây buộc then cửa rồi luồn qua lỗ một, bước ra ngoài, rút dây cài xong then cửa. Sau đó lấy tí mùn bếp lò đã chuẩn bị sẵn nhét kín lỗ một như cũ. Xong xuôi cả rồi, anh ta chuồn về nhà mình.

Hôm sau, quả nhiên Khang Tiềm đã chết!

...

Bành Chủy Nhi vốn tưởng Khang Tiềm chết rồi thì Liễu thị sẽ để cho Xuân Tích trở về chịu tang...

Nhưng cho đến tối vẫn không thấy hai mẹ con Xuân Tích, mà lại thấy Vũ Kiều đi ra khỏi nhà bằng cửa sau, bộ dạng có vẻ không bình thường. Bành Chủy Nhi vội bám theo Vũ Kiều, đi đến tận bến thuyền của nha phủ, Vũ Kiều vào một căn nhà trong đó một lúc rồi ra về. Bành Chủy Nhi nấp ở gần đó, chờ khi

xung quanh im ắng, bèn rón rén mò đến gần cửa sổ nhìn vào, và nhìn thấy ngay mẹ con Xuân Tích.

Anh ta mừng rỡ suýt trào nước mắt, rồi nhận ra Xuân Tích chào đôi vợ chồng người coi bến thuyền, bước ra. Bành Chủy Nhi vội chạy vòng ra phía sau bức tường vây của bến thuyền. May sao, tường không cao, anh ta kê hai hòn đá rồi đứng lên bám ngọn tường, dễ dàng trèo vào bên trong. Trong bến, chỉ có một con thuyền có ánh đèn, anh ta lặng lẽ tiếp cận, qua ô cửa sổ hé mở nhìn thấy mẹ con Xuân Tích đang vui đùa trong khoang thuyền.

Bành Chủy Nhi khẽ gõ cửa sổ, Xuân Tích ghé nhìn lập tức nhận ra anh ta và suýt nữa kêu lên. Anh ta vội “suýt...” sau đó nhẹ chân bước lên thuyền, vào trong khoang.

Bốn mắt nhìn nhau, im lặng, nhưng thằng bé Đồng Nhi thì reo lên “Bác hai Bành” vì mọi ngày Bành Chủy Nhi hay cho nó quà bánh đồ chơi, nó rất quen.

Xuân Tích vội bưng miệng nó, rồi hỏi Bành Chủy Nhi: “Sao anh lại tìm đến đây được?”

“Anh bí mật đi theo Vũ Kiều.”

Cả hai lại nhìn nhau hồi lâu.

Rồi Bành Chủy Nhi hỏi: “Nếu anh có tiền, em có bằng lòng lấy anh không?”

Xuân Tích sửng sốt, ngây đờ một lúc, đôi mắt rơm rớm, khẽ nói: “Dù anh không có tiền, em cũng bằng lòng lấy anh.”

“Thật chứ?” Một luồng nóng ấm từ con tim trào dâng lên đỉnh đầu, cái miệng Bành Chủy Nhi liến thoắng suốt chục năm qua bỗng khô cứng không sao nói nên lời. Anh ta bước lên nhưng lại dừng chân, hai tay đưa ra phía trước nhưng bất động, toàn thân cứng đờ. Hồi lâu sau anh ta mới thận trọng hỏi: “Em có muốn đi theo anh không?”

Lúc này Xuân Tích đã bình tĩnh trở lại, cô khẽ hỏi: “Đi đâu?”

“Đi khỏi kinh thành, đi xa... đi sang một châu khác.”

“Em phải đem Đồng Nhi đi cùng.”

“Đương nhiên rồi, anh cũng rất thích nó.”

“Bao giờ thì đi?”

“Tốt nhất là đi ngay bây giờ!”

...

Bành Chủy Nhi lén dẫn mẹ con Xuân Tích ra, vượt qua tường rào, rời bến thuyền, đi ra bờ sông. Lúc này anh ta mới nhận ra mình quá liều lĩnh chủ quan.

Đang đêm hôm thế này, đưa mẹ con Xuân Tích đi đâu bây giờ? Trong túi chỉ có hơn trăm đồng, không đủ tiền vào quán trọ và cũng không dám vào quán trọ, thuyền chở khách thì giờ này đương nhiên không có, thuê xe ngựa thì sợ bị người ta nhìn thấy...

Cái túi thơm mà Bác Ca đưa cho, Bành Chủy Nhi không đem theo người, đôi tai trong túi đã thối rữa, vì không biết lai lịch của nó nên không dám vứt đi, anh ta bèn gói lại bằng vài lớp giấy dầu, rồi cất trong cái vò nhỏ đặt dưới gầm giường. Viên ngọc, vì sợ mất nên anh ta nhét vào cái hốc ở góc nhà.

Muốn đi khỏi kinh thành thì phải có tiền, viên ngọc đó là thứ khác thường, ít ra trong vòng nửa năm không được đem ra bán. Tiền kiếm được do hành nghề thuyết thư mấy năm qua thì phải chi tiêu ăn uống và tiền nhà, chẳng còn lại được bao nhiêu, chỉ khoảng năm sáu quan tiền. Phải có trăm quan thì mới hòng đến nơi xa lạ để an cư lạc nghiệp.

Đầu óc Bành Chủy Nhi rối bời nhưng không dám để lộ ra cho Xuân Tích biết, anh ta thầm nghĩ, ít ra là đêm nay phải kiếm chỗ ở tạm cho mẹ con Xuân Tích đã.

Bành Chủy Nhi bỗng nghĩ đến Lỗ Bảng Tử. Đến kinh thành đã vài năm mà không có mấy bạn bè, chỉ có Lỗ Bảng Tử tính tình xởi lởi, thích nghe Bành Chủy Nhi kể chuyện thời cổ, cả hai thỉnh thoảng uống chút rượu với nhau, quan hệ cũng khá thân, Lỗ Bảng Tử là người đáng tin cậy. Không dám đến nhà Lỗ Bảng Tử nhưng có thể xin ăn nấu trên thuyền của anh ta một hai hôm.

Nghĩ vậy rồi Bành Chủy Nhi khẽ nói với Xuân Tích: “Anh sẽ đến nhờ người bạn, hai mẹ con chịu khó ở tạm trên thuyền đêm nay. Mai chúng ta sẽ bàn xem nên đi đâu!”

“Được!” Đang đêm dù không nhìn rõ mặt Xuân Tích nhưng có thể nhận ra giọng cô có nét vui vẻ.

Bành Chủy Nhi cảm thấy ấm lòng, thực không ngờ lại có ngày được đứng kề vai cùng Xuân Tích như thế này và càng không ngờ lòng cô cũng như lòng mình.

Trời lát phát mưa, Bành Chủy Nhi hối hận vì không mang theo ô, anh ta vội cởi áo khoác ra đưa cho Xuân Tích: “Hai mẹ con tạm ra gốc cây đứng chờ, anh đi tìm người bạn, để anh ấy chèo thuyền đến đây đón.”

“Thế thì anh sẽ bị ướt hết người.” Xuân Tích không muốn choàng cái áo, nhưng Bành Chủy Nhi nhất định dúi cho cô. Trước khi đi, anh ta định cho Xuân Tích biết tin Khang Tiềm đã chết nhưng lại sợ “sinh chuyện rắc rối” nên lại thôi. Bành Chủy Nhi co cẳng chạy về phía Đông Thủy môn.

Đã lâu không chạy nhưng anh ta hoàn toàn không thấy mệt mỏi, trái lại, rất vui vẻ hào hứng, đường bắt đầu lầy trơn, ngã mấy lần nhưng lập tức đứng dậy, mỉm cười và tiếp tục chạy. Sau hơn nửa canh giờ, Bành Chủy Nhi đã chạy đến cầu vòm, trước hết phải tìm thuyền của Lỗ Bảng Tử. Thuyền đang buộc ở gốc cây liễu ven bờ, trên thuyền không có người. Bành Chủy Nhi vội

quay người chạy đến nhà Lỗ Bổng Tử. Mới chạy được một đoạn thì nhìn thấy hai bóng người đang đi ngược chiều. Lúc đến gần, Bành Chủy Nhi nhận ra đó là vợ chồng Lỗ Bổng Tử, lưng mỗi người đang khoác một cái túi to.

“Anh Lỗ Bổng Tử!”

“Bành nhị ca?” Giọng Lỗ Bổng Tử hơi hoang mang.

“Hai người đang...”

“Chúng em...” Lỗ Bổng Tử ngắc ngứ.

“Xảy ra chuyện gì à?”

“Không, không! Chúng em chỉ...”

“Với anh đây sao còn phải e ngại gì chứ? Anh nói thật nhé, anh cũng đang có việc muốn làm phiền hai người, cho nên...”

“Được! Chúng ta lên thuyền rồi nói chuyện.”

Cả ba lên thuyền, chui vào khoang, Lỗ Bổng Tử không muốn thấp đèn.

“Anh nói về việc của mình vậy.” Bành Chủy Nhi thấy họ cứ ngồi im, bèn nói trước. “Ngày trước anh đã kể với chú em, anh ưng một cô gái nhưng cha mẹ cô ấy chê anh nghèo, nên họ gả cô ấy cho người khác. Nay cô ấy vừa mới trốn ra với anh, anh muốn Lỗ đệ giúp, chèo thuyền đưa bọn anh ra khỏi địa giới phủ Khai Phong, sau đó bọn anh sẽ lên thuyền khác.”

“Anh ạ, bọn em cũng gặp rắc rối, đang muốn trốn đi.”

“Rắc rối ra sao?”

“Rắc rối to! Lúc này chưa thể nói rõ hết, em đã bị kẻ khác tố giác nên phải trốn khỏi đây cho nhanh.”

“Hai người định chèo thuyền đi? Không sợ bị trạm kiểm soát ở hạ du khám xét à?”

“Nhưng nếu đi đường bộ thì không yên, và càng dễ bị người ta nhìn thấy.”

“Vội vã hấp tấp kiểu này thì không nên. Chúng ta đều cùng

muốn trốn đi, vậy chúng ta là anh em chung hoạn nạn, nên hợp sức với nhau thì tốt. Anh có một ý này: trạm kiểm soát trên sông Biện Hà rất nghiêm nhưng trạm trên sông Ngũ Trượng thì lỏng lẻo; hai người đã bị tố cáo thì mấy hôm nay nha môn truy lùng rất gắt gao, thế thì ta phải dùng kế thực hư thực - cứ ở lại kinh thành ẩn náu, quan phủ sẽ cho rằng hai người đã cao chạy xa bay; sau vài hôm, họ sẽ lơ là buông lỏng, lúc đó chúng ta sẽ chạy trốn theo đường sông Ngũ Trượng.”

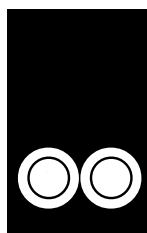
“Ẩn náu ở đâu?”

“Hạ du sông Ngũ Trượng có một cái vịnh nhỏ, khuất, rất vắng vẻ, chỉ có thuyền qua lại xa xa chứ không có ai vào đó. Trong vịnh có một đường thủy vốn là con mương dẫn nước vào cánh đồng, lâu nay đồng ruộng đã bị nha phủ chiếm dụng để xây vườn cảnh Cẩn Khâu, con mương ấy đã bị lấp, chỉ còn lại một đoạn ngắn thông với dòng sông. Chỗ đó vừa khéo để đậu thuyền của hai người. Hai bờ mương cỏ mọc lút đầu người, vào đó ẩn nấp thì không ai biết.”

Vợ chồng Lỗ Bạng Tử nghe theo, họ chèo thuyền đến sông Ngũ Trượng, đón mẹ con Xuân Tích, sau đó cùng chèo vào thủy đạo ở vịnh sông phía đông.

Mọi người không dám thắp đèn, không ai nhìn rõ mặt ai. Bành Chủ Nữ dẫn dò vợ chồng Lỗ Bạng Tử chăm sóc mẹ con Xuân Tích, rồi tạm biệt mọi người, quay trở lại Tiểu Hoàn Kiều rồi về nhà mình.

Trên đường đi, Bành Chủ Nữ rất nhớ Xuân Tích, anh ta có cảm giác như đang mơ giấc mơ đẹp.



## Chạy Trốn

*Chí khả khắc khí. Khí thắng chí, tắc hội loạn dã<sup>[132]</sup>.*

*- Trình Hạo*

Bác Ca nấp dưới ván khoang thuyền suốt một ngày. Chờ khi cảm thấy xung quanh yên tĩnh, hé nhìn qua khe ván thấy trời đã tối, anh ta mới rón rén bò ra, chân tay tê cứng. Bác Ca nằm trên ván thuyền co duỗi vận động rồi gượng đứng lên, vội vã ra khỏi thuyền nhảy lên bờ vắng vẻ không một bóng người. Anh ta lập tức men theo bờ sông đi về phía đông tìm gặp Tiểu Cửu.

Khi trước Bành Chủy Nhi thương lượng đánh tráo túi thơm, Bác Ca bỗng nhớ ra ba chiếc chìa khóa mà người cha để lại: chìa khóa cửa ra vào, chìa khóa tủ và chìa khóa cái hộp gỗ. Bác Ca vẫn giấu chúng ở dưới hốc tường chỗ chân giường mình nằm suốt mười lăm năm trời, không ai biết.

Năm đó xác người cha bị nước sông cuốn đi, không tìm thấy, ba chiếc chìa khóa này là kỷ vật thiêng liêng chẳng khác gì hài cốt của cha, Bác Ca chưa bao giờ nghĩ sẽ phải dùng đến nó.

Bành Chủy Nhi nói “phải trừng trị bà mù một vố” khiến Bác Ca nghĩ rằng rốt cuộc đã đến lúc mình có thể trả thù cho cha.

Trong cái đêm mưa cách đây mười lăm năm, Bác Ca tận mắt nhìn thấy cha mình bị mẹ kế Doãn thị đẩy xuống sông.

Sau khi cha lấy vợ kế về, Bác Ca luôn bị bà ta ghẻ lạnh, gườm gườm theo dõi mọi nơi mọi lúc khiến cậu rất khó chịu, hàng ngày Bác Ca đều mong cho buổi tối chóng đến, cha sẽ về nhà xoa đầu và mỉm cười với mình. Dù ông về muộn đến mấy cậu vẫn

đợi.

Tối hôm đó mưa to, Bác Ca biết cha đang đánh bạc ở quán rượu Chương Thất Lang ở bờ sông bên kia, cậu định cầm cái ô đến đó cho cha nhưng ô đang để ở gian nhà chính, nếu mẹ kế nhìn thấy thì sẽ không cho phép. Bác Ca đành ở trong buồng mình, đứng sát cửa sổ hé màn hình màn hình nhìn ra ngoài, chờ cha về.

Lúc đó thằng em là Tôn Viên đã ngủ say, Bác Ca nghe thấy tiếng mở cửa, ngỡ là cha đã về, nhưng cậu băn khoăn tại sao mình lại không nhìn thấy, cậu bèn lò dò bước ra nhìn - thì không thấy cha cũng không thấy mẹ kế, đèn dầu trên bàn vẫn sáng, cửa thì đóng nhưng không cài then. Cậu mở cửa ra, thì nhìn thấy ánh đèn lồng đang đung đưa giữa trời mưa... hình như là bà mẹ kế.

Bà ấy đi đưa ô cho cha? Cha hay đánh bạc, bà ấy tức muốn chết nữa là, làm gì có chuyện đi đưa ô? Bà ấy đi để mắng mỗ cha thì có! Bác Ca bèn lén đi theo Doãn thị giữa trời mưa tầm tã, đi đến dưới chân cầu thì nhìn thấy Doãn thị đi đến giữa cầu, phía trước có một người đang bước lại, chính là cha cậu. Ông đang nói gì đó nhưng đang mưa quá to không thể nghe rõ. Rồi ông nhào người trên thành cầu nôn ọe. Đúng vào lúc đó đèn lồng của mẹ kế rơi, và lập tức tắt ngấm. Cậu nhìn thấy bà ấy ôm chân cha cậu nâng lên rồi hất ông xuống sông!

Cậu sợ quá nghẹn cổ không thể kêu lên, cố căng mắt nhìn, thấy vài ngọn đèn trong quán rượu bên bờ đối diện vẫn sáng, ánh sáng yếu ớt trong mưa đủ để cậu nhìn thấy bóng người cha rơi xuống dòng sông. Bác Ca từ nhỏ sống bên sông nên bơi rất giỏi, cậu đoán vị trí cha cậu bị nước cuốn đi, rồi gắng hết sức bơi ra giữa sông để tìm cha.

Bác Ca đã đoán đúng, tay phải của cậu đã đụng vào người ông, sờ thấy vật áo của ông.



Bác Ca vội nắm ngay lấy nhưng nước chảy xiết, cậu chỉ tóm được một vật cứng là chùm chìa khóa, và nắm nó thật chặt; tay trái đưa ra nắm lấy người ông và tóm được chân. Nhưng trơn tuột không nắm được. Tay phải bị dây đeo chìa khóa ngoắc vào thít chặt quá đau, Bác Ca nghiêng răng chịu đựng và cố kéo lại, nhưng cổ tay chợt nhẹ bỗng, dây đã đứt, Bác Ca hét lên nhưng cha đã bị nước cuốn đi tận đâu không biết nữa. Chính Bác Ca cũng bị dòng nước đẩy xuống phía hạ lưu, cái chết đã đến ngay trước mắt. Cậu vội ngậm chặt chùm chìa khóa rồi ra sức bơi về phía bờ sông. May sao có một cây to bị nước cuốn đến, Bác Ca vội ôm lấy nó rồi gắng bơi vào bờ, thoát chết.

Lên bờ, Bác Ca tay nắm chùm chìa khóa, nhìn dòng sông tối đen, đau đớn khóc lóc.

Rồi cũng đành phải trở về nhà. May sao cửa sổ vẫn mở, Bác Ca lặng lẽ trèo qua mà vào, thay quần áo ướt sũng nước mưa rồi chui vào chăn - không bị mẹ kế phát hiện ra.

Năm ấy Bác Ca lên 7 tuổi.

...

Bành Chủy Nhi nghĩ ngợi cả đêm, rồi cũng nghĩ ra cách giải quyết.

Khang Tiềm đã chết, thì mình có thể danh chính ngôn thuận mà lấy Xuân Tích, nhưng cha mẹ Xuân Tích vẫn còn, năm xưa họ cười nhạo mình thì lần này chưa chắc họ đã đồng ý. Cho nên, để cầu sự ổn thỏa, thì vẫn cứ nên đem mẹ con Xuân Tích đi một nơi thật xa, nhưng phải có chút tiền mới xong.

Vào lúc nguy cấp này, tiền đâu ra? Vì Xuân Tích, lần này dù phải giết người, Bành Chủy Nhi cũng dám làm.

Cái túi thơm của anh em nhà họ Vũ vẫn nằm trong tay Bành Chủy Nhi, viên ngọc và hai cái tai người đương nhiên là rất khác

thường, tổng tiền bọn họ, chắc không khó gì. Bành Chủy Nhi nhớ đến điển cố “minh tu sạn đạo, ám độ Trần Thương<sup>[133]</sup>”. Lỗ Bổng Từ thường đánh cắp rượu thịt của khách đi thuyền rồi giấu dưới ván thuyền, thế thì mình có thể dùng thủ đoạn này để lừa tiền anh em nhà họ Vũ!

Nhưng cần có một trợ thủ thì mới thực hiện được, Bành Chủy Nhi nghĩ đến thằng em Bành Châm Nhi, nhưng tính nó rất tham lam, nếu kiếm được tiền thì nó đòi chia đôi mỗi người một nửa. À, nhờ Bác Ca thì ổn: thằng nhãi ấy thật thà dễ bảo, nó lại gầy còm sẽ dễ nấp dưới khoang thuyền. Nếu nó cũng muốn cùng bỏ trốn thì bảo nó giúp mình, chắc là được.

Nhưng nếu nó không chịu giúp thì sao?

Bành Chủy Nhi nhớ ra đã từng nhìn thấy Bác Ca đứng trước cửa hiệu cho thuê lừa ngựa lên đưa quà cho con bé giúp việc của nhà ấy, hai đứa liếc mắt đưa tình với nhau - chẳng khác gì mình và Xuân Tích ngày trước ở hiệu bánh ngọt. Thế thì gã Bác Ca này có thể vì gái mà dám làm tất cả!

Hôm sau Bành Chủy Nhi ngồi nhà viết bức “mật thư”, sau đó giả vờ ra cửa sau xách nước, thấy cửa sau nhà họ Vũ vắng vẻ bèn nhét mật thư qua khe cửa.

Sau đó anh ta đến bên ngoài Đông Thủy môn tìm thấy Bác Ca ở phố Bắc Biện Hà.

“Tôi có việc ngon lành muốn bàn với cậu, Bác Ca!”

“Là chuyện gì?”

“Lấy vợ.”

“Lấy vợ?”

“Cậu có muốn lấy cô bé ở hiệu nhà họ Lương cho thuê lừa ngựa không?”

Bác Ca bỗng đỏ mặt.

“Nhưng tôi nói nhé: cậu không lấy nổi.”

Bác Ca sững sờ, ngạc nhiên.

Bành Chủy Nhi bèn kể lại chuyện năm xưa mình không lấy được Xuân Tích ra sao, về sau đã tái ngộ, đêm qua vừa bỏ trốn... cho Bác Ca nghe. Bành Chủy Nhi vừa kể vừa rơm rớm nước mắt. Rồi than thở: “Anh đây đã mất mười năm trời rồi mới được thỏa nguyện, chú mày chớ nên bắt chước anh. Hiện anh có một cách giúp chú có thể lập tức lấy được Tiểu Cửu!”

Sau khi nghe mưu kế tống tiền nhà họ Vũ, Bác Ca do dự...

Bành Chủy Nhi vội nói: “Dù không nghĩ cho mình thì chú cũng nên nghĩ cho cô bé Tiểu Cửu chứ? Chú có biết tối qua Xuân Tích nói gì với anh không? Cô ấy nói năm xưa rất muốn lấy anh nhưng phải nghe theo bố mẹ sắp đặt lấy thằng cha thộn kia, khổ sở suốt mấy năm trời. Cô bé Tiểu Cửu của chú cũng vậy, cha mẹ cô ta đâu muốn gả cho gã bán bánh?”

Bác Ca buồn bã: “Nếu Tiểu Cửu không chịu đi theo tôi thì sao?”

“Anh đây sẽ lo cho, anh sẽ đến nói với cô ấy hộ chú.”

Bác Ca chẳng còn gì để nói nữa, ngượng ngịu gật đầu.

...

Bành Chủy Nhi bảo Bác Ca cùng đi đến hiệu nhà họ Lương, vừa khéo thấy Tiểu Cửu xách làn đi chợ, Bành Chủy Nhi bèn bước lại cười hề hề gọi luôn: “Cô Tiểu Cửu!”

Tiểu Cửu quay lại nhìn, khó hiểu, cô bé lập tức nhận ra Bác Ca đứng sau anh ta, thì càng lấy làm lạ.

“Hai chúng tôi có việc này muốn nói với cô, ở đây không tiện, chúng ta đi ra đằng kia...”

Tiểu Cửu chưa hiểu là gì nhưng vẫn đi theo họ sang phố khác.

Bành Chủy Nhi cười, hỏi: “Tiểu Cửu có bằng lòng lấy Bác Ca không?”

Cô bé sững sốt, rồi then thùng đỏ mặt, cúi đầu, hai tay đung đưa cái làn, không nói gì.

Bành Chủy Nhi thấy Bác Ca cũng đỏ mặt, bèn mỉm cười: “Xem ra, cô đã bằng lòng rồi, đúng không?”

Tiểu Cửu càng cúi đầu, khẽ nói: “Nhưng anh ấy chưa mời bà mới đến nhà em dạm hỏi.”

“Dù mời bà mới cũng không ăn thua! Anh sẽ kể chuyện này cho cô nghe...”

Bành Chủy Nhi lại kể chuyện về mình, và lại rơm rớm nước mắt.

Tiểu Cửu nghe xong, hai mắt cũng đỏ hoe, nói: “Cha em đã nói rằng, nếu ở nhà quê sẽ tìm cho em một anh tứ đẳng hộ chính<sup>[134]</sup>, nếu ở thành phố thì cũng phải là bát đẳng trở lên.”

Bành Chủy Nhi: “Cả nước cũng đều như thế này. Thế này thì từ nay hai đứa phải chấm dứt luôn cho nhẹ mình, trừ phi nghe theo ý này của anh.”

“Ý gì?” Tiểu Cửu vội hỏi.

“Chúng ta cùng bỏ trốn. Hai nhà chúng ta sẽ đi xa tìm một nơi và cùng sống cho yên ổn. Nếu cô không đồng ý thì về bảo cha mẹ tìm người mà gả cô đi, để rồi sẽ bị thằng chồng nó đánh mắng suốt ngày!”

“Cha em suốt ngày đánh mắng mẹ em.” Đôi mắt Tiểu Cửu lại đỏ hoe.

“Cô thấy chưa? Trên đời này khó mà tìm được anh chàng nào chân chất như Bác Ca.”

“Được, em đi theo các anh...”

...

Rồi Tiểu Cửu quay về hiệu nhà họ Lương, xin phép nghỉ ít hôm. Bành Chủy Nhi dẫn cô bé đi mua ít đồ ăn, sau đó cùng đi

đến vịnh sông ở hạ du sông Biện Hà tìm con thuyền của Lỗ Bảng Tử.

Mẹ con Xuân Tích và Lỗ Bảng Tử vào ngồi trong khoang, Bành Chủy Nhi nhìn Xuân Tích lúc này cảm thấy cô rạng ngời xuân sắc hơn bất cứ lúc nào, anh ta thậm chí không dám nhìn thẳng, chỉ tủm tỉm cười. Xuân Tích cũng nhìn anh ta, cô không thấy căng thẳng hồi hộp như những lần gặp nhau bên giếng nước nữa.

Bành Chủy Nhi còn có việc phải làm, không dám nán lại lâu, bàn giao Tiểu Cửu cho họ. Anh ta đương nhiên không dám hé lộ chuyện tông tiền anh em nhà họ Vũ, chỉ dặn dò vài câu rồi đi về phía Tiểu Hoàn Kiều.

Bành Chủy Nhi biết một gia đình chuyên làm bạc giả, bèn đến đó mua hai khối bạc giả y hệt bạc nhà nước mới đúc hồi đầu năm. Sau khi trời tối hẳn, anh ta thó một viên thuốc tể trong hòm bán thuốc rong của thằng em Bành Châm Nhi bôi lên mặt để cải trang, rồi đi gặp chủ thuyền họ Hoàng, đặt tiền, thuê con thuyền mui của ông ta.

Rồi Bành Chủy Nhi đến gặp Bác Ca đang đứng chờ ở gần đó, đưa bạc giả cho Bác Ca. Cả hai cùng đợi đến khuya, cuối cùng, Bác Ca lên thuyền chui vào nằm dưới ván của khoang thuyền.

Hôm sau, Bành Chủy Nhi chỉ ở nhà để theo dõi động tĩnh nhà hàng xóm. Đúng như anh ta dự đoán, anh em nhà họ Vũ, Khang Du, và nhân viên của nha môn đều tập trung quan sát con thuyền đậu ven sông, họ không lên thuyền xem xét gì nữa. Cho đến khi tối mịt, chủ thuyền họ Hoàng đến nhận lại thuyền rồi chèo đi, Bành Chủy Nhi mới yên tâm. Anh ta gói viên ngọc lại cất đi, sau đó tìm cách thăm dò Khang Du. Chắc Bác Ca đã hành động trót lọt, Bành Chủy Nhi bèn đi về vịnh sông ở hạ du sông Biện Hà.

Khi đi đến nơi thì trời đã tối. Hôm qua anh ta đã nói với Lỗ Bạng Tử rằng tối nay có thể thả đèn trên thuyền, để Bác Ca đến nơi thì dễ tìm thấy thuyền. Lúc này đã nhìn thấy ánh đèn trên thuyền, tức là Lỗ Bạng Tử đã chèo thuyền vào trong vịnh sông.

Bành Chủy Nhi vui vẻ lên thuyền. Xuân Tích đang bế Đồng Nhi, ngồi bên cạnh là Tiểu Cửu, vợ Lỗ Bạng Tử là A Thông ngồi đối diện. Khoang thuyền nhỏ chật ních người.

Bành Chủy Nhi cười, nói với Xuân Tích: “Bác Ca sẽ đến ngay sau đây, cậu ta đến, sau đó chúng ta lên đường.”

Xuân Tích mỉm cười gật đầu, ánh mắt ấm áp, ngoan ngoãn. Xưa nay chưa có người đàn bà nào nhìn Bành Chủy Nhi như thế này, lòng anh ta mê mẩn, chộn rộn, và rất thỏa mãn.

Đồng Nhi hỏi: “Mẹ ơi, bố không đi cùng mẹ con ta à?”

Xuân Tích vừa khẽ “ừ” một tiếng thì bên ngoài thuyền bỗng có người gọi tên cô. Là Khang Du!

...

Trong màn đêm, Bác Ca tay xách hai khối bạc, men theo bờ sông về phía đông, cố chạy cho nhanh.

Mường tượng mình và Tiểu Cửu sắp đi xa chung sống với nhau, Bác Ca vừa mừng lại vừa lo sợ. Khao khát mãi bấy lâu, không ngờ cái ngày này lại đến quá nhanh.

Bác Ca nhớ đến người cha. Không nhớ được khuôn mặt ông nhưng đôi tay của ông thì Bác Ca nhớ rất rõ, nhớ rõ cảm giác ấm áp mỗi lần được ông xoa đầu. “Cha ơi, con đã trả thù cho cha”. Bác Ca thầm nghĩ.

Hôm đó sau khi cầm cái túi thơm từ tay Khang Tiềm rồi đưa cho mẹ kế Doãn thị, Bác Ca tiếp tục đeo lồng bánh đi bán bánh rong. Cậu đến phường bán vải vóc Hoa Bách Lý mua một cái túi thơm y hệt. Khi quay về thì nhìn thấy thằng Lưu Tiểu Châu bán

quả khô, Bác Ca nhớ đến hai cái tai trong túi thơm kia, bèn mua của Lưu Tiểu Châu một quả mút hồng, bẻ làm đôi, dùng giấy dầu gói lại rồi nhét vào túi thơm. Lúc đi đến phố Bắc cầu vòm, thì lại nhìn thấy Bành Châm Nhi bán thuốc rong, bèn mua của nó một viên thuốc bổ phổi, viên thuốc to tròn, lại nhét vào túi thơm. Sau đó Bác Ca gửi đồ nghề bán bánh ở một quán ăn quen thuộc, rồi đi vòng ra phố sau trở về nhà. Xung quanh đang vắng người, Bác Ca đẩy cửa bước vào. Sau đó bới cái hốc tường bên cạnh giường moi chum chìa khóa của cha lên, đi vào buồng của mẹ kể mở tủ, mở hộp gỗ, đánh tráo cái túi thơm. Nhìn thấy trong hộp còn có một thỏi bạc cũ, Bác Ca nảy ra một ý, bèn nâng luôn thỏi bạc. Sau đó tìm một sợi dây thừng khá dài.

Bác Ca đi đường vòng chạy đến ngõ Diêm Thủy, quả nhiên trông thấy Tôn Viên đang lượn lờ trước cửa lầu xanh Xuân Đường - đương nhiên là cậu ta không có tiền vào kỹ viện gặp Ngô Trùng Trùng. Bác Ca bèn bước đến đưa cho Tôn Viên thỏi bạc, nói rằng mình tìm thấy cái hang bí mật giấu bạc, Tôn Viên mắt sáng lên, nói muốn đi theo ông anh để lấy thêm bạc. Bác Ca đã tính toán, để cho Tôn Viên cầm bạc vào kỹ viện mà đú đờn, đó sẽ là bằng chứng để mình không bị nghi ngờ. Bèn bảo Tôn Viên cứ vào chơi, sau một canh giờ nữa sẽ gặp nhau ở chùa Lạn Kha.

Bác Ca đi lấy lồng bánh, rồi lững thững đi đến chùa Lạn Kha, chờ khá lâu, quả nhiên Tôn Viên đã lò dò đến.

Bác Ca dẫn Tôn Viên đi vòng phía sau chùa Lạn Kha, đi chừng nửa dặm thì đến một khu nhà hoang vốn là cơ ngơi của một gia tộc lớn. Nhiều năm về trước cả nhà họ mắc một chứng bệnh quái ác chết mất già nửa, họ bèn mời đạo sĩ đến xem, đạo sĩ nói đất này có hung sát, thế là họ chuyển đi nơi khác, cơ ngơi này không bán được cho ai nên đành bỏ mặc vậy. Bác Ca, Triệu Mặc

Nhi và Tôn Viên hồi nhỏ đã từng vào đây chơi đùa.

Cả hai bước vào khu sân sau, cỏ dại mọc um tùm, giữa sân có một cái giếng nước đã cạn.

Đi đến bên giếng, Bác Ca nói: “Anh tìm thấy bạc ở dưới đáy giếng, vẫn còn bạc nữa, nhưng lúc đó anh thấy sợ nên không dám lấy thêm.”

Tôn Viên cũng sợ, nói: “Anh đã xuống như thế nào?”

“Hôm đó anh buộc dây thừng vào thân cây kia, nhưng hôm nay có hai anh em ta thì không cần buộc, em cứ xuống, anh đứng trên kéo em lên.” Nói rồi Bác Ca đưa sợi thừng ra.

“Em sợ lắm không dám xuống, anh xuống đi!”

“Anh đã xuống một lần rồi, lần này đến lượt em. Nếu em không xuống thì chúng ta quay về vậy.”

“Thôi được...”

Tôn Viên vốn láu cá nhưng đôi khi vẫn hơi ngố, và cũng hơi sợ Bác Ca, cậu ta đành buộc thừng vào thắt lưng, trèo lên thành giếng: “Anh phải giữ dây cho chắc đấy nhé!”

“Cứ yên tâm.”

Bác Ca từ từ thả Tôn Viên xuống, khi Tôn Viên đã xuống đến đáy giếng và giật giật dây thừng, thì Bác Ca gỡ quẻ - buông dây thừng ra và ném xuống giếng. Tôn Viên lập tức gọi ầm lên. Bác Ca bỗng cảm thấy không nỡ nào, Tôn Viên từ bé vẫn mến Bác Ca, bảo gì nó cũng nghe, hai anh em vốn rất tốt với nhau... nghĩ đến đây, Bác Ca rơm rớm nước mắt. Nhưng lại nghĩ đến cha bị hại trong cái đêm mưa gió năm xưa, Bác Ca nghiêng răng, gạt nước mắt, đeo lồng bánh lên vai cất bước rời khỏi khu nhà hoang.

Mụ mẹ kế Doãn thị đã giết cha mình, mình phải giết thằng con trai của mụ, bắt mụ cũng phải ném mùi đấng cay mất thằng con.

...



Bất ngờ nghe thấy tiếng Khang Du, Bành Chủy Nhi giật mình. Có lẽ công sức mấy hôm nay sẽ đi đời nhà ma trong chớp mắt.

Anh ta vội nhìn Xuân Tích, mặt Xuân Tích cũng tái nhợt. Đồng Nhi nghe thấy giọng chú Khang Du thì há miệng định gọi chú nhưng Xuân Tích đã kịp bịt miệng nó. Vợ chồng Lỗ Bảng Tử và cô gái Tiểu Cửu cũng mở to mắt, không dám động đậy.

Khang Du gọi mấy lần, rồi nhảy lên thuyền, Bành Chủy Nhi biết Khang Du có võ thuật mình không thể địch nổi, đành ngồi chờ Khang Du vén rèm thuyền ra rồi cướp mẹ con Xuân Tích đưa về nhà.

Không thể! Không có Xuân Tích thì mình cũng không nên sống nữa!

Bành Chủy Nhi rút thanh đoản đao ra khỏi vỏ cài ở thắt lưng, nắm chặt chuôi đao, chờ Khang Du vén rèm bước vào. Nhưng Khang Du không vào mà chỉ đứng ở mũi thuyền gọi: “Chị ơi, chị đưa cháu ra đi!” Nghe giọng nói, thì hình như anh ta quay lưng lại khoang thuyền.

Xuân Tích nhìn Bành Chủy Nhi, rồi cô khẽ trả lời: “Chú... chú chờ một lát...” Đồng thời đưa mắt cho Bành Chủy Nhi, ra hiệu cho anh ta ra tay.

Bành Chủy Nhi không hiểu tại sao Khang Du lại quay lưng lại, nhưng Xuân Tích đã có “hiệu lệnh” như thế rồi thì mình đừng do dự gì nữa. Tay nắm chặt chuôi đao, Bành Chủy Nhi rón rén đứng lên nhẹ tay vén rèm. Đúng là Khang Du đang quay lưng lại. Không do dự nữa, Bành Chủy Nhi cầm đao đâm mạnh vào lưng Khang Du.

Nhát đao rất sâu, chắc là thọc vào tận phổi. Khang Du rùng mình thật mạnh, rồi sững người. Lúc này Bành Chủy Nhi đã quên cả sợ hãi, anh ta nhớ đến câu nói của Bành Châm Nhi: đã đâm rồi mà không rút đao ra thì chưa chắc đối phương sẽ chết.

Hắn bèn rút dao ra, máu tươi lập tức phun ra xối xả bắn cả vào người mình. Khang Du xoay người lại trợn mắt nhìn hắn, hắn sợ quá sắp chết ngất. Nhưng Khang Du bỗng ngã vật xuống, giãy mấy cái rồi nằm bất động.

Bành Chủ Nhi thở mạnh, cảm thấy mạch máu ở đầu và mặt căng phồng sắp vỡ tung. Hắn nhìn Khang Du nằm trên sàn thuyền, miệng lầm bầm: “Người đừng oán ta, tại người lò dò đến... đừng oán ta... tại người...”

Lúc này trong khoang thuyền bỗng có tiếng thét chói tai. Tiểu Cửu.

Sau đó là những âm thanh sột soạt, tiếng động trầm trầm. Tiểu Cửu từ trong khoang thuyền chạy ra nhảy ào xuống sông, nhảy lên bờ, vừa khóc vừa chạy về hướng tây.

Tiếng thét và ngán ấy động tĩnh khiến Bành Chủ Nhi bừng tỉnh, hắn thấy bóng Tiểu Cửu đang nhanh chóng chìm vào màn đêm, văng vẳng nghe thấy tiếng khóc nhỏ dần...

“Không được bỏ đi!” Bành Chủ Nhi vội ra khỏi thuyền nhảy lên bờ, đuổi theo.



*Nhu thiện, vi từ, vi thuận, vi tổn; nhu ác, vi nhu nhược, vi vô đoán,  
vi tà nịnh<sup>[135]</sup>.*

*- Chu Đôn Di*

Bác Ca vừa chạy vừa tìm ánh đèn, chưa rõ con thuyền mà Bành Chủ Nhi nói đang đậu ở đâu.

Dù sao đêm nay mình cũng phải đi khỏi đây, mặc xác bà mẹ kế ở lại xem bà sống kiểu gì?

Kể từ ngày mẹ kế bị mù, hầu như mọi việc trong nhà đều do Bác Ca làm, thế mà bà ấy cũng chưa bao giờ thềm mỉm cười với Bác Ca một lần. Mấy hôm nay nhìn bà ấy rầu rĩ khóc lóc lo lắng cho Tôn Viên, Bác Ca thấy hả dạ hết nhẽ. Năm xưa cha bị bà ấy đẩy xuống sông, Bác Ca ngồi nhà khóc cũng không dám khóc, mỗi lúc nhớ cha, cậu chỉ có thể trốn vào chỗ vắng vẻ mà nức nở khóc một mình.

Nghĩ đến bà ấy mù lòa, Bác Ca cũng cảm thấy áy náy, vì cứu mình nên bà ấy mới bị hỏng mắt. Nhưng Bác Ca lập tức gạt bỏ ý nghĩ này, hậm hực đưa ra câu hỏi: tính mạng của cha tôi và đôi mắt của bà, thứ nào quan trọng hơn?

Không nghĩ lung tung nữa, Bác Ca tiếp tục chạy về phía trước. Trời quá tối, bờ sông mấp mô, luôn bị vấp rất dễ ngã. Một lúc sau thì nhìn thấy phía trước le lói ánh đèn. Đúng, con thuyền kia rồi! Bác Ca vội chạy nhanh hơn.

Nhưng rồi lại nghe thấy tiếng kêu vọng đến, giọng nữ. Là tiếng Tiểu Cửu!

Giọng rất căng thẳng gấp gáp. Tiểu Cửu sao thế?

Bác Ca rất hoang mang, ra sức chạy nhanh hơn nữa, lại bị vấp, ngã nhoài, đau chảy nước mắt. Nhưng phía trước vẫn vang lên tiếng kêu của Tiểu Cửu, Bác Ca lập tức vùng đứng dậy, ráng chịu đau đớn, tập tễnh dần bước. Rồi nghe thấy tiếng khóc của Tiểu Cửu, hình như đang giằng co với ai đó.

Ánh đèn mỗi lúc một gần hơn, đã có thể nhìn rõ con thuyền. Nhưng tiếng kêu khóc của Tiểu Cửu lại vọng từ bóng tối xa xa, không rõ đang xảy ra chuyện gì.

Bác Ca lại chạy lên, và đã nhìn thấy bóng người, có hai bóng người: Tiểu Cửu và Bành Chủy Nhi đứng gần bên con thuyền, cả hai đang giằng co.

Khi hai người xáp lại gần ánh đèn trên thuyền, Bác Ca nhận ra hình như Tiểu Cửu không chịu lên thuyền, còn Bành Chủy Nhi thì cố kéo Tiểu Cửu lên thuyền, Tiểu Cửu vẫn kêu khóc. Giằng co thêm một hồi, Tiểu Cửu bỗng vùng ra được rồi chạy về phía Bác Ca. Bành Chủy Nhi đuổi theo.

Bác Ca vẫn chưa hiểu ra là chuyện gì, và cũng quá mệt không muốn nghĩ nữa, cậu tiếp tục chạy về phía trước.

Khoảng cách giữa Bác Ca và Tiểu Cửu ngắn lại, Tiểu Cửu đang chạy về phía cậu nhưng lúc này Bành Chủy Nhi đã đuổi kịp và tóm được Tiểu Cửu. Cô bé vẫn kêu khóc và giãy giụa. Nhưng tiếng kêu bỗng ngừng bật.

Bác Ca sợ hãi tột độ, chạy thục mạng đến nơi và lập tức nhận ra: Bành Chủy Nhi đang thở hồng hộc, còn Tiểu Cửu thì nằm dưới đất. Cậu vội quỳ xuống bên Tiểu Cửu, Tiểu Cửu bất động, Bác Ca đưa tay lay người, cô không có phản ứng gì.

Tiểu Cửu chết rồi ư?

Bác Ca lập tức ngẩng nhìn Bành Chủy Nhi, anh ta giờ ngang hai tay, không nhìn rõ mặt nhưng hình như anh ta rất sợ hãi.

Bác Ca lại cúi nhìn và lay Tiểu Cửu, cô vẫn bất động. Hơn một năm qua Bác Ca luôn khát khao có ngày được nắm bàn tay nhỏ nhắn của Tiểu Cửu, được đung vào thân hình mảnh khảnh của Tiểu Cửu, nhưng lúc này hai tay cậu đưa ra nhưng không dám đung vào người cô bé nữa.

Một ngọn lửa căm hờn cháy lên từ đáy lòng, hóa thành tiếng thét ghê rợn dường như muốn xé phổi. Bác Ca rút phắt thanh đoản đao mang theo người, gầm lên một tiếng, đứng lên, xông đến đâm luôn Bàn Chủ Nhi. Hắn ta còn đang sững sờ đứng đó, mũi dao đã đâm trúng bụng hắn. Bác Ca lúc này như đã hóa điên, cầm dao đâm liên tiếp hết nhát này đến nhát khác...

Màn đêm quá tối, Triệu Mặc Nhi cười ngửa nhưng không dám phi nhanh. Cậu cũng không biết Bác Ca, Bàn Chủ Nhi đã trốn đi đâu, đành nghe theo lời Vũ Tường nói, tiếp tục đuổi theo về hướng đông.

Bàn Chủ Nhi đem Xuân Tích đi, Bác Ca thì có Tiểu Cửu, họ muốn đi khỏi kinh thành thì đi đường thủy là tiện nhất. Triệu Mặc Nhi bèn đi theo đường bờ sông để tìm bọn họ. Trên sông Ngũ Trượng, thuyền bè qua lại thường ít hơn hẳn so với sông Biện Hà. Sông Ngũ Trượng cũng là tuyến vận chuyển lương thực về kinh đô nhưng hiện giờ chưa phải mùa vận chuyển, lại đang là ban đêm, nên mặt sông chỉ thấp thoáng vài con thuyền chở hàng, những thuyền này chỉ le lói ánh đèn. Chắc Bàn Chủ Nhi sẽ không nằm trên những thuyền hàng đó để chờ bị bắt.

Triệu Mặc Nhi lại đi xuôi một quãng, sau khi đi qua bến thuyền của nha môn thì trời càng tối đen và tĩnh lặng, không nhìn thấy thuyền bè trên sông. Triệu Mặc Nhi đoán rằng Bác Ca sau khi ra khỏi thuyền của ông Hoàng thì cầm bạc đến gặp Bàn Chủ Nhi đang chờ ở một chỗ kín đáo nào đó. Cậu tiếp tục cười ngửa đi về phía hạ du để tìm.

Lại đi một hồi, thấy phía trước có ánh đèn, cậu vội thúc ngựa chạy về phía đó. Chợt nghe thấy phía trước có tiếng kêu gào, xen lẫn tiếng khóc tiếng chửi mắng, hình như là giọng của Bác Ca.

Khi đến gần, Triệu Mặc Nhi nhìn thấy một nam giới tay xách đèn đứng bên cạnh con ngõ nhỏ, thì ra là Lỗ Bảng Tử vẫn chèo thuyền trên sông Biện Hà, bên cạnh anh ta là hai phụ nữ và một bé trai, một trong hai phụ nữ là A Thông vợ của Lỗ Bảng Tử, người kia thứ hai có khuôn mặt ưa nhìn, đang bế đứa bé, chắc là vợ và con Khang Tiềm. Cả ba người mặt mũi tái nhợt, kinh hãi nhìn xuống đất. Triệu Mặc Nhi nhìn theo ánh mắt bọn họ, lơ mơ thấy một nam thanh niên đang quỳ gục đầu xuống đất khóc nức nở, đó là Bác Ca. Bên cạnh anh ta là hai người nằm co quắp, bất động.

Triệu Mặc Nhi vội xuống ngựa chạy đến nơi, và nhìn rõ hai người ấy là Bành Chủy Nhi và Tiểu Cửu. Bành Chủy Nhi, ngực và bụng đều có nhiều vết thương, máu me ướm nhòe hai vạt áo. Dưới đất bên cạnh Bác Ca là thanh đoản đao máu me bê bết.

Triệu Mặc Nhi rung mình kinh hãi, cậu vội kiểm tra Tiểu Cửu: không thấy hơi thở, mạch đập cũng không. Tiểu Cửu đã chết. Với tình thế này, Triệu Mặc Nhi phán đoán có lẽ Bành Chủy Nhi giết Tiểu Cửu trước, Bác Ca phản nộ, giết Bành Chủy Nhi. Bành Chủy Nhi hành hung Tiểu Cửu chắc vì sợ cô bé không chịu đi theo, định bỏ chạy, rồi sẽ tiết lộ hành vi mờ ám của hần với nha môn; hoặc cũng có thể là hần cố ý sát hại, hoặc vì hoang mang sợ hãi đã bịt miệng bóp cổ Tiểu Cửu dẫn đến cái chết, tức là ngộ sát.

Nhưng Khang Du thì sao? Anh ta đi đâu? Anh ta đã truy đuổi từ trước, nhưng dọc đường không thấy Khang Du, hay là anh ta đi nhầm hướng? Triệu Mặc Nhi ngẩng đầu, thì thấy Lỗ Bảng Tử lặng lẽ “hích” vợ một cái và nháy mắt ra hiệu, cả hai vợ chồng từ

từ lùi lại sau đó cùng chạy ào về phía con thuyền.

Triệu Mặc Nhi vội gọi: “Hai người không được đi! Phải ở lại làm chứng đã!”

Hai vợ chồng Lỗ Bảng Tử càng chạy nhanh hơn đến bờ sông và nhảy lên thuyền. Triệu Mặc Nhi vội đuổi theo. Lỗ Bảng Tử đưa đèn lồng cho A Thông rồi cầm sào chống xuống nước để đẩy thuyền đi. Triệu Mặc Nhi không hiểu tại sao họ lại sợ hãi. Khi cậu đuổi đến bờ sông thì thuyền đã bơi ra xa bờ. Cậu nhìn thấy còn có một người nằm gục ở mũi thuyền, dưới ánh đèn lồng có thể nhận ra lưng người ấy đầm máu. Là Khang Du thì phải?

“Không được đi!” Triệu Mặc Nhi vội xuống nước hét lên, nhưng Lỗ Bảng Tử vẫn ra sức chống sào, thuyền dần ra đến giữa dòng sông, sau đó xuôi về phía hạ du. Cậu đành quay trở lại, lên bờ rồi chạy ra chỗ con ngựa.

Lúc này, trong màn đêm, từ phía tây bỗng vọng lại tiếng vó ngựa, và nhìn thấy ánh lửa. Có người đang đến, thì ra là Vạn Phúc và bốn cung thủ.

“Vạn Phúc mau đuổi theo con thuyền kia, đừng để họ chạy mất!” Triệu Mặc Nhi nói.

Vạn Phúc lập tức giơ tay làm hiệu lệnh, dẫn các cung thủ chạy về phía trước đuổi theo.

Triệu Mặc Nhi ở lại trông coi Bác Ca và mẹ con Xuân Tích. Bác Ca không than khóc nữa nhưng vẫn quỳ gục bên xác Tiểu Cửu, cơ thể không ngớt rung lắc như kẻ điên rồ. Xuân Tích thì lặng lẽ bế con đứng một chỗ, trời tối không nhìn rõ mặt chị ta ra sao.

Triệu Mặc Nhi khẽ hỏi: “Chị là chị Khang phải không?”

Xuân Tích không đáp.

Triệu Mặc Nhi lại hỏi: “Khang đại ca đã qua đời, chị biết tin chưa?”

Hình như Xuân Tích khẽ rung mình nhưng vẫn im lặng.

Triệu Mặc Nhi bỗng hiểu ra, không phải Bành Chủy Nhi lừa phỉnh Xuân Tích bỏ trốn mà là cả hai là đồng mưu. Có lẽ hai người đã có tình xưa, Bành Chủy Nhi năm ngoái dọn nhà đến sát vách nhà Khang Tiềm là vì chuyện đó cũng nên. Người phụ nữ “bị bắt cóc” khiến người ta đang cố tìm kiếm để cứu về, lại là người chủ động bỏ trốn...

Lúc này Đồng Nhi bỗng hỏi: “Mẹ ơi, qua đời là gì? Bố làm sao rồi?”

Xuân Tích không trả lời. Hồi lâu sau mới khẽ nói: “Anh đã biết anh ấy chết rồi, sao không đợi ít lâu mà hỏi cưới tôi một cách đàng hoàng?”

Triệu Mặc Nhi sững sờ, ngớ ra. Lát sau cậu mới hiểu rằng Xuân Tích đang nói với Bành Chủy Nhi đang nằm dưới đất.

Chị ta tiếp tục nói: “Sao anh phải bỏ trốn? Sao anh phải làm những chuyện đó? Tôi như người đã câm lặng, anh đã gọi tôi, đã thức tỉnh tôi, rồi anh lại ra đi...”

Xuân Tích nấc lên không nói được nữa, chỉ có thể nghe thấy tiếng chị ta ghen ngào cổ kìm nén những tiếng nức nở.

Triệu Mặc Nhi cảm thấy đau buồn, cậu hoàn toàn không ngờ sự việc này lại dẫn đến bốn người bỏ mạng và khiến ai ai cũng phải xót xa.

Bỗng nghe thấy từ hướng đông vọng đến tiếng hô của Vạn Phúc và các cung thủ: “Nếu ngoan cố không dừng lại, chúng tôi sẽ bắn!” Lại nghe thấy tiếng tên bắn “vút vút”, rồi tiếng kêu thét của A Thông. Triệu Mặc Nhi nhìn ra dòng sông, Lỗ Bảng Tử hoảng sợ dừng tay sào không dám chống thuyền đi nữa.

Vạn Phúc lại quát: “Quay thuyền trở lại ngay!”

Lỗ Bảng Tử do dự một lúc, anh ta bỗng kêu to một tiếng rồi nhảy ùm xuống sông.

“Mau đuổi theo!” Vạn Phúc ra lệnh.



“Ừm...ừm...” Bốn cung thủ nhảy xuống nước, hai người bơi đuổi theo Lỗ Bạng Tử, hai người bơi ra con thuyền, trèo lên, rồi chống thuyền quay vào bờ. Họ áp giải A Thông lên bờ.

Chị ta khóc lóc kêu ca: “Không can gì đến tôi! Bành Chủ Nhi giết người đàn ông trên thuyền và cô gái kia... Bác Ca giết Bành Chủ Nhi...”

Vạn Phúc phi ngựa đến, giơ đuốc về phía A Thông, nói: “Cả ngày hôm qua ta tìm khắp chốn mà không thấy hai vợ chồng người, thì ra các người trốn ở đây!”

A Thông lại khóc: “Chuyện lão thuật sĩ cũng không liên quan đến chúng tôi, hôm đó lão ta đuổi chúng tôi đi.”

“Liên quan hay không, cứ về rồi nói sau.” Vạn Phúc chỉ vào Xuân Tích và Bác Ca, dặn hai cung thủ: “Giải cả hai mẹ con người này và Bác Ca về nha môn!”

Nghe thấy thế, Bác Ca từ từ đứng lên, buồn bã nhìn Triệu Mặc Nhi: “Tôi muốn nhờ cậu một việc.”

Triệu Mặc Nhi: “Nói đi!”

“Thằng em tôi Tôn Viên nó đang ở dưới giếng trong khu nhà hoang sau chùa Lạn Kha. Và, cậu trở về nói với mẹ tôi rằng: số bạc mà bà ấy định cho tôi, tôi không lấy, tôi vẫn để dưới cái gối của Tôn Viên.”

...

Triệu Mặc Nhi xách đèn lồng, cưỡi ngựa đến khu nhà hoang sau chùa Lạn Kha, lúc này đã quá nửa đêm.

Ánh trăng nhàn nhạt, bốn bề tĩnh lặng, chỉ có tiếng côn trùng kêu râm ran. Cửa của ngôi nhà đã bị dỡ bỏ, bên trong tối om. Cậu xuống ngựa nhòm vào trong sân, sân mọc đầy cỏ dại, âm u hoang vắng. Làn gió đêm thổi đến, cây cỏ rung rinh, xao xác khiến cậu rùng mình. Hồi nhỏ từng cùng lũ bạn đến đây nô đùa

nhưng đều là ban ngày nên không có cảm giác này, nay đơn độc đứng đây trong đêm tối, không thể không thấy sợ. Nhưng lại nghĩ có lẽ Bác Ca không nói dối về chuyện Tôn Viên đang ở dưới giếng, Triệu Mặc Nhi bèn buộc ngựa vào cây liễu ngoài cửa, xách đèn lồng, lấy hết can đảm bước vào.

Lờ mờ nhìn thấy vệt cỏ dại bị giẫm lên, chắc là Bác Ca đi qua đây, Triệu Mặc Nhi bèn men theo, đi qua sân trước, rồi đi qua một gian rộng trống trải, bước vào sân sau. Cỏ dại mọc càng um tùm rậm rạp, cái giếng nằm ở chân tường bên phải sân, hơi khó nhận ra thành giếng. Triệu Mặc Nhi đi theo hành lang tiến lại, gạt những đám dây nhợ chằng chịt ra, co chân bước. Cậu bỗng nghe thấy những âm thanh rin rít chói tai, sợ hết hồn, thì ra là mấy con chim bay tản đi - chúng đang ngủ đêm.

Triệu Mặc Nhi lau mồ hôi trán, cố trấn tĩnh, rồi thận trọng bước đến bên giếng. Xung quanh thành giếng cũng mọc đầy cỏ dại nhưng đã bị giẫm nát không ít. Cậu giơ đèn lồng rọi xuống dưới và ghé nhìn, dưới giếng tối om không nhìn thấy gì hết. Tôn Viên mất tích chiều hôm thanh minh, đến nay đã khá nhiều ngày trôi qua, dù cậu ta còn dưới đáy giếng thì có lẽ cũng đã chết rồi. Triệu Mặc Nhi cảm thấy hối hận, lẽ ra lúc này không nên từ chối lời đề nghị của Vạn Phúc cho một cung thủ đi theo.

Cậu hạ đèn lồng xuống thấp hơn và cố căng mắt nhìn, vẫn tối đen như mực. Bỗng cậu nghe thấy dưới giếng vọng lên: “Anh ơi...” Giọng khàn khàn yếu ớt.

Triệu Mặc Nhi kinh hãi, rùng mình, tay run run suýt nữa tuột tay đánh rơi chiếc đèn lồng xuống dưới đó.

Giọng nói ấy tiếp tục: “Anh ơi... anh ơi! Có phải anh không? Anh?”

Hình như là giọng Tôn Viên!

Triệu Mặc Nhi vội gọi to: “Tôn Viên, Tôn Viên! Có phải cậu

không đấy?”

“Đúng, đúng! Anh là ai? Mau cứu em lên với!”

Triệu Mặc Nhi vội treo đèn lồng lên cành liễu bên cạnh, lấy cuộn dây thừng đeo trên vai xuống, cuộn dây thừng mượn nhà Vũ Tường lúc này. Cậu thả một đầu dây xuống giếng, đầu còn lại đánh đai mấy vòng vào cánh tay. Lát sau đã thấy dây bị căng và giật giật, Tôn Viên từ dưới giếng nói vọng lên: “Anh tốt bụng ơi, em không trèo nổi, anh kéo em lên với!”

Triệu Mặc Nhi ra sức kéo sợi thừng về phía sau, lát sau đã nhìn thấy bóng người bò lên miệng giếng. Đúng là Tôn Viên, đầu tóc bù xù, mặt mũi nhợt nhạt, nhưng động tác thì có vẻ bình thường không vấn đề gì. Cậu ta trèo qua thành giếng rồi ngồi phịch xuống đất và òa khóc nức nở, vừa khóc vừa nhìn “người tốt bụng”, nói: “Là anh Mặc Nhi ư? Em cảm ơn, em cảm ơn anh...”

“Cậu ở dưới giếng gần ấy hôm mà vẫn còn sống?”

“Vì anh Bác Ca... cứ cách một hôm anh ấy lại ném cho em mấy cái bánh, một túi nước, nhưng anh ấy nhất định không muốn cho em lên...”

Lúc này trời đã tờ mờ sáng, xa xa vọng lại vài tiếng gà gáy, nhưng đường phố vẫn vắng tanh không một bóng người. Đi qua phố Nam Biện Hà rồi đi theo con đường đất ngoài cánh đồng, Triệu Mặc Nhi bỗng nhìn thấy phía trước có hai người đang đứng tựa gốc cây liễu to. Hình như họ cũng nhận ra Triệu Mặc Nhi, họ rời gốc cây rồi đứng thẳng người lên. Triệu Mặc Nhi cảm thấy không bình thường.

Nơi này là ngoại thành nhưng dân cư khá đông đúc, tuần tra cũng nghiêm ngặt, chưa từng xảy ra chuyện đạo tặc chặn đường, nhiều nhất là có vài tên lưu manh càn quấy nhưng chúng cũng không chặn đường cướp giật vào lúc sáng tinh mơ.

Triệu Mặc Nhi bất giác sờ cái túi thơm đang giắt ở thắt lưng.

Trong túi thơm có viên ngọc và hai cái tai người. Ngọc, do kiểm tra xác Bành Chủy Nhi tìm thấy; còn hai cái tai, do Vạn Phúc dẫn cung thủ đến khám nhà Bành Chủy Nhi phát hiện ra một gói giấy dầu cất trong một cái vỏ gôm - đôi tai đã phân hủy thối rữa. Hai thứ này là đầu mối duy nhất để truy lùng hung thủ đầu sỏ đang giấu mặt. Triệu Mặc Nhi bèn tạm mượn Vạn Phúc.

Lẽ nào hai người trước mặt chặn đường là vì hai thứ này?

Triệu Mặc Nhi hơi sợ, định quay ngựa bỏ chạy, nhưng nếu hai người này là vì muốn đoạt lại “manh mối” thì dù hôm nay cậu chạy thoát thì mai kia họ sẽ lại tìm đến. Hồi nhỏ Triệu Mặc Nhi cũng đã từng học võ thuật từ anh trai Triệu Bất Vưu, tuy chưa từng thật sự giao đấu với ai nhưng cậu tin rằng mình thừa sức đối phó với hai người này. Cho nên cậu tiếp tục tiến lên với tốc độ không nhanh cũng không chậm. Lúc cậu đi gần đến nơi, thì họ bỗng rút khăn vải ra bịt mặt, một trong hai người bước sang ven đường bên kia. Triệu Mặc Nhi đã nhìn rõ cả hai đều giắt dao ở thắt lưng.

Họ không sợ mình chạy mất hay sao? Cậu bất giác ngoảnh đầu nhìn phía sau, xa xa cũng có hai người chẳng rõ xuất hiện từ lúc nào, cả hai cũng bịt mặt, giắt dao ở thắt lưng, và đang tiến lại gần cậu. Nhìn đường chỗ này thì hai bên là nương dẫn nước tưới ruộng, ngựa chưa chắc đã nhảy qua được và dù nhảy qua được thì ruộng đang ở tình trạng vừa mới cày lật đất lên, ngựa không thể chạy nhanh.

Vừa nãy Triệu Mặc Nhi còn nghĩ sẽ khống chế hai gã trước mặt, sau đó moi tin tức từ họ, nhưng lúc này một chọi bốn thì quá nguy hiểm. Dù sao cậu vẫn tin rằng họ đến là vì cái túi thơm. Triệu Mặc Nhi bỗng cảm thấy căng thẳng, tay nắm chặt roi ngựa - đây là vũ khí duy nhất của cậu lúc này. Điều then chốt

là phải tìm cách thoát khỏi vòng vây, bảo vệ cái túi thơm.

Hai gã phía trước đã từ từ bước lại trước mặt Triệu Mặc Nhi, giữa đường có một sợi dây thừng giăng ngang đang đung đưa. Thì ra là họ muốn chặn lối và giật ngựa ngã. Nghe bước chân phía sau lưng, có lẽ hai gã phía sau cũng đang áp đến. Mình phải bình tĩnh, bình tĩnh. Triệu Mặc Nhi tự nhủ và vẫn tiếp tục vừa lững thững đi về phía trước vừa nghĩ cách đối phó. Tình thế này mình cần tấn công một cách bất ngờ nhất.

Lúc chỉ còn cách hai gã phía trước chừng chục bước chân. Triệu Mặc Nhi bỗng vùng tay roi vụt mạnh vào mông ngựa, con ngựa hí lên một tiếng rồi bất thành linh tăng tốc xông về phía trước. Hai gã giật mình, đứng sững lại, tay nắm chặt dây thừng.

Triệu Mặc Nhi tiếp tục quất ngựa xông lên, lúc áp sát sợi dây thừng, cậu kẹp chặt hai chân vào bụng ngựa, giật cương thật mạnh. Con ngựa chồm hai vó trước, hí vang, đầu ngoảnh sang bên, toàn thân quay ngang. Triệu Mặc Nhi xoay người, hai tay nắm chặt yên ngựa, tung mình lên không, thực hiện chiêu “yên thượng hoành độ” (trên yên quét ngang) lia một cước vào trúng cổ một trong hai gã đều đang không phòng bị, gã kêu lên thảm thiết lập tức ngã vật xuống đất. Triệu Mặc Nhi thả hai chân xuống đất chạy vài bước theo đà con ngựa đang phi, lập tức lao đến sát bên trái gã thứ hai đang rất kinh hoảng. Triệu Mặc Nhi lại tung một cước trúng ngực gã, cú đá này cực mạnh khiến hắn cũng kêu lên đau đớn rồi ngã sập xuống đất.

Lúc này hai gã phía sau đã chạy đến nơi, một gã giơ đao bổ vào đầu ngựa, gã kia vùng đao chém Triệu Mặc Nhi. Triệu Mặc Nhi lảo đảo chân trái nhảy lên lưng ngựa, tay trái nắm chặt yên ngựa, giật ngựa quay ngoặt nửa vòng tránh thoát nhát đao, rồi ngay lập tức cậu ngả rạp người về phía trước, đầu gần chạm đất tránh thoát nhát đao đang chém tới. Tay phải đang cầm roi

ngựa, cậ vụt ngược lại trúng đùi gã, gã kêu thét lên, loạng choạng suýt ngã. Gã thứ nhất lại vung đao chém lần nữa, nhưng Triệu Mặc Nhi đã kịp lật người sang bên tránh thoát. Ngồi trên lưng ngựa, cậ vụt cho hấn một roi trúng cánh tay, đao của hấn lập tức rơi xuống đất.

Triệu Mặc Nhi vừa ngồi vững trên yên ngựa thì hai gã lúc nãy đứng chặn phía trước đã bò dậy và cùng rút đao xông đến tấn công...

HẾT TẬP MỘT

**•Chú Thích•**

<sup>[1]</sup>Thanh minh: 1 - Tiết Thanh minh (đầu tháng 3 âm lịch); 2 - Ngụ ý xã hội yên ổn thái bình.



<sup>[2]</sup>Đời vua Tống Huy Tông niên hiệu Tuyên Hòa năm thứ ba: năm 1121 (Bắc Tống: trải dài từ năm 960-1127).

<sup>[3]</sup>Một con sông cổ đại, được mở mang khai thông từ đời vua Tùy Dạng đế (đầu thế kỷ VII), một phần của hệ thống sông đào để vận chuyển, thuộc tỉnh Hà Nam Trung Quốc ngày nay.

<sup>[4]</sup>Tên cũ là Biện, thành phố thuộc tỉnh Hà Nam, thuộc đồng bằng sông Hoàng Hà; là cố đô của nhiều triều đại Trung Quốc.

<sup>[5]</sup>Lịch sử Trung Quốc gọi là khởi nghĩa Phương Lạp (10-1220 mở đầu); cũng được nhắc đến trong truyện “Thủy Hử”.

<sup>[6]</sup>Một cơ cấu quan trọng của triều đình trung ương, nắm giữ các việc cơ yếu, quân sự hoặc biên phòng.

<sup>[7]</sup>Trước đó có tiếng kêu “muối, muối”, thực ra là “khói”; từ “khói” bị nghe nhầm là “muối” (hai từ đồng âm trong tiếng Trung).

<sup>[8]</sup>Thước: khoảng 1/3 mét; trượng: khoảng 3,30 mét.

<sup>[9]</sup>Triện, là một thể (font) chữ Hán thịnh hành cuối thời Chiến Quốc đến thời Tần Thủy Hoàng và đầu thời Hán.



<sup>[10]</sup>(Cổ văn) Khổng Tử không luận bàn về các hiện tượng quái dị, bạo lực, phản loạn và quỷ thần. (Luận ngữ: bộ sách kinh điển, ghi chép nhiều quan điểm học thuật của Khổng Tử).

<sup>[11]</sup> Kể chuyện rong.

<sup>[12]</sup>Thốn: khoảng 3 cm; long giác (cũng đọc là long giốc): sừng rồng; (Trương Giốc cũng đọc là Trương Giác).

<sup>[13]</sup>Một quyền thần bị hậu thế coi là gian thần, một hoạn quan nắm quân quyền, rất được vua Tống tin dùng.

<sup>[14]</sup>Tiểu quốc ở miền Bắc Trung Hoa, nhưng rất hùng mạnh.

<sup>[15]</sup>Một chức quan địa phương; hoặc “quan giữ mệnh” (theo Đạo giáo, hoặc ở âm phủ...). Ở đây chỉ là một cách tôn xưng.

<sup>[16]</sup>Như nói phía trên: người viết thuê đơn kiện, hoặc “thầy cãi”; tựa như luật sư thời hiện đại.

<sup>[17]</sup>Cách gọi trang trọng, tựa như “ngài”, hoặc “thầy”...



<sup>[18]</sup>Đá đen và phong lan.

[19] 3-3 âm lịch; không nhóm bếp nấu nướng, chỉ ăn đồ ăn nguội làm sẵn (kỷ niệm Giới Chi Thôi thời Chiến Quốc chết cháy trong rừng vì bảo vệ mẹ già...). Ở Việt Nam cũng thường làm bánh trôi bánh chay thả hương...

[20]Trích thơ “Thường Nga” của Lý Thương Ẩn (thế kỷ 9) - nhà thơ thời văn Đường. (Thần thoại: sự tích Hằng Nga - vợ Hậu Nghệ, nàng lấy trộm thuốc trường sinh bất tử của chồng, uống rồi bay lên cung trăng ở...)

[21] Thái học sinh: học trò Quốc tử giám; điện thí: vòng thi cao cấp do nhà vua chủ trì, đích thân ra đề, tổ chức ở hoàng cung, chấm đỗ các tiến sĩ (trở lên).

[22]Hàn Phi (Thế kỷ III trước CN): danh sĩ, học giả nổi tiếng cuối thời Chiến Quốc. Khổng Tử (thế kỷ VI-V trước CN): “Người thầy của muôn đời”, kiến thức uyên bác. Từ thế kỷ thứ VII trở đi Trung Quốc mới bắt đầu có chế độ khoa cử.

<sup>[23]</sup>Gần trăm năm trước.

<sup>[24]</sup>Tức hoàng tộc nhà Tống (vua đầu tiên là Triệu Khuông Dận).

[25] Túc Triều Tiên.



<sup>[26]</sup>Tám tài tử ở phía đông (dòng sông).

[27] Soi lẽ trời, đi đến chỗ sáng, vạn vật tỏ tường. (Trương Tải 1020-1077, nhà triết học thời Bắc Tống).

[28] *Thiên địa*: chỉ đất nước, toàn xã hội. *Bất*: phủ định. *Đạo quân* (danh từ của Đạo giáo) tức thánh quân, minh quân... là mỹ từ ngợi ca “vua hiền đức”. Chữ *khi*: lừa dối, hà hiếp. Giải nghĩa cả 10 chữ: *Đất nước chẳng trong sáng, “vua hiền” dối thần thánh*.

[29]Việc nước việc thiên hạ đều không vô lý hảo huyền, bởi thế, học đến trình độ *biết không trách người*, ấy là đã học đến nơi vậy.

<sup>[30]</sup> Kể từ năm 1004, nhà Tống hàng năm phải cống nạp (tức *Tuế tộ*) cho nước Liêu 20 vạn tấm lụa và 10 vạn lạng bạc, họ mới không xâm phạm bờ cõi (tức là rất nhu nhược).

[31]“Túy đông phong” là tên một trong nhiều làn điệu Từ Khúc; *Từ* là lời thơ, nhưng phải vận dụng âm luật và từ ngữ theo khuôn khổ nhất định (tức *Khúc* = làn điệu) để có thể diễn xướng cùng với nhạc đệm. Từ khúc rất thịnh hành vào thời Tống.

[32]Trời mênh mông vạn dặm, đại bàng đang bay thẳng lên cao.

<sup>[33]</sup>Tống Chân Tông (998-1022).



<sup>[34]</sup> Kho chứa nước đá để dùng trong mùa nóng nực.

[35] Giải nghĩa: đi theo lý vốn có là bình thường, ra ngoài lý vốn có là dị thường. Thiệu Ung (1011-1077) nhà triết học thời Bắc Tống Trung Quốc.

<sup>[36]</sup>Tức Lý học, khái niệm triết học Trung Hoa cổ đại.

<sup>[37]</sup> Vương An Thạch (1021-1088), chính trị gia, nhà cải cách thời Bắc Tống Trung Quốc.

<sup>[38]</sup>Sái Kinh (1047-1126) bốn lần làm Tể tướng, quyền thần và cũng là gian thần.

<sup>[39]</sup>Nguyên Hựu: một niên hiệu đời vua Tống Triết Tông (1086).

<sup>[40]</sup>Tư Mã, là họ kép (hai âm tiết; tương tự: họ Gia Cát, họ Âu Dương...).

<sup>[41]</sup>Quan niệm chính trị của Khổng Tử: *kiểm soát bản thân, khôi phục Lễ nghi nhà Chu (ấy là Nhân vậy)*.



<sup>[42]</sup>Học sinh Thái học (tức Quốc tử giám) nhóm “nội”. (Thời Tống, chia học sinh Thái học thành ba nhóm: ngoại xá, nội xá và thượng xá - có vị trí và yêu cầu khác nhau).

<sup>[43]</sup>Các chữ: Cầm: đàn; Mặc: mực (khả năng thư họa); Kỳ: chơi cờ; Kiếm: dụng kiếm...

<sup>[44]</sup>Tăng Củng (1019 -1083) nhà văn, nhà sử học, nhà chính trị; Tô Triệt (1039-1112) nhà văn, nhà thơ (Bắc Tống).

<sup>[45]</sup>Tức quan tư pháp.

[46]Cốt lõi của thiên hạ, chỉ là Thế mà thôi. Thế, có mạnh có yếu. Khi đã cực mạnh thì không thể đảo ngược. Chu Đôn Di (1017-1073) nhà triết học thời Tống (Trung Quốc), sáng lập học thuyết về Lý học.

<sup>[47]</sup> Tỉnh tường nhìn xa, nghe theo lẽ phải (để tu thân).

<sup>[48]</sup>Năm 1105.

[49]Người học phải luôn không ngừng giữ gìn tâm niệm, không thể nóng vội. Phải tu dưỡng bồi đắp sâu rộng, như bơi lặn trong đó, rồi mới có thể thấu nhận được. Trình Di (1033-1107): nhà Lý học, nhà Giáo dục học thời Bắc Tống.



[50] Lời hứa có thể không làm được hết, hành động chưa chắc luôn có kết quả, chỉ cần *phù hợp đạo nghĩa* là được.

<sup>[51]</sup>Chữ Nhân: nhân nghĩa.

[52] Lò gồm tên là Định = lò Định.

<sup>[53]</sup>Lo cho Đạo chứ không lo vì nghèo túng.

[54] Một phần trong “Biến pháp” của Vương An Thạch: coi trọng giáo dục trong nhà trường, xây dựng trường Thái học chia làm ba nhóm học sinh: ngoại xá 2.000 người, nội xá 300 người và thượng xá 100 người (đồng thời bãi bỏ chế độ khoa cử).

[55] Không ai có thể biết rõ nhân tâm ra sao, nhưng nếu nó bị che lấp bởi dục vọng thì tức là lẽ trời chẳng còn nữa.

<sup>[56]</sup>Tống Anh Tông: (1064-1067); Tống Thần Tông (1068-1078).

[57] Vì nội dung rất tỉ mỉ dài dòng, nên chỉ xin tóm tắt: là các điều luật về nông nghiệp (trong đó có quy định chia lại ruộng đất) theo xu hướng nâng đỡ nông dân, phát triển canh nông, cải cách thuế quan, thị trường, nâng đỡ thương nghiệp, điều luật về chế độ đăng lính, về miễn sưu...



[58] Một câu nói của Khổng Tử: “Quân tử hòa nhi bất đồng, tiểu nhân đồng nhi bất hòa”: quân tử luôn hòa nhã trong giao tiếp xử sự nhưng rành mạch về chính kiến, tiểu nhân thường giả bộ hài hòa a dua phụ họa nhưng trong lòng thì hậm hực khó chịu.

[59] Không để cho tâm bị vương vấn, băn khoăn (nhấn mạnh tĩnh tâm, an định).

<sup>[60]</sup>Nhan Chân Khanh (thế kỷ VIII) nhà thơ pháp danh tiếng thời Đường.

<sup>[61]</sup> Dâng vật dụng kèm theo lời thề (tu tỉnh).

[62]Tri Khách: tức chuyên trách lễ tân.

<sup>[63]</sup>Tự Thừa: phụ trách chùa chiền.

<sup>[64]</sup> Dịch tâm, nghĩa đen là người có tâm đánh cờ (Dịch = kỳ).

[65]“Tốt quá” - ngôn từ của các nhà sư.



<sup>[66]</sup>Chức quan trao cho kỳ thủ chuyên nghiệp, làm nhiệm vụ chiêu mộ các kỳ thủ (thời Đường, Tống...).

<sup>[67]</sup>Túc Trang Chu (369-286) trước CN; nhà tư tưởng, nhà văn, triết gia, học phái Đạo gia Trung Hoa Cổ đại.

<sup>[68]</sup> Quân tử có thể nhất thời bị lừa dối nhưng không bao giờ vô lý mà lừa dối nổi quân tử (Luận ngữ, thiên Ung dã).

[69] Cách nói cầu kỳ, dựa vào câu chữ mà danh nhân tiền bối đã viết.

<sup>[70]</sup>Nhà thơ Lý Bạch, tự là Thái Bạch, hiệu là Thanh Liên cư sĩ. Chu Liêm Khê tức Chu Đôn Di (1017-1073), triết gia thời Bắc Tống; “Ái liên thuyết” = “Nói về tình yêu đối với hoa sen”.

<sup>[71]</sup>Trong Hán tự, chữ Hà, Liên đều nghĩa là hoa sen; Quan: xem ngắm. Dật tiên: nghĩa là “tiên nhân”.

<sup>[72]</sup>Đào Uyên Minh tức Đào Tiềm (thế kỷ IV), văn sĩ thi sĩ thời Tấn; tác phẩm “Ngũ Liễu tiên sinh truyện” của ông (tự truyện) đề xướng ba thú vui: đọc sách, uống rượu và viết văn.

<sup>[73]</sup>Sẽ chú thích phía sau.



[74] Đông Pha cư sĩ là tên hiệu của Tô Thức (1037-1101) thi hào thời Bắc Tống; “Khoái tai phong”: “Gió (mát) sung sướng làm sao!” Chữ “tai” là thán từ. Khoái tai thử phong = Làn gió này dễ chịu, sung sướng làm sao!

[75] Nhân mạnh rất muốn bồi dưỡng cho.

<sup>[76]</sup>Nhà tư tưởng, nhà văn, nhà âm nhạc, thế kỷ III (thời Tam quốc, nước Ngụy); một trong “Trúc lâm thất hiền” thời đó. (Truyện Kiều Nguyễn Du có câu “Kê Khang này khúc Quảng Lăng, Một rằng Lưu thủy hai rằng Hành vân.”).

[77] Quan đại phu nước Tấn thời Xuân thu, và cũng là một danh cầm, có bạn tri âm là Chung Tử Kỳ (*tri âm* = hiểu rõ âm thanh của tiếng đàn, xuất phát từ điển tích này). Khi Chung Tử Kỳ qua đời thì Bá Nha đập đàn đi không gảy nữa vì chẳng còn bạn *tri âm*. Các chữ Sơn = núi; Thủy = sông (dòng chảy; Thủy ở đây không có nghĩa là Nước); *vách của nước*: chỉ “đường chân trời” nơi “trời biển giao nhau”.

<sup>[78]</sup>Lạc đạo: vui với đạo lý mà mình theo đuổi.

[79] Chủ yếu là vì con người đều có thân, nên có cái cớ để nghĩ cho mình (ích kỷ), bởi thế mà rất khó hòa nhập với đạo.

<sup>[80]</sup>Quân, và túc hạ: từ nhân xưng ngôi thứ hai; kính từ, tỏ ý trang trọng.

<sup>[81]</sup>Ba tác phẩm kinh điển: Thi, Thư, Chu quan, được Vương An Thạch *chú giải theo lối mới* của thời Tống, để thích hợp với xã hội đương thời.



[82] Nguyên văn: đan biểu lậu hạng = mượn câu chữ trong Luận ngữ (thiên Ung dã): ăn cơm đựng trong giỏ, uống nước đựng trong bầu, ở nơi ngõ xấu xí.

<sup>[83]</sup>Một trong bốn phụ nữ (người vợ) xấu xí nhất thời cổ đại Trung Hoa (là Nguyễn thị, Mô Mẫu, Chung Ly Xuân tức Chung Vô Diệm và Mạnh Quang) nhưng có tài có đức.

<sup>[84]</sup>Hồng Phất là một Kỳ nữ Trung Hoa cổ đại (nhân vật trong tác phẩm Đường nhân truyền kỳ, tác giả Đỗ Quang Đình).

[85]Cung nữ Vương Chiêu Quân có nhan sắc bị vua Hán dâng cho người Hồ để cầu hòa bình (trước CN).

<sup>[86]</sup>Mọi việc dù lớn nhỏ đều có cái lý của nó, chấp nhận, tức là hiểu Đạo, trái lại là chưa hiểu Đạo (Đạo = đường, hướng đúng).

[87] Quan thư: cặp đôi chim luôn ở bên nhau (trích bài thơ mở đầu Kinh thi: bài Quan thư) Đoạn này dùng một số danh từ trong văn thơ cổ điển, ND dịch thoáng cho dễ hiểu.

[88] Ý nói năm người tài ba nhất.

<sup>[89]</sup>Hai vị này là anh em ruột.



[90] Giếng thời cổ đều hình vuông, về sau mới đào thêm kiểu giếng tròn...

[91] Quan niệm cổ xưa này thể hiện trong bài thơ “Đảo chi yêu yêu” (Kinh Thi). Nghĩa gốc của chữ “Giá” (chữ Hán, du nhập vào tiếng Việt được đọc chệch là *gả*) = lấy chồng; chữ Giá cấu tạo kiểu hội ý (ghép ý) gồm chữ Nữ + chữ Gia. Nhân đây nói thêm: chữ Thú = lấy vợ, được ghép bởi chữ Thử (mang về) + chữ Nữ (cô gái); từ cũ *Giấy giá thú* = giấy chứng nhận nam lấy vợ nữ lấy chồng (tức giấy “Đăng ký kết hôn” thời nay).

<sup>[92]</sup>Người có Nhân, coi thiên địa vạn vật là một (kết nối, nhất thể), không có thứ gì không liên quan đến mình.

[93] Ngồi ở nhà mà chế tạo xe, xe vẫn chạy tốt, ấy là do tính toán gia công rất tỉ mỉ thỏa đáng (lẽ ra xe ấy vô dụng vì không sát thực tế, nhưng vẫn đặc dụng vì con người đã nghiên cứu rất tỉ mỉ).

[94]Tiểu Khải trâm hoa: thể chữ Chân bay bướm. Vệ Thước: nữ thư họa gia thời Tấn (thế kỷ III-IV).

[95] Vương Hy Chi (thế kỷ IV) nhà thư pháp danh tiếng thời Đông Tấn, được mệnh danh là “Thánh thư”.

<sup>[96]</sup>Thói quen của thiên hạ đều thay đổi theo thời thế; nhị  
Trình tức hai anh em Trình Hạo và Trình Di.

<sup>[97]</sup>Hai chữ Hán “Đạo Tuyên” nghĩa là “suối trộm cắp”.



[98] Trùng minh: chỉ thượng Ly minh, hạ Ly minh = nghĩa bóng, chỉ vua tôi đồng lòng; Chính: đối lập với Tà (Ly: quẻ Ly; ngôn từ trong Kinh Dịch, không dễ hiểu).

[99] Tranh của Trịnh Hiệp thời Bắc Tống.

[100] Nhà chính trị, trọng thần của nhiều đời vua Tống, có quan điểm thủ cựu, đối lập với Vương An Thạch.

<sup>[101]</sup>Tức Nho gia, Pháp gia; Đạo giáo và Phật giáo (Thích: chỉ Thích Ca Mâu Ni).

<sup>[102]</sup>Con người ta phần lớn u mê, thánh hiền gỡ rối cho họ.

<sup>[103]</sup>Người ngay thẳng cứng cỏi, sẽ không vì tình cảm riêng tư mà từ bỏ chân lý.

<sup>[104]</sup> Một cách trang điểm thịnh hành vào thời Tống (Trung Quốc).

<sup>[105]</sup> Tạm Úc điểm: quán ăn, bán các món hầm, ninh.



[106] Nếu hay nghĩ ngợi thì luôn không yên tâm, chỉ làm những việc không có chủ đích; cách duy nhất để làm được những việc có chủ đích, là hãy dừng lại.

[107] Tên “Bột” viết chữ Bột = thịnh, vượng; chữ “bác” đồng âm, nghĩa là “bánh bột nặn”.

<sup>[108]</sup>Người quân tử sống trong thiên hạ, đạt hoặc không đạt đến Thiện, không phải do cách trở giữa ngoại vật và bản thân.

[109] Âu Dương Tu (1007-1072): nhà chính trị, nhà văn, nhà thơ Bắc Tống.

<sup>[110]</sup>Người có đạo nghĩa, đã thể hiện ra trong xã hội, thì cũng được xã hội tôn vinh coi trọng.

[111] Túc miên cực nam Trung Hoa (vùng Lưỡng Quảng ngày nay).

<sup>[112]</sup> Phong tục: tuổi “cập kê” tức có thể lấy chồng.

[113] Năm 1101.



[114]Người hết lòng vì Công (xã hội) thì thực hiện được, chứ không có ai chưa thấm nhuần Công mà có thể dốc sức vì xã hội.

[115] Hấp tấp làm cho được, vì lợi ích của riêng mình, rốt cuộc vẫn không thể đạt được Đạo.

<sup>[116]</sup>(Người quân tử) Tu dưỡng đúng đắn sẽ đạt đến đỉnh cao, từ đó có thể phát triển lan tỏa (đến cộng đồng xã hội).

[117] Giống như tổ trưởng dân phố.

[118] Gặp trắc trở có cách xử lý, gặp khó khăn cũng có cách xử lý, không lúc nào bế tắc không cách giải tỏa.

[119]“Múa rối bóng” của Trung Hoa có lịch sử từ đầu công nguyên; Cầu Lan Ngõa Xá: tên gọi các trung tâm giải trí thời Tống.

<sup>[120]</sup> Kỹ năng mô phỏng các loại âm thanh.

[121] Trổ các miếng da động vật thành hình nhân vật, ánh đèn hắt ra từ bên trong soi bóng lên “màn hình” bằng vải; khán giả ngồi phía trước xem “bóng” các nhân vật do diễn viên điều khiển, đồng thời nghe lời thoại.



[122] Những người nhìn sự vật không nhìn bằng mắt, thì họ nhìn bằng Tâm; những ai không nhìn sự vật bằng Tâm thì nhìn sự vật bằng Lý.

[123] Cương nghị ngay thẳng có thể làm nên sự nghiệp, xử lý tai nạn khó khăn; nhưng nếu vận dụng không đúng chỗ thì sẽ là tà ác.

[124]Triều đình phong kiến Trung Quốc có quy định về “cư tang” áp dụng đối với các quan. Nhà có tang cha mẹ nếu giấu nhẹm sẽ bị trừng phạt (có người giấu, vì sợ bắt buộc phải nghỉ vài năm chịu tang thì sẽ “mất thu nhập”...).

[125] Là trạm đón tiếp - tiễn đưa các sứ giả; thường đặt ở ngoại thành kinh đô.

<sup>[126]</sup>Thế kỷ VIII trở về trước.

[127] Cương nghị ngay thẳng có thể làm nên sự nghiệp, xử lý tai nạn khó khăn, nhưng nếu vận dụng không đúng chỗ thì sẽ là tà ác.

[128] Không nghĩ sai lệch, nhưng hể nghĩ thì đúng đắn và vận dụng vào sự nghiệp; từ những dấu hiệu nhỏ sẽ nhận ra bản chất sự vật có đúng thế không (tức “đi đến thành công”).

[129]Chỉ sùng Thiện chưa chắc đã tận Nghĩa, coi lẽ phải là trên hết chưa chắc đã tận Nhân; ham làm điều Nhân ghét chuyện bất nhân, sau đó có thể theo đuổi cả Nhân và Nghĩa.



[130] Có thể nói số mệnh không có gì là không đúng, điều đáng nói là con người ta chấp nhận hoặc không chấp nhận nghe theo. Dám mạo hiểm để tìm sự may mắn, là người không chấp nhận nghe theo vậy.

<sup>[131]</sup>Tức Thái y cục thừa, chức quan cử phẩm (thấp nhất) ở Thái y viện.

<sup>[132]</sup>(Ý) chí có thể kiểm soát khí (khí hạo nhiên, khí của đất trời). Nếu khí thẳng chí thì sẽ mê muội u tối.

[133]Diễn cố về cách đánh lạc hướng của Hàn Tín “vờ sửa chữa tuyến đường lát ván cheo leo sườn núi nhưng ngầm đưa quân đến địa điểm Trần Thương” (thời Hán - Sở tranh hùng) để đánh thẳng đối phương (theo *Sử ký Tư Mã Thiên*).

[134] Thi xếp hạng Hộ chính; một hình thức khảo sát trình độ văn hóa đã có từ thời Hán...

[135] Người mềm mỏng ôn hòa làm điều thiện, ấy là người hiền, cuộc sống thuận lợi, luôn khiêm nhường; người có vẻ ôn hòa nhưng làm điều ác, ấy là kẻ nhu nhược, không quyết đoán, gian tà. Chữ Tốn = quẻ Tốn (trong 8 quẻ cơ bản Kinh Dịch) là quẻ tốt; ở đây cũng đồng âm với chữ Tốn = khiêm tốn, khiêm nhường.